

Ngày soạn:
Tuần 1

Ngày dạy:

Tiết 1- Văn bản : **PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức: Học sinh : - Hiểu được một số biểu hiện của phong cách HCM trong đời sống và trong sinh hoạt.

- Hiểu ý nghĩa của phong cách HCM trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Nắm được đặc điểm của kiểu bài nghị luận xã hội qua một đoạn văn cụ thể.

2. Kỹ năng: HS : - Nắm bắt nội dung văn bản nhật dụng thuộc chủ đề hội nhập với thế giới và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc.

- Vận dụng các biện pháp nghệ thuật trong việc viết văn bản về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa, lối sống.

3. Thái độ: Bồi dưỡng cho các em lòng tự hào, kính yêu Bác, biết học tập theo gương Bác.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Tự tin trong giao tiếp, sống và học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, yêu quê hương đất nước.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, máy chiếu

- Dự kiến phương án tích hợp – Liên hệ :

+ Văn - Văn: Văn bản " Đức tính giản dị của Bác Hồ "

+ Văn - Tập làm văn: văn nghị luận

2. Trò:- Soạn bài

- Đọc lại văn bản " Đức tính giản dị của Bác Hồ ", sưu tầm những tài liệu viết về Bác.

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, so sánh đối chiếu, phân tích bình giảng, dùng lời có nghệ thuật, hoạt động nhóm...

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, động não, kỹ thuật đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. Hoạt động khởi động :

* Ổn định lớp

* Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh (Bài soạn)

* Vào bài mới

GV giới thiệu (...) Chiếu đoạn clip về hình ảnh HCM

Những mẫu chuyện trong cuộc đời của Hồ Chủ Tịch là tấm gương mà mỗi chúng ta phải học tập. Về đẹp văn hoá chính là nét nổi bật trong phong cách của Người.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc , tìm hiểu chung	I. Đọc - tìm hiểu chung

* PP : gọi mở – vấn đáp, trực quan, dùng lời có nghệ thuật * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não GV : Giới thiệu vài nét về tác giả. ? Văn bản được trích trong tác phẩm nào ? ? Theo em vb này cần được đọc với giọng đọc ntn ? - GV hướng dẫn đọc và đọc mẫu - Gọi 2 HS đọc - Yêu cầu HS khác theo dõi và nhận xét - GV yêu cầu HS giải thích nghĩa của từ : phong cách , truyên chuyên, uyên thâm. ? Bài viết trên thuộc kiểu loại văn bản nào ? ? Chủ đề chính của vb? ? Để giúp người đọc hiểu rõ nội dung đó tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chính nào.? ? Văn bản được chia làm mấy phần. Nêu rõ giới hạn và nội dung từng phần? Hoạt động 2 : Phân tích * Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, so sánh đối chiếu, phân tích bình giảng, dùng lời có nghệ thuật, hoạt động nhóm... * Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, động não, kỹ thuật đặt câu hỏi. -Yêu cầu HS chú ý phần 1 ? Em biết danh hiệu cao quý nào của Hồ Chí Minh về văn hoá ? ? Quá trình tiếp thu văn hóa của Hồ Chí Minh gắn với một cuộc đời như thế nào ? ? Trong cuộc đời ấy, vốn tri thức văn hoá của Bác được thể hiện ra sao ?	1. Tác giả : Lê Anh Trà 2. Tác phẩm a, Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ - Vb được trích trong HCM và văn hóa Việt Nam (1990) b, Đọc, tìm hiểu chú thích - Giọng đọc: Nhẹ nhàng, tình cảm, thể hiện rõ niềm tự hào về Bác... - Chú thích (sgk) c. Kiểu loại văn bản nhật dụng - Chủ đề: Hội nhập với thế giới và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc. d, PTBD : Nghị luận + tự sự, biểu cảm. e. Bố cục + Phần 1 (Đoạn 1): Quá trình tiếp thu văn hóa nhân loại của Hồ Chí Minh. + Phần 2 (Đoạn 2,3,4): Lối sống của chủ tịch Hồ Chí Minh. II. Phân tích 1.Về đẹp trong phong cách văn hoá của Bác. *Hồ Chí Minh: Danh nhân văn hoá thế giới (UNEECO-1990) * Con đường hình thành phong cách văn hoá của Bác - Quá trình ấy gắn với cuộc đời đi tìm đường cứu nước đầy " truyên chuyên "

? Tìm những câu văn nêu bật quá trình tiếp thu văn hóa của Hồ Chí Minh ? ? Tác giả đã sử dụng bút pháp nào qua các chi tiết trên ? ? Qua đó em hiểu gì về Hồ Chí Minh ? - GV: giảng và cung cấp tư liệu về cuộc đời HCM trong quá trình người tìm đường cứu nước. - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi ? Cách tiếp thu văn hóa của Hồ Chí Minh có gì đặc biệt? Và đây là cách tiếp thu ntn? - GV gọi HS trình bày, NX - GV; giảng ? Cách lập luận của tg ở đoạn văn trên? - GV sử dụng kỹ thuật động não ? Qua đv trên, em hiểu gì về vẻ đẹp trong phong cách văn hóa của HCM? ? Điều này có ý nghĩa như thế nào với quá trình hội nhập của chúng ta? - GV khái quát	-Người tiếp xúc với văn hoá của nhiều nước, nhiều vùng (phương Đông, phương Tây) - " Trên những ... châu Mĩ " - " Người đã từng sống... Anh " - " Người nói ... nghề " - " Có thể nói ... Hồ Chí Minh " - " Đến đâu ... uyên thâm " + NT: kể xen lẫn bình luận, so sánh -> Bác là người đi nhiều, biết nhiều, có nhu cầu cao về văn hoá, am hiểu văn hóa thế giới uyên thâm . Người có vốn văn hóa sâu rộng. * Cách tiếp thu văn hóa của Bác: - Tiếp thu mọi cái đẹp, cái hay đồng thời phê phán những tiêu cực ->Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nước ngoài. - Những ảnh hưởng quốc tế...nhào nặn với gốc vñ dân tộc không gì lay chuyển được ->Bác tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại trên cơ sở giữ vững giá trị vñ dân tộc. +Lập luận chặt chẽ; kết hợp giữa bình luận, kể. => Một nhân cách rất Việt Nam, rất Phương Đông nhưng đồng thời rất mới, rất hiện đại. - Chúng ta có định hướng đúng đắn, biết giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc văn hóa nhân loại.

3.Hoạt động luyện tập:

? Vốn tri thức văn hóa của Hồ Chí Minh sâu rộng nh thế nào?

?Cách lập luận của tg có gì đặc biệt?

4. Hoạt động vận dụng:

- Em học tập được ở Bác cách tiếp thu tri thức,văn hóa của nhân loại như thế nào?

5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Suu tầm 1 số tài liệu về quá trình tự học , tiếp nhận tri thức của Bác.
- Học bài cũ
- Soạn tiếp phần 2 (Câu hỏi 2,3,4 - SGK)
- Suu tầm những bài thơ , câu chuyện kể về lối sống của Bác

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 1

Tiết 2- Văn bản : **PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH (Tiếp)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Học sinh : - Hiểu được một số biểu hiện của phong cách HCM trong đời sống và trong sinh hoạt.

- Hiểu ý nghĩa của phong cách HCM trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.
- Nắm được đặc điểm của kiểu bài nghị luận xã hội qua một đoạn văn cụ thể.

2. Kỹ năng: HS : - Nắm bắt nội dung văn bản nhật dụng thuộc chủ đề hội nhập với thế giới và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc.

- Vận dụng các biện pháp nghệ thuật trong việc viết văn bản về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa, lối sống.

3. Thái độ: Bồi dưỡng cho các em lòng tự hào, kính yêu Bác, biết học tập theo gương Bác.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Tự tin trong giao tiếp, sống và học tập theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh, yêu quê hương đất nước.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập, máy chiếu.

- Dự kiến phương án tích hợp - liên hệ :

+ Văn - Văn: Văn bản " Đức tính giản dị của Bác Hồ "

+ Văn - Tập làm văn: Văn nghị luận

2. Trò:

- Soạn bài (Câu hỏi 2,3,4)

- Đọc lại văn bản " Đức tính giản dị của Bác Hồ "

- Chuẩn bị phần luyện tập – SGK

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, so sánh đối chiếu, phân tích bình giảng, dùng lời có nghệ thuật, hoạt động nhóm...

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, kỹ thuật đặt câu hỏi, kỹ thuật hỏi và trả lời.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. Hoạt động khởi động

* Ôn định lớp:

*Kiểm tra bài cũ

- Phân tích nét đẹp trong phong cách tiếp thu văn hóa của Hồ Chí Minh?

* Vào bài mới : GV cung cấp clip thể hiện phong cách sinh hoạt của Bác.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 2 : Phân tích (tiếp) * Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, so sánh đối chiếu, phân tích bình giảng, dùng lời có nghệ thuật, hoạt động nhóm... * Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, kĩ thuật đặt câu hỏi. - GV yêu cầu HS chú ý phần 2 ? Tác giả đã giới thiệu về nơi ở và nơi làm việc của Bác qua các chi tiết nào ? ? Em hiểu gì về nơi ở và nơi làm việc của Bác ? - GV giảng+ cung cấp thơ ?Trang phục của Bác được giới thiệu ra sao ? ? Đây là những trang phục ntn ? ? Em hãy tìm những chi tiết nói về bữa ăn của Bác,và nx về những món ăn đó ? GV giảng ? Những chi tiết nào nói về tư trang của Bác ? ? Phương thức lập luận nào được tg sử dụng ở những chi tiết trên ? ? Với cách lập luận chặt chẽ em hiểu gì về lối sống của Bác ? ?Em hãy hình dung về cuộc sống của các vị nguyên thủ quốc gia ở các nước trên thế giới ? (Giáo viên lấy VD: Tổng thống Mỹ Bin Clinton– sang trọng– bảo vệ – uy nghiêm.) - Gv giảng, liên hệ với văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ” ? Về phía tác giả, tác giả đã có những nhận xét, đánh giá nào về lối sống của Bác?	I. Đọc -Tìm hiểu chung II. Phân tích (Tiếp) 2. Vẻ đẹp trong phong cách sinh hoạt của chủ tịch Hồ Chí Minh - Nơi ở, làm việc: chiếc nhà sàn gỗ cạnh chiếc ao ,chỉ vèn vèn vài phòng ->Nơi ở, làm việc đơn sơ. - Trang phục : quần áo bà ba nâu, áo trấn thủ, đôi dép lốp ->Trang phục giản dị, khi là người nông dân, khi là người chiến sĩ. - Ăn uống : cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa...->dân dã, không cầu kỳ. -Tư trang: ít ỏi, một chiếc va ly con,vài bộ quần áo. +Dẫn chứng tiêu biểu.Bình luận xen chứng minh. -> Lối sống giản dị, thanh đạm, trong sáng.

? Em hiểu nh thế nào về nội dung lời nhận xét, bình luận ấy ? ? Em đã được học, đọc bài thơ bài văn nào nói về cuộc sống giản dị của Bác ? – Tức cảnh Pác Bó. - Đức tính giản dị (Phạm Văn Đồng). -Thăm cội Bác xưa (Tổ Hữu). - GV:giảng, chốt - GV yêu cầu HS chú ý Đ3, Đ4 ? Lối sống của Bác còn được thể hiện qua những chi tiết nào? - GV cho HS thảo luận theo 4 nhóm : (1) Khi viết về lối sống của Bác, tác giả đã dùng bpnt nào? (2) Qua đó em hiểu ntn về lối sống của Bác ? (3) Cách sống đó có ý nghĩa nh thế nào ? - GV gọi đại diện HS trình bày, HS nhận xét -> GV chốt kiến thức - GV: yêu cầu hs cảm nhận cái đẹp của lối sống giản dị qua hai câu thơ / sgk. ? Cảm nhận chung của em về Bác qua văn bản ? ? Tình cảm của tg đối với Bác được thể hiện ra sao ? ? Qua văn bản này, em học tập được điều gì ở Bác ? Học sinh trao đổi. - Mở rộng giao lưu,học hỏi những tinh hoa của nhân loại, có ý thức tự học... – Tiếp thu có chọn lọc,...lối sống giản	" Lân đầu tiên... có một vị chủ tịch n-óc" " quả nh một câu chuyện thần thoại...cổ tích " -> Sự đặc biệt, hiếm có được một lối sống như của Bác. - Tôi dám chắc ...như vậy - Bất giác ...thuần đức - Nếp sống ...không phải tự thân thánh hóa + Hình thức so sánh: Bác với các vị tổng thống, lãnh tụ, vua hiền, bậc hiền triết +Đôi lập:vĩ nhân mà hết sức giản dị. + Đan xen thơ Nguyễn Bình Khiêm, cách dùng từ Hán Việt -> Gọi cho người đọc thấy sự gần gũi giữa Hồ Chí Minh với các bậc hiền triết của dân tộc. => Lối sống: giản dị và thanh cao – một biểu hiện trong phong cách văn hóa của HCM. - Cách sống có văn hóa trở thành quan điểm thẩm mỹ -> Lối sống đó là một cách di dưỡng tinh thần, có khả năng mang lại hạnh phúc cho tâm hồn và thể xác. ⇔Bác có vẻ đẹp riêng trong phong cách văn hóa và trong lối sống : -Truyền thống - hiện đại - Dân tộc - nhân loại

dị. GV:khái quát, liên hệ, giáo dục đạo đức - ăn mặc, vật chất, nói năng, ứng xử Hoạt động 3: Tổng kết *Kỹ thuật hỏi và trả lời - HS đặt câu hỏi và yêu cầu các bạn trả lời về NT và ND văn bản.	- Thanh cao - giản dị *Tự hào, kính yêu, ngưỡng mộ III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Đan xen kể, biểu cảm, bình luận - lấy dẫn chứng tiêu biểu - Trích thơ, sử dụng từ Hán Việt - Nghệ thuật đối lập 2. Nội dung - Vẽ trong phong cách của Bác :Truyền thông và hiện đại, dân tộc và nhân loại Thanh cao và giản dị * Ghi nhớ (SGK/ 8

3.Hoạt động luyện tập:

? Vì sao Người lại có đức vốn tri thức sâu rộng nh thế?

?Tác giả so sánh lối sống của Bác với Nguyễn Trãi (thế kỷ 15)?Theo em giống và khác nhau giữa hai lối sống của Bác và Nguyễn Trãi ? (Giáo viên đưa dẫn chứng qua bài Côn Sơn ca) – so sánh với các bậc hiền triết như Nguyễn Trãi.

Học sinh thảo luận.

+ Giống: giản dị, thanh cao.

+ Khác: Bác gần bó, chia sẻ khó khăn, gian khổ cùng dân. Các vị hiền triết khác sống ẩn dật, lánh đời

? GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm : Vẽ sơ đồ t duy khái quát về văn bản : Tác giả, tác phẩm, nội dung chính, nghệ thuật tiêu biểu

4. Hoạt động vận dụng:

? Kể lại một câu chuyện về lối sống giản dị của Bác?

5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Sưu tầm những chuyện kể về đức tính giản dị của Bác

- Chuẩn bị: Các phương châm hội thoại

+ Đọc vd-sgk

+Trả lời các câu hỏi trong bài

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 1- Bài 1

Tiết 3: TV - **CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Học sinh nắm được nội dung phương châm về lượng và phương châm về chất.

2. Kỹ năng: HS nhận biết và phân tích được cách sử dụng phương châm về lượng và phương châm về chất trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

- HS vận dụng các phương châm này trong giao tiếp.

3. Thái độ: Có thái độ phê phán thói khoác lác của người đời.

4. Phẩm chất – năng lực

- Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề

- Phẩm chất: HS tự tin, tự chủ

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu thảo luận, bảng phụ

- Dự kiến phương án tích hợp – liên hệ

+ TV - Văn: Truyện cười dân gian

2. Trò:- Trả lời các câu hỏi SGK

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định lớp:

* Kiểm tra bài cũ

* Vào bài mới

Trong chương trình ngữ văn lớp 8, các em đã được tìm hiểu về vai XH trong hội thoại, lượt lời trong hội thoại. Để hoạt động hội thoại có hiệu quả, chúng ta cần nắm được tư tưởng chủ đạo của hoạt động này, đó chính là phương châm hội thoại.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Phương châm về lượng * Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm. -GV cho HS đọc ? Từ ‘boi’ trong câu hỏi của An có	I. Phương châm về lượng 1. Tìm hiểu ví dụ a. Ví dụ 1 (SGK/8) -Boi :di chuyển trong nước hoặc trên

nghĩa là gì ? ? Câu trả lời của Ba có đáp ứng yêu cầu của An không ,vì sao ? ? Vậy Ba cần trả lời như thế nào để đáp ứng điều An muốn biết? ? Từ đó em rút ra bài học gì về giao tiếp ? - Yêu cầu HS đọc truyện và trả lời câu hỏi: - GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm ? Vì sao truyện " Lợn cưới, áo mới " lại gây cười? ? Theo em hai anh có " lợn cưới " và " áo mới " cần phải hỏi và trả lời như thế nào để người nghe đủ biết được điều cần hỏi và điều cần trả lời? ? Như vậy, chúng ta cần phải tuân thủ yêu cầu gì khi giao tiếp ? - Gv gọi HS trình bày , NX và chốt ? Cả 2 trường hợp trên là những trường hợp vi phạm phương châm về lượng. Vậy trong giao tiếp, nói như thế nào để đảm bảo phương châm về lượng? - GV cho HS đọc ghi nhớ -> GV khái quát - GV sử dụng kĩ thuật động não và yêu cầu hs làm bài tập bổ trợ :cho biết vì sao truyện lại gây cười? *Phụ nữ và bác sĩ Bác sĩ dặn bệnh nhân: - Bà bị thiếu vitamin và chất xơ nghiêm	mặt nước bằng cử động của cơ thể. - Câu trả lời không đáp ứng yêu cầu. Bởi điều An muốn biết là một địa điểm bơi cụ thể (còn nước là một môi trường tất yếu của hoạt động bơi) - Có thể trả lời :Mình bơi ở hồ, ao, sông, bể bơi nào đó (tên, địa điểm cụ thể) -> Khi giao tiếp, câu nói phải có nội dung đúng với yêu cầu của giao tiếp, không nên nói ít hơn những gì mà giao tiếp đòi hỏi. b. Ví dụ 2 (SGK/9) - Truyện gây cười vì cả 2 nhân vật đều nói nhiều và thừa những gì cần nói Anh có lợn hỏi thừa từ " cưới ' Anh có áo mới trả lời: thừa từ " mới " - Anh có lợn cưới chỉ cần hỏi: " Bác có thấy con lợn nào chạy qua đây không-" Anh có áo mới chỉ cần trả lời: " Nãy giờ tôi chẳng thấy có con lợn nào chạy qua đây cả " -> Khi giao tiếp, không nên nói nhiều hơn những gì cần nói 2. Ghi nhớ 1 (SGK/9)

trọng, cần ăn thật nhiều quả màu xanh và phải ăn cả vỏ không được gọt bỏ.

- Tôi xin ghi nhận lời khuyên của ông.

Đến hẹn khám lại, bác sĩ hỏi:

- Cách ăn hoa quả như vậy có ảnh hưởng gì không ?

- Thừa không! Đào, lê, táo, nho... đều ổn cả, chỉ có...quả dưa thì ăn hơi lâu.

→ Vi phạm phương châm về lượng

Hoạt động 2: Phương châm về chất

*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành

* Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm.

- GV yêu cầu HS đọc truyện cười

?Truyện cười này phê phán điều gì?

? Như vậy trong giao tiếp cần tránh điều gì ?

- GV đưa ra tình huống

? Nếu không biết chắc là bạn A lấy sách của bạn B ,thì em có thể trả lời cô bạn A lấy không? vì sao?

? Từ tình huống này em rút ra lưu ý gì khi giao tiếp ?

? Qua các vd trên, phải nói như thế nào là đảm bảo phương châm về chất?

- GV yêu cầu HS đọc ghi nhớ

GV cung cấp thêm VD để học si về cnh phân tích pơ về chất.

Có một cậu bé rất lười. Một hôm cậu ta đến lớp muộn. Cô giáo hỏi:

- Vì sao hôm nay em đến lớp muộn như vậy ?

Cậu bé trả lời:

- Em đến lớp muộn vì trên đường em bị một tên cướp tấn công ạ ?

Cô giáo ngạc nhiên hỏi:

- Một tên cướp tấn công em à ? Nó đã cướp cái gì của em ?

II. Phương châm về chất

1. Xét ví dụ (SGK/9)

- Truyện cười này phê phán tính nói khoác (quả bí to bằng cái nhà, cái nồi to bằng cái đình)

-> Trong giao tiếp, không nên nói những điều mà mình không tin là đúng sự thật

- Không ,vì không có bằng chứng.

-> Khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không có bằng chứng xác thực

2. Ghi nhớ 2 (SGK/10)

- Thừa cô, nó đã cướp bài tập ở nhà của em ạ.

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm. - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, trình bày, NX ? Vận dụng phương châm về lượng để phân tích lỗi trong câu sau? ? Chọn từ ngữ thích hợp để điền vào chỗ trống? ? Đọc truyện cười và cho biết phương châm hội thoại nào đã không được tuân thủ? ? Vì sao người nói đôi khi phải diễn đạt như vậy ? ? Giải thích các thành ngữ và cho biết nó liên quan đến phương châm hội thoại nào? GV: yêu cầu HS làm việc theo 4 nhóm, trình bày -> NX	III. Luyện tập Bài tập 1 (SGK/10) a. Thừa cụm từ " nuôi ở nhà " vì từ "gia súc "đã hàm chứa nghĩa là thú nuôi trong nhà. b. Thừa " có 2 cánh " vì tất cả các loài chim đều có 2 cánh. Bài tập 2 (SGK/10) a, ... nói có sách, mách có chứng b, ... nói dối c, ... nói mò d, ... nói nhăng nói cuội e, ... nói trạng Bài tập 3 (SGK/11) Câu nói của anh chàng " Rồi có nuôi được không- " đã vi phạm phương châm về lượng (hỏi một điều rất thừa Bài tập 4 (SGK/11) a. Như tôi được biết, tôi tin rằng... -> Để tuân thủ theo phương châm về chất, người nói thông báo cho người nghe thông tin nhưng chưa được kiểm chứng chính xác. b. Như tôi đã trình bày... -> Để chuyển ý, dẫn ý và để đảm bảo phương châm về lượng dùng cách nói trên để báo cho người nghe biết đó là chủ ý của mình. Bài tập 5 (SGK/11) - Ăn đơm nói đặt: vu khống, đặt điều, bịa chuyện cho người khác - Ăn óc nói mò: nói không có căn cứ -> Các thành ngữ vi phạm phương châm về chất

4. Hoạt động vận dụng

- Khái quát nội dung bài học bằng sơ đồ tư duy
- Tập viết các đoạn hội thoại vi phạm 2 phương châm trên.
- Lấy một Ví dụ vi phạm phương châm về chất ? (trong thực tế)

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- Học bài, thuộc ghi nhớ
- Hoàn chỉnh các bài tập
- Suy tầm 1 số đoạn thoại trong thực tế có vi phạm về lượng và chất
- Chuẩn bị: Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh
- + Ôn lại kiến thức về văn thuyết minh
- + Đọc vb-sgk
- + Trả lời các câu hỏi trong bài

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 1

Tiết 4: TLV - SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH.

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Học sinh nêu được khái niệm, đặc điểm của văn bản thuyết minh và các phương pháp thuyết minh thường dùng.
- HS hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh làm cho văn bản thuyết minh sinh động, hấp dẫn.

2. Kỹ năng: HS nhận ra các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các văn bản thuyết minh.

- HS vận dụng các biện pháp nghệ thuật khi viết văn thuyết minh.

3. Thái độ: Có ý thức trân trọng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên quý giá của đất nước.

4. Phẩm chất – năng lực.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.
- Phẩm chất: HS tự tin, tự chủ, yêu quê hương.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan
- Dự kiến phương án tích hợp - liên hệ
- + TLV - TLV: Phương pháp thuyết minh (Lớp 8)
- + TLV - TV: Các biện pháp tu từ

2. Trò:

- Xem lại phần văn thuyết minh (lớp 8)
- Đọc và trả lời câu hỏi SGK

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Đặt và giải quyết vấn đề, so sánh đối chiếu, thực hành luyện tập, hợp đồng...

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. Hoạt động khởi động

* **Kiểm tra sĩ số**

* **Kiểm tra bài cũ:** (Lồng trong nội dung bài học)

* **Vào bài mới:** GV giới thiệu bài bằng một clip về **Hạ Long**

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Tìm hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản *Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Đặt và giải quyết vấn đề, so sánh đối chiếu, thực hành luyện tập, hoạt động nhóm, hợp đồng. *Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. - GV yêu cầu HS thành lí hợp đồng ? Văn bản thuyết minh là gì? ? Đặc điểm chủ yếu của văn bản thuyết minh? ? Kể tên các phương pháp thuyết minh chủ yếu? - Gv yêu cầu HS nhận xét và bổ sung - GV yêu cầu HS đọc văn bản ? Bài văn thuyết minh về đối tượng nào? ? Bài viết thuyết minh về đặc điểm nào của Hạ Long ? ? Hãy tìm câu văn nêu khái quát về sự kỳ lạ của Hạ Long? ? Nx về vấn đề được thuyết minh qua câu văn trên? ? Theo em văn bản đã sử dụng những	I. Tìm hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh. 1. Ôn tập văn thuyết minh - Khái niệm: là kiểu vb thông dụng trong đời sống nhằm cung cấp tri thức về đặc điểm , tính chất, nguyên nhân ...của các sự vật hiện tượng trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích. - Đặc điểm : Cung cấp tri thức tri thức khách quan có tính phổ thông. - Phương pháp thuyết minh: Phương pháp định nghĩa, liệt kê, nêu ví dụ, dùng số liệu, so sánh, phân loại, phân tích. 2. Viết văn bản thuyết minh có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật a. Đọc văn bản: Hạ Long - Đá và Nước b. Nhận xét: - Bài văn thuyết minh về vịnh Hạ Long - Đặc điểm: Sự kì lạ của Hạ Long là nước và đá -“Chính nước...tâm hồn” ->Vấn đề trừu tượng, không dễ dàng thuyết minh bằng đo đếm, liệt kê. - Phương pháp thuyết minh: Nêu định

phương pháp thuyết minh nào ?. ? Nếu chỉ có những phương pháp đó bài văn có nêu bật được sự kì lạ của Hạ Long không? - GV:yêu cầu hs chú ý vào đoạn 2 ? Theo tg, nước Hạ Long có gì kỳ lạ? ? Sự di chuyển của nước sẽ tạo nên hoạt động của con thuyền ra sao? ?Với từ “có thể”, ta thấy có phải tg trực tiếp nhìn thấy các hoạt động đó hay không? ? Như vậy khi viết vb thuyết minh,ta có thể sử dụng bpnt gì? ? BPNT tưởng tượng giúp hình ảnh nước Hạ Long hiện lên ntn? ? Vẻ đẹp nào khác của Hạ Long được tg thuyết minh? - GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm ? Sự kỳ lạ của đá Hạ Long được hiện lên qua các chi tiết nào? ? ở phần này tg đã sử dụng bpnt nào để thuyết minh? ? BPNT đó giúp em thấy đá Hạ Long hiện lên ntn? - HS trình bày -> bổ sung ? Nx về đoạn văn mà tg thuyết minh về đá và nước? ? Làm thế nào để vb thuyết minh sinh động, hấp dẫn? ? Em có nx gì về cách sử dụng các bpnt trong vb? ? Tác dụng của việc sử dụng một số bpnt trong vb trên? ? Qua phân tích VD trên, em thấy văn bản thuyết minh thường sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào. Tác dụng ? - Gv :yêu cầu hs khái quát lại toàn bộ	nghĩa, giải thích, liệt kê -> Chưa thể nêu bật được sự kì lạ của Hạ Long. *Nước Hạ Long. -Nước: tạo sự di chuyển,di chuyển theo mọi cách. -Con thuyền có thể hoạt động một cách tùy ý,du khách có thể thưởng ngoạn. -Tác giả tưởng tượng ra khả năng hoạt động của con thuyền +Bpnt tưởng tượng -> Sự kì lạ của nước Hạ Long *Đá Hạ Long -Già đi, trẻ lại...vui hơn -Hương ánh sáng...không còn có tuổi -Những con người bằng đá toả ra -Dưới ánh sao ...cuộc tụ họp +Biện pháp nhân hoá, miêu tả,liên tưởng. -> Đá có tâm hồn và tri giác ->Đoạn văn sống động, hấp dẫn =>ghi nhớ –ý1(sgk) ->Các bpnt được sử dụng thích hợp ->Góp phần làm rõ sự kỳ lạ của nướcvà đá,gây hứng thú cho người đọc. =>ghi nhớ –ý2(sgk) 3. Ghi nhớ (SGK/13)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Đặt và giải quyết vấn đề, so sánh đối chiếu, thực hành luyện tập, hoạt động nhóm. *Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. ? Theo em văn bản " Ngọc Hoàng xử tội Ruồi xanh " có phải là văn bản thuyết minh không. Ngoài yếu tố thuyết minh còn có yếu tố nào ? - Gv yêu cầu HS thảo luận theo 5 nhóm. ? Vay tính chất thuyết minh được thể hiện như thế nào. ? ? Trong văn bản những phương pháp thuyết minh nào được sử dụng. Các phương pháp đó được thể hiện như thế nào ? ? Tác giả dùng những biện pháp nghệ thuật gì ? - HS trình bày -> NX ? Các biện pháp nghệ thuật này có tác dụng gì ? ? Nhận xét về các biện pháp nghệ thuật ?.	II. Luyện tập Bài tập 1 (SGK/14) a, Đây là văn bản thuyết minh có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật - Tính chất thuyết minh được thể hiện: Giới thiệu loài ruồi rất có hệ thống (những t/c chung về họ, giống, loài, về các tập tính sinh sống, sinh đẻ, đặc điểm cơ thể, cung cấp kiến thức chung các tin cậy về loài ruồi, thức tỉnh ý thức giữ gìn vệ sinh, phòng bệnh, ý thức diệt ruồi. b, Phương pháp thuyết minh: - Định nghĩa: Thuộc họ côn trùng 2 cánh - Phân loại: Các loài ruồi - số liệu: Số vi khuẩn, số lượng sinh sản - Liệt kê: Mắt lưới, chân tiết ra chất dính c, Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng + Nhân hóa + Có tình tiết d, Gây hứng thú cho bạn đọc nhỏ tuổi, vừa là truyện vui, vừa học thêm tri thức Bài tập 2 (SGK/14) Đoạn văn nói về tập tính của chim cu dưới sự ngộ nhận thời thơ ấu, sau lớn

	lên đi học mới có dịp nhận thức lại sự nhầm lẫn cũ. - Biện pháp nghệ thuật ở đây là lấy sự ngộ nhận làm đầu mỗi câu chuyện để trình bày đặc điểm của đối tượng.

4. Hoạt động vận dụng

- + Nhóm 1+3: Thuyết minh về cái quạt
- + Nhóm 2+4: Thuyết minh về chiếc nón

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- Học bài, thuộc ghi nhớ. Hoàn chỉnh các bài tập
- Tìm hiểu thêm các văn bản thuyết minh có sử dụng biện pháp nghệ thuật.
- Chuẩn bị: Luyện tập sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.
- + Nhóm 1+3: Thuyết minh về cái quạt
- + Nhóm 2+4: Thuyết minh về chiếc nón
- + Yêu cầu chung : Nắm được dàn ý của bài văn thuyết minh về một thứ đồ dùng. Có sử dụng BPNT khi thuyết minh.

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 1- Bài 1

Tiết 5: TLV- **LUYỆN TẬP SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Học sinh hiểu được cách làm bài thuyết minh về một thứ đồ dùng.
 - Hiểu được tác dụng của BPNT trong văn bản thuyết minh.
- 2. Kỹ năng:** HS biết xác định yêu cầu của đề bài thuyết minh về một đồ dùng cụ thể.
 - HS biết cách lập dàn ý chi tiết và viết phần mở bài cho bài văn thuyết minh.
- 3. Thái độ:** Có ý thức hơn trong việc sử dụng và bảo quản đồ dùng.
- 4. Phẩm chất - năng lực:**
 - Tự tin trong giao tiếp
 - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan,
- Dự kiến phương án tích hợp- liên hệ
- + TLV - TV : Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh
- + TLV - Đ/S: Kiến thức thực tế

2. Trò:- Học bài cũ, chuẩn bị yêu cầu luyện tập, lập dàn ý

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

- 1. Phương pháp :** Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP luyện tập thực hành.
- 2. Kỹ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. Hoạt động khởi động :

* **Kiểm tra sĩ số.**

* **Kiểm tra bài cũ:** (không)

* **Vào bài mới :** GV cung cấp đoạn văn thuyết minh có sử dụng BPTN và yêu cầu HS xác định BPNT, tác dụng.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
* Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, PP luyện tập thực hành. * Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi - GV kiểm tra sự chuẩn bị của HS ? Đối tượng được thuyết minh ? ? Nội dung thuyết minh ? ? Hình thức thuyết minh ? - GV chia lớp thành 4 nhóm để thảo luận -> trình bày -> NX + Nhóm 1,3: Cái quạt + Nhóm 2,4: Chiếc nón (GV có thể gợi ý theo câu hỏi: - Cần mở bài như thế nào? - Các ý chính nào được triển khai trong phần thân bài? - Kết bài em phải làm gì?)	I, Chuẩn bị - Đối tượng thuyết minh: cái quạt, chiếc nón - Nội dung thuyết minh : lịch sử của đồ dùng, chủng loại, cấu tạo, công dụng, cách sử dụng và bảo quản. - Hình thức thuyết minh : vận dụng các bptn như kể chuyện, nhân hoá, hỏi đáp.. II. Luyện tập 1. Trình bày dàn ý * Nhóm 1 ,3: Thuyết minh về cái quạt a. <u>Mở bài:</u> Nêu định nghĩa về cái quạt b. <u>Thân bài:</u> - Các loại quạt: quạt giấy, quạt nan, quạt hòm, quạt kéo, quạt điện - Cấu tạo và công dụng (theo từng loại) - Bảo quản: Cửa bèn tại người + Quạt điện: Lau bụi, tra dầu, rút điện (an toàn và tiết kiệm) + Quạt giấy: Dồn dể quạt lại, tránh nước, tránh lửa + Quạt nan: Phơi kĩ, tránh nước... c. <u>Kết bài:</u> Khẳng định vai trò của chiếc nón * Nhóm 2,4: Thuyết minh về chiếc nón a. <u>Mở bài:</u> Định nghĩa về chiếc nón (Từ điển) b. <u>Thân bài:</u>

- GV: Yêu cầu HS viết phần mở bài. Sau đó yêu cầu HS trình bày. Các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV đưa ra một số kiểu mở bài để HS tham khảo	- Các loại nón: Nón bài thơ, nón dẫu, nón chóp, nón quai thao. - Cấu tạo: Thường làm bằng lá, có hình một vòng tròn nhỏ dần lên đỉnh (trừ nón quai thao). - Công dụng: Chính là che mưa, che nắng, ngoài ra còn làm quạt mát, làm vật kỉ niệm. - Bảo quản: Quang dầu, cất nơi khô ráo c. <u>Kết bài</u>: Chiếc nón lá một biểu tượng của văn hóa Việt Nam 2. Viết phần mở bài * Mở bài 1: Thưa các quý khách giả xem vô tuyến. Tôi là phóng viên Chuột đồng. Tôi đang có mặt tại nhà kho của anh Hai Lúa. Điều ấn tượng nhất với tôi là nhà kho có rất nhiều quạt, thứ đồ dùng để làm cho không khí chuyển động tạo thành gió. * Mở bài 2: Chào các bạn! Mình rất vui được có mặt cùng các bạn trong chuyến đi dài đến châu Âu để giới thiệu về văn hóa Việt Nam. Mình xin tự giới thiệu mình là nón bài thơ, nhóm trưởng của nhóm nón, đồ dùng để đội đầu, che mưa, che nắng.

4. Hoạt động vận dụng

? Tiết luyện tập giúp em nắm được điều gì ?

- Rèn kĩ năng xây dựng đề, lập dàn ý, biết cách sử dụng nghệ thuật vào bài văn thuyết minh, biết xây dựng phần mở bài hoàn chỉnh, mạnh dạn trình bày trước lớp

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- Hoàn chỉnh dàn ý 2 đề trên lớp . Lập dàn ý cho 2 đề còn lại.

- Sưu tầm các bài tập về văn thuyết minh có sử dụng BPNT.

- Chuẩn bị: " Đấu tranh cho một thế giới hòa bình " bằng cách soạn bài, trả lời các câu hỏi phần " Đọc - hiểu văn bản, tìm các tư liệu liên quan.

=====

Ngày soạn:

Tuần 2- Bài 2

Ngày dạy:

Tiết 6 - VB : ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH

Mác - két

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức : HS cần

- Hiểu biết về tình hình thế giới những năm 1980 liên quan đến văn bản.
- Hiểu hệ thống luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản.
- Hiểu được việc chạy đua vũ trang, vũ khí hạt nhân là vô cùng tốn kém và phi lí. Cần phải đấu tranh chống vũ khí hạt nhân, bảo vệ hoà bình.

2. Kỹ năng : HS có kỹ năng đọc – hiểu văn bản nhật dụng bàn luận về một vấn đề liên quan đến nhiệm vụ đấu tranh vì hòa bình của nhân loại.

3. Thái độ : HS có ý thức bảo vệ hoà bình, quan tâm tới tình hình thế giới.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Phẩm chất : Sống có trách nhiệm.
- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: giáo án, tài liệu tham khảo, máy chiếu

- Tích hợp- liên hệ : + Văn với tập làm văn nghị luận
- + Văn với đời sống: Tình hình thời sự thế giới.

2. Trò: Soạn bài, theo dõi tình hình thời sự thế giới, sưu tầm tranh, ảnh về bom hạt nhân.

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, Hoạt động nhóm.

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, thuyết trình tích cực.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. Hoạt động khởi động

*** ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ:** - Phân tích vẻ đẹp trong lời sống của Bác?

*** Vào bài mới :** GV cung cấp một đoạn video về bộ phim Mĩ thả bom nguyên tử xuống hai thành phố của Nhật và yêu cầu HS nêu suy nghĩ của mình về hậu quả của chiến tranh hạt nhân và trách nhiệm của con người trước nguy cơ chiến tranh hạt nhân ?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Đọc- Tìm hiểu chung *Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, Hoạt động nhóm. * Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, thuyết trình tích cực. - GV sử dụng kỹ thuật thuyết trình tích cực và yêu cầu HS nêu những hiểu biết của em về tác giả ?	I. Đọc- Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Mác-két là nhà văn Cô-lôm-bi-a , sinh 1928 - Tác giả của nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo. - Ông được nhận giải thưởng Nô-ben về văn học. 2. Tác phẩm

GV: cung cấp tư liệu ? Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của tác phẩm ? ? VB cần được đọc với giọng điệu ntn ? -GV :đọc mẫu, gọi HS đọc và nx ? Giải nghĩa của từ “dịch hạch, kỉ địa chất” ? Văn bản trên có chủ đề là gì, qua đó đoạn trích trên thuộc kiểu loại văn bản nào? ? PTBD của văn bản? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Văn bản trên có thể được chia làm mấy phần, giới hạn và nội dung từng phần ? - GV gọi HS trình bày, NX Hoạt động 2 : Phân tích - GV yêu cầu HS theo dõi đv1 ? Vấn đề mà tác giả đề cập trong hội nghị được thể hiện rõ qua câu văn nào? ? Theo em tác giả đang đề cập tới vấn đề gì? ? Nhận xét cách vào đề của tác giả? Tác dụng của cách vào đề đó? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Để là rõ nguy cơ chiến tranh tác giả đã đưa ra những dc và lí lẽ nào ? ? Em có nhận xét gì về những dẫn chứng này? ? Tác dụng của những dẫn chứng trên ? - HS thảo luận -> trình bày, bổ sung GV ; Giảng	a, Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ -VB được trích từ bài tham luận Thanh gươm Đa-mô-clet của Mác-két khi tham dự hội nghị nguyên thủ sáu nước tại Mê-hi-cô vào tháng 8-1986 b, Đọc và tìm hiểu chú thích *.Đọc : Giọng rõ ràng, rút khoát, đanh thép. * Chú thích (sgk) c. Văn bản nhật dụng - Chủ đề: Chống chiến tranh bảo vệ hòa bình. d. Phương thức biểu đạt: Nghị luận e. Bố cục: 4 phần + ĐV1: Nguy cơ chiến tranh hạt nhân và sự tàn phá khủng khiếp của nó. +ĐV2-6: Cuộc chạy đua c.tranh hạt nhân cực kì tốn kém +Đ7-9 : Chiến tranh hạt nhân là hành động phi lí +Đ10,11: Đoàn kết ngăn chặn vũ khí hạt nhân,bảo vệ hoà bình TG II. Phân tích 1. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân - Hôm nay ngày 8-8-1986, hơn 50.000 đầu đạn hạt nhân đã được bố trí trên khắp hành tinh. -> Nguy cơ chiến tranh hạt nhân -> Vào đề trực tiếp, xác định cụ thể thời gian. -> Làm nổi rõ tính thời sự và hệ trọng của v.đề - 50000 đầu đạn hạt nhân. =Mỗi người ngồi trên 4 tấn thuốc nổ. -Làm biến hết thủy12 lần...trái đất. -Tiêu diệt tất cả các hành tinh ...phá huỷ thế cân bằng của hệ mặt trời. + NT:Dẫn chứng cụ thể xác thực -> Gây ấn tượng khủng khiếp về sức mạnh tàn phá của kho vũ khí hạt nhân.

? Vấn đề chiến tranh hạt nhân còn được tác giả đề cập đến qua chi tiết nào? ? Em hiểu gì về BPNT được tác giả sử dụng qua chi tiết này? ? Bằng cách nói đó em thấy nguy cơ chiến tranh hạt nhân như thế nào? - GV; giảng – nói về tình trạng ngàn cân treo sợi tóc ? Nói về nguy cơ ấy, thái độ của tác giả được bộc lộ qua chi tiết nào? Và em hiểu gì về thái độ của tg ? -Giáo viên giảng : Tác giả đã nhận ra mặt trái của những phát minh khoa học.Nếu phát minh không gắn với lương tri sẽ dẫn đến tội ác. ? Em có n.xét gì về nt lập luận trong đoạn văn trên ? ? Với cách lập luận đó , đoạn văn trên giúp chúng ta nhận rõ vấn đề gì ? - GV: liên hệ tình hình thực tế về những nước trên thế giới đang chạy đua vũ trang hạt nhân + Các cuộc thử bom nguyên tử . + Các lò phản ứng hạt nhân . + Tên lửa đạn đạo... GV; Khái quát bài	- Nguy cơ...như thanh gươm Đa-mô-clet + So sánh, điển tích thần thoại Hi Lạp -> C.tr hạt nhân có thể xảy ra bất cứ lúc nào. - Không có...Thế giới -> Mía mai, lên án thành tựu của CN hạt nhân +Dc và lí lẽ sắc bén => Sự tàn phá của c.tr hạt nhân là vô cùng khủng khiếp và c.tr hạt nhân sẽ xảy ra bất cứ lúc nào

3.Hoạt động luyện tập

- Nguy cơ của vũ khí hạt nhân ảnh hưởng như thế nào đến cuộc sống của con người?
- Suy nghĩ của em khi biết được nguy cơ này?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về hậu quả của chiến tranh.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Nắm vững nội dung bài học.
- Soạn tiếp văn bản: tiếp tục tìm hiểu về vũ khí hạt nhân (theo nội dung hợp đồng).Sưu tầm tranh ảnh và tư liệu liên quan.

=====

Ngày soạn:
Tuần 2- Bài 2

Ngày dạy:

Tiết 7- VB : **ĐÁU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH**

Mác -két

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức : HS cần

- Hiểu biết về tình hình thế giới những năm 1980 liên quan đến văn bản.
- Hiểu hệ thống luận điểm, luận cứ, cách lập luận trong văn bản.
- Hiểu được việc chạy đua vũ trang, vũ khí hạt nhân là vô cùng tốn kém và phi lí. Cần phải đấu tranh chống vũ khí hạt nhân, bảo vệ hoà bình.

2. Kỹ năng : HS có kỹ năng đọc – hiểu văn bản nhật dụng bàn luận về một vấn đề liên quan đến nhiệm vụ đấu tranh vì hòa bình của nhân loại.

3. Thái độ : HS có ý thức bảo vệ hoà bình, quan tâm tới tình hình thế giới.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Phẩm chất : Sống có trách nhiệm.
- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mỹ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: giáo án, tài liệu tham khảo, máy chiếu.

- Tích hợp văn- đời sống

2. Học sinh: chuẩn bị bài

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, Hoạt động nhóm, Hợp đồng.

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, thuyết trình tích cực, động não.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. Hoạt động khởi động :

* **ổn định tổ chức**

* **Kiểm tra bài cũ:** -Trình bày về nguy cơ chiến tranh hạt nhân ?

* **Vào bài mới :** GV tổ chức cho học sinh thi hát giữa các đội (HS hát được những câu hát về chủ đề chiến tranh và hòa bình)

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 2 : Phân tích (tiếp) * Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, Hoạt động nhóm. * Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, thuyết trình tích cực, động não. - Gv :Y.cầu hs theo dõi phần 2(từ đv2- đv6)	2. Sự tốn kém của chạy đua vũ khí hạt nhân -Việc bảo tồn sự sống trên TD ít tốn

? Sự tồn kém của chạy đua vũ trang hạt nhân được tác giả đề cập tới qua những chi tiết nào ? ? ở đoạn văn này, tác giả đã sử dụng BPNT gì ? ? Qua đó, đoạn văn trên đã khẳng định điều gì ? GV : giảng - Giáo viên yêu cầu HS thảo luận nhóm và thanh lí hợp đồng ? Tìm những dẫn chứng mà tg đưa ra để giúp ta thấy được chiến tranh hạt nhân đã tước đi cơ hội được sống tốt đẹp của con người ?	kém hơn là “dịch hạch” hạt nhân. - Chỉ sự tồn tại của nó không thôi...cũng đã làm tất cả chúng ta mất đi khả năng sống tốt đẹp hơn. + Phép so sánh , lời nói ẩn dụ , từ ngữ giàu hình ảnh ->Việc chạy đua vũ trang hạt nhân đã tước đi khả năng cải thiện cuộc sống của con người. <table border="1" data-bbox="826 651 1453 985"> <tr> <td data-bbox="826 651 1161 985"> <u>Lĩnh vực xã hội</u> - Giải quyết vấn đề cấp bách: y tế, giáo dục... cho 500 triệu trẻ em trên thế giới. - Là một giấc mơ không thể thực hiện vì tồn kém 1 tỉ đô la </td><td data-bbox="1161 651 1453 985"> <u>Gần bằng</u> chi phí cho 100 máy bay ném bom B.1B của Mỹ và cho dưới 7000 tên lửa. </td></tr> </table>	<u>Lĩnh vực xã hội</u> - Giải quyết vấn đề cấp bách: y tế, giáo dục... cho 500 triệu trẻ em trên thế giới. - Là một giấc mơ không thể thực hiện vì tồn kém 1 tỉ đô la	<u>Gần bằng</u> chi phí cho 100 máy bay ném bom B.1B của Mỹ và cho dưới 7000 tên lửa.
<u>Lĩnh vực xã hội</u> - Giải quyết vấn đề cấp bách: y tế, giáo dục... cho 500 triệu trẻ em trên thế giới. - Là một giấc mơ không thể thực hiện vì tồn kém 1 tỉ đô la	<u>Gần bằng</u> chi phí cho 100 máy bay ném bom B.1B của Mỹ và cho dưới 7000 tên lửa.		
	<table border="1" data-bbox="826 994 1453 1928"> <tr> <td data-bbox="826 994 1161 1928"> <u>Lĩnh vực y tế</u> Kinh phí của chương trình phòng bệnh trong 14 năm, bảo vệ 1 tỉ người và cứu 14 triệu trẻ em Châu Phi. <u>Lĩnh vực tiếp tế thực phẩm.</u> -Số tiền để cứu 575 triệu người thiếu dinh dưỡng. - Tiền nông cụ cho các nước nghèo để họ có TP trong 4 năm. <u>Lĩnh vực giáo dục</u> - Tiền xoá nạn mù chữ toàn thế giới. </td><td data-bbox="1161 994 1453 1928"> <u>Bằng</u> giá 10 tàu sân bay vũ khí hạt nhân... -Không bằng kinh phí 149 tên lửa MX. -Bằng chi phí cho 27 tên lửa MX - Bằng chi phí cho 2chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân. </td></tr> </table>	<u>Lĩnh vực y tế</u> Kinh phí của chương trình phòng bệnh trong 14 năm, bảo vệ 1 tỉ người và cứu 14 triệu trẻ em Châu Phi. <u>Lĩnh vực tiếp tế thực phẩm.</u> -Số tiền để cứu 575 triệu người thiếu dinh dưỡng. - Tiền nông cụ cho các nước nghèo để họ có TP trong 4 năm. <u>Lĩnh vực giáo dục</u> - Tiền xoá nạn mù chữ toàn thế giới.	<u>Bằng</u> giá 10 tàu sân bay vũ khí hạt nhân... -Không bằng kinh phí 149 tên lửa MX. -Bằng chi phí cho 27 tên lửa MX - Bằng chi phí cho 2chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân.
<u>Lĩnh vực y tế</u> Kinh phí của chương trình phòng bệnh trong 14 năm, bảo vệ 1 tỉ người và cứu 14 triệu trẻ em Châu Phi. <u>Lĩnh vực tiếp tế thực phẩm.</u> -Số tiền để cứu 575 triệu người thiếu dinh dưỡng. - Tiền nông cụ cho các nước nghèo để họ có TP trong 4 năm. <u>Lĩnh vực giáo dục</u> - Tiền xoá nạn mù chữ toàn thế giới.	<u>Bằng</u> giá 10 tàu sân bay vũ khí hạt nhân... -Không bằng kinh phí 149 tên lửa MX. -Bằng chi phí cho 27 tên lửa MX - Bằng chi phí cho 2chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân.		
? Đây là những lĩnh vực ntn?	- Lĩnh vực xã hội, y tế, thực phẩm, giáo dục =>lĩnh vực thiết yếu trong đời sống.		

? Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả ? ? Từ đó em nhận thấy chi phí cho cuộc chạy đua vũ trang như thế nào? - GV: gọi HS trình bày -> bổ sung - Giáo viên kết luận: Những con số trong bảng so sánh cho thấy sự tốn kém và tính chất phi nghĩa của chạy đua vũ khí hạt nhân. Nó đã và đang cướp đi của thế giới nhiều điều kiện để cải thiện đi cuộc sống của con người. - GV: cung cấp một số tranh ảnh về cuộc sống của những người nghèo (Châu Phi) để làm rõ tính chất phi nhân đạo của việc chạy đua vũ trang hạt nhân. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ? Tác giả đã có những suy nghĩ gì về cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân ?	+NT:-Lập luận chứng minh -Dẫn chứng cụ thể và toàn diện -Bp so sánh, đối lập -> Chạy đua vũ trang hạt nhân là vô cùng tốn kém và phi nhân đạo.
? Để làm rõ điều đó tác giả đã đưa ra dẫn chứng như thế nào? ? Nghệ thuật gì được tác giả sử dụng? ? Những chi tiết đó đã thể hiện rõ điều gì ? ? Nhận xét về thái độ của tác giả qua các chi tiết trên ? - GV:Qua 1 quá trình tiến hoá lâu dài,kì công và vĩ đại,những gì tinh túy và đáng yêu nhất của sự sống mới được hình thành.Thế nhưng ,chỉ trong nháy mắt chiến tranh hạt nhân sẽ tiêu	3. Chiến tranh hạt nhân là hành động phi lí. - Chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí - “Chạy đua vũ trang là đi ngược lại lý trí tự nhiên” - 380 triệu năm con bướm mới có thể bay, 180 triệu năm nữa bông hồng mới nở, trải qua 4 kỉ địa chất con người mới hát hay hơn chim và mới chết vì yêu. - Chỉ cần bấm nút một cái... trở về điểm xuất phát ban đầu. NT: - Đối lập: Hàng triệu năm và một khoảnh khắc -Lời văn truyền cảm ,sinh động - Dẫn chứng xác thực => Làm nổi bật hiểm họa hạt nhân phản tiến hoá , phản tự nhiên. - Thái độ mỉa mai, lên án việc chạy đua vũ khí hạt nhân. - Trân trọng, nâng niu cuộc sống.

huỷ tất cả những thành quả kì diệu và
thiên lương của sự sống

? Nhiệm vụ của loài người trước
hiểm họa hạt nhân ?

? Em hiểu thế nào là “Bản đồng ca”?

? Nhà văn muốn kêu gọi điều gì?

? Em nghĩ gì về khát vọng này ?

- GV: giảng và liên hệ tình hình thực
tế

(Các nước kí hiệp ước cắt giảm vũ
khí hạt nhân, các phong trào phản đối
chiến tranh trên thế giới hiện nay)

? Tác giả đưa ra ý tưởng gì?

? Qua đó, tác giả muốn gửi thông điệp
gì cho mai sau?

? Em có suy nghĩ gì về thông điệp của
tác giả?

? Qua bài viết em hiểu thêm gì về tác
giả?

- GV sử dụng kĩ thuật động não.

? Theo em chúng ta cần phải làm gì để
bảo vệ hòa bình ?

- HS liên hệ

- GV :Mỗi chúng ta,dù ai cũng có cuộc
sống của riêng mình nhưng ta vẫn
phải quan tâm và xây dựng cuộc sống
chung của tất cả mọi người. Bởi vì sự
tồn tại của mỗi chúng ta không phải là
sự tồn tại độc lập. Đấu tranh cho một
thế giới hòa bình là nhiệm vụ chung
của tất cả chúng ta.

Hoạt động 3 : Tổng kết

- PP: Gọi mở vấn đáp

4. Đoàn kết để ngăn chặn chiến tranh hạt nhân.

–“Chúng ta đến đây...công bằng.”

- Tiếng nói chung của nhân dân yêu
chuộng hòa bình trên thế giới.

-> Kêu gọi mọi người: đấu tranh ngăn
chặn chiến tranh hạt nhân cho 1 thế giới
hoà bình.

->K.vọng của toàn thể nhân dân yêu
chuộng hòa bình trên thế giới

-Thành lập nhà băng lưu trữ trí nhớ.

-> Muốn cho thời đại sau biết rằng cuộc
sống của con người đã từng tồn tại và
những kẻ dã man đã huỷ diệt cuộc sống
bằng vũ khí hạt nhân

- Thông điệp đúng đắn và cần thiết vì sự
tồn vong của loài người

- Là người yêu c.sống, quan tâm đến
việc bảo vệ hoà bình thế giới.

- Căm phẫn cao độ, cực lực lên án
những kẻ đẩy nhân loại vào họa diệt
vong

III. Tổng kết

-KT: Đặt câu hỏi
? Nghệ thuật lập luận của tác giả?

? Để đấu tranh cho một thế giới hoà bình tác giả đã nêu ra những luận điểm như thế nào trong bài? Qua đó thể hiện tư tưởng gì?

1. Nghệ thuật

- Lập luận chặt chẽ, chứng cứ phong phú, xác thực, cụ thể...

2. Nội dung

- Nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe dọa loài người.

- Cuộc chạy đua chiến tranh tốn kém...

- Chiến tranh hạt nhân là phi lí...

- Đoàn kết để ngăn chặn chiến tranh hạt nhân.

-> Chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.

*Ghi nhớ(sgk)

3. Hoạt động luyện tập

- Nguy cơ, sự tốn kém phi lí của vũ khí hạt nhân được tác giả trình bày như thế nào?

- Nhiệm vụ cấp bách của toàn thể loài người trước nguy cơ chiến tranh hạt nhân?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn về chủ đề chiến tranh và hòa bình.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Nắm vững nội dung bài học.

- Tìm các bài viết về chủ đề chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.

- Chuẩn bị: Các phương châm hội thoại

+Đọc vd

+Trả lời các câu hỏi trong sgk

=====

Ngày soạn:

Tuần 2 – Bài 2

Ngày dạy:

Tiết 8 - TV: CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (tiếp)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức : HS hiểu được nội dung phương châm quan hệ, phương châm cách thức và phương châm lịch sự.

2. Kỹ năng : - HS biết vận dụng những phương châm này trong giao tiếp.

- HS nhận biết và phân tích được cách sử dụng các phương châm trong một tình huống giao tiếp cụ thể.

3. Thái độ: HS có phép lịch sự trong giao tiếp, giao tiếp đúng đề tài, nói ngắn gọn.

4. Phẩm chất - năng lực: - Phẩm chất : Tự tin, tự chủ.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: giáo án, tài liệu tham khảo, máy chiếu.

2. Học sinh: chuẩn bị bài

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích mẫu, PP luyện tập thực hành, Hoạt động nhóm.

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ:** - Thế nào là pc về lượng, chất và cho vd minh họa ?

*** Vào bài mới :** - GV đưa ra các tình huống và yêu cầu HS đóng vai thể hiện các tình huống đó ?

? Cách nói trong các tình huống này sẽ ảnh hưởng ntn tới giao tiếp.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD 1: Phương châm quan hệ *Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích mẫu, PP luyện tập thực hành. * Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. -GV yêu cầu HS chú ý ví dụ - SGK ? Thành ngữ dùng để chỉ tình huống hội thoại như thế nào? ? Hậu quả của tình huống trên? ? Bài học rút ra từ tình huống trên? - Giáo viên kết luận: phương châm quan hệ. ? Thế nào là phương châm quan hệ ? GV: cung cấp bài tập qua bảng phụ và yêu cầu HS làm BT bổ trợ	I. Phương châm quan hệ 1. Tìm hiểu ví dụ “Ông nói gà, bà nói vịt.” + Nói không cùng một vấn đề, không khớp, không hiểu nhau. + Mỗi người nói một đề tài khác nhau. => Người nói, người nghe không hiểu nhau. => Sẽ không giao tiếp được với nhau. *Khi giao tiếp cần nói đúng đề tài đang hội thoại, tránh nói lạc đề. 2. Ghi nhớ/ Sgk
HD 2 : Phương châm cách thức Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP	II. Phương châm cách thức 1. Ví dụ <i>Ví dụ1</i>

phân tích mẫu, PP luyện tập thực hành, Hoạt động nhóm.

Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi.

? Hai thành ngữ trên chỉ những cách diễn đạt như thế nào?

? Những cách diễn đạt đó dẫn tới điều gì khi giao tiếp ?

- HS thảo luận, trình bày và bổ sung

? Qua đó có thể rút ra bài học gì trong giao tiếp?

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân

? Có thể hiểu câu “Tôi đồng ý... ông ấy” theo mấy cách?

? Để người nghe không hiểu lầm, phải nói như thế nào?

? Trong giao tiếp cần phải tuân thủ điều gì?

- **GV : Kết luận : phương châm cách thức.**

? Qua 2 VD em hiểu thế nào về phương châm cách thức?

- GV: yêu cầu HS làm BT bổ trợ (Bảng phụ)

Hoạt động 3: Phương châm lịch sự

Phương pháp : Gợi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích mẫu, PP luyện tập thực hành, Hoạt động nhóm.

Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

- Giáo viên: Yêu cầu học sinh đọc VD và thảo luận câu hỏi theo bàn

+ “ Dây cà ra dây muống”-> Nói dài dòng, rườm rà.

+ “Lúng búng như ngậm hột thị”-> Nói ấp úng không thành lời, không rành mạch.

=> Người nghe không hiểu vấn đề, khó tiếp nhận -> hiệu quả giao tiếp thấp.

* Khi giao tiếp cần nói ngắn gọn, rành mạch

Ví dụ 2

- Có thể hiểu theo hai cách :

+ Tôi đồng ý với những nhận định của ông ấy về truyện ngắn.

+ Tôi đồng ý với những nhận định của một người nào đó về truyện ngắn của ông ấy.

- Có thể chọn một trong những câu trên

=> Tránh cách nói mơ hồ khiến người nghe có thể hiểu không đúng nội dung

2. Ghi nhớ/ SGK

III. Phương châm lịch sự

1. Ví dụ

? Vì sao ông lão ăn xin và cậu bé trong truyện đều cảm thấy như mình đã nhận được từ người kia một cái gì đó? - Học sinh: trả lời -> NX ? Có thể rút ra bài học gì từ truyện ngắn này - GV kết luận : phương châm lịch sự ? Em hiểu thế nào là p.châm lịch sự ? - GV: Sử dụng sơ đồ khái quát kiến thức về 5 phương châm hội thoại đã học.	+ Cả 2 đều cảm nhận được sự quan tâm và tôn trọng nhau.Do họ xác định đúng vai xã hội và vị trí giao tiếp của mình -> Từ đó có được những lời lịch sự, nhã nhặn. => Khi giao tiếp cần tế nhị và tôn trọng người khác <u>2. Ghi nhớ/ SGK</u>

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt						
----- *Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, PP luyện tập thực hành, Hoạt động nhóm. * Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. - Giáo viên: Hướng dẫn học sinh làm bài tập câu a - Yêu cầu học sinh làm những câu còn lại. - GV : Tổ chức học sinh hđ theo cặp trả lời câu hỏi trong SGK - HS trình bày -> NX - Giáo viên: Hướng dẫn làm bài tập câu a. - Chỉ định 4 học sinh làm bài tập trên bảng.	----- IV. Luyện tập <u>1. Bài 1</u> - Khuyên ta trong giao tiếp nên dùng những lời lễ lịch sự, nhã nhặn VD: - Chim khôn kêu tiếng ... dễ nghe Vàng thì thử lửa .. thử lời. Một câu nhin ... câu lành. <u>2. Bài 2</u> - Là phép: Nói giảm, nói tránh. - VD: + “Bác Dương thôi đã thôi rồi.” + Bài viết của em chưa được hay. <u>3. Bài 3.</u> <table border="0"> <tr> <td>a. Nói mát</td><td>d. Nói leo</td></tr> <tr> <td>b. Nói hót</td><td>e. Nói ra đầu ra đuôi.</td></tr> <tr> <td>c. Nói móc</td><td></td></tr> </table> - Phương châm lịch: a, b, c, d - Phương châm cách thức: e	a. Nói mát	d. Nói leo	b. Nói hót	e. Nói ra đầu ra đuôi.	c. Nói móc	
a. Nói mát	d. Nói leo						
b. Nói hót	e. Nói ra đầu ra đuôi.						
c. Nói móc							

- Giáo viên: Hướng dẫn học sinh hđ nhóm(3 nhóm) và trả lời câu hỏi - sgk - HS trả lời, nx	4. Bài 4. a. Muốn hỏi một vấn đề không dùng đề tài trao đổi và muốn người nghe không hiểu nhầm. b. Muốn giảm nhẹ ảnh hưởng của người nói đến người nghe. c. Báo hiệu cho người đối thoại biết họ không tuân thủ phương châm lịch sự và phải chấm dứt sự không tuân thủ đó.

4. Hoạt động vận dụng

- Lấy vd trong thực tế về các tình huống vi phạm phương châm hội thoại.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Nắm vững nội dung bài học, làm bài tập 5/ 24
- Sưu tầm các bài tập về PC hội thoại.
- Chuẩn bị: Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh
- + Đọc các vd – sgk
- + Trả lời các câu hỏi trong bài
- + Xác định được những câu văn thuyết minh có sử dụng yếu tố miêu tả

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 2- Bài 2

Tiết 9- TLV: SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức : HS :

- củng cố kiến thức đã học về văn thuyết minh
- Hiểu tác dụng của yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh là làm cho đối tượng thuyết minh hiện lên cụ thể, gần gũi

2.Kĩ năng : HS có kĩ năng tạo lập văn bản thuyết minh và vận dụng tốt các yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.

3. Thái độ : HS có ý thức sử dụng tốt yếu tố miêu tả khi viết văn thuyết minh

4. Phẩm chất

- Năng lực: - Phẩm chất : Tự tin, tự chủ.
- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: - Tích hợp(liên hệ) : Văn miêu tả (lớp 6)
- Giáo án , tài liệu tham khảo
2. Học sinh: - Đọc, trả lời câu hỏi bài mới. Ôn lại văn miêu tả.

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích mẫu, PP luyện tập thực hành, Hoạt động nhóm.

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. Hoạt động khởi động

***ổn định tổ chức.**

*** Kiểm tra bài cũ:** - Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh?

***Vào bài mới :** GV cung cấp đoạn văn thuyết minh không có yếu tố miêu tả và đoạn văn cùng nội dung có yếu tố miêu tả.

?Em thấy đoạn văn nào hay hơn, vì sao.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
..... Hoạt động 1: Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh * Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích mẫu, PP luyện tập thực hành, Hoạt động nhóm. * Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.	 I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh 1.Ví dụ Văn bản : “Cây chuối trong đời sống Việt Nam.” * Nhan đề của văn bản muốn nhấn mạnh: - Vai trò của cây chuối đối với đời sống vật chất và tinh thần của người Việt Nam từ xa đến nay. * Yếu tố thuyết minh (1) “Đi khắp Việt Nam núi rừng” “Cây chuối rất ưa nước chân lũ” (2) “Cây chuối là thức ăn ... hoa, quả!” (3) Giới thiệu quả chuối: Những loại chuối và công dụng của nó. + “Quả chuối là một món ăn ngon” + “Mỗi cây chuối đều cho ta một buồng chuối ... nghìn quả”

? Giải thích nhan đề VB ? - GV yêu cầu HS thảo luận theo 5 nhóm ? Tìm những câu văn thuyết minh về đặc điểm của cây chuối? ? Chỉ ra những câu văn, từ ngữ có tính miêu tả về cây chuối? ? Các yếu tố miêu tả có tác dụng như thế nào cho văn bản thuyết minh? - HS thảo luận, trình bày, bổ sung. ? Theo yêu cầu chung của bài văn thuyết minh bài này có thể bổ sung những nội dung gì? ? Em hãy thử thêm các yếu tố m.tả cho những nội dung trên ? ? Vậy các yếu tố miêu tả trong vb thuyết minh có ý nghĩa gì ?	+ Chuối xanh để chế biến thức ăn. + Chuối để thờ cúng. *Yếu tố miêu tả. - Cây chuối thân mềm vươn lên như những trụ cột nhẵn bóng. - Vòm tán lá xanh cho rợp... - Chuối trụng quốc... - Chuối xanh...gỏi... => Làm cho h/a cây chuối nổi bật, gây ấn tượng- bài văn thêm sinh động, hấp dẫn * Có thể bổ sung - Về phân loại: Chuối tiêu, chuối hột, chuối ngự... - Cấu tạo: Thân, lá, nõn, hoa, bẹ, củ. -Tác dụng: + Thân(chuối non): ăn ghém + Quả: Làm thuốc + Lá: Gói bánh - Miêu tả: + Thân cây: Tròn, mọng nước. + Tà lá: Xanh rờn, bay xào xạc,... + Củ chuối: Gọt vỏ thấy một màu trắng mỡ màng như màu củ đậu đã bóc vỏ. 2. Ghi nhớ/ SGK

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt

.....

*** Phương pháp :** Gọi mở vấn
đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP
luyện tập thực hành, Hoạt động nhóm.
*** Kỹ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu
hỏi.

? Yêu cầu HS trả lời câu hỏi/ SGK

-GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp
đôi

? Chỉ ra yếu tố miêu tả trong đoạn
văn?

- HS thảo luận, trình bày, bổ sung

- Gv yêu cầu HS làm việc cá nhân

? Tìm yếu tố miêu tả trong đoạn văn?

- HS trình bày, nx

- HS thảo luận theo 5 nhóm

? Tìm các yếu tố miêu tả trong đoạn
văn.

1. Bài tập1.

+ Thân cây chuối có hình dáng thẳng tròn
như một cái trụ cột mọng nước, gọi ra cảm
giác mát mẽ, dễ chịu.

+ Lá chuối tươi xanh ròn, uốn cong cong
dưới ánh trắng, thỉnh thoảng lại vẫy lên
phần phật theo gió.

+ Lá chuối khô dùng lót ổ nằm vừa mềm
mại, vừa thoảng mùi thơm.

+ Nõn chuối màu xanh non, cuộn tròn như
một bức thư còn phong kín...

2. Bài2

+ Tách là loại chén ... có tai.

+ Chén của ta không có tai.

+ Khi mời ai ...rất nóng.

3. Bài 3

+ Qua sông Hồng... mượt mà.

+ Những con thuyền thúng nhỏ... tình.

+ Lân được trang trí...chạy...

+ Kéo co ... thu hút mỗi người.

+ Bàn cờ ...che lọng.

+ Với khoảng thời gian nhất ...khê.

+ Sau hiệu lệnh ...bờ sông.

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn thuyết minh về cây tre trong đời sống của người dân Việt Nam. Đoạn
văn có sử dụng yếu tố thuyết minh.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Nắm vững nội dung bài học, ôn lại kiểu bài thuyết minh có sử dụng BPNT và yếu
tố miêu tả.

- Chuẩn bị: Luyện tập sử dụng yt mtả trong vbTM

+Đọc các vd

+Trả lời các câu hỏi

Ngày soạn:
Tuần 3- Bài 2

Ngày dạy:

Tiết 10- TLV : LUYỆN TẬP SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : HS cần :

- 1. Kiến thức :** - Củng cố kiến thức về văn TM có sử dụng yếu tố miêu tả
- Hiểu yếu tố miêu tả trong bài văn thuyết minh.
- 2.Kĩ năng :** Viết được đoạn văn , bài thuyết minh có sử dụng yếu tố miêu tả
- 3. Thái độ :** Có ý thức sử dụng yếu tố miêu tả trong vb thuyết minh
- 4. Phẩm chất - năng lực:**
- Phẩm chất : Tự tin, tự chủ.
- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: - Tích hợp(liên hệ) : Văn miêu tả (lớp 6)
- Giáo án , tài liệu tham khảo

2. Học sinh: - Đọc, trả lời câu hỏi .

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

- 1. Phương pháp :** Gọi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích mẫu, PP luyện tập thực hành,Hoạt động nhóm.
- 2. Kỹ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. Hoạt động khởi động

***Ổn định tổ chức.**

*** Kiểm tra bài cũ:** - Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh?

***Vào bài mới : GV giới thiệu bài.**

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mỹ, cảm thụ. ? Đọc yêu cầu đề bài ? ? Đề yêu cầu trình bày vấn đề gì ?	I. Tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý 1. Tìm hiểu đề: " Con trâu ở làng quê Việt Nam " - Đề yêu cầu trình bày về vai trò, vị trí của con trâu trong đời sống của người nông dân trong nghề nông của người Việt Nam. 2. Tìm ý: - Con trâu là con vật như thế nào ? - Con trâu có vai trò, vị trí gì trong đời sống sản xuất và sinh hoạt của người nông dân ?

- Gv : Yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi -> trả lời câu hỏi -> NX

(1) Cụm từ " Con trâu ở làng quê Việt Nam" bao gồm những ý gì ?

- GV yêu cầu HS thảo luận theo 5 nhóm

? Từ các ý đã tìm được em hãy sắp xếp thành dàn bài cho hợp lí?

? Nhiệm vụ của phần MB ?

? Con trâu trong việc làm như thế nào?

? Con trâu trong lễ hội ra sao ?

? Con trâu đem lại giá trị kinh tế gì?

? Tình cảm của con trâu với người nông dân, trẻ thơ và ngược lại?

? Phần kết bài cần thể hiện được điều gì ?

- HS thảo luận -> trình bày, bổ sung

? Nội dung cần thuyết minh trong phần mở bài là gì. Cần sử dụng yếu tố miêu tả nào?

- GV nêu ví dụ một số cách mở bài để HS viết có thể viết theo cách đó?

- Người nông dân đối xử với con trâu như thế nào ?

3. Lập dàn ý:

a. Mở bài: Giới thiệu chung về con trâu trên đồng ruộng Việt Nam, làng quê Việt Nam.

b. Thân bài:

1, Con trâu trong việc làm ruộng:

- Trâu kéo cày: mỗi ngày kéo cày 2-3 sào Con khỏe cày 3 sào)

- Trâu kéo xe: đường xấu cũng kéo khỏe, đường tốt kéo trên một tấn.

- Trâu kéo gỗ, trục lúa...

2, Con trâu trong lễ hội

- Chọi trâu: Theo từng cặp, đeo số, dùng sừng để tấn công, bỏ chạy là thua cuộc.

- Đua trâu: trâu thi chạy

3, Con trâu đem lại giá trị kinh tế

- Cung cấp thịt, sữa (thực phẩm)

- Cho da để thuộc làm đồ da

- Cho sừng để làm đồ mỹ nghệ

4, Con trâu là bạn của nhà nông, là người bạn của trẻ thơ ở nông thôn: ngồi, ngủ trên lưng trâu, cưỡi trâu tắm hồ...

c. Kết bài: Con trâu trong tình cảm của người nông dân.

II. Xây dựng đoạn văn thuyết minh có yếu tố miêu tả.

1. Xây dựng đoạn mở bài:

- Con trâu xuất hiện ở làng quê Việt Nam

- Miêu tả hình ảnh con trâu

* Một số cách mở bài

- Dẫn cadao, tục ngữ về con trâu...

- Tả cảnh trẻ em chăn trâu...

- Giới thiệu hình ảnh con trâu...

2. Xây dựng đoạn thân bài

- Nhóm 1: Con trâu trong làm ruộng...

- Nhóm 2: Con trâu trong lễ hội...

- Nhóm 3: Con trâu mang lại giá trị kinh tế

- Nhóm 4: Con trâu với người nông dân,

- GV chia lớp thành 4 nhóm ứng với 4 ý trong phần thân bài Yêu cầu HS viết, đọc và nhận xét GV bổ sung cho hoàn chỉnh GV yêu cầu HS viết đoạn văn phần kết bài - HS viết	trẻ em. 3. Xây dựng đoạn kết bài VD: Ngày nay, công nghệ hiện đại dù đã góp phần quan trọng trong sản xuất nông nghiệp nhưng cũng không thể thay thế hoàn toàn. Chiều chiều với cái bụng căng tròn, đôi mắt to ngơ ngác và cái đầu lắc lư, trâu vẫn theo chân những người nông dân chất phác về nhà.

4. Hoạt động vận dụng

- Viết bài văn hoàn thiện cho đề bài trên.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài văn thuyết minh có sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm.
- Ôn tập kiểu văn bản thuyết minh và sự kết hợp các yếu tố biểu cảm, miêu tả trong văn bản TM
=> Chuẩn bị viết bài TLV số 1
- Soạn VB : Tuyên bố ...trẻ em (Đọc, tìm hiểu chung về vb, trả lời các câu hỏi trong sgk)

Ngày soạn:

Tuần 3 – Bài 3

Tiết 11- VB

Ngày dạy:

TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM.

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: - HS thấy được phần nào thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay, những thách thức, cơ hội và nhiệm vụ của chúng ta.

-HS hiểu được sự quan tâm sâu sắc của cộng đồng quốc tế về vấn đề quyền sống, quyền được bảo vệ và quyền phát triển của trẻ em ở Việt Nam.

2. Kỹ năng: - HS thực hiện và thực hiện thành thạo kỹ năng đọc và tìm hiểu văn bản, phân tích. HS tìm hiểu và biết được quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề được nêu trong văn bản.

3. Thái độ: Học sinh ý thức được về quyền của mình, biết sống yêu thương, gắn bó với bạn bè.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Phẩm chất : Tự tin, tự chủ, sống biết yêu thương và có trách nhiệm.
- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

-Phương tiện : bài soạn , tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập

Dự kiến phương án tích hợp – Liên hệ

+ Văn - Lịch sử: Bối cảnh thế giới đầu thế kỉ XX

+ Văn - GDCD: Quyền trẻ em

2. Trò:

- Đọc và soạn bài theo hệ thống câu hỏi

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Hoạt động nhóm, Dùng lời có nghệ thuật.

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. Hoạt động khởi động

***ổn định tổ chức.**

*** Kiểm tra bài cũ:** - Nguyên cơ và tính chất của cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân được Mackét làm rõ như thế nào?

***Vào bài mới :** GV cung cấp một số hình ảnh về cuộc sống của trẻ em hiện nay

? Những hình ảnh trên gợi cho em điều gì

? Em có suy nghĩ gì về quyền của trẻ em?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
..... HD 1 : Đọc - Tìm hiểu chung Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp ? Nêu hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của văn bản ? ? VB cần được đọc với giọng điệu ntn ? GV đọc mẫu , gọi hs đọc và nx ? Giải thích nghĩa của các từ : Công ước, hiểm họa, tăng trưởng, vô gia cư ? Xác định kiểu loại văn bản và phương thức biểu đạt ?	 I. Đọc - Tìm hiểu chung 1. Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ - Văn bản này là văn bản trích của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em, họp tại trụ sở Liên hợp quốc ở Niu-oóc, ngày 30/9/1990. 2. Đọc , tìm hiểu chú thích * Đọc - Mạch lạc, rõ ràng *Chú thích (SGK) 3. Văn bản nhật dụng. - Phương thức biểu đạt: Nghị luận chính trị – xã hội.

? Văn bản chia làm mấy phần? Nội dung chính của từng phần?
 - Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo cặp đôi -> trả lời -> NX

? Em có nhận xét gì về bố cục trên?

HD 2 : Phân tích

Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình

* Kỹ thuật : Đặt câu hỏi

* Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học

? Sự cam kết và kêu gọi của hội nghị được thể hiện qua câu văn nào?

? Em có nhận xét gì về cam kết này?

? Trẻ em đã được nhận thức như thế nào về đặc điểm tâm, sinh lí?

? Từ đó trẻ em phải có những quyền gì?

? Em có nhận xét gì về cách nhận thức ấy?

* GV: giảng

- GV; Yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi :

? Là trẻ em, em có suy nghĩ gì về lời tuyên bố này?

? Thực tế ở địa phương em đã có những hoạt động gì để bảo vệ trẻ em?

- HS liên hệ và trả lời câu hỏi trên

- GV yêu cầu HS thảo luận theo 5

4. Bố cục

- 4 phần:

(1): 2 đoạn đầu: Khẳng định quyền được sống, quyền được phát triển của mọi trẻ em trên thế giới và kêu gọi khẩn thiết toàn nhân loại hãy quan tâm đến vấn đề này.

(2): Phần: ...thách thức: Thực trạng Cuộc sống cực khổ của nhiều trẻ em trên thế g

(3): Phần: Cơ hội: Khẳng định những điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc có thể đẩy mạnh chăm sóc, bảo vệ trẻ em.

(4): Phần : Nhiệm vụ: Xác định những nhiệm vụ cụ thể có tính cấp bách.

=> Bố cục chặt chẽ, hợp lí.

II. Phân tích

1. Lời kêu gọi bảo vệ và nhận thức về trẻ em

- Hãy đảm bảo cho tất cả trẻ em một tương lai tốt đẹp hơn.

-> Mang tính quốc tế, vấn đề mang tính cấp thiết

- Nhận thức về đặc điểm tâm sinh lí của trẻ em: Trong trắng, dễ bị tổn thương, còn phụ thuộc, hiểu biết, ham hoạt động, đầy ước vọng.

-> Phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học, được phát triển...

=> **Cách nhìn tiến bộ, nhân ái, có tinh thần trách nhiệm với tương lai thế giới.**

VD: Trẻ em dưới 6 tuổi được khám và chữa bệnh miễn phí...

2. Thực trạng cuộc sống của trẻ em.

nhóm ? Thực trạng cuộc sống của trẻ em ? ? Các từ “hàng ngày”, “mỗi ngày” mở đầu các mục 4, 5, 6 cùng với các từ chỉ số lượng, những con số còn cho ta biết thêm điều gì về cuộc sống của trẻ em? ? Cách trình bày vấn đề của Tg có gì đặc biệt? ? Từ đó em có nhận xét gì về thực trạng cuộc sống của trẻ em hiện nay? - HS thảo luận -> trình bày và bổ sung - GV giảng và cung cấp một số ảnh minh họa (Cuộc sống của trẻ em trên thế giới còn là nạn nhân của việc buôn bán trẻ em, trẻ em sớm phạm tội, trẻ em các nước Nam á sau trận động đất, sóng thần). - GV sử dụng kỹ thuật động não ? Để trẻ em không phải chịu những nỗi bất hạnh ấy, chúng ta phải làm gì? - HS trình bày ý kiến. ? Tại sao nỗi bất hạnh của trẻ em lại là thách thức đối với các nhà lãnh đạo? ? Qua đó em thấy tổ chức Liên hợp quốc có thái độ như thế nào đối với trẻ em?	*Thực trạng cuộc sống của trẻ em - Là nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, phân biệt chủng tộc, xâm lược ... - Chịu thảm họa của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế bệnh dịch, mù chữ - Chết do suy dinh dưỡng, bệnh tật → Các từ: “Hàng ngày” mở đầu mục 4. “Mỗi ngày” mở đầu mục 5, 6. Các từ chỉ số lượng: Vô số, hàng triệu trẻ em, 40.000 cho chúng ta thấy rõ thực tế cuộc sống của nhiều trẻ em đang diễn ra hàng ngày. Đó là vấn đề bức xúc giải quyết để khắc phục. +NT:Trình bày ngắn gọn nhưng khá đầy đủ,cụ thể về tình trạng c.sống của trẻ em =>Trẻ em chịu khổ cực nhiều mặt - là thách thức đối với các nhà lãnh đạo - Loại bỏ chiến tranh, bạo lực, phát triển văn hoá, y tế... - Vì đó là những khó khăn cần phải giải quyết => Nhận thức rõ quyền lợi và thực trạng bất hạnh của trẻ em, quan tâm giúp trẻ em vượt qua nỗi bất hạnh này.

3. Hoạt động luyện tập

Chọn đáp án đúng cho những câu hỏi sau.

1. Văn bản này liên quan chủ yếu đến vấn đề nào trong đời sống xã hội?

- A. Bảo vệ và chăm sóc phụ nữ.
- B. Bảo vệ môi trường sống.

- C. Bảo vệ và chăm sóc trẻ em.
D. Phát triển kinh tế xã hội.
2. Việc nhắc lại từ “Phải”, “Được” trong đoạn 1 có tác dụng?
A. Nhấn mạnh những việc người lớn làm cho trẻ em.
B. Nhấn mạnh những quyền lợi mà trẻ em được hưởng.
C. Nhấn mạnh những việc trẻ em cần làm.
D. Nhấn mạnh những điều trẻ em cần tránh.
3. Nội dung phần: “Sự thách thức” của văn bản là gì?
A. Nêu lên thực tế cuộc sống của trẻ em trên thế giới.
B. Nêu những nhiệm vụ của người lớn nhằm bảo vệ và chăm sóc trẻ em.
C. Nêu nên những khó khăn trong bối cảnh thế giới ngày nay.
D. Nêu những giải pháp để giúp đỡ trẻ em và những nước nghèo.
- 4. Hoạt động vận dụng**
- Viết đoạn văn về thực trạng cuộc sống của trẻ em ở địa phương em?
- 5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng**
- Sưu tầm tranh ảnh, bài viết về thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới.
- Học bài
- Soạn tiếp văn bản: phần “ Cơ hội , nhiệm vụ”
+ Tìm hiểu về những khó khăn của trẻ em ở địa phương em
-

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 3 - Bài 3

Tiết 12 - TLV : TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: - HS thấy được phần nào thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay, những thách thức, cơ hội và nhiệm vụ của chúng ta.

-HS hiểu được sự quan tâm sâu sắc của cộng đồng quốc tế về vấn đề quyền sống, quyền được bảo vệ và quyền phát triển của trẻ em ở Việt Nam.

2. Kỹ năng: - HS thực hiện và thực hiện thành thạo kỹ năng đọc và tìm hiểu văn bản, phân tích. HS tìm hiểu và biết được quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề được nêu trong văn bản.

3. Thái độ: Học sinh ý thức được về quyền của mình, biết sống yêu thương, gắn bó với bạn bè.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Phẩm chất : Tự tin, tự chủ, sống biết yêu thương và có trách nhiệm.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

-Phương tiện : bài soạn , tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập

2. Trò: - Đọc và soạn bài theo hệ thống câu hỏi

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Hoạt động nhóm, Dùng lời có nghệ thuật.

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, hỏi và trả lời

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. Hoạt động khởi động

***ổn định tổ chức.**

*** Kiểm tra bài cũ:** - Thực trạng cuộc sống trẻ em trên thế giới?

***Vào bài mới :** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi thi giữa hai đội

- Yêu cầu: Đọc các câu thơ, câu danh ngôn hoặc hát các câu hát về trẻ em.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD 2 : Phân tích (tiếp) Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác ? Nêu những điều kiện cơ bản để cộng đồng quốc tế có thể đẩy mạnh việc chăm sóc trẻ em? ? Đây là những điều kiện ntn ? ? Vì sao nói đây là những thuận lợi, những cơ hội để bảo vệ trẻ em? - GV yêu cầu HS thảo luận theo 5 nhóm ? Cơ hội ấy đã xuất hiện ở Việt Nam ra sao ? ? Những cơ hội thuận lợi ấy có ý nghĩa ntn ? ? Trẻ em ở nước ta đã được hưởng những quyền lợi gì	3. Cơ hội - Những điều kiện thuận lợi để cộng đồng thế giới chăm sóc trẻ em *Thế giới - Sự liên kết giữa các quốc gia - Có công ước về quyền trẻ em. - Những cải thiện của bầu chính trị thế giới. => Đó là điều kiện thuận lợi giúp các quốc gia thực hiện quyền trẻ em -Vì sự đoàn kết , liên kết giữa các quốc gia để cùng nhau giải quyết một vấn đề sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp và toàn diện của cộng đồng. *Việt Nam - Đất nước được hoà bình độc lập, tự do. - Kinh tế văn hoá xã hội phát triển - Việt Nam là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế... --> Việc tạo cho trẻ em một cuộc sống tốt đẹp hơn không còn xa vời. * Đảng, Nước, các tổ chức xã hội, cá nhân đã luôn quan tâm tới vấn đề chăm sóc và

- GV; Yêu cầu HS trả lời , NX - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi ? Những nhiệm vụ nào được nêu ra để bảo vệ quyền trẻ em? ? Em có nhận xét gì về những nhiệm vụ này? - HS thảo luận, trình bày, NX - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ? Để thực hiện các nhiệm vụ trên, các nước cần có những giải pháp nào? ? Nhận xét giọng điệu trong các câu văn trên ? ? Giọng điệu đó thể hiện thái độ gì ? GV: Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của từng quốc gia và cả cộng đồng quốc tế → Liên quan trực tiếp đến tương lai một đất nước và của toàn nhân loại. GV liên hệ HD 3: Tổng kết - GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời - Yêu cầu HS đặt câu hỏi và mời bạn trả lời về nghệ thuật và nội	bảo vệ trẻ em với nhiều hình thức, nhiều lĩnh vực, như y tế, giáo dục. Trường cho trẻ em khuyết tật , các bệnh viện nhi, các đợt khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi làm từ thiện với những em nhỏ gặp hoàn cảnh khó khăn... 4. Nhiệm vụ - các giải pháp của cộng đồng quyết tâm vì quyền trẻ em. a. Nhiệm vụ - Tăng cường vị trí của phụ nữ và đảm bảo quyền bình đẳng nam- nữ. - Tăng cường sức khỏe và chế độ dinh dưỡng. - Quan tâm tới trẻ em tàn tật và trẻ em có hoàn cảnh sống khó khăn. - Xoá nạn mù chữ ở trẻ em. - Đảm bảo an toàn khi mang thai và sinh đẻ. - Khuyến khích trẻ em tham gia vào các hoạt động văn hoá xã hội. =>Nhiệm vụ cụ thể, toàn diện, bao quát mọi lĩnh vực, mọi đối tượng, mọi gia đình -> Bảo vệ trẻ em. b. Các giải pháp: - Đảm bảo sự tăng trưởng kinh tế và giải quyết nợ nước ngoài cho các nước. - Các nước cần có nỗ lực liên tục, phối hợp đồng bộ trong hoạt động vì trẻ em. +NT: Giọng điệu dứt khoát, mạch lạc, rõ ràng. Lập luận chặt chẽ. -> Thái độ quyết tâm hành động vì tương lai của trẻ thơ. III. Tổng kết. 1.NT - Tính chặt chẽ, hợp lý trong bố cục. - Lời văn dứt khoát, mạch lạc, rõ ràng.

dung của VB	2.ND Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến trẻ em là một trong những vấn đề quan trọng, cấp bách có nghĩa toàn cầu. *Ghi nhớ (SGK)

3. Hoạt động luyện tập

- Viết đoạn văn về những nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện quyền của trẻ ?

4. Hoạt động vận dụng

- Nêu những việc làm mà em biết thể hiện sự quan tâm của Đảng và chính quyền địa phương nơi em ở với trẻ em ?
- Những suy nghĩ của em khi nhận được sự chăm sóc, giáo dục của gia đình, nhà trường và xã hội?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm các bài viết về quyền của trẻ em.
- Học bài.
- Chuẩn bị : Các pc hội thoại (Đọc vd, trả lời các câu hỏi trong SGK)

=====

Ngày soạn:

Tuần 3- Bài 3

Ngày dạy:

Tiết 13 - TV : CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1.Kiến thức :- HS biết được mối quan hệ chặt chẽ giữa phương châm hội thoại và tình huống giao tiếp, hiểu được những phương châm hội thoại không phải là những quy định bắt buộc.

- HS đánh giá được hiệu quả diễn đạt ở những trường hợp tuân thủ hoặc không tuân thủ các phương châm hội thoại trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể.

2. Kỹ năng: - HS lựa chọn đúng các phương châm hội thoại trong quá trình giao tiếp. Hiểu đúng nguyên nhân của việc không tuân thủ các phương châm hội thoại.

3. Thái độ: - HS chú ý đến lịch sự, nhã nhặn trong giao tiếp.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Phẩm chất : Tự tin, tự chủ.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

II. CHUẨN BỊ

1.Giáo viên

- Phương tiện : bài soạn, tham khảo tài liệu có liên quan

- Dự kiến phương án tích hợp – liên hệ

+ TV - Văn: Những truyện cười DGVN

+ TV - TV: Nghĩa tường minh và hàm ý, Nói giảm nói tránh.

2. Trò:

- Đọc và soạn bài theo hệ thống câu hỏi

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức.**

*** Kiểm tra bài cũ:**

*** Vào bài mới :** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi thi giữa hai đội

- Yêu cầu: Tìm các thành ngữ liên quan đến các PC hội thoại đã học.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD 1 : Quan hệ giữa phương châm hội thoại và tình huống giao tiếp Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích , PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ? Trong t.huống này chàng rể tuân thủ đúng phương châm nào ? ? Tuy nhiên câu hỏi ấy được sử dụng đúng chỗ, đúng lúc không? Tại sao? ? Có thể rút ra bài học gì qua câu chuyện này? - GV: Việc vận dụng phương châm hội thoại phải phù hợp với đặc điểm của tình huống giao tiếp (Nói với ai? Nói khi nào? Nói ở đâu? Nói để làm gì?). - GV: Yêu cầu hs đọc ghi nhớ	I. Quan hệ giữa phương châm hội thoại và tình huống giao tiếp. 1. Ví dụ: - chàng rể tuân thủ phương châm lịch sự. - Tuy nhiên không đúng chỗ, đúng lúc Vì gây phiền hà cho người khác. => Cần vận dụng phương châm hội thoại phù hợp với đặc điểm của tình huống giao tiếp. 2. Ghi nhớ- SGK.
HD 2 : Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại.	II. Những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại.

Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác ? Nhắc lại những ví dụ về phương châm hội thoại đã học?	1. Ví dụ. a)VD1 Vd1: “Học bơi” – phương châm về lượng. Vd2: “Quả bí khổng lồ” – phương châm về chất. Vd3: “Ông nói gà- Bà nói vịt” phương châm quan hệ. Vd4: “Lúng túng như ngậm hột thị”
Gv : Yêu cầu HS thảo luận theo 5 nhóm ? Trong những tình huống ấy, có tình huống nào mà p.châm hội thoại không được tuân thủ ? ? Vì sao PC hội thoại ở các tình huống đó không được tuân thủ ? - Gv gọi HS trình bày, nx ? Câu trả lời của Ba có đáp ứng nhu cầu thông tin đúng như an mong muốn không? ? Phương châm hội thoại nào đã không được tuân thủ? ? Vì sao nói không tuân thủ phương châm hội thoại ấy? ? Như vậy, người nói(Ba) đã vi phạm phương châm về lượng là do đâu? - GV: Tổ chức thảo luận theo cặp đôi ? Khi thông báo cho một bệnh nhân sự thật về căn bệnh nặng của họ, người bác sĩ thường phải vi phạm p.châm h.thoại nào ? ? Vì sao bác sĩ phải làm vậy? ? Việc nói dối của bác sĩ có thể chấp	phương châm cách thức. Vd5: Người ăn xin”- phương châm lịch sử. - Trong tình huống 1,2.3.4: người nói không tuân thủ các phương châm hội thoại. => Vì người nói vô ý, vụng về, thiếu văn hoá. b)VD2 -Câu trả lời không đáp ứng nhu cầu thông tin của người hỏi -Phương châm về lượng không được tuân thủ + Vì Ba không biết chính xác... nên Ba muốn tuân thủ phương châm về chất: (không nói điều mà mình không có bằng chứng xác thực) =>Người nói ưu tiên cho 1 p.châm hội thoại khác quan trọng hơn c) VD3 -Bác sĩ thường vi phạm phương châm về chất (nói dối) - Giúp người bệnh lạc quan, có nghị lực để tiếp tục điều trị hoặc để sống khoảng thời gian còn lại. - Chấp nhận được, vì nó có lợi cho bệnh

nhận được không vì sao? - GV: gọi HS trình bày, nx - GV : Yêu cầu HS tìm những tình huống tương tự? ? Qua những vd trên, em hiểu thêm gì về nguyên nhân vi phạm p.câm hội thoại ? ? Khi nói “tiền bạc chỉ là tiền bạc” người nói đã vi phạm p.châm hội thoại nào ?	nhân. VD : Người chiến sĩ cách mạng bị địch bắt =>Người nói phải ưu tiên cho một yêu cầu khác quan trọng hơn d)VD4 “Tiền bạc chỉ là tiền bạc” -Vi phạm p.châm về lượng(vì nó không cung cấp cho người nghe thêm thông tin gì.) - Cần hiểu là: Tiền bạc dù quý nhưng không phải là tất cả và con người không nên chạy theo tiền bạc, quên đi những giá trị khác. VD: Chiến tranh là chiến tranh =>Muốn người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý nào đó. 2. Ghi nhớ/ SGK.
?Trong 1 số tình huống,cần phải hiểu ý nghĩa câu này ntn ? <i>GV : - Tích hợp với nghĩa tường minh và hàm ý</i> ? Tìm thêm những các nói tương tự? ? Người nói không tuân thủ p.châm về lượng để nhằm thực hiện điều gì ? ? Qua các vd,ta thấy : việc không tuân thủ các phương châm hội thoại bắt nguồn từ những nguyên nhân nào?	

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
- GV : Yêu cầu HS đọc mẫu truyện, làm bài tập, trình bày ? Hướng dẫn học sinh làm bài tập và yêu cầu Hs trả lời câu hỏi trong sgk	III. Luyện tập Bài 1 - Ông bố không tuân thủ phương châm cách thức. Vì một cậu bé 5 tuổi không biết chữ thì không thể nhận biết được cuốn truyện. Cách nói của ông bố không rõ ràng. =>Người nói không chú ý đến tình huống g.tiếp(nói với ai) 2. Bài 2. - Không tuân thủ phương châm lịch sự. ->Không thích hợp với tình huống giao tiếp, không có lí do chính đáng.

4. Hoạt động vận dụng

- Tìm những tình huống trong thực tế vi phạm PC hội thoại và nêu nguyên nhân ?
- Khi sử dụng phương châm hội thoại trong giao tiếp cần chú ý điều gì ?

5 . Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Học bài cũ, ôn lại những phương châm hội thoại đã học.
- Chuẩn bị: Bài: Ôn tập kiến thức về văn thuyết minh có sử dụng bpnt và yếu tố miêu tả . Chuẩn bị viết bài TLV số 1.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 14, 15 – Viết bài tập làm văn số 1

I. Mục tiêu đề kiểm tra

1. Kiến thức: Học sinh củng cố, khắc sâu những kiến thức cơ bản về văn thuyết minh vai trò của yếu tố nghệ thuật và yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh.

2. Kỹ năng: - HS rèn kỹ năng viết bài văn thuyết minh có sử dụng yếu tố miêu tả và các biện pháp nghệ thuật.

3. Thái độ: - HS có ý thức tự giác, nghiêm túc làm bài

4. Phẩm chất - năng lực:

- Phẩm chất : Tự tin, tự chủ.

- Năng lực tổng hợp, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực trình bày, năng lực tư duy.

II. Hình thức đề kiểm tra

Tự luận : 100%

III. Ma trận đề kiểm tra

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
TLV Văn thuyết minh có sử dụng BPNT và yếu tố miêu tả	Nêu được vai trò của yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh	Xác định được yếu tố Miêu tả và BPNT trong một đoạn văn thuyết minh		<i>Cây tre trong đời sống của người dân Việt Nam.</i>	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ %10	Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ %20		Số câu:1 Số điểm:7 Tỉ lệ %70	Số câu:3 Số điểm:10 Tỉ lệ %100

Cộng	Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ %10	Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ %20		Số câu:1 Số điểm:7 Tỉ lệ %70	Số câu:3 Số điểm:10 Tỉ lệ%100

IV. Thiết lập đề kiểm tra

Câu 1 : Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh ?

Câu 2: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả được sử dụng trong đoạn văn sau ?

(1) Trong các dụng cụ của con người, có lẽ chúng tôi là loại bé nhất.(2) Tuy bé nhưng nhà ai cũng cần đến.(3) Các bạn có biết tôi là ai không? (4) Chúng tôi là chiếc kim khâu bằng kim loại, bề ngang độ nửa mi-li-mét, bề dài khoảng hai đến ba xăng-ti-mét, một đầu nhọn, một đầu tù, có lỗ tròn để khâu chỉ. (5) Kim phải cứng mới dùng được.(6)Khi đứt cúc, sút chỉ lúc nào cũng phải có tôi thì mới xong.

Câu 3: Cây tre trong đời sống của người dân Việt Nam.

V. Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Câu1 (1đ) : Yếu tố miêu tả giúp đối tượng thuyết minh được nổi bật, gây ấn tượng. Bài văn thuyết minh cụ thể , sinh động và hấp dẫn.

Câu 2(2đ) : Yếu tố miêu tả - câu 4 (1đ)

Biện pháp nghệ thuật nhân hóa : Cái kim- họ nhà kim chúng tôi (1đ)

Câu 3 (7đ)

1. Yêu cầu.

* Hình thức : - Bài văn có bố cục ba phần : mở bài, thân bài, kết bài

- Đúng thể loại văn thuyết minh.

- Biết sử dụng biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả hợp lí.

-Diễn đạt lưu loát, trình bày khoa học , không mắc lỗi các loại.

*Nội dung

Bài cần đáp ứng được những nội dung cơ bản sau:

- Giới thiệu được nguồn gốc ra đời .Về các loài tre. Đặc tính của cây tre không kén chọn đất đai, thời tiết, thường sống thành hàng lũy. Thấy được sự phổ biến của cây tre, có mặt trên khắp đất nước Việt Nam.

- Đặc điểm của cây tre : thân cây, lá tre, tay tre, rễ tre...

- Thấy được công dụng của cây tre trưởng thành trong chiến tranh chống giặc ngoại xâm, trong đời sống, công dụng của cây măng, lá tre...

- Sự gắn bó thân thiết của cây tre trong đời sống con người .Tre trở thành biểu tượng của con người, của dân tộc Việt Nam.Đời sống của nhân dân ta trong hiện tại vẫn không thể thiếu cây tre...

2.Biểu điểm

- Điểm 7 : Bài viết đáp ứng được những yêu cầu về kĩ năng và nội dung trên.

- Điểm 5-6 : Bài viết đáp ứng được cơ bản những yêu cầu trên song còn mắc 1 số lỗi c.tả , diễn đạt.

- Điểm 3-4 : Bài viết đáp ứng được 1 số yêu cầu về thể loại, nội dung, d.đạt đôi chỗ chưa lưu loát,bố cục chưa k.học,mắc khoảng 10 lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Điểm 2 : Bài viết đúng thể loại,có được 1 vài ý song d.đạt lúng túng,mắc nhiều lỗi

- Điểm1 : Bài viết lạc hướng,mắc rất nhiều lỗi

- Điểm O: HS không làm được bài

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 4 - Bài 4

Tiết 16 -VB: Chuyện người con gái Nam Xương(T1)

(Trích “Truyện kì mạn lục”) – Nguyễn Dữ

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức: - HS nắm được cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong một tác phẩm truyện truyền kì.

- Học sinh cảm nhận được số phận của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ cũ và vẻ đẹp truyền thống trong tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam. Hiểu được những đặc sắc nghệ thuật kể chuyện của tác giả.

-HS hiểu được mối liên hệ giữa tác phẩm và truyện Vợ chàng Trương.

2. Kỹ năng: HS vận dụng kiến thức đã học để đọc – hiểu tác phẩm viết theo thể loại truyện kì .

- HS cảm nhận được những chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm tự sự có nguồn gốc dân gian.

- HS kể lại được truyện.

3. Thái độ: Biết yêu mến , trân trọng và cảm thông những người phụ nữ.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Phẩm chất : Tự tin, tự chủ.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy, năng lực thẩm mĩ.

II. Chuẩn bị

1. Thầy: Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn: Một số văn bản nói về người phụ nữ trong XHPK

+ Văn - TLV: Tóm tắt tác phẩm tự sự

+ Văn - TV: Xung hô trong hội thoại

2. Trò:

- Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học.

1. Phương pháp : Gợi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Hoạt động nhóm, PP thuyết trình tích cực, Dùng lời có nghệ thuật,

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, hỏi và trả lời.

IV. Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. Hoạt động khởi động

***ổn định tổ chức.**

*** Kiểm tra bài cũ:** - Qua văn bản " Tuyên bố... " em biết gì về cuộc sống của nhiều trẻ thơ trên thế giới?

***Vào bài mới :** Gv tổ chức cho HS thi giữa các đội và yêu cầu HS tìm những bài thơ, ca dao viết về hình ảnh người phụ nữ thời xưa.
? Em hiểu gì về vẻ đẹp nhân phẩm và số phận của họ.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HĐ 1 : Đọc và tìm hiểu chung - GV sử dụng PP thuyết trình tích cực và yêu cầu HS thuyết trình về tác giả. - GV : Dựa vào chú thích (*) - Tác phẩm có xuất xứ từ đâu? ? Truyền kì là một loại văn có đặc điểm gì ? ? “Truyền kì mạn lục” là một tác phẩm ntn? ?Tác phẩm là truyện thứ bao nhiêu	I.Đọc- Tìm hiểu chung 1.Tác giả -Nguyễn Dữ : Không rõ năm sinh, năm mất. - Đoán định ông sống vào nửa đầu thế kỉ XVI, là học trò giỏi của Nguyễn Bỉnh Khiêm. - Chấn nản trước thời cuộc , Nguyễn Dữ làm quan có một năm rồi cáo quan về ở ẩn tại Thanh Hoá . 2.Tác phẩm a, Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ * Truyền kì mạn lục. <u>*Truyền kì</u> - 1 loại văn xuôi t.sự,có nguồn gốc từ TQ - Thường mô phỏng những cốt truyện dân gian hay đã sử vốn đã được lưu truyền trong nhân gian - In dấu sự sáng tạo của các tác giả trong việc sắp xếp lại các tình tiết - Có những y.tố hoang đường kì ảo song vẫn là những câu chuyện có thực <u>*Truyền kì mạn lục</u> - Ghi chép tản mạn những chuyện kì lạ được lưu truyền -Tác phẩm viết bằng chữ Hán -Nhân vật chính là người phụ nữ đức hạnh nhưng gặp nhiều bất hạnh , những người trí thức có tâm huyết bất mãn với thời cuộc. -Tác phẩm gồm hai mươi truyện và được mệnh danh là thiên cổ kì bút. * <u>Chuyện người con gái Nam Xương</u> là

trong tập “Truyện kì mạn lục” và có nguồn gốc dựa trên cốt truyện nào ? ? VB cần được đọc với giọng điệu ntn? - GV đọc mẫu , gọi HS đọc và nx ? Tóm tắt tác phẩm ? *Đại ý : Đây là câu chuyện về số phận oan nghiệt của một người phụ nữ có nhan sắc, có đức hạnh dưới chế độ phong kiến nhưng đã bị nghi ngờ ,sỉ nhục đến độ phải kết liễu đời mình .Tác phẩm cũng thể hiện mơ ước ngoài đời của nhân dân là người tốt bao giờ cũng được đền trả xứng đáng, dù ở một thế giới huyền bí . ? Giải .thích các chú thích :3,4,18,19 ? Nêu thể loại của tác phẩm? ? Xác định nv chính và ngôi kể ? ? PTBD của tác phẩm? ? Văn bản được chia làm mấy phần? Nội dung chính của từng phần? Hoạt động 2: Phân tích ? Tìm chi tiết gợi tả vẻ đẹp của VN trước khi lập gia đình ? ? Nhận xét cách giới thiệu của tác giả?	truyện thứ 16/20 trong tác phẩm “Truyện kì mạn lục” có nguồn gốc từ truyện cổ tích “Vợ chàng Trương” b,Đọc và tìm hiểu chú thích *Đọc, tóm tắt - Diễn cảm , chú ý phân biệt các đoạn tự sự và những lời đối thoại - Tóm tắt truyện cần đảm bảo được các ý sau: +VN thùy mị, nết na được TS lấy về làm vợ. + TS đi lính , một mình VN chăm sóc mẹ chồng, nuôi con thơ, thủy chung chờ chồng. +TS đi lính trở về, nghe câu chuyện cái bóng của bé Đản rồi nghi oan cho vợ-> cái chết của VN + Chàng Trương hiểu ra nỗi oan của vợ +Nhờ Linh Phi cứu giúp, Phan lang gặp lại VN và VN gửi chiếc hoa vàng,nhấn chồng giải oan. + TS lập đàn giải oan, bóng nàng hiện về trên sông rồi biến mất. * Chó thÝch (SGK) c, Thể loại : Truyện truyền kì - Nhân vật chính:Vũ Nương -Truyện được kể ở ngôi thứ 3 d, PTBD : Tự sự + biểu cảm e, Bố cục. + P1: Từ đầu... Cha mẹ đẻ mình: Những phẩm chất tốt đẹp của VN + P2: Tiếp... qua rồi: Nỗi oan khuất của Vũ Nương. + P3: Còn lại: Vũ Nương được giải oan. II. Phân tích. 1.Vẻ đẹp nhân cách của Vũ Nương - Tên thật: Vũ Thị Thiét - Quê: Nam Xương - Tính tình: thùy mị, nết na, tư dung tốt đẹp. -> Cách giới thiệu vừa cụ thể, vừa khái

? Những lời nhận xét ấy cho em hiểu gì về Vũ Nương?
? Để làm nổi bật tính cách của Vũ Nương, tác giả đã đặt nhân vật vào tình huống nào?

? Trong cuộc sống vợ chồng thường ngày, vẻ đẹp của VN được thể hiện qua các chi tiết nào?

? Điều này bộc lộ phẩm chất gì của Vũ Nương?

-GV; yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Khi tiễn chồng đi lính, nàng đã nói với chàng Trương những gì?

? BPNT nào đã được tác giả sử dụng ?

? Những lời nói này thể hiện điều gì ?

? Em hiểu gì về ước nguyện của VN, qua đó cho thấy VN là người vợ ntn?

- GV gọi HS trình bày , NX

- GV: giảng

- GV: Phẩm chất của Vũ Nương được bộc lộ rõ hơn trong tình huống khi xa chồng.

? Tìm những chi tiết miêu tả trạng của nàng Vũ Nương khi xa chồng ?

? Theo em đây là những hình ảnh như thế nào?

? Những chi tiết trên đã thể hiện điều gì?

? Hình ảnh của VN khi xa chồng còn được gợi tả qua chi tiết nào?

? Khi xa chồng, VN là người vợ ntn?

- GV giảng

- GV yêu cầu HS trao đổi theo bàn

? Tình cảm của VN đối với mẹ chồng

quát.

=> Là người phụ nữ đẹp người, đẹp nét.

(Tác giả đặt nhân vật vào những tình huống khác nhau: trong cuộc sống vợ chồng thường ngày, khi tiễn chồng đi lính, khi xa chồng)

a. Trong cuộc sống vợ chồng:

- Luôn giữ gìn khuôn phép

- Không lúc nào để vợ chồng thất hòa

-> Khéo léo và đúng mực. Vũ Nương luôn chăm lo cho hạnh phúc gia đình.

b. Khi tiễn chồng đi lính:

" Chàng đi chuyến này... bay bổng "

+Giọng điệu thiết tha, dằm thắm

+Các điển tích

-> Nàng không trông mong vinh hiển chỉ cầu cho chồng được bình an trở về.

Cảm thông trước nỗi gian lan vất vả mà chồng phải chịu đựng.

Nỗi khắc khoải nhớ nhung chồng

-> Một ước nguyện bình thường và chính đáng

=>Coi trọng và khao khát hạnh phúc gia đình.

c. Khi xa chồng

* Đối với chồng

- " Mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn... không thể nào ngăn được "

+ Hình ảnh ước lệ, mượn cảnh thiên nhiên để diễn đạt sự trôi chảy của thời gian

-> Khẳng định một nỗi nhớ chồng triền miên, tha thiết.

- Giữ gìn một tiết, tô son điểm phấn từng đã nguôi, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót

=> Người vợ thủy chung

*Chăm sóc mẹ chồng

- Mẹ ốm: hết lòng thuốc thang, khuyên

được thể hiện qua những chi tiết nào?
 ? Trước khi qua đời, mẹ chồng của nàng đã trăng trối lại điều gì? ý nghĩa của lời trăng trối đó?

? Qua những chi tiết đó, em thấy ở Vũ Nương sáng lên vẻ đẹp nào của người phụ nữ Việt Nam?

- HS thảo luận và trình bày
 - GV :Lời trăng trối của bà mẹ chồng: " Sau này... chẳng phụ mẹ " -> Là cách đánh giá thật xác đáng và khác quan ghi nhận nhân cách và công lao của Vũ Nương với gia đình nhà chồng.

? Không chỉ là người con dâu hiếu thảo , VN còn người mẹ ra sao ?

GV : giảng

- GV sử dụng kĩ thuật động não

? Qua phần Vb trên ,em hãy nêu những hiểu biết về NT của t.loại truyện kì ?

? Qua đó,VN được thể hiện là một người phụ nữ ntn ?

- GV ; Vũ Nương là người phụ nữ xinh đẹp , nét na, hiền thực ,đằm đằm tháo vát, hiếu thảo thủy chung, hết lòng vun đắp hạnh phúc gia đình. Nàng mang đầy đủ vẻ đẹp công- dung- ngôn – hạnh của người phụ nữ Việt Nam . Với những vẻ đẹp ấy nàng xứng đáng được hưởng một cuộc sống gia đình hạnh phúc.

? N.Dữ dành cho nàng tình cảm gì ?

- GV: Đây chính là biểu hiện của giá trị nhân đạo được Nguyễn Dữ thể hiện trong tác phẩm.

lon

- Mẹ mất: hết lời thương xót,lo ma chay tế lễ chu đáo

- Xanh kia ...mẹ

-> Người mẹ đã ghi nhận đánh giá cao công lao,tấm lòng của VN với gia đình nhà chồng

=>Người con dâu có tấm lòng hiếu thảo

* Thay chồng chăm sóc con thơ, yêu con

***NT:**

-Các h.ảnh ước lệ

- Các điển tích, câu văn biền ngẫu.

***Vũ Nương là người vợ thủy chung, người mẹ hiền, người con dâu đảm đang hiếu thảo.**

->Những vẻ đẹp điển hình, truyền thống của người phụ nữ VN.

* Tácgiả: ca ngợi, trân trọng

3. Hoạt động luyện tập

- Tóm tắt truyện “ Người con gái Nam Xương”?

- Truyền kì mạn lục có nghĩa là gì?

- Câu văn nào khái quát được vẻ đẹp toàn diện của nhân vật Vũ Nương?

4. Hoạt động vận dụng

-Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp nhân cách của VN ?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về tác giả và tác phẩm.
- Nắm vững nội dung bài học.
- Chuẩn bị: “Chuyện người con gái Nam Xương”(tiếp)
 - Tìm hiểu về nỗi oan của Vũ Nương,
 - ý nghĩa của yếu tố kì ảo trong truyện.

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 4 - bài 4

Tiết 17- VB: Chuyện người con gái Nam Xương(2)

(Nguyễn Dữ)

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức: - HS nắm được cốt truyện, nhân vật, sự kiện trong một tác phẩm truyện truyền kì.

- Học sinh cảm nhận được số phận của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ cũ và vẻ đẹp truyền thống trong tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam. Hiểu được những đặc sắc nghệ thuật kể chuyện của tác giả.

- HS hiểu được mối liên hệ giữa tác phẩm và truyện Vợ chàng Trương.

2. Kỹ năng: HS vận dụng kiến thức đã học để đọc – hiểu tác phẩm viết theo thể loại truyền kì .

- HS cảm nhận được những chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm tự sự có nguồn gốc dân gian.

- HS kể lại được truyện.

3. Thái độ: Biết yêu mến , trân trọng và cảm thông những người phụ nữ.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Phẩm chất : Tự tin, tự chủ.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy, năng lực thẩm mĩ.

II. Chuẩn bị

1. Thầy: Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn: Một số văn bản nói về người phụ nữ trong XHPK

+ Văn - TV: Xung hô trong hội thoại

2. Trò: - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học.

1. Phương pháp : Gợi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Hoạt động nhóm, PP thuyết trình tích cực, Dùng lời có nghệ thuật,

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, hỏi và trả lời.

IV. Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. Hoạt động khởi động

***ổn định tổ chức.**

*** Kiểm tra bài cũ:** Phân tích vẻ đẹp nhân cách của Vũ Nương ?

***Vào bài mới :**

? Vũ Nương có nhiều phẩm chất đáng quý. Em hãy thử tưởng tượng cuộc sống của gia đình Vũ Nương khi Trương Sinh trở về.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 2 (tiếp theo) Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mỹ, cảm thụ. - GV : Dẫn dắt ? Để thể hiện nỗi oan của VN, tác giả đưa ra chi tiết bất ngờ nào ? - GV : chi tiết này cho ta một lần nữa thấy sự gán bó thiết tha của tình cảm vợ chồng, ao ước đoàn tụ, ao ước về một mái ấm gia đình trong VN ?Tuy nhiên, với một người ít học và đa nghi như TS thì chi tiết này có chứa những tình tiết ntn ? - GV ; giảng ? Tìm chi tiết m.tả những phản ứng của TS ? - GV sử dụng kỹ thuật động não ? Qua đó em thấy TS là người ntn ? - GV : TS đại diện cho XHPK mang nặng tư tưởng nam quyền. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ? VN đã làm gì trước những hành động của TS ? ? N.xét về giọng điệu và các hình ảnh trong lời nói của VN ? ? Qua đó, em hiểu ntn về lời nói ấy ? - GV ; giảng	2. Nỗi oan của Vũ Nương. *Bé Đản nói về chiếc bóng ->Chứa những yếu tố đáng ngờ->đánh vào đầu óc đa nghi của TS *TS:định ninh là vợ hư, mỗi nghi ngờ ngày càng sâu, la um lên, mắng nhiếc, đánh đuổi VN =>TS <u>nông cạn</u> <u>ghen tuông mù quáng</u> <u>vũ phu, chuyên quyền độc đoán</u> *VN: - “Cách biệt...nghi oan cho thiết” +Giọng điệu thiết tha +S.dụng nhiều h.ảnh ước lệ ->VN giải bày, khẳng định tấm lòng thủy chung và mong được cởi bỏ nỗi oan ->Nàng cố gắng để giữ gìn hạnh phúc gia đình. - ‘Nay trâm gãy bình rơi... vọng phu’ + Nghệ thuật: + Giọng điệu thảm thiết, não nề + Dùng điển tích, điển cố, câu văn biền ngẫu, các lời thoại liên tiếp nhau. Hình ảnh ẩn dụ. ->Đau đớn, thất vọng vì hạnh phúc gia đình tan vỡ.

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Khi chồng không tin, đánh đuổi nàng đi, nàng đã nói gì với chàng Trương ? ở các chi tiết này, tác giả đã sử dụng những bpnt nào ?

? Qua đó, em hiểu gì về tâm trạng của Vũ Nương?

- HS thảo luận và trình bày, bổ sung

- Gv; giảng

? Trong nỗi đau đớn và thất vọng ấy, nàng đã có những hành động gì ?

? Em hiểu gì về lời than của VN ?

? Qua đây em cảm nhận được tâm trạng gì của VN ?

? Trong nỗi tuyệt vọng này, nàng đã có h/động gì ?

? Đây là hành động ntn của VN ?

? Em có suy nghĩ gì về cái chết của VN ?

? Qua 2 phần trên em có nhận xét gì về con người và số phận của Vũ Nương? (Về cuộc đời và số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến)?

- GV: Cái chết oan nghiệt của Vũ Nương là lời tố cáo XH phong kiến xem trọng quyền uy của kẻ giàu và của người đàn ông trong gia đình, đồng thời bày tỏ niềm cảm thương với số phận oan nghiệt của người phụ nữ. Người phụ nữ đức hạnh không được bên cạnh, chở che mà còn bị đối xử bất công, vô lí chỉ vì lời nói ngây thơ của đứa trẻ và vì sự hồ đồ, vũ phu của người chồng ghen tuông mà phải kết liễu cuộc đời mình

- GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm

?Theo em, VN chết là vì đâu ?

- Tắm gội chay sạch, ra bên sông Hoàng Giang

- Ngửa mặt, than..

->Lời than như một lời nguyện xin thần sông chứng giám nỗi oan khuất và tiết sạch giá trong của nàng.

->Xót xa, tuyệt vọng

- Gieo mình xuống sông

-> Đó là hành động quyết liệt để bảo toàn danh dự, chứng tỏ phẩm giá trong sạch.

=> Một cái chết oan uổng và thương tâm

***VN là người phụ nữ đức hạnh mà bất hạnh**

***Nguyên nhân**

- Cuộc hôn nhân có phần không bình đẳng (Trương Sinh con nhà giàu có - Vũ Nương con nhà nghèo khó)

- Chiến tranh phong kiến gây ra sự xa cách giữa TS và VN

-Lời nói ngây thơ của bé Đản

- Trương Sinh giàu có, đa nghi hay ghen lại không có học.-> Hiện thân của XHPK mang nặng tư tưởng nam quyền (nguyên nhân cơ bản)

*** ý nghĩa cái chết của VN**

? Cái chết của VN nói lên điều gì ?

- GV gọi HS trình bày, nx

GV: giảng về giá trị hiện thực của tp

? TS hiểu ra nỗi oan của vợ trong hoàn cảnh nào ?

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi
? Hãy đánh giá về giá trị của chi tiết chiếc bóng ?

- GV gọi HS trình bày, NX

Thể hiện :

- Tấm lòng trong sạch cao đẹp của nàng.
- VN là người trọng danh dự: bằng cái chết, nàng bảo vệ 1 cách quyết liệt danh dự của mình

- Với VN, hạnh phúc gia đình là ước mong, là giá trị sống duy nhất mà nàng cần(.Nên khi h.phúc gia đình tan vỡ thì nàng không còn lí do để tồn tại)

- Số phận bi kịch của người phụ nữ trong xã hội PK

Tổ cáo:

- Chiến tranh PK

- Chế độ nam quyền độc đoán với những tư tưởng hẹp hòi, ích kỉ.

- Thói gia trưởng vũ phu của người đàn ông

*** Sau khi VN mất :** Bé Đản chỉ bóng chàng trên vách ->TS hiểu ra nỗi oan của VN

*** Chi tiết chiếc bóng**

- Về nt: Là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc
+ Tạo nên bước ngoặt cho câu chuyện: tạo kịch tính, đẩy kịch tính mỗi lúc một tăng, giúp câu chuyện được triển khai một cách hợp lí.

+ Thắt nút câu chuyện, mở nút câu chuyện

- Về nd:

+ Tạo ra bi kịch gia đình một cách đơn giản mà bất ngờ

+ Thể hiện nội dung truyện (tính cách nhân vật, tấm lòng và cảnh ngộ của VN, số phận người pn trong xhpk)

3. Vũ Nương được giải oan

- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa, Phan Lang lạc vào động Linh Phi, Vũ Nương được cứu... Vũ Nương hiện lên ở bến Hoàng Giang...

+ Các chi tiết hoang đường, kì ảo

- Các yếu tố kì ảo đan xen các yếu tố thực -> vừa hấp dẫn, li kì lại gần gũi với cuộc đời thực, tăng tính chân thực.

- ở phần cuối VB tác giả kể về sự việc gì?

? NX về những chi tiết này ?

? Các yếu tố kì ảo này được sử dụng như thế nào? Tác dụng?

GV: Các yếu tố kì ảo được đưa vào xen kẽ với những yếu tố thực về địa danh (bến Hoàng Giang, Chi Lăng ...) thời điểm lịch sử cuối đời khai đại nhà Hồ), nhân vật lịch sử(Trần Thiêm Bình), sự kiện lịch sử (quân Minh xâm lược nước ta), trang phục mỹ nhân , tình cảnh nhà Vũ Nương không người chăm sóc sau khi nàng mất -> Thế giới kì ảo lung linh , gần với đời thực, tăng độ tin cậy

? Những yếu tố kì ảo kể về Vũ Nương cho ta hiểu thêm nét đẹp nào ở nàng?

? Phần cuối này đã tạo lên một kết thúc như thế nào? Theo em kết thúc ấy có làm cho tính bi kịch giảm không? Vì sao?

? Qua phần phân tích, em hiểu gì về thái độ của tác giả ?

Hoạt động 3: Tổng kết

- GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời yêu cầu HS hỏi và trả lời các câu hỏi liên quan đến nghệ thuật và nội dung

Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

->**ý nghĩa**

-Hoàn chỉnh thêm vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương =dù ở thế giới bên kia vẫn nặng lòng với gia đình , vẫn khát khao phục hồi danh dự

- Tạo nên một kết thúc có hậu, thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân về lẽ công bằng: người hiền gặp lành.

-Tính bi kịch của truyện không vì thế mà giảm đi : gia đình đã tan vỡ , VN không thể trở về dương gian, bé Đản mồ côi mẹ, TS sống trong sự dằn vặt.

-Tăng giá trị tố cáo xhpk

-> T.giả:cảm thông, thương xót với bi kịch của VN và lên án gay gắt chiến tranh pk, tư tưởng nam quyền...(giá trị nhân đạo)

IV. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Nghệ thuật dựng truyện với những tình tiết hấp dẫn, kết hợp tự sự với trữ tình, sử dụng yếu tố kì ảo...

2. Nội dung

* Ghi nhớ/ SGK

GV: khái quát	

3. Hoạt động luyện tập

- Cảm nhận về nhân vật Vũ Nương?
- Những yếu tố kì ảo khi đưa vào trong tác phẩm có giá trị gì?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết bài văn cảm nhận về nhân vật VN.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài phân tích về tác phẩm.
- Học thuộc ghi nhớ
- Nắm chắc nội dung
- Chuẩn bị: Xung hô trong hội thoại
- + Đọc các vd
- + Trả lời các câu hỏi trong SGK

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 4 - Bài 4

Tiết 18 - TV: Xung hô trong hội thoại

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức: Học sinh hiểu được sự phong phú, tinh tế và giàu sắc thái biểu cảm của hệ thống từ ngữ xung hô trong Tiếng Việt. Hiểu rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa việc sử dụng từ ngữ xung hô với tình huống giao tiếp.

2. Kỹ năng : HS biết phân tích để thấy rõ mối quan hệ giữa việc sử dụng từ ngữ xung hô trong văn bản cụ thể và có kỹ năng sử dụng thích hợp từ ngữ xung hô vào giao tiếp.

3. Thái độ: HS biết nói năng lịch sự, nhã nhặn, kính trên nhường dưới.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Phẩm chất : Tự tin, tự chủ.
- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

II. Chuẩn bị

1. Thầy: Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập

- Dự kiến phương án tích hợp:
- + TV - Văn: Đế Mèn phiêu lưu kí, Tắt đèn.
- + TV - TV: Hội thoại (Lớp 8)

2. Trò:

- Học bài, chuẩn bị các câu hỏi SGK

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học.

1. Phương pháp : Gợi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.

IV. Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. Hoạt động khởi động

***ổn định tổ chức.**

* **Kiểm tra bài cũ** - Việc không tuân thủ các phương châm hội thoại có thể do những nguyên nhân nào. Cho ví dụ mỗi loại.

- Làm bài tập 2 (SGK/37

***Vào bài mới** : GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “ Ai nhanh hơn” và yêu cầu HS tìm các thành ngữ, ca dao, tục ngữ liên quan đến các PC hội thoại.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD1 : Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác - GV sử dụng kỹ thuật động não ? Hãy nêu một số từ ngữ dùng để xưng hô trong Tiếng Việt và cho biết cách dùng các từ ngữ đó ? ? Trong Tiếng Anh có những từ ngữ xưng hô nào ? ? Xét về mặt số lượng và khả năng biểu cảm em có nhận xét gì về hệ thống từ ngữ xưng hô trong Tiếng Việt ? - GV đưa ra tình huống: - Tình huống xưng hô với bố mẹ là thầy cô giáo ở trường, trong giờ học. - Tình huống xưng hô với em họ, cháu họ đã nhiều tuổi. ? Trong các tình huống trên em có dùng các từ ngữ chỉ quan hệ gia đình, họ hàng để xưng hô hay không ?	I. Từ ngữ xưng hô và việc sử dụng từ ngữ xưng hô. 1. Hệ thống từ ngữ xưng hô trong Tiếng Việt. a.VD1 - Các đại từ nhân xưng: tôi, tao, tớ, mình, chúng tôi (tao), bạn, các bạn, mày, nó... để xưng hô - Các danh từ chỉ quan hệ họ hàng: ông, bà, cô, chú, cậu, mợ, anh... - Theo ngôi số ít, số nhiều: Tôi- chúng tôi ->ngôi thứ nhất (tôi), thứ hai(mày), thứ ba(nó) - Theo thái độ: - Suồng sã:mày tao - Thân mật: anh, chị. - Trang trọng: quý ông , quý bà , phu nhân VD: Trong Tiếng Anh + Để xưng có " I " (số đơn), " We " (số nhiều). + Để hô có " you " (cả số ít và nhiều) => Hệ thống từ ngữ xưng hô của Tiếng Việt rất phong phú, giàu sắc thái biểu cảm. - Trong các tình huống này không nên dùng các danh từ chỉ quan hệ gia đình,

? Từ đó em nhận ra đặc điểm nào của từ ngữ xưng hô trong Tiếng Việt ? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Xác định từ ngữ xưng hô trong 2 đoạn trích? ? Cách thay đổi đó như thế nào? ? Vì sao có sự thay đổi đó? - HS thảo luận và trình bày, NX GV lấy VD về chị Dậu xưng hô: + nhà cháu - ông + tôi - ông + bà - mày (cai lệ) ? Qua lời xưng hô của Mèn, Choắt, chị Dậu, em thấy khi xưng hô cần chú ý gì ? GV chốt 2 điểm ghi nhớ, gọi HS đọc ghi nhớ	họ hàng mà dùng từ ngữ chỉ quan hệ tuổi tác, địa vị xa hội. => Từ ngữ xưng hô trong Tiếng Việt rất tinh tế. b. VD2 - Từ ngữ xưng hô: + Đoạn(a): em - anh (D. Choắt - D. Mèn) ta - chú mày (D.Mèn - D. Choắt) + Đoạn(b): tôi - anh (cả Mèn và Choắt) -> đoạn (a) cách xưng hô bất bình đẳng của một kẻ ở vị thế yếu, cảm thấy mình thấp hèn, cần nhờ vả người khác và kẻ ở vị thế mạnh, kiêu căng hách dịch. đoạn (b) đó là sự xưng hô bình đẳng không ai thấy mình thấp hơn hay cao hơn - Xưng hô thay đổi vì tình huống giao tiếp thay đổi (Choắt không coi mình là đàn em, không cần nhờ vả nương tựa nữa, nói với Mèn với tư cách người bạn. Còn Mèn đã nhận ra sự sai lầm... => Cần căn cứ vào đối tượng và các đặc điểm khác của tình huống. 2. Ghi nhớ (SGK/39)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp - Gv :Yêu cầu HS thảo luận theo yêu cầu SGK -> trình bày -> NX	II. Luyện tập Bài tập 1 (SGK/39) - Lẽ ra phải dùng " chúng em " thay " chúng ta " . Lí do là do cô học viên dùng theo thói quen trong tiếng mẹ đẻ " We " bao gồm cả " ngôi gộp " và " ngôi trừ " trong khi ở Tiếng Việt " ngôi gộp " và " ngôi trừ " lại dùng các phương tiện

? Vì sao trong các văn bản khoa học xưng " chúng tôi " chứ không xưng " tôi " ? ? Phân tích cách xưng hô mà Gióng nói với mẹ và sứ giả. Cách xưng hô đó thể hiện điều gì ? - GV chia lớp thành 4 nhóm tương ứng thảo luận yêu cầu bài 4 -> HS trình bày - > bổ sung - GV yêu cầu HS làm bài 5	xưng khác nhau. Bài tập 2 (SGK/ 40) - Trong văn bản khoa học dùng " chúng tôi " để tăng tính khách quan cho những luận điểm khoa học; thể hiện sự khiêm tốn. Bài tập 3 (SGK/40) - Gióng gọi mẹ theo cách gọi thông thường - Gióng xưng hô với sứ giả: ta - ông -> Gióng là một đứa trẻ khác thường. Bài tập 4 (SGK/40) - Vị tướng gọi " thầy " xưng " con " -> Thể hiện thái độ kính cẩn và lòng biết ơn của vị tướng đối với thầy. Bài tập 5 (SGK/40) - Bác dùng cách xưng hô " tôi " - " đồng chí " -> Tạo cảm giác gần gũi, thân thiết giữa lãnh tụ và nhân dân.

4. Hoạt động vận dụng

- Khi giao tiếp trong gia đình, ở trường học em cần phải chú ý xưng hô như thế nào?
- Nêu một VD tình huống giao tiếp khó xưng hô mà em gặp trong thực tế ?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng kiến thức

- Sưu tầm các bài tập liên quan đến xưng hô trong hội thoại.
- Học thuộc ghi nhớ.
- Vận dụng được vào trong giao tiếp.
- Hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị: Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp
- + Tìm hiểu vd , trả lời các câu hỏi trong sgk

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 5 - Bài 4

Tiết 19. Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp

I.Mục tiêu cần đạt.

- 1. Kiến thức:** - HS nêu được cách dẫn trực tiếp và lời dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và lời dẫn gián tiếp.
- 2. Kỹ năng:** HS nhận ra được cách dẫn trực tiếp và gián tiếp.
- HS biết cách sử dụng cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong quá trình tạo lập văn bản.
- 3. Thái độ:** HS có ý thức sử dụng ngôn ngữ TV hợp lí.
- 4. Phẩm chất - năng lực:**
 - Phẩm chất :Chăm học.
 - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

II. Chuẩn bị

1. Giáo viên: Giáo án, SGK, bảng phụ
- Liên hệ với: “Chuyện người con gái Nam Xương”
“Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự”
2. Học sinh : Chuẩn bị bài

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học.

- 1. Phương pháp :** Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.
- 2. Kỹ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. Hoạt động khởi động

***ổn định tổ chức.**

*** Kiểm tra bài**

Nêu đặc điểm của hệ thống từ ngữ xưng hô trong Tiếng Việt? Làm bài tập 6 SGK

***Vào bài mới :** GV cung cấp hai VD và yêu cầu HS xác định điểm giống và khác nhau của hai VD trên (giống về nội dung, khác về hình thức)

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD 1: Cách dẫn trực tiếp Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp - HS đọc 2 đoạn trích - HS thảo luận theo cặp đôi ? Phần in đậm ở câu (a) là lời nói hay ý nghĩ của nhân vật ? ? Nó được ngăn cách với bộ phận đứng trước bằng những dấu gì ?	I. Cách dẫn trực tiếp 1. Tìm hiểu ví dụ (SGK/53) a. " Đấy bác cũng chẳng " thèm " người là gì- " -> Nhắc lại nguyên văn lời nói của nhân vật (vì có từ nói) - Nó được ngăn với bộ phận trước bằng dấu hai chấm và ngoặc kép. b. " Khách tới bất ngờ... chẳng hạn " -> nhắc lại nguyên văn ý nghĩ (vì trước đó có từ nghĩ) - Nó được ngăn với các bộ phận trước bằng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép. c. Có thể thay đổi như: + Đấy... gì- - Cháu nói

? Phần in đậm ở câu (b) là lời nói hay ý nghĩ của nhân vật. Căn cứ vào đâu em biết ?

- HS thảo luận và trình bày.

? Trong cả hai đoạn trích, có thể thay đổi vị trí giữa bộ phận in đậm với bộ phận đứng trước nó không. Nếu được thì hai bộ phận ngăn cách bằng dấu gì ?

- **GV kết luận** : Cách dẫn trên là cách dẫn trực tiếp.

? Vậy thế nào là cách dẫn trực tiếp ?

GV: sử dụng bảng phụ và yêu cầu HS làm bài tập bổ trợ

HD 2 : Cách dẫn gián tiếp

- Gv yêu cầu HS thảo luận theo bàn

? Trong đoạn (a) bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ. Nó được ngăn cách với bộ phận trước bằng dấu gì ?

? Trong đoạn (b) bộ phận in đậm là lời nói hay ý nghĩ. Giữa bộ phận in đậm và bộ phận đứng trước có từ gì ?

- HS thảo luận và trình bày, bổ sung

- **GV** : Đây chính là cách dẫn gián tiếp ?

? Em hiểu cách dẫn gián tiếp là gì ?

? Từ các ví dụ trên, em thấy có mấy cách dẫn lời nói, ý nghĩ của nhân vật. Sự khác nhau của những cách dẫn trên ?

+ Khách tới... chẳng hạn - Họa sĩ nghĩ thầm.

- Hai bộ phận ngăn cách bằng dấu gạch ngang.

2. Ghi nhớ (ý 1/54)

II. Cách dẫn gián tiếp

1. Tìm hiểu ví dụ (SGK/53)

a. " hãy dẫn lòng... mà sợ " -> thuật lại lời nói (vì có từ khuyên) -> Không có dấu ngăn cách.

b. " Bác... ăn dật " -> thuật lại ý nghĩ (vì có từ hiểu)

- Giữa bộ phận in đậm và bộ phận trước có từ " rằng "

- Có thể thay thế bằng từ " là "

2. Ghi nhớ (Điền ý 2/54)

=> **Cách dẫn trực tiếp và gián tiếp**

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
- GV yêu cầu HS đọc, trả lời câu hỏi ? Tìm lời dẫn trong đoạn trích. ? Đó là lời nói hay ý nghĩ. Dẫn bằng cách nào ? - GV nêu yêu cầu cho HS biết thế nào là đoạn văn nghị luận, làm mẫu trường hợp	III. Luyện tập Bài tập 1 (SGK/54) a. " A!... này à- " -> Là ý nghĩ => Lời dẫn trực tiếp. b. " cái vườn... rẻ cả " -> Là ý nghĩ => Lời dẫn trực tiếp. Bài tập 2 (SGK/54) + Trực tiếp: Trong " Báo cáo... Đảng ",

(a) - GV chia lớp thành 2 nhóm ứng với 2 trường hợp viết và trình bày GV nhận xét GV nêu yêu cầu và gợi ý cách làm: + Xác định lời của Vũ Nương- + Nói với ai- + Phần nào người nghe cần chuyển đến người thứ 3- + Người thứ 3 đó là ai- - GV chỉnh sửa và thêm vào câu những từ ngữ thích hợp để mạch chuyển ý của câu được rõ	chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: " Chúng ta phải..." + Gián tiếp: Trong " Báo cáo... Đảng " chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rằng chúng ta phải... Bài tập 3 (SGK/55) VD: Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng và dặn Phan nói hộ với chàng Trương còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, thì xin lập một đàn giải oan ở bên sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước. Vũ Nương sẽ trở về.

4. Hoạt động vận dụng

- Sự khác nhau giữa lời dẫn trực tiếp và gián tiếp.
- Viết đoạn văn trích lời dẫn sau theo cách trích trực tiếp : Không có gì quý hơn độc lập tự do (Hồ Chí Minh)

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Học bài
- Thuộc ghi nhớ
- Hoàn chỉnh bài tập
- Chuẩn bị: Luyện tập tóm tắt tác phẩm tự sự

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 5- bài 4

Tiết 20 : TLV - Luyện tập tóm tắt tác phẩm tự sự

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức: HS nêu được các yếu tố của thể loại tự sự (nhân vật, sự việc, cốt truyện)

- HS giải thích được yêu cầu cần đạt của một văn bản tóm tắt tác phẩm tự sự.

2. Kỹ năng: kỹ năng tóm tắt tác phẩm tự sự.

3. Thái độ: Có ý thức chuẩn bị nghiêm túc phần tóm tắt khi học tác phẩm tự sự.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Phẩm chất : Chăm học.
- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

II. Chuẩn bị

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập

- Tích hợp :+ TLV - Văn: Chuyện người con gái Nam Xương

+ TLV - TLV: Tóm tắt tác phẩm tự sự (Lóp 6, lóp 8)

2. Trò: - Đọc, chuẩn bị yêu cầu

III. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.

2. Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. Hoạt động khởi động

** ổn định tổ chức.*

** Kiểm tra bài cũ (trong giờ học)*

** Vào bài mới :*

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp - GV gọi HS đọc các tình huống - GV ghi ngắn gọn nội dung 3 tình huống ? Ba tình huống trên yêu cầu gì ? ? Để tóm tắt được ta phải làm như thế nào ? ? Việc tóm tắt văn bản trong 3 tình huống trên nhằm mục đích gì ? ? Từ đó em có nhận xét gì về sự cần thiết phải tóm tắt văn bản tự sự ? ? Lấy ví dụ về các tình huống khác trong cuộc sống mà em thấy cần phải vận dụng kĩ năng tóm tắt văn bản. - GV yêu cầu HS đọc các sự việc và nhân vật chính: nêu trong mục 1 (SGK/58,59) - GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm ? Theo em các sự việc chính đã được nêu đầy đủ chưa ?	I. Sự cần thiết của việc tóm tắt văn bản tự sự. 1. Tìm hiểu các tình huống (SGK/58) a. Tóm tắt bộ phim... b. Tóm tắt văn bản... c. Tóm tắt một tác phẩm... (Tóm tắt phải lược bỏ đi những chi tiết, nhân vật, yếu tố phụ không quan trọng, chỉ giữ lại sự việc, nhân vật.) -> Tóm tắt giúp người khác không xem (không đọc) vẫn nắm được nội dung chính; giá trị tác phẩm. => Tóm tắt văn bản tự sự là sự cần thiết giúp cho người đọc, người nghe nắm được nội dung chính của văn bản đó. 2. Ghi nhớ điểm 1/59 II. Thực hành tóm tắt một văn bản tự sự 1. Tóm tắt văn bản: " Chuyện người con gái Nam Xương " - Các sự việc nêu chưa đầy đủ, còn thiếu sự việc quan trọng: Một đêm Trương Sinh cùng con trai ngồi bên đèn, đưa con chỉ bóng trên tường bảo đó là người cha vẫn đến đêm đêm. Trương Sinh thấu nỗi oan của vợ. - Đây là sự việc giúp Trương Sinh hiểu ra

? Có thiếu sự việc nào quan trọng không ? Tại sao

? Các sự việc nêu trên đã hợp lí chưa. Có gì cần thay đổi không và sắp xếp lại không?

- GV gọi HS trình bày, nhận xét

- Yêu cầu HS viết thành văn bản tóm tắt (khoảng 20 dòng) và trình bày trước lớp

? Nếu cần tóm tắt ngắn hơn mà giúp mọi người hiểu nội dung chính em làm như thế nào.

? Như vậy khi tóm tắt văn bản tự sự cần phải đảm bảo yêu cầu gì.

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

- GV hệ thống hóa kiến thức

? Tóm tắt trước lớp một câu chuyện cuộc sống em đã được nghe hoặc thấy (Đoạn văn nói)

- GV nhận xét, rút kinh nghiệm

nỗi oan của vợ chứ không phải đợi đến khi nghe Phan Lang kể chuyện (như sự việc cuối cùng trong SGK)

- Nội dung sự việc 7 chưa hợp lí, cần điều chỉnh bỏ ý Trương Sinh " biết vợ bị oan "

(1) Chàng Trương phải đi lính... (2) Mẹ Trương sinh ốm... (3) Giặc tan... (4) Vũ Nương bị oan... (5) Một đêm chơi cùng con, con nhỏ chỉ bóng Trương Sinh... (6) Phan Lang là người cùng làng... (7) Phan Lang gặp lại Vũ Nương... (8) Trương Sinh bèn lập đàn giải oan.

- Tóm tắt gọn hơn có thể bỏ một số chi tiết không quá quan trọng (2,6) và một số câu từ

=> Ngắn gọn nhưng đầy đủ các nhân vật, sự việc chính.

2. Ghi nhớ (SGK/59)

III. Luyện tập

Bài tập 2 (SGK/59)

+ Giọng điệu rõ ràng

+ Nội dung ngắn gọn , đảm bảo dễ hiểu sự việc

3 . Hoạt động vận dụng

- Nếu cô yêu cầu em tóm tắt một văn bản cụ thể, em phải thực hiện các bước nào. (Tìm sự việc, nhân vật chính, sắp xếp, tóm tắt)

- Tóm tắt văn bản “ Chuyện người con gái Nam Xương”.

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Học thuộc ghi nhớ

- Làm bài tập 1/59 chọn tóm tắt 2 văn bản: một văn bản lớp 8, một văn bản lớp 9

- Chuẩn bị kĩ: Sự phát triển của từ vựng

=====

Ngày soạn:
Tuần 5- bài 4

Ngày dạy:

Tiết 21- TV : Sự phát triển của từ vựng

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức: HS trình bày được sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ . Giải thích được các cách phát triển từ vựng .

2. Kỹ năng: HS có kỹ năng nhận biết ý nghĩa của từ ngữ trong các cụm từ và trong văn bản.

- HS phân biệt được các phương thức tạo nghĩa mới của từ ngữ với các phép tu từ ẩn dụ, hoán dụ.

3. Thái độ: Có ý thức làm giàu vốn ngôn ngữ dân tộc.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Phẩm chất : Chăm học.

- Năng lực tự học – tự chủ, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

II. Chuẩn bị

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan , phiếu học tập

- Tích hợp :+ TV - Văn: Truyện Kiều

+ TV - TV: Sự chuyển nghĩa của từ

2. Trò: - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. Hoạt động khởi động

***ổn định tổ chức.**

*** Kiểm tra bài cũ :** - Có mấy cách dẫn lời nói hay ý nghĩ của nhân vật. Đó là những cách nào.

***Vào bài mới :** GV tổ chức thi giữa hai đội

- Chứng minh rằng các từ sau là từ nhiều nghĩa : Vua, ăn, đầu.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

HĐ1 : Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp - GV yêu cầu HS đọc bài thơ " Vào nhà ngục... ". Ghi lên bảng từ " Kinh tế " ? Từ " kinh tế "trong bài thơ có nghĩa là gì. - GV: Cả câu thơ: khẳng định ôm ấp hoài bão trông coi việc nước, cứu giúp người đời. ? Ngày nay, chúng ta hiểu từ này như thế nào. ? Qua đó, em có nhận xét gì về nghĩa của từ. - GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS thảo luận. ? Xác định nghĩa của các từ " xuân ", " tay " trong mỗi câu thơ? ? Nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa chuyển ? ? Nghĩa chuyển đó được hình thành theo phương thức chuyển nghĩa nào ? - Yêu cầu HS trình bày, nhận xét, bổ sung ? Theo em sự phát triển của từ vựng ở ví dụ trên là phát triển trên phương diện nào ? ? Có mấy cách phát triển nghĩa của từ ?	I. Sự biến đổi và phát triển nghĩa của từ ngữ. 1. Tìm hiểu ví dụ a. Ví dụ 1 (SGK/55) - Kinh tế: trị nước, cứu đời (nói tắt của kinh bang tế thế) - Ngày nay: Kinh tế là chỉ toàn bộ hoạt động của con người trong lao động sản xuất, trao đổi, phân phối và sử dụng của cải vật chất làm ra. -> Nghĩa của từ không phải bất biến. Nó thay đổi theo thời gian. Có những nghĩa cũ bị mất đi và có những nghĩa mới được hình thành. b. Ví dụ 2 (SGK/55,56) <1> " Xuân ": + Trường hợp (a): mùa chuyển tiếp từ đông sang hạ, thời tiết ấm dần lên thường được coi là mở đầu một năm -> Nghĩa gốc + Trường hợp (b): là tuổi trẻ -> Nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ <2> " Tay " + Trường hợp (a): Bộ phận phía trên của cơ thể người, từ vai đến các ngón, dùng để cầm nắm -> Nghĩa gốc + Trường hợp (b): Người chuyên hoạt động hay giỏi một bộ môn, một nghề nào đó -> Nghĩa chuyển theo phương thức hoán dụ - Phát triển nghĩa của từ ngữ trên cơ sở nghĩa gốc của chúng - Có 2 cách phát triển: + Bằng phương thức ẩn dụ + Bằng phương thức hoán dụ 2. Ghi nhớ (SGK/56)

? Qua phân tích các ví dụ, em hãy nx về sự phát triển của từ vựng Tiếng Việt ?

- Yêu cầu HS đọc ghi nhớ

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
- Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi. ? Từ " chân " nào dùng với nghĩa gốc, nghĩa chuyển, chuyển theo phương thức ẩn dụ hay hoán dụ. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân - Dựa vào định nghĩa " trà " nhận xét nghĩa của từ " trà " trong những cách dùng " trà a-ti-sô..." - GV yêu cầu HS trình bày , NX - Nêu nghĩa chuyển từ " đồng hồ " trong các cách dùng " đồng hồ điện", " đồng hồ nước "... - GV tổ chức 2 đội chơi, đội nào lấy được nhiều VD chứng minh các từ " hội chứng ", " ngân hàng ", " sốt ", " vua " là những từ nhiều nghĩa thì thắng cuộc. ? Từ " Mặt trời " trong câu 2 sử dụng phép tu từ nào. Có thể coi đây là hiện	II. Luyện tập Bài tập 1 (SGK/56) - " Chân " trong câu (a): Nghĩa gốc - " Chân " trong câu (b): Nghĩa chuyển theo phương thức hoán dụ - " Chân " trong câu (c),(d): Nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ Bài tập 2 (SGK/56) - Trong những cách dùng " trà a- ti-sô "... từ " trà " được dùng với nghĩa chuyển. " Trà " trong những cách dùng này có nghĩa là sản phẩm từ thực vật được chế biến thành dạng khô dùng để pha uống. -> Từ " trà " được chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ. Bài tập 3 (SGK/57) Trong những cách dùng " đồng hồ điện ", " đồng hồ nước "... từ " đồng hồ " được dùng với nghĩa chuyển, chỉ những dụng cụ để đo có bề ngoài giống đồng hồ. -> Từ " đồng hồ " chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ. Bài tập 4 (SGK/57) VD: Sốt + Nghĩa gốc: tăng nhiệt độ cơ thể lên quá mức bình thường + Nghĩa chuyển: tăng đột ngột về nhu cầu, khiến khan hiếm, giá cao (cơn sốt đất, cơn sốt hàng điện tử ...) Bài tập 5 (SGK/57) Từ " mặt trời " trong câu 2 chỉ Bác Hồ -> Sử dụng phép tu từ ẩn dụ nhưng không

tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa được không. Vì sao. GV lấy thêm ví dụ trong " Khúc hát... mẹ" của Nguyễn Khoa Điềm " Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi Mặt trời của mẹ con nằm trên lưng "	coi đây là hiện tượng phát triển nghĩa của từ vì sự chuyển nghĩa này chỉ có tính chất lâm thời nó không làm từ có thêm nghĩa mới và không thể đưa vào giải thích trong từ điển.

4. Hoạt động vận dụng

- sự phát triển của từ vựng dựa trên phương diện nào ?
- Có mấy cách phát triển nghĩa của từ ?
- Lấy ví dụ và phân tích ví dụ đó.

5 . Hoạt động vận dụng và tìm tòi

- Sưu tầm các bài tập.
- Thuộc ghi nhớ
- Hoàn chỉnh các bài tập
- Chuẩn bị: Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 5- bài 5

Tiết 22: CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA TRỊNH (Đọc thêm)
(Trích : Vũ trung tùy bút) **Phạm Đình Hổ**

I. Mục tiêu cần đạt

- 1. Kiến thức:** Học sinh : - Nêu được sơ giản về thể văn tùy bút thời trung đại.
- Trình bày được cuộc sống xa hoa của vua chúa, sự những nhể của quan lại thời Lê - Trịnh và thái độ phê phán của tác giả. Bước đầu nhận biết được đặc trưng cơ bản của thể loại tùy bút đời xưa và đánh giá được giá trị nghệ thuật của những dòng ghi chép đầy tính hiện thực này.
- 2. Kỹ năng:** HS có kỹ năng đọc – hiểu một văn bản tùy bút thời trung đại và tự tìm hiểu một số địa danh , chức sắc, nghi lễ thời Lê- Trịnh.
- 3. Thái độ:** Có ý thức làm phê phán lối sống hưởng lạc, lãng phí.
- 4. Phẩm chất - năng lực:**
 - Phẩm chất : Yêu thương con người.
 - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy,thẩm mỹ, ngôn từ.

II. Chuẩn bị

- 1. Thầy:-** Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan , phiếu học tập
- Tích hợp :+ Văn - TLV: Văn tự sự, Miêu tả trong văn bản tự sự
+ Văn - Lịch sử
- 2. Trò:-** Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

III. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.

2. Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. Hoạt động khởi động

***ổn định tổ chức.**

*** Kiểm tra bài cũ :** Cảm nhận về vẻ đẹp nhân phẩm của Vũ Nương ?

*** Vào bài mới :** GV giới thiệu video đoạn phim “ Đêm hội long tri”

- Em biết gì về chúa Trịnh và đời sống của nhân dân ta thời kì đó ?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD 1: Đọc và tìm hiểu chung Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình * Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, thẩm mĩ, cảm thụ. ? Nêu những nét chính về tác giả ? ? Đoạn trích " Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh " được trích trong tác phẩm nào và được viết vào khoảng thời gian nào? ? VB ghi chép nội dung gì ? ? Vb cần được đọc với giọng điệu ntn ? Gọi HS đọc - nhận xét ? Em hiểu thế nào là "cung nhân"? ? Văn bản thuộc thể loại gì? ? Phương thức biểu đạt chính của văn bản? Ngoài ra còn có phương thức biểu đạt nào? ? Nêu bố cục của văn bản?	I. Đọc - Tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) 2. Tác phẩm a, Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ - Văn bản được trích trong tác phẩm <i>Vũ trung tùy bút</i> được viết khoảng đầu đời Nguyễn (đầu Tk XIX) - Văn bản ghi chép về cuộc sống và sinh hoạt ở phủ chúa thời Thịnh Vượng Trịnh Sâm (1742-1782) b. Đọc, tìm hiểu chú thích * Đọc - Giọng chậm, hàm ý phê phán *Tìm hiểu chú thích (SGK) c, Thể loại: Tùy bút d, Phương thức biểu đạt chính : Tự sự + miêu tả, biểu cảm e, Bố cục: 2 phần + Phần 1: Từ đầu... " triệu bất tường " -> Thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và các quan lại hầu cận. + Phần 2: Còn lại -> Sự tham lam những nhiễu của bọn quan lại hầu cận. II. Phân tích 1. Thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và các quan lại hầu cận.

HD 2: Phân tích

- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm chú ý một đoạn văn.

Nhóm 1,3 : " Khoảng năm... khúc nhạc

Nhóm 2,4 " Buổi ấy... đầu tay "

- GV đưa câu hỏi thảo luận:

? Mỗi đoạn văn trên được ghi chép về sở thích nào của chúa?

? Sở thích ấy được thể hiện qua những chi tiết nào?

? BPNT được tác giả sử dụng qua các chi tiết trên?

? NX về thú vui chơi của chúa ?

- GV gọi đại diện nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung

- GV giảng

Yêu cầu HS chú ý đoạn " Trong phủ... là triệu bất tường "

? Đoạn văn miêu tả cảnh gì? Cảnh đó gợi cảm giác như thế nào?

? " Kẻ thức giả " là ai? Tại sao tác giả nói " Kẻ... triệu bất tường " để kết thúc đoạn này?

- GV giảng

-GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân.

? Bọn quan lại hầu cận những nhiều dân

* Chúa mê chơi đèn đuốc và dạo chơi Tây Hồ

- Cho " xây dựng đình đài liên miên "

- ở nhiều nơi " Tây Hồ, núi Tử Trầm, núi Dũng Thúy "

- Các cuộc chơi tổ chức thường xuyên " Mỗi tháng ba bốn lần; Vương ra cung Thụy Liên..."

- Huy động nhiều " binh lính dàn hầu ", " các nội thần nhạc công "

* Chúa mê chơi cảnh

- Bao nhiêu trân cầm dị thú, cỏ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở chốn nhân gian, lấy cả cây đa to... phải có cơ binh mới khiêng nổi.

⇒ + Nghệ thuật kể kết hợp miêu tả, các sự việc cụ thể, chân thực, khách quan, vừa liệt kê các biểu hiện vừa miêu tả tỉ mỉ một vài sự kiện để khắc họa ấn tượng.

-> Thể hiện sự ăn chơi xa xỉ, lố lằng, thiếu văn hóa của chúa Trịnh và bọn quan hầu cận.

- Cảnh tượng phủ chúa mỗi khi đêm thanh vắng, tất cả lại chìm ngập trong " chim kêu, vượn hót... tan đàn "

-> Gợi cảm giác ghê rợn trước cái gì đang tan tác đau thương.

- " Kẻ thức giả... triệu bất tường ": cảm xúc chủ quan của tác giả nhưng được thể hiện khéo léo dưới cái nhìn của một loại người chung chung (người có học vấn, hiểu biết) dự báo điềm gở, báo trước sự suy vong của một triều đại.

2. Sự tham lam những nhiều của bọn quan lại hầu cận

- Dò xem nhà nào có chậu hoa cây cảnh, chim tốt, khướu hay... biên ngay hai chữ " phụng thủ "

- trèo tường, phá tường lấy đi, buộc cho tội giấu vật cung phụng để dọa lấy tiền.

-> Thủ đoạn bỉ ổi, hết sức tàn nhẫn, mất nhân tính.

bằng những thủ đoạn nào? Tìm những chi tiết cụ thể? ? Theo em đây là những hành động, thủ đoạn như thế nào? ? Kết thúc phần này tác giả có viết " Nhà ta... có ấy ". Đoạn văn đã sử dụng phương thức biểu đạt nào? Mục đích để làm gì? - GV giảng HD 3 : Tổng kết ? Em thấy thể tùy bút trong bài này có gì khác với thể truyện ở " Chuyện... Nam Xương "? ? Qua phân tích em hiểu được nội dung gì về văn bản?	- " Nhà ta... có ấy " là đoạn tác giả kể chuyện từng xảy ra ở nhà mình. -> Tăng tính chân thực cho những sự việc được ghi chép và thể hiện kín đáo thái độ phê phán, bất bình của tác giả... III. Tổng kết 1. Nghệ thuật Tùy bút ghi chép về con người, sự việc có thật, cụ thể qua đó bộc lộ cảm xúc, nhận xét, đánh giá không gò bó mà viết tản mạn, tùy hứng còn truyện phải có cốt truyện, nhân vật... 2. Nội dung Ghi nhớ (SGK/63)

3. Hoạt động luyện tập

- Qua đây em nhận thấy xã hội Việt Nam thời Lê - Trịnh ra sao ?
- Em hiểu gì về thái độ của tác giả trong bài viết ?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn về sự ăn chơi xa xỉ của vua chúa và quan lại hầu cận trong phủ Chúa Trịnh ?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Học bài theo 2 nội dung chính:
 - + Thói ăn chơi xa xỉ...
 - + Sự tham lam, những nhiễu...
- Thuộc ghi nhớ SGK/63
- Chuẩn bị: Hoàng Lê nhất thống chí
- + Đọc kĩ văn bản
- + Trả lời các câu hỏi phần đọc hiểu VB

=====

Ngày soạn:
Tuần 5 - Bài 5

Ngày dạy:

Tiết 23 – VB : HOÀNG LÊ NHẤT THÔNG CHÍ
(Hồi thứ mười bốn) Ngô gia văn phái

I. Mục tiêu cần đạt

- 1. Kiến thức:** Học sinh : - Nêu được những hiểu biết chung về nhóm tác giả và phong trào Tây Sơn, người anh hùng dân tộc Quang Trung – Nguyễn Huệ.
- Nêu được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi.
- Cảm nhận được vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ. Thấy rõ sự thảm bại của bọn xâm lược, số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.
- 2. Kỹ năng:** HS biết quan sát các sự việc được kể trong đoạn trích trên bản đồ
- HS cảm nhận được tinh thần dân tộc, lòng yêu nước của tác giả trước những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc.
- HS biết liên hệ những nhân vật, sự kiện trong đoạn trích với những văn bản liên quan.
- 3. Thái độ:** Học sinh thêm yêu mến, tự hào biết ơn các vị anh hùng dân tộc.
- 4. Phẩm chất - năng lực:**
- Phẩm chất : Yêu đất nước, sống có trách nhiệm.
- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy.

II. Chuẩn Bị

- 1. Thầy:** - Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan
- Dự kiến phương án tích hợp- liên hệ :
+ Văn - TLV: Tóm tắt văn bản tự sự, Miêu tả trong văn bản tự sự
+ Văn - Văn: Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh
+ Văn - Lịch sử: XHVN thời Lê – Trịnh
- 2. Trò:** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học.

- 1. Phương pháp :** Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Hoạt động nhóm, PP dùng lời có nghệ thuật.
- 2. Kỹ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, đặt câu hỏi.

IV. Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. Hoạt động khởi động

***ổn định tổ chức.**

*** Kiểm tra bài cũ :** - Phân tích sự ăn chơi của xa xỉ của chúa Trịnh và các quan lại hầu cận?

***Vào bài mới :** GV cung cấp một đoạn phim về người anh hùng áo vải và yêu cầu HS nêu cảm nhận về vua Quang Trung.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD 1: Đọc và tìm hiểu chung Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự	I.Đọc - Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Ngô gia văn phái là nhóm tác giả họ Ngô Thì (Ngô Thì Nhiệm, Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du 062,

học, năng lực hợp tác ? Nêu vài nét về tác giả của " Hoàng Lê nhất thống chí " ? ? VB được trích từ tác phẩm nào ? ? Tác phẩm được viết vào thời gian nào và được viết bằng chữ gì? ? Hồi thứ 14 kể về sự việc gì? ? Vb cần được đọc với giọng điệu ntn? - GV đọc, gọi HS đọc và nhận xét - GV kể tóm tắt Hồi 12,13. Yêu cầu HS tóm tắt hồi 14 - GV lưu ý HS khi tóm tắt đảm bảo các SV chính: Nghe tin quân Thanh vào Thăng Long... Quang Trung hạ lệnh xuất quân ngày 25 tháng chạp năm mậu thân... Đến ngày 30 tháng chạp mở tiệc khao quân... Từ ngày mừng 3 tháng giêng đến mừng 5 tháng giêng... quân Thanh đại bại, vua tôi Lê Chiêu Thống... - Yêu cầu HS giải thích một số chú thích SGK/70 ? VB trên thuộc thể loại gì ? ? Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì? Ngoài ra còn có phương thức biểu đạt nào? ? Nhân vật chính trong hồi thứ 14?	2. Tác phẩm a, Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ - Hồi thứ 14 được trích trong tác phẩm <i>Hoàng Lê nhất thống chí</i> . - Tác phẩm được viết trong khoảng thời gian dài từ cuối TK XVIII đến đầu TK XIX bằng chữ Hán - Sự việc: Chiến thắng lòng lầy của vua Quang Trung, sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống phản nước hại dân. b, Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích * Đọc và tóm tắt - Đọc với ngữ điệu phù hợp với từng nhân vật. Lời kể, tả trận đánh cần đọc với giọng khẩn trương, phấn chấn. *Tìm hiểu chú thích (SGK) c, Thể loại : Tiểu thuyết lịch sử chương hồi d, Phương thức biểu đạt chính: Tự sự (có xen kể yếu tố miêu tả) e. Nhân vật Vua Quang Trung đối lập với quân Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống F , Bố cục: 3 phần + Phần 1: Từ đầu ... " 25 tháng chạp năm mậu thân " -> Được tin quân Thanh đã chiếm Thăng Long, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ lên

- HS thảo luận theo cặp đôi
- Theo em đoạn trích trên gồm mấy phần?
- Nêu giới hạn và nội dung chính của từng phần?

Hoạt động 2 : Phân tích

- GV giới thiệu Nguyễn Huệ

? Thái độ của Nguyễn Huệ khi nghe tin giặc đến Thăng Long?

? Sau khi họp bàn, tạm hoãn việc cầm quân Nguyễn Huệ đã làm những gì? Em hãy tìm chi tiết cụ thể?

? Những việc làm đó chứng tỏ vua Quang Trung là người ntn ?

- Yêu cầu HS đọc lời phủ dụ và thảo luận theo cặp đôi

? Trong lời phủ dụ, vua Quang Trung đã khẳng định rõ điều gì?

? Theo em lời phủ dụ có ý nghĩa như thế nào?

- GV gọi HS trình bày , NX

ngôi hoàng đế và thân chinh cầm quân dẹp giặc.

+ Phần 2: Tiếp ... " rồi kéo vào thành "

-> Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung.

+ Phần 3: Còn lại

-> Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống.

II. Phân tích

1. Hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ

a, Quang Trung chuẩn bị lực lượng tiến quân ra Bắc

- Nghe tin giặc đã chiếm Thăng Long, Nguyễn Huệ không hề nao núng " định thân chinh cầm quân đi ngay "

- Chỉ trong hơn một tháng, Nguyễn Huệ: " tế cáo trời đất "; " lên ngôi hoàng đế "; " đốc xuất đại binh " ra Bắc; gặp gỡ " người công sĩ ở huyện La Sơn ", tuyển mộ quân lính; mở cuộc duyệt binh; phủ dụ tướng sĩ ở Nghệ An.

- Hạ lệnh tiến quân ra Bắc, ngày 30 tháng chạp mở tiệc khao quân, vạch kế hoạch tiến đánh, đối phó với nhà Thanh sau khi chiến thắng.

=> **Vua Quang Trung là con người hành động mạnh mẽ, quyết đoán**

- Trong lời phủ dụ quân lính ở Nghệ An, vua Quang Trung đã khẳng định rõ chủ quyền dân tộc của ta; lên án hành động xâm lăng của giặc; nêu bật dã tâm của giặc; nhắc lại truyền thống chống giặc của ta; kêu gọi quân lính " đồng tâm hiệp lực "; ra kỉ luật nghiêm...

-> khích lệ lòng yêu nước căm thù giặc của quân sĩ ,lời phủ dụ vừa có tính chất rắn đe lại vừa kêu gọi

- Khi Sở, Lân mang gươm đến xin chịu tội, vua Quang Trung thẳng thắn chê họ vô mưu, khen họ hữu dũng, tha tội. Biết được kế rút lui của Ngô Thì Nhậm

? Cách xử trí của vua Quang Trung khi gặp tướng Sở và Lân? ? Cách xử trí này nói lên điều gì? ? Vua Quang Trung còn có những nhận định ntn về tình hình thời cuộc? ? Qua những chi tiết trên, em có nhận xét như thế nào về ông ? ? Ngoài ra Quang Trung còn có tài dự đoán ra sao? ? Những chi tiết này đã khẳng định điều gì? ? Tìm chi tiết nói về cách dụng binh của Quang Trung? ? Nhận xét cách dụng binh đó? GV: thời gian gấp gáp, binh lính hàng quân xa, liên tục, không được nghỉ ngơi vừa đi vừa đánh nhưng đội quân vẫn chỉnh tề, nhuệ khí ngày càng tăng. ? Qua các chi tiết trên , em hiểu gì về vị vua này ?	-> Khen chê đúng người đúng việc khiến cho các tướng tâm phục khẩu phục hết lòng phò vua. - Địch mạnh, ta yếu -> rút lui là một kế hay - Thăng Long bốn phía đều bị đánh -> không chống cự nổi => Vua Quang Trung là người có trí tuệ sáng suốt, nhạy bén. - Mới khởi binh vua QT đã khẳng định sẽ thắng trong vòng 10 ngày... còn tính sẵn kế hoạch ngoại giao sau chiến thắng một nước lớn gấp 10 nước mình... => Thể hiện ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng của vua Quang Trung. - Cuộc hành quân thần tốc từ ngày 25 tháng chạp đến ngày mùng 7 tháng giêng từ Huế ra Thăng Long và vượt trước ngày, tất cả chỉ là đi bộ. => Vua Quang Trung có tài dụng binh như thần => Vua Quang Trung là vị vua yêu nước, sáng suốt, có tài cầm quân ...

3. Hoạt động luyện tập

- Kể tóm tắt văn bản " Hoàng Lê nhất thống chí "?
- Nhắc lại nội dung chính của văn bản?
- Nhắc lại nét chính về nhóm tác giả Ngô Gia Văn Phái ?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ trước khi kéo quân ra Bắc.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về tác phẩm.
- Học bài (Tác giả, tác phẩm, PTBD, nội dung, bố cục)
- Chuẩn bị tiếp phần phân tích:
 - + Hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ
 - + Hình ảnh quân Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống

Ngày soạn:
Tuần 6 - bài 5

Ngày dạy:

Tiết 24: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ (Tiếp)
(Hồi thứ mười bốn)

Ngô Gia Văn Phái

I. Mục tiêu cần đạt

- 1. Kiến thức:** Học sinh : - Nêu được những hiểu biết chung về nhóm tác giả và phong trào Tây Sơn, người anh hùng dân tộc Quang Trung – Nguyễn Huệ.
- Nêu được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi.
- Cảm nhận được vẻ đẹp hào hùng của người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ. Thấy rõ sự thảm bại của bọn xâm lược, số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống.
- 2. Kỹ năng:** HS biết quan sát các sự việc được kể trong đoạn trích trên bản đồ
- HS cảm nhận được tinh thần dân tộc, lòng yêu nước của tác giả trước những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc.
- HS biết liên hệ những nhân vật, sự kiện trong đoạn trích với những văn bản liên quan.
- 3. Thái độ:** Học sinh thêm yêu mến, tự hào biết ơn các vị anh hùng dân tộc.
- 4. Phẩm chất - năng lực:**
- Phẩm chất : Yêu đất nước, sống có trách nhiệm.
- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy, thẩm mỹ, ngôn ngữ.

II. Chuẩn Bị

- 1. Thầy:** - Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan
- Dự kiến phương án tích hợp- liên hệ :
+ Văn - TLV: Tóm tắt văn bản tự sự, Miêu tả trong văn bản tự sự
+ Văn - Văn: Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh
+ Văn - Lịch sử: XHVN thời Lê – Trịnh
- 2. Trò:** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học.

- 1. Phương pháp :** Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Hoạt động nhóm, PP dùng lời có nghệ thuật.
- 2. Kỹ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, đặt câu hỏi, thuyết trình tích cực.

IV. Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. Hoạt động khởi động

***ổn định tổ chức.**

*** Kiểm tra bài cũ :** Cảm nhận về người anh hùng dân tộc Quang Trung trước khi đại phá quân Thanh.

***Vào bài mới :** GV cung cấp video một đoạn phim cổ trang về vua Quang Trung
?Đến với bài học này, em muốn có thêm những hiểu biết gì về vua Quang Trung và cuộc kháng chiến chống quân Thanh.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 2: Phân tích (tiếp theo) Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác ? Vua Quang Trung đại phá quân Thanh bằng những trận đánh lớn nào ? ? Hãy tóm tắt hai trận đánh ở Phú Xuyên và Hạ Hồi ? ? Cách đánh của vua Quang Trung trong hai trận này có gì đặc biệt ? - GV: giảng ? Trước khi đại phá thành Ngọc Hồi , vua Quang Trung đã có kế sách gì ? ? Kế sách này càng giúp ta hiểu thêm vua Quang Trung là một người ntn ? - GV; giảng và dẫn dắt : trí tuệ sáng suốt của Vua QT còn được thể hiện rất rõ trong trận chiến này - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Hãy tìm những chi tiết thể hiện sự kiện vua Quang Trung đại phá thành Ngọc Hồi ?	I . Tìm hiểu chung II. Phân tích 1. Hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ b. Vua Quang Trung đại phá quân Thanh - Phú xuyên , Hạ Hồi , Ngọc Hồi *Trận Phú Xuyên: Quân Tây Sơn bắt sống hết địch *Trận Hạ Hồi : Bắn loa truyền gọi , quân giặc đầu hàng -> Bí mật, bất ngờ, đảm bảo bí mật mà không gây thương vong *Trận Ngọc Hồi - Trước đó : (Đoán trước được đường rút chạy của địch) cho quân nghỉ binh ở phía Đông thành . bố trí quân voi từ Đại để diệt đường rút lui của địch -> Trí tuệ sáng suốt - Trong trận chiến : .lấy ván ghép phủ rơm đắp nước để làm mộc che .Dàn trận chữ nhất .Khi giáp lá cà : quăng ván -cầm dao ngắn chém , người cầm binh khí theo sau xông tới . Tướng ở trên trời xuống , quân chui dưới đất lên - Kết quả : quân Thanh đại bại + NT: kể xen miêu tả Miêu tả cụ thể chi tiết

? Tác giả sử dụng bpnt nào?
? Em hình dung ntn về trận chiến Ngọc Hồi ?

- HS thảo luận -> trình bày -> bổ sung
- GV: giảng

? Trong trận chiến đầu này, hình ảnh vua QT được miêu tả qua các chi tiết nào ?

-? Cảm nhận của em về hình ảnh vua QT

? Qua các trận đánh trên , em thấy vua QT là người ntn ?

- GV: **Là một tổng chỉ huy chiến dịch thực sự:** hoạch định phương lược, tổ chức quân sĩ, tự mình thống lĩnh một mũi tiến công, thúc quân đuổi giặc, bắc loa truyền giặc đầu hàng... thật lắm liệt

- Gv yêu cầu HS thảo luận theo 5 nhóm

? Hình ảnh quân Thanh khi mới đến nước ta

?Hình ảnh quân tướng nhà Thanh khi lâm trận ?

? Khi nghe tin Ngọc Hồi thất thủ , hình ảnh quân Thanh ở Thăng Long ra sao ?

? Cách thể hiện của tác giả ở những chi tiết trên có gì đặc biệt ?

? Qua đó em hiểu gì về quân tướng nhà Thanh ?

- HS thảo luận, trình bày, bổ sung
- GV ; giảng

-> Một trong những chiến thắng oanh liệt nhất trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

- Vua QT : chỉ huy mũi tiến công, cưỡi voi đi đốc thúc, xông pha trận mạc trong cảnh khói tỏa mù trời

-> Một hình ảnh đẹp, oai phong, lắm liệt

=> **Tính cách quả cảm mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, tài dụng binh như thần, là người tổ chức và linh hồn của chiến công vĩ đại.**

2. Hình ảnh quân tướng nhà Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống.

* Quân tướng nhà Thanh:

- Đi lại nhùng nhằng, tuyên bố sẽ tiêu diệt quan Tõy Sơn.

- **Trận Phú Xuyên :** từ xa trông thấy quân Tây Sơn đã tháo chạy

-Trận Hạ Hồi : rụng rời sợ hãi , xin đầu hàng

- Trận Ngọc Hồi : bắn không trúng người nào , bỏ chạy toán loạn , giày xéo lên nhau mà chết...

- Thăng Long : Tôn Sĩ Nghị sợ mất mặt, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp, chuồn trước qua cầu phao mà chạy

quân thì hoảng hồn tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông xô đẩy nhau rơi xuống mà chết...

+ Kể xen miêu tả cụ thể, sinh động, mang tính cường điệu

=> Thất bại vô cùng thảm bại của những tên giặc ham sống sợ chết. Đó là kết cục đích đáng đối với những hành động phi nghĩa của kẻ xâm lược

* Vua tôi Lê Chiêu Thống:

- Vua tôi Lê Chiêu Thống vội vã ra

? Quân Thanh thua trận, vua tôi Lê Chiêu Thống rơi vào hoàn cảnh nào? ? Em có nhận xét gì về kết cục của vua tôi Lê Chiêu Thống? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Khi miêu tả cuộc tháo chạy của quân Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống có gì khác nhau? Tại sao? - Yêu cầu HS trình bày , NX ? ở phần này, tác giả dùng lối viết như thế nào? ? Em hiểu gì về thái độ của người viết khi viết về QT (người ở phe đối lập) - Qua đó, hồi thứ 14 đã phản ánh điều gì ? Hoạt động 3: Tổng kết ? Nhận xét nghệ thuật đặc sắc của văn bản? (NT trần thuật) ? Quan điểm sáng tác của Ngô gia văn phái? ? Qua văn bản em hiểu được điều gì? Cho HS đọc ghi nhớ	ngoài, cướp cả thuyền dân, chạy mấy ngày không ăn... => Nhục nhã ê chề. Đó là kết cục của kẻ bán nước cầu vinh(cống rắn cắn gà nhà.) - Đoạn miêu tả cuộc tháo chạy của quân Thanh nhịp điệu nhanh, mạnh, hối hả -> thể hiện sự hả hê trước thất bại của giặc. - Còn khi miêu tả cuộc tháo chạy của vua tôi nhà Lê thì chậm hơn, miêu tả tỉ mỉ những giọt nước mắt -> thể hiện sự ngậm ngùi chua xót trước sự sụp đổ của nhà Lê (tác giả đều là những vị quan dưới triều nhà Lê) + NT: Trần thuật xen miêu tả cụ thể + Tôn trọng sự thật , tôn trọng lịch sử , ngưỡng mộ tài năng của vua QT-> Phản ánh chân thực <=> Nổi bật hình ảnh người anh hùng dân tộc Quang Trung Làm rõ sự thất bại, nhục nhã của quân Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật + Trần thuật xen miêu tả cụ thể + Tôn trọng sự thật, tôn trọng lịch sử 2. Nội dung * Ghi nhớ (SGK)

3. Hoạt động luyện tập

- Hình tượng anh hùng Nguyễn Huệ được khắc họa như thế nào?
- Qua 2 văn bản " Chuyện cũ... Trịnh " và " Hoàng Lê... chí " em hiểu gì về triều đình Lê – Trịnh?

4. Hoạt động vận dụng

- sưu tầm tranh ảnh và viết bài văn giới thiệu về người anh hùng dân tộc Quang Trung.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm các bài viết về tác phẩm.

- Học bài theo các nội dung chính
(Chú ý phân tích 2 hình ảnh đối lập)
- Thuộc ghi nhớ
- Chuẩn bị: Sự phát triển của từ vựng : Tìm hiểu vd , trả lời các câu hỏi

=====

Ngày soạn:
Tuần 6- bài 5

Ngày dạy:

Tiết 25 : SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

HS cần :

- Kiến thức:** Nêu được hiện tượng phát triển từ vựng bằng cách tạo từ mới và mượn từ .
- Kĩ năng:** Rèn kĩ năng nhận diện và sử dụng từ mượn tiếng nước ngoài phù hợp.
- Thái độ:** Biết yêu và giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.
- Phẩm chất - năng lực:**
 - Phẩm chất : Yêu đất nước, sống có trách nhiệm.
 - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy,thẩm mĩ, ngôn ngữ.

II. Chuẩn Bị

- Thầy:-** Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan , phiếu học tập
 - Dự kiến phương án tích hợp:
 - + TV - Văn: Chuyện người con gái Nam Xương, Cảnh ngày xuân
 - + TV- TV: Sự phát triển của từ vựng (Tiết 21)
- Trò:** - Đọc và trả lời các câu hỏi SGK

III. Các phương pháp và kĩ thuật dạy học.

- Phương pháp :** Gọi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.
- Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, lược đồ tư duy.

IV. Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. Hoạt động khởi động

***ổn định tổ chức.**

*** Kiểm tra bài cũ :**

- Nghĩa của từ vựng có sự phát triển như thế nào.
- Làm bài tập số 5 (SGK/57)

***Vào bài mới : GV tổ chức cho HS chơi trò chơi về từ vựng**

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và học sinh	Nội dung cần đạt
HD 1: Tạo từ ngữ mới Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân	I-Tạo từ ngữ mới <u>1. Tìm hiểu ví dụ</u>

tích * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp - Yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm ? Tìm những từ ngữ được cấu tạo trên cơ sở những từ đã cho ? ? Giải thích nghĩa của các từ trên ? - Gv gọi Hs trình bày, NX ? Những từ mới trên được tạo ra bằng cách nào ? ? Trong TV có những từ ngữ được cấu tạo theo mô hình: “X + tặc”. Hãy tìm những từ ngữ theo mô hình đó ? ? Cách tạo ra từ mới trong vd trên ? ? Qua hai vd , em hãy nêu những cách để tạo từ mới ? ? Tạo từ mới để làm gì ? HD 2: Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học . ? Tìm từ Hán Việt trong hai đoạn trích ?	<u>* Ví dụ 1</u> - Điện thoại di động: Điện thoại vô tuyến nhỏ, mang theo người, được sử dụng trong vùng phủ sóng của cơ sở cho thuê bao. - Kinh tế tri thức: Nền kinh tế dựa chủ yếu vào sx, lưu thông, phân phối sản phẩm có hàm lượng tri thức cao - Đặc khu kinh tế: Khu vực dành thu hút vốn, CN nước ngoài, với những chính sách ưu đãi. - Sở hữu trí tuệ: Quyền sở hữu những sản phẩm do hoạt động trí tuệ mang lại, được pháp luật bảo hộ như quyền tác giả.... -> Từ ngữ mới được tạo ra bằng cách ghép hai từ có sẵn <u>* Ví dụ 2</u> - Lâm tặc: kẻ cướp tài nguyên rừng - Tin tặc: kẻ dùng kỹ thuật thâm nhập trái phép vào dữ liệu trên máy tính của người khác để khai thác hoặc phá hoại - Hải tặc: kẻ cướp trên biển - Gian tặc: kẻ gian manh, trộm cắp - Nghịch tặc: kẻ phản bội, làm giặc -> Tạo ra từ mới bằng cách ghép với một từ có sẵn <u>2. Ghi nhớ 1</u> (SGK) II- Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài <u>1. Tìm hiểu ví dụ</u> <u>* Ví dụ 1</u> a. Thanh minh, tiết, lễ, tảo mộ, hội, đạp thanh, yến anh, bộ hành, xuân, tài tử, giai nhân b. Bạc mệnh, duyên, phận, thần, linh, chứng giám, thiếp, đoan trang, tiết, trinh bạch, ngọc. -> Tiếng Hán

? Những từ trên có nguồn gốc từ ngôn ngữ nào ? GV: yêu cầu học sinh trao đổi cặp đôi và trình bày -> NX ? Tìm từ chỉ những khái niệm : + Bệnh mất khả năng miễn dịch, gây tử vong + N/cứu một cách có hệ thống những điều kiện để tiêu thụ hàng hoá(nhu cầu, thị hiếu) ? Những từ này có nguồn gốc từ đâu. ? Lấy thêm VD từ mượn từ các ngôn ngữ khác? ? Bộ phận từ mượn nào quan trọng nhất trong TV? ? Để phát triển từ vựng, người ta còn dùng cách nào khác ? ? Trong bài học này, Từ vựng được phát triển trên cơ sở nào ? - GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy ? Cùng với bài học trước, theo em từ vựng được phát triển trên những cơ sở nào ? - HS thảo luận và trình bày.	<u>* Ví dụ 2</u> a. AIDS b. Ma-ket-ting } -> Tiếng Anh - Tiếng Pháp : xà phòng , gác -đờ - bu - Tiếng Hán -> Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài -> Phát triển từ vựng trên cơ sở số lượng từ (tạo từ ngữ mới và mượn từ) <u>2. Ghi nhớ 2</u> => Phát triển từ vựng trên cơ sở nghĩa của từ (từ nghĩa gốc tạo ra những nét nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ và hoán dụ) Phát triển từ vựng trên cơ sở số lượng từ (tạo từ ngữ mới và mượn từ)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của GV và học sinh	Nội dung cần đạt
- HS thi giữa hai đội ? Tìm từ theo mô hình x + ?	III Luyện tập <u>Bài tập 1</u> “ X+ trường”: chiến trường, công trường, nông trường, ngư trường, thương trường. “ X+ hoá”: Ôxi hoá, lão hoá, cơ giới hoá, điện khí hoá, CN hoá, hiện đại hoá... “ X+ điện tử”: Thư điện tử, thương mại ĐT, giáo dục ĐT ...

- GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm ? Tìm 5 từ mới được dùng phổ biến gần đây và giải thích nghĩa của những từ ngữ đó ?

- GV gọi HS trình bày, NX

- Nêu yêu cầu của BT.

- Chia 4 nhóm tìm:

+ Nhóm 1, 3 : tìm từ HV

+ Nhóm 2, 4 : tìm từ mượn ngôn ngữ châu Âu

- GV gọi HS trình bày, NX

- Hướng dẫn HS làm BT 4 ở nhà

Bài tập 2

- Cơm bụi: cơm giá rẻ, thường bán trong hàng quán nhỏ, tạm bợ

- Công viên nước: công viên trong đó chủ yếu là những trò chơi dưới nước như trượt nước, bơi thuyền

- Công nghệ cao: CN dựa trên cơ sở KHKT hiện đại, có độ chính xác và hiệu quả kinh tế cao.

- Đa dạng sinh học: phong phú, đa dạng về nguồn gen về giống loài SV trong tự nhiên.

- Thương hiệu: nhãn hiệu thương mại

Bài tập 3

Từ mượn tiếng Hán	Từ mượn ngôn ngữ Châu Âu
Măng xà, tô thuế, biên phòng, phê phán, tham ô, phê bình, nô lệ, ca sỹ	Xà phòng, ô tô, ra-đi-ô, cà phê, ca nô, ôxi

Bài 4

4. Hoạt động vận dụng

-Tìm thêm những từ ngữ mới được xuất hiện trong thời gian gần đây và chia sẻ với bạn bè.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

-Sưu tầm thêm các bài tập và làm.

- Nắm vững nội dung bài, học ghi nhớ

- Hoàn thành các BT

- Chuẩn bị bài: **Thuật ngữ**

+ Đọc bài, soạn bài

+ Khái niệm, đặc điểm của thuật ngữ

Ngày soạn:

Tuần 6- bài 6

Ngày dạy:

Tiết 26: VB - TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

HS cần :

1. Kiến thức: Nêu được các nét chính về cuộc đời, sự nghiệp, con người thi hào Nguyễn Du.

- Hiểu được thời đại Nguyễn Du sống có ảnh hưởng ntn tới các tác phẩm của ông , đặc biệt là Truyện Kiều .

- Trình bày được cốt truyện,nhân vật, sự kiện của Truyện Kiều.

- Nhận biết thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc trong một tác phẩm văn học trung đại

-Hiểu được những giá trị nội dung và nghệ thuật của tp

2. Kỹ năng: Nhận ra những đặc điểm nổi bật về cuộc đời và sáng tác của một tác giả văn học trung đại

3. Thái độ: HS thêm tự hào về con người Việt Nam.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Phẩm chất : Yêu đất nước, sống có trách nhiệm.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy,thẩm mỹ, ngôn ngữ.

II. Chuẩn Bị

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu về Nguyễn Du

- Chân dung Nguyễn Du (Ảnh)

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Lịch sử : Đất nước thời Lê - Trịnh, thời nhà Nguyễn

2. Trò: - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK, tìm đọc thông tin về Nguyễn Du và " Truyện Kiều "

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp,Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích,Hoạt động nhóm, PP dùng lời có nghệ thuật, hợp đồng.

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, lược đồ tư duy, thuyết trình tích cực.

IV. Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. Hoạt động khởi động

***ôn định tổ chức.**

*** Kiểm tra bài cũ :** - Nêu cảm nhận của em về hình tượng Nguyễn Huệ?

***Vào bài mới :** Gv cung cấp video ngâm thơ hoặc vịnh Kiều

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD 1: Tác giả Nguyễn Du Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích , PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học - GV: sử dụng PP hợp đồng và kỹ thuật thuyết trình tích cực yêu cầu HS giới thiệu về tác giả Nguyễn Du bằng cách trình chiếu - HS trình chiếu và thuyết trình. GV: - Trích dẫn lời của Mộng Liên	I. Tác giả Nguyễn Du 1.Tiểu sử - Nguyễn Du (1765 - 1820), tên tự : Tố Như, hiệu : Thanh hiên, quê ở làng Tiên Điền , huyện Nghi Xuân - Hà Tĩnh *. Gia đình : Sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống văn học. -> Tạo năng khiếu và là cái nôi nuôi dưỡng năng khiếu văn chương của Nguyễn Du * Thời đại : Nguyễn Du sống trong giai đoạn lịch sử có nhiều biến động : xã hội phong kiến khủng hoảng, phong trào nông dân khởi nghĩa nổ ra liên tục (tiêu

Đường : Lời văn tả ra hình như máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm trên tờ giấy khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía ngậm ngùi, đau đớn đến đứt ruột...Nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời thì tài nào có cái bút lực ấy

biểu là khởi nghĩa Tây Sơn) đánh đổ các tập đoàn phong kiến Lê, Trịnh, Nguyễn...

***Cuộc đời Nguyễn Du**

+ gặp nhiều sóng gió: 9 tuổi mồ côi cha, 12 tuổi mồ côi mẹ,

+1786-1796 ; Ông sống phiêu bạt trên đất Bắc.

+1796-1802 : Ông về ở ẩn tại quê nội Hà Tĩnh

+Năm 1802 : Dưới triều vua Gia Long , ông được triệu ra làm quan

+ Năm 1813-1814 : Ông được cử làm chánh sứ sang Trung Quốc

+Năm 1820 : ông bị bệnh và mất ở Huế

-> Những biến cố lịch sử, cuộc đời sóng gió của Nguyễn Du đã tác động mạnh đến tình cảm, nhận thức của Nguyễn Du để ông hướng ngòi bút vào hiện thực

" Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng."

2. Nguyễn Du là người có hiểu biết sâu rộng, vốn sống phong phú-> ảnh hưởng lớn đến các sáng tác của ông .

- Ông luôn coi trọng cái " tâm ", giàu lòng thương yêu

" Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài "

3. Sự nghiệp văn học của Nguyễn Du gồm những tác phẩm có giá trị lớn bằng

+ Thơ chữ Hán có ba tập thơ , gồm 243 bài là : Nam trung tạp ngâm , Bắc hành tạp lục , Thanh hiên thi tập.

+ Tác phẩm chữ Nôm xuất sắc nhất của ông là Đoạn trường Tân Thanh con gọi là Truyện Kiều, sau đó còn có Văn chiêu hồn ...

=>Nguyễn Du là một thiên tài văn học, là danh nhân văn hóa thế giới, là đại thi hào dân tộc, là một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.

II. Truyện Kiều

1. Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ

HD 2: Truyện Kiều Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, cảm thụ. ? Truyện có nguồn gốc từ đâu? - GV: cung cấp một số tư liệu về thời gian sáng tác Truyện Kiều? ? Truyện Kiều thuộc thể loại gì và được viết theo thể thơ nào ? ? Truyện Kiều còn có tên gọi khác là gì - GV; giới thiệu tranh về TK và giảng ? Truyện Kiều gồm mấy phần, là những phần nào? - GV sử dụng PP dạy học theo hợp đồng : Yêu cầu HS tóm tắt theo bố cục 3 phần đã chuẩn bị - GV nhận xét, tóm tắt ngắn gọn (đưa các câu thơ trong tác phẩm vào) ? Giá trị hiện thực được phản ánh ra sao trong tác phẩm Truyện Kiều ? GV ; Giảng ? Giá trị nhân đạo được thể hiện như thế nào trong Truyện Kiều? - GV giảng, lấy dẫn chứng trong Truyện Kiều để chứng minh. ? Nêu những giá trị về nghệ thuật của Truyện Kiều ?	- Nguồn gốc: Có dựa theo cốt truyện “Kim Vân Kiều Truyện” của Thanh Tài Nhân (TQ) nhưng phần sáng tạo của Nguyễn Du là rất lớn. 2. Thể loại: Truyện thơ nôm -3254 câu thơ lục bát - Tên gọi khác: Đoạn trường tân thanh 3. Tóm tắt tác phẩm - Phần thứ nhất: Gặp gỡ và đính ước - Phần thứ hai: Gia biến và lưu lạc - Phần thứ ba: Đoàn tụ 4. Giá trị nội dung và nghệ thuật a. Giá trị nội dung: - Giá trị hiện thực: Phản ánh hiện thực xã hội với bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị và số phận con người bị áp bức ... - Giá trị nhân đạo: thể hiện niềm thương cảm sâu sắc với nỗi đau khổ của con người, lên án, tố cáo những thế lực tàn bạo, đề cao trân trọng con người ... b. Giá trị nghệ thuật: - Thể thơ lục bát của dân tộc đạt tới đỉnh cao - Ngôn ngữ tiếng việt trở nên đẹp long lanh như những viên ngọc - Truyện Kiều đạt tới đỉnh cao của ngôn ngữ nghệ thuật (không chỉ có chức năng biểu đạt, biểu cảm mà còn có khả năng thẩm mỹ) - Nghệ thuật tự sự có bước phát triển vượt bậc; ngôn ngữ kể chuyện có cả 3 hình thức: trực tiếp, gián tiếp, nửa trực tiếp; nhân vật có hành động, suy nghĩ, miêu tả nội tâm đa dạng.

- GV giảng, lấy dẫn chứng trong Truyện Kiều để chứng minh.	

3. Hoạt động luyện tập

- Nêu nét chính về tác giả Nguyễn Du.?
- kể tên một số tác phẩm văn học của Nguyễn Du ?
- Giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của “Truyện Kiều”?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn giới thiệu về Nguyễn Du và Truyện Kiều.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Sưu tầm các tư liệu về tác giả và tác phẩm.
- Học bài .
- Soạn : Chị em Thúy Kiều.

Ngày soạn:

Tuần 6 - bài 6

Ngày dạy:

Tiết 27 : **CHỊ EM THÚY KIỀU**
(Trích Truyện Kiều) Nguyễn Du

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

HS cần :

1. Kiến thức: Trình bày được nghệ thuật miêu tả nhân vật của Nguyễn Du ; sử dụng nghệ thuật ước lệ mà vẫn gợi tả được vẻ đẹp và tính cách riêng của chị em Thúy Kiều.

- Hiểu được cảm hứng nhân đạo trong Truyện Kiều : sự trân trọng sắc đẹp, tài năng, phẩm cách con người.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng đọc diễn cảm, phân tích nhân vật, phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu cho bút pháp nghệ thuật cổ điển của Nguyễn Du trong văn bản .Có ý thức liên hệ với vb liên quan để tìm hiểu về nv.

3. Thái độ: Biết trân trọng vẻ đẹp, tài năng, phẩm cách của con người.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Phẩm chất : Yêu thương con người.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy,thẩm mỹ, ngôn ngữ.

II. Chuẩn Bị

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - TV : So sánh, ẩn dụ, nhân hóa...

+ Văn - TLV : Miêu tả trong văn bản tự sự

2. Trò:- Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Hoạt động nhóm, PP dùng lời có nghệ thuật, hợp đồng.

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não, lược đồ tư duy, thuyết trình tích cực.

IV. Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. Hoạt động khởi động

***ổn định tổ chức.**

*** Kiểm tra bài cũ :** - Trình bày về Nguyễn Du và Truyện Kiều ?

***Vào bài mới :** *Gv cung cấp video ngâm thơ đoạn trích trên.*

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD 1: Đọc và tìm hiểu chung Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, cảm thụ. ? Em hãy nêu vị trí của đoạn trích ? ? VB cần được đọc với giọng điệu ntn ? GV hướng dẫn đọc diễn cảm -> GV đọc mẫu. Gọi HS đọc -> GV nhận xét - Yêu cầu HS đọc thầm chú thích SGK GV gọi HS trả lời một số chú thích 2,6,13 ? Thể loại của vb ? ? Phương thức biểu đạt của đoạn trích là gì.? ? VB được chia làm mấy phần , giới hạn và nội dung từng phần? HD 2 : Phân tích	I. Đọc và Tìm hiểu chung 1, Vị trí của đoạn trích - Vị trí : Nằm ở phần đầu (gấp gở và đỉnh ước) 2. Đọc , hiểu chú thích a , Đọc b. Tìm hiểu chú thích 3. Truyện thơ nôm 4. Phương thức biểu đạt : Tự sự kết hợp miêu tả 5. Bố cục : 4 phần + Phần 1 (4 câu đầu) : Giới thiệu khái quát về hai chị em Thúy Kiều. + Phần 2 (4 câu tiếp) : Bức chân dung Thúy Vân. + Phần 3 (12 câu tiếp) : Bức chân dung của Thúy Kiều. + Phần 4 (4 câu còn lại) : Vẻ đẹp đức hạnh của hai chị em Thúy Kiều. II. Phân tích 1. Bức chân dung của chị em Kiều. Đầu lòng ... Vân - <i>Tố nga: Người con gái đẹp</i> + Hình ảnh ẩn dụ -> Thúy Kiều, Thúy Vân là hai người con gái xinh đẹp. -> Giới thiệu vị thứ của chị em Kiều

? Vẻ đẹp chung của chị em Kiều được giới thiệu qua lời thơ nào?

? " Tổ nga " là gì? BPNT nào đã được tác giả sử dụng ở hình ảnh này ?

? Qua đó em thấy Vân, Kiều là 2 cô gái có hình thức ra sao.?

? Câu thơ thứ hai còn giúp ta biết được điều gì ?

- GV: Vế 2 đảo ngược với vế 1, hai từ "chị", "em" đứng gần nhau -> Thể hiện **mối tình chị em khăng khít**, luôn đi cùng nhau, đồng thời tạo ra sự hài thanh cho dòng thơ.

? Trong đoạn thơ, tác giả đánh giá khái quát vẻ đẹp hai nhân vật này ra sao?

? Dựa vào lời thơ em hãy diễn tả lại vẻ đẹp của Thúy Vân, Thúy Kiều bằng lời văn của em ?

? Tác giả dùng nghệ thuật gì ở những lời thơ trên ?

? Em cảm nhận ntn vẻ đẹp của chị em Kiều ?

- GV: Bốn câu thơ vừa khái quát được vẻ đẹp chung lại vừa khẳng định vẻ đẹp riêng của từng người

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Sắc đẹp của Thúy Vân được đặc tả qua những câu thơ nào. ?

? Hãy tả lại vẻ đẹp của Thúy Vân qua cách miêu tả của tác giả. ?

? Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng khi nói về vẻ đẹp đó của Thúy Vân. ?

? Qua đây em hình dung như thế nào về nhan sắc của Thúy Vân. ?

trong gia đình

" Mai cốt cách tuyết tinh thần
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười

- Dáng người thanh tao, mảnh dẻ như cây mai.

- Tâm hồn trong sáng như tuyết

- Song mỗi người lại có vẻ đẹp riêng toàn vẹn, toàn mỹ.

+ NT :

- Hình ảnh ước lệ tượng trưng, thành ngữ

=> Hai chị em Kiều đẹp hoàn mỹ, thanh cao, trong trắng, đẹp từ hình dáng đến tâm hồn .

2. Bức chân dung Thúy Vân

Vân xem trang trọng khác vời

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da

- Trang trọng : Cao sang, quý phái.

- khuôn mặt tròn đầy như trăng rằm.

- lông mày đẹp như mày ngài (con bướm tằm)

- Nụ cười của Thuý Vân tươi như hoa, tiếng nói trong như ngọc.

- Tóc mềm hơn mây, da trắng hơn tuyết

+ NT : Hình ảnh ẩn dụ mang tính ước lệ , liệt kê, từ ngữ chọn lọc (từ Hán việt , từ chỉ mức độ)

-> Thuý Vân có vẻ đẹp quý phái, phúc hậu, cao sang

-> vẻ đẹp hài hòa với thiên nhiên tạo hóa

=> Dự báo trước cuộc sống êm đềm, bình lặng, suôn sẻ của Thuý Vân.

- HS thảo luận, trình bày, bổ sung.
 ? Vẻ đẹp ấy ntn với thiên nhiên tạo hóa ?
 ? Với cách miêu tả này, tác giả như dự báo gì về cuộc đời Thúy Vân. ?
 - GV giảng

? Câu thơ nào khái quát vẻ đẹp của Kiều ?

\
 ? Nghệ thuật gì được tác giả sử dụng, tác dụng ?

? Em hãy tìm những câu thơ miêu tả sắc đẹp của Thúy Kiều. ?

? Em hãy giới thiệu vẻ đẹp của Kiều qua lời thơ trên ?

? Cách miêu tả của tác giả về Thúy Kiều có gì khác với cách miêu tả về Thúy Vân.?

? Trong khi đặc tả vẻ đẹp Thúy Kiều tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì.?

? Việc sử dụng các thủ pháp nghệ thuật đó đã diễn tả được vẻ đẹp của Thúy Kiều như thế nào.?

- GV: giảng

? Bên cạnh vẻ đẹp hình thức, tác giả còn khắc họa tài năng của Thúy Kiều qua những câu thơ nào.?

- Gv yêu cầu HS thảo luận cặp đôi

? BPNT được tác giả sử dụng ?

? Em hãy cho biết Thúy Kiều có những

3. Bức chân dung của Thúy Kiều

Kiều càng sắc sảo mặn mà

So bề tài sắc lại là phần hơn

+ NT : So sánh

-> Khẳng định vẻ đẹp vượt trội cả tài lẫn sắc của Thúy Kiều (Sắc sảo về trí tuệ . Mặn mà về tâm hồn)

* Nhan sắc

Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh

Một hai nghiêng nước nghiêng thành

Sắc đành đòi một tài đành họa hai

- Mát trong như làn nước mùa thu

- lông mày đẹp như núi mùa xuân

- Tươi thắm, trẻ trung, hoa ghen ,liễu hờn

- Người nhìn say mê

- Tác giả tập trung miêu tả đôi mắt của Thúy Kiều (đôi mắt thể hiện phần tinh anh của tâm hồn và trí tuệ)

+NT : hình ảnh ước lệ tượng trưng, điển tích, nhân hóa , thành ngữ

=> Thúy Kiều có vẻ đẹp lộng lẫy, đài các, kiêu sa - một tuyệt thế giai nhân .

* Tài năng

Thông minh vốn sẵn tính trời

Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm

... Khúc nhà tay lựa nên chương

Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân

+NT: liệt kê, từ ngữ chỉ mức độ

-> Thúy Kiều thông minh thiên bẩm : cầm, kì, thi, họa .

-> Tài năng đạt tới mức lí tưởng(theo quan niệm thẩm mỹ.)

* Tâm hồn

- Một trái tim đa sầu, đa cảm trước cung đàn " Bạc mệnh "

⇒ Vẻ đẹp của Thúy Kiều là sự kết hợp của cả sắc - tài - tình.

tài năng gì.?

? Em hiểu gì về tài năng của Kiều ?

- HS thảo luận, trình bày, bổ sung

? Thiên bạc mệnh mà Kiều sáng tác khiến ai nghe cũng thấy nã nê giúp em hiểu về tâm hồn nàng Kiều ?

? Qua phân tích, em thấy bức chân dung của Kiều được khắc họa ở những khía cạnh nào ?

- **Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi**

? Trong hai bức chân dung Kiều và Vân, Theo em bức chân dung nào nổi bật hơn. Vì sao.

? Qua đó, em hiểu gì về BPNT được tác giả sử dụng ? tác dụng

- GV gọi HS trình bày , NX

? Với vẻ đẹp ấy, tài năng ấy, chân dung Thúy Kiều mang tính cách, số phận ra sao?

- GV: Nếu như vẻ đẹp của Thúy Vân tạo hóa chấp nhận (thua, nhường) còn Thúy Kiều thì tạo hóa (ghen, hờn). Chính Nguyễn Du từng viết : " Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen " hay " Chữ tài liền với chữ tai một vần ". Đặc biệt Nguyễn Du còn ái ngại cho tài sắc của Kiều : " Một vừa hai phải ai ơi. Tài tình chi lắm cho trời đất ghen "

-> Kiếp người tài hoa bạc mệnh

? Cuộc sống của hai chị em Thúy Kiều, Thúy Vân được miêu tả qua hình ảnh nào?

? Em hiểu gì về cuộc sống của hai chị em Kiều?

? Hai câu cuối cùng, tác giả giới thiệu đức hạnh 2 chị em như thế nào ?

? Từ hai bức chân dung của Thúy Kiều và Thúy Vân, em nhận xét như thế nào

- Bức chân dung Thúy Kiều nổi bật hơn vì tác giả sử dụng 12 dòng thơ, ngoài sắc còn tả tài, tình của Thúy Kiều, tả Vân trước làm nền cho vẻ đẹp của Thúy Kiều

+ NT đòn bẩy

-> Nổi bật bức chân dung Thúy Kiều

<=> Vẻ đẹp của Thúy Kiều làm cho tạo hóa " ghen ", " hờn ". Kiều tài năng quá, trái tim đa sầu đa cảm quá -> dự báo một số phận éo le, đau khổ, bạc mệnh.

4. Vẻ đẹp đức hạnh của Thúy Vân và Thúy Kiều

Phong lưu rất mực hồng quần

Xuân xanh sắp sỉ tới tuần cập kê

-> Là hai cô gái đẹp, đã đến tuổi trưởng thành yêu đương, hò hẹn.

Êm đềm trướng rủ màn che

Tường đông ong bướm đi về mặc ai

-> Đứng đắn, giữ gìn nề nếp gia phong với cuộc sống của thiếu nữ phòng khuê

+ Miêu tả nhân vật bằng bút pháp nghệ thuật ước lệ, lý tưởng hóa nhân vật (Nhân vật chính diện)

⇔ Bức chân dung của chị em Kiều mang tính cách, số phận.

=> Tác giả trân trọng vẻ đẹp, tài năng , nhân phẩm của con người (Biểu hiện của giá trị nhân đạo)

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Miêu tả nhân vật bằng bút pháp nghệ thuật ước lệ

về nghệ thuật tả người của Nguyễn Du?
 ? Với nghệ thuật đó, đoạn trích trên đã thể hiện điều gì ?
 ? Đoạn trích thể hiện thái độ gì của tác giả.?

HD 3 : Tổng kết

? Gi, trĐ nghÖ thuËt cña ®o¹n trÝch.

? Gi, trĐ néi dung cña ®o¹n trÝch.

2. Nội dung

* Ghi nhớ (SGK)

3. Hoạt động luyện tập

- Vẻ đẹp của Thúy Vân được miêu tả như thế nào.?
- Phân tích vẻ đẹp của Thúy Kiều?
- Vẻ đẹp đó dự báo về cuộc đời của Thúy Kiều ra sao.?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết bài văn cảm nhận về vẻ đẹp của chị em Kiều.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về đoạn trích.
- Học thuộc lòng đoạn thơ
- Phân tích hai nhân vật.
- Soạn bài : Cảnh ngày xuân
- + Đọc vb , trả lời các câu hỏi

=====

Ngày soạn:

Tuần 6 - bài 6

Ngày dạy:

Tiết 29 : TV - THUẬT NGỮ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

HS cần :

- 1. Kiến thức:** Hiểu được khái niệm thuật ngữ và một số đặc điểm cơ bản của nó.
- 2. Kỹ năng:** Có kỹ năng tìm hiểu nghĩa thuật ngữ và sử dụng thuật ngữ một cách chính xác.
- 3. Thái độ:** Có thái độ yêu thích bộ môn.
- 4. Phẩm chất - năng lực:**
 - Phẩm chất : trung thực
 - Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tư duy, thẩm mỹ, ngôn ngữ.

II. Chuẩn Bị

- 1. Thầy:-** Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập
- Dự kiến phương án tích hợp:
 - + Tích hợp liên môn : Địa lí, Hóa học, Ngữ văn..

+ Tích hợp với môi trường : Các thuật ngữ về môi trường

2. Trò: - Đọc và chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Nêu và giải quyết vấn đề, PP phân tích, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

IV. Tổ chức các hoạt động dạy học.

1. Hoạt động khởi động

* **Kiểm tra bài cũ :** 15'

Đề bài

Câu 1 : Có mấy cách phát triển từ vựng? Đó là những cách nào? Lấy ví dụ minh họa.?

Câu 2 : Từ " yên anh " trong câu " Gần xa nô nức yên anh " nghĩa là gì? Có thể coi đó là cách phát triển nghĩa của từ trên cơ sở nghĩa gốc không? Phát triển theo cách nào.?

Đáp án

Câu 1 :

- Có hai cách phát triển từ vựng :

+ Theo phương thức ẩn dụ

+ Theo phương thức hoán dụ

- Lấy ví dụ (mỗi cách một VD)

Câu 2 :

- Yên anh : chỉ từng đoàn người nhộn nhịp đi chơi xuân

- Đây là cách phát triển nghĩa của từ trên cơ sở nghĩa gốc

- Theo phương thức ẩn dụ

Biểu điểm

Câu 1 : 5 điểm

Câu 2 : 5 điểm

* **Vào bài mới :** *Gv giới thiệu bài*

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD 1: Thuật ngữ là gì ? Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác GV yêu cầu HS đọc cách giải thích SGK - GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm : ? Cách giải thích thứ nhất cho ta hiểu	I. Thuật ngữ là gì ? 1. Xét ví dụ/sgk a. <u>Ví dụ 1</u> (SGK/87) - Cách giải thích 1 : Cho ta biết về dạng thức tồn tại, màu sắc, mùi vị, có ở đâu, từ đâu của nước và muối. -> Dựa vào quan sát thực tế đặc điểm bên ngoài. - Cách giải thích 2 : Cho ta biết muối và nước được cấu tạo như thế nào, mỗi

về đặc điểm nào của muối và nước.? ? Cách giải thích này dựa trên cơ sở nào.? ? Cách giải thích thứ hai cho em hiểu gì về muối và nước.? ? Cách giải thích đó đưa vào đâu để giải thích? Cụ thể cần có kiến thức môn gì.? - GV gọi HS trình bày, NX ? Từ đây em thấy cách giải thích thứ 1 và cách giải thích thứ 2 có gì khác nhau.? - GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp đôi : ? Các từ in đậm trên được sử dụng trong lĩnh vực nào? - GV gọi HS trình bày, NX ? Những từ được in đậm (được định nghĩa) chủ yếu được dùng trong loại văn bản nào.? ? Các từ trong cách giải thích 2 (VD1) và các từ in đậm (được định nghĩa) trong VD2 là thuật ngữ. Vậy theo em hiểu thuật ngữ là gì.? - GV đưa ra bài tập tích hợp môi trường : Bằng cách đưa ra các khái niệm và yêu cầu HS điền từ vào (Dùng bảng phụ). Hoặc tổ chức 2 đội chơi yêu cầu HS tìm từ (thuật ngữ) chỉ thời tiết, tự nhiên, môi trường -> Đội nào tìm được nhiều từ thì thắng.	quan hệ giữa các thành phần tạo nên nó... -> Dựa vào nghiên cứu khoa học (kiến thức hóa học) về đặc tính bên trong. => Những đặc điểm nêu ở Cách 1 có thể nhận biết qua kinh nghiệm và qua cảm tính. Cách 2 phải trải qua nghiên cứu bằng lí thuyết và phương pháp KH nếu thiếu kiến thức hóa học thì không hiểu được b. <u>Ví dụ 2</u> (SGK/87) + Thạch nhũ -> Địa lí + Ba-rơ -> Hóa học + ản dụ -> Văn học + Phân số thập phân -> Toán học -> Các từ : thạch nhũ, ba-rơ, ản dụ, phân số thập phân được dùng trong văn bản khoa học - công nghệ 2. Ghi nhớ (SGK/88)

HD 2: Đặc điểm của thuật ngữ.

Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình

* Kỹ thuật : Đặt câu hỏi

* Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học

? Các thuật ngữ : thạch nhũ, ba-rơ, ản dụ, phân số thập phân chúng còn có nghĩa nào khác không?

? Từ đó em có nhận xét gì?

? Mỗi khái niệm đã trình bày ở mục I(2) ngoài các từ ngữ đã nêu còn được biểu thị bằng thuật ngữ nào khác không?

? Qua đây em rút ra kết luận gì?

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? ví dụ nào từ " muối " có sắc thái biểu cảm. (So sánh sắc thái biểu cảm của 2 trường hợp dùng từ muối).?

? Theo em trong 2 trường hợp trên, trường hợp nào là thuật ngữ? Từ đó em có nhận xét gì?

? Từ việc phân tích VD1, VD2 em thấy thuật ngữ có những đặc điểm gì?

- GV: gọi HS đọc ghi nhớ

- Các từ ba-rơ, hiđrô, ... có phải là những thuật ngữ chỉ được sử dụng riêng ở một quốc gia nào không?

? Như vậy ngoài 2 đặc điểm trên, thuật ngữ có thêm đặc điểm gì?

II. Đặc điểm của thuật ngữ

1. Xét ví dụ/sgk

a. Ví dụ 1 (Các từ ở mục I)

- Không còn nghĩa nào khác

-> Mỗi thuật ngữ biểu thị một khái niệm

- Mỗi khái niệm ở mục I (2) ngoài các thuật ngữ đã nêu không được biểu thị bằng thuật ngữ nào khác.

-> Mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ

b. Ví dụ 2 (SGK/88)

- Từ muối trong (a) không có sắc thái biểu cảm -> Thuật ngữ

- Từ muối trong (b) có sắc thái biểu cảm

-> Thuật ngữ không có tính biểu cảm

2. Ghi nhớ (SGK/88)

(sử dụng chung trên toàn thế giới)

- Ngoài ra thuật ngữ còn có tính quốc tế

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
- GV nêu yêu cầu, chia lớp thành 2 đội. thi điền nhanh và đúng (mỗi đội 5 em) ? Tìm thuật ngữ phù hợp các khái niệm	III. Luyện tập Bài tập 1 (SGK/89) - Lực (Vật lí) - Xâm thực (Địa lí)

cho sẵn và cho biết thuật ngữ đó thuộc lĩnh vực KH nào?.

- GV nhận xét, chúc mừng đội thắng

? " Điểm tựa " có được dùng như một thuật ngữ Vật lí hay không? ở đây nó có ý nghĩa gì.?

? Trường hợp nào " hỗn hợp " được dùng như một thuật ngữ. Trường hợp nào được dùng như một nghĩa thông thường.?

? Đặt câu có từ " hỗn hợp " theo nghĩa thông thường.?

- GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp đôi
? Nêu định nghĩa thuật ngữ " cá " và cho biết nghĩa của thuật ngữ " cá " có gì khác với nghĩa của từ " cá " theo cách hiểu thông thường.?

- HS đọc yêu cầu theo SGK

3. Hiện tượng hóa học (Hóa học)

4. Trường từ vựng (Ngữ văn)

5. Di chỉ (Lịch sử)

6. Thụ phấn (Sinh học)

7. Lưu lượng (Địa lí)

8. Trọng lực (Vật lí)

9. Khí áp (Địa lí)

10. Đơn chất (Hóa học)

11. Thị tộc phụ hệ (Lịch sử)

12. Đường trung trực (Toán học)

Bài tập 2 (SGK/90)

- " Điểm tựa " không phải dùng như một thuật ngữ trong môn Vật lí.

-> " Điểm tựa " trong VD chỉ nơi làm chỗ dựa chính.

Bài tập 3 (SGK/90)

a. " Hỗn hợp " -> Thuật ngữ

b. " Hỗn hợp " dùng theo nghĩa thông thường

VD : Mẹ tôi mua cho tôi 1 kg kẹo hỗn hợp

Bài tập 4 (SGK/90)

- Thuật ngữ : " cá " là động vật xương sống ở dưới nước, bơi bằng vây, thở bằng mang

- Theo cách hiểu thông thường thì cá không nhất thiết thở bằng mang

Bài tập 5 (SGK/90)

Hiện tượng đồng âm giữa thuật ngữ "thị trường " trong kinh tế học và " thị trường " trong quang học vi phạm nguyên tắc vì 2 thuật ngữ này được dùng trong 2 lĩnh vực.

4. Hoạt động vận dụng

-Tìm thuật ngữ liên quan đến ngành y?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

-Sưu tầm các bài tập liên quan.

- Học thuộc ghi nhớ

- Hoàn chỉnh các bài tập trong SGK

- Chuẩn bị : Xem lại tiết TLV viết bài số 1, tiết sau trả bài

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 7 - Bài 5

Tiết 30 : TLV - TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

HS cần :

1. Kiến thức:- Nắm vững kiểu văn thuyết minh và hiểu rõ tác dụng của việc sử dụng yếu tố miêu tả, các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.

-Học sinh thấy được những kiến thức còn hổng của mình về việc sử dụng yếu tố miêu tả, các biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.

2. Kỹ năng : Có kỹ năng nhận biết, sửa chữa các lỗi sai trong bài viết.

3. Thái độ : Có ý thức tự giác rút kinh nghiệm.

4. Phẩm chất - năng lực:

- Phẩm chất : trung thực

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:- Lập dàn bài chi tiết, nhận xét ưu điểm, nhược điểm bài viết.

- Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp , đặt vấn đề, thảo luận...

2. Trò: - Xem lại bài viết tập làm văn số 1 của mình

- Đọc và chuẩn bị theo các câu hỏi SGK

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “ Hoa điểm mười”

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác -Yêu cầu HS nhắc lại đề bài	I. Tìm hiểu đề, đáp án 1. Đề bài Câu 1 : Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh ? Câu 2: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả được sử dụng trong đoạn văn ? Câu 3: Cây tre trong đời sống người dân Việt Nam 2. Đáp án Câu1 (1đ) : Yếu tố miêu tả giúp đối tượng thuyết minh được nổi bật, gây ấn tượng. Bài văn thuyết minh cụ thể , sinh động và hấp dẫn. Câu 2(2đ) : Yếu tố miêu tả - câu 4 (1đ)

? Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn thuyết minh ? ? Chỉ ra biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả được sử dụng trong đoạn văn sau ? ? Yêu cầu về bố cục của bài viết ? ? Bài viết thuộc thể loại nào ? ? Đối tượng thuyết minh là gì.? ? Ngoài yếu tố thuyết minh là chính, đề bài yêu cầu kết hợp yếu tố nào.? ? Ngoài ra bài viết còn yêu cầu gì về cách diễn đạt và trình bày? ? Đối với phần mở bài chúng ta cần phải làm gì.? - Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Phần thân bài nêu những ý chính nào. - GV gọi đại diện HS trình bày, NX	- Biện pháp nghệ thuật nhân hóa : Cái kim- họ nhà kim chúng tôi (1đ) Câu 3 : * Kỹ năng, hình thức : - Bài văn có bố cục ba phần : mở bài, thân bài, kết bài - Đúng thể loại văn thuyết minh. - Đối tượng thuyết minh : cây tre trong đời sống của người dân Việt Nam - Biết sử dụng biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả hợp lí. -Diễn đạt lưu loát, trình bày khoa học , không mắc lỗi các loại. * Dàn ý a. Mở bài : - Giới thiệu chung về cây tre ở làng quê Việt Nam b. Thân bài - Nguồn gốc ra đời và sự phân bố của cây tre + Chẳng biết từ bao giờ cây tre đã xuất hiện trên khắp mọi miền quê của đất nước VN ... “ Tre xanh , xanh tự bao giờ Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh “ - Nêu đặc điểm cây tre + Cây cao khoảng 10m, thân cây thẳng đứng , có nhiều đốt tre . Tre có rễ chùm cắm sâu xuống lòng đất. Rễ tre cần cù và nhẫn nại để hút chất dinh dưỡng nuôi cơ thể . + Tre sống thành từng bụi, từng lũy, cành lá đan xen vào nhau như cùng bảo vệ nhau trước những cơn giông tố. + Lá tre nhỏ, dài và nhọn ở đầu lá . lá non có màu xanh mát rượi.Theo thời gian lá có màu xanh đậm và khi lá già có màu vàng nhạt. Theo cơn gió những chiếc lá già nhẹ thả hồn mình xuống đám cỏ hay mặt ao trong vát + Từ lòng đất, măng tre nhọn hoắt đâm thẳng lên bầu trời để bắt đầu gia

? Nhiệm vụ của phần kết bài? - GV trả bài cho HS - GV Yêu cầu HS tự nhận xét - GV nhận xét chung :	nhập với dòng họ nhà mình. - Các chủng loại nhà tre : tre Đồng Nai , Tre ngà , nứa , mai , vầu , trúc ... - Công dụng : + Mang lại giá trị kinh tế -> mặt hàng xuất khẩu + làm các đồ dùng trong gia đình , sx + Tán cây che bóng mát + Lá cây rụng phơi khô, đun ... + măng tre làm món ăn - Hình ảnh cây tre trong đời sống người dân Việt Nam + Tre cùng người dân tham gia chiến đấu : Thánh Gióng chống gặc Ân, trong kháng chiến chống Pháp , chống Mĩ , tre cũng tham gia giữ làng, giữ nước ... + Cây tre gắn bó với người dân : tuổi ấu thơ thổi sáo – thả diều , các bác nông dân ngồi nghỉ dưới bóng tre đầu làng . Với những cơn gió mát từ chiếc quạt nan , mẹ đưa con vào giấc ngủ . Trên chiếc chõng tre bà đã kể cho cháu nghe biết bao câu chuyện cổ tích ...cây tre canh gác cho Bác ngủ... + Cây tre tượng trưng cho tâm hồn đôn hậu , chất phác, cho tư thế hiên ngang và khí phách kiên cường của con người VN c. Kết bài - Khẳng định lại giá trị của cây tre - Cây tre luôn gắn liền với người dân VN cho dù ngày nay là thế kỉ của sắt , thép , xi măng II. Trả bài III. Nhận xét a. Ưu điểm - 100% bài viết đảm bảo bố cục - Cơ bản nêu được đặc điểm tri thức đối tượng - Nhiều em làm đủ những ý về đặc điểm, phân loại, công dụng - Trình bày sạch sẽ, rõ ràng

- GV yêu cầu HS lên bảng chữa những lỗi sai cụ thể - GV đọc một số lỗi sai điển đạt và gọi HS lên bảng chữa -> GV nhận xét chỉnh sửa - GV cho HS đọc đoạn văn, bài văn hay	- Một số bài đã vận dụng yếu tố miêu tả, các biện pháp nghệ thuật trong bài VD: Quỳnh, Huyền, Hạnh, Hương(9a) Mạnh (9b) * Nhược điểm : - Một số em không vận dụng yếu tố miêu tả... - Phần nội dung sắp xếp còn lộn xộn - Một số bài viết quá sơ sài - Sai lỗi chính tả nhiều - Một số bài viết còn quá lạm dụng văn tham khảo dẫn đến tình trạng nhiều bài văn giống nhau , cảm xúc thiếu chân thực. VD : Hậu, Minh, Tuấn Anh(9b) IV. Chữa lỗi điển hình 1. Chính tả <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lỗi sai</th><th>Sửa lại</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>(đặc) chung</td><td>trung</td></tr> <tr> <td>bầu rục</td><td>đục</td></tr> <tr> <td>bánh trưng</td><td>bánh chung</td></tr> <tr> <td>chờ chơi dân dan</td><td>trò chơi dân gian</td></tr> <tr> <td>lày</td><td>này</td></tr> <tr> <td>suất khẩu</td><td>xuất khẩu</td></tr> <tr> <td>nàng quê</td><td>làng quê</td></tr> <tr> <td>...</td><td></td></tr> </tbody> </table> 2. Điển đạt - Đã từ lâu đời tre gắn bó với người dân Việt Nam từ ngàn đời -> Sửa lại : Từ ngàn đời nay , cây tre đã gắn bó với người dân Việt Nam - Mẹ ru con ngủ bằng chiếc chõng tre -> Sửa lại : Mẹ ru con vào giấc ngủ khi nằm trên những chiếc chõng tre V. Đọc - bình một số đoạn văn (bài văn hay) VD ; <i>Huyền(9a), Dung(9b)</i>	Lỗi sai	Sửa lại	(đặc) chung	trung	bầu rục	đục	bánh trưng	bánh chung	chờ chơi dân dan	trò chơi dân gian	lày	này	suất khẩu	xuất khẩu	nàng quê	làng quê	...	
Lỗi sai	Sửa lại																		
(đặc) chung	trung																		
bầu rục	đục																		
bánh trưng	bánh chung																		
chờ chơi dân dan	trò chơi dân gian																		
lày	này																		
suất khẩu	xuất khẩu																		
nàng quê	làng quê																		
...																			

3. Hoạt động vận dụng

-Xem lại bài và lỗi sai trong bài

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Xem và sửa lại bài viết

- Chuẩn bị vb; Cảnh ngày xuân

+ Đọc văn bản

+Soạn vb

=====

Ngày soạn:

Tuần 7- bài 6

Ngày dạy:

Tiết 31 - VB : CẢNH NGÀY XUÂN

(Trích " Truyện Kiều ") Nguyễn Du

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

HS cần :

1. Kiến thức:- Thấy được nghệ thuật miêu tả thiên nhiên của Nguyễn Du ; cảnh ngày xuân trong trắng, tươi đẹp qua bút pháp tả và gợi, từ ngữ hình ảnh giàu chất tạo hình, tả cảnh mà nói lên được tâm trạng.

- Hiểu được sự đồng cảm của Nguyễn Du với những tâm hồn trẻ tuổi

2. Kỹ năng: Có kỹ năng đọc – hiểu văn bản truyện thơ trung đại, phát hiện, phân tích các chi tiết miêu tả cảnh thiên nhiên trong đoạn trích.

- Cảm nhận được tâm hồn trẻ trung của nhân vật qua cái nhìn cảnh vật trong ngày xuân .

- Vận dụng bài học để viết văn miêu tả, biểu cảm.

3. Thái độ: Biết trân trọng vẻ đẹp thiên nhiên, giá trị của những phong tục tập quán.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực thẩm mỹ, ngôn ngữ.

-HS biết bồi đắp thêm những phẩm chất tốt đẹp như lòng dũng cảm, nhân hậu, biết ơn, yêu thương.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan

- Dự kiến phương án tích hợp (Liên hệ)
- + Văn - Văn : Các đoạn trích trong Truyện Kiều
- + Văn - TV : So sánh, ẩn dụ...
- + Văn - TLV : Miêu tả trong văn bản tự sự
- Phương pháp : gợi mở – vấn đáp, đặt vấn đề, dùng lời có nghệ thuật, Thảo luận, PP luyện tập

2. **Trò:** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. **Phương pháp** : Gợi mở vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP nêu và giải quyết vấn đề

2. **Kỹ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi : Tìm các câu thơ viết về mùa xuân.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mỹ, cảm thụ. ? Vị trí của đoạn trích trong Truyện Kiều? ? VB cần được đọc với giọng điệu ntn? - GV hướng dẫn đọc - GV đọc mẫu Gọi 2 HS đọc -> Nhận xét - GV yêu cầu HS giải thích một vài chú thích SGK. ? Thể loại của Vb ? ? PTBĐ trong đoạn trích? ? Em hãy chỉ ra bố cục của đoạn trích, nội dung từng phần ?	I. Đọc, Tìm hiểu chung 1. Vị trí đoạn trích - Đoạn trích thuộc phần I (gặp gỡ và đính ước) và ngay sau đoạn tả chị em Thúy Kiều. 2. Đọc và tìm hiểu chú thích a. Đọc b. Chú thích 3. Thể loại : Truyện thơ nôm 4. PTBĐ : Tự sự + miêu tả và biểu cảm 5. Bố cục : 3 phần + Phần 1(4 câu đầu) : Khung cảnh ngày xuân + Phần 2(8 câu tiếp) : Khung cảnh cảnh lễ hội trong tiết thanh minh. + Phần 3(6 câu cuối) : Cảnh hai chị em Thúy Kiều du xuân trở về. - Trình tự đoạn thơ theo thời gian của cuộc du xuân. II. Phân tích 1. Khung cảnh ngày xuân - Hình ảnh "... con én đưa thoi" + Nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ, hình ảnh

? Đoạn thơ miêu tả theo trình tự nào.? ? Mùa xuân được bắt đầu bằng tín hiệu nào.? ? Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng ? ? Hình ảnh, tín hiệu đó gợi tả điều gì.? ? Cảnh mùa xuân được giới thiệu vào thời điểm nào? ? Sắc màu mùa xuân tháng ba được đặc tả qua từ ngữ nào, nghĩa của từ này? ? Với nghĩa đó, từ thiều quang đã gợi tả điều gì? ? Em cảm nhận được một không gian mùa xuân ntn qua hai câu thơ trên ? - GV: giảng ? Vẻ đẹp của mùa xuân tháng 3 được đặc tả qua hình ảnh nào.? - GV Yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Em có nhận xét gì về bút pháp NT của Nguyễn Du trong hai câu thơ trên? - GV gọi HS trình bày, NX ? Nhờ nghệ thuật đó, Nguyễn Du đã làm nổi bật bức họa mùa xuân ntn? - GV; Lời thơ : <i>Cỏ non xanh tận chân trời.- Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.</i> Thuộc trong số những câu thơ hay nhất của truyện Kiều. Đây là một bức tranh mùa xuân hữu hương hữu sắc hữu tình .một trong những đóa hoa xuân đẹp nhất trong các đóa hoa xuân	đẹp - đặc trưng ->Thời gian đang trôi nhanh, mùa xuân đang qua nhanh Mùa xuân bước sang tháng ba -Thiều quang: ánh sáng đẹp của ngày xuân .Màu hồng của nắng xuân .Khí xuân ấm áp .Trời xuân trong trẻo .Sắc xuân ngập tràn ->Không gian mùa xuân đẹp với khí xuân ấm áp ,trời xuân thanh bình. " Cỏ non xanh tận chân trời Cành lê trắng điểm một vài bông hoa " +NT :- Từ ngữ, hình ảnh điển hình có sức gợi lớn Cỏ non :gợi sự mới mẻ, tinh khôi, tràn đầy sức sống Xanh tận chân trời: gợi sự khoáng đạt ,trong trẻo Trắng của hoa lê :gợi sự thanh khiết - Màu sắc có sự hài hòa đến tuyệt diệu - Lời thơ giàu nhạc điệu - Đảo cấu trúc Điểm trắng thành trắng điểm -> cảnh vật sống động => Đây là một bức họa tuyệt mỹ về mùa xuân có hình khối, đường nét với sắc màu hài hòa . -Tg có tâm hồn nhạy cảm, tha thiết với vẻ đẹp của thiên nhiên 2. Khung cảnh lễ hội trong tiết thanh minh. " Thanh minh trong tiết tháng ba Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh "

của nền văn học cổ
? Em hiểu gì về tâm hồn của tg?

? Tiết thanh minh Được tác giả giới thiệu trong câu thơ nào?
? Giới thiệu về nội dung của lễ và hội trong tiết thanh minh?
? Hai câu thơ gợi tả điều gì?

? Khung cảnh lễ hội đó được vẽ ra qua những câu thơ nào.?

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi
? Em hãy chỉ ra những từ loại được tác giả sử dụng ở những lời thơ trên và nêu tác dụng?
- Gv gọi HS trình bày,nx

? " Yên anh " ở đây chỉ ai. Đó là nghệ thuật gì. Ngoài ra còn có BPNT nào?
? Với hệ thống từ ngữ và các biện pháp NT trên gợi lên bức tranh lễ hội như thế nào?
? Bức tranh lễ hội trong tiết thanh minh còn được tác giả giới thiệu qua lời thơ nào?
? Suy nghĩ của em về tục lệ của cha ông trong tiết thanh minh xưa.?

GV: Đây là nét đẹp văn hóa dân tộc (lễ hội truyền thống)
? Quê em hiện nay có còn tục lệ này không.
- HS liên hệ (ngày nay vẫn còn)
? Em hiểu gì về tình cảm của tg?

- Lễ tảo mộ người thân đã mất
- Hội :đi du xuân trên đồng quê
-> **Cảnh lễ hội dân gian diễn ra bao đời trong trời xuân** trong sáng, lòng người đầy ắp nghĩa tình

" Gần xa nô nức yến anh
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân
Dập dìu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước áo quần như nêm "
+NT :

. DT : ngựa xe, tài tử, giai nhân, chị em yến anh -> chỉ sự đông vui của những người đi chơi xuân

. ĐT : sắm sửa, dập dìu -> gợi không khí đông vui của lễ hội

. TT : gần xa, nô nức -> gợi tâm trạng náo nức của những người đi du xuân
. + ẩn dụ (yến anh), so sánh

-> **Một lễ hội đông vui, rộn ràng, náo nhiệt**

" Ngón ngang gò đồng kéo lên
Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay"
- Mọi người sắm sửa lễ vật để đi tảo mộ, rắc thoi vàng, đốt tiền giấy để tưởng nhớ người xưa

-> **Đời sống tâm linh thiêng liêng, phong tục cổ truyền đầy ắp nghĩa tình.**

=> Tình cảm yêu quý, trân trọng vẻ đẹp và giá trị của truyền thống văn hóa dân tộc.

3. Cảnh chị em Kiều du xuân trở về

- Cảnh vật : tà tà... ngọn tiểu khê ; thanh thanh ; nao nao dòng nước ; dịp cầu nho nhỏ

- Con người : thơ thẩn, dãn tay, bước dầm, lần xem

-> Cảnh vật và con người vẫn mang nét thanh nét dịu của mùa xuân

? Cảnh cuối lễ hội được khắc họa qua lời thơ nào?

? Hình ảnh con người được miêu tả ra sao?

? Em hình dung ra sao về cảnh và người qua lời thơ trên?

- GV: (Cuối lễ hội cảnh không còn bát ngát trong sáng, người không còn đông vui, náo nhiệt như cảnh ban đầu vì thời gian, không gian đã thay đổi và tâm trạng cảm nhận của con người cũng khác)

? Trong đoạn này tác giả đã sử dụng những từ ngữ như thế nào. ?

? Tả cảnh vật để gợi tâm trạng con người, vậy đây là bpnt gì?

? Tâm trạng của chị em Kiều được bộc lộ ntn qua sáu câu thơ cuối?

? Em hiểu gì về tình cảm của TG ở những lời thơ cuối?

- GV: Cảnh ra về, kết thúc buổi lễ nhưng lại mở đầu và tiếp nối cảnh gặp nấm mồ Đạm Tiên và cảnh gặp gỡ chàng Kim Trọng mà đây là nốt dạo nhạc đầu tiên.

? Nghệ thuật miêu tả có gì đặc sắc.

? Qua phân tích em nhận thấy nội dung nổi bật của đoạn trích là gì.

+ NT : Sử dụng từ láy (tà tà, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ, thơ thẩn)

-> Vừa bộc lộ sắc thái cảnh vật vừa bộc lộ tâm trạng con người

+NT tả cảnh ngụ tình

=> Bâng khuâng, xao xuyến, luyến tiếc của trái tim đa sầu, đa cảm...

-> **Tác giả thấu hiểu, đồng cảm với buồn vui của nhân vật**

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

2. Nội dung

*** Ghi nhớ (SGK/87)**

3. Hoạt động luyện tập

Bài tập 1 (SGK/87)

- "Tận" : có sức mở rộng không gian cỏ xanh

- Từ "điểm" tạo sự vận động chứ không tĩnh tại

-> Nguyễn Du có sáng tạo độc đáo

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn miêu tả bức tranh mùa xuân trong thơ của Nguyễn Du ?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài phân tích về đoạn trích.

- Học thuộc đoạn trích, ghi nhớ
- Hoàn thành phần luyện tập
- Chuẩn bị " Thuật ngữ "
- +Đọc vd
- +Phân tích vd theo câu hỏi trong sgk

=====

Ngày soạn:
Tuần 7- bài 6

Ngày dạy:

Tiết 32 : TLV - MIÊU TẢ TRONG VĂN TỰ SỰ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

HS cần :

- 1. Kiến thức:** Thấy được sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong một vb
-Vai trò, tác dụng của miêu tả trong văn tự sự
- 2. Kỹ năng:** Kỹ năng phát hiện , phân tích, vận dụng các phương thức biểu đạt trong một văn bản.
- 3. Thái độ:** Tự hào về những anh hùng dân tộc.
- 4. Định hướng năng lực – phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác.
 - Phẩm chất : Tự tin.

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy:-** Soạn bài, tham khảo tài liệu liên quan
- Dự kiến phương án tích hợp (Liên hệ)
+ TLV - Văn : Hoàng Lê nhất thống chí, Truyện Kiều
- Phương pháp : gợi mở – vấn đáp , đặt vấn đề, Thảo luận, Luyện tập thực hành...
- 2. Trò:-** Đọc và trả lời câu hỏi

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

- 1. Phương pháp :** Gợi mở vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP nêu và giải quyết vấn đề, PP luyện tập thực hành.
- 2. Kỹ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

- * Ổn định lớp:
- * Kiểm tra bài cũ
(Lòng trong tiết học)
- * Khởi động : GV cung cấp một đoạn văn tự sự và yêu cầu HS tìm yếu tố miêu tả?
- Nêu tác dụng của yếu tố miêu tả trong đoạn văn trên?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích , PP thuyết trình	I. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự. 1. Tìm hiểu đoạn trích (SGK/91)

* Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác - Yêu cầu HS đọc đoạn trích. - GV : Yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? ? Đoạn trích kể về trận đánh nào? ? Trong trận đánh đó, nhân vật Quang Trung làm gì, xuất hiện như thế nào? ?Tìm các chi tiết miêu tả trong đoạn trích ? ? Các chi tiết miêu tả ấy nhằm làm nổi bật những gì? - GV gọi đại diện trình bày, nx - GV: yêu cầu HS chú ý các sự việc (SGK/91) ? Nếu chỉ kể sự việc diễn ra như thế này thì nhân vật Quang Trung có nổi bật không. Trận đánh có sinh động không. Tại sao? ? Từ đó em thấy miêu tả có vai trò gì? - GV yêu cầu HS đọc ghi nhớ	- Đoạn trích kể trận đánh Ngọc Hồi - Vua Quang Trung truyền lệnh cho quân lấy ván ghép lại, phủ rơm, đắp nước, dàn trận chữ nhất mà tiến đánh, tự mình cưỡi voi đi đốc thúc quân nhất tề xông lên -> Làm nhiệm vụ chỉ huy xuất hiện trực tiếp, hiện lên hùng dũng, oai phong lẫm liệt. - Các chi tiết miêu tả : " ba tấm... phủ kín ", " lưng giắt dao... chữ nhất ", " vừa... lên trước ", " khói tỏa mù trời...", " bỏ chạy... chết ", " thầy nằm... suối " -> Làm nổi bật cách đánh của quân Tây Sơn, sự chỉ huy tài tình và hình ảnh lẫm liệt của vua Quang Trung, sự thất bại thảm hại của quân Thanh. - Nếu chỉ có sự việc diễn ra như trên thì nhân vật Quang Trung không nổi bật về oai phong, lẫm liệt, trận đánh không sinh động vì thiếu yếu tố miêu tả. 2. Ghi nhớ (SGK/92)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
- GV chia lớp thành 4 nhóm (nhóm 1,3 -> a ; nhóm 2,4 -> b) ? Tìm các yếu tố miêu tả trong mỗi văn bản ? ? Phân tích giá trị của những yếu tố miêu tả đó ? - GV gọi đại diện trình bày, nx	II. Luyện tập Bài tập 1 (SGK/92) a. Nhóm 1 : " Chị em Thúy Kiều " " Khuôn trăng đầy đặn..." " Làn thu thủy nét..." -> Làm nổi bật vẻ đẹp của hai chị em Thúy Vân và Thúy Kiều. Cách tả đó mạng đậm tính cách, số phận. b. Nhóm 2 : " Cảnh ngày xuân " " Con én thưa thoi... hoa"

? Viết đoạn văn kể việc chị em Thúy Kiều đi chơi trong lễ thanh minh? ? Giới thiệu vẻ đẹp chị em Thúy Kiều...?	" Gần xa... bay " " Tà tà ... ra về " -> Làm nổi bật khung cảnh mùa xuân tươi vui, trong sáng. Bài tập 2 (SGK/92) (Đoạn văn sử dụng ngôi kể thứ 3) Bài tập 3 (SGK/92) (Đoạn văn sử dụng yếu tố miêu tả)

4. Hoạt động vận dụng

- Miêu tả có vai trò gì trong văn bản tự sự?
- Theo em có nên cho quá nhiều yếu tố miêu tả vào trong văn bản tự sự không?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các văn bản tự sự có yếu tố miêu tả.
- Học thuộc ghi nhớ
- Hoàn thiện bài tập
- Chuẩn bị viết bài tập làm văn số 2 : Ôn tập miêu tả trong văn bản tự sự

Ngày soạn:

Tuần 7 + 8

Ngày dạy:

Tiết 33, 34 : VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

HS cần :

- 1. Kiến thức:** Học sinh vận dụng những kiến thức đã học về việc sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản tự sự để làm bài.
- 2. Kỹ năng:** Kỹ năng diễn đạt , trình bày.
- 3. Thái độ:** Ý thức làm bài nghiêm túc.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Tự luận: 100%

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Văn tự sự (có sử dụng	Nêu tác dụng của yếu tố miêu tả trong văn	Hiểu được tác dụng của yếu tố miêu tả		Tưởng tượng 20 năm sau, em về thăm lại trường cũ. Hãy viết thư cho 1	

yếu tố miêu tả)	tự sự	trong một đoạn văn		bạn học hỏi ấy kể lại buổi thăm trường đầy xúc động đó .	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ : 10 %	Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ : 20 %		Số câu:1 Số điểm: 7 Tỉ lệ : 70 %	Số câu:3 Số điểm:10 Tỉ lệ :100 %
Tổng	Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ : 10 %	Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ : 20 %		Số câu:1 Số điểm:7 Tỉ lệ : 70 %	Số câu:3 Số điểm:10 Tỉ lệ : 100 %

IV. Thiết lập đề kiểm tra

Câu1: Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn tự sự có tác dụng gì?

Câu2: Tác dụng của yếu tố miêu tả trong đoạn văn sau ?

Cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ. Nắng bây giờ đã bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung títt trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương.

(Lặng lẽ Sa Pa)

Câu3: Tưởng tượng 20 năm sau, em về thăm lại trường cũ. Hãy viết thư cho 1 bạn học hỏi ấy kể lại buổi thăm trường đầy xúc động đó .

V. Hướng dẫn chấm và biểu điểm

Câu1 (1đ) : Miêu tả cụ thể cảnh, nhân vật và sự việc có tác dụng làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm, sinh động.

Câu2 (2đ) : Bức tranh thiên nhiên Sa Pa thơ mộng, đầy màu sắc, sống động và rất có hồn.

- yếu tố miêu tả trong đoạn văn trên còn góp phần tạo nên chất thơ cho câu chuyện.

Câu3

1. Yêu cầu

* Kỹ năng và hình thức

- Bố cục 3 phần rõ ràng (MB, TB, KB)
- Kể theo ngôi thứ 3
- Lòng yếu tố miêu tả
- Các sự việc được sắp xếp hợp lí
- Hình thức : Lá thư gửi bạn học cũ .
- Viết lưu loát, có liên kết chặt chẽ, không sai chính tả

* Kiến thức :

MB: +Lí do trở lại thăm trường (thời gian hè...)

+ Địa vị nghề nghiệp của mình trong xã hội lúc này ntn?.

+Thăm vào buổi nào, đó với ai?

TB: - Đến trường gặp ai ? Không gặp ai?

- Quang cảnh trường ngày nay khác ngày xưa như thế nào ?

- Nhớ cảnh ngày xưa mình học ra sao?

- Những kỉ niệm vui buồn của bạn bè , thầy cô (trọng tâm)
- Cảm xúc của em khi đến + vui....
+ xúc động...
- Cảm xúc khi ra về : + Bâng khuâng...
+ Lưu luyến ...
+ Tự hào...

KB : Cảm xúc về buổi thăm trường , mong muốn và hứa hẹn.

2. Biểu điểm

- Điểm 7 : Bài viết đáp ứng được những yêu cầu về kĩ năng và nội dung trên.
- Điểm 5-6 : Bài viết đáp ứng được cơ bản những yêu cầu trên song còn mắc 1 số lỗi c.tả , diễn đạt.
- Điểm 3-4 : Bài viết đáp ứng được 1 số yêu cầu về thể loại, nội dung, diễn đạt đôi chỗ chưa lưu loát, bố cục chưa k.học, mắc khoảng 10 lỗi chính tả, ngữ pháp.
- Điểm 2 : Bài viết đúng thể loại, có được 1 vài ý song d.đạt lúng túng, mắc nhiều lỗi
- Điểm 1 : Bài viết lạc hướng, mắc rất nhiều lỗi
- Điểm 0: HS không làm được bài

=====

Ngày soạn:

Tuần 7 + 8 - Bài 7

Ngày dạy:

Tiết 35 :VB - KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH

(Trích " Truyện Kiều ") Nguyễn Du

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

HS cần :

- Kiến thức:** Học sinh cảm nhận được tâm trạng cô đơn, buồn tủi của Thúy Kiều.
- Hiểu rõ nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.
- Kĩ năng:** Có kĩ năng đọc diễn cảm và cảm thụ thơ văn.
- Nhận ra và thấy được tác dụng của ngôn ngữ độc thoại, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình
- Biết phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích
- Cảm nhận được sự cảm thông sâu sắc của Nguyễn Du đối với nhân vật trong Truyện Kiều.
- Thái độ:** Biết yêu thương, trân trọng, cảm thông với số phận người phụ nữ.
- Định hướng năng lực - phẩm chất :**
- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, thẩm mĩ, phân tích, cảm thụ.
- Phẩm chất : Tự tin, nhân ái.

II. CHUẨN BỊ

- Thầy:-** Soạn bài, tham khảo tài liệu " Truyện Kiều "
- Dự kiến phương án tích hợp (Liên hệ)

- + Văn - Văn : Các đoạn trích trong " Truyện Kiều "
- + Văn - TLV : Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự
- Phương pháp : gợi mở – vấn đáp , đặt vấn đề , dùng lời có nghệ thuật, thảo luận...

2. Trò: - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK, tìm đọc " Truyện Kiều "

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp : Gợi mở vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP nêu và giải quyết vấn đề

2. Kỹ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ**

-Phân tích bức tranh mùa xuân qua đoạn trích “Cảnh ngày xuân”?

* Khởi động :

- Gv tổ chức thi giữa hai đội: Đọc các câu thơ trong Truyện Kiều mà em thuộc ?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

GV giới thiệu (...)

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mỹ, cảm thụ. ? Đoạn trích nằm ở phần nào trong " Truyện Kiều "? ? Vb cần được đọc với giọng điệu ntn? GV hướng dẫn đọc GV đọc mẫu -> Gọi 2 HS đọc Yêu cầu HS khác nhận xét GV hỏi một số chú thích SGK ? Xác định ptbđ của văn bản ? ? Vb được chia làm mấy phần, giới hạn và nội dung từng phần ?	I. Đọc ,Tìm hiểu chung 1. Vị trí của đoạn trích - Vị trí : Nằm ở phần II (Gia biến và lưu lạc) 2. Đọc và tìm hiểu chú thích a. Đọc b. Chú thích (SGK) 3. PTBĐ: Tự sự + miêu tả, biểu cảm 4. Bố cục : + 6 câu đầu : Hoàn cảnh cô đơn, tội nghiệp của Kiều + 8 câu tiếp : Nỗi nhớ thương Kim Trọng và nhớ thương cha mẹ của nàng. + 8 câu cuối : Trạng đau buồn, lo âu của Kiều. II. Phân tích 1. Hoàn cảnh của nàng Kiều Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung - Tuổi xuân bị khóa kín -> Kiều cảm nhận mình đang bị giam

? Câu thơ nào nói về nơi ở và cảnh ngộ của Thúy Kiều?

? Dựa vào chú thích SGK hãy giải thích từ " khóa xuân "?

? Điều đó cho thấy Kiều cảm nhận được cảnh ngộ của mình như thế nào?

? Cảnh vật thiên nhiên trong tầm mắt nhìn của Thúy Kiều?

? cảm nhận của em về cảnh thiên trong con mắt của nàng Kiều ?

? Bức tranh thiên nhiên ấy đã phản ánh điều gì ?

- GV giảng

?Từ lâu cao trông xa, Không gian ở lâu Ngưng Bích được Kiều cảm nhận qua lời thơ nào?

- **GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi**

? Những hình ảnh nào được Kiều cảm nhận trong hai câu thơ trên ?

? Chú ý vào các từ : " bát ngát " , " bốn bề " , cách dùng từ của tác giả có gì đặc biệt ?

? Một khung cảnh thiên nhiên ntn được gọi tả trong hai câu thơ trên?

- **Gv gọi đại diện HS trình bày, NX**

? Kiều cảm nhận không gian ở những khía cạnh nào?

? Không gian ấy có mối quan hệ như thế nào với hoàn cảnh của Thúy Kiều?

? Cảnh được cảm nhận qua con mắt của Kiều, Từ đó em hiểu gì về cảnh ngộ của Kiều lúc này?

- **GV giảng**

? Em hãy tìm những câu thơ diễn tả tâm trạng của Kiều ?

?" Bể bàng " có nghĩa là gì?

? Em hiểu gì về tâm trạng của nàng Kiều qua cụm từ **bể bàng** ?

lòng -> thực tế rất phũ phàng

- Nàng thấy trong tầm mắt dáng núi xa, mảnh trăng gần như ở chung trong một bức tranh

-> Thiên nhiên trống trải, lạnh lẽo, mờ nhạt

-> Phản ánh sự trống trải của lòng người

Bốn bề bát ngát...

Cát vàng còn nọ bụi hồng dặm kia

- Còn cát vàng, đám bụi hồng

+ Từ láy **bát ngát** + **bốn bề**

➔ Khung cảnh thiên nhiên vừa mênh mang, rộng lớn vừa vắng lặng không một bóng người.

+Không gian được Kiều cảm nhận theo chiều cao, chiều xa, chiều rộng

-> Không gian càng làm nổi bật cảnh ngộ của Kiều

-> tội nghiệp, cô đơn, trống trải

Bể bàng mây sớm đèn khuya

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng

- Bể bàng : xấu hổ, tủi nhục...

-> Kiều thấy vô cùng xấu hổ , nhục nhã trước những biến cố vừa mới xảy ra

- Mây sớm đèn khuya : thời gian tuần hoàn khép kín

-> Kiều cô đơn đến tuyệt đối .

- Nỗi nhớ thương, sầu buồn vì chia ly, tình yêu tan vỡ

? Hình ảnh " mây sớm đèn khuya " gợi tả điều gì?
 ? Cụm từ này giúp ta hình dung ntn về cảnh ngộ của Kiều ?
 ? Em hiểu "tình " là như thế nào."Cảnh" là như thế nào.? tình và cảnh ấy khiến cho Kiều cảm thấy ra sao ?
 - GV giảng

- Cảnh éo leo : những chuyện vừa xảy ra , cảnh ở lầu Ngưng Bích
 -> Cảnh và tình khiến cho lòng Kiều như như bị giằng xé
 +NT : Tả cảnh ngụ tình, miêu tả nội tâm nhân vật
 <=> Tâm trạng buồn tủi, cô đơn tuyệt đối, ngồn ngang trăm mối - một cảnh ngộ đầy bi kịch.

? Nghệ thuật được tác giả sử dụng qua 6 câu thơ đầu ?
 ? Qua đó thể hiện tâm trạng Thúy Kiều ra sao.?

GV:Khái quát

3. Hoạt động luyện tập

- Đọc thuộc một đoạn thơ mà em thích?
- Em hiểu gì về hoàn cảnh của Kiều ?
- Tâm trạng của Kiều được thể hiện ntn qua 6 câu đầu?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn cảm nhận về tâm trạng của nàng Kiều qua 6 câu thơ đầu ?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Học thuộc đoạn thơ
- Phân tích được ND, nt ở 6 câu thơ đầu
- Về nhà làm hoàn chỉnh BT1 (SGK/96)
- Chuẩn bị Phần còn lại
- +Nỗi nhớ thương của Kiều
- +Tâm trạng của Kiều

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 7+8 - Bài 7

Tiết 36 :VB_ KIỀU Ở LẦU NGỪNG BÍCH

(Trích " Truyện Kiều ") Nguyễn Du

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

HS cần :

1. Kiến thức: Học sinh cảm nhận được tâm trạng cô đơn, buồn tủi của Thúy Kiều.
- Hiểu rõ nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng đọc diễn cảm và cảm thụ thơ văn.

- Nhận ra và thấy được tác dụng của ngôn ngữ độc thoại, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình
- Biết phân tích tâm trạng nhân vật qua một đoạn trích
- Cảm nhận được sự cảm thông sâu sắc của Nguyễn Du đối với nhân vật trong Truyện Kiều.

3. Thái độ: Biết yêu thương, trân trọng, cảm thông với số phận người phụ nữ.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, thẩm mỹ, phân tích, cảm thụ.
- Phẩm chất : Tự tin, nhân ái.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu " Truyện Kiều "

- Dự kiến phương án tích hợp- Liên hệ
- + Văn - Văn : Các đoạn trích trong " Truyện Kiều "
- + Văn - TLV : Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự
- Phương pháp : gọi mở – vấn đáp , đặt vấn đề , dùng lời có nghệ thuật, thảo luận..

2. Trò:- Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK, tìm đọc " Truyện Kiều "

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp : Gọi mở vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP nêu và giải quyết vấn đề

2. Kỹ thuật: Động não, trình bày một phút.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định lớp:**

*** Kiểm tra bài cũ**

- Đọc thuộc lòng đoạn trích " Kiều ở lầu Ngưng Bích " và cho biết bố cục của đoạn trích?
- Phân tích tâm trạng của Thúy Kiều ở 6 câu thơ đầu?.

*** Khởi động :**

- GV cung cấp một vài câu thơ trong truyện Kiều và hỏi về các nhân vật được nhắc đến ?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mỹ, cảm thụ. ? Trong cảnh ngộ cô đơn đó, Kiều nhớ tới ai ? ? Những câu thơ nào diễn tả nỗi nhớ	I. Tìm hiểu chung II. Phân tích 1. Hoàn cảnh của nàng Kiều 2. Nỗi nhớ người yêu và cha mẹ của Thúy Kiều a. Nỗi nhớ người yêu Tưởng người ... chén đồng Tin sương ... mai chờ - Tưởng tượng về kỉ niệm tình yêu, nhớ lời thề nguyện dưới trăng - Tưởng tượng cảnh Kim Trọng vẫn ngóng tin tức của nàng.

người yêu của Kiều? ? Kiều tưởng tượng ra điều gì trong nỗi nhớ Kim Trọng? ? Nghĩ tới điều đó, Kiều cảm thấy ntn ? ? Trong nỗi đau khổ ấy, Kiều đã nghĩ tới điều gì ? ? Câu thơ giúp em hiểu gì về cảnh ngộ của nàng Kiều? ? BPNT nào đã được tác giả sử dụng ở hình ảnh “ Tấm son “ ? ? Em hiểu ntn về hình ảnh ẩn dụ trên? ? Theo em Kiều đang nói với ai.? ? Cách sử dụng từ ngữ của thi nhân có gì đặc biệt? ? Với việc sử dụng các BPNT trên, em hiểu gì về tâm trạng của Kiều? - GV giảng ? Những câu thơ nào diễn tả nỗi nhớ cha mẹ của Thúy Kiều? ? Kiều xót xa khi nghĩ tới điều gì? ? Em hãy chỉ ra những nét đặc sắc về nghệ thuật mà Nguyễn Du sử dụng ở những lời thơ trên ? ? Những bút pháp NT trên đã diễn tả nỗi nhớ cha mẹ của Kiều ra sao. Nỗi nhớ đó thể hiện điều gì ? GV: Yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Nàng Kiều đã hi sinh chữ " tình" để làm chôn chữ " hiếu ". Nhưng trong nỗi nhớ của nàng, nàng nhớ tới Kim Trọng	-> Kiều đau khổ vô cùng Bên trời ... phai - Kiều thương mình đang phải lưu lạc nơi chân trời, góc bể + NT ẩn dụ - Tình yêu thủy chung dành cho Kim Trọng không bao giờ thay đổi (Tấm thân trinh bạch của Kiều bị hoen ố biết bao giờ gột rửa được) + Kiều nói với chính mình (Ngôn ngữ độc thoại) + Từ ngữ: trông, chờ -> Động từ gợi tả tâm trạng. => Nỗi nhớ da diết và tấm lòng thủy chung, son sắt của Thúy Kiều với chàng Kim. b. Nỗi nhớ cha mẹ Xót người tựa cửa hôm mai... Quạt nồng ấp lạnh... Sân Lai cách mấy... Có khi gốc tử Kiều xót xa khi nghĩ tới cảnh cha mẹ già yếu vẫn ngóng chờ tin con, không được phụng dưỡng cha mẹ + Ngôn ngữ độc thoại + Sử dụng điển tích điển cố, thành ngữ + Giọng rung rung, xót xa -> Nỗi nhớ thương xót xa không nguôi => Thúy Kiều hiếu thảo với cha mẹ (Tiến trình nhớ hoàn toàn hợp lí, phù hợp với quy luật tâm lí, thể hiện sự tinh tế của Nguyễn Du : Với cha mẹ Kiều đã báo hiếu bằng cách bán mình. Nhưng với Kim Trọng -> Kiều luôn day dứt vì đã phụ tình chàng Kim. ánh trăng trước lầu NB khiến Kiều nghĩ đến đêm trăng thề nguyện) => Thúy Kiều giàu đức hi sinh.

đầu tiên. Theo em có hợp lí không. Tại sao?

? Trong hoàn cảnh ở lầu Ngưng Bích khổ đau là vậy mà Kiều vẫn thương, xót cho người yêu, cha mẹ. Từ đó em hiểu gì về Thúy Kiều.?

- **Gv giảng**

? Trong tâm trạng nhớ người yêu, cha mẹ, Kiều đã nhìn thấy gì ?

? Từ chiều hôm gọi tả điều gì ?

? Trong thời gian ấy, cảnh vật được Kiều cảm nhận ra sao ?

? Cách sử dụng từ ngữ của tg có gì đặc biệt ?

? Em hiểu gì về tâm trạng của Kiều qua lời thơ trên ?

- **GV; giảng**

? Trong tâm trạng đó, Kiều còn cảm nhận được hình ảnh nào quanh lầu Ngưng Bích?

? Kiều cảm nhận ntn về hình ảnh đóa hoa trong lời thơ này ?

? Hình ảnh đóa hoa ấy khiến Kiều nghĩ tới điều gì ? như thế BPNT nào đã được tác giả sử dụng ?

- GV ;giảng

? Thiên nhiên quanh lầu Ngưng Bích còn được Kiều cảm nhận qua hình ảnh nào ?

-NX về cách dùng từ của tg? những từ ngữ đó gọi tả khung cảnh thiên nhiên ntn ?

- Màu sắc thiên nhiên mịt mờ khiến cho Kiều nghĩ gì về số phận của mình ?

- **GV; giảng**

? Kiều còn có cảm nhận ra sao về

3. Nỗi buồn lo của Thúy Kiều

Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng ... xa xa

- Chiều hôm->tăng thêm nỗi buồn ,nỗi sầu

- Cửa biển rộng mênh mông trong buổi chiều tà, con thuyền đang tìm về với bến

+Từ láy : Thấp thoáng, xa xa

-> Gọi tâm trạng buồn nhớ, cô đơn khát khao đoàn tụ (gia đình)

Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu ?

- Hoa mỏng manh trôi, bị dập vùi giữa dòng nước

+ NT ẩn dụ

-> Kiều nghĩ tới thân phận lênh đênh, chìm nổi vô định của mình

Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

+Từ láy :rầu rầu, xanh xanh

-> Cả một vùng thiên nhiên tàn héo, ảm đạm, xanh mịt mờ

->Kiều nghĩ đến cuộc đời mình bế tắc , không có lối thoát

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi
+Từ láy,đt mạnh -> Biển nổi sóng dữ dội, gió thét gào
-> Gọi nổi bàng hoàng sợ hãi về những sóng gió cuộc đời đang bủa vây quanh Kiều

=> Cảnh hư ảo được nhìn bằng tâm trạng Kiều : cảnh từ xa đến gần, sắc

cảnh quanh lầu Ngưng Bích? ? Em hiểu gì về cách sử dụng từ ngữ của tg? ? Những từ ngữ đó gợi tâm trạng của Kiều ra sao? ? Em hãy nhận xét về cảnh vật được khắc họa qua 8 câu thơ trên ? - GV: Đặc biệt tiếng sóng kêu như điệp báo trước những sóng gió ba đào của nàng. Đó cũng là tiếng kêu đau đớn của nàng đồng vọng với thiên nhiên. - Ngoài ra, ở tám câu thơ này tác giả còn sử dụng biện pháp NT gì, tác dụng? ? Những biện pháp NT trên góp phần diễn tả tâm trạng như thế nào của Kiều? - GV khẳng định : Đây là đoạn thơ trữ tình tuyệt bút Nguyễn Du đã miêu tả thiên nhiên và tâm trạng thật tinh tế. Thiên nhiên thấm đẫm tâm trạng, bộc lộ tâm trạng theo quy luật tâm lí " Người buồn có cảnh có vui đâu bao giờ " ? Em hiểu gì về tình cảm của tg dành cho nv? ? Những giá trị nghệ thuật của đoạn trích? ? Những giá trị nội dung của đoạn trích? GV hướng dẫn về nhà	màu từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động-> nỗi buồn từ man mác, mông nung đến lo âu kinh sợ + NT : Tả cảnh ngụ tình Điệp từ " buồn trông " Hệ thống từ láy, một loạt các hình ảnh mang ý nghĩa ẩn dụ <=> Diễn tả một nỗi buồn triền miên chất ngất, nhiều vẻ của Thúy Kiều đến độ cực điểm. -Tg :Yêu thương, chia sẻ, cảm thông với nhân vật. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Tả cảnh ngụ tình - Ngôn ngữ độc thoại 2. Nội dung - Tâm trạng của nàng Kiều : cô đơn, buồn tủi, sầu nhớ. * Ghi nhớ (SGK/96)

3. Hoạt động luyện tập

- Sáu câu đầu diễn tả điều gì.?
- Ở lầu Ngưng Bích, Kiều nhớ đến ai. Nỗi nhớ đó được thể hiện như thế nào.?
- Tám câu cuối thể hiện nỗi buồn lo của Thúy Kiều ra sao.?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết bài văn cảm nhận về hình ảnh của nàng Kiều ?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài phân tích về tác phẩm.
 - Học thuộc đoạn thơ
 - Phân tích được ND, NT của đoạn trích
 - Về nhà làm hoàn chỉnh BT1 (SGK/96)
 - Chuẩn bị trước tiết ':Miêu tả trong văn bản tự sự
 - +Đọc sgk
 - +Trả lời câu hỏi
- =====

Ngày soạn:
Tuần 8 - Bài 7

Ngày dạy:

Tiết 37 : TV_ TRAU DÒI VỐN TỪ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. **Kiến thức:** Học sinh hiểu được những định hướng chính để trau dồi vốn từ.
2. **Kĩ năng:** HS biết giải nghĩa từ và sử dụng từ đúng nghĩa, phù hợp với ngữ cảnh
3. **Thái độ :** HS yêu Tiếng Việt
4. **Định hướng năng lực – phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, tư duy, sáng tạo, giao tiếp .
 - Phẩm chất : Yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt .

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:-** Soạn bài, tham khảo tài liệu (Từ điển Tiếng Việt), phiếu học tập
 - Dự kiến phương án tích hợp:
 - + TV - TV : Từ Hán Việt, thuần Việt...
 - + TV - Thực tế : Việc dùng từ hàng ngày

1. **Trò:** - Đọc và trả lời các câu hỏi SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành, giải quyết vấn đề.

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, lược đồ tư duy, động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động Khởi động

* Ổn định tổ chức

* Kiểm tra bài cũ

- Thuật ngữ là gì. Lấy ví dụ
- Nêu những đặc điểm của thuật ngữ. Chứng minh các đặc điểm đó của thuật ngữ.

* Vào bài mới : GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi giải ô chữ.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác GV: gọi HS đọc đoạn văn và thảo luận theo cặp đôi ? Em hiểu cổ thủ tướng Phạm Văn Đồng muốn nói điều gì? ? Qua lời tg, muốn sử dụng tốt tiếng việt chúng ta cần làm gì? - HS thảo luận, trình bày, NX - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm (6 nhóm) ? Xác định lỗi diễn đạt trong mỗi câu? ? Vì sao có những lỗi này? (vì tiếng ta nghèo hay vì người viết không biết dùng tiếng ta) ? Em hãy sửa lại cho đúng các câu trên? - HS thảo luận, trình bày -> NX, bổ sung ? Vậy để "biết dùng tiếng ta" ta cần phải làm gì? ? Muốn sử dụng tốt tiếng việt ta cần làm gì.?	I. Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ 1. Tìm hiểu ví dụ *VD1 (SGK/99+100) - Tiếng Việt là ngôn ngữ có khả năng rất lớn đáp ứng nhu cầu diễn đạt của người Việt. - Muốn phát huy tốt khả năng của Tiếng Việt, mỗi cá nhân phải không ngừng trau dồi ngôn ngữ của mình. ->Muốn sử dụng tốt tiếng việt trước hết cần trau dồi vốn từ * ví dụ 2 (SGK/100) a. Thừa "đẹp" vì "thắng cảnh" có nghĩa là "cảnh đẹp". b. Sai từ "dự đoán" vì " dự đoán" là đoán trước tình hình sự việc xảy ra trong tương lai. c. Sai từ "đẩy mạnh" (thúc đẩy cho phát triển nhanh lên mà quy mô thì không thể phát triển nhanh hay chậm) -> Lỗi trên là do người viết không biết chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ (Không biết cách dùng tiếng ta) -Sửa lại : a. Bỏ từ "đẹp" b. Thay từ "dự đoán" = phỏng đoán, ước đoán c. Thay từ "đẩy mạnh" = mở rộng => Cần rèn luyện để nắm chính xác nghĩa và cách dùng từ. 2. Ghi nhớ (SGK/100) II. Rèn luyện để làm tăng vốn từ 1. Tìm hiểu ví dụ (SGK/100) - Tô Hoài bàn về vốn từ của Nguyễn Du : Học lời ăn tiếng nói của nhân dân, sáng tạo trên cơ sở công việc của người dân lao động.

Yêu cầu HS đọc đoạn văn

? Nhà văn Tô Hoài đang nói về ai, nói về điều gì.?

-GV mở rộng việc dùng từ trong các văn bản trích "Truyện Kiều" của Nguyễn Du.

? Qua đó, nhà văn Tô Hoài muốn nhấn mạnh điều gì.?

? Như vậy bên cạnh việc rèn để nắm đúng nghĩa, sử dụng đúng cách, ta cần làm gì để trau dồi vốn từ.?

- GV Chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS hệ thống lại kiến thức qua lược đồ tư duy

- HS trình bày

- GV gọi HS đọc ghi nhớ

-> Nhà văn muốn nhấn mạnh : Trau dồi vốn từ là cần học lời ăn tiếng nói của nhân dân để biết thêm những từ chưa biết.

2. Ghi nhớ / SGK

3.Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt		
- HS hoạt động cá nhân ? Chọn cách giải thích đúng.? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi - Bước 1 : Xác định những từ Hán Việt chứa yếu tố Hán theo từng nghĩa - Bước 2 : Giải nghĩa từ Hán Việt (Làm một số từ) - Gv gọi Hs trình bày, nx ? Sửa lỗi dùng từ sai?	III. Luyện tập Bài tập 1 (SGK/101) + Hậu quả : (b) kết quả xấu + Đoạt là : (a) chiếm được phần thưởng + Tinh tú : (b) sao trên trời Bài tập 2 (SGK/101) a. - Tuyệt : có nghĩa dứt, không còn gì (tuyệt chủng, tuyệt giao, tuyệt tự, tuyệt thực) - Cực kì, nhất (tuyệt đỉnh, tuyệt mật, tuyệt tác, tuyệt trần) b. - Đồng : cùng nhau, giống nhau (đồng âm, đồng bào, đồng bộ, đồng chí...) - Đồng : trẻ em (đồng ấu, đồng dao, đồng thoại - Đồng : chất (trống đồng) Bài tập 3 (SGK/102) <table><tr><td>Sai</td><td>Sửa lại</td></tr></table>	Sai	Sửa lại
Sai	Sửa lại		

	a. Im lặng b. thành lập c. cảm xúc	yên tĩnh thiết lập xúc động, cảm xúc
- Gv sử dụng kĩ thuật động não ? Dựa theo ý kiến trên, hãy nêu cách em sẽ thực hiện để làm tăng vốn từ? ? Chọn từ điền vào chỗ trống? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi - HS thảo luận, trình bày	Bài tập 5 (SGK/103) - Chú ý lắng nghe - Chăm đọc sách -> Ghi chép và sử dụng Bài tập 6 (SGK/103) a. điểm yếu b. mục đích cuối cùng c. đề bài d. lầu tầu e. hoảng loạn Bài tập 7 (SGK/103) a. - Nhuận bút : tiền trả cho người viết tác phẩm - Thù lao : khoản tiền trả công cho lao động bỏ ra (nghĩa rộng lớn)	

4. Hoạt động vận dụng

- Sử dụng sổ tay tích lũy ghi chép lại những từ ngữ mới qua nghe - đọc – xem để tăng vốn từ và chia sẻ với bạn bè .

5. Hoạt động Tìm tòi, mở rộng

- Tìm đọc cuốn từ điển Tiếng Việt để mở rộng vốn từ, hiểu đúng nghĩa của từ cần dùng.

- Tìm đọc bài thơ **Tiếng Việt** của Lưu Quang Vũ.

* Học thuộc ghi nhớ. Hoàn thành các bài tập.

* Soạn bài : Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.

+Đọc vd

+Trả lời các câu hỏi trong sgk

Ngày soạn: / /2018

Ngày dạy: / /2018

Tuần 8 – bài 8

Tiết 38 :VB - LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ

(Trích " Truyện Lục Vân Tiên ") **Nguyễn Đình Chiểu**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Học sinh nêu được những nét chính về tác giả, tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên và thể loại thơ lục bát qua Truyện Lục Vân Tiên.

- HS hiểu nét chính về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm.
- HS hiểu được khát vọng cứu người, giúp đời của tg và phẩm chất của nv Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga.

2. Kỹ năng: HS có kỹ năng đọc – hiểu một đoạn trích truyện thơ.

- HS nhận diện và hiểu td của các từ ngữ địa phương Nam Bộ được sử dụng trong đoạn trích.

- HS cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng nhân vật theo quan niệm đạo đức mà tác giả đã khắc họa trong đoạn trích.

3. Thái độ : HS yêu tác phẩm văn học, kính trọng nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực thẩm mỹ, ngôn ngữ, công nghệ thông tin.
- HS biết bồi đắp thêm những phẩm chất tốt đẹp như lòng dũng cảm, nhân hậu, biết ơn, yêu thương.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu " Truyện Lục Vân Tiên "

- Tranh chân dung Nguyễn Đình Chiểu, máy chiếu

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Lịch sử : Lịch sử đất nước cuối TKXIX - đầu TK XX

2. Trò:- Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm , giải quyết vấn đề, dạy học theo hợp đồng, pp trực quan

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi , kỹ thuật thuyết trình tích cực, trình bày một phút, động não, đọc sáng tạo.

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ**

- Ở lâu Ngung Bích Kiều nhớ đến ai. Nỗi nhớ ấy được thể hiện như thế nào?

* **Vào bài mới :** GV cung cấp đoạn phim về **Lục Vân Tiên**.

? Em có biết bộ phim trên được chuyển thể dựa vào tác phẩm nào, của ai?

? Nhân vật chính trong phim trên là ai?

? Em thấy được những phẩm chất tốt đẹp nào của nhân vật?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực	I. Đọc, Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Tiểu sử : + Nguyễn Đình Chiểu (1825 - 1888), quê ở Thừa Thiên Huế, sinh tại quê mẹ

tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mỹ, cảm thụ.

- GV yêu cầu HS thanh lí hợp đồng và sử dụng kĩ thuật thuyết trình tích cực .

- HS thuyết trình tích cực về tác giả.

? Truyện LVT được sáng tác vào thời gian nào?

? Vị trí của đoạn trích trong tác phẩm?

- GV sử dụng kĩ thuật đọc sáng tạo

? VB cần được đọc với giọng điệu ntn?

- GV: đọc mẫu, gọi HS đọc và nx

- GV: yêu cầu HS giải thích một số chú thích trong SGK

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân

? Thể loại của văn bản ?

? Đoạn trích trong truyện kể về sự việc

Gia Định, mất tại Bến Tre.

+ Đỗ tú tài năm 21 tuổi (1843)

+ Năm 27 tuổi bị mù (1849)

- Sự nghiệp :

+ Dạy học] Tận tâm

+ Bốc thuốc

+ Văn chương là hoạt động nổi bật nhất (Truyện Lục Vân Tiên, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc ...) -> Mục đích để truyền bá đạo lí làm người, cổ vũ lòng yêu nước, ý chí cứu nước...

- Con người Nguyễn Đình Chiểu :

+ Là con người giàu nghị lực sống, sống hết mình và cống hiến hết mình cho cuộc đời: làm một thầy giáo; một thầy thuốc và một nhà thơ.

+ Là người giàu lòng yêu nước và tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm

-> Nguyễn Đình Chiểu – một nhân cách lớn.

2. Tác phẩm

a, Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ : Sáng tác đầu những năm 50 của thế kỷ XIX

- Vị trí : Nằm ở phần đầu của truyện trong mạch kể Lục Vân Tiên trên đường về thăm cha mẹ.

b, Đọc và hiểu chú thích

* Đọc

* Chú thích(SGK)

c. Thể loại : truyện thơ Nôm

- Sự việc : Kể việc Lục Vân Tiên đánh toán cướp cứu Kiều Nguyệt Nga. Từ đó thể hiện khát vọng hành đạo giúp đời của tác giả, ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của 2 nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

gì?

GV chiếu nhan đề cuốn truyện

- Gồm 2082 câu lục bát, theo kiểu chương hồi

Nội dung : Xoay quanh cuộc đời các nhân vật mà tiêu biểu là Lục Vân Tiên, qua đó để thể hiện mục đích truyền dạy đạo lý (Xem trọng tình nghĩa, đề cao tinh thần hiệp nghĩa)

->Nội dung gần gũi, thể loại truyện kể (dễ đi vào đời sống nhân dân, biến thành những hình thức sinh hoạt văn hóa)

-Kết cấu theo khuôn mẫu:người tốt gặp nhiều gian truân cuối cùng được đền bù xứng đáng.Kẻ xấu bị trừng trị

? PTBD của đoạn trích?

? Dựa vào diễn biến các sự việc, em hãy xác định bố cục văn bản.?

- **GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi .**

? Khi thấy bọn cướp giữa đường hại dân, Vân Tiên có hành động gì.?

? Em hãy nhận xét cách sử dụng từ ngữ của tác giả trong 2 câu thơ?

? Những từ ngữ đó góp phần diễn tả hành động như thế nào của LVT?

- HS thảo luận và trình bày.

? khi thấy bọn cướp đường hại dân , Vân Tiên đã có lời nói thế nào?

? Nhận xét giọng điệu của câu thơ?

? Lời nói đó thể hiện thái độ gì của

d.PTBD:Tự sự +miêu tả

e. Bố cục :

+ 14 câu đầu : Lục Vân Tiên đánh cướp

+ Còn lại : Cuộc trò chuyện giữa Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

II. Phân tích

1. Hình ảnh Lục Vân Tiên

*** Lục Vân Tiên khi đánh cướp**

Vân Tiên ghé lại bên đàng
Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô

+ Dùng ĐT mạnh

-> Hành động nhanh, dứt khoát, không do dự

Kêu rằng : Bớ đảng hung đồ
Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân

+Giọng điệu đanh thép

-> Thái độ bất bình trước hành động bất nhân của lũ cướp Phong Lai. lời cảnh tỉnh lũ cướp

-> Hành động quang minh chính đại

Phong Lai ... phùng phùng
Thằng nào ... vào đây

Vân Tiên? ? Em có suy nghĩ gì về hành động này của Vân Tiên? Tìm chi tiết nói về bọn cướp Phong Lai ? ? Đó là bọn cướp như thế nào. - GV sử dụng PP giải quyết vấn đề ? Nếu đối mặt với toán cướp ấy, theo em Vân Tiên có bất lợi không. Vì sao.? - HS trình bày-> bổ sung. ? Hành động, lời nói của Lục Vân Tiên khi đối mặt với lũ cướp dữ đã bộc lộ tính cách gì của chàng? - GV giảng - GV yêu cầu Hs thảo luận theo 6 nhóm ? Hình ảnh Vân Tiên đánh cướp được tác giả miêu tả như thế nào.? ? Hãy chỉ ra nghệ thuật đặc sắc trong những lời thơ đó ? ? Qua hành động đánh cướp đó đã giúp ta hiểu gì về Vân Tiên? ? Theo em chiến thắng của Vân Tiên có ý nghĩa gì? - HS thảo luận, trình bày, bổ sung. - GV sử dụng kĩ thuật động não ? Qua những lời thơ trên, em thấy LVT là một người như thế nào ? ? Qua nhân vật LVT nhà văn muốn gửi gắm khát vọng gì ? - Gv giảng và giáo dục đạo đức.	-> Đông, hung hãn, trang bị vũ khí - Vân Tiên : một mình, cành cây làm gậy - Bọn cướp: quân bốn phía ,gươm giáo đầy mình -> Lực lượng quá chênh lệch -> Tính cách anh hùng hào hiệp vì nhân nghĩa mà hành động để bênh vực người yếu đuối Vân Tiên tả đột hữu xông Khác nào Triệu Tử...Dang...thân vong NT : + So sánh + Điển tích + ĐT mạnh -> Vân Tiên dũng cảm, có võ nghệ cao cường, sánh ngang với dũng tướng Triệu Tử -> Vân Tiên là hiện thân của chính nghĩa đang trừng trị cái xấu , cái ác . => Vân Tiên là người có bản chất nhân nghĩa, người anh hùng hào hiệp, thấy việc nghĩa là làm, coi đó là lẽ sống => <i>Khát vọng hành đạo , cứu đời</i>

3. Hoạt động luyện tập

? Đọc diễn cảm đoạn thơ "Lục Vân tiên cứu Kiều Nguyệt Nga"?

? Truyện Lục Vân Tiên được kết cấu theo kiểu thông thường của các loại truyện truyền thống xưa như thế nào.?

? Cảm nhận của em về nhân vật Lục Vân Tiên?

4. Hoạt động vận dụng

- Kể những tấm gương người tốt, việc tốt trong gia đình và bạn bè.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- Tìm đọc tác phẩm **Truyện Lục Vân Tiên** của Nguyễn Đình Chiểu và những bài viết liên quan đến tác phẩm.

* Học bài

* Chuẩn bị bài : Soạn bài tiếp theo hệ thống câu hỏi SGK :

+ Hình ảnh nhân vật Lục Vân Tiên sau khi đánh cướp

+ Hình ảnh Kiều Nguyệt Nga

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 8 – Bài 8

Tiết 39 - LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ (Tiếp) (Trích " Truyện Lục Vân Tiên ") Nguyễn Đình Chiểu

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: HS hiểu nét chính về nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm

- HS hiểu được khát vọng cứu người ,giúp đời của tg và phẩm chất của nv Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga

2. Kỹ năng: HS có kỹ năng đọc – hiểu một đoạn trích truyện thơ.

- HS nhận diện và hiểu td của các từ ngữ địa phương Nam Bộ được sử dụng trong đoạn trích.

- HS cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng nhân vật theo quan niệm đạo đức mà tác giả đã khắc họa trong đoạn trích.

3. Thái độ : HS yêu tác phẩm văn học và nhân vật trong tác phẩm.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mỹ, ngôn ngữ.

- HS biết bồi đắp thêm những phẩm chất tốt đẹp như lòng dũng cảm, nhân hậu, biết ơn, yêu thương, trọng nghĩa khinh tài...

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu " Truyện Lục Vân Tiên "

2. Trò: - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm, trình bày một phút.

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định lớp:

*Kiểm tra bài cũ : Cảm nhận về nhân vật LVT qua phần LVT đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga

* Vào bài mới : GV chiếu đoạn phim về cảnh Lục Vân Tiên gặp Kiều Nguyệt Nga ? Em cảm nhận như thế nào về hai nhân vật này.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mỹ, cảm thụ. - GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi ? Tìm hình ảnh thơ cho thấy hành động của Vân Tiên ngay sau khi đánh cướp? ? Lời nói này giúp em hiểu chàng là người ntn? - HS thảo luận, trả lời, bổ sung - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân ? Khi Kiều Nguyệt Nga nói tới chuyện trả ơn Vân Tiên có cử chỉ gì.? ? Suy nghĩ của em về nụ cười và lời nói của Vân Tiên.? ? Điều đó thể hiện tính cách gì của chàng? ? Kết thúc đoạn trích, Vân Tiên đã nói gì? ? Em hiểu hai câu thơ này có ý nghĩa ntn? - HS hoạt động theo cặp đôi -> trình bày - GV sử dụng kỹ thuật trình bày một phút và yêu cầu HS nêu cảm nhận về LVT - GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm ? Sau khi nghe Vân Tiên hỏi, Nguyệt	II. Phân tích 1. Hình ảnh Lục Vân Tiên * Lục Vân Tiên khi đánh cướp * Lục Vân Tiên Khi gặp Kiều Nguyệt Nga Hỏi : Ai than khóc ở trong xe này ... Vân Tiên nghe nói động lòng Đáp rằng : ta... lâu la Khoan khoan ngồi đó chớ ra Nàng là phận gái ta là phận trai -> Chàng nhân hậu, thực sự thông cảm trước nỗi bất hạnh của người khác. -> Phong thái đàng hoàng, thái độ ứng xử đúng mực của người có học. Vân Tiên nghe nói liền cười Làm ơn há dễ cho người chịu ơn - Nụ cười hồn nhiên, vô tư, không tính toán -> Chàng là người hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, khước từ mọi đền đáp Nhớ câu kiến ngãi bất vi Làm người thế ấy cũng phi anh hùng - Thấy việc nghĩa mà không làm thì không phải là người anh hùng -> Thể hiện phong độ và lí tưởng của một trang anh hùng hảo hán. <=> Lục Vân Tiên là nhân vật có hành động anh hùng nghĩa hiệp, vị nghĩa vong thân, sẵn sàng cứu người. 2. Hình ảnh Kiều Nguyệt Nga - Kiều Nguyệt Nga đáp lại đầy đủ các câu hỏi thăm ân cần của Lục Vân Tiên (tên, quê quán, gia cảnh, nguyên do sự tình) - Trình bày rõ ràng, khúc chiết các vấn đề, có thừa gửi (thừa rằng...) - Cách dùng từ ngữ : văn vẻ, dịu dàng, mực thước (rằng tôi liễu...)

Nga đã trả lời như thế nào? ? Em có nhận xét gì về cách trình bày vấn đề, cách dùng từ ngữ, cách xưng hô của Kiều Nguyệt Nga? ? Qua đó em thấy phẩm chất gì của Kiều Nguyệt Nga? - HS thảo luận-> trình bày-> bổ sung. - GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời, yêu cầu Hs hỏi và trả lời các câu hỏi liên quan đến nghệ thuật và nội dung.	- Cách xưng hô (quân tử - tiện thiếp), khiêm nhường thể hiện niềm xúc động, cảm kích -> Kiều Nguyệt Nga là người con gái khuê các, nét na, điệu dàng, mực thước và có học thức (Vì tuân lời cha - thể hiện sự hiếu thảo) Lâm nguy ... cùng người - Nàng tìm cách trả ơn Vân Tiên dù biết rằng có đền đáp bao nhiêu cũng không đủ. -> Kiều Nguyệt Nga là người ân tình "ơn ai một chút chẳng quên" III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - ít khắc họa chân dung, diễn biến nội tâm mà khắc họa nhân vật qua cử chỉ, hành động, lời nói để tự bộc lộ tính cách - Ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, đậm màu sắc Nam Bộ. - Gắn với truyện dân gian, là truyện kể mang nhiều tính chất dân gian 2. Nội dung <=> Khắc họa thành công vẻ đẹp của nv Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga * Ghi nhớ (SGK/115)

3. Hoạt động luyện tập

- Đọc diễn cảm đoạn thơ?
- Phân tích tinh thần nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên?
- Kiều Nguyệt Nga có những phẩm chất gì?

4. Hoạt động vận dụng

- Kể những tấm gương người tốt, việc tốt .

5. Hoạt động tìm tòi, sáng tạo

- Tìm xem bộ Phim Lục Vân Tiên để cảm nhận thêm về nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga

* Học bài

* Chuẩn bị : Miêu tả nội tâm trong văn Tự sự (Đọc vd và trả lời các câu hỏi)

Ngày soạn:
Tuần 9
Tiết 39+40

Ngày dạy:

BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO PHỤ NỮ XƯA VÀ NAY

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: - HS hiểu được về cuộc sống, về những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt; so sánh để thấy được nét đặc trưng của người phụ nữ ngày nay và phụ nữ thời xưa.

2. Kỹ năng: HS có kỹ năng tổ chức được buổi triển lãm có kết hợp với thuyết trình theo chủ đề: *Nét đẹp của phụ nữ xưa và nay*.

- HS sáng tạo được những sản phẩm liên quan đến chủ đề: bài viết, vẽ, bài sưu tầm, sáng tác thơ, văn.

3. Thái độ: HS có ý thức học tập đúng đắn.

4. Năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng công nghệ thông tin.

- HS biết yêu thương, đoàn kết, có trách nhiệm, tự chủ trong cuộc sống.

II. CHUẨN BỊ

1. GV: - Thời gian thực hiện: - Thời gian : Sau bài 9, GV giao nhiệm vụ cho HS .

- Thiết bị : SGK, sách TNST, đồ dùng, máy chiếu, máy tính, thiết kế giáo án...

- Hình thức hoạt động : Làm việc theo nhóm từ 6-8 hs.

2.HS: SGK, sách TNST, đồ dùng, chuẩn bị bài...

III . CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm	1. HS nhận nhiệm vụ - Mỗi nhóm từ 6-8 học sinh , HS tự bầu nhóm trưởng. - Nhiệm vụ cụ thể theo từng nhóm : + N1: Tìm hiểu vẻ đẹp và thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến. + N2: Đánh giá vị thế, vai trò của phụ nữ trong xã hội ngày nay. + N3: Suy nghĩ về chuẩn mực của phụ nữ hiện đại. + N4: Đánh giá những điều tốt đẹp và chưa tốt đẹp của xã hội ngày nay đối với phụ nữ.
Định hướng học sinh tìm kiếm thông tin	2. Tìm kiếm thông tin

- Gợi ý học sinh tìm kiếm thông tin, đặt ra một số câu hỏi phỏng vấn	- HS tìm kiếm thu thập thông tin theo chủ đề của nhóm mình : + Thông tin từ sách giáo khoa Ngữ văn 9 tập 1 và SGK Ngữ văn 7 + Thông tin từ các nguồn khác: Trên Internet, báo chí, truyền hình những hình ảnh, video. + Phỏng vấn một số nhân vật nữ thành công trong sự nghiệp (người tốt việc tốt), HS nữ có nhiều thành tích tiêu biểu.
Hướng dẫn các nhóm xử lý thông tin + Kiểm tra nội dung tìm kiếm và phỏng vấn của các nhóm. + Hướng dẫn các nhóm xử lý thông tin . + Định hướng cấu trúc bài thuyết trình cho từng nhóm. Hỗ trợ học sinh xây dựng ý tưởng cho buổi triển lãm. - Hợp các nhóm để thống nhất ý tưởng chung cho buổi triển lãm. phân công nhiệm vụ cho mỗi nhóm. - Điều chỉnh, góp ý cho các nhóm. - Yêu cầu nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. - Yêu cầu nhóm trưởng tập hợp sản phẩm của các thành viên trong nhóm.	3. Xử lý thông tin - Nhóm trưởng yêu cầu các thành viên trong nhóm trình bày kết quả tìm kiếm được theo sự phân công. - Cả nhóm thống nhất lựa chọn thông tin để xây dựng cấu trúc của bài viết. 4. Xây dựng ý tưởng cho buổi triển lãm. - Cả nhóm trao đổi thảo luận thống nhất ý tưởng. - Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên. - Các thành viên thực hiện nhiệm vụ được phân công. - Tập hợp lại sản phẩm của tất cả các thành viên, sắp xếp , bố trí theo không gian triển lãm.

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

Chủ đề: Phụ nữ xưa và nay

(Viết các nội dung tìm kiếm được liên quan đến các từ khóa vào các ô tương ứng trong bảng sau)

Người đọc:.....Ngày đọc:.....

Cụm từ khóa	Nội dung đọc liên quan đến cụm từ khóa
Người phụ nữ trong tác phẩm văn học trung đại	
Phụ nữ thời phong kiến	
Phụ nữ trong xã hội hiện đại	
Chuẩn mực người phụ nữ thời hiện đại	
Cách cư xử của người phụ nữ hiện đại	
Chân dung người phụ nữ thành đạt	
Bình đẳng giới	

Ngày soạn:

Tuần 9- Bài 8

Ngày dạy:

Tiết 41 : TLV - MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- HS nêu được về nội tâm nhân vật và miêu tả nội tâm nhân vật trong tác phẩm tự sự
- Hiểu được vai trò của miêu tả nội tâm và mối quan hệ giữa nội tâm và ngoại hình khi kể chuyện.

2. Kỹ năng: HS có kỹ năng phát hiện, phân tích tác dụng của miêu tả và kết hợp kể chuyện với miêu tả nội tâm nhân vật khi làm bài văn tự sự.

3. Thái độ: HS có ý thức học tập đúng đắn.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.
- HS tự tin, nhân ái.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy :- Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu, phiếu học tập.

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ TLV - Văn : Kiều ở lầu Ngưng Bích, Mã Giám Sinh mua Kiều.

+ TLV - TLV : Miêu tả trong văn tự sự

2. Trò: - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề, luyện tập thực hành.

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, lược đồ tư duy.

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

***. Ổn định lớp:**

***. Kiểm tra bài cũ :**

*** Vào bài mới : GV cung cấp một số hình ảnh qua máy chiếu (bức tranh vẽ minh họa nàng Kiều và cảnh thiên nhiên) và yêu cầu HS miêu tả ngoại hình nàng Kiều, miêu tả cảnh thiên nhiên -> dẫn dắt vào bài**

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mỹ, cảm thụ. - GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu HS thảo luận : ? Tìm những câu thơ miêu tả cảnh vật và tả tâm trạng của nàng Kiều? ? Những câu thơ tả cảnh trong bài có mối quan hệ như thế nào với việc thể hiện nội tâm của nhân vật ? ? Tâm trạng của Kiều được thể hiện ntn qua các câu thơ trên? - GV yêu cầu HS trình bày -> NX ? Làm thế nào để ta nhận biết được tâm trạng này của Kiều ? ? Qua tìm hiểu vd, em hiểu thế nào là miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự ? ? Miêu tả nội tâm có tác dụng như thế nào với việc khắc họa nhân vật trong văn bản tự sự ? - GV: gọi HS đọc - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Tìm chi tiết miêu tả ?	I. Tìm hiểu yếu tố nội tâm trong văn bản tự sự 1.Xét ví dụ/ sgk *VD1 : Đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" - Các câu tả cảnh : + Bốn câu đầu... + Tám câu cuối... - Các câu tả tâm trạng : + 8 câu giữa... - Những câu thơ tả cảnh đề thể hiện rõ tâm trạng của Kiều. -> Tâm trạng cô đơn, buồn tủi, nỗi nhớ thương người yêu và cha mẹ của Thúy Kiều. -> Những nét tâm trạng này không quan sát được từ bên ngoài mà người viết phải miêu tả nội tâm nhân vật bằng cách tái hiện ý nghĩ, cảm xúc tâm trạng nhân vật => Miêu tả nội tâm nhằm tái hiện lại những cảm xúc, tâm trạng của nhân vật -> Có tác dụng lớn trong việc khắc họa đặc điểm, tính cách nhân vật làm cho nhân vật sinh động. . ý 1- ghi nhớ *ví dụ 2 : Đoạn văn trong "Lão Hạc" của Nam Cao.

? Em hãy cho biết chi tiết đó tả gì? ? Qua đó có thể hiện nội tâm không. Nếu có đó là tâm trạng gì. ? - HS trình bày -> NX, bổ sung ? Qua 2 ví dụ, em thấy có những cách nào để miêu tả nội tâm nhân vật? - Gv yêu cầu HS khái quát kiến thức bài học qua lược đồ tư duy	- Chi tiết : mặt co rúm, những vết nhăn xô lại, ép nước mắt chảy ra, đầu nghẹo về một bên miệng móm mém, mếu... -> Miêu tả nét mặt của Lão Hạc => Nội tâm đau đớn, buồn bã, xót xa của Lão Hạc khi bán chó. - Miêu tả cảnh, nét mặt, cử chỉ... để thể hiện nội tâm -> Miêu tả nội tâm gián tiếp - Diễn tả trực tiếp ý nghĩ ,cảm xúc của nhân vật -> Miêu tả nội tâm trực tiếp * ý 2- ghi nhớ 2. Ghi nhớ (SGK/117)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
? Thuật lại đoạn trích “ Mã...Kiều” bằng văn xuôi, chú ý miêu tả nội tâm nàng Kiều? ? Đóng vai Kiều viết đoạn văn kể lại việc báo ân báo oán? ? Viết đoạn văn miêu tả tâm trạng của em khi làm việc có lỗi với bạn? - HS viết và trình bày	II. Luyện tập Bài tập 1 (SGK/117) - Chú ý miêu tả trực tiếp suy nghĩ khi Kiều nghĩ về duyên mình và cảnh nhà - Miêu tả gián tiếp qua cử chỉ nét mặt "Thềm hoa...", "Nét buồn..." - Kể ngôi thứ 3 . Bài tập 2 (SGK/117) + Kể ngôi thứ nhất xưng tôi + Chú ý dẫn lời dẫn ý nhân vật khác + Tái hiện tâm trạng Kiều lúc gặp Hoạn Thư Bài tập 3 (SGK/117)

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn miêu tả tâm trạng của mẹ khi biết em làm được một việc tốt .

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- Tìm đọc thêm những tác phẩm văn học có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm nhân vật
- Học thuộc ghi nhớ. Hoàn chỉnh các bài tập
- Soạn bài :Chương trình địa phương phần văn

- +Tìm hiểu văn học Hưng Yên từ 1975 đến nay
 - +Tìm các tác giả và tác phẩm tiêu biểu
-

Ngày soạn:
Tuần 9- bài 9

Ngày dạy:

**Tiết 42 : CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG PHẦN VĂN
(KHÁI QUÁT VĂN HỌC HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 1975 ĐẾN
NAY)**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- 1. Kiến thức:** Học sinh biết được một số tác giả, tác phẩm văn học Hưng Yên từ năm 1975 đến nay. Hiểu thêm vài điểm sơ lược về sự đổi mới trong sáng tác văn thơ của các tác giả người Hưng Yên và những sáng tác viết về Hưng Yên sau năm 1975
- 2. Kỹ năng:** HS có kỹ năng thu thập tài liệu, khái quát về văn học Hưng Yên. Hiểu và bình thơ, so sánh đặc điểm văn địa phương giữa các giai đoạn.
- 3. Thái độ:** HS có thái độ quý trọng và tự hào tiến tới say mê sưu tầm, tìm hiểu văn học đương đại Hưng Yên.
- 4. Định hướng năng lực – phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
 - HS tự tin, nhân ái, yêu quê hương...

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy:** - Soạn bài dựa vào tài liệu chương trình địa phương Hưng Yên (Lớp 8 - 9)
 - Dự kiến phương án tích hợp:
 - + Văn - Văn : Các tác phẩm của Hưng Yên giai đoạn khác
- 2. Trò:**
 - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK Ngữ văn 8-9 (Chương trình địa phương, tỉnh Hưng Yên)

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề, PP trực quan, pp hợp đồng.
2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, lược đồ tư duy, thuyết trình tích cực.

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định lớp:**

*. **Kiểm tra bài cũ (không)**

* **Vào bài mới :** GV cung cấp một đoạn Clip về cảnh vật và con người Hưng Yên và tổ chức cho HS hai đội thi tìm bài hát, những câu thơ viết về Hưng Yên -> dẫn dắt vào bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học - GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm ? Xác định kiểu văn bản gì? ? Nếu xét theo kiểu văn bản đó, em chia bố cục văn bản như thế nào? ? ở phần thân bài có mấy phần. Mỗi phần có mấy ý. Hãy đặt tên cho từng ý? ? Kết bài thể hiện cảm xúc gì? - HS trình bày, NX ? Hoàn cảnh đất nước ta sau năm 1975 như thế nào? - GV yêu cầu HS thanh lí hợp đồng, PP trực quan, kĩ thuật thuyết trình tích cực. - HS giới thiệu về các tác phẩm tiêu biểu ở từng thể loại	I. Đọc và Tìm hiểu chung 1. Đọc 2. Tìm hiểu chung về văn bản * Kiểu loại : Văn bản nghị luận * Bố cục : + Mở bài : Hoàn cảnh xã hội, yêu cầu đổi mới của văn học Hưng Yên. + Thân bài - Phần 1 : Văn xuôi Hưng yên trước yêu cầu đổi mới . ý 1 : Thể loại truyện ngắn và tác giả, tác phẩm tiêu biểu. . ý 2 : Thể loại hồi kí và tác giả, tác phẩm tiêu biểu. - Phần 2 : Thơ Hưng Yên và những bước chuyển động . ý 1 : Các nhóm thơ Hưng Yên. . ý 2 : Những đổi mới trong sáng tạo thơ . ý 3 : Thơ viết cho thiếu nhi + Kết bài : Cảm xúc của người viết (hi vọng vào văn học Hưng Yên đổi mới toàn diện) II. Phân tích * Hoàn cảnh : - Đất nước được thống nhất nhưng vẫn vết thương chiến tranh chưa kịp lành da - Đối mặt với nguy cơ tụt hậu và hòa nhập thế giới -> Văn học cần đổi mới trong đó có văn học Hưng Yên 1. Văn xuôi Hưng Yên trước yêu cầu đổi mới. - Thể loại truyện ngắn : + Lê Lựu : Thời xa vắng -> Vấn đề giá trị đúng - sai, thiện - ác, về nhân cách tự do của mỗi cá thể trong tương quan với cộng đồng. + Chu Lai : Ăn mày dĩ vãng -> Bi kịch số phận con người đau khổ, hi sinh mất mát do chiến tranh mang đến. + Phùng Văn Khai : Hư thực (thân phận

- HS sưu tầm và giới thiệu trực quan một tác phẩm ? Trong các tác giả được nói đến, em chú ý đến tác giả nào nhất. Tại sao? - HS bộc lộ quan điểm ? Em có nhận xét gì về văn xuôi Hưng Yên sau 1975? ? Đọc câu văn mở đầu phần 2 và cho biết đây có phải là câu nhận xét, đánh giá của tác giả không. Nếu có thì đó là nhận xét gì?	con người) + Huệ Minh : viết về các mảnh vỡ cuộc đời, tình yêu + Đỗ Hữu Tấn : Cuộc chiến vùng ao -> Cuộc chiến tranh giành đất ở một làng quê mà nguyên nhân từ cung cách làm ăn không minh bạch của một số cán bộ quan liêu thời bao cấp. + Lý Kim Lân, Lê Bầu, Nguyễn Phúc Lai, Nguyễn Gia Nùng, Hoàng Thế Sinh... - Thể loại hồi kí : + Học Phi, Xuân Thiêm : Phán ánh không khí đấu tranh trong phong trào khởi nghĩa tháng Tám/1945. + Hữu Ước : bút kí mang tính thời đại và hiện đại. + Nguyễn Phúc Lai : phóng khoáng, trữ tình phản ánh về người và việc ở địa phương. + Trần Phúc, Nguyễn Quang Hiệp, Phạm Minh Hoàng, Lưu Tuấn Kiệt, Đào Quang Lâm,... theo sát vấn đề của đời sống địa phương. => Văn xuôi Hưng Yên đã có sự đổi mới nhưng chưa đột phá, đỉnh cao. 2. Thơ Hưng yên và những bước chuyển - Đây là câu nhận xét, đánh giá của tác giả về sự phong phú "mỗi người một vẻ" của thơ Hưng Yên. - Thơ được chia ra làm 3 nhóm : + Nhóm thơ có giọng điệu sang sảng của người thuyết giáo, ngợi ca. + Nhóm thơ đi sâu vào cái tôi trữ tình, bộc bạch thái độ, cảm xúc trước cuộc sống thời công nghiệp hóa.

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Thơ được chia ra làm mấy nhóm. Chủ đề sáng tác của các nhóm đó? - HS trình bày ? Dựa vào SGK và qua tìm hiểu, em hãy điểm tên một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của thơ Hưng Yên? - GV sử dụng kĩ thuật thuyết trình tích cực ? Vì sao thơ Hưng Yên có sự đổi mới trong sáng tạo? ? Em hãy chứng minh sự đổi mới đó qua một số tác giả tiêu biểu? - HS trình bày	+ Nhóm thơ muốn thoát li khỏi cái già cỗi, cũ kĩ, sáo mòn. - Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu : + Ngô Hoàng Anh : giọng đậm thắm, ngọt ngào. + Hoàng Thế Dân : say đắm nhưng tỉnh táo mỗi khi tìm về cội nguồn. + Nguyễn Thành có những bài thơ hay về cảnh làng lên phố. + Lương Sơn : tìm về những ngày xưa + Ngọc Mai : ghi lại biên niên sử làng. + Nguyễn Văn Thích : bàng bạc, bút rứt, giằng xé nội tâm. + Nguyễn Thị Hương : thơ tình yêu, tình thương, tình mẹ. + Phạm Dung, Đàm Đức Lợi, Hoàng Ngọc Lập,... - Đổi mới trong sáng tạo thơ ca là do yêu cầu tự thân nghệ thuật của nhà thơ và cũng là yêu cầu bạn đọc. + Nguyễn Thị Hồng Ngát : trong trẻo, tươi mát, có đôi chút bạo liệt. Bà tìm cảm xúc mới, tinh tế qua những hình ảnh giàu chất thơ. + Đoàn Thị Lam Luyện : giọng thơ đầy nữ tính, nhẹ nhàng, tình cảm và yêu thương. + Hồng Thanh Quang : Triết luận trên câu chữ + Nguyễn Thành Tuấn : đưa cái gân guốc của ngôn ngữ đời thường vào thơ, sử dụng dưới dạng ẩn dụ, lập tứ + Lưu Tuấn Kiệt : gia tăng ảo hóa và bài trí dòng thơ + Phạm Ngọc Động : chọn ngôn từ đầy ẩn ức tình ái + Đàm Huy Đông, Khương Mên,... đem đến cho thơ sức trẻ, hồn nhiên, tươi mới... - Thơ viết cho thiếu nhi : + Lê Hồng Thiện : giàu liên tưởng + Nguyễn Khắc Hào : giải thích các hiện

? Thơ thiếu nhi Hưng Yên với các tác giả nào? Liệt kê một số bài thơ viết cho thiếu nhi.? ? Đoạn cuối phần 2, tác giả có nhận xét chung gì về thơ Hưng Yên? ? Từ đó, tác giả có mong đợi, hi vọng như thế nào về thơ Hưng Yên? ? Nhận xét cách thể hiện của văn bản? ? Nội dung chính được viết trong văn bản?	tượng tự nhiên... + Nguyễn Tiến Bình : chân thành, dung dị => Thơ Hưng Yên có những bước chuyển, ghi dấu ấn riêng nhưng chưa để lại mốc son trong nền văn học dân tộc. * Người đọc đang chờ sự đổi mới toàn diện của văn học Hưng Yên. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Trình bày theo hệ thống các luận điểm - Đưa ra các ý kiến nhận xét, đánh giá của người viết. 2. Nội dung Những đổi mới trong sáng tác thơ văn của các tác giả người Hưng Yên từ 1975 đến nay. * Ghi nhớ (SGK/38)

3. Hoạt động luyện tập

Câu 1: Văn xuôi Hưng Yên có những đặc điểm và thành tựu gì?

Câu 2: Thơ Hưng Yên có những bước chuyển động như thế nào?

Câu 3: Gv tổ chức thi giữa các nhóm để hoàn thành bảng thống kê

T.G sáng tác văn xuôi	T.G sáng tác thơ
Lê Lựu Chu Lai	Ngô Hoàng Anh Nguyễn Khắc Hào
...	...

4. Hoạt động vận dụng

-Tập làm thơ viết về quê hương, con người

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- Tìm đọc một số tác phẩm văn học nghệ thuật Hưng Yên.

- Suy tầm về các tác giả không phải là người Hưng Yên viết về Hưng Yên.

- Học bài theo 2 nội dung chính

Chuẩn bị kĩ : Tổng kết từ vựng (Ôn lí thuyết, làm trước các bài tập – giao nhiệm vụ cho HS các nhóm)

=====

Ngày soạn:
Tuần 9- bài 9

Ngày dạy:

Tiết 43 - TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (Từ đơn ... trường từ vựng)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- 1. Kiến thức:** HS nắm vững hơn và biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6 – 8 (Từ đơn, từ phức, thành ngữ, nghĩa của từ, từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ, Từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, cấp độ khái quát nghĩa của từ, trường từ vựng)
- 2. Kỹ năng:** HS biết cách sử dụng từ hiệu quả trong nói, viết, đọc - hiểu văn bản và tạo lập văn bản.
- 3. Thái độ:** HS có ý thức học tập và yêu quý Tiếng Việt.
- 4. Định hướng năng lực – phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
 - HS tự tin, tự chủ

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy:-** Soạn bài, tham khảo tài liệu .
 - Dự kiến phương án tích hợp: Tích hợp với TV lớp 6 -8
- 2. Trò:-** Đọc và trả lời các câu hỏi SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, Luyện tập thực hành, dạy học theo hợp đồng.
- Kỹ thuật : Động não, lược đồ tư duy, hỏi chuyên gia, thuyết trình tích cực.

VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ** (Trong quá trình dạy)

* **Vào bài mới :** GV tổ chức cho HS trò chơi tiếp sức giữa các đội : tìm từ và các thành ngữ cho các chủ đề cho trước.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt				
Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác - GV sử dụng PP hợp đồng ? Nhắc lại khái niệm.	I. Từ đơn và từ phức 1. Khái niệm Từ tiếng Việt : Từ đơn (từ có 1 tiếng. từ phức (Gồm 2 hoặc nhiều tiếng. - Từ phức: Từ láy (Gồm những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng. - Từ ghép (Gồm những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa. 2. Các loại từ phức <table><tr><th>Từ ghép</th><th>Từ láy</th></tr><tr><td>Ngặt nghèo, giam giữ, bó</td><td>Nho nhỏ, gât gù, lạnh lùng, xa xôi,</td></tr></table>	Từ ghép	Từ láy	Ngặt nghèo, giam giữ, bó	Nho nhỏ, gât gù, lạnh lùng, xa xôi,
Từ ghép	Từ láy				
Ngặt nghèo, giam giữ, bó	Nho nhỏ, gât gù, lạnh lùng, xa xôi,				

? Trong các từ sau từ nào là từ ghép, từ nào là từ láy?

- HS trình bày

? Từ láy nào có nghĩa giảm nhẹ. Từ láy nào có sự tăng nghĩa so với nghĩa của yếu tố gốc?

- HS trình bày

- **GV sử dụng PP hợp đồng**

? Nhắc lại khái niệm

? Giải thích nghĩa các thành ngữ, tục ngữ trong sgk ?

? Tìm thành ngữ có yếu tố chỉ động vật. Sau đó giải thích và đặt câu với mỗi thành ngữ đó?

? Tìm thành ngữ có yếu tố chỉ thực vật. Sau đó giải thích và đặt câu với các thành ngữ đó?

? Thế nào là nghĩa của từ?

? Chọn cách hiểu đúng trong những cách hiểu sau?

buộc, tươi tốt, bọt bèo, cỏ cây, đưa đón, nhường nhìn, roi rụng, mong muốn	lấp lánh

3. Từ láy

- Từ láy giảm nghĩa : trắng trắng, đềm đềm, nho nhỏ, lành lành, xôm xốp

- Từ láy tăng nghĩa : Sạch sành sanh, sát sàn sạt, nhấp nhô

II. Thành ngữ

1. Khái niệm thành ngữ

a: hoàn cảnh, môi trường xã hội có ảnh hưởng quan trọng đến tính cách, đạo đức con người .

-b: Làm việc không đến nơi đến chốn, thiếu trách nhiệm.

- c: Cách giữ gìn thức ăn với chó, mèo .

- d: Tham lam.

- e: Sự thương cảm giả dối .

3. Tìm thành ngữ.

Có yếu tố chỉ động vật Có yếu tố chỉ thực vật

- Như chó với mèo - Bải bể nướng dẫu
- Đầu voi đuôi chuột -

Bèo dạt mây trôi.

- Như hổ về rừng - Cấn rơm cấn cỏ

- Miệng hùm gan sứa- Cây cao bóng cả

- Vuốt râu hùm - Cây nhà lá vườn

III. Nghĩa của từ

1. Khái niệm .

- Là nội dung (sự vật tính chất, hoạt động, quan hệ...) mà từ biểu thị.

2. Cách hiểu đúng : Cách a

- Cách b chưa hợp lí

- Cách c có sự nhầm lẫn giữa nghĩa gốc (a) và nghĩa chuyển.

- Cách d sai vì mẹ và bà có cùng chung nét nghĩa là người phụ nữ.

IV. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.

1. Khái niệm .

? Thế nào là từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ?

- Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Từ "hoa" trong "thêm hoa", "lệ hoa" được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

? Có thể coi đây là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa không. Vì sao?

- GV sử dụng kĩ thuật hỏi chuyên gia phần V, VI, VII, VIII, IX

- HS đặt câu hỏi cho nhóm chuyên gia.
- Nhóm chuyên gia trả lời.

Từ có thể có 1 nghĩa hay nhiều nghĩa

+ Từ 1 nghĩa: xe đạp, máy nổ...

+ Từ nhiều nghĩa: Chân, mũi, xuân...

- Hiện tượng chuyển nghĩa của từ: là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ tạo ra những từ nhiều nghĩa.

Trong từ nhiều nghĩa có :

+ Nghĩa gốc-> là nghĩa xuất hiện từ đầu làm cơ sở hình thành các nghĩa khác.

+ Nghĩa chuyển: là nghĩa được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc.

*Từ "hoa" trong "thêm hoa" lệ hoa "được dùng theo nghĩa chuyển .

*Đây không thể coi là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa vì chỉ là nghĩa chuyển lâm thời, chưa làm thay đổi nghĩa của từ, chưa thể đưa vào từ điển .

V. Từ đồng âm

1. Khái niệm :

2. a) Từ lá: Hiện tượng từ nhiều nghĩa

- Lá phổi : Nghĩa chuyển của từ : lá trong : lá xa cành

b) Từ : *đường* : Đồng âm vì 2 từ này có vỏ âm thanh giống nhau nhưng nghĩa khác xa nhau.

- Đường ₁ : Danh từ : con đường .

- Đường ₂ : Danh từ : Chất giọng.

VI. Từ đồng nghĩa .

1. Khái niệm.

2. Chọn cách hiểu đúng :

a- Không đúng vì đồng nghĩa là hiện tượng chung của tất cả các ngôn ngữ trên thế giới.

b- Không đúng vì đồng nghĩa có thể là quan hệ giữa hai, ba hoặc nhiều hơn ba từ.

c- Đúng vì các từ đồng nghĩa với nhau có thể không thay thế được cho nhau

trong nhiều trường hợp sử dụng.

VD: Nhóm từ: chết, từ trần, hi sinh, quy tiên, khuất núi, băng hà, viên tịch, bỏ mạng...không thể thay thế cho nhau được trong nhiều trường hợp sử dụng như: Viên tịch > dùng cho những nhà sư khi qua đời. Băng hà > vua.

3. Từ “xuân”có thể thay thế cho từ “tuổi”.

- 1 năm chỉ có 1 mùa xuân (mùa xuân là 1 trong 4 mùa trong năm) một năm lại ứng với 1 tuổi. Như vậy lấy 1 mùa để chỉ 4 mùa là phép hoán dụ (lấy bộ phận chỉ toàn thể).

Bốn mùa= 1 tuổi là phép so sánh ngang bằng.

- Dùng từ Xuân có 2 tác dụng

+ Tránh lặp từ: tuổi tác

+ Có hàm ý chỉ sự tươi đẹp, trẻ trung khiến cho lời văn hóm hỉnh, toát lên tinh thần lạc quan, yêu đời.

-> Tác dụng : + Tránh lặp từ .

+ Thể hiện tinh thần lạc quan của tác giả .

VII. Từ trái nghĩa .

1. Khái niệm .

2.Cặp từ có quan hệ trái nghĩa:

a- Xấu - đẹp , xa - gần, rộng - hẹp

b - Trái nghĩa ngữ dụng (chỉ trái nghĩa trong văn cảnh cụ thể thông qua cách hiểu bằng vốn sống và kinh nghiệm của người bản ngữ)

VD: - Ông nói gà, bà nói vịt (gà - vịt)

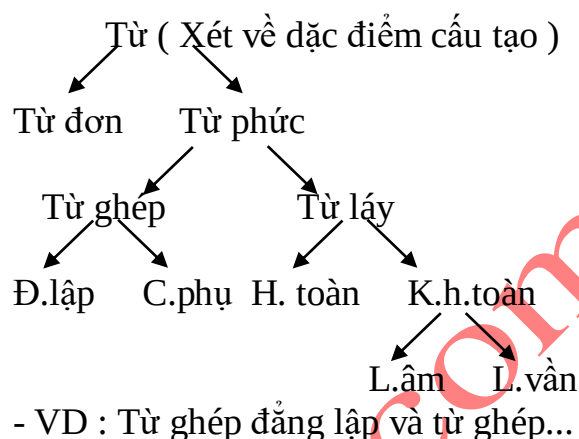
- Đầu voi đuôi chuột (voi - chuột) ->

Sự tương phản giữa những lời hô hào rùm beng ban đầu với sự kết thúc tẻ nhạt

- Cấn nhau như chó với mèo (chó-mèo) => Mâu thuẫn đối kháng 1 mất 1 còn giữa 2 thế lực chỉ có thể giải quyết bằng cách tiêu diệt nhau.

3.* Sống -chết, chán - lẽ, chiến tranh - hoà bình (thường không kết hợp với các phó từ chỉ mức độ: già - trẻ)

VIII. Các cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ .



IX. Trường từ vựng .

1.Khái niệm:

2.Tác giả dùng 2 từ cùng trường từ vựng là “tắm” và “bể” -> cùng 1 trường từ vựng là nước nói chung.

+ Nơi chứa nước: bể, ao, hồ, sông...

+ Công dụng của nước: tắm, rửa, tưới, uống...

+ Hình thức của nước: Mềm, mát

Tác dụng: ->Góp phần tăng giá trị biểu cảm của câu nói, làm cho câu nói có sức tố cáo mạnh mẽ hơn.

3. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn với chủ đề bảo vệ môi trường. Trong đoạn văn em có sử dụng từ láy và một thành ngữ (Gạch chân)

4 . Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- Sưu tầm các bài tập có liên quan đến nội dung ôn tập.
- Học thuộc các khái niệm, định nghĩa, hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị tiết sau : Trả bài tập làm văn số 2 _ kiểm tra 15 phút phần TLV

Ngày soạn:
Tuần 10

Ngày dạy:

Tiết 44 - TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Học sinh nắm vững hơn cách làm bài văn tự sự kết hợp với miêu tả, nhận ra được chỗ mạnh, chỗ yếu của mình khi viết bài.

2. Kỹ năng: HS rèn kỹ năng tìm hiểu đề, lập dàn ý và diễn đạt.

3. Thái độ: HS có ý thức tự giác phát hiện lỗi sai và sửa, rút kinh nghiệm.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực giải quyết vấn đề, ngôn ngữ.

- HS tự tin.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:- Chấm bài, nhận xét ưu điểm, nhược điểm trong bài viết của học sinh.

- Rút kinh nghiệm cho học sinh.

2. Trò: - Xem lại bài viết, lập dàn ý chi tiết

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, pp luyện tập thực hành.

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định lớp:**

. Kiểm tra 15 phút

1. Đề bài

Câu 1 : Thế nào là miêu tả nội tâm nhân vật. Có thể miêu tả nội tâm nhân vật bằng những cách nào?

Câu 2 : Hãy tìm trong đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" một số hình ảnh miêu tả nội tâm nhân vật trực tiếp và gián tiếp?

2. Đáp án

Câu 1 : Đảm bảo ý sau

- Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự là tái hiện những ý nghĩ, cảm xúc và diễn biến tâm trạng của nhân vật. Đó là biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật, làm cho nhân vật sinh động.

- Miêu tả nội tâm trực tiếp hoặc miêu tả nội tâm gián tiếp

Câu 2 : Tìm được các chi tiết miêu tả nội tâm nhân vật trực tiếp (nhớ về Kim Trọng Và cha mẹ) và gián tiếp (qua cảnh thiên nhiên để thể hiện tâm trạng của Kiều)

3. Biểu điểm

Câu 1 : Đúng được 5 điểm

Câu 2 : Đúng được 5 điểm

2. Hoạt động luyện tập.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học	I. Tìm hiểu đề, đáp án 1. Đề bài Câu1: Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn tự sự có tác dụng gì? Câu2: Tác dụng của yếu tố miêu tả trong đoạn văn ?

- HS nhắc lại đề bài. ? Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn tự sự có tác dụng gì? ? Tác dụng của yếu tố miêu tả trong đoạn văn ? ? Những yêu cầu về hình thức và kĩ năng ? - GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm ? Nêu dàn ý của bài viết ? - HS trình bày	Câu3: Tưởng tượng 20 năm sau, em về thăm lại trường cũ. Hãy viết thư cho 1 bạn học hồi ấy kể lại buổi thăm trường đầy xúc động đó . 2. Đáp án và biểu điểm Câu1 (1đ) : Miêu tả cụ thể cảnh, nhân vật và sự việc có tác dụng làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm, sinh động. Câu2 (2đ) : Bức tranh thiên nhiên Sa Pa thơ mộng, đầy màu sắc, sống động và rất có hồn. - yếu tố miêu tả trong đoạn văn trên còn góp phần tạo nên chất thơ cho câu chuyện. Câu3 (7đ) * Kĩ năng và hình thức - Bố cục 3 phần rõ ràng (MB, TB, KB) - Kể theo ngôi thứ 3 - Lòng yếu tố miêu tả - Các sự việc được sắp xếp hợp lí - Hình thức : Lá thư gửi bạn học cũ . - Viết lưu loát, có liên kết chặt chẽ, không sai chính tả * Kiến thức : MB: +Lí do trở lại thăm trường (thời gian hè...) + Địa vị nghề nghiệp của mình trong xã hội lúc này ntn?. +Thăm vào buổi nào, đó với ai? TB: - Đến trường gặp ai ? Không gặp ai? - Quang cảnh trường ngày nay khác ngày xưa như thế nào ? - Nhớ cảnh ngày xưa mình học ra sao? - Những kỉ niệm vui buồn của bạn bè , thầy cô (trọng tâm) - Cảm xúc của em khi đến + vui.... + xúc động... - Cảm xúc khi ra về : + Bâng khuâng... + Lưu luyến ... + Tự hào...

- GV trả bài cho HS
- GV yêu cầu HS xem bài của mình .
- Sau đó yêu cầu HS tự nhận xét
- GV nhận xét chung

- GV yêu cầu HS lên bảng chữa những lỗi sai cụ thể

- GV đọc một số lỗi sai điển đạt và gọi HS lên chữa -> GV nhận xét chỉnh sửa

KB : Cảm xúc về buổi thăm trường , mong muốn và hứa hẹn.

II. Trả bài

III. Nhận xét

* Ưu điểm

- + Đa số bài viết làm đúng yêu cầu, có kết hợp tự sự và miêu tả
- + Các bài viết đều đủ bố cục 3 phần
- + Trình bày sạch sẽ, khoa học
- + Một số bài viết sâu sắc, nội dung tốt.

VD: Huyền, Hương, Phương(9A) Mai (9b)

* Nhược điểm

- + Một số bài lạm dụng quá nhiều yếu tố miêu tả
- + Một số bài quá sơ sài, thiếu nội dung
- + Một số bài kể chuyện thiếu hấp dẫn
- + Một số bài kể lan man, diễn đạt yếu
- + Sai chính tả nhiều, sắp xếp lộn xộn

VD : Phúc, Tuấn, Lý.

IV. Chữa lỗi điển hình

1. Chỉnh tả

Lỗi sai	Sửa lại
dập rìu	dập dùi
trao liệng	chao liệng
Súc động	xúc động
kỉ liệng	kỉ niệm
lày	này
lỗi nhớ	nỗi nhớ
...	...

2. Diễn đạt

- Nhớ ngày hôm qua còn cùng bạn bè nô đùa

-> Sửa : Nhớ những lúc cùng bạn bè nô đùa, kỉ niệm ấy như mới ngày hôm qua.

- Sân trường đã có sự thay đổi

-> Cảnh sân trường giờ đã thay đổi nhiều so với trước kia.

V. Đọc - bình một số đoạn văn, bài văn hay.

Huyền(9a) , Trang(9B)

- GV cho 2 HS đọc 2 bài văn tiêu biểu
GV: bình một số đoạn văn hay

3. Hoạt động luyện tập

? Vai trò của yếu tố miêu tả trong văn tự sự

4. Hoạt động vận dụng

- Tìm và sửa lỗi sai trong bài.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- Tìm đọc những bài văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả

- Ôn tập các tác phẩm văn học trung đại tiết sau kiểm tra (Chuyện người ... Lục Vân Tiên)

Ngày soạn:

Tuần 10 - Bài 10

Ngày dạy:

Tiết 45 - KIỂM TRA VỀ TRUYỆN TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

1. Kiến thức: - HS nắm chắc các kiến thức cơ bản về truyện trung đại Việt Nam : những thể loại chủ yếu, những giá trị nội dung và nghệ thuật của những tác phẩm tiêu biểu. Qua bài kiểm tra, học sinh tự đánh giá được trình độ kiến thức, diễn đạt.

2. Kỹ năng: HS có kỹ năng ghi nhớ kiến thức, diễn đạt, tạo lập văn bản

3. Thái độ: Giáo dục tinh thần tự giác, nghiêm túc làm bài kiểm tra.

4. Năng lực - phẩm chất : HS có năng lực giải quyết vấn đề, trung thực, tự tin

II. Hình thức đề kiểm tra

- 100% tự luận.

III. Ma trận đề kiểm tra

III. Ma trận đề kiểm tra

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
1. Truyện trung đại		Giải thích được ý nghĩa của chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm.			
Số câu Số điểm Tỉ lệ %		Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ 20%			Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ 20%
2. Truyện thơ	- Nêu được tên tác giả , xuất xứ của			Viết bài văn ngắn cảm nhận về một đoạn thơ.	

trung đại	tác phẩm. - Nêu được nghệ thuật và nội dung đoạn thơ.				
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu:1 Số điểm:3 Tỉ lệ 30%			Số câu:1 Số điểm:5 Tỉ lệ 50%	Số câu:2 Số điểm 8 Tỉ lệ 80%
Cộng	Số câu:1 Số điểm:3 Tỉ lệ 30%	Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ 20%		Số câu:1 Số điểm:5 Tỉ lệ 50%	Số câu:3 Số điểm:10 Tỉ lệ%100

IV. THIẾT LẬP ĐỀ KIỂM TRA

Câu 1: Đọc đoạn thơ và trả lời câu hỏi

*Vân Tiên ghé lại bên đàng
Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô.
Kêu rằng: "Bớ đảng hung đồ!
Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân".
Phong Lai mặt đỏ phùng phùng:
"Thằng nào dám tới lấy lừng vào đây.
Trước gây việc dữ tại đây,
Truyền quân bốn phía phủ vây bịt bùng"
Vân Tiên tả đột hữu xông,
Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang.*

- Đoạn thơ trên được trích trong tác phẩm nào, của ai?
- Những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn thơ ?
- Nội dung đoạn thơ trên ?

Câu 2: Chi tiết cái bóng trong tác phẩm “ Chuyện người con gái Nam xương” của Nguyễn Dữ có ý nghĩa như thế nào?

Câu 3: Viết một bài văn ngắn nêu cảm nhận của em về tâm trạng của nàng Kiều trong đoạn thơ sau :

“ Tưởng người dưới nguyệt chén đồng

Có khi gốc tử đã vừa người ôm”

(Kiều ở lầu Ngưng Bích – trích Truyện Kiều của Nguyễn Du)

V. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM:

Câu 1: (3đ)

- Tên tác giả và tác phẩm (1đ) : Truyền Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu.
- Nghệ thuật đoạn thơ (1đ) : Động từ, so sánh, điển tích điển cố văn học.
- Nội dung đoạn thơ (1đ) : Phẩm chất dũng cảm, hào hiệp và võ nghệ cao cường của Lục Vân Tiên.

Câu 2: (2đ)

- Chi tiết cái bóng là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc : Tạo tình huống truyện, đẩy bi kịch của gia đình lên đến đỉnh điểm, thắt nút và mở nút câu chuyện, là mắt xích quan trọng để câu chuyện triển khai hợp lí.

- Chi tiết cái bóng thể hiện được tính cách của nhân vật : Vũ Nương là người vợ thủy chung, cảnh ngộ cô đơn và tội nghiệp của VN khi xa chồng.

Câu 3 : (5đ)

1. Yêu cầu

* Về Kỹ năng và hình thức

- Bài văn ngắn có bố cục đầy đủ

- Trình bày khoa học

- Diễn đạt dễ hiểu, không mắc lỗi sai dùng từ , câu, diễn đạt...

* Nội dung

- Nỗi nhớ Kim Trọng : nhớ lại những kỉ niệm tình yêu, tưởng tượng cảnh chàng Kim đang chờ đợi mình . Tình yêu thủy chung của Kiều với chàng Kim không bao giờ thay đổi->Người tình thủy chung

- Nỗi nhớ cha mẹ : thành ngữ , điển tích điển cố -> Kiều xót xa khi nghĩ cảnh cha mẹ sớm hôm tựa cửa chờ tin con , cha mẹ đã già mà không được phụng dưỡng .

-> Tâm lòng hiếu thảo của Kiều với cha mẹ .

* Nghệ thuật : ngôn ngữ độc thoại , miêu tả nội tâm nhân vật -> Kiều là người giàu đức hi sinh

2. Biểu điểm

- Điểm 5 : Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên. Có sáng tạo.

- Điểm 4 : Đáp ứng các yêu cầu trên.

- Điểm 3 : Đúng thể loại, đầy đủ bố cục, nêu và phân tích, chứng minh được các phẩm chất nhưng còn sai chính tả, diễn đạt.

- Điểm 2 : Đúng thể loại nhưng còn thiếu ý, sai lỗi chính tả, diễn đạt.

- Điểm 1 : Thiếu ý, diễn đạt yếu, sai nhiều chính tả.

=====

Ngày soạn:

Tuần 10- bài 10

Ngày dạy:

Tiết 46 : VB - ĐỒNG CHÍ

Chính Hữu

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:- HS nêu được đôi nét về hiện thực những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta.

- Học sinh cảm nhận được lí tưởng cao đẹp và tình cảm gắn bó keo sơn làm nên sức mạnh tinh thần của người lính cách mạng được thể hiện trong bài thơ.

-HS hiểu được những đặc sắc nghệ thuật của bài thơ : chi tiết chân thực, hình ảnh gợi cảm và giàu ý nghĩa biểu tượng.

2. Kỹ năng: HS có năng lực đọc diễn cảm ,cảm thụ và phân tích các chi tiết nghệ thuật, hình ảnh thơ giàu cảm hứng hiện thực mà không thiếu sức bay bổng.

3. Thái độ: HS có lòng cảm phục, yêu quý, trân trọng các anh bộ đội.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước.

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy**:- Soạn bài, tham khảo tài liệu

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn : Các tác phẩm trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

+ Văn - TV : Một số biện pháp tu từ

2. **Trò**:- Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP trực quan, Dùng lời có nghệ thuật, Phân tích, PP hợp đồng

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, lược đồ tư duy

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định lớp**:

* **Kiểm tra bài cũ (không)**

* **Vào bài mới** : GV cung cấp một đoạn Clip về hình ảnh Quân đội nhân Việt Nam và yêu cầu HS nêu những hiểu biết của mình về cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân VN.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, PP hợp đồng * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, thuyết trình * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, cảm thụ. - GV : sử dụng pp hợp đồng và kỹ thuật thuyết trình tích cực. - GV yêu cầu HS trình chiếu và giới thiệu những nét chính về tác giả Chính Hữu ? - HS trình chiếu và giới thiệu về hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của tác phẩm. - GV giới thiệu về tác giả và tác phẩm - GV sử dụng kỹ thuật đọc sáng tạo ? Bài thơ cần phải được với giọng điệu ntn? - GV hướng dẫn đọc. Đọc mẫu	I. Đọc, tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) 2. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ (SGK) *Đọc, tìm hiểu chú thích - Đọc - Chú thích(sgk) * Thể thơ tự do

- Yêu cầu HS đọc. Nhận xét
- Yêu cầu HS giải thích chú thích : 1,3

? Bài thơ thuộc thể thơ gì?

- Bài thơ theo thể thơ tự do , có 20 dòng chia làm 2 đoạn. Sức nặng của tư tưởng, cảm xúc được dẫn dắt để dồn tụ vào các dòng 7,17,20

? Xác định phương thức biểu đạt của văn bản?

? Bài thơ được chia ra làm mấy phần. Nêu giới hạn và nội dung từng phần?

-GV yêu cầu HS thảo luận theo 5 nhóm

- GV yêu cầu HS chú ý vào đoạn thơ đầu và trả lời các câu hỏi sau:

? Tìm những nét đặc sắc về nghệ thuật trong 6 câu thơ đầu.

? Tình đồng chí được hình thành dựa trên những cơ sở nào?

? Câu thơ cuối có gì độc đáo về hình thức, tác dụng?

- HS trình bày -> NX

GV: "*Đồng chí*": Câu thơ chỉ có 2 tiếng : 1 từ + Một dấu chấm than tạo một nốt nhấn, nó vang lên như một sự phát hiện, một lời khẳng định, là bản lề gắn kết ý 1 và ý 2 của bài thơ, khép mở 2 ý thơ cơ bản :

+ Những cơ sở của tình đồng chí

+ Biểu hiện của tình đồng chí

- Nó vang lên giản dị, mộc mạc mà thiêng liêng cảm động: khẳng định và ca ngợi 1 tình cảm cách mạng mới mẻ bắt nguồn từ tình bạn tình người

=> Đây là câu thơ quan trọng nhất của bài thơ được lấy làm nhan đề của bài thơ: chủ đề, linh hồn bài thơ.

* Phương thức biểu đạt : Biểu cảm, miêu tả , tự sự

* Bố cục :

+ 7 câu đầu : Cơ sở của tình đồng chí.

+ 10 câu tiếp : Những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí.

+ 3 câu cuối : Bức tranh đẹp về người lính.

II. Phân tích

1. Cơ sở của tình đồng chí

Quê hương...sỏi đá

+NT : Hình ảnh gần gũi

Thành ngữ, câu thơ sóng đôi

-> Tình đồng chí được hình thành trên cơ sở cùng giai cấp - nông dân mặc áo lính

Tôi ... đầu

+Từ ngữ xưng hô : tôi – anh

+ Hình ảnh tượng trưng: “ súng bên súng”, “ đầu sát bên đầu “

-> Tình ĐC được hình thành dựa trên cơ sở cùng chung nhiệm vụ, lí tưởng chiến đấu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

-> Tình ĐC được hình thành dựa trên cơ sở cùng chung thiếu thốn nơi chiến trường

Đồng chí !

+ Đây là câu đặc biệt (có một từ, gồm 2 tiếng, kết thúc bằng dấu chấm than)

-> Tạo một nốt nhấn, một sự phát hiện, lời khẳng định, một cái bản lề kết gắn 2 phần.

=> Tình đồng chí được kết tinh từ tình bạn, tình người.

2. Những biểu hiện, sức mạnh của tình đồng chí.

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

+ Mặc kệ : Dứt khoát, mạnh mẽ -> Sự

? Trong những năm tháng chiến đấu, tâm tư của người lính được thể hiện ra sao ? ? Từ "mặc kệ" thể hiện thái độ gì? ? BPNT nào được tác giả sử dụng? ? Lời thơ đã thể hiện điều gì ? ? Sức mạnh của tình đồng chí được thể hiện ntn qua những lời thơ trên ? - GV giảng - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? ở chiến trường những người lính còn chia sẻ với nhau điều gì? Tìm câu thơ? - Trong những câu thơ trên, tác giả sử dụng nghệ thuật gì? ? Qua hình ảnh thơ chân thực, em hiểu gì về hình ảnh người lính trong cuộc kháng chiến chống Pháp ? ? Trong hoàn cảnh đó, những người lính vẫn "miệng cười buốt giá". Em có suy nghĩ gì về câu thơ này? ? Biểu hiện cao đẹp nhất của tình đồng chí được biểu hiện qua lời thơ nào? ? Câu thơ thể hiện điều gì? - GV : tình thương yêu vô bờ trong im lặng, trong hơi ấm của bàn tay nắm lấy bàn tay. Chỉ 1 cái nắm tay thôi, bao điều không nói được thành lời đã được nói. Bàn tay nắm chặt đã truyền cho nhau hơi ấm, sức mạnh, quyết tâm vượt qua gian khó trong chiến đấu và chiến thắng. <i>“ Khi chia tay ta chỉ nắm tay mình Điều chưa nói thì bàn tay đã nói “</i> ? Qua đoạn thơ em có cảm nhận gì về	hi sinh vì nghĩa lớn, vì tổ quốc. NT : + Hình ảnh Giếng nước gốc đa mang âm hưởng ca dao + Nhân hóa , hoán dụ -> Quê hương, người thân nhớ về các anh và các anh cũng đang nhớ về quê nhà => Họ cảm thông sâu sắc những tâm sự, tình cảm nỗi lòng của nhau Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh ...Chân không giày + NT : Đối xứng , Liệt kê Hình ảnh, ngôn ngữ : giản dị, chân thực - Những cơn sốt rét rừng - Chiến đấu trong khó khăn , thiếu thốn - Nụ cười coi thường gian khổ . -> Thể hiện tinh thần lạc quan tin tưởng Thương nhau tay nắm lấy bàn tay - Tinh thần đoàn kết, đồng lòng, gắn bó sâu nặng, yêu thương chân thành -> Sức mạnh kì diệu của tình đồng chí. <=> Tình yêu thương chân thành, mộc mạc mà cao cả, thiêng liêng.

tình đồng chí?

GV: Trong 1 bài thơ khác: “Giá từng thước đất ” một lần nữa Chính Hữu trở lại đề tài tình đ/c : “ *Đồng đội ta là hợp nước uống chung, bát cơm sẻ nửa, là chia nhau 1 mảnh tin nhà, chia nhau chiến đấu, chia nhau cái chết...*”

- HS hoạt động cá nhân

? Phân cảnh gác của những người lính được miêu tả trong hoàn cảnh nào?

? Em có suy nghĩ gì về hoàn cảnh đó?

? Trong hoàn cảnh đó, tư thế của người lính hiện lên qua cụm từ nào?

? Từ "chờ" thuộc từ loại gì và gọi tư thế của người lính ntn ?

? Em hiểu được thêm điều gì về phẩm chất của những người lính.?

? Hình ảnh người lính bất ngờ xuất hiện cùng với hình ảnh nào?

- GV sử dụng kĩ thuật động não

? Hai hình ảnh súng - trăng mang ý nghĩa thực và ý nghĩa tượng trưng ntn ?

- HS trình bày -> NX

? Từ đó em có suy nghĩ gì về khổ thơ cuối?

? Thái độ của tác giả ?

? Vì sao tác giả lại đặt tên bài thơ về tình đồng đội của những người lính là "Đồng chí"?

- HS cảm nhận.

- GV yêu cầu HS khái quát nghệ thuật và nội dung bài thơ dưới dạng lược đồ tư duy

3. Bức tranh đẹp về người lính

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

- Thời gian ; Đêm về khuya

- Không gian : Rừng hoang sương muối

-> Hoàn cảnh : khắc nghiệt, hoang vu, rét mướt.

+ Động từ : chờ

-> Tư thế chủ động, hiên ngang sẵn sàng chiến đấu.

-> Kiên cường, dũng cảm, ý chí và quyết tâm cao độ, đoàn kết gắn bó sâu nặng.

Đầu súng trăng treo

- Hình ảnh thực, hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng

+ ý nghĩa biểu tượng : súng - trăng biểu tượng cho gần - xa; hiện tại - tương lai; chiến tranh - hòa bình; hiện thực - lãng mạn; chất chiến sĩ và thi sĩ..

=> Bức tranh đẹp về tình đồng chí, biểu tượng đẹp về cuộc đời người lính

- Tác giả ca ngợi, trân trọng, tự hào về những người lính Việt Nam.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- Thể thơ tự do, phù hợp với cảm xúc.

- Ngôn ngữ thơ mộc mạc, giản dị.

- Hình ảnh thơ hàm súc, chân thực.

- Giọng thơ thủ thỉ tâm tình.

2. Nội dung.

Bài thơ thể hiện hình tượng người lính cách mạng và sự gắn bó keo sơn của họ.

* **Ghi nhớ** (SGK/31)

3. Hoạt động luyện tập

- GV cho HS nghe bài hát “ Đồng chí”
- Suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi học xong bài thơ?

4. Hoạt động vận dụng

- Tìm hiểu những người lính tham gia kháng chiến chống Pháp ở địa phương em và viết bài giới thiệu về họ -> chia sẻ với bạn bè.

5. Hoạt động tìm tòi , mở rộng

- Tìm đọc những tác phẩm viết về đề tài người lính trong kc chống Pháp.
- Học bài
- Chuẩn bị : Báo cáo chủ đề phụ nữ xưa và nay.

=====

Ngày soạn:

Tuần 10

Tiết 47,48

Ngày dạy:

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO PHỤ NỮ XƯA VÀ NAY

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS hiểu được về cuộc sống, về những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt; so sánh để thấy được nét đặc trưng của người phụ nữ ngày nay và phụ nữ thời xưa.

2. Kỹ năng: HS có kỹ năng tổ chức được buổi triển lãm có kết hợp với thuyết trình theo chủ đề: *Nét đẹp của phụ nữ xưa và nay*.

- HS sáng tạo được những sản phẩm liên quan đến chủ đề: bài viết, vẽ, bài sưu tầm, sáng tác thơ, văn.

3. Thái độ: HS có ý thức học tập đúng đắn.

4. Năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng công nghệ thông tin.
- Biết yêu thương, đoàn kết, có trách nhiệm, tự chủ trong cuộc sống.

II. CHUẨN BỊ

1. GV: - Thời gian thực hiện: - Thời gian : Sau bài 9, GV giao nhiệm vụ cho HS .

- Thiết bị : SGK, sách TNST, đồ dùng, máy chiếu,máy tính,thiết kế giáo án...

- Hình thức hoạt động : Làm việc theo nhóm từ 6-8 hs

2.HS: SGK, sách TNST, đồ dùng,chuẩn bị bài...

III. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS

* PP : Gọi mở, vấn đáp, thảo luận nhóm.
 * KT : Báo cáo, chia nhóm.
 - Sau 1 tuần chuẩn bị HS trình bày sản phẩm và báo cáo bằng hình thức bốc thăm.
 Lưu ý : Khi trình bày có lời giới thiệu, lời cảm ơn.

- Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm của mình.
- GV nhận xét chung về sản phẩm và bài thuyết trình cho sản phẩm các nhóm.

- Kết quả cụ thể dựa vào phiếu đánh giá hoạt động cá nhân tự đánh giá/ đánh giá đóng góp của các thành viên trong nhóm và phiếu các thành viên tự đánh giá hoạt động của nhóm.

- GV photo phiếu đánh giá.

- Lớp phó học tập lên điều khiển hoạt động tự đánh giá vào các gợi ý ghi trong phiếu.

GV điều chỉnh những sai sót nếu có và chốt kiến thức ; nhận xét, tuyên dương những cá nhân và nhóm làm tốt.

Hs trình bày sản phẩm của nhóm mình về góc học tập của nhóm.

IV. Báo cáo sản phẩm

1. Hình thức báo cáo và thuyết trình cho sản phẩm:

- Trực tiếp trên sản phẩm.
- Trình chiếu trên PowerPoint.

2. Tiêu chí đánh giá:

- Về sản phẩm : Thể hiện được điểm tương đồng và khác biệt giữa phụ nữ xa và nay.
- Về hoạt động : tích cực, chủ động, sáng tạo, đoàn kết, tôn trọng, hợp tác, tương trợ lẫn nhau.

V. Đánh giá hoạt động

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Mức độ	4	3	2	1	0
Tên thành viên	Có những đóng góp quan trọng cho nhóm	Có những đóng góp có ý nghĩa cho nhóm	Có những đóng góp nhỏ cho nhóm	Không có đóng góp quan trọng cho nhóm	Gây cản trở hoạt động của nhóm

PHIẾU CÁC THÀNH VIÊN TỰ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM

Mức độ	4	3	2	0
Tiêu chí	Có những đóng góp quan trọng cho nhóm	Có những đóng góp có ý nghĩa cho	Có những đóng góp nhỏ cho nhóm	Gây cản trở hoạt động của nhóm

		nhóm		
Tinh thần làm việc nhóm	- Các thành viên làm việc với nhau rất tốt. - Mọi thành viên đều làm việc tích cực. - Tinh thần học tập hiệu quả, nghiêm túc.	- Các thành viên làm việc với nhau tốt. - Mọi thành viên đều có tinh thần hợp tác. - Mọi thành viên đều tham gia làm việc.	- Phần lớn thời gian làm việc với nhau tốt. - Nhiều lúc các thành viên không tập trung. - Tinh thần làm việc và hiệu quả công việc không cao.	- Không có sự hợp tác của các thành viên trong nhóm. - Các thành viên thiếu tôn trọng nhau. - Tinh thần làm việc và hiệu quả công việc không cao.
Hiệu quả làm việc nhóm	- Cả nhóm nhanh chóng tìm được giải pháp cho công việc chung. - Các thành viên đều đưa ra được nhiều phương án làm việc độc đáo, hiệu quả.	- Có lúc tìm ra được giải pháp hiệu quả, có lúc gặp bế tắc. - Các thành viên đều đưa ra được nhiều phương án làm việc khác nhau.	- Có cố gắng tìm các giải pháp hiệu quả nhưng chưa được. - Các thành viên đều đưa ra được nhiều phương án làm việc nhưng chưa hiệu quả.	- Nhóm không có ý thức tìm các giải pháp làm việc hiệu quả. - Các thành viên không có ý thức đưa ra các phương án làm việc.
Trao đổi, thảo luận trong nhóm	- Các thành viên luôn đặt câu hỏi cho nhau. - Các thành viên luôn chú ý lắng nghe và thảo luận cởi mở, dân chủ, hiệu quả - Các thành viên luôn biết cách đưa ra những ý kiến và phân biệt lẫn nhau hiệu quả.	- Các thành viên đặt nhiều câu hỏi cho nhau. - Các thành viên thảo luận với nhau có hiệu quả. - Có các ý kiến phân biệt và lắng nghe.	- Các thành viên có cố gắng trao đổi ý kiến với nhau. - Ít các ý kiến phân biệt với nhau. - Thảo luận đôi khi không có hiệu quả.	- Các thành viên trong nhóm làm việc theo kiểu cá nhân không trao đổi với nhau. - Không có sự lắng nghe và phân biệt các ý kiến với nhau trong quá trình làm việc.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 11- bài 10

Tiết 49:VB - BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

Phạm Tiến Duật

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

HS cần :

1. Kiến thức:- Nêu được những hiểu biết bước đầu về tác giả

- Cảm nhận được nét độc đáo trong hình tượng những chiếc xe không kính, từ đó hiểu được hiện thực cuộc kháng chiến chống Mỹ

- Thấy được những nét riêng trong ngôn ngữ, giọng điệu của bài thơ. Đặc điểm thơ giàu chất hiện thực và lãng mạn.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng đọc, phân tích, cảm thụ bài thơ.

3. Thái độ: Có lòng yêu mến, cảm phục anh bộ đội.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- Năng lực : HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp

- Phẩm chất: HS tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước, sống có trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn : Một số tác phẩm trong kháng chiến chống Mỹ

+ Văn - TV : Điệp ngữ, liệt kê, so sánh...

+ Văn - Môi trường : Thiên nhiên ở rừng Trường Sơn

2. Trò: - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, Giải quyết vấn đề, PP trực quan, Phân tích, Dùng lời có nghệ thuật

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* HD1 : Ổn định lớp

* HD2 : Cảm nhận về khổ cuối bài thơ Đồng chí của Chính Hữu ?

* HD3 :- GV cung cấp một đoạn Clip về tuyến đường Trường Sơn trong những năm kháng chiến chống Mỹ .

? Em biết gì về cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc.

? Đến với bài thơ này em muốn có thêm những hiểu biết gì ?

(Kỹ thuật KWL)

K (Điều đã biết)	W (Điều muốn biết)	L (Điều học được)

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc , tìm hiểu chung * PP : gọi mở – vấn đáp, trực quan, dùng lời có nghệ thuật,pp hợp đồng * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, thuyết trình tích cực. * Năng lực : HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng CNTT, sử dụng ngôn ngữ. - GV sử dụng PP hợp đồng và Kỹ thuật thuyết trình tích cực : HS thuyết trình về tác giả qua phần trình chiếu. - GV yêu cầu các nhóm thảo luận chuẩn xác nội dung thông tin thuyết trình (2') - GV gọi HS thuyết trình-> NX -GV sử dụng PP hợp đồng và Kỹ thuật thuyết trình tích cực : HS thuyết trình về hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của tác phẩm qua phần trình chiếu. ? Bài thơ cần được đọc với giọng điệu ntn ? - giọng vui tươi, khoẻ khoắn - GV hướng dẫn đọc. Đọc mẫu - Gọi HS đọc. Nhận xét. ? Giải thích chú thích : 1 ? Bài thơ thuộc thể thơ gì? ? Xác định phương thức biểu đạt của văn bản? - GV sử dụng kỹ thuật động não ? Hình tượng nổi bật trong bài thơ?	I. Đọc , tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) 2. Tác phẩm a. Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ (sgk) b.Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc - Chú thích (sgk) c. Thể thơ : Thơ tự do (câu dài ,nhiều câu như văn xuôi,nhịp điệu linh hoạt) d. Phương thức biểu đạt : Biểu cảm, miêu tả e. Hình tượng:

Hoạt động 2: Phân tích

* PP: Gọi mở – vấn đáp, Phân tích, dùng lời có nghệ thuật, hoạt động nhóm

* Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, kỹ thuật thảo luận nhóm, trình bày một phút.

* Năng lực : HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mỹ.

- **GV chiếu hình ảnh và yêu cầu HS :**
?Hình ảnh trên gợi nhắc đến lời thơ nào?

- **GV yêu cầu HS thảo luận nhóm lớn**

+ Câu 1: Xác định biện pháp nghệ thuật (Giọng thơ, hình ảnh thơ, BPTT, cách dùng từ, đặc điểm câu thơ)

+ Câu 2: Nguyên nhân dẫn đến những chiếc xe không kính?

+ Câu 3: Em hiểu gì về hiện thực của cuộc chiến tranh chống Mỹ ?

- HS thảo luận -> trình bày, Bổ sung

- **GV : giảng** – chiếu hình ảnh minh họa

-Xưa nay, hình ảnh xe cộ, tàu thuyền đưa vào thơ thường mang ý nghĩa biểu tượng. “mĩ lệ hoả”, “lóng mạn hoả” và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn là tả thực VD: “Đoàn thuyền đánh cá” hay

Tiếng hát con tàu của Chế Lan Viên

Ở đây PTD đưa vào thơ 1 hình ảnh mới lạ, chân thực đến trần trụi,

- Hình ảnh “*bom giạt, bom rung*” vừa giúp ta hình dung được một vùng đất từng được mệnh danh là “túi bom” của địch vừa giúp ta thấy được sự khốc liệt của chiến tranh và đúng chính là nguyên nhân để những chiếc xe vận tải khụng cú kính.

GV chiếu hình ảnh :

? Không chỉ không có kính, những chiếc

+Những chiếc xe không kính

+Những người lính lái xe

II. Phân tích

1. Hình ảnh những chiếc xe không kính

Không cú kính khụng phải vì xe không kính

Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi

-NT: + Câu thơ dài gần với văn xuôi
+Giọng điệu bình thản, hóm hỉnh

+Điệp từ “không” “bom

+ĐT mạnh *giạt, rung*

+hình ảnh thơ chân thực, mới lạ, độc đáo.

- Nguyên nhân : Những chiếc xe không kính do bom giạt – bom rung.

=> Hiện thực chiến tranh rất ác liệt, tàn khốc, có sức tàn phá lớn khiến cho những chiếc xe “không có kính”.

xe ấy còn được miêu tả ra sao?

-GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi

? Biện pháp tu từ được tác giả sử dụng ?

?Cảm nhận về hình ảnh chiếc xe và cuộc kháng chiến chống Mỹ.

- HS thảo luận -> trình bày, bổ sung.

- **GV tích hợp môi trường** :cuộc Chiến tranh này,đế quốc Mỹ đã sử dụng số bom đạn nộm xuống dọc hai bờ đống Trường Sơn,(dự chưa thống kê được hết,) cũng đó là những con số khủng khiếp. Tới trung bình mỗi năm, 1km trên đường Trường Sơn phải chịu đựng gần 5.000 quả bom và loạt đạn rốc-kết các loại,Số lượng lớn chất dioxin,chất độc hóa học với nồng độ cao được rải đi rải lại khắp những khiến các loài động thực vật chết mà cũn gây ụ nhiễm mụi trường nghiêm trọng và cũn làm đảo lộn hệ sinh thái tự nhiên. Có thể nói cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam là một cuộc chiến tranh hủy diệt mụi trường, hệ sinh thái và con người

? Như vậy, hình ảnh những chiếc xe không kính có vai trò gì trong tác phẩm ?

Tích chờ : Đồng thời hình ảnh những chiếc xe không kính cũn làm nổi bật hình ảnh những người lính lái xe Trường Sơn - > tởm hiểu t2.

? Nhận ra và xây dựng hình ảnh những chiếc xe không kính thành hình tượng thơ độc đáo ,từ đó giúp em hiểu gì về tg ?

- Những chiếc xe như vậy vốn khụng hiếm trong chiến tranh, nhưng phải có một hồn thơ nhạy cảm với nôt ngang tàng, tinh nghịch thớch cỏi lạ như Phạm Tiến Duật mới nhận ra được và đưa nó vào thơ thành hỡnh tượng thơ độc đáo

Không có kính, rồi xe khụng cú đõn,
Khụng cú mụi xe, thụng xe có xước,

-NT :

+ Điệp ngữ "không có"→ Nhấn mạnh

+ Liệt kê sự hư hại nặng nề, biến dạng của những chiếc xe

-> Cuộc chiến tranh chống Mỹ ngày trở nên ác liệt.

=> **Hình ảnh những chiếc xe không kính làm nổi bật nhất sự khốc liệt của hiện thực chiến tranh**

của thời chiến tranh chống Mỹ
- GV sử dụng kĩ thuật trình bày một phút và yêu cầu HS trình bày nội dung trên.(HS có thể yêu cầu GV giải thích thêm những vấn đề còn muốn biết)

3. Hoạt động luyện tập.

- Đọc diễn cảm lại bài thơ.
- Nhan đề bài thơ có gì độc đáo?
- Cảm nhận chung về những chiếc xe trong bài thơ?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về sự ác liệt của cuộc chiến tranh chống Mỹ

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- Tìm đọc những bài viết về tác phẩm **Bài ...kính** của Phạm Tiến Duật và các bài thơ viết về chủ đề trên.
- Học thuộc bài thơ, nắm chắc nội dung chính
- Chuẩn bị phần còn lại:
- + Phân tích hình ảnh những người lính lái xe

=====

Ngày soạn:

Tuần 11- bài 10

Ngày dạy:

Tiết 50 :VB - BÀI THƠ VỀ TIẾU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

Phạm Tiến Duật

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

HS cần :

- 1. Kiến thức:** Cảm nhận được nét độc đáo trong hình ảnh những người lính lái xe Trường Sơn hiên ngang, dũng cảm, sôi nổi trong bài thơ
Thấy được những nét riêng trong ngôn ngữ, giọng điệu của bài thơ..Đặc điểm thơ giàu chất hiện thực và lãng mạn
- 2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng đọc, phân tích, cảm thụ bài thơ.
- 3. Thái độ:** Giáo dục lòng yêu mến, cảm phục anh bộ đội.
- 4. Định hướng năng lực – phẩm chất :**
 - Năng lực : HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sử dụng CNTT, năng lực thẩm mĩ, sử dụng ngôn ngữ.
 - Phẩm chất: HS tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu

- Dự kiến phương án tích hợp:

- + Văn - Văn : Một số tác phẩm trong kháng chiến chống Mỹ
- + Văn - TV : Điệp ngữ, liệt kê, so sánh...
- + Văn - Môi trường : Thiên nhiên ở rừng Trường Sơn

2. Trò: - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, Phân tích, Dùng lời có nghệ thuật.

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, lược đồ tư duy, KWL, Thuyết trình tích cực.

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* HĐ1 : Ổn định lớp.

* HĐ2 : ? Cảm nhận về hình ảnh những chiếc xe không kính trong tác phẩm ?

* HĐ3 : : Gv cho HS nghe bài hát “ Bác đang cùng chúng cháu hành quân”

? Cảm nhận về hình ảnh người lính trong cuộc kháng chiến chống Mỹ ?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 2 : Phân tích (tiếp theo) * Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, Phân tích, Dùng lời có nghệ thuật * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm * Năng lực : HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực thẩm mỹ, sử dụng ngôn ngữ. ? ở ngay khổ 1, hình ảnh người lính được gọi tả qua lời thơ nào ?. ? Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng ? ? Người lính lái xe hiện lên trong tư thế ntn ? ? Em hiểu ntn về hình ảnh nhìn thẳng trong lời thơ này? - GV nhấn mạnh "nhìn thẳng" ? Với tư thế đó, người lính lái xe đã cảm nhận được những gì trên đường ra trận? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? ở những lời thơ này, tác giả đã sử	I. Tìm hiểu chung II. Phân tích 1. Hình ảnh những chiếc xe 2 Hình ảnh người chiến sĩ lái xe * Tư thế, phong thái Ung dung buồng lái ta ngồi Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng NT + Từ láy gợi hình + Điệp từ, đảo ngữ + Giọng thơ ngang tàng -> Tư thế hiên ngang, tự tin Làm chủ hoàn cảnh, “ nhìn thẳng” vào khó khăn+ tới đích miền Nam. Nhìn thấy gió vào... Nhìn thấy con đường... Thấy sao trời... Như sa như ủa... + NT : ĐT mạnh . Nhịp thơ dồn dập, giọng thơ khỏe khoắn + Điệp từ, nghệ thuật tả thực xen lẫn

dụng biện pháp nghệ thuật gì? ? Đó là những cảm nhận như thế nào của những người lính? ? Qua các lời thơ đó, em hiểu gì về những người lính lái xe? - HS thảo luận -> trình bày, bổ sung - GV giảng - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm ? Trên đường ra trận người lính lái xe phải trải qua khó khăn gì? ? Xác định biện pháp nghệ thuật trong các câu thơ trên? ? Qua các chi tiết trên em có cảm nhận gì về điều kiện tự nhiên nơi đây? ? Trong hoàn cảnh ấy, điều kiện ấy, hình ảnh người lính lái xe hiện lên ra sao? - HS thảo luận -> trình bày, bổ sung ? Tìm những lời thơ gợi tả về tình đồng chí đồng đội của người lính lái xe? ? Đoạn thơ trên có gì đặc sắc về nghệ thuật? ? Đoạn thơ trên gợi tả điều gì? ? Hình ảnh này khiến em nhớ đến lời thơ nào cũng viết về đề tài người lính - GV giảng và liên hệ với bài thơ Đồng chí. ? Tình cảm của những người lính lái xe được khắc họa trong câu thơ nào? - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân ? Em hãy nhận xét giọng thơ, hình ảnh thơ? ? Khổ thơ miêu tả điều gì?	mạn -> Cảm nhận mới mẻ, độc đáo : Tốc độ xe chạy khẩn trương, con người và thiên nhiên như hòa hợp => Kiên cường, phong thái ung dung Không có kính... mau thôi + NT: So sánh, ĐT mạnh, tả thực Lắp cấu trúc, ngôn ngữ gần với đời sống hàng ngày, giọng thơ hóm hỉnh, ngang tàng, từ láy. -> Thiên nhiên khắc nghiệt, gian khổ => Tinh thần lạc quan, yêu đời, coi thường mọi gian khổ. * Tình đồng chí, đồng đội Những chiếc... Bắt tay qua cửa kính ... +NT: Giọng thơ trẻ trung, hóm hỉnh - Tiểu đội xe không kính trú quân nơi núi rừng TS - Các anh bắt tay nhau qua cửa xe không kính -> Động viên, quyết tâm lập công Bếp Hoàng Cầm ta dựng... Chung bát đũa ... gia đình đấy Võng mắc chông chênh... Lại đi, lại đi trời xanh thêm + NT : Từ láy, điệp từ , ẩn dụ - Chung bữa cơm, trò chuyện tâm tình -> Anh em trong một gia đình -> ý chí quyết tâm, lạc quan, tin tưởng vào cuộc kháng chiến của dt

- HS trình bày, nx - GV : giảng(Đường ra trận mùa này đẹp lắm – TS đông nhớ TS tây) "Rất đẹp hình ảnh lúc nắng chiều. Bóng dài trên đỉnh núi treo leo..." - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Tìm biện pháp nghệ thuật trong hai câu thơ cuối ? ? Em hiểu như thế nào về hình ảnh "trái tim"? ? Hai câu thơ thể hiện nội dung gì? - HS thảo luận, trình bày, nx. ? Cả khổ thơ cuối, tg sử dụng nghệ thuật gì? ? Sự đối lập đó càng giúp em hiểu rõ điều gì? - GV giảng - GV sử dụng kĩ thuật động não ? Cảm nhận chung của em về hình ảnh người lính lái xe trong bài thơ? ? Em có suy nghĩ gì về nhan đề bài thơ? - Thêm từ bài thơ về : +giải thích cho người đọc hiểu rõ một chủ đề rất mới lạ; +Tăng tính trữ tình. +Dụng ý của tác giả :- khai thác chất thơ từ hiện thực chiến tranh - chất thơ của tuổi trẻ VN trong cuộc kháng chiến chống Mĩ -Tiểu đội xe k kớn: k phải con số cụ thể mà chỉ rất nhiều , rất nhiều những chiếc xe k kớn, k đốn, k mui làm nhiệm vụ chuyên chở nhu yếu phẩm, đạn dược để phục vụ cho tiền tuyến Miền Nam.	=> Tình cảm đồng chí gắn bó, keo sơn Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước Chỉ cần trong xe có một trái tim NT + Hoán dụ (trái tim - người lính lái xe) -> ý chí kiên cường , quyết tâm sắt đá vì sự nghiệp GPMN thống nhất đất nước - Nhiệm vụ cao cả, thiêng liêng. +NT: đối lập (khó khăn><tinh thần người chiến sĩ) => Tình yêu nước tha thiết, cháy bỏng <=> Những người lính lái xe trẻ trung, dũng cảm, lạc quan, tình đồng chí gắn bó, yêu nước - Tác giả yêu mến, ca ngợi ,khâm phục, tự hào về những người lính lái xe

? Qua bài thơ, em hiểu gì về tình cảm của tác giả ? - GVgiảng và liên hệ, giáo dục đạo đức Hoạt động 3: Tổng kết - PP : hoạt động nhóm - Kỹ thuật: Lược đồ tư duy, Thuyết trình tích cực. - Năng lực : HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác. - GV yêu cầu HS khái quát nghệ thuật và nội dung bằng lược đồ tư duy	Trường Sơn trong chiến tranh chống Mĩ gian khổ. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật: Ngôn ngữ và giọng điệu giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên, khoẻ khoắn. 2. Nội dung: Khắc hoạ hình ảnh những người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời chống Mĩ, với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp những khó khăn gian khổ và ý chí giải phóng miền Nam. * Ghi nhớ (SGK/133)

3. Hoạt động luyện tập

- Đọc diễn cảm lại bài thơ.
- Cảm nhận về những người chiến sĩ lái xe trong bài thơ?
- Hình ảnh người chiến sĩ lái xe gợi trong em suy nghĩ gì?

4. Hoạt động vận dụng

- Tìm gặp những cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Mĩ ở địa phương em và tìm hiểu thêm về cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc và chia sẻ với bạn bè về những thông tin em đã tìm hiểu được.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- Tìm đọc những tác phẩm viết về người lính trong cuộc kháng chiến chống Mĩ
- Học thuộc bài thơ, nắm chắc nội dung chính
- Hoàn chỉnh các bài tập
- Chuẩn bị kĩ tiết "Tổng kết từ vựng" theo các câu hỏi và bài tập SGK – Hợp đồng giao nhiệm vụ cho học sinh.

Ngày soạn:

Tuần 11 - bài 10

Ngày dạy:

Tiết 51 :TV_TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (Tiếp)

(Sự phát triển của từ vựng ... Trau dồi vốn từ)

I. MỤC TIÊU

- 1. Kiến thức:** Học sinh tiếp tục hệ thống hóa một số kiến thức về từ vựng (Sự phát triển từ vựng, từ mượn, từ Hán Việt, thuật ngữ, biệt ngữ xã hội và trau dồi vốn từ).
- 2. Kỹ năng:** HS có kĩ năng nhận diện và sử dụng từ vựng chính xác trong giao tiếp, đọc - hiểu và tạo lập văn bản.
- 3. Thái độ:** HS có ý thức tự giác học tập.
- 4. Định hướng năng lực – phẩm chất :**

- Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề
- Phẩm chất: HS tự tin, tự chủ, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ Tích hợp với phần từ vựng đã học từ lớp 6 -> 9

2.Trò:- Ôn lại phần lí thuyết

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, PP dạy học hợp đồng.

2. Kỹ thuật : Hỏi chuyên gia, động não, lược đồ tư duy.

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

***HD1 : Ôn định lớp:**

***HD2: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai Nhanh hơn**

- Ba đội thi tìm từ mượn.

- Ba đội thi tìm từ nhiều nghĩa.

2. Hoạt động Luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Sự phát triển của từ vựng *Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, lược đồ tư duy * Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề. - GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm : Nêu các cách phát triển từ vựng dưới hình thức lược đồ tư duy ? Tìm dẫn chứng minh họa cho những cách phát triển của từ vựng trên (theo sơ đồ ? Có thể có ngôn ngữ mà từ vựng chỉ phát triển theo cách phát triển số lượng từ ngữ hay không. Vì sao? - HS làm việc và trình bày	I. Sự phát triển của từ vựng 1. Các cách phát triển của từ vựng <pre> graph TD A[Các cách phát triển của từ vựng] --> B[P.tr về nghĩa] A --> C[P.tr về số lượng] B --> D[ẩn dụ] B --> E[Hoán dụ] C --> F[Tạo từ mới] C --> G[Mượn từ] </pre> 2. Dẫn chứng VD :Thêm nghĩa mới cho từ ‘hoa’ : hoa hậu, hoa tai, hoa mắt 3. Mọi ngôn ngữ đều phải phát triển từ vựng theo theo tất cả các cách đã nêu (tức là phát triển cả về nghĩa và cả về số lượng từ ngữ)
Hoạt động 2: Từ mượn	II. Từ mượn

*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, PP dạy học hợp đồng.
 * Kỹ thuật : Thuyết trình tích cực, kỹ thuật thảo luận nhóm.
 * Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề.

- GV yêu cầu HS thanh lý hợp đồng về khái niệm Từ mượn.
 - HS trình bày, bổ sung.

Hoạt động 3 : Từ Hán Việt

*Phương pháp : PP luyện tập thực hành.
 * Kỹ thuật : kỹ thuật hỏi chuyên gia
 * Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề.
 - GV sử dụng kỹ thuật hỏi chuyên gia ở mục III và IV.
 - HS đặt câu hỏi và nhóm chuyên gia trả lời.

1. Khái niệm từ mượn

1. Khái niệm

Ngoài từ thuần Việt do nhân dân sáng tạo, chúng ta còn vay mượn nhiều từ của tiếng nước ngoài để biểu thị svht mà Tiếng Việt chưa có từ thích hợp để biểu thị.

- Bộ phận từ mượn nhiều nhất là mượn của tiếng Hán

Bên cạnh còn mượn của một số ngôn ngữ khác : Pháp, Anh, Nga...

-> Các từ mượn đã được Việt Hoá thì viết như từ thuần Việt. Đối với những từ mượn chưa được Việt hoá hoàn toàn nhất là những từ gồm 2 tiếng, ta nên dùng gạch nối để nối các tiếng với nhau.

- Từ Hán Việt : sứ giả, tráng sĩ, giang sơn, thế giới, nhân loại, quốc gia, độc lập, tự do, hạnh phúc, phụ nữ...

- Ngôn ngữ khác : Ma-két-tinh, In-tơ-nét, Bôn-sê-vích...

2. Chọn đáp án đúng

c. Tiếng Việt mượn nhiều từ ngữ của các ngôn ngữ khác là để đáp ứng nhu cầu giao tiếp của người Việt.

3. So sánh điểm khác

- Săm, lốp, ga, xăng, phanh... được Việt hóa hoàn toàn

-A-xít, vi-ta-min: từ mượn nhưng chưa được việt hóa hoàn toàn

III. Từ Hán Việt

1. Khái niệm

- Là những từ mượn của tiếng Hán nhưng được phát âm và dùng theo cách dùng của tiếng Việt.

2. Chọn đáp án đúng

b. Từ Hán Việt là bộ phận quan trọng của lớp từ mượn gốc Hán

IV. Thuật ngữ và Biệt ngữ xã hội

1. Khái niệm

- Là những từ ngữ biểu thị khái niệm KH công nghệ thường dùng trong văn bản KHCN.

Hoạt động 5 : Trao đổi vốn từ *Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, PP luyện tập thực hành, Hoạt động nhóm * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm. * Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề. ? Có những hình thức trao đổi vốn từ nào. - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Giải thích nghĩa của những từ sau? - HS trình bày ? Sửa lỗi dùng từ trong những câu sau?	- Khác với từ ngữ toàn dân,biệt ngữ xã hội chỉ được dùng trong 1 tầng lớp XH nhất định. VD: - Tầng lớp quý tộc thời phong kiến: (Hoàng thượng, bệ hạ, thần, khanh...) - Tầng lớp TTS trước cách mạng T8 (cậu , mợ, quan lớn...) - Tầng lớp HS,SV (học gạo, học tủ, học lệch, tủ lệch, ngỗng, gây...) 2. KHCN phát triển, trình độ của con người ngày càng cao, nhu cầu giao tiếp và nhận thức của con người về các vấn đề KHCN cũng tăng vì vậy vai trò của thuật ngữ càng trở nên quan trọng hơn. V. Trao đổi vốn từ 1. Hình thức trao đổi vốn từ 2. Học sinh giải thích - Bách khoa toàn thư : Từ điển bách khoa ghi đầy đủ tri thức của ngành - Bảo vệ mậu dịch : (chính sách) bảo vệ sản xuất trong nước chống lại sự cạnh tranh (có thể không lành mạnh) của hàng hóa nước ngoài trên thị trường nước mình. - Dự thảo : Văn bản mới ở dạng dự kiến, phác thảo, cần đưa ra một hội nghị của những người có thẩm quyền để thông qua. 3. Sửa lỗi a. Thay "béo bô" b. Đạm bạc -> tẻ bạc c. Tấp nập -> tới tấp

3. Hoạt động vận dụng

- Ghi chép lại những biệt ngữ xã hội thường được học sinh sử dụng, tiếp tục tìm và sửa những lỗi sai trong các bài kiểm tra.

4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- Sưu tầm những bài tập liên quan đến những kiến thức đã học, làm bài để củng cố kiến thức
- Ôn lại toàn bộ phần lí thuyết
- Hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị tiết : Nghị luận trong văn bản tự sự.(Đọc và trả lời câu hỏi ,Xem lại một số tp và tự sự đã học)

=====

Ngày soạn:

Tuần 11- bài 10

Ngày dạy:

Tiết 52 : TLV - NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

HS cần :

- 1. Kiến thức:** Hiểu thế nào là nghị luận trong văn bản tự sự.
 - Hiểu được mục đích của việc sử dụng yếu tố nghị luận trong văn tự sự và tác dụng của yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự.
- 2. Kỹ năng:** Biết cách sử dụng yếu tố nghị luận khi làm văn tự sự.
 - Phân tích được các yếu tố nghị luận trong một văn bản tự sự cụ thể
- 3. Thái độ:** Có ý thức học tập tự giác.
- 4. Định hướng năng lực – phẩm chất :**
 - Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề.
 - Phẩm chất: HS tự tin, tự chủ.

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy:-** Soạn bài, tham khảo tài liệu
 - Dự kiến phương án tích hợp:
 - + Văn - Văn : Lão Hạc, Thúy Kiều báo ân báo oán
 - + Văn - TLV : Văn tự sự, nghị luận

2.Trò:- Học và xem trước các câu hỏi SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, Phân tích

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não

VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

***HD 1 : Ổn định lớp:**

*** HD2 : GV cung cấp hai đoạn văn tự sự cùng nội dung (Một đoạn văn tự sự có yếu tố miêu tả, một đoạn văn tự sự vừa có yếu tố miêu tả vừa có yếu tố nghị luận).**

? So sánh hai đoạn văn trên

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự *Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não . *Năng lực : HS có năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, giải quyết vấn đề. - GV cho HS đọc các VD – SGK - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm lớn ? Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn? ? Ngoài ra còn sử dụng PTBD nào? ? Đoạn này có nội dung gì? ? Suy nghĩ của ông giáo diễn ra như thế nào? - HS thảo luận, trình bày, bổ sung. ? Trong quá trình lập luận, tác giả đã dùng những từ ngữ, kiểu câu nào? ? Nhận xét cách lập luận trong đoạn văn trên? ? Cách lập luận đó có phù hợp với tính cách của ông giáo không. Đó là tính cách gì? - GV cho HS liên hệ việc đánh giá nhận xét một con người.	I. Tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự 1. Tìm hiểu ví dụ a. Ví dụ 1(SGK/137) * PTBD chính : Tự sự (Ngoài ra còn có yếu tố nghị luận) * Nội dung : Suy nghĩ nội tâm của ông giáo về tính cách của người vợ, tự thuyết phục mình. * Trình tự : - ý kiến : Nếu không tìm hiểu -> không thể hiểu được những người xung quanh - Nhận xét : Vợ tôi không ác nhưng do thị khổ quá Lập luận : + Một người đau khổ chỉ nghĩ đến chân đau + Khi khổ quá không nghĩ đến ai + Bản tính tốt bị che lấp bởi : lo, buồn đau - Kết luận : Tôi chỉ buồn chứ không nổi giận. . Các từ lập luận (đâu, vậy, nhưng...) . Dùng kiểu câu ghép, câu khẳng định, phủ định, câu ghép có cặp từ hô ứng -> Lập luận chặt chẽ, rõ ràng đạt được mục đích là thuyết phục được mình. => Lập luận phù hợp tính cách nhân vật ông giáo (có học thức, hiểu biết, giàu lòng thương người, luôn nghĩ suy, trăn trở, dằn vặt về cách sống, cách nhìn người, nhìn đời...)

? PTBĐ chính của đoạn thơ. Ngoài ra còn sử dụng yếu tố nào?

? Nội dung là gì?

? Trong phiên tòa đó, ai là quan tòa, ai là bị cáo?

- GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu HS thảo luận

?Thúy Kiều đã luận tội Hoạn Thư như thế nào? Em có nhận xét gì lập luận này?

? Hoạn Thư biện minh cho mình bằng những lí lẽ nào?

? Sau khi Hoạn Thư tự bào chữa, Kiều xử án như thế nào?

? Nhận xét cách lập luận của Hoạn Thư? Cách lập luận của Hoạn Thư cho thấy Hoạn Thư là người như thế nào?

- HS trình bày và NX

- GV sử dụng kỹ thuật động não

? Yếu tố nghị luận trong văn bản tự sự được sử dụng trong trường hợp nào?

? Trong văn nghị luận, người ta thường dùng những loại từ và câu nào?

- HS trình bày các ý kiến

? Như vậy em thấy yếu tố nghị luận có vai trò gì trong văn bản tự sự?

? Qua phân tích 2 ví dụ trên, em hiểu thế nào là yếu tố nghị luận trong văn

b. Ví dụ 2 (SGK/137+138)

* PTBĐ : Tự sự

(Kết hợp yếu tố nghị luận)

* Nội dung : Cuộc xử án của Thúy Kiều với Hoạn Thư (Kể về cuộc đối thoại giữa Thúy Kiều và Hoạn Thư nhưng dưới hình thức nghị luận - phiên tòa)

* Trình tự :

- Kiều luận tội Hoạn Thư :

+ Đàn bà dễ có mấy tay... mấy mặt... mấy gan

+ Càng cay nghiệt... càng oan trái nhiều

-> Lập luận chưa rõ ràng, chưa chỉ ra tội của Hoạn Thư.

- Hoạn Thư tự bào chữa :

+ Là đàn bà ghen tuông là chuyện thường.

+ Đối xử tốt với Kiều (khi ở gác viết kinh, khi trốn)

+ Cảnh chồng chung khó lường

+ Nhận mọi tội - xin Kiều khoan dung

-> Kết án : Hoạn Thư được tha

- Lập luận rõ ràng, khúc chiết (đánh vào tâm lí của Kiều cũng là một người đàn bà) -> Hoạn Thư : sắc sảo, khôn ngoan, bản lĩnh

+ Nội dung : Sử dụng trong các cuộc đối thoại, độc thoại. Người nói nêu các ý kiến, nhận xét.

+ Hình thức :

. Từ nghị luận (tại sao, đúng vậy...)

. Câu kể, phủ định, cặp từ hô ứng

. Cách lập luận phù hợp từng nhân vật

-> Câu chuyện thêm phần triết lí

2. Ghi nhớ (SGK/138)

bản tự sự và tác dụng của nó. GV: gọi HS đọc ghi nhớ	

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi. *Năng lực : HS có năng lực tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác. - GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm ? Lời văn trong đoạn trích "Lão Hạc" ở mục I(1) là lời của ai? ? Người ấy đang thuyết phục ai. Thuyết phục điều gì. - HS trình bày GV hướng dẫn HS làm bài tập dựa vào kết quả thảo luận (VD b)	Bài tập 1 (SGK/139) - Là lời ông giáo Thứ - Thuyết phục chính mình rằng : "vợ mình không ác nhưng do thị khổ quá nên chỉ buồn chứ không nổi giận" -> Từ đó thuyết phục mọi người về việc hiểu người, hiểu đời... Bài tập 2 (SGK/139)

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận để thuyết phục bạn cần trung thực trong thi cử

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận

- Học thuộc ghi nhớ . Hoàn thành bài tập

- Soạn bài : Đoàn thuyền đánh cá

+ Đọc và bài theo câu hỏi SGK

(Chuẩn bị kĩ : Đọc và tìm hiểu chung, cảnh đoàn thuyền ra khơi)

+ GV yêu cầu HS kí kết hợp đồng về tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm)

=====

Ngày soạn:

Tuần 11- bài 11

Ngày dạy:

Tiết 53 -VB: ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

Huy Cận

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

HS cần :

1. Kiến thức:-Nêu được những hiểu biết về tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm

- Hiểu được những cảm xúc của nhà thơ trước biển cả rộng lớn và cuộc sống lao động của ngư dân trên biển.
- Hiểu được nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, cách tạo dựng những hình ảnh đẹp, tráng lệ, giàu màu sắc lãng mạn trong bài thơ.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng đọc hiểu, phân tích tác phẩm thơ hiện đại.

- Cảm nhận được cảm hứng về thiên nhiên và cuộc sống lao động được đề cập đến trong tác phẩm.

3. Thái độ: HS yêu mến thiên nhiên, yêu lao động và có ý thức bảo vệ môi trường biển.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng CNTT, sử dụng ngôn ngữ, thẩm mỹ.
- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước, yêu lao động.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn : Một số tác phẩm trong công cuộc xây dựng CNXH ở Miền Bắc.

+ Văn - TV : So sánh, nhân hóa...

+ Văn - TLV : Văn biểu cảm, miêu tả

+ Văn - Môi trường : Môi trường biển cần được bảo vệ

2.Trò: - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK,

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, Phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP dạy học theo hợp đồng

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, thuyết trình tích cực.

VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

***HD1 : Ổn định lớp.**

***HD2 :** Cảm nhận của em về người chiến sĩ lái xe trong Bài thơ...kính

***HD3 :- Gv cung cấp video bài hát Biển hát chiều nay .**

? Cảm nhận về biển VN và người ngư dân.

->GV dẫn dắt vào bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Đọc,Tìm hiểu chung * Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Dùng lời có nghệ thuật, PP dạy học theo hợp đồng. * Kỹ thuật : Thuyết trình tích cực * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, sử dụng CNTT, sử dụng ngôn ngữ. - GV yêu cầu HS thanh lí hợp đồng	I. Đọc ,Tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) - Cù Huy Cận (1919-2005). - Quê : Hà Tĩnh. - Ông nổi tiếng trong phong trào thơ mới. - Là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ ca Việt Nam hiện đại 2. Tác phẩm

và thuyết trình tích cực về tác giả, hoàn cảnh ra đời tác phẩm qua phần trình chiếu.

GV : *Bài thơ được viết vào năm 1958, khi đất nước đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và đi vào xây dựng cuộc sống mới. Khung trời hào hứng, phấn chấn, tin tưởng bao trùm trong đời sống xã hội và ở khắp nơi đầy lòng phong trào phát triển sản xuất xây dựng đất nước. Chuyến thăm nhập thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh vào nửa cuối năm 1958 đã giúp nhà thơ Huy Cận thấy rõ và sống trong khung trời lao động ấy của nhân dân ta, giúp phần quan trọng mở ra một chặng đường mới trong thơ Huy Cận. Trong bài thơ có hai nguồn cảm hứng bao trùm và hài hoà với nhau: cảm hứng lãng mạn tràn đầy niềm vui hào hứng về cuộc sống mới trong thời kỳ miền Bắc bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ, vốn là một nội dung nổi bật của hồn thơ Huy Cận.

? Bài thơ cần được đọc với giọng điệu ntn ?

- GV hướng dẫn đọc : vui phấn chấn, nhịp vừa phải (khổ 2,3,7 đọc hơi cao)

- GV đọc mẫu

- Gọi HS đọc, nhận xét

- Yêu cầu HS chú thích SGK

- Bài thơ thuộc thể thơ gì?

? Xác định phương thức biểu đạt của bài thơ?

? Bài thơ có bố cục gồm mấy phần, giới hạn và nội dung từng phần ?

? Em có nhận xét gì về bố cục bài thơ ?

a. Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ

- Bài thơ được viết năm 1958 , khi tác giả có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh

- Bài thơ được in trong tập thơ **Trời mỗi ngày lại sáng**

b. Đọc và tìm hiểu chú thích

* Đọc

* Chú thích (SGK)

c. Thể thơ : 7 chữ

d. Phương thức biểu đạt : Biểu cảm + miêu tả

e. Bố cục : 3 phần

+ 2 khổ đầu : Cảnh đoàn thuyền ra khơi

+ 4 khổ thơ tiếp : Cảnh đánh cá trên biển

+ khổ cuối : Cảnh đoàn thuyền trở về

-> Bố cục theo hành trình của một chuyến ra khơi của đoàn thuyền đánh

Hoạt động 2 : Phân tích

*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp,
Dùng lời có nghệ thuật, Phân tích,
Hoạt động nhóm.

*Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não

* HS có năng lực giải quyết vấn đề,
năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao
tiếp, sử dụng CNTT, sử dụng ngôn
ngữ, thẩm mĩ.

- GV yêu cầu HS theo dõi khổ 1

- **GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm lớn.**

? Khung cảnh thiên nhiên khi đoàn
thuyền ra khơi được miêu tả
qua hình ảnh thơ nào ?

? ở lời thơ đầu, tg sử dụng BPNT nào?

? Với những bpnt đó, em hình dung
ntn về cảnh biển qua lời thơ trên?

- HS thảo luận, trình bày, bổ sung.

GV: giảng

- Điểm nhìn của nhà thơ là điểm nhìn
tưởng tượng phải ở rất xa bờ mới thấy
được vùng biển phía Tây nơi mặt trời
đang lặn xuống giống như một hòn lửa
khổng lồ. Cảnh này chỉ thấy ở mùa hè.

? Giữa khung cảnh ấy, đoàn thuyền
được gợi ra bằng câu thơ nào?

- **GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi.**

? Em hiểu gì về nghĩa của cụm từ
“Đoàn thuyền đánh cá” và từ
“lại” trong câu thơ?

? BPNT nào được tác giả sử dụng ở lời
thơ ‘Câu hát...khơi’ ?

? Tác dụng của BPNT trong lời thơ
trên

cá.

II. Phân tích

1. Cảnh đoàn thuyền ra khơi.

Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa

+ So sánh : Mặt trời như quả cầu lửa
đang dần lặn xuống biển . + Hình ảnh
thơ : khỏe khắn, kì vĩ, độc đáo.

+Liên tưởng, nhân hóa, Động từ mạnh

→ Thiên nhiên vũ trụ bước vào
trạng thái nghỉ ngơi.

→ Bức tranh biển vào đêm kì vĩ ,
tráng lệ.

? Tại sao người ngư dân lại có tâm trạng như vậy trước công việc đánh cá đầy vất vả ?

- HS thảo luận, trình bày, bổ sung.

GV: giảng + Nhịp thơ nhanh mạnh như một quyết định dứt khoát. Đoàn ngư dân ào xuống đẩy thuyền ra khơi và cất cao tiếng hò khởi hành. Từ “lại” vừa biểu thị sự lặp lại tuần tự, thường nhật, liền tục mỗi ngày của công việc lao động vừa biểu thị ý so sánh ngược chiều với câu tròn: đất trời vào dorm nghỉ ngơi mà con người bắt đầu lao động, một công việc lao động khụng ợt vất vả.

+ Hình ảnh “câu hò căng buồm” - cảnh buồm căng giú ra khơi- là ẩn dụ cho tiếng hò của những chàng trai biển vang xa hoà cùng mây trời sông nước . Câu hò là niềm vui, niềm say sưa hứng khởi của những người lao động lạc quan yêu nghề, yêu biển và say mớ với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc. Chỉ một câu hát mà nói được bao điều về thân phận của con người qua 2 chế độ .Tiếng hát thể hiện sự hào hứng phấn khởi say mê khi họ được làm chủ biển cả và làm chủ cuộc đời.

? Câu hát của người ngư dân về biển được giới thiệu cụ thể qua những lời thơ nào?

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân

? BPNT nào được tác giả sử dụng ở ba câu thơ trên ?

? Với những BPNT trên , theo em tiếng hát của những người ngư dân có ý nghĩa như thế nào?

- HS trình bày

-GV tích hợp với môi trường

- HS hoạt động cả lớp.

? Cùng với tình yêu biển , niềm hi vọng của người ngư dân được gọi tả

Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi

Câu hát căng buồm cùng gió khơi

- Đoàn thuyền: Không phải vài ba con thuyền nhỏ mà là cả đoàn thuyền hùng dũng->khí thế tập thể

- "Lại" (phó từ tiếp diễn) : công việc đánh cá diễn ra thường xuyên, đầy vất vả.

+ Hình ảnh đẹp, tráng lệ, ẩn dụ

-> Con người và thiên nhiên hòa hợp

-> Tâm trạng hào hức, sự phấn chấn của người lao động

=> Niềm tin tưởng, lạc quan của người dân miền Bắc đối với công cuộc CNXH

qua lời thơ nào ?
 ? Câu thơ có kết thúc ntn , cách kết
 thúc đó có tác dụng gì ?
 ? Từ “ ta “ thuộc từ loại gì , thể hiện
 điều gì ?

? Câu thơ giúp em hiểu gì về hi vọng
 của người ngư dân ?
 GV: giảng

- GV sử dụng kĩ thuật động não

? Đến đây em cảm nhận như thế nào về
 cảnh đoàn thuyền ra khơi?

- HS nêu ý kiến

? Qua đó tác giả muốn ca ngợi điều gì?

GV: Niềm vui, niềm yêu đời, yêu lao
 động, yêu cuộc sống tự do - đó là tiếng
 hát của những người làm chủ quê
 hương giàu đẹp. (Làm chủ thiên
 nhiên)

Hát rằng cá bạc biển đông lặng

Cá ... thôi

Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng

+ ẩn dụ , so sánh , nhân hóa

-> Lời ngợi ca biển giàu đẹp, tình yêu
 của người ngư dân đối với biển

Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi !

+ Câu thơ kết thúc bằng dấu chấm than

-> lời mời gọi đàn cá đến dệt lưới

+ Đại từ “ ta ” -> Sức mạnh tập thể, tâm
 trạng phấn khởi của người ngư dân khi
 được làm chủ biển cả

=> Hi vọng đánh bắt được nhiều cá để
 làm giàu cho quê hương đất nước

=> Cảnh đoàn thuyền ra khơi giữa
 khung cảnh thiên kì vĩ, trong tâm trạng
 phấn khởi của người ngư dân

- Ca ngợi sự lao động bền bỉ, lạc quan
 của con người.

-> yêu biển , yêu cuộc sống lao động
 của người ngư dân

3. Hoạt động luyện tập

- Trình bày tính hợp lí của bố cục bài thơ?

- Đọc diễn cảm bài thơ?

- Cảnh đoàn thuyền ra khơi được miêu tả như thế nào?

4. Hoạt động vận dụng

- Em hãy đưa ra một số giải pháp để tránh ô nhiễm môi trường biển ở nước ta.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về **Đoàn thuyền đánh cá** của Huy Cận

- Học thuộc văn bài thơ. Nắm được những nét cơ bản trong khổ 1,2

- Soạn tiếp phần còn lại :+ Cảnh đoàn thuyền trên biển

+ Cảnh đoàn thuyền trở về

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 12- bài 11

Tiết 54 : VB - ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ (Tiếp)

Huy Cận

I. Mục tiêu bài học

HS cần :

1. Kiến thức: - Hiểu được những cảm xúc của nhà thơ trước biển cả rộng lớn và cuộc sống lao động của ngư dân trên biển.

- Hiểu được nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, cách tạo dựng những hình ảnh đẹp, tráng lệ, giàu màu sắc lãng mạn trong bài thơ.

2. Kỹ năng: Có kỹ năng cảm thụ, phân tích tác phẩm thơ hiện đại.

- Hiểu được sự thống nhất về cảm hứng thiên nhiên vũ trụ và cảm hứng về lao động của tác giả

3. Thái độ: Yêu mến thiên nhiên, yêu lao động.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mỹ, cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước.

II. Chuẩn bị

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn : Một số tác phẩm trong công cuộc xây dựng CNXH ở Miền Bắc.

+ Văn - TV : So sánh, nhân hóa, liệt kê...

+ Văn - TLV : Văn biểu cảm, miêu tả

+ Văn - Môi trường : Môi trường biển cần được bảo vệ

2.Trò:- Đọc và soạn bài tiếp các phần còn lại

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, Phân tích, Dùng lời có nghệ thuật

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, Động não, Lược đồ tư duy, Hỏi và trả lời

VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định lớp:**

*** Kiểm tra bài cũ :** Đoàn thuyền ra khơi được miêu tả như thế nào?

***Tổ chức khởi động :** GV cung cấp một đoạn video về hình ảnh người ngư dân vùng biển

? **Cảm nhận về hình ảnh người ngư dân trong video trên.**

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 2 : Phân tích *Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Dùng lời có nghệ thuật, Phân tích, Hoạt động	I.Tìm hiểu chung II. Phân tích (Tiếp) 2. Cảnh đoàn thuyền đánh cá trên

nhóm *Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, động não - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, cảm thụ. GV:Yêu cầu HS chú ý khổ thơ 3 - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Tìm câu thơ miêu tả hình ảnh đoàn thuyền trên biển ? ? Bpnt ở lời thơ trên? ? Qua đó không gian được vẽ lên như thế nào? ? Em thấy mối quan hệ giữa thiên nhiên, vũ trụ và con người như thế nào? ? Cảm nhận về hình ảnh con thuyền và người ngư dân trong lời thơ? - HS thảo luận , trả lời, bổ sung. -GV:giảng-bình ? Từ đây hình ảnh đoàn thuyền đánh cá được hiện lên qua lời thơ nào? ? Cách sử dụng từ của tg có gì đặc biệt ,td? ? Em hiểu gì về hình ảnh người lao động qua lời thơ trên? - GV ;bình - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm ? Trong câu hát của những người dân, họ đã nhắc đến những loài cá nào? ? BPNT gì được sử dụng ? ? Cảnh biển về đêm được hiện lên như thế nào? - HS thảo luận và trình bày - HS hoạt động cá nhân ? Trong khung cảnh thiên nhiên ấy, hình	biển Thuyền ta lái gió với buồm trăng Lướt giữa mây cao với biển bằng +NT: Giọng thơ khỏe khoắn, mạnh mẽ hình ảnh kì vĩ, động từ mạnh, phóng đại ,liên tưởng táo bạo(gió trời là người lái, trăng trời là cánh buồm) - Không gian mênh mông rộng lớn, khoáng đạt, giàu chất thơ (vẽ đẹp lãng mạn) - Thiên nhiên trở thành người bạn thân thiết của con người, cùng con người lao động. ->Con thuyền đẹp, kì vĩ,đủ kích thước để hòa nhập với vũ trụ -> nâng cao vị thế người lao động Ra đậu...vây giăng +Động từ mạnh-> như đoàn quân thám hiểm, như người chiến sĩ -> khẩn trương lao động, chủ động chinh phục tự nhiên trong niềm say sưa hào hứng, bằng ý chí, nghị lực ,sức mạnh Cá nhụ...Hạ Long +NT : liệt kê -> Sự giàu có, trù phú của biển, hình ảnh đẹp , nhân hóa -> Thiên nhiên gần gũi, sống động -> Biển đẹp lung linh, huyền ảo (vừa thực vừa thơ) màu sắc tươi sáng, rực rỡ Ta hát bài ca gọi cá vào

ảnh người lao động được khắc họa qua lời thơ nào? ? Tìm biện pháp nghệ thuật trong 2 câu thơ? ? Nêu cảm nhận của em về hình ảnh thơ trên.? ? Tiếng hát giúp em hiểu gì về tâm trạng của người ngư dân ? - HS hoạt động cả lớp ? Cảm nhận của người ngư dân về biển được gợi tả qua lời thơ nào ? ? Tác giả sử dụng BPNT nào trong những lời thơ trên ? ? Em hiểu được điều gì về biển qua nghệ thuật so sánh đó ? -GV: giảng – bình - GV tích hợp GD bảo vệ môi trường ? Công việc đó kết thúc vào thời điểm nào? - GV sử dụng kĩ thuật động não - Em hãy chỉ ra những BPNT được tác giả sử dụng trong những lời thơ trên? - HS nêu ý kiến ? Hai câu thơ giúp em hiểu gì về không khí lao động của người ngư dân ? ? Qua đó em hình dung ntn về cảnh đoàn thuyền kết thúc công việc ? ? Em hiểu gì về tâm trạng của người ngư dân qua bốn câu thơ trên ? ? Em hiểu gì về nt xây dựng hình ảnh người lao động? ? Cảm nhận chung về hình ảnh người lao động? - Yêu cầu HS theo dõi khổ 7	Gỗ thuyền đã có nhịp trăng cao + Nhân hóa, bút pháp lãng mạn, liên tưởng đẹp (tiếng hát gọi cá vào lưới, nhịp trăng cao gõ thuyền xua cá vào lưới) -> Con người hòa nhịp cùng thiên nhiên trong công việc tạo thành bài ca lễ nhịp nhàng. -> Người ngư dân phấn chấn, lạc quan Biển cho...buổi nào + So sánh biển với tấm lòng người mẹ. -> Biển thủy chung, ân tình , nuôi lớn người ngư dân không chỉ về thể xác mà cả về tâm hồn Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng +NT: Hình ảnh đẹp, hình ảnh có tính tạo hình cao, động từ mạnh, từ ngữ gợi tả (bạc, vàng, hồng), ẩn dụ “ chùm cá nặng” - Khẩn trương gấp gáp chạy đua cùng thiên nhiên -> Đoàn thuyền kết thúc công việc trong khung cảnh thiên nhiên rực rỡ, với niềm vui, hồ hởi - kết thúc thắng lợi. -> Công việc nặng nhọc, vất vả nhưng tràn đầy niềm vui, hăng hái. -> Hình ảnh người LĐ được sáng tạo với cảm hứng lãng mạn => Con người lao động hăng say, làm chủ thiên nhiên 3. Cảnh đoàn thuyền trở về

? Tâm trạng của người ngư dân lúc trở về được miêu tả qua câu thơ nào? ? So với câu thơ thứ 4 ở k1, câu thơ này có gì đặc biệt? ? Câu hát lúc trở về thể hiện tâm trạng như thế nào của người ngư dân? ? Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về được gợi tả qua lời thơ nào? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Tìm biện pháp nghệ thuật trong hai câu thơ? ? Cảm nhận về không khí, nhịp sống của người dân nơi đây? - HS thảo luận và trình bày ? Hình ảnh những khoang thuyền đầy cá được gợi tả qua lời thơ nào? ? BPNT nào được sử dụng trong lời thơ này? ? Tác dụng của BPNT trong lời thơ trên ? Từ "hát" được lặp lại nhiều lần trong bài có ý nghĩa gì? ? Cảm nhận chung về bài thơ? - GV liên hệ với hoàn cảnh sáng tác... ? Tình cảm của tg được thể hiện ntn qua bài thơ? Hoạt động 3: Tổng kết * PP Hoạt động nhóm * Kỹ thuật: Lược đồ tư duy * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác. - GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS khái quát về NT và nội dung của bài thơ bằng lược đồ tư duy - HS làm việc và trình bày	Câu hát căng buồm với gió khơi + Lặp lại câu thơ k1, khác cách dùng từ “ cùng” và “ với” -> Niềm vui của người ngư dân trước một đêm đánh cá bội thu Đoàn thuyền... nhô màu mới NT+ Nhân hóa, bút pháp lãng mạn + Giọng thơ khỏe khoắn, + Động từ -> Nhịp sống hối hả khẩn trương của vùng biển Quảng Ninh trong công cuộc xây dựng CNXH, “màu mới” – một cuộc sống đang bắt đầu Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi + Hoán dụ -> Những con cá mang đến ấm no, hạnh phúc cho người dân nơi đây -> Niềm sung sướng hân hoan của người lao động khi được làm chủ cuộc đời <=> Bài thơ như một khúc hát hào hứng, mê say làm tăng vẻ đẹp của công việc và người lao động -> Đó là cuộc sống yên vui, thanh bình - Tác giả: ca ngợi, tự hào... về cuộc sống mới, yêu lao động, yêu thiên nhiên III. Tổng kết 1. Nghệ thuật: - Xây dựng hình ảnh bằng liên tưởng, tưởng tượng - Âm hưởng khỏe khoắn, hào hùng - So sánh, nhân hoá.... 2. Nội dung: Ca ngợi thiên nhiên, con người lao động; thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động Bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà

	thơ trước đất nước và cuộc sống. * Ghi nhớ (SGK/142)

3. Hoạt động luyện tập

- GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời: Các HS hỏi và trả lời những câu hỏi liên quan đến bài học

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn cảm nhận về hình ảnh người lao động ở địa phương em trong công cuộc xây dựng đất nước.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài thơ viết về người lao động, viết về biển nước ta

- Học nội dung bài

- Chuẩn bị : Tổng kết về từ vựng (GV yêu cầu HS kí kết hợp đồng và giao nhiệm vụ cho HS)

+ Ôn lại các kn liên quan

+ Làm trước các bài tập

=====

Ngày soạn:

Tuần 12- bài 11

Ngày dạy:

Tiết 55 – TV : TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (Tiếp)

(Từ tượng hình, tượng thanh, một số phép tu từ từ vựng)

I. Mục tiêu bài học

HS cần :

1. Kiến thức: Nắm vững hơn và biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học từ lớp 6 -> 9 : Từ tượng hình, từ tượng thanh, một số phép tu từ từ vựng.

- Hiểu được tác dụng của việc sử dụng các từ tượng hình, tượng thanh và phép tu từ trong các văn bản nghệ thuật.

2. Kỹ năng: Có kĩ năng nhận diện và phân tích tác dụng của các từ tượng hình, tượng thanh và phép tu từ trong các văn bản nghệ thuật.

3. Thái độ: Có ý thức tự học, hệ thống hóa kiến thức.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ

II. Chuẩn bị

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu , phiếu học tập

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ Tích hợp với phần TV đã học từ lớp 6 -> 9

2. Trò: - Ôn lại phần lí thuyết

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, PP dạy học theo hợp đồng.

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, Động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ :** (qua trò chơi)

* **Tổ chức khởi động :** GV cho HS chơi trò chơi tiếp sức trong 5 phút đội nào tìm được nhiều từ tượng hình và từ tượng thanh nhất thì đội đó thắng.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
* Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP luyện tập thực hành * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, Động não, Thảo luận nhóm * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. ? Thế nào là từ tượng thanh? ? Thế nào là từ tượng hình? - GV sử dụng kỹ thuật động não ? Tìm những tên loài vật là từ tượng thanh ? - HS nêu ý kiến - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Xác định từ tượng hình và giá trị sử dụng của chúng trong đoạn trích sau ? - HS trình bày - GV yêu cầu HS thanh lí hợp đồng Nêu khái niệm các BPTT và lấy vd minh họa - HS trình bày (3 HS - đại diện 3 nhóm trình bày 3 BPTT) - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS thảo luận ? Phân tích nét nghệ thuật độc đáo của những câu thơ ?	I. Từ tượng thanh và từ tượng hình 1. Khái niệm - Từ tượng thanh: là những từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, con người. - Từ tượng hình: là những từ gợi tả h/ả, dáng vẻ, trạng thái của sự vật 2. Bài tập Bài 1 : - Tắc kè, tu hú, chèo bẻo, cuốc, bò.... Bài 2 : - Các từ tượng hình : lốm đốm, lê thê, loáng thoáng, lơ lửng... - Tác dụng : Miêu tả đám mây một cách cụ thể, sinh động. II. Một số phép tu từ từ vựng 1. Khái niệm 2. Bài tập Bài 1: a. ẩn dụ: + "Hoa, cánh" -> chỉ Thúy Kiều và

- Nhóm 1 : Câu a
- Nhóm 2 : Câu b
- Nhóm 3 : Câu c
- Nhóm 4 : Câu d
- HS thảo luận và trình bày

- GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm (Nhóm 1+2: a,b, nhóm 3+4: c,d)
- Xác định biện pháp nghệ thuật và tác dụng?
- HS thảo luận và trình bày

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ở câu e

cuộc đời của nàng
+ "cây, lá" -> chỉ gia đình Kiều
-> Cả "hoa, cánh, cây, lá" đều đẹp nhưng rất mong manh trước bão tố của cuộc đời.

b. So sánh

- Tiếng đàn được so sánh với các âm thanh của tự nhiên -> Nhấn mạnh tiếng đàn với nhiều cung bậc khác nhau đều có hồn

c. Nói quá, nhân hóa :

- Cái đẹp của thiên nhiên "hoa, liễu" tác giả đã hoàn mĩ nhưng vẫn thua cái đẹp của Kiều

- Người tài năng như Kiều cũng chỉ có một vài người trong thiên hạ.

-> Nhấn mạnh vẻ đẹp về nhan sắc, tài năng của Kiều.

d. Nói quá

-Tuy gần nhau 'trong gang tấc' mà giờ đây hai người đã cách trở 'gấp mười quan san'

Bài 2:

a. - Điệp từ "còn"

- Dùng từ nhiều nghĩa "say sưa"

-> Tình cảm của chàng trai đối với cô gái

b. Nói quá

-> Nhấn mạnh sự trưởng thành và khí thế của nghĩa quan Lam sơn

c. So sánh

- So sánh tiếng suối với tiếng hát xa -> Thiên nhiên gần gũi con người.

- Như vẽ -> Không gian thanh bình, thơ mộng.

=> Thể hiện tinh thần lạc quan CM của một tâm hồn thi sĩ

d. - Điệp từ

- Nhân hóa

-> Trăng và người có mối quan hệ thân thiết, đồng cảm...

e. ẩn dụ : Mặt trời 2

-> Con là mặt trời, là hi vọng của mẹ

3. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn về chủ đề quê hương . Trong đoạn văn có sử dụng từ láy tượng hình và tượng thanh, một số BPTT

4. Hoạt động tìm tòi ,mở rộng

- Tìm đọc các tài liệu (sách, mạng) có thêm kiến thức về các BPTT
- Ôn lại các khái niệm. Hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị bài: Tập làm thơ 8 chữ
- + Nhận diện thể thơ về đặc điểm
- + Luyện tập làm thơ

=====

Ngày soạn: / /2018

Ngày dạy: / /2018

Tuần 12 - bài 11

Tiết 56 : TLV - TẬP LÀM THƠ TÁM CHỮ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

HS cần:

1. **Kiến thức:** Nắm được đặc điểm của thể thơ tám chữ.
2. **Kĩ năng:** nhận biết được thể thơ tám chữ. Biết tạo đối, vần, nhịp khi làm thơ tám chữ.
3. **Thái độ:** HS sáng tạo, hứng thú và yêu mến thơ ca.
 - Có ý thức bảo vệ môi trường.
4. **Định hướng năng lực – phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, yêu quê hương

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:** Soạn giáo án, tìm một số đoạn thơ tám chữ hay, tiêu biểu
2. **Trò:** Đọc các ví dụ và trả lời câu hỏi

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành,
2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, Động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ :** (không)

* **Tổ chức khởi động :** GV đọc diễn cảm cho HS nghe một đoạn thơ 8 chữ

? **Cảm nhận về đoạn thơ trên?**

? **Mỗi câu trong đoạn thơ gồm mấy tiếng?**

? **Em biết những bài thơ nào tám chữ.**

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Nhận diện thể thơ tám chữ *Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác. - GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm ? Nhận xét về số chữ trong mỗi dòng thơ ở các đoạn thơ trên? ? Tìm những chữ có chức năng gieo vần ở mỗi đoạn? ? Từ đó nhận xét cách gieo vần? ? Nhận xét cách ngắt nhịp ở mỗi đoạn thơ? - HS thảo luận và trình bày	I. Nhận diện thể thơ tám chữ 1. Tìm hiểu ví dụ (SGK/148+149) a. Mỗi dòng đều có 8 chữ b. - Đoạn 1: + Các cặp vần : tan - ngàn; mới - gọi; bùng - rừng; gắt - mật -> Vần chân theo từng cặp - vần liền - Đoạn 2 : + Các cặp vần : về - nghe; học - nhọc; bà - xa + Nhận xét : vần chân theo từng cặp - vần liền - Đoạn 3: + Các cặp vần : ngát - hát; non - son; đứng - dựng; tiên - nhiên + Nhận xét : Vần chân, gián cách - vần cách c. Ngắt nhịp linh hoạt, đa dạng
? Qua phân tích ví dụ trên, em hãy cho biết những đặc điểm của thể thơ tám chữ? - Yêu cầu HS đọc ghi nhớ	2. Ghi nhớ (SGK/150)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, Động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư học, năng lực hợp tác, giao	II. Luyện tập nhận diện thể thơ tám chữ

tiếp, cảm thụ.

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Điền từ vào chỗ trống cuối các dòng thơ?

? Nhận xét cách gieo vần?

- HS thảo luận và trình bày

? Chọn từ điền vào chỗ trống?

? Chỉ ra chỗ sai trong đoạn thơ và giải thích?.

? Tìm những từ thích hợp điền vào chỗ trống?

- GV sử dụng kĩ thuật động não

? Hãy làm thêm câu cuối sao cho đúng vần, hợp với nội dung cảm xúc của các câu trước?

Chú ý :

- Câu cuối 8 chữ

- Chữ cuối gieo vần "ương" hoặc "a" mang thành bằng

- HS nêu ý kiến

- HS làm bài thơ tám chữ (4 câu) về chủ đề thiên nhiên

- GV giáo dục HS ý thức bảo vệ môi trường

Bài tập 1 (SGK/150)

- Ca hát -> ngày qua -> bát ngát -> muôn hoa

-> Vần chân gián cách

Bài tập 2 (SGK/ 150)

- Cũng mát -> tuần hoàn -> đất trời

Bài tập 3 (SGK/ 151)

- Sai từ "rộn rã" vì không vần "ương"

- Sửa : thay rộn rã = vào trường, đến trường

III. Thực hành làm thơ tám chữ

Bài tập 1 (SGK/ 151)

- vườn

- qua

Bài tập 2 (SGK/ 151)

VD :

- Bóng ai kia thấp thoáng giữa màn sương

- Bước chân vui náo nức giữa tình thương

- Bao kỉ niệm trôi qua trong nhớ thương

Bài 3

4. Hoạt động vận dụng

- Làm bài thơ tám chữ về một trong số các chủ đề quê hương, gia đình, mái trường, tình bạn

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc những bài thơ tám chữ

- Nắm chắc thể thơ tám chữ và hoàn thành các bài tập(SGK)

- Xem lại đề bài tiết kiểm tra Văn, tiết sau trả bài

Ngày soạn:

Tuần 12

Ngày dạy:

Tiết 57 - TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- 1. Kiến thức:** Thấy được những ưu khuyết điểm của mình trong bài kiểm tra Văn, từ đó các em củng cố kiến thức về các văn bản truyện trung đại.
- 2. Kỹ năng:** Rèn luyện cách nhận diện và sửa sai : dùng từ, đặt câu...
- 3. Thái độ:** HS cẩn thận, cố gắng trong học tập.
- 4. Định hướng năng lực – phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, yêu quê hương

B. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy :** Chấm bài, nhận xét những ưu điểm, khuyết điểm của học sinh.
- 2. Trò:** Xem lại đề bài, lập dàn bài cho đề bài.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành,
- Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, trình bày một phút

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định lớp:**

* **Kiểm tra 15'**

1. Đề bài

Câu 1: Chép lại theo trí nhớ khổ thơ đầu bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận

Câu 2 : Cảm nhận về nt và nd khổ thơ trên?

2. Đáp án

Câu 1 : Học sinh chép được theo trí nhớ của mình khổ thơ đầu bài thơ.

Câu 2 : Đảm bảo ý sau:

- NT : +So sánh, liên tưởng, nhân hóa, đt mạnh
+Giọng thơ khỏe khoắn
+ Hình ảnh thơ kì vĩ, tráng lệ

=>ND : Bức tranh thiên nhiên đẹp, tráng lệ . Cảnh đoàn thuyền ra khơi đầy khí thế, tâm trạng hào hứng...

3. Biểu điểm

Câu 1 : Đúng, chính xác : 4 điểm

Câu 2: Đầy đủ các ý : 6 điểm

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
* Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, trình bày một phút * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.	I. Tìm hiểu đề và đáp án 1. Đề bài

- GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm -> lập dàn ý cho đề bài trên
- Hs thảo luận và trình bày

- GV trả bài cho HS
- GV nhận xét bài làm của HS

- Diễn đạt dễ hiểu, không mắc lỗi sai dùng từ, câu, diễn đạt...

* Yêu cầu về nội dung

- Nỗi nhớ Kim Trọng : nhớ lại những kỉ niệm tình yêu, tưởng tượng cảnh chàng Kim đang chờ đợi mình. Tình yêu thủy chung của Kiều với chàng Kim không bao giờ thay đổi

-> Người tình thủy chung

- Nỗi nhớ cha mẹ : thành ngữ, điển tích điển cố -> Tầm lòng hiếu thảo của Kiều với cha mẹ . Kiều xót xa khi nghĩ cảnh cha mẹ sớm hôm tựa cửa chờ tin con, cha mẹ đã già mà không được phụng dưỡng

=> + Nghệ thuật : ngôn ngữ độc thoại nội tâm, miêu tả nội tâm nhân vật -> Kiều là người giàu đức hi sinh

II. Trả bài

III. Nhận xét

* Ưu điểm:

- Đa số hiểu bài yêu cầu gì.
- Đúng phương pháp và nội dung
- Viết tương đối sạch sẽ
- Nhiều bài HS làm tốt

VD: Hương, Huyền, Thảo, Oanh (9a), Mai (9b)

* Nhược điểm :

- Một số bài sơ sài, không viết thành bài văn
- Trích thơ chưa chính xác
- Còn sai chính tả, diễn đạt
- Một số bài còn dùng văn nói - chưa có liên kết.

VD : Tuân, Anh, Phúc(9b)

3. Hoạt động vận dụng

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt	
- GV cung cấp lỗi sai của HS trên máy chiếu - GV yêu cầu HS lên bảng chữa những lỗi sai điển hình	IV. Chữa lỗi sai điển hình	
	1. Chính tả	
	Lỗi sai	Sửa lại
	Làng	Nàng
	Chông	Trông

Hoạt động 2: Đọc bài văn, đoạn văn hay - GV cho HS đọc một số bài hay	<table border="1"> <tr> <td>Quạt lồng Thương sót chong</td><td>Nòng xót trong</td></tr> </table> 2. Diễn đạt - Nỗi nhớ da diết Kim Trọng của nàng Kiều -> Sửa lại: Kiều nhớ Kim Trọng da diết. - Kiều thủy chung và hiếu thảo với cha mẹ và chàng Kim -> Sửa lại: Kiều thủy chung với chàng Kim và hiếu thảo với cha mẹ. V. Đọc bài văn, đoạn văn hay - <i>Huyền, Hương(9a), Mai ((9b)</i>	Quạt lồng Thương sót chong	Nòng xót trong
Quạt lồng Thương sót chong	Nòng xót trong		

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc những bài viết liên quan đến Vũ Nương và Nàng Kiều
- Ôn lại kiến thức. Xem lại các đề bài, câu hỏi
- Chuẩn bị : Bếp lửa (đọc vb,tìm hiểu tg và tp,phân tích bài thơ- Hợp đồng về tác giả và tác phẩm)

Ngày soạn:
Tuần 12- bài 11

Ngày dạy:

Tiết 56 - VB : BẾP LỬA Bằng Việt

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC HS cần :

- 1. Kiến thức:-** Nêu được những nét chính về tác giả và hoàn cảnh ra đời tp
 - Cảm nhận được những tình cảm, cảm xúc chân thành của nhân vật trữ tình - người cháu và hình ảnh người bà giàu tình thương, giàu đức hi sinh trong bài thơ. --Thấy được nghệ thuật diễn tả cảm xúc thông qua hồi tưởng kết hợp miêu tả, tự sự, bình luận của tác giả trong bài thơ.
- 2. Kỹ năng:** Nhận diện , phân tích được các yếu tố miêu tả, tự sự, bình luận và biểu cảm trong bài.
 - Liên hệ để thấy được nỗi nhớ về bà trong hoàn cảnh tác giả đang ở xa tổ quốc có mối liên hệ chặt chẽ với những tình cảm với quê hương, đất nước.
- 3. Thái độ:** HS có lòng kính yêu bà, người thân, trân trọng tình cảm gia đình.
- 4. Định hướng năng lực – phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, cảm thụ.
 - HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu

- Dự kiến phương án tích hợp – liên hệ :

+ Văn - Văn : Tiếng gà trưa

+ Văn - TV : Điệp ngữ, ẩn dụ...

2.Trò:- Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK,

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, trình bày một phút, Hỏi và trả lời, Động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ (không)**

* **Tổ chức khởi động :** GV cung cấp video bài hát về tình bà cháu

? Cảm nhận của em khi nghe bài hát trên.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Đọc, tìm hiểu chung * Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mỹ, cảm thụ. - HS thanh lí hợp đồng - GV yêu cầu HS thuyết trình về tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm ? Bài thơ cần được đọc với giọng điệu ntn? - GV hướng dẫn HS đọc, đọc mẫu - Gọi HS đọc, nhận xét - Yêu cầu HS giải thích chú thích 1,2 ? Xác định thể thơ? ? Phương thức biểu đạt của bài thơ? ? Bài thơ có bố cục như thế nào?	I. Đọc, tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) 2. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ - Bài thơ được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang học ngành luật ở nước ngoài. - Bài thơ được in trong tập <i>Hương cây- Bếp lửa</i> * Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc - Chú thích (SGK) * Thể thơ : 8 chữ * PTBD : Biểu cảm + tự sự, miêu tả, nghị luận * Bố cục : + Phần 1(Khổ 1) : Hình ảnh bếp lửa

Hoạt động 2: Phân tích

* Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp,

Hoạt động nhóm, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật

*. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, trình bày một phút, Động não

* Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mỹ, cảm thụ.

- HS hoạt động cả lớp

? Sự hồi tưởng của tác giả bắt đầu bằng lời nào ?

? BPNT nào được tác giả sử dụng?

? Phân tích giá trị gợi hình gợi cảm của hai từ lấy trên?

? Em hiểu gì về hình ảnh bếp lửa trong bài thơ?

? Hình ảnh “Một bếp lửa ấp iu nồng đượm “ giúp em hiểu gì về tình bà dành cho cháu?

? Hình ảnh bếp lửa xuất hiện ngay đầu bài thơ có ý nghĩa gì?

- GV: : giảng – bình (gợi liên tưởng đến người nhóm lửa - bà)

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân

? Trong dòng hồi tưởng ấy, tình cảm của tác giả được bộc lộ qua câu thơ nào?

? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng?

khơi nguồn cảm xúc.

+ Phần 2 (4 Khổ tiếp): Những kỉ niệm tuổi thơ.

+ Phần 3 (Khổ 6) : Suy ngẫm về bà

+ Phần 4 (Khổ cuối) : Nỗi nhớ về bà

II. Phân tích

1. Bếp lửa khơi nguồn cảm xúc

Một bếp lửa chôn vùi sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm

+NT : Hình ảnh bếp lửa -> Điệp ngữ

Từ lấy

- Chôn vùi: ngọn lửa lên xuống, ẩn hiện trong sương sớm...

- ấp iu: gợi công việc của người nhóm lửa, bàn tay kiên nhẫn và tấm lòng chăm chút của người bà

- Hình ảnh thân thương, ấm áp. Hình tượng độc đáo và xuyên suốt bài thơ.

-Tình yêu thương vô bờ của bà đối với cháu

-> Bếp lửa gợi cảm giác ấm áp, thân thuộc, gợi những kỉ niệm tuổi thơ, khơi nguồn cảm xúc về bà

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa

NT: +ẩn dụ “biết mấy nắng mưa”->

gian khổ, vất vả của bà

+ Thương -> Cách biểu cảm trực tiếp

->Thấu hiểu được nỗi nhọc nhằn của

? Qua đó em hiểu gì về tình cảm của nhà thơ dành cho bà?
 ? Nhận xét mối quan hệ giữa hai hình ảnh trong khổ thơ?
 GV: : giảng – bình

- Gv yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm

? Kỉ niệm nào xuất hiện đầu tiên trong dòng hồi tưởng của cháu. Tìm câu thơ?

? BPNT nào được tác giả sử dụng ?
 ? Em hiểu gì về tuổi thơ của tg qua những lời thơ trên?
 ? ấn tượng sâu đậm nhất của người cháu khi nhớ về tuổi thơ lúc 4 tuổi?

- HS trình bày, NX

Gv;giảng- bình

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Kỉ niệm tràn về trong dòng hồi tưởng của tg khi 8 tuổi được thể hiện qua lời thơ nào ?
 ? Tìm biện pháp nghệ thuật ?

? Em hiểu thêm gì về tuổi thơ của tg?

? Em hiểu thêm gì về tuổi thơ của tg?

? Người bà hiện lên như thế nào ?

- HS trình bày, NX

- HS hoạt động cả lớp

? Tình cảm của cháu với bà được thể hiện qua câu thơ nào ?
 ? NX về cách biểu cảm ?
 ? Em hiểu gì về nội dung của câu thơ trên ?

GV :giảng-bình

? Trong tiềm thức của cháu xuất hiện âm thanh nào ?

bà, kính trọng

=> Bếp lửa - người bà có mối quan hệ chặt chẽ. Tình bà cháu gắn liền với bếp lửa.

2. Kỉ niệm về những ngày sống bên bà

* Khô 2 :

Lên 4 tuổi cháu đã quen mùi khói

..... năm đói mòn đói mỏi

..... khô rạc ngựa gầy...cay

+ Điệp từ, đảo ngữ, từ chỉ cảm xúc

-> Kỉ niệm thuở ấu thơ nhọc nhằn, đói khổ , gắn liền với bếp lửa của bà.

-> Kỉ niệm về bà, ngọn khói, mùi khói sống mãi trong lòng cháu

* Khô 3 :

- Tám năm ... cháu cùng bà nhóm lửa

Bà hay kể chuyện...

.... bà bảo cháu nghe

Bà dạy cháu làm bà chăm cháu học

NT : + Điệp từ, liệt kê, động từ

+ Giọng thơ thủ thỉ, tâm tình

-> Tuổi thơ với nhiều biến động, thiếu thốn tình yêu khi vắng cha ,xa mẹ

-> Gắn bó với bà vì bà là chỗ dựa tinh thần cho cháu, mang tới cho cháu hạnh phúc gia đình .

-> Bà tận tụy, yêu thương, chăm sóc dạy dỗ cháu chu đáo

Nhóm ... thương bà khó nhọc

+Biểu cảm trực tiếp

-> Tình yêu thương bà sâu sắc (thương cuộc đời bà vất vả, khó nhọc...)

Tu hú kêu

Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế

? Nhận xét về kiểu câu. Giọng thơ? ? Tiếng tu hú xuất hiện nhiều lần trong hồi tưởng của tg, điều đó có ý nghĩa gì? ? Tác giả gửi gắm tình cảm gì qua những lời thơ trên ? ? Cảm nhận của em về tình bà - cháu trong khổ thơ? - GV:giảng- bình và liên hệ bài thơ “ Tiếng gà trưa” - HS thảo luận cặp đôi ? Hình ảnh nào trong quá khứ xuất hiện rõ nét trong hồi tưởng của cháu? ? Biện pháp nghệ thuật gì được sử dụng? ? Em hiểu thêm gì về hoàn cảnh sống của tác giả thời thơ ấu ? ? Qua những lời thơ trên, em thấy người bà mang những nét phẩm chất cao quý nào ? - HS hoạt động cả lớp ? Sự kiên trì, bền bỉ của bà được tác giả thể hiện qua những lời thơ nào? ? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng, nhận xét giọng thơ? ? Phân tích ý nghĩa của việc biến đổi: bếp lửa->ngọn lửa ? Em hiểu gì về hình ảnh ngọn lửa trong lời thơ trên? ? Trong tâm tưởng của cháu, bà là người ntn? - GV: giảng - HS làm việc cá nhân ? Hình ảnh người bà hiện lên qua những câu thơ nào? ? BPNT nào được sử dụng trong câu thơ này?	Kêu chi trên những cánh đồng xa + Câu cảm thán, câu hỏi tu từ -> cảm xúc + Giọng thơ tha thiết -- Âm thanh quen thuộc của đồng quê giục giã, khắc khoải, da diết. --Là tiếng vọng của quê hương, của tuổi thơ gọi nhớ về bà. -> Nhớ bà da diết . Thương xót cho đời bà lận đận, day dứt vì không được chăm sóc bà. => Tình bà cháu nồng - ấm, gần gũi, chan chứa tình yêu thương sâu nặng. * Khổ 4 : Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi ... Vẫn vững lòng đình ninh + Điệp từ "cháy" + Từ láy gợi tả "đình ninh" -> Chiến tranh ác liệt nhưng tình làng nghĩa xóm luôn sâu nặng. -> Bà giàu đức hi sinh, giàu nghị lực, bình tĩnh, kiên trì bền bỉ... * Khổ 5 : Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa.... Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn Một ngọn lửa.... niềm tin dai dẳng + Điệp ngữ, điệp từ + Giọng thơ tha thiết khẳng định - Bếp lửa: ngọn lửa hữu hình - Ngọn lửa trong lòng bà: vô hình -> Ngọn lửa của tình bà cháu, ngọn lửa của sức sống mãnh liệt, của niềm tin... => Bà là người gắn liền với bếp lửa-nhóm lửa, giữ lửa, truyền lửa -> ngọn lửa của niềm tin cho các thế hệ cháu con 3. Suy ngẫm về bà Lận đận...nồng đượm

? Nỗi nhớ về bà được thể hiện ntn qua lời thơ trên? - GV:giảng-bình và liên hệ bài thơ “Tiếng gà trưa” - HS thảo luận cặp đôi ? Hình ảnh bà nhóm lửa được gọi tả qua lời thơ nào? ? Tác giả sử dụng BPNT gì? ? Tác dụng của điệp từ “ nhóm” trong lời thơ trên ? - GV:giảng-bình - ? Từ đó tác giả đã khẳng định điều gì về bếp lửa. Câu thơ nào thể hiện điều đó? - GV sử dụng kĩ thuật động não ? Em hiểu như thế nào về sự kì lạ và thiêng liêng của bếp lửa ? - Hs trình bày ? Kiểu câu được tác giả sử dụng? ? Em hiểu gì về cảm xúc của cháu qua các lời thơ trên? - HS hoạt động cả lớp ? Hoàn cảnh của cháu trong thời điểm hiện tại được khắc họa qua câu thơ nào? ? Biện pháp nghệ thuật được sử dụng? Tác dụng? ? Trong hoàn cảnh đó, hình ảnh nào luôn in đậm trong tâm hồn cháu? ? Xác định BPNT. Nhận xét giọng thơ? ? Người cháu đã tự nhắc nhở mình điều gì? GV: ...Ngọn lửa trong lòng bà trở thành niềm tin thiêng liêng trong lòng cháu. ? Hình ảnh bếp lửa xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ, tác dụng?	+ NT : Đảo ngữ, ẩn dụ, từ láy,giọng thơ trầm lắng -> Nhấn mạnh nỗi vất vả, gian truân trong cuộc đời bà ->Nhớ về sự tàn tảo ,đức hi sinh của bà. Nhóm...tuổi nhỏ + Điệp từ "nhóm" -> Bà nhóm lên ngọn lửa ấm để sưởi ấm , nhóm lên tình yêu thương vô bờ dành cho cháu , nhóm dậy trong cháu tình làng nghĩa xóm , nhóm dậy những ước mơ - khát vọng Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa! - Kì lạ : không mưa nắng , không bom đạn nào của kẻ thù có thể dập tắt được. - Thiêng liêng : Vì đó chính là tình bà. Nơi ấp ủ và sáng lên mãi tình cảm bà cháu + NT: Thán từ ôi, câu cảm thán -> Ca ngợi cuộc đời bà, tôn kính và biết ơn bà vô hạn 4. Nỗi nhớ bà khi cháu đã trưởng thành * Khổ 7 : <i>Giờ cháu...trăm ngả</i> + NT : Điệp từ "có" -> Hoàn cảnh thay đổi, cháu được đi xa, được tiếp nhận những điều tốt đẹp . Nhưng chẳng lúc nào quên nhắc nhở Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa + Câu hỏi tu từ + Giọng thơ khẳng định -> Không quên những lận đận trong cuộc đời bà, tấm lòng, tình cảm của bà

? Em hiểu được điều gì trong tình cảm của người cháu?

- GV bình và liên hệ

Hoạt động 3 : Tổng kết

- GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời yêu cầu HS hỏi và trả lời những câu hỏi liên quan đến nội dung và nghệ thuật

-Bếp lửa xuất hiện 10 lần cùng với hình ảnh của bà

=> Nỗi nhớ thương bà khôn nguôi (nhớ về bếp lửa)

- Kính yêu, trân trọng, biết ơn bà....Đây là khởi đầu cho tình yêu quê hương đất nước.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Kết hợp giữa miêu tả, biểu cảm, tự sự, bình luận.

- Sử dụng các biện pháp nghệ thuật: ẩn dụ, điệp ngữ ...

- H.ảnh giàu ý nghĩa .

2. Nội dung

- Những kỉ niệm xúc động về tình bà cháu. Tình yêu bà chính là khởi nguồn cho tình yêu quê hương đất nước.

* **Ghi nhớ** (SGK/146)

3. Hoạt động luyện tập

- Hình ảnh người bà trong bài thơ được khắc họa là người như thế nào?

- Tình bà cháu được thể hiện như thế nào ?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn cảm nhận về bà của em

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc những bài thơ viết về tình bà cháu

- Học thuộc bài thơ, nắm chắc nội dung và nghệ thuật

- Soạn bài " Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ" - Hợp đồng về tác giả, hoàn cảnh ra đời về tác phẩm.

+ Công việc của người mẹ Tà ôi!

+ Những đặc sắc nghệ thuật

+ Tình cảm và ước mơ của mẹ

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 13- bài 12

Tiết 59 : KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ

(Hướng dẫn tự học)

Nguyễn Khoa Điềm

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

HS cần:

- 1. Kiến thức:-** Nêu được nét chính về tg và hoàn cảnh ra đời tác phẩm
 - Học sinh cảm nhận được tình yêu thương con và ước vọng của người mẹ Tà ôi trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, từ đó phần nào hiểu được lòng yêu quê hương đất nước và khát vọng tự do của nhân dân ta.
 - Cảm nhận được nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại, hình ảnh thơ mang tính biểu tượng, âm hưởng của những khúc hát ru ngọt ngào, tha thiết.
- 2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng nhận diện các yếu tố ngôn ngữ, hình ảnh mang màu sắc dân gian, phân tích được mạch cảm xúc trữ tình, cảm nhận được tinh thần kháng chiến của nhân dân ta trong thời kì kháng chiến chống Mĩ.
- 3. Thái độ:** cảm phục về những người mẹ Tà ôi (Những người mẹ VN anh hùng)
- 4. Định hướng năng lực – phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng CNTT, phân tích, cảm thụ.
 - HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước.

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy:-** Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu
 - Dự kiến phương án tích hợp – liên hệ :
 - + Văn - Văn : Một số tác phẩm viết về người phụ nữ kháng chiến chống Mĩ
 - + Văn - TV : biện pháp tu từ

- 2.Trò:** - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- 1.Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, PP hợp đồng.
2. Kỹ thuật : trình bày một phút, Hỏi và trả lời, Động não, thuyết trình tích cực.

VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định lớp:**

***Kiểm tra bài cũ : cảm nhận về tình bà cháu qua bài thơ Bếp lửa**

***Tổ chức hoạt động khởi động : GV cung cấp video về chủ đề tình mẫu tử**

?Cảm nhận của em về tình mẫu tử

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc,tìm hiểu chung * Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Dùng lời có nghệ thuật, PP hợp đồng, PP trực quan * Kỹ thuật : Thuyết trình tích cực * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, sử dụng CNTT. - GV cung cấp thông tin về tác giả và tác phẩm (máy chiếu)	I. Đọc,tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) 2. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ

- GV yêu cầu HS thuyết trình về tác giả và hoàn cảnh ra đời bài thơ? ? Bài thơ cần được đọc với giọng điệu ntn? - GV hướng dẫn đọc. Đọc mẫu - Gọi 2 HS đọc lần lượt. Nhận xét. - GV yêu cầu HS giải thích chú thích :1,2 ? Xác định thể thơ? ? Phương thức biểu đạt của bài thơ? ? Bài thơ có thể chia thành mấy phần. Nội dung của từng phần? Hoạt động 2 : Phân tích * Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Dùng lời có nghệ thuật, PP phân tích, Hoạt động nhóm, PP thuyết trình * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, phân tích, cảm thụ. - GV chia lớp thành 6 nhóm, giới hạn thời gian (10) hai nhóm cùng một nội dung thảo luận - Phát phiếu học tập cho từng nhóm, hướng dẫn thảo luận (Phiếu thảo luận có câu hỏi) - GV gọi HS đại diện trình bày, yêu cầu nhóm khác nhận xét GV chốt lại kiến thức chuẩn Câu hỏi của các phiếu cho tất cả các nhóm * Công việc của người mẹ Tà ôi ? Biện pháp nghệ thuật gì được sử dụng? ? Cảm nhận của em về công việc của mẹ? ? Người mẹ Tà ôi là người như thế nào?	- Bài thơ được viết vào năm 1971 khi tác giả đang công tác tại chiến khu miền Tây Thừa Thiên Huế - Bài thơ được in trong tập Đất và khát vọng * Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc - Chú thích : SGK * Thể thơ : 8 chữ * PTBD : Biểu cảm + miêu tả * Bố cục : 3 phần (3 khúc hát ru) + Mỗi khúc hát ru có 2 lời (một lời của tác giả, một lời của người mẹ tà ôi) II. Phân tích 1. Khúc hát ru thứ nhất: - Công việc : Mẹ già gạo ... tìm hát thành lời + Điệp từ “ Nghiêng “ , hoán dụ + Từ láy gợi hình -> Vất vả , gian khổ -> Mẹ yêu thương con , không lúc nào xa con - Tình cảm: Ngủ ngon a-kay ơi...mẹ thương bộ đội NT + Điệp ngữ, đối xứng. Nhịp 4/4, cân đối. Giọng thơ nhẹ nhàng, tha thiết -> Tình cảm : Yêu thương con gắn liền với yêu thương bộ đội. - Ước mơ: Con mơ cho mẹ ...vung chày lún sân -> Mẹ mơ ước sau này con sẽ trở thành một chàng trai khỏe mạnh trong lao động sx , có hạt gạo trắng để nuôi bộ đội => Ước mơ giản dị, chân thành 2. Khúc hát ru thứ hai - Công việc : Mẹ đang tĩa bắp ...trên lưng + ẩn dụ (mặt trời -> em Cu tai) + So sánh

? Em có nhận xét gì về tình cảm và ước mơ của người mẹ qua 3 khúc hát ru ? - Cảm nhận chung của em về người mẹ Tà ôi qua 3 khúc hát ru? ? Em hiểu gì về tình cảm của tác giả ? Hoạt động 3 : Tổng kết * kĩ thuật hỏi và trả lời - Hs hỏi và trả lời những yêu cầu liên quan đến nghệ thuật và nội dung bài	<=> Người mẹ - người chiến sĩ anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang. Tình yêu con gắn liền, thống nhất với tình yêu bộ đội, yêu làng, yêu đất nước. * Tác giả ca ngợi, tự hào về người mẹ Tà ôi nói riêng và những người mẹ Việt Nam nói chung... III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Nghệ thuật ẩn dụ, hình ảnh thơ mang tính biểu tượng, âm hưởng của những khúc hát ru ngọt ngào, tha thiết. 2. Nội dung - Tình yêu thương con và ước vọng của người mẹ Tà ôi trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. - Lòng yêu quê hương đất nước và khát vọng tự do của nhân dân ta. * Ghi nhớ (SGK/155

3. Hoạt động luyện tập

- Đọc diễn cảm bài thơ?
- Cảm nhận của em về người mẹ Tà ôi?
- Câu thơ, hình ảnh nào để lại ấn tượng nhất trong em. Vì sao?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn cảm nhận về mẹ của em.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc những bài thơ viết về mẹ.
- Học thuộc lòng bài thơ, nắm được nét chính về ND, NT
- Soạn bài : "Ánh trăng" theo nội dung (Hợp đồng về Tác giả và tác phẩm)
- + Vàng trắng trong kí ức
- + Vàng trắng trong hiện tại
- + Suy ngẫm của nhà thơ

Ngày soạn:
Tuần 13- bài 12

Ngày dạy:

Tiết 60 : VB - ÁNH TRĂNG

Nguyễn Duy

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

HS cần :

- 1. Kiến thức:** - Nêu được vài nét về tg và hoàn cảnh ra đời tác phẩm.

- Học sinh hiểu được kỉ niệm về một thời gian lao nhưng nặng nghĩa tình của người lính.

- Cảm nhận được sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố trữ tình và yếu tố tự sự trong bố cục, ngôn ngữ và hình ảnh giàu suy nghĩ, mang ý nghĩa biểu tượng.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng đọc – hiểu văn bản thơ được sáng tác sau năm 1975

- Vận dụng kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm thơ để cảm thụ và phân tích thơ.

3. Thái độ: Có tình yêu thiên nhiên, trân trọng quá khứ. Giáo dục bảo vệ môi trường.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, sử dụng CNTT, cảm thụ, phân tích.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước.

II. Chuẩn bị

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu

- Dự kiến phương án tích hợp - liên hệ:

+ Văn - Văn : Một số văn bản có hình ảnh ánh trăng

+ Văn - TV : Điệp từ, nhân hóa, so sánh...

+ Văn - TLV : Văn miêu tả, tự sự, biểu cảm

2. Trò:- Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK,

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, Hợp đồng.

2. Kỹ thuật : Thuyết trình tích cực, trình bày một phút, Hỏi và trả lời, Động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ :** cảm nhận về người mẹ vùng dân tộc Tà-ôi qua bài thơ "Khúc..mẹ"

* **Tổ chức hoạt động khởi động :** GV yêu cầu HS đọc những câu thơ viết về chủ đề trăng.

? **Cảm nhận về hình ảnh ánh trăng trong những câu thơ trên.**

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Đọc, tìm hiểu chung * Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Dùng lời có nghệ thuật, PP hợp đồng * Kỹ thuật : Thuyết trình tích cực * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, sử dụng CNTT. - GV yêu cầu HS thuyết trình về tác giả và hoàn cảnh ra đời bài thơ.	I, Đọc, tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) 2. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ (SGK)

? Bài thơ cần được đọc với giọng điệu ntn? GV hướng dẫn cách đọc Gọi HS đọc-> nhận xét GV yêu cầu HS giải thích chú thích 1,2 ? Bài thơ thuộc thể thơ gì ? ? Phương thức biểu đạt ? ? Bài thơ có thể chia làm mấy phần? ? Nêu giới hạn và nội dung từng phần? ? Em có nhận xét gì về bố cục trên? Hoạt động 2: Phân tích *Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm,PP phân tích, Dùng lời có nghệ thuật *Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, trình bày một phút, Động não. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, phân tích, ? Tìm lời thơ gợi tả hình ảnh vàng trắng trong quá khứ.? - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi ? Biện pháp NT được sử dụng trong đoạn thơ? ? Qua đó em hình dung ntn về hình ảnh vàng trắng trong quá khứ ? - HS thảo luận -> trình bày -> bổ sung ? Cuộc sống của người lính trong quá khứ được gợi lên qua câu thơ nào? - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ? Nghệ thuật trong khổ thơ?	* Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc - Chú thích (SGK) * Thể thơ: 5 chữ * PTBD: Biểu cảm+ tự sự +miêu tả * Bố cục: 3 phần + P1: 2 khổ đầu : Vàng trắng trong quá khứ + P2: 2 khổ tiếp : Vàng trắng hiện tại + P3: 2 khổ cuối: Cảm xúc, suy nghĩ của tác giả về ánh trăng, vàng trắng -> Sắp xếp theo trình tự thời gian II, Phân tích 1. Vàng trắng trong quá khứ “Hồi nhỏ ... tri kỉ ” NT :+Giọng thơ tâm tình + Điệp từ “ với”, ’ hồi”, liệt kê ->Trăng là hình ảnh đẹp của thiên nhiên gắn bó với tuổi thơ tươi mát. - Trăng trở thành đồng chí, đồng đội cùng người lính chia ngọt sẻ bùi. - Trăng gắn liền với những năm tháng gian lao trong cuộc đời người lính. Trần trụi... hồn nhiên như cây cỏ ngỡ không bao giờ quên tình nghĩa NT: So sánh + tính từ “ trần trụi” , “ hồn nhiên”, ẩn dụ => Vàng trắng biểu tượng cho vẻ đẹp

? Với những năm tháng ấy, trăng biểu tượng cho điều gì ?

? Cụm từ “ tình nghĩa” thể hiện tình cảm như thế nào giữa người và trăng?

? Người lính đã tự nhủ với mình điều gì?

- HS thảo luận, trình bày, NX

- Gv giảng : Không quên những năm tháng gian lao trong cuộc đời người lính, không quên quê hương xứ sở , không quên quá khứ nghĩa tình ...

- HS hoạt động cả lớp

? Cảm nhận chung về hình ảnh vàng trăng? Và ý nghĩa biểu tượng của vàng trăng?

GV giảng – bình , tích hợp bảo vệ môi trường.

? Lời thơ nào diễn tả cuộc sống trong hiện tại của nhân vật trữ tình?

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm

? Biện pháp NT nào được sử dụng?

? Em hiểu gì về cuộc sống của nhân vật trữ tình qua lời thơ trên?

? Thái độ của người lính với vàng trăng.

- HS thảo luận -> trình bày -> bổ sung.

- HS hoạt động cả lớp

? Tình huống mà tg gặp lại vàng trăng được thể hiện qua lời thơ nào ?

? Nhận xét cách dùng từ ngữ, giọng thơ?

? Tình huống ấy đẩy người lính rơi vào một trạng thái ntn ?

hiền hậu của thiên nhiên, cốt cách người lính, cho ân nghĩa thủy chung giữa con người và thiên nhiên .

- Tình nghĩa: sự gắn bó sâu nặng giữa người và trăng

-> Tự nhủ lòng mình không quên vàng trăng

=> Vàng trăng hiền hoà, biểu trưng cho quá khứ nghĩa tình, biểu tượng cho vẻ đẹp bình dị vĩnh hằng của cuộc sống

2. Vàng trăng trong hiện tại

Từ hồi ...cửa gương

vàng trăng đi qua ngõ

như người dung qua đường

+ NT: Nhân hoá, so sánh, liệt kê.

-Cuộc sống hoà bình, đầy đủ tiện nghi

- Người lính đã lãng quên vàng trăng

→ Quên quá khứ nghĩa tình, quên những năm tháng gian lao của đất nước.

Thình lình đèn điện tắt

... vàng trăng tròn

NT:

+ Từ láy, tính từ , ĐT mạnh

+ Giọng thơ mạnh mẽ

- Mất điện đột ngột, phòng cao ồ ồ tối om -> người lính thấy ngột ngạt, bức bối

-> Khẩn trương, vội vàng tìm nguồn sáng . Người lính bất ngờ khi gặp lại

? Hành động ntn của nhân vật trữ tình ? ? Trăng xuất hiện như thế nào? ? Em có cảm nhận gì về hình ảnh vầng trăng?Việc xuất hiện hình ảnh vầng trăng có ý nghĩa gì? ? Trong hoàn cảnh trên nhân vật trữ tình có cử chỉ gì? ? Em hiểu như thế nào về câu thơ này? ? Cảm xúc của tg khi gặp lại vầng trăng được thể hiện qua lời thơ nào? ? Xác định biện pháp NT? ? Qua đó em hiểu gì về cảm xúc của nhân vật trữ tình? GV giảng –bình ? Vầng trăng và tâm trạng của nhân vật trữ tình được gợi tả qua những lời thơ nào ? - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm ? Khổ thơ có gì độc đáo về nghệ thuật? ? Tác giả muốn nói lên điều gì qua những lời thơ trên ? - HS thảo luận và trình bày, nx ? Em hiểu gì về chủ đề của bài thơ ? Hoạt động 3: Tổng kết - GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời Và yêu cầu Hs hỏi và trả lời những câu hỏi liên quan đến NT và ND	vầng trăng ->Vầng trăng xuất hiện trong tình huống đặc biệt mà cũng thật tình cờ, tự nhiên. => Vầng trăng tròn, vẹn nguyên, không thay đổi gợi suy nghĩ cho nhà thơ,là bước ngoặt để từ đó tg bộc lộ cảm xúc. 3. Suy ngẫm của nhà thơ Ngửa mặt lên nhìn mặt -> Sự đối diện giữa người và trăng có cái gì rung rung như là đồng là bể như là sông là rừng NT: + Từ láy, so sánh, lặp cấu trúc + Giọng thơ trầm lắng -> Xúc động , nhớ kỉ niệm xưa Trăng cứ tròn vành vạnh ... ánh trăng im phăng phắc... mình + NT: Nhân hoá, từ láy -> Kđịnh: Trăng vẫn ân tình, thủy chung.Trăng nhẹ nhàng mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ ... -> Người lính nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, nông nổi trong cuộc sống. =>Tự trách mình khi lãng quên quá khứ nghĩa tình -> thức tỉnh =>Bài thơ là lời nhắc nhở thấm thía về thái độ,tình cảm đối với những năm tháng gian lao,nghĩa tình, đối với thiên nhiên và đất nước.Bài thơ nằm trong mạch cảm xúc “uống nước nhớ nguồn” III, Tổng kết: 1. Nghệ thuật - Giọng điệu tâm tình tự nhiên, hình ảnh thơ giàu tính biểu cảm. 2. Nội dung - Bài thơ là lời tự nhắc nhở về những

- Qua văn bản em rút ra được bài học gì?	năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước. Bài thơ củng cố ở người đọc thái độ sống ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ * Ghi nhớ (SGK/ 157) (Không quên quá khứ, cần sống có trách nhiệm với quá khứ, sống thủy chung, tình nghĩa...)

3. Hoạt động luyện tập.

- Hình ảnh vàng trắng trong quá khứ có ý nghĩa gì?
- Cảm xúc của nhân vật trữ tình khi gặp lại vàng trắng?
- Tác giả muốn nhắc nhở, gửi gắm đến người đọc bài học gì về thái độ sống ?

4. Hoạt động vận dụng

- Tìm gặp một số cựu chiến binh và viết về những suy nghĩ của họ đối với đất nước.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc những tác phẩm viết về đề tài người lính sau chiến tranh
- Học thuộc bài thơ, nắm chắc nội dung chính của văn bản
- Chuẩn bị bài " Tổng kết từ vựng"
 - + Trả lời các câu hỏi SGK
 - + Làm các bài tập trước khi đến lớp

=====

Ngày soạn:

TUẦN 13

Tiết 61+62

Ngày dạy:

BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO: NGƯỜI LÍNH TRONG MẮT EM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS hiểu được một số nét cơ bản về cuộc sống, tâm tư của người lính trong thời kháng chiến cũng như trong thời bình.

2. Kỹ năng: HS xây dựng được kịch bản và trình diễn được tiểu phẩm về chủ đề: *Người lính sau chiến tranh.*

- HS sáng tạo được những sản phẩm liên quan đến chủ đề: bài viết, vẽ, bài sưu tầm, sáng tác thơ, văn...

- HS tổ chức được buổi biểu diễn tiểu phẩm kết hợp với trưng bày các sản phẩm liên quan đến chủ đề.

3. Thái độ: HS có ý thức học tập đúng đắn.

4. Năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng công nghệ thông tin.
- Biết yêu thương, đoàn kết, có trách nhiệm, tự chủ trong cuộc sống.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: Sách HDTNST lớp 9, Tổ chức DHTNST trong dạy học Ngữ văn, soạn bài, tham khảo tài liệu.

2. Học sinh: Tài liệu liên quan, đồ dùng.

Lưu ý: Sau khi học xong bài 12 trong SGK, GV giao nhiệm vụ cho học sinh: xây dựng kịch bản và diễn tiểu phẩm theo chủ đề: *Người lính sau chiến tranh*.

- Chuẩn bị trong 2 tuần:

- + Tuần 1: Nghiên cứu tài liệu, tìm kiếm thông tin, lên ý tưởng, sáng tác kịch bản.
- + Tuần 2: Triển khai thực hiện ý tưởng (tập kịch, phỏng vấn, viết bài, vẽ GV lính hoạt sử dụng thời gian trên lớp để hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

III. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. <i>Phương pháp:</i> Gọi mở, vấn đáp, thảo luận nhóm. 2. <i>Chia nhóm, động não, báo cáo.</i> GV giao nhiệm vụ cho HS: + Cá nhân đọc sách HDTNST lớp 9. + Hs đọc SGK Ngữ văn 9, tập một để thống kê và tra cứu những tác phẩm xuất hiện hình ảnh người lính. + HS nhắc lại yêu cầu của việc tìm kiếm tư liệu về người lính. - GV hướng dẫn học sinh cách tìm kiếm và liên hệ phỏng vấn: Lên danh sách các câu hỏi phỏng	I. Tìm kiếm và xử lý thông tin 1. Thông tin từ SGK: Yêu cầu hs đọc kỹ lại 3 văn bản trong SGK: Đồng chí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Ánh trăng. Câu hỏi gợi ý: 1. Cả 3 tác phẩm trên đều có chủ đề là gì? 2. Qua 2 tác phẩm “Đồng chí” và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”, em thấy người lính thời chống Pháp và chống Mĩ có những điểm gì giống và khác nhau? 3. Những người lính trở về sau chiến tranh có tâm trạng như thế nào? 2. Thông tin từ các nguồn khác. - Tra cứu thông tin trên mạng theo các cụm từ khóa: “Người lính trong kháng chiến chống Pháp”, “Người lính trong kháng chiến chống Mĩ”, “Người lính trong thời bình”, “Khó khăn của cuộc đời người lính”, “Tình đồng chí, đồng đội”... - Liên hệ và phỏng vấn với một bác cựu

vấn: <i>Nội dung phỏng vấn cần làm rõ những vấn đề sau:</i> + Nhân vật đó là ai? (Bác cựu chiến binh hay người lính trong doanh trại quân đội). + Nếu là cựu chiến binh: Bác tham gia đánh giặc trong khoảng thời gian nào? Kỷ niệm bác nhớ nhất trong chiến tranh là gì? Điều bác muốn nhắc nhở thế hệ trẻ hiện nay là gì? + Nếu là người lính đang trong quân đội: Anh đang công tác trong doanh trại nào? Nhật kí một ngày làm việc của anh có gì đặc biệt? Anh có suy nghĩ gì khi được trở thành người lính phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam?	chiến binh ở địa phương, một số người lính trong doanh trại quân đội hiện nay...
1. <i>Phương pháp:</i> Gọi mở, thảo luận nhóm. 2. <i>Chia nhóm, động não, báo cáo.</i> - Nhóm trưởng yêu cầu các thành viên trong nhóm trình bày kết quả tìm kiếm được theo sự phân công. - Cả nhóm thống nhất lựa chọn thông tin để xây dựng cấu trúc của bài viết. Lưu ý: Với nhóm 3, 4 GV cần hỗ trợ hoặc giúp các em liên lạc với bác cựu chiến binh, với những chú bộ đội trong doanh trại quân đội.	II. Xử lý thông tin: - Định hướng cấu trúc cho từng nhóm: + <u>Nhóm 1:</u> Tìm hiểu hình ảnh người lính trong thời kì kháng chiến chống Pháp. + <u>Nhóm 2:</u> Tìm hiểu hình ảnh người lính trong thời kì kháng chiến chống Mĩ, đặc biệt là những chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn. + <u>Nhóm 3:</u> Liên hệ, phỏng vấn các bác cựu chiến binh ở địa phương. + <u>Nhóm 4:</u> Liên hệ, phỏng vấn các chú bộ đội trong doanh trại quân đội hiện nay.
1. <i>Phương pháp:</i> Gọi mở, thảo luận nhóm. 2. <i>Chia nhóm, động não, báo cáo.</i> - Mỗi cá nhân trình bày và giải thích cho ý tưởng thiết kế sản phẩm của mình cả về nội dung và hình thức (Ý tưởng phải được thể hiện trên giấy, có hình vẽ minh họa hoặc thiết kế trên PowerPoint). - Cả nhóm trao đổi thảo luận thống nhất ý tưởng. - Tập hợp lại sản phẩm của tất cả các thành viên, ra bản thảo lần thứ nhất, - Lắp ghép sản phẩm của mỗi cá nhân,	III. Xây dựng ý tưởng: - Có thể soạn trên máy, in ấn hoặc có thể viết, vẽ bằng tay trang trí.

ra bản thảo lần thứ hai.
- Hoàn thiện sản phẩm.

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

Chủ đề: Người lính trong mắt em

(Viết các nội dung tìm kiếm được liên quan đến các từ khóa vào các ô tương ứng trong bảng sau)

Người đọc:..... Ngày đọc:.....

Cụm từ khóa	Nội dung đọc liên quan đến cụm từ khóa
Người lính trong kháng chiến chống Pháp	
Người lính trong kháng chiến chống Mỹ	
Khó khăn của cuộc đời người lính	
Người lính trong thời bình	
Tình đồng chí, đồng đội	

Ngày soạn:
Tuần 13

Ngày dạy:

Tiết 63 : TV - TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (Luyện tập tổng hợp)

I, MỤC TIÊU BÀI HỌC

HS cần:

- Kiến thức:** HS biết vận dụng những kiến thức về từ vựng đã học để phát triển những hiện tượng ngôn ngữ trong thực tiễn giao tiếp
- Kỹ năng:** Rèn kỹ năng phân tích giá trị nghệ thuật của từ ngữ
- Thái độ:** Có ý thức tự học, tự rèn luyện
- Định hướng năng lực – phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, phân tích, tổng hợp.
 - HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

II, CHUẨN BỊ:

- Thầy:** - Soạn giáo án có tích hợp với phần từ vựng đã học

2. **Trò:** - Ôn tập lại lý thuyết và làm các bài tập

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, PP phân tích VD.

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, Động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ :** (không)

* **Tổ chức hoạt động khởi động :** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi đuổi hình bắt chữ (ND liên quan đến bài tập).

2. Hoạt động Luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
* Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, PP phân tích VD * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, Động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, phân tích, tổng hợp. - GV sử dụng kỹ thuật động não ? So sánh 2 dị bản. "Gật gù" hay "gật đầu" thích hợp hơn. Vì sao? - HS nêu các ý kiến ? Em hiểu gì về cụm từ “ một chân sút” trong cách nói của người chồng ? ? Nhận xét cách hiểu nghĩa từ ngữ của người vợ trong truyện cười ? - Giáo viên yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Từ nào dùng theo nghĩa gốc. Từ nào dùng theo nghĩa chuyển? ? Nghĩa chuyển được dùng theo phương thức chuyển nghĩa nào? - HS thảo luận và trình bày =? NX - GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm ? Vận dụng kiến thức về trường từ vựng phân tích cái hay trong cách dùng từ của bài thơ? ? Tác dụng của việc sử dụng những từ	Bài tập 1: (SGK/ 158) - "Gật gù" thích hợp hơn (gật nhẹ nhiều lần tỏ ý đồng tình, tán thưởng, tâm đắc) -> Nhân mạnh tình cảm vợ chồng Bài tập 2: (SGK/ 158) + Chồng nói: "một chân sút"- cầu thủ ghi bàn giỏi + Vợ: Hiểu là người có một chân -> Vợ không hiểu đúng nghĩa từ ngữ Bài tập 3: (SGK/158) - Nghĩa gốc: Từ miệng, chân, tay - Nghĩa chuyển: đầu, vai (phương thức hoán dụ) Bài tập 4: (SGK/159) - Trường từ vựng màu sắc: đỏ, xanh, hồng - Trường từ vựng lửa: lửa, cháy, tro Hai trường từ vựng kết hợp với nhau-> hiệu quả cao: Màu áo đỏ của cô gái thấp

ngữ đó? - HS thảo luận và trình bày => NX - GV yêu cầu HS cả lớp cùng làm ? Các sự vật, hiện tượng được đặt tên theo cách nào? - GV tổ chức cho thi giữa hai đội ? Tìm VD được đặt tên dựa vào đặc điểm riêng biệt của chúng? ? Đọc truyện cười và cho biết tác giả muốn phê phán điều gì?	lên trong mắt chàng trai ngọn lửa (t/yêu) khiến anh say đắm, ngất ngây(có thể cháy thành tro) lan ra không gian làm cây lá cũng biến sắc => Gây ấn tượng mạnh đối với người đọc ->Tình yêu mãnh liệt, cháy bỏng Bài tập 5:(SGK/159) - Dùng từ có sẵn, mang một nội dung mới dựa vào đặc điểm của sự vật, hiện tượng được gọi tên VD: - Ớt chỉ thiên, Cá kiếm, ... - Cà tím, Mực ống, ... Bài tập 6: (SGK/159) - Phê phán thói thích dùng từ nước ngoài không phù hợp với hoàn cảnh

3. Hoạt động vận dụng

- Em thấy trong giao tiếp hàng ngày cần chú ý gì khi sử dụng từ ?

4. Hoạt động tìm tòi ,mở rộng

- Tìm và làm những bài tập liên quan đến trường từ vựng, nghĩa gốc và nghĩa chuyển.

- Chuẩn bị kĩ bài : Luyện tập viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận
(Đọc và trả lời các câu hỏi- SGK)

Ngày soạn:
Tuần 14

Ngày dạy:

Tiết 64: TLV - LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ SỬ DỤNG YẾU TỐ NGHỊ LUẬN

I, MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức: Học sinh biết vận dụng và đưa các yếu tố nghị luận vào bài văn tự sự một cách hợp lí.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng viết đoạn văn tự sự có dùng yếu tố nghị luận.

3. Thái độ: Học sinh có ý thức học tập nghiêm túc.

4. Định hướng năng lực – phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

II, Chuẩn bị:

1. Thầy: Soạn giáo án có tích hợp với tiết 49 "Nghị luận trong văn bản tự sự"

2. **Trò:** Chuẩn bị kĩ bài (phân lý thuyết và luyện tập)

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành

2. Kỹ thuật : động não, viết tích cực.

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ :** (không)

* **Tổ chức khởi động :** Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi hoa điểm mười.

2. Hoạt động Luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Thực hành tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn tự sự * Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành * Kỹ thuật : Động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. - GV gọi học sinh đọc ví dụ SGK/160 ? PTBĐ chính của đoạn văn trên. Kể về việc gì? ? Ngoài ra còn có yếu tố nào? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Vậy yếu tố nghị luận được thể hiện ở những câu văn nào? ? Theo em yếu tố nghị luận đó có vai trò gì? - Hs thảo luận và trình bày ? Qua câu chuyện chúng ta rút ra bài học gì? Hoạt động 2 : Thực hành viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận * Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành * Kỹ thuật : Viết tích cực * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.	I, Thực hành tìm hiểu yếu tố nghị luận trong văn tự sự 1. Tìm đọc đoạn văn (SGK/160) 2. Nhận xét: - PTBĐ: tự sự (có dùng nghị luận) - Yếu tố nghị luận: +”Những điều viết lên cát...trong lòng người” + “Vậy mỗi chúng ta ... ân nghĩa lên đá” => Làm cho câu chuyện thêm sâu sắc, giàu tính triết lí và có ý nghĩa giáo dục cao => Đây là bài học về sự bao dung, lòng nhân ái, biết tha thứ và ghi nhớ ân nghĩa, ân tình ... II. Thực hành viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận

- Gv yêu cầu HS thảo luận nhóm :
Tìm ý cho đề sau :

? Viết đoạn văn kể buổi sinh hoạt lớp.
Trong buổi sinh hoạt đó em phát biểu ý kiến để chứng minh Nam là người bạn tốt.

- HS thảo luận và trình bày
- Gv yêu cầu HS viết đoạn văn dựa vào các ý đã tìm
- GV yêu cầu HS trình bày đoạn văn

- **GV sử dụng kĩ thuật động não.**

? Kể về những việc làm hoặc lời dạy bảo giản dị mà sâu sắc của người bà kính yêu đã làm cho em cảm động ?

GV gợi ý:

- Người em kể là ai ?
- Người đó đã làm, nói, s. nghĩ gì
- Diễn ra khi nào ?
- ND cụ thể?
- Ấn tượng: giản dị, sâu sắc, cảm

động ntn?

- Em rút ra bài học gì?

GV: yêu cầu HS viết đoạn văn và gọi HS trình bày đoạn văn đã viết

Bài tập 1: (SGK/160)

- Hoàn cảnh (thời gian, địa điểm, ai là người điều khiển, không khí buổi sinh hoạt ...)

- Nội dung -> em phát biểu ý kiến -> lí do -> thuyết phục ntn (bằng cách nào)

+ Phân tích nguyên nhân khiến các bạn có thể nhân Nam

+ Những lí lẽ dẫn chứng để khẳng định Nam là người bạn tốt

+ Cảm nghĩ của em về sự hiểu nhầm đáng tiếc đối với bạn Nam và bài học chung trong quan hệ bạn bè.

Bài tập 2: (SGK/161)

- Đối tượng: bà

- Nội dung:

+ Lời nói, việc làm của bà

+ Ấn tượng của em

- Bài học rút ra

3. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận .

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận.

- Ôn lại kiến thức về văn nghị luận có yếu tố nghị luận .

- Hoàn thành các bài tập.

- Chuẩn bị soạn bài " Làng ".

+Đọc vb.

+Tìm hiểu về tg và hoàn cảnh ra đời tp. (Yêu cầu HS thực hiện hợp đồng và hình thức thanh lí hợp đồng : sản phẩm là bài thuyết trình powerpoint)

+Soạn :Tình yêu làng và tinh thần kháng chiến ở nhân vật ông Hai.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Học sinh nêu được những nét chính về tg và tp.

- Nắm được nhân vật, sự việc, cốt truyện trong một tác phẩm truyện hiện đại.
- Cảm nhận được tình yêu làng quê thấm thiết thống nhất với lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của nhân vật ông Hai.
- Thấy được nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí nhân vật, sử dụng ngôn ngữ và sự kết hợp các yếu tố miêu tả + biểu cảm trong văn tự sự.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng đọc, cảm thụ tác phẩm truyện hiện đại, phân tích nhân vật, tâm lí nhân vật trong tác phẩm tự sự.

3. Thái độ: Giáo dục lòng yêu làng

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, sử dụng ngôn ngữ, sử dụng CNTT, cảm thụ.
- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu nước, yêu quê hương mình, sống có trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu, máy chiếu

- Dự kiến phương án tích hợp (liên hệ)

+ Văn - Văn : Lòng yêu nước - I li a Êren bua

+ Văn - TV : Phó từ...

+ Văn - TLV : Đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự

2. Trò : - Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP thuyết trình, phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, hợp đồng.

2. Kỹ thuật : Động não Trình bày một phút, hỏi và trả lời.

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định lớp:**

***Kiểm tra bài cũ :** Cảm nhận về người lính qua bài thơ **Ánh trăng** của Nguyễn Duy

***Tổ chức khởi động :**

- Gv cung cấp video về bài hát **Làng tôi** của nhạc sĩ Văn Cao.
- Bài hát gợi cho em cảm xúc gì ?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc, tìm hiểu chung * Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP thuyết trình,	I. Đọc, tìm hiểu chung

* Kỹ thuật : Hỏi và trả lời
 *HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực sử dụng CNTT.

- GV sử dụng PP thuyết trình và yêu cầu HS thanh lí hợp đồng về tác giả.

- GV sử dụng PP thuyết trình và yêu cầu HS thanh lí hợp đồng về hoàn cảnh ra đời tác phẩm.

? VB cần được đọc với giọng điệu ntn?
 - GV hướng dẫn đọc. Đọc mẫu
 Gọi 3 HS lần lượt đọc
 Yêu cầu 1 HS tóm tắt cốt truyện.
 GV nhận xét chung
 - GV yêu cầu HS chú ý chú thích 3,6,12,15,25

- GV sử dụng kỹ thuật hỏi và trả lời .

? Văn bản thuộc thể loại gì ?
 ? Phương thức biểu đạt chính ?

? Nhân vật chính là ai?
 ? Nội dung chính của truyện?

? Nội bộ cấu trúc và nội dung từng phần ?

Hoạt động 2: Phân tích

*Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, dạy

1. Tác giả (SGK)

2. Tác phẩm

* Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ (SGK)

* Đọc và tìm hiểu chú thích
 - Đọc và tóm tắt

- Chú thích

* Thể loại: Truyện ngắn

* Phương thức biểu đạt: Tự sự (có xen kẽ yếu tố biểu cảm)

* Nhân vật chính : Ông Hai

*Nội dung truyện :Truyện đã diễn tả chân thực và sinh động tình yêu làng, yêu nước ở Ông Hai-một người nông dân dời làng đi tản cư trong thời kì kháng chiến chống pháp.

* Bố cục : 3 phần

+ Phần 1: Từ đầu..."múa cả lên vui quá"

-> Tâm trạng của ông Hai trước khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc.

+ Phần 2; Tiếp... "đôi phần"

-> Tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng theo giặc.

+ Phần 3: Còn lại

-> Tâm trạng ông Hai khi nghe tin cải chính.

II. Phân tích

1. Tâm trạng của ông Hai trước khi

học nhóm, phân tích, Dùng lời có nghệ thuật

2. Kỹ thuật : Động não, Trình bày một phút

*HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, thẩm mĩ, cảm thụ, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

*** GV Tích Lịch sử: Sau 1945**

- GV: Yêu cầu HS chú ý phần 1

? Cuộc sống của gia đình ông Hai ở nơi sơ tán ?

? NX về cuộc sống của gia đình ông Hai ?

? Khi ở nơi sơ tán ông Hai thường xuyên quan tâm tới điều gì?

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm

? Tìm những chi tiết thể hiện tình cảm của ông đối với làng Chợ Dầu?

? Theo em, từ "lại" thuộc từ loại gì ?

? Việc dùng từ "lại" diễn tả điều gì trong tâm trí ông Hai ?

? Khi nghĩ về làng mình tâm trạng của ông Hai được bộc lộ như thế nào?

? Qua những chi tiết trên , em thấy tâm trạng của ông Hai ntn khi nghĩ về làng

– **HS thảo luận và trình bày.**

? Tại sao ông Hai cảm thấy vui náo nức khi nghĩ về làng của mình?

? Qua chi tiết đó, em thấy ông Hai dành tình cảm cho làng như thế nào?

GV: Sử dụng kỹ thuật trình bày một phút-> yêu cầu HS cảm nhận về ND và NT đoạn văn trên

? Em hãy tìm những chi tiết thể hiện thái độ, dáng vẻ của ông Hai Trên đường tới phòng thông tin ?

nghe tin làng theo giấc.

*** Cuộc sống của ông Hai ở nơi tản cư**

- Gia đình ông sống xa quê, xa làng Chợ Dầu yêu dấu

-Vợ chạy chợ, ông vỡ đất trồng trọt

-> Cuộc sống tuy khó khăn nhưng nề nếp.

-Ông quan tâm : Làng quê ông và cuộc kháng chiến của đất nước.

*** Tình yêu làng của ông Hai**

- Ông **lại** nghĩ về cái làng của ông

- **lại** nghĩ đến những ngày làm việc

- Ông **lại** muốn về làng, cùng anh em đào đường, đắp ụ...

+ Phó từ tiếp diễn "lại"

-> Ông Hai luôn nghĩ về làng , nhớ về làng

- ồ, vui thế

- Ông thấy náo nức

- Muốn về làng, nhớ làng quá...

-> Ông Hai rất vui , hạnh phúc, tự hào

-> Ông cảm thấy rất tự hào về làng của ông, đó là ngôi làng tích cực tham gia kháng chiến.

=> Tình yêu làng quê sâu sắc, tự hào về làng

*** Tình yêu của ông Hai đối với kháng chiến**

- Đi nghênh ngang... hai tay vung vẩy ...nín lại, cười cười

- Nắng này ...nó (tây)

? Dáng vẻ trên thể hiện điều gì ? - GV: Bình-giảng - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm ? Sự quan tâm của ông Hai tới kháng chiến được thể hiện qua các chi tiết nào? ? Chỉ ra những nét đặc sắc về NT qua các chi tiết trên? ? Những chi tiết này đã thể hiện tình cảm của ông Hai với kháng chiến ra sao ? - HS thảo luận và trình bày - GV: giảng ? Cảm nhận về Ông Hai qua các chi tiết trên? - GV: Khái quát * Tích văn bản: những bài ca dao, thơ văn nói về tình yêu nước : (Hết tiết 1) ? Để thể hiện tình yêu nước của Ông Hai, tác giả đã đặt nhân vật này vào tình huống nào ? ? Tác dụng của tình huống trên? ? Em có nhận xét gì về tình huống truyện đó ? - GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi ? Hãy tìm những chi tiết thể hiện tâm	-> Thể hiện tâm trạng đầy vui sướng, tự tin. - Vào phòng thông tin nghe báo -Ông chẳng nghe sót một câu nào -Ruột gan...vui quá. +Ngôn ngữ mang tính khẩu ngữ , Miêu tả tâm lí nhân vật ->Quan tâm đến kháng chiến, Vui mừng, tin tưởng vào cuộc kháng chiến trường kì nhất định sẽ thắng lợi. => Là người nông dân chất phác, yêu làng và luôn tin tưởng vào cuộc kháng chiến 2. Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng theo giặc a. Tình huống truyện : Ông Hai nghe tin làng mình theo giặc của những người tản cư lên. - Nó là cái nút thắt của câu chuyện tạo ra sự giằng xé tâm trí ông - điều kiện để thể hiện tâm trạng của ông. Giúp nhân vật bộc lộ lòng yêu nước sâu sắc, chân thực , cảm động. Qua đó thể hiện tình yêu làng, yêu những người nông dân trong kháng chiến. -> Tình huống truyện đặc sắc b. Diễn biến tâm trạng của Ông Hai Khi nghe tin làng theo giặc. * Khi mới nghe tin - Cổ ông lão nghẹn đắng lại, da mặt tê tê lạnh đi, không thở được giọng lạc

trạng của ông Hai khi nghe tin làng theo giặc?

? Theo em tác giả sử dụng bút pháp nghệ thuật gì ?

? Qua những chi tiết trên , tâm trạng của ông Hai được thể hiện ntn ?

? Vì sao ông Hai có tâm trạng như vậy ?

- HS thảo luận và trình bày

? Tìm những chi tiết nói về tâm trạng của ông Hai trên đường về?

? Em hiểu gì về tâm trạng của ông Hai?

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm

? Khi về đến nhà ông Hai có hành động gì ?

? BPNT được tác giả sử dụng qua các chi tiết trên ?

? Cảm nhận của em về tâm trạng của ông Hai qua các chi tiết trên ?

- HS thảo luận và trình bày

GV: Kiểm điểm từng người ở lại làng , ông không tin họ đồ đôn thể . Nhưng với tâm lí không có lửa làm sao có khói buộc ông phải tin là họ đã bán nước hại dân .

- GV yêu cầu HS hoạt động cả lớp

? Tìm những chi tiết thể hiện cuộc sống của ông Hai sau khi ông nghe tin làng theo giặc ?

? Cuộc sống của ông Hai ntn khi nghe tin làng theo giặc ?

-GV:Giảng-bình

? Tin làng theo giặc đã đẩy gia đình

hắn đi

+NT: Miêu tả nội tâm nhân vật đặc sắc

-> Sững sờ, ngạc nhiên đến hoảng hốt trước cái tin động trời. Trái tim ông thất lạc vì xấu hổ, uất ức.

-Vì ông vốn yêu và tự hào về làng của ông

*** Trên đường về**

- Tiếng chửi của người đàn bà cho con bú cứ bám theo ông

- Mặt cúi gằm xuống mà đi

-> Sự buồn bã, chán nản trĩu nặng xuống tâm can ông - ông cảm thấy đau khổ tủi cực

*** Về đến nhà**

- Nằm vật ra giường

- Tủi thân nước mắt cứ giàn ra

- Chúng nó ...ư ?

-Chúng nó cũng bị ...ư ?

- Chúng bay ăn ...này

- Chao ôi!...Cực nhục chưa cả làng Việt gian

+ NT : Hàng loạt câu hỏi tu từ, ngôn ngữ độc thoại - độc thoại nội tâm

-> Đau khổ, xót xa, căm thù kẻ bán nước, xấu hổ và tuyệt vọng .

*** Cuộc sống của ông sau đó**

- Ông trần trọc không sao ngủ được, không thở được lặng đi, chân tay bủn rủn, lắng nghe để ý mọi người. Không dám bước chân ra bên ngoài.

-Tính nết: hay cáu gắt với vợ con.

-> Ông không dám nhìn mặt mọi người vì thấy quá tủi nhục.Tin làng theo giặc trở thành nỗi ám ảnh nặng nề-Sợ hãi thường xuyên

-Nghe nói có lệnh đuổi hết người làng chợ Dầu

ông vào hoàn cảnh nào? ? NX về hoàn cảnh gia đình Ông lúc này? ? Trong sự tuyệt vọng ấy ông đã có ý nghĩ gì ? ? Với ý nghĩ này của ông cho thấy tâm trạng của ông ra sao ? - Gv yêu cầu HS thảo luận nhóm ? Hãy đọc đoạn đối thoại của ông Hai với con và cho biết cuộc nói chuyện ấy xoay quanh điều gì.? ?NX về nghệ thuật của đoạn văn trên? ? Tại sao ông Hai nói những điều đó với con? ? Đoạn văn trên thể hiện điều gì ? - HS thảo luận và trình bày GV:Giảng-bình ? Tìm những chi tiết thể hiện tâm trạng của ông Hai khi nghe tin "làng theo Tây" được cải chính? ? Nét đặc sắc trong nghệ thuật ở các chi tiết trên? ? Theo em đó là tâm trạng như thế nào? ? Nhận xét nghệ thuật miêu tả nội tâm của tác giả ? ? Qua văn bản em thấy được điều gì về nhân vật ông Hai? Hoạt động 3: Tổng kết GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời : yêu cầu HS hỏi và trả lời những vấn đề	-Mụ chủ nhà đuổi gia đình Ông đi ->Tình thế khó khăn ,bế tắc,tuyệt vọng - Hay là về làng -Làng thì yêu thật nhưng lại theo Tây thì phải thù. => Sự giằng co, cắn xé trong tâm can : Yêu làng song giờ đây tình yêu nước mạnh mẽ đã chiến thắng *Cuộc nói chuyện với con - Xoay quanh về chuyện làng, chuyện ủng hộ cụ Hồ Chí Minh , ủng hộ kháng chiến +Đoạn văn giàu cảm xúc, ngôn ngữ đối thoại sinh động và giàu tính khẩu ngữ. -> Nói với con để giải bày tâm sự, thực chất là tự nhủ với mình. => Thể hiện tình yêu sâu sắc với làng quê ,Vội đất nước và tấm lòng thủy chung với kháng chiến.. 3. Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin cải chính. - Khuôn mặt tươi vui, rạng rỡ - Đi khoe - kể về việc làng chống Tây -Mồm bồm bẻm nhai trầu -Chia quà cho các con -Khoe làng không theo giặc ,tây đôi nhà ...đôi nhẵn. +NT: ĐT,Tính từ . Miêu tả nội tâm nhân vật -> Tâm trạng đầy vui tươi , hạnh phúc vì làng ông không theo giặc. Một niềm vui kì lạ ngay cả khi mất mát. +NT: Miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc ,tinh tế <=>Lòng yêu làng thấm thiết hòa quyện với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến ở nhân vật Ông Hai. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế. -Tình huống truyện đặc sắc, ngôn ngữ

liên quan đến NT và ND	đổi thoại + độc thoại và độc thoại nội tâm linh hoạt. 2. Nội dung - Tình yêu làng , yêu nước, yêu kháng chiến của người nông dân được thể hiện chân thực, cảm động qua nhân vật ông Hai. * Ghi nhớ (SGK/174)
-Gọi HS đọc ghi nhớ	

3. Hoạt động luyện tập

? Nhắc lại nét chính về tác giả Kim Lân?

? Tâm trạng của ông Hai như thế nào khi ông đang ở nơi tản cư?

? Em hiểu gì Ông Hai qua các chi tiết trên?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về những người nông dân ở địa phương trong công cuộc lao động xây dựng đất nước.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về tác giả và tác phẩm

- Học bài, nắm chắc nội dung tiết học;

- Chuẩn bị bài Chương trình địa phương phần Tiếng Việt

Ngày soạn:

Tuần 14

Ngày dạy:

Tiết 67 : Chương trình địa phương TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG HUNG YÊN

I.MỤC TIÊU BÀI HỌC

HS cần:

1. Kiến thức: Học sinh hiểu được từ ngữ địa phương chỉ sự vật, hoạt động, tính chất,... ở Hưng Yên và nhiều vùng quê khác trên đất nước ta, từ đó thấy được sự phong phú của các phương ngữ.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng sử dụng từ ngữ địa phương vào hoạt động nói, viết. Đánh giá giá trị của việc dùng từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học.

3. Thái độ: Thái độ tôn trọng ngôn ngữ địa phương.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:- Soạn bài, tham khảo tài liệu

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ TV - Văn : Các tác phẩm văn học địa phương (phần Văn)

+ TV- TV : Đồng nghĩa, đồng âm...

+ TV - Thực tế cuộc sống

2.Trò: - Chuẩn bị bài theo hướng dẫn SGK,

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành,PP thuyết trình,

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, Động não

VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định lớp:**

***Kiểm tra bài cũ : (không)**

***Tổ chức khởi động : Gv cho HS thi giữa hai đội**

? Tìm những từ ngữ địa phương em và từ toàn dân tương ứng.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò		Nội dung cần đạt	
* Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành,PP thuyết trình, * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, Động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp. GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh. Cho HS đọc yêu cầu 1 –SGK - HS Thảo luận nhóm và trình bày		1. Từ ngữ địa phương	
TT	Nhóm từ ngữ	Từ ngữ toàn dân	Từ ngữ Hưng Yên (hoặc địa phương khác)
1.	Từ chỉ di tích, danh thắng, đặc sản địa phương	nhãn không hột, nhãn quả bé...	nhãn diếc, nhãn thóc...
2.	Từ ngữ chỉ dụng cụ sinh hoạt và dụng cụ lao động	chổi tre, chổi rơm, muôi, bát to...	chổi rế, chổi lúa, mui (môi), bát ô tô
3.	Từ ngữ chỉ hoạt động	rửa, làm tương, hái, ném, vay...	sa, ngả tương, trảy, đập, giật...
4.	Từ ngữ chỉ tính chất	quả ương, chồ rế, khô, khá...	quả cương, queo (ngoặt), nỏ, khớ...
5.	Các từ ngữ khác (từ để thưa, gửi, hỏi, đáp)	chẳng, mà lại, mà, thầy, vàng ...	chả, mà lị, mờ, thôi, vâng...
- HS sưu tầm dựa vào kiến thức tiết		2. Sưu tầm từ ngữ địa phương HY dùng trong tác phẩm văn học Hưng	

văn học địa phương (Tiết 42)	Yên.
- HS thuyết trình	

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt				
* Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành, PP thuyết trình, * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, Động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác	II. Luyện tập				
GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm làm một câu: + Nhóm 1 : Câu a + Nhóm 2: Câu b + Nhóm 3: Câu c Yêu cầu HS trình bày GV nhận xét chung - Tìm từ ngữ chỉ các sự vật, hiện tượng.... không có tên gọi các phương ngữ khác và ngôn ngữ toàn dân ? - Tìm những từ đồng nghĩa nhưng khác âm với từ ngữ địa phương khác và ngôn ngữ toàn dân ? - Tìm những từ đồng âm nhưng khác âm với từ ngữ địa phương khác và ngôn ngữ toàn dân ?	Bài tập 1 (SGK/175) Tìm phương ngữ Hưng Yên: a. Chỉ sự vật , hiện tượng...: - Di tích, danh thắng: Đền Mây, Đền Ứng, cánh đồng Tam Thiên Mầu, đầm Dạ Trạch, đền Đa Hòa... - Vật dụng, nghề nghiệp: thợ phơ (thợ đốt gạch); ngà móc (để làm tương); ngà tương (làm tương), thợ ngõa (thợ hò) b. Đồng nghĩa nhưng khác âm với từ ngữ địa phương khác và ngôn ngữ toàn dân: VD: rửa - sa; nhãn không hột - nhãn điếc... c. Đồng âm nhưng khác nghĩa với từ ngữ địa phương khác và ngôn ngữ toàn dân: <table border="1"> <tr> <td>Phương ngữ HY</td><td>Từ ngữ toàn dân</td></tr> <tr> <td>cương: ương, chưa chín</td><td>cương: cứng</td></tr> </table>	Phương ngữ HY	Từ ngữ toàn dân	cương: ương, chưa chín	cương: cứng
Phương ngữ HY	Từ ngữ toàn dân				
cương: ương, chưa chín	cương: cứng				

GV yêu cầu cả lớp làm

- Vì sao những từ ngữ địa phương Hưng Yên (BT1) không có từ ngữ tương đương trong các phương ngữ khác và ngôn ngữ toàn dân ?

- Quan sát hai bảng mẫu ở BT1, từ ngữ nào ở trường hợp (b) và cách hiểu nào ở trường hợp (c) được coi là thuộc về ngôn ngữ toàn dân. ?

- Từ đó rút ra nhận xét gì về phương ngữ được lấy làm chuẩn của tiếng Việt ?

- Đọc đoạn trích, tìm từ ngữ địa phương ?

- Những từ đó thuộc phương ngữ nào ?

- Việc sử dụng các phương ngữ đó có tác dụng gì ?

- Tìm trong các tác phẩm thơ văn có sử dụng từ ngữ địa phương Hưng Yên ?

GV hướng dẫn

sa: rửa(sa rau)

sa: rơi xuống

bao:rửa(bao chân)

bao: bọc

điếc: không có
hột

điếc : nghe không
được, hỏng tai

Bài tập 2 (SGK/175)

- Vì có những sự vật, hiện tượng xuất hiện ở địa phương này nhưng không xuất hiện ở địa phương khác.

- Sự xuất hiện của các phương ngữ Hưng Yên thể hiện tính khác biệt, đa dạng giữa các vùng miền về điều kiện tự nhiên và đời sống xã hội trên đất nước ta.

- Một số phương ngữ đã trở thành từ toàn dân (vì sự vật, hiện tượng đó vốn chỉ xuất hiện ở địa phương nhưng sau đó đã phổ biến trên cả nước: long (long nhãn); tương Bần..)

Bài tập 3 (SGK/175)

- Bảng mẫu (b): các từ thuộc phương ngữ Bắc trùng với ngôn ngữ toàn dân

- Bảng mẫu (c): cách hiểu của phương ngữ Bắc phù hợp với cách hiểu chung của từ toàn dân

->Phương ngữ của người miền Bắc là thuộc về ngôn ngữ toàn dân

Bài tập 4 (SGK/175)

- Từ ngữ địa phương: chi, rửa, nờ, tui, có răng, ung, mụ

-> Thuộc phương ngữ Trung

- Tác dụng: Góp phần thể hiện chân thực hơn hình ảnh của một vùng quê và tình cảm, suy nghĩ, tính cách của một người mẹ trên vùng quê ấy. Đồng thời làm tăng sự sống động, gợi cảm của tác phẩm.

Bài tập 5

4. Hoạt động vận dụng

- Phương ngữ là gì. Tại sao lại có các từ ngữ địa phương như vậy?
- Đọc một đoạn thơ (văn) có sử dụng phương ngữ Hưng Yên?
- sưu tầm những từ ngữ địa phương Hùng Cường và từ toàn dân tương ứng ?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tiếp tục sưu tầm từ ngữ địa phương Hưng Yên.
- Hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị : Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự
- + Đọc bài
- + Trả lời các câu hỏi / sgk

Ngày soạn:

Tuần 14 – Bài 13

Ngày dạy:

Tiết 68 : ĐỐI THOẠI, ĐỘC THOẠI VÀ ĐỘC THOẠI NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

- 1. Kiến thức:** Học sinh biết thế nào là đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm và hiểu tác dụng của chúng trong xây dựng nhân vật trong văn bản tự sự.
- 2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng viết đoạn văn có sử dụng đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn tự sự.
- 3. Thái độ:** Giáo dục ý thức học tập, ý thức vận dụng kiến thức vào bài viết.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp.
 - HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ .

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn bài, tham khảo tài liệu
- Dự kiến phương án tích hợp:
 - + TLV - Văn : Một số văn bản tự sự.
 - + TLV - TV : Hội thoại
 - + TLV - TLV: Văn bản tự sự
- Phương pháp : Đặt vấn đề , gợi mở -vấn đáp ...

2. Trò:

- Xem lại các văn bản tự sự, chuẩn bị kỹ bài mới

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành, PP thuyết trình,

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, Động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định lớp:**

***Kiểm tra bài cũ : (không)**

***Tổ chức khởi động :**

? Trong văn bản tự sự, người viết sử dụng yếu tố miêu tả để miêu tả những vấn đề gì ?

2.Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành,PP thuyết trình. * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, Động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp. GV yêu cầu HS đọc đoạn trích SGK. - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi - Theo em, trong 3 câu đầu là lời của ai nói với ai? - Tham gia câu chuyện có mấy người? - Dựa vào dấu hiệu nào mà em nhận biết điều đó? - HS thảo luận và trình bày - Đây là một cuộc đối thoại. Vậy thế nào là đối thoại. - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân - Tiếp tục tìm hiểu câu nói : "Hà nắng gớm, về nào" ông Hai nói với ai? - Mục đích của lời nói đó? - Theo em đây có phải là lời đối thoại không? Vì sao? - Hãy tìm trong đoạn văn những câu văn có hình thức tương tự câu trên. - Các câu là những lời độc thoại. Vậy theo em thế nào là độc thoại? - GV yêu cầu HS thảo luận theo	I. Tìm hiểu yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn tự sự. 1. Tìm hiểu ví dụ (SGK/176) a. Đây là lời nói của một người làng chợ Dầu và một người ở nơi tản cư. + Có hai người tham gia qua lượt lời nói + Nội dung nói của mỗi người hướng về người tiếp chuyện. + Hình thức : Gạch đầu dòng trước mỗi lượt lời. => Đối thoại (ý 2 ghi nhớ) b. "Hà nắng gớm, về nào" Đây là lời nói băng quơ với chính mình - đánh trống lảng, rút lui (không hướng tới ai) -> Đây không phải là một lời đối thoại vì không hướng tới đối tượng nào cả. Trước câu nói có gạch đầu dòng - Chúng bay ăn miếng ... này => Độc thoại: + Nói với chính mình hoặc ai đó trong tưởng tượng + Trước câu nói có gạch đầu dòng (Điểm 1- ý 3 ghi nhớ) c. Đây là những câu ông Hai hỏi chính

nhóm lớn - Những câu "Chúng nó cũng là ... đầu" là những câu ai hỏi ai? - Tại sao trước những câu này không có gạch đầu dòng như những câu ở VD (a,b) đã nêu. - Em hãy so sánh câu này với các câu ở VD(b). (Về nội dung, hình thức) - HS thảo luận và trình bày - Hình thức của các câu phần VD(c) chính là độc thoại nội tâm. Vậy thế nào là độc thoại nội tâm? - Các hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện diễn biến câu chuyện; trong xây dựng tâm lí nhân vật ông Hai? - Theo em hình thức này được sử dụng chủ yếu trong kiểu văn bản nào? - Qua tìm hiểu ví dụ trên, em hiểu thế nào là đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm?	mình. - Nó không có gạch đầu dòng vì nó diễn ra âm thầm trong suy nghĩ của ông. + Nội dung : Cùng là lời nói của ông Hai với chính mình + Hình thức : ➤ Được nói ra (có gạch đầu dòng) ➤ Diễn ra trong suy nghĩ (không có gạch đầu dòng) => Độc thoại nội tâm (Điểm 2 - ý 3 ghi nhớ) d. Tạo ra không khí của cuộc sống thật, thể hiện thái độ căm ghét của những người tản cư với bọn bán nước theo giặc. Khắc sâu tâm trạng đau đớn giằng xé trong tâm can của ông Hai (Miêu tả nội tâm của ông Hai) => ý 1 ghi nhớ 2. Ghi nhớ (SGK/178)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
- Phân tích tác dụng của hình thức đối thoại trong đoạn trích. - Viết đoạn văn kể chuyện(đề tài tự chọn) trong đó sử dụng hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.	II. Luyện tập Bài tập 1 (SGK/178) - Có 3 lượt lời của bà Hai : + Lần đầu ông Hai không đáp nằm ủ rũ + lần 2 ông Hai nhúc nhích "gì" + lần 3 ông chỉ nói "biết rồi" -> Tâm trạng đầy chán chường Bài tập 2 (SGK/178) (Chú ý xây dựng các nhân vật trong cuộc đàm thoại)

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn tự sự theo chủ đề tự chọn có sử dụng các kiểu ngôn ngữ trên.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm hiểu các bài tập liên quan .
- Học bài thuộc ghi nhớ
- Hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị : Luyện nói... miêu tả nội tâm (Chuẩn bị theo phần 1)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 15 - bài 13

Tiết 69 : LUYỆN NÓI : TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI NGHỊ LUẬN VÀ MIÊU TẢ NỘI TÂM

I. MỤC TIÊU

- 1. Kiến thức:** - HS nắm vững kiến thức về tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong kể chuyện.
 - Học sinh hiểu được vai trò của tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.
- 2. Kỹ năng:**
 - HS nhận biết được các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong một văn bản.
 - HS sử dụng các yếu tố tự sự, nghị luận và miêu tả nội tâm trong văn kể chuyện.
- 3. Thái độ:** Giáo dục tính mạnh dạn, tự tin trình bày trước tập thể.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp.
 - HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ .

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn bài, tham khảo tài liệu
- Dự kiến phương án tích hợp:
 - + TLV - TLV : Nghị luận trong văn bản tự sự ; Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.
 - + TLV - Văn : Chuyện người con gái Nam Xương
- Phương pháp : Đặt vấn đề , gợi mở -vấn đáp ...

2. Trò:

- Xem lại các văn bản tự sự, chuẩn bị kĩ bài mới

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành, PP thuyết trình,

2. Kỹ thuật : Động não

VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định lớp:**

***Kiểm tra bài cũ :**

Thế nào là đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn tự sự. Các hình thức giao tiếp đó có tác dụng gì?

- Làm bài tập 2 (SGK/178)

***Tổ chức khởi động :** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi hoa điểm mười.

2.Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
* Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP luyện tập thực hành, PP thuyết trình, * Kỹ thuật : Động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp. GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh. ? Theo em việc nói, trình bày có thường xảy ra hàng ngày không. Nó có vai trò như thế nào? ? Khi nói cần đảm bảo yêu cầu gì? GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận nội dung + Nhóm 1 : làm bài tập 1 + Nhóm 2 : Làm bài tập 2 + Nhóm 3 : Làm bài tập 3 GV yêu cầu HS thuyết trình về nội dung bài luyện nói Gọi nhóm khác nhận xét nhóm của bạn GV nhận xét chung các lỗi (cả nội dung và hình thức)	I. Chuẩn bị ở nhà - Đề 1 - Đề 2 - Đề 3 II. Luyện nói trên lớp 1. Vai trò, ý nghĩa của yếu tố nói - Thường xuyên xảy ra trong cuộc sống. Nó có vai trò to lớn trong giao tiếp, nó giúp ta diễn đạt trực tiếp tư tưởng tình cảm... - Yêu cầu : + Nói rành mạch, có giọng điệu tự nhiên, tư thế ngay ngắn, mắt hướng vào người nghe. + Các ý chặt chẽ, có mở đầu, nội dung chính và kết thúc. + Cần phân biệt giữa nói và đọc đoạn văn. 2. Thực hành a. Thảo luận về nội dung dàn ý từng đề b Trình bày bài luyện nói

3. Hoạt động vận dụng

- Tự luyện nói với hai đề còn lại trước bạn .

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm hiểu những bài thuyết trình của những người nổi tiếng : Nghe và ghi lại những điều học được.
 - Chuẩn bị văn bản : Lặng lẽ Sa Pa:
 - + Tác giả, tác phẩm
 - + Ngôi kể
 - + Các nhân vật phụ
 - + Nhân vật anh thanh niên
- =====

Ngày soạn:

Tuần 15- Bài 14

Ngày dạy:

Tiết 70,71 – VB : LẶNG LẼ SA PA

(Nguyễn Thành Long)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Học sinh thấy được vẻ đẹp của hình tượng con người lao động thầm lặng cống hiến quên mình vì Tổ quốc trong tác phẩm.

- HS hiểu được nghệ thuật kể chuyện, miêu tả sinh động, hấp dẫn trong truyện.

2. Kỹ năng: HS nắm bắt được diễn biến truyện và tóm tắt được truyện.

- HS phân tích được nhân vật trong tác phẩm tự sự.

- HS cảm nhận được một số chi tiết nghệ thuật độc đáo trong tác phẩm.

3. Thái độ: HS có ý thức trân trọng những người lao động.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, thẩm mỹ, ngôn ngữ, cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn bài, tham khảo tài liệu

- Dự kiến phương án tích hợp – liên hệ

- + Văn - Văn : Một số tác phẩm viết về đề tài xây dựng XHCN

- + Văn - TLV : Người kể chuyện trong văn bản tự sự.

- Phương pháp : Đặt vấn đề , gợi mở - vấn đáp , dùng lời có nghệ thuật

2. Trò:

- Đọc và soạn bài theo các câu hỏi SGK,

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP phân tích, PP thuyết trình, giải quyết vấn đề, dùng lời có nghệ thuật.

2. Kỹ thuật : Động não, trình bày một phút, hỏi và trả lời.

VI . TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ôn định lớp:**

***Kiểm tra bài cũ :**

- Tâm trạng của ông Hai biến đổi như thế nào khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc ?

***Tổ chức khởi động : GV cung cấp một số hình ảnh về thiên nhiên và con người sa pa**

- **Cảm nhận về Sa Pa qua các bức ảnh trên?**

- **GV giới thiệu vào bài.**

2.Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD1 : Đọc,Tìm hiểu chung * Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, PP thuyết trình, giải quyết vấn đề *Kĩ thuật : Động não, hỏi và trả lời. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo. - GV gọi HS thuyết trình tích cực về tác giả ? Văn bản "Lặng lẽ Sa Pa được ra đời trong hoàn cảnh nào? ? VB cần được đọc với giọng điệu ntn? - GV hướng dẫn đọc và đoác mẫu - GV gọi HS đọc -> NX - Yêu cầu một HS tóm tắt lại văn bản. - GV yêu cầu HS chú ý một số chú thích –SGK - GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời ? Văn bản thuộc thể loại gì? ? Phương thức biểu đạt ? ? Nhận xét gì về cốt truyện và tình huống cơ bản của truyện ? ? Truyện được kể theo ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể này ? GV : Đây là sáng tạo của tác giả... ? Tác phẩm là "một bức chân dung". Theo em đó là chân dung ai? Chân dung đó được hiện ra trong cái nhìn, suy nghĩ của nhân vật nào?	I. Đọc,Tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) 2. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ (SGK) * Đọc, tóm tắt, tìm hiểu chú thích - Đọc và tóm tắt - Chú thích * Thể loại : Truyện ngắn * PTBD : Tự sự (kết hợp miêu tả, biểu cảm, lập luận) * Cốt truyện đơn giản kể lại cuộc gặp gỡ tình cờ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư và bác lái xe với anh thanh niên trên đỉnh Yên Sơn (Sa Pa) * Ngôi kể : Ngôi thứ ba (qua điểm nhìn của ông họa sĩ già, có những đoạn nhỏ qua điểm nhìn của cô kĩ sư) -> Câu chuyện chân thực, khách quan đồng thời làm nổi bật chất trữ tình. * Nhân vật chính của truyện là anh thanh niên qua cái nhìn, suy nghĩ của nhân vật khác (ông họa sĩ, cô kĩ sư...)

- GV sử dụng kĩ thuật động não

? Em có nhận xét gì về tên của các nhân vật trong truyện ngắn?

HĐ 2: Phân tích

* Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, dạy học nhóm, PP phân tích, PP thuyết trình, giải quyết vấn đề, dùng lời có nghệ thuật.

* Kĩ thuật : Động não, trình bày một phút

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, thẩm mỹ, ngôn ngữ, cảm thụ.

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Tìm chi tiết thể hiện cảm nhận của ông họa sĩ về cảnh thiên nhiên Sapa và anh thanh niên.

? Qua các chi tiết trên , em thấy ông họa sĩ là người ntn.

? Ông họa sĩ đóng vai trò gì trong truyện?

- HS thảo luận và trình bày -> NX

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân

? Tìm chi tiết thể hiện cảm xúc của cô kĩ sư trong cuộc gặp gỡ với anh thanh

* Nhân vật (chính, phụ) đều không có tên cụ thể, nó có thể là bất kì một cái tên nào đó của một con người nào đó đang lặng lẽ hiến dâng cho đời, cho tổ quốc (cái tôi, cái riêng đặt trong cái chung, cái cộng đồng)

II. Phân tích

1. Các nhân vật phụ

a. Ông họa sĩ già

- "Nắng bây giờ ... màu xanh của rừng"

-> Có năng lực quan sát và tưởng tượng đầy cảm xúc của người nghệ sĩ -

-> Tha thiết với vẻ đẹp của Sa Pa.

- Họa sĩ thấy cảm động

- Ông cảm giác mình bồi hồi

- Bất gặp một điều ông vẫn ao ước ... đi dài"

-Người con trai ấy đáng yêu thật

-Thanh niên bây giờ...như con bướm

-> Đó là cách nhìn mới mẻ, tin tưởng và hi vọng vào người lao động trẻ tuổi.

=> Biết trân trọng vẻ đẹp cuộc sống và có quan điểm nghệ thuật đúng đắn.

- Ông họa sĩ là điểm nhìn trần thuật

-> Tác giả muốn gửi gắm tình cảm, suy nghĩ của mình về con người và nghệ thuật (Một người nhìn cuộc đời có nhiều kinh nghiệm. Một người họa sĩ có con mắt nghệ thuật...)

b. Nhân vật cô kĩ sư.

- Cô thấy "bàng hoàng"

- "cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh

niên ? ? Từ khi gặp anh thanh niên, cô kĩ sư có suy nghĩ gì về nghề nghiệp, cuộc sống, tình yêu ? ? Vậy theo em anh thanh niên có ảnh hưởng như thế nào đối với cô kĩ sư? ? Trong câu văn sau "Vì một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những hào hứng và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô" thì "bó hoa" theo em hiểu là gì? - HS hoạt động cả lớp ? Bác lái xe có vai trò gì trong tác phẩm? ? Khi bác lái xe giới thiệu hấp dẫn như vậy, điều gì sẽ xảy ra? ? Ngoài ba nhân vật trên, tác phẩm còn có những nhân vật phụ nào? ? So sánh cách xuất hiện của 2 nhân vật này so với 3 nhân vật phụ trước. Theo em 2 nhân vật này xuất hiện gián tiếp qua lời của ai? ? Em có nhận xét gì về các nhân vật phụ này? ? Sự xuất hiện của các nhân vật phụ đó có ý nghĩa gì? - GV sử dụng kĩ thuật trình bày một phút và nêu cảm nhận về các nhân vật (Hết tiết 1)	niên, về cái thế giới những con người như anh" -> Tình cảm mến mộ, khâm phục anh thanh niên. - Tin vào con đường mình đã chọn, cô đang đi tới (lên miền núi công tác) - Giúp cô đánh giá đúng hơn mỗi tình nhạt nhẽo mà cô đã từ bỏ. -> Cô kĩ sư đã bùng dậy những tình cảm lớn lao, cao đẹp khi gặp ánh sáng đẹp đẽ tỏa ra từ cuộc sống, từ tâm hồn của anh thanh niên. - "Bó hoa" là thấp thoáng một tình yêu của những con người cùng một lí tưởng, là sự đồng cảm lớn của người cùng thế hệ. c. Nhân vật bác lái xe - Kích thích sự chú ý, đón chờ sự xuất hiện của anh thanh niên - Bác tạo ra tình huống truyện : cuộc gặp gỡ tình cờ giữa ba người (ông họa sĩ, cô kĩ sư, anh thanh niên) d. Các nhân vật khác - Ông kĩ sư vườn rau Sa Pa quan sát cách lấy mật của ong, thụ phấn hàng loạt cây su hào. - Anh cán bộ nghiên cứu 11 năm chờ sét để lập bản đồ sét tìm tài nguyên cho đất nước. -> Xuất hiện gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên (ông họa sĩ, cô kĩ sư, bác lái xe xuất hiện trực tiếp) => Đó là những con người miệt mài, lặng lẽ say mê quên mình vì lợi ích của đất nước, vì cuộc sống của mọi người. -- Họ góp phần hoàn thiện chủ đề và làm đẹp hình tượng anh thanh niên 2. Nhân vật anh thanh niên

? Trước khi nhân vật xuất hiện, tác giả đã để bác lái xe giới thiệu về anh thanh niên như thế nào?

? Cách giới thiệu này có tác dụng gì ?

GV: Và cuộc gặp gỡ tình cờ đã xảy ra...

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm lớn

?Tìm chi tiết nói về hoàn cảnh sống và công việc của anh thanh niên.

? Em hiểu gì về hoàn cảnh sống và công việc của anh thanh niên.

? Qua đó, anh thanh niên là người ntn?

- HS thảo luận -> trình bày, NX

- HS hoạt động cả lớp

- Anh đã tâm sự với hai vị khách điều gì ?

- Lời tâm sự đó chứng tỏ điều gì ?

-. Em hãy tìm các chi tiết thể hiện thái độ của anh thanh niên với công việc?

- Đó là thái độ ntn?

- Từ thái độ đó, anh có suy nghĩ gì về công việc?

*** Hình ảnh anh thanh niên**

- Một trong những người cô độc nhất thế gian

- Anh "thèm người"

-> Tạo ấn tượng, gây ra sự tò mò khiến mọi người muốn tiếp xúc với nhân vật (Điều này còn tạo ra tình huống truyện...)

*** Anh thanh niên với công việc**

- Làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao hơn 2600 m

- Một mình trên đỉnh núi cao quanh năm chỉ có cỏ cây và mây mù.

=> Hoàn cảnh sống và làm việc cô đơn, vắng vẻ, khắc nghiệt, không một bóng người (Hoàn cảnh đặc biệt)

- Đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự báo thời tiết hàng ngày

- Thời điểm : 4h, 11h, 7h , 1h sáng

-> Phục vụ đời sống sản xuất và chiến đấu.

-> Cẩn thận, tỉ mỉ, và có tinh thần trách nhiệm cao.

- Nửa đêm nằm trong chăn..làm việc với những con số chính xác

-> Lời tâm sự chân thật

-> Anh đã chiến thắng bản thân , vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ

- Thấy mình "hạnh phúc" khi phát hiện đám mây khô góp phần vào chiến thắng ở Hàm Rồng.

-> Có ý thức với công việc và yêu nghề, thấy công việc của mình là có ích.

- Suy nghĩ về công việc :

"Và,khi ta làm việc ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được ... chứ cắt nó đi cháu buồn chết mất."

- Em hãy nhận xét về suy nghĩ đó của anh thanh niên?

- Ngôn ngữ mà tác giả sử dụng ở những chi tiết này?

- Em hiểu gì về anh thanh niên?

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm lớn

? Tìm những chi tiết nói về tích cách, phẩm chất của anh thanh niên.

? Những chi tiết đó cho thấy phẩm chất gì của anh thn?

- HS thảo luận , trình bày, NX

- HS hoạt động cả lớp

? Khi xây dựng n.vật anh thanh niên,tác giả đã tạo ra 1 t/hướng truyện ntn?

? Nhận xét về NT dẫn truyện, ngôn ngữ truyện của t/giả ?

? Qua phân tích trên, em thấy "bức chân dung" anh thanh niên được khắc

"Mình sinh ra là gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc -"

-> Những suy nghĩ đúng đắn, sâu sắc về công việc, đối với cuộc sống con người.

+Ngôn ngữ đối thoại tự nhiên

=> Anh thanh niên là người yêu nghề , có những suy nghĩ đẹp về nghề nghiệp và cuộc sống

*** Tính cách, phẩm chất của anh thanh niên**

- Thích và say mê đọc sách

- Trồng hoa, nuôi gà, đọc sách, và tự học ngoài giờ làm việc

-> Anh thanh niên có thể giới tinh thần phong phú

- Một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm.

-> Tổ chức, sắp xếp cuộc sống thật ngăn nắp, chủ động.

- Biểu tam thất cho bác lái xe

- Trong cuộc gặp gỡ tình cờ :

-Cắt hoa tặng cô gái

- Pha trà - nói chuyện vui vẻ

- Mang làn trứng để cho họ ăn trưa.

-> Anh chu đáo, cởi mở, hiếu khách

- Thấy mình chưa xứng đáng được vẽ

- Giới thiệu cho ông họa sĩ về ông kĩ sư vườn rau, đ/c nghiên cứu KH...

-> Khiêm tốn, giản dị và cảm phục với những con người đang ngày đêm cống hiến cho tổ quốc ở Sa Pa

NT:

-Tinh hướng truyện tự nhiên, hợp lí .

-Dẫn truyện tự nhiên, linh hoạt, ngôn ngữ đối thoại.

=> Chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc nhưng tác giả đã khắc họa "một bức

họa như thế nào?

- Qua nhân vật anh thanh niên, tác giả muốn khẳng định điều gì?

- GV sử dụng kỹ thuật động não

- Em có suy nghĩ gì về nhan đề tác phẩm?

HD 3: Tổng kết

- KT : hỏi và trả lời

- Năng lực : tự học.

- GV sử dụng kỹ thuật hỏi và trả lời yêu cầu HS khái quát về nội dung và nghệ thuật.

chân dung" - anh thanh niên với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc.

-> **Vẻ đẹp của những con người lao động bình thường có lí tưởng sống cao đẹp, yêu nghề, yêu đời,**

- SaPa là nơi yên tĩnh , nhắc đến Sa pa người ta chỉ nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi nhưng ở đó lại có những con người đang lặng lẽ cống hiến sức mình cho công cuộc xây dựng đất nước

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

+ Xây dựng tình huống hợp lí, Kết hợp tự sự, biểu cảm, bình luận.

2. Nội dung

* **Ghi nhớ** (SGK/189)

3. Hoạt động luyện tập

- Chủ đề của truyện là gì?

- Anh thanh niên có những phẩm chất, tính cách gì ?

- Qua đây em có suy nghĩ gì về những con người lao động ở Sa Pa nói riêng và phục vụ tổ quốc nói chung ?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn cảm nhận về những con người lao động ở địa phương em ?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các tác phẩm viết về hình ảnh người lao động.

- Học bài, thuộc ghi nhớ

- Hoàn thành các bài tập phân luyện tập

- Chuẩn bị bài viết TLV số 3 : Văn tự sự có dùng yếu tố nghị luận, đối thoại, độc thoại... (Xem kĩ các đề SGK)

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 72,73 - VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- 1. Kiến thức:** Học sinh vận dụng kiến thức về văn tự sự kết hợp yếu tố nghị luận, miêu tả nội tâm trong bài viết của mình.
- 2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng diễn đạt và viết một bài văn hoàn chỉnh.
- 3. Thái độ:** Giáo dục ý thức tự giác, nghiêm túc khi làm bài.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, ngôn ngữ.
 - HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương, sống có trách nhiệm.

II, HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Tự luận: 100%

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Văn tự sự kết hợp với yếu tố miêu tả nội tâm và nghị luận	Thế nào là nghị luận trong văn tự sự	Hiểu được tác dụng của yếu tố miêu tả nội tâm trong đoạn văn tự sự		Kể lại kỉ niệm đáng nhớ giữa em với thầy (cô) giáo cũ (kết hợp với yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm)	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu:1 Số điểm 1 Tỉ lệ 10 %	Số câu:1 Số điểm: 2 Tỉ lệ 20 %		Số câu:1 Số điểm :7 Tỉ lệ 70%	Số câu:3 Số điểm:10 Tỉ lệ 100 %
Tổng	Số câu:1 Số điểm 1 Tỉ lệ 10 %	Số câu:1 Số điểm: 2 Tỉ lệ 20 %		Số câu:1 Số điểm :7 Tỉ lệ 70%	Số câu:1 Số điểm:10 Tỉ lệ 100%

IV. THIẾT LẬP ĐỀ KIỂM TRA

Câu 1 : Thế nào là nghị luận trong văn tự sự ?

Câu 2: Chỉ ra yếu tố miêu tả nội tâm trong đoạn văn sau và nêu tác dụng :

Vừa nghe thấy thế, em tôi bất giác run lên bần bật, kinh hoàng đưa cặp mắt tuyệt vọng nhìn tôi. Cặp mắt đen của em lúc này buồn thẳm thẳm, hai bờ mi đã sưng mọng lên vì khóc nhiều. (Cuộc chia tay của những con búp bê)

Câu 3 : Nhân ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, em hãy kể lại một kỉ niệm đáng nhớ giữa em và thầy, cô giáo cũ.

V. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

Câu1(1đ)Trong văn tự sự , đề người đọc phải suy nghĩ về một vấn đề nào đó, người viết và nhân vật có khi nghị luận bằng cách nêu lên các ý kiến, nhận xét, cùng những lí lẽ, dẫn chứng. Nghị luận giúp cho câu chuyện thêm phần triết lí.

Câu 2 (2đ)

- Miêu tả gián tiếp nội tâm nhân vật qua nét mặt, cử chỉ, hành động.

- Thể hiện diễn biến tâm trạng nhân vật : đau đớn , tuyệt vọng của Thủy
Câu 3(7đ)

1. Yêu cầu

* **Kĩ năng, hình thức**

- Bố cục 3 phần (MB, TB, KB) rõ ràng.
- Kể theo ngôi thứ nhất.
- Cần kết hợp tự sự với nghị luận, miêu tả nội tâm (thông qua hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm)
- Sắp xếp các sự việc hợp lí.
- Viết lưu loát, có liên kết chặt chẽ, không sai chính tả.

* **Kiến thức :**

A, MB: giới thiệu về không khí của ngày 20-11 -> nhớ về thầy cô giáo.

B, TB: - Kể về kỉ niệm của bản thân với thầy cô giáo đã, đang dạy mình :

+ Về việc gì - (kỉ niệm gì), thời gian, diễn biến.

+ Nó để lại ấn tượng gì - Tại sao đáng nhớ (miêu tả nội tâm)

+ Rút ra được điều gì từ kỉ niệm đó (nghị luận)

+ Từ đó, em có suy nghĩ gì về đạo lí thầy trò (Nghị luận)

C. KB: Khẳng định tình cảm , hứa hẹn, mong ước...

2. Biểu điểm

+ Điểm 7 : Bài viết rõ ràng, đúng thể loại, liên kết chặt chẽ, sáng tạo, không sai chính tả.

+ Điểm 5 - 6: Bài viết đáp ứng yêu cầu trên, có sáng tạo. Còn sai lỗi chính tả, lỗi diễn đạt nhỏ.

+ Điểm 4: Bài đủ bố cục, làm đúng nội dung song chưa sáng tạo. Còn sai lỗi chính tả, diễn đạt

+ Điểm 3 : Hiểu đề song nội dung quá sơ sài, chưa có liên kết, sai nhiều lỗi chính tả, diễn đạt lủng củng, bố cục chưa rõ ràng.

+ Điểm 1- 2: Bài viết chưa đúng thể loại văn tự sự kết hợp nghị luận, miêu tả nội tâm. Chưa đáp ứng các yêu cầu (Kĩ năng, kiến thức)

+ Điểm 0 : HS không biết viết bài

=====

Ngày soạn:

Tuần 16- bài14

Ngày dạy:

Tiết 74 : NGƯỜI KỂ CHUYỆN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Học sinh nhận diện và hiểu được thể nào là người kể chuyện, vai trò và mối quan hệ giữa người kể chuyện với ngôi kể trong văn bản tự sự.

2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng nhận diện và tập kết hợp các yếu tố này trong khi đọc và viết văn.

3. Thái độ: Giáo dục ý thức học tập đúng đắn.

4. Năng lực - phẩm chất:

- Năng lực tự học, tự quản lý, năng lực sử dụng ngôn ngữ...
- Tự lập, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm..

II. CHUẨN BỊ

1. GV: Giáo án, SGK, SGV, đồ dùng dạy học, TLTK.

2. HS: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, dạy học nhóm, luyện tập thực hành.

2. Kỹ thuật: giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. HĐ khởi động.

* **Ôn định tổ chức.**

* **Kiểm tra bài cũ**

- Nêu đặc điểm của kiểu bài tự sự?

* **Tổ chức khởi động:**

Thảo luận nhóm:

GV phát phiếu học tập, yêu cầu học sinh điền vào phiếu học tập của nhóm.

Ngôi kể	Ưu điểm	Nhược điểm
Ngôi thứ nhất	Trực tiếp kể Lời kể thân mật, gần gũi Có cảm xúc cá nhân	Kể hạn chế (chỉ kể được những gì mình biết hoặc trải qua)
Ngôi thứ ba	Kể linh hoạt, tự do, khách quan. Người kể có mặt ở mọi nơi, biết mọi chuyện (kể cả những tâm tư thầm kín của nhân vật)	Ít thấy cảm xúc của người kể,

Đại diện nhóm lên trình bày.

Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

GV chốt và dẫn dắt: Ở các lớp 6, 7, 8 chúng ta đã được học về ngôi kể và chuyển đổi ngôi kể, trong chương trình Ngữ văn lớp 9, các em tiếp tục được học nâng cao hơn một bước về người kể chuyện và ngôi kể trong văn tự sự, cụ thể như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong giờ học hôm nay.

2. HĐ hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HĐ1: Vai trò *PP: Vấn đáp, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, dạy học nhóm	I. Vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự. 1. Tìm hiểu đoạn trích (SGK/192)

*KT: Đặt câu hỏi, động não.

*Năng lực: tự học, sử dụng ngôn ngữ.

- GV yêu cầu HS đọc đoạn trích SGK/192

? Xác định phương thức biểu đạt của đoạn văn? Đoạn trích kể về ai? Kể về việc gì?

? Vậy ai là người kể các nhân vật và sự việc trên? Có phải là một trong ba nhân vật trên kể lại không?

- **GV yêu cầu HS thảo luận**

? Dựa vào dấu hiệu nào ta biết ở đây các nhân vật trên không phải là người kể chuyện?

? Nếu là một trong ba nhân vật đó thì ngôi kể và lời văn phải thay đổi như thế nào?

? Vậy ở đây là ngôi kể thứ nhất hay thứ ba?

- HS thảo luận, trả lời, nhận xét

? Mặc dù không xưng tên nhưng người kể chuyện có biết được hành động, tâm tư, tình cảm của nhân vật không?

? Căn cứ vào đâu ta lại khẳng định như vậy?

? Em hiểu thế nào là ngôi kể thứ ba?

Kể theo ngôi này có đặc điểm gì?

? Em hãy kể tên một số văn bản đã học được kể theo ngôi thứ ba?

- **GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi**

? Theo em chi tiết nào để dẫn dắt vào câu chuyện? Chi tiết này có vai trò gì? Yêu cầu HS đọc những câu “giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ”. “những người ... như vậy”

- Theo em những câu này là lời nhận xét của người nào? Nhận xét về ai?

a. Đoạn trích kể về phút chia tay giữa người họa sĩ già, cô kĩ sư và anh thanh niên...

b. Người kể chuyện không xuất hiện (không phải là một trong 3 nhân vật trên)

- Vì các nhân vật: ông họa sĩ, cô kĩ sư, anh thanh niên đều là đối tượng miêu tả một cách khách quan

VD: Anh thanh niên vừa vào, kêu lên, cô kĩ sư mặt đỏ ửng, bỗng ông họa sĩ già quay lại ...

- Nếu người kể là 1 trong 3 nhân vật thì ngôi kể phải thay đổi và lời văn thay đổi (hoặc xưng “tôi”, hoặc xưng tên của nhân vật kể)

=> Người kể chuyện giấu mình (Ngôi thứ ba)

d. Người kể chuyện biết hết hành động, tâm tư, tình cảm của nhân vật ...

Căn cứ:

+ Chủ thể kể chuyện

+ Đối tượng kể, tả

+ Điểm nhìn trần thuật và lời văn

=> Ý 1 ghi nhớ

-VD: Tác phẩm “Làng:

c

- Chi tiết giới thiệu nhân vật và tình huống.

- Các câu “giọng cười ... như vậy” là lời nhận xét của người kể chuyện

- HS trả lời. Từ đó em thấy người kể chuyện có vai trò gì trong câu chuyện kể? - Qua đây, em có nhận xét gì về người kể chuyện trong văn bản tự sự? Gv cho HS đọc ghi nhớ.	- Nhận xét về anh thanh niên và suy nghĩ của anh thanh niên. => ý 2 ghi nhớ 2. Ghi nhớ (SGK/193)

3. HĐ luyện tập

Đoạn trích (SGK/193+194)

Yêu cầu HS đọc đoạn trích và **thảo luận nhóm**.

- Cách kể này có gì khác với cách kể ở phần "Tìm hiểu ví dụ" trên?
 - Chuyển ngôi kể (Anh thanh niên, ông họa sĩ, cô kĩ sư) để kể lại đoạn trích trên?
- a.
- Người kể chuyện là nhân vật "tôi"
- (-> Ngôi thứ nhất - chính là cậu bé Hồng)
- Ưu điểm : Miêu tả được nội tâm, tâm lí bên trong
 - Nhược điểm : Không kể bao quát đối tượng khách quan khó tạo ra cái nhìn nhiều chiều, đơn điệu.
- b. (là một trong 3 nhân vật), kể theo ngôi thứ nhất
- GV hệ thống bài: Ngôi kể, người kể chuyện trong văn bản tự sự

4. HĐ vận dụng.

- Bằng lời của ông họa sĩ, viết đoạn văn kể lại cuộc trò chuyện của ông với anh thanh niên trong “Lặng lẽ Sa Pa” và rút ra nhận xét về việc thay đổi người kể chuyện.

5. HĐ tìm tòi, mở rộng.

- Tìm hiểu vai trò của người kể chuyện trong đoạn trích “Chiếc lược ngà”- Nguyễn Quang Sáng.
- Hoàn thành các bài tập.

Ngày soạn:
Tuần 16- Bài 14

Ngày dạy:

Tiết 75 : ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

(Các phương châm hội thoại ... Cách dẫn gián tiếp)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Học sinh tái hiện và hệ thống lại kiến thức về các phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại, cách dẫn trực tiếp, gián tiếp.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng hệ thống hóa, vận dụng vào làm bài tập..

3. Thái độ: Giáo dục ý thức tự học.

- Nghiêm túc học tập.

4. Năng lực, phẩm chất.

- Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ..

- Tự lập, tự tin, tự chủ, có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. GV: Giáo án, SGK, SGV, đồ dùng dạy, TLTK.

2. HS: Chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC.

1. Phương pháp: Vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, thực hành luyện tập, dạy học nhóm...

2. Kỹ thuật: Hỏi và trả lời, động não, hỏi chuyên gia.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1. HĐ khởi động.

* **Ổn định tổ chức.**

* **Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp với nội dung ôn tập.

* **Tổ chức khởi động:**

Tổ chức trò chơi:

GV chia lớp làm 3 đội.

Yêu cầu đoán tên thành ngữ, tục ngữ theo tranh (máy chiếu)? Thành ngữ, tục ngữ ấy liên quan đến phương châm hội thoại nào?

Đội nào có câu trả lời nhanh và chính xác được tính điểm.

2. HĐ Luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt					
*Phương pháp: Vấn đáp, nêu và giải quyết vấn đề, thực hành luyện tập, dạy học nhóm... * Kỹ thuật: Hỏi và trả lời, động não, hỏi chuyên gia. * Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ.. - GV sử dụng kỹ thuật hỏi chuyên gia. - HS đặt câu hỏi cho nhóm chuyên gia về : ? Các PC hội thoại ? Nêu khái niệm ? Nêu VD	I. Các phương châm hội thoại 1. Nội dung : Các phương châm hội thoại <pre>graph TD; A[Các phương châm hội thoại] --> B[Phương châm về lượng]; A --> C[Phương châm về chất]; A --> D[Phương châm quan hệ]; A --> E[Phương châm cách thức]; A --> F[Phương châm lịch sự];</pre> <table border="1"><tr><td>Phương châm về lượng</td><td>Phương châm về chất</td><td>Phương châm quan hệ</td><td>Phương châm cách thức</td><td>Phương châm lịch sự</td></tr></table> a- Phương châm về lượng: Khi giao tiếp cần nói cho có ND, ND lời nói phải đúng yêu cầu giao tiếp không thiếu , không thừa VD: - Anh ăn cơm chưa? - Tôi ăn rồi (Đúng p/c về lượng) -> Từ lúc mặc cái áo mới này tôi vẫn chưa ăn cơm (Sai p/c về lượng) b- Phương châm về chất: Khi giao tiếp đừng nói những điều mà mình không tin là đúng và không có bằng chứng xác thực .	Phương châm về lượng	Phương châm về chất	Phương châm quan hệ	Phương châm cách thức	Phương châm lịch sự
Phương châm về lượng	Phương châm về chất	Phương châm quan hệ	Phương châm cách thức	Phương châm lịch sự		

- GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời. ? Kể tên một số từ ngữ xưng hô nào? - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi. ? Em hiểu thế nào là "xưng khiêm", "hô tôn"?	VD: Con bò to gần bằng con trâu (Đúng p/c về chất) Con bò to gần bằng con voi (Sai p/c về chất) c. Phương châm quan hệ: Khi giao tiếp cần nói đúng vào đề tài giao tiếp , tránh nói lạc đề .; VD: hỏi: Anh đi đâu đấy? Đáp: - Tôi đi chơi (Đúng p/c quan hệ) - Con mèo đen đã chết (Sai p/c quan hệ) d. Phương châm cách thức :Khi giao tiếp chú ý nói năng ngắn gọn, rành mạch, tránh nói mơ hồ VD: Con có ăn quả táo mẹ để trên bàn không ? Có 2 cách hiểu: - Con có thích ăn quả táo .. - Con có ăn vụng quả táo ... e. Phương châm lịch sự: Khi giao tiếp cần tế nhị, tôn trọng người khác VD: Hỏi: Anh làm ơn cho tôi hỏi đường ra ga Hàng Cỏ đi lối nào ạ? Đáp: Bác đi đến ngã tư trước mặt , sau đó rẽ tay phải và đi thẳng là tới ạ! (Đúng p/c lịch sự) - Tới ngã tư rẽ phải(Chưa đúng p/c lịch sự) II. Xưng hô trong hội thoại 1. Từ ngữ xưng hô VD: - Đối với người trên: Bác- cháu, anh –em, chị- em. - Đối với bạn bè: Bạn –tớ, cậu –tớ, gọi tên bạn – mình (tôi)... - Trong hội nghị:, trong lớp : Bạn –tôi, chúng tôi – các bạn, tôi- đ/c. <u>2. Phương châm :xưng khiêm , hô tôn</u> - Khi xưng hô người nói tự xưng mình một cách khiêm nhường (xưng khiêm)và gọi người đối thoại một cách tôn kính (hô tôn) . - Đây không chỉ là phương châm xưng hô riêng trong tiếng Việt mà còn là phương châm xưng hô trong nhiều ngôn ngữ phương Đông VD: Vua tự xưng là “quả nhân” (người kém cỏi) để thể hiện sự khiêm tốn và gọi các nhà sư là “ cao tăng “ để thể hiện sự tôn kính Các nhà Nho tự xưng là “ hàn sĩ “, “ kẻ hậu sinh” và gọi người khác là “ tiên sinh” Bạn bè xưng là “ tiểu đệ” và gọi người khác là “ đại ca”. Một người tự xưng là “ chúng tôi” gọi người khác là:

? Vì sao trong tiếng Việt, khi giao tiếp, người nói phải chú ý đến lựa chọn từ ngữ xưng hô? ? Thế nào là cách dẫn trực tiếp? ? Thế nào là cách dẫn gián tiếp? ? Chuyển lời đối thoại (trực tiếp) thành lời dẫn gián tiếp?	quý ông, quý bà... 3. Mỗi phương tiện xưng hô đều hiện của tình huống giao tiếp (thân mật hay xã giao) và mối quan hệ giữa người nói với người nghe . <u>III.Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp</u> 1. Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp - Dẫn trực tiếp: Nhắc lại nguyên văn lời nói của người khác ...Đặt trong dấu ngoặc kép. - Dẫn gián tiếp : Là thuật lại lời của người khác có điều chỉnh cho phù hợp...không đặt trong dấu ngoặc kép. 2. Có thể chuyển như sau: - Vua Quang Trung hỏi Nguyễn Thiếp là quân Thanh sang đánh, nếu nhà vua đem binh ra chống cự thì khả năng thắng hay thua như thế nào? - Nguyễn Thiếp trả lời rằng: Bây giờ trong nước trồng không, lòng người tan rã, quân Thanh ở xa tới không biết tình hình quân ta mạnh hay yếu, không hiểu rõ thế nên đánh hay nên giữ ra sao. Vua Quang Trung ra Bắc không quá 10 ngày quân Thanh sẽ bị dẹp tan.

3. HD vận dụng.

Viết đoạn văn tự sự có sử dụng lời dẫn trực tiếp.

4. HD tìm tòi, mở rộng.

- Xác định từ ngữ xưng hô, tìm lời dẫn trực tiếp trong vb: “Lặng lẽ Sa Pa”
- Ôn tập chuẩn bị kiểm tra một tiết.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Ngày dạy :

Tuần 16 : **Tiết 76+77:**

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ NGƯỜI LÍNH TRONG MẮT EM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- HS hiểu được một số nét cơ bản về cuộc sống, tâm tư của người lính trong thời kháng chiến cũng như trong thời bình.

2. Kỹ năng: HS xây dựng được kịch bản và trình diễn được tiểu phẩm về chủ đề: *Người lính sau chiến tranh.*

- HS sáng tạo được những sản phẩm liên quan đến chủ đề: bài viết, vẽ, bài sưu tầm, sáng tác thơ, văn.
- HS tổ chức được buổi biểu diễn tiểu phẩm kết hợp với trưng bày các sản phẩm liên quan đến chủ đề.

3. Thái độ: HS có ý thức học tập đúng đắn.

4. Năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng công nghệ thông tin.
- Biết yêu thương, đoàn kết, có trách nhiệm, tự chủ trong cuộc sống.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: Sách HĐTNST lớp 9, Tổ chức DHTNST trong dạy học Ngữ văn, soạn bài, tham khảo tài liệu.

2. Học sinh: Tài liệu liên quan, đồ dùng.

Lưu ý: Sau khi học xong bài 12 trong SGK, GV giao nhiệm vụ cho học sinh: xây dựng kịch bản và diễn tiểu phẩm theo chủ đề: *Người lính sau chiến tranh*.

- Chuẩn bị trong 2 tuần:

- + Tuần 1: Nghiên cứu tài liệu, tìm kiếm thông tin, lên ý tưởng, sáng tác kịch bản.
- + Tuần 2: Triển khai thực hiện ý tưởng (tập kịch, phỏng vấn, viết bài, vẽ GV linh hoạt sử dụng thời gian trên lớp để hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề, luyện tập thực hành.

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não, trả lời câu hỏi, chia nhóm.

VI. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
- Sau 2 tuần chuẩn bị HS trình bày sản phẩm và báo cáo bằng hình thức bốc thăm. Lưu ý : Khi trình bày có lời giới thiệu, lời cảm ơn. - Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm của mình. - GV nhận xét chung về sản phẩm và bài thuyết trình cho sản phẩm các nhóm. - HS chuẩn bị biểu diễn tiểu phẩm, trưng bày sản phẩm. Kết quả cụ thể dựa vào phiếu đánh giá hoạt động cá nhân tự đánh giá/ đánh giá đóng góp của các thành viên trong nhóm và phiếu các thành viên tự đánh giá hoạt	IV. Báo cáo sản phẩm 1. Hình thức báo cáo và thuyết trình cho sản phẩm: - Biểu diễn tiểu phẩm kết hợp với trưng bày sản phẩm về chủ đề. - Trực tiếp trên sản phẩm. - Trình chiếu trên PowerPoint các video, clip phỏng vấn các bác cựu chiến binh hoặc các chú bộ đội. 2. Tiêu chí đánh giá: - Về sản phẩm : Thể hiện được những đặc điểm của hình tượng người lính trong kháng chiến, trong hòa bình. - Về hoạt động : tích cực, chủ động, sáng

động của nhóm. - GV photo phiếu đánh giá. - Lớp phó học tập lên điều khiển hoạt động tự đánh giá vào các gợi ý ghi trong phiếu. GV điều chỉnh những sai sót nếu có và chốt kiến thức ; nhận xét, tuyên dương những cá nhân và nhóm làm tốt. Hs trưng bày sản phẩm của nhóm mình về góc học tập của nhóm.	tạo, đoàn kết, tôn trọng, hợp tác, tương trợ lẫn nhau.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG

Mức độ	4	3	2	1	0
Tên thành viên	Có những đóng góp quan trọng cho nhóm	Có những đóng góp có ý nghĩa cho nhóm	Có những đóng góp nhỏ cho nhóm	Không có đóng góp quan trọng cho nhóm	Gây cản trở hoạt động của nhóm

PHIẾU CÁC THÀNH VIÊN TỰ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM

Mức độ	4	3	2	0
Tiêu chí	Có những đóng góp quan trọng cho nhóm	Có những đóng góp có ý nghĩa cho nhóm	Có những đóng góp nhỏ cho nhóm	Gây cản trở hoạt động của nhóm
Tinh thần làm việc nhóm	- Các thành viên làm việc với nhau rất tốt. - Mọi thành viên đều làm việc tích cực. - Tinh thần học tập hiệu quả, nghiêm túc.	- Các thành viên làm việc với nhau tốt. - Mọi thành viên đều có tinh thần hợp tác. - Mọi thành viên đều tham gia làm việc.	- Phần lớn thời gian làm việc với nhau tốt. - Nhiều lúc các thành viên không tập trung. - Tinh thần làm việc và hiệu quả công việc không cao.	- Không có sự hợp tác của các thành viên trong nhóm. - Các thành viên thiếu tôn trọng nhau. - Tinh thần làm việc và hiệu quả công việc không cao.
Hiệu quả làm việc nhóm	- Cả nhóm nhanh chóng tìm được giải pháp cho công	- Có lúc tìm ra được giải pháp hiệu quả, có	- Có cố gắng tìm các giải pháp hiệu quả	- Nhóm không có ý thức tìm các giải pháp

	việc chung. - Các thành viên đều đưa ra được nhiều phương án làm việc độc đáo, hiệu quả.	lúc gặp bế tắc. - Các thành viên đều đưa ra được nhiều phương án làm việc khác nhau.	nhưng chưa được. - Các thành viên đều đưa ra được nhiều phương án làm việc nhưng chưa hiệu quả.	làm việc hiệu quả. - Các thành viên không có ý thức đưa ra các phương án làm việc.
Trao đổi, thảo luận trong nhóm	- Các thành viên luôn đặt câu hỏi cho nhau. - Các thành viên luôn chú ý lắng nghe và thảo luận cởi mở, dân chủ, hiệu quả - Các thành viên luôn biết cách đưa ra những ý kiến và phân biệt lẫn nhau hiệu quả.	- Các thành viên đặt nhiều câu hỏi cho nhau. - Các thành viên thảo luận với nhau có hiệu quả. - Có các ý kiến phân biệt và lắng nghe.	- Các thành viên có cố gắng trao đổi ý kiến với nhau. - Ít các ý kiến phân biệt với nhau. - Thảo luận đôi khi không có hiệu quả.	- Các thành viên trong nhóm làm việc theo kiểu cá nhân không trao đổi với nhau. - Không có sự lắng nghe và phân biệt các ý kiến với nhau trong quá trình làm việc.

* HS: - Vận dụng nội dung, kiến thức tìm được qua tiết HĐTNST đưa vào sổ tích lũy của bản thân về hình ảnh người lính.

- Tiếp tục tìm kiếm thông tin về người lính trong các tác phẩm văn học hoặc ngoài đời sống.

Ngày soạn:
Tuần 16

Ngày dạy:

Tiết 78 : KIỂM TRA TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

1. Kiến thức: Học sinh kiểm tra, đánh giá về khả năng tiếp thu nhận thức về các phương châm hội thoại, xưng hô trong hội thoại, cách dẫn trực tiếp, gián tiếp.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng vận dụng, làm bài hoàn chỉnh.

3. Thái độ: Ý thức làm bài nghiêm túc.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, ngôn ngữ.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương, sống có trách nhiệm.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Tự luận: 100%

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng	Cộng
	TN	TL	TN	TL	TL	TL		
					Cấp độ thấp	Cấp độ cao		
Phương châm hội thoại		Nhận biết người tham gia hội thoại		Hiểu được phương châm hội thoại bị vi phạm và giải thích nguyên nhân				
Số câu Số điểm Tỉ lệ %		Số câu 1/4 Số điểm 0,5 5%		Số câu 1/4 Số điểm 1 10%			Số câu 0,5 Số điểm 1,5 15%	Số câu 4 1,75 điểm 17,5%
Xung hù trong hội thoại		Tìm đúng các từ ngữ xung hù và nêu sắc thái						

		của chúng trong câu thơ.						
Số câu Số điểm Tỉ lệ %		Số câu : 1/4 Số điểm :1 10%					Số câu : 1/4 Số điểm :1 10%	Số câu 4 1 điểm 10%
Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp		Nhận biết cách dẫn trong đoạn thơ				Viết đoạn văn sd cách dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp.		
Số câu Số điểm Tỉ lệ %		Số câu : 1/4 Số điểm :0,5 5%				Số câu :1 Số điểm :5 50%	Số câu : 1,25 Số điểm 5,5 55%	
Các biện pháp tu từ Số câu				Chỉ ra biện pháp tu từ trong ví dụ sau và nêu tác dụng Số câu			Số câu :1 Số điểm:2 20 %	

Số điểm		Số câu		:1		Số câu :	Số câu 3
Tỉ lệ %		: 0,75		:2		1	Số điểm10
		Số điểm		20 %		Số điểm	100%
						:5	
Tổng số câu		:2		Số câu :		50%	
Tổng số điểm		20%		1,25			
Tỉ lệ %				Số điểm			
				: 3			
				30%			

IV. Thiết lập đề kiểm tra

Câu 1 : Trong bài thơ " Bếp lửa" của Bằng Việt có những câu thơ sau :

Vẫn vững lòng , bà dặn cháu đinh ninh :

" Bố ở chiến khu bố còn việc bố

Mày có viết thư chớ kể này kể nọ

Cứ bảo nhà vẫn được bình yên"

a. Đây là lời của ai nói với ai ?

b. Những câu thơ trên được dẫn theo cách dẫn nào mà em đã học?

c. Ở đây người nói đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Tại sao lại vi phạm?

d. Tìm các từ ngữ xưng hô trong những câu thơ trên? Từ ngữ xưng hô đó biểu thị sắc thái gì?

Câu 2: Chỉ ra biện pháp tu từ trong ví dụ sau và nêu tác dụng :

“ Biện cho ta cá như lòng mẹ

Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”

(Đoàn thuyền đánh cá- Huy Cận)

Câu 3 : Viết một đoạn văn có nội dung liên quan đến ý kiến sau. Trích dẫn ý kiến đó theo cách dẫn trực tiếp :

Dù phải khó khăn đến đâu cũng phải thi đua dạy tốt và học tốt

(HCM -Thư gửi các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân viên, học sinh, sinh viên nhân dịp bắt đầu năm học mới, 15/10/1968)

V. Đáp án và biểu điểm

Câu 1 : (3đ)

a , Đây là lời của bà nói với cháu (0,5đ)

b, Những câu thơ trên được dẫn theo cách dẫn trực tiếp (0,5đ)

c, Người nói đã vi phạm phương châm hội thoại về chất. Do bà ưu tiên một yêu cầu khác quan trọng hơn là muốn các con yên tâm kháng chiến (1đ)

d, Bà - mày -> sắc thái thân mật, suồng sã (1đ)

Câu 2 : (2đ)

- Biện pháp so sánh

- Lời ngợi ca biển ân tình, thủy chung, gắn bó với con người. Biển nuôi lớn con người không chỉ về mặt thể xác mà cả về tinh thần. -> Tình yêu biển, tự hào về biển.
- Câu 3(5đ)
- Hình thức : Tạo lập được đoạn văn, trích dẫn được lời dẫn theo cách trích trực tiếp
 - Nội dung : Nội dung đoạn văn liên quan đến lời dẫn

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 17 – bài 15

Tiết 79, 80 – VB : CHIẾC LƯỢC NGÀ (Nguyễn Quang Sáng)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Qua bài học, HS cần :

1. Kiến thức :

- Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một đoạn truyện “Chiếc lược ngà”
- Tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.
- Sự sáng tạo trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện, miêu tả tâm lí nhân vật.

2. Kỹ năng:

- Đọc – hiểu văn bản truyện hiện đại sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- Vận dụng những kiến thức về thể loại và sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong tác phẩm tự sự để cảm nhận một văn bản truyện hiện đại.

3. Thái độ:

- Nghiêm túc học tập, tìm hiểu nghiên cứu thêm tư liệu .

4. Năng lực , phẩm chất:

- **Năng lực:** Năng lực tự học, Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ...
- **Phẩm chất:** Phẩm chất: Bồi dưỡng tình yêu làng quê, yêu nước....

II. CHUẨN BỊ:

1. Giáo viên :

- Phương tiện: ảnh chân dung tác giả NTL ; máy chiếu

2. Học sinh :

- Học bài cũ.
- Đọc kĩ văn bản và soạn bài theo hệ thống câu hỏi ở SGK.

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC HỌC TẬP:

- Phương pháp : vấn đáp, dạy học nhóm, PP trực quan, đọc sáng tạo, dùng lời có nghệ thuật
- Kỹ thuật dạy học: Hỏi và trả lời, Kỹ thuật trình bày một phút, Động não

IV: TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

*** GV ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ:**

- Cảm nghĩ của em về nhân vật anh thanh niên trong văn bản Lặng Lẽ Sa Pa ?

- Ý nghĩa của văn bản ?

*** Tổ chức khởi động**

- *Tìm những câu ca dao, thơ nói về tình cảm gia đình?*

- *Nội dung của những câu ca dao hoặc câu thơ trên?*

- *GV giới thiệu bài.*

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc, Tìm hiểu chung * Phương pháp : vấn đáp , PP trực quan, đọc sáng tạo. * Kỹ thuật dạy học: Động não. * Năng lực: Năng lực tự học, Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ... ? Nêu những nét chính về tác giả Nguyễn Quang Sáng ? ? Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của tác phẩm ? - GV : yêu cầu HS xác định giọng đọc của VB GV hướng dẫn đọc-> GV đọc mẫu. GV cho HS đọc SGK (Từ đầu... cảnh chia tay). Yêu cầu HS tóm tắt cốt truyện-> GV nhận xét. - GV:Yêu cầu HS chú ý các chú thích / sgk ? Thể loại của văn bản ? ? Phương thức biểu đạt của văn bản ? ? Văn bản kể theo lời của ai. Ngôi kể nào? - GV sử dụng kỹ thuật động não ? Truyện có mấy tình huống. Đó là tình huống nào? Tác dụng ?Nhận xét về những tình huống trên?	I. Đọc, Tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) 2. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ (SGK) * Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc và tóm tắt -Tìm hiểu chú thích * Thể loại : Truyện ngắn *PTBD: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm * Lời kể ông Ba -> Ngôi thứ nhất * Tình huống truyện + Hai cha con gặp nhau sau tám năm xa cách, Thu không nhận cha, khi nhận ra ông Sáu lại phải đi. -> Thể hiện tình yêu cha mãnh liệt của bé Thu + Ông Sáu làm cây lược ngà tặng con

? Văn bản gồm những nhân vật chính nào?

Hoạt động 2: Phân tích

- Phương pháp : vấn đáp, dạy học nhóm, dùng lời có nghệ thuật

- Kỹ thuật dạy học: Hỏi và trả lời, Kỹ thuật trình bày một phút, Động não

* **Năng lực:** Năng lực tự học, Năng lực tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thưởng thức văn học/cảm thụ thẩm mỹ...

? Hoàn cảnh gia đình bé Thu ?

? Em hiểu gì về khao khát của bé Thu?

? Hình ảnh bé Thu trong tác phẩm ?

? Đây là một cô bé ntn?

- **GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi**

? Tìm chi tiết thể hiện thái độ của Thu khi lần đầu tiên gặp ba?

? Cách sử dụng từ ngữ của tác giả có gì đặc biệt ?

? Qua đó em hiểu gì về tâm trạng của bé Thu ?

- Vì sao Thu lại có thái độ như thế?

- HS trình bày.

GV: giảng

? Thu có những hành động, lời nói nào với cha?

nhưng chưa kịp tặng đã hi sinh.

-> Tình yêu con sâu sắc của ông Sáu

-> Tình huống truyện bất ngờ nhưng hợp lý

* Nhân vật : Bé Thu và ông Sáu

II. Phân tích

1. Nhân vật bé Thu

a. Hoàn cảnh gia đình bé Thu

- Đất nước có chiến tranh, ba đi kháng chiến suốt tám năm chưa được về . Thu chưa biết mặt ba, chưa được gọi tiếng “ba”

-> Khao khát được gặp ba, được gọi một tiếng ba

b. Hình ảnh bé Thu

- Chừng tám tuổi, tóc cắt ngang vai , mặc quần đen, áo bông đỏ

-> Một bé gái đáng yêu, dễ thương

c. Thái độ và hành động của Thu khi chưa nhận ra ba

* Lần đầu gặp cha

- Giật mình

- Tròn mắt nhìn

- Hoảng hốt, mặt tái đi, vụt chạy và kêu thét lên.

+ Động từ , tính từ miêu tả tâm lí

-> Thu ngạc nhiên, bất ngờ, sợ hãi bởi . Em không nhận ra ba

* Thái độ và hành động của Thu

? Những lời nói đó thể hiện thái độ gì? GV: giảng ? Khi ông Sáu gặp miếng trứng cá bỏ vào bát , em có hành động gì? ? Đây là hành động như thế nào? - Với em hành động của bé Thu có đáng trách không? Vì sao? ? Tại sao bé Thu lại có hành động như thế ? ? Những hành động đó cho thấy đây là một cô bé ntn? ? Nguyên nhân giúp Thu nhận ra ba ? ? Khi được bà ngoại giải thích, em có thái độ ra sao ? ? Em hiểu gì về thái độ của Thu ? GV: giảng ? Trong buổi sáng cuối cùng ông Sáu sắp đi Thu có thái độ gì? Tìm chi tiết? ? Những chi tiết trên cho thấy thái độ của bé Thu ntn? - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm ? Khi ông Sáu lại gần và tạm biệt con , bé Thu đã có những hành động gì ? ? BPNT được tác giả sử dụng ở những chi tiết trên ? ? Những hành động đó cho thấy tình	trong ba ngày ông Sáu được nghỉ phép - Ông Sáu càng quan tâm, em càng đẩy ra - Nói trống : Vô ăn cơm , cơm chín rồi! Chắt nước giùm cái ... -> Kiên quyết không chịu gọi tiếng ba, không thừa nhận ông sáu là cha mình * Thái độ và hành động của Thu trong bữa cơm đoàn tụ gia đình - Hắt trứng cá xuống - Gắp lên – không khóc khi bố đánh - Bỏ sang ngoài. -> Hành động mạnh mẽ, cương quyết tưởng như vô lễ nhưng lại rất đáng thương -> Thái độ căm ghét cao độ người đàn ông lạ dám nhận là cha em => Cô bé có cá tính mạnh mẽ, có tình yêu ba sâu sắc d. Thái độ và hành động của Thu khi nhận ra cha (trong buổi sáng ông Sáu lên đường trở về đơn vị) * Nguyên nhân giúp Thu nhận ra ba - Ngoại đã giải thích về vết sẹo trên mặt ba nó - Thu nằm im, lẩn lộn, thờ dãi như người lớn -> Ân hận vì không nhận ra ba, vì đối xử tệ bạc với ba * Buổi sáng ông Sáu lên đường về đơn vị - Đứng ở góc nhà, vẻ mặt buồn rầu, nhìn với vẻ nghĩ ngợi -> Thái độ thay đổi, muốn nhận ba nhưng còn e ngại * Tình yêu của bé Thu đối với ba - Kêu thét lên “ ba” - Nó vừa kêu vừa chạy xô tới, ôm chặt lấy cổ ba nó - Nó hôn ba nó cùng khắp - Hai tay nó siết chặt, run run

cảm của bé Thu ntn ? - HS thảo luận và trình bày ? Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả ? ? Qua diễn biến tâm lí của bé Thu, em thấy bé Thu là một cô bé ntn ? GV: khái quát nội dung t1 (Tiết 2) ? Tình cảm cha con của ông Sáu được bộc lộ ở hoàn cảnh nào? ? Niềm khao khát của ông Sáu trong lần về thăm nhà ? ? Lần đầu gặp con gái, ông Sáu đã có hành động gì? ? Em hiểu gì về tâm trạng của ông Sáu khi lần đầu được gặp con gái? ? Hình ảnh của ông Sáu được thể hiện ra sao khi bé Thu không nhận ra ông ? ? Những chi tiết này cho thấy tâm trạng của ông Sáu ntn ? ? Trong tâm trạng đó, ông Sáu đã làm những gì để thể hiện tình cảm cha con? ? Những chi tiết đó cho thấy tình cảm của ông Sáu dành cho con ra sao? ? Khi thấy con nói trống, ông Sáu có hành động gì ? ? Em hiểu gì về tâm trạng của ông Sáu	+ So sánh , miêu tả nội tâm nhân vật -> Tình yêu ba , tiếng gọi ba cháy bỏng và mãnh liệt vỡ bung ra từ đáy lòng em -> Tình yêu ba mạnh mẽ, hồi hã xen lẫn sự hối hận NT + Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế (Tác giả am hiểu tâm lí trẻ em) ⇔ Cô bé ngây thơ, cá tính mạnh mẽ và có tình yêu ba sâu sắc 2. Nhân vật ông Sáu * Hoàn cảnh : - Ông Sáu tham gia kháng chiến từ lúc Thu chưa đầy một tuổi - Suốt tám năm kháng chiến , ông chưa một lần về thăm nhà , chỉ biết con qua tấm ảnh nhỏ -> Khao khát gặp con , được nghe con gọi tiếng ba *. Lần đầu tiên gặp con - Với lòng mong nhớ của anh...cổ anh - Bước vội những bước dài, gọi con, khom người đưa tay đón chờ con -> Hạnh phúc khi được gặp con, khao khát được ôm con và nghe con gọi tiếng ba - Mặt sầm lại, hai tay buông xuống như bị gãy -> Ông Sáu thấy sự hụt hẫng, bất ngờ, buồn tủi. * Trong ba ngày nghỉ phép - Ông chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con - Mong con gọi một tiếng “ ba” -> Yêu thương con - Khi con nói trống : Vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười , ngồi im

lúc này ? ? Trong bữa cơm đoàn tụ, ông Sáu đã có hành động gì ? ? Hành động đó thể hiện điều gì ? ? Ông Sáu đã có hành động gì khi bé Thu hắt miếng trứng cá khỏi bát ? - GV sử dụng kĩ thuật động não ? Tại sao ông lại đánh Thu? - GV giảng - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi ? Tìm chi tiết biểu hiện tình cảm của ông Sáu khi con nhận ra ông? ? Những chi tiết trên cho thấy tâm trạng của ông Sáu ntn ? ? Theo em tình huống này có ý nghĩa gì? - HS trình bày, bổ sung. - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm ? Tâm trạng của ông Sáu ở nơi căn cứ? ? Hình ảnh ông Sáu làm cây lược tặng con gái được thể hiện qua các chi tiết nào ? ? Chiếc lược ngà có ý nghĩa với ông Sáu như thế nào? ? Trước khi hi sinh ông Sáu có hành động gì ? ý nghĩa của hành động đó. ? Cây lược biểu tượng cho điều gì ? - HS thảo luận, trình bày.	-> Đau lòng, Khao khát được nghe con gọi tiếng “ ba” - Ông gấp trứng cá để vào chén con -> Quan tâm , chăm sóc con - Đánh con và hét lên : “ Sao mày cứng đầu quá vậy “ - Anh đánh Thu vì anh thấy bất lực, vì anh quá yêu con mà con lại không nhận cha. -> Thể hiện việc trút giận khi tình cảm của cha bị xúc phạm. Đây cũng là chi tiết mở nút cho tác phẩm sau này. * Buổi sáng ông Sáu lên đường trở về đơn vị - Ông ôm con , hôn lên mái tóc con - Ông khóc khi Thu không nhận ra ông. -> Đó là niềm sung sướng mà ông đã chờ đợi từ lâu, cảm động đến nghẹn ngào => Anh Sáu ở vào 1 tình huống thật éo le giữa đi và đi làm cho cuộc chia tay cảm động. * Khi ông Sáu ở chiến trường. - Ông nhớ con, ân hận vì đã đánh con - Tìm được khúc gỗ , mặt anh hớn hờ như một đứa trẻ được quà - Thận trọng, tỉ mỉ, cố công như người thợ bạc - Khắc từng nét :Yêu nhớ tặng Thu con của ba -> Cây lược là vật quý giá, nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của người cha với đứa con xa cách. - Anh đưa tay vào túi , móc cây lược - Chỉ khi đồng đội nhận lời, anh mới nhắm mắt đi xuôi -> Khao khát được ở mãi bên con -> Cây lược trở thành biểu tượng thiêng liêng của tình phụ tử – thứ tình

? NX về nghệ thuật xây dựng nhân vật ? ? Cảm nhận của em về nhân vật ông Sáu ? - GV giảng ? Câu chuyện giúp ta nhận ra được điều gì ? Hoạt động 3 : Tổng kết Kĩ thuật : hỏi và trả lời - HS hỏi và trả lời những câu hỏi liên quan đến nghệ thuật và nội dung	cảm mà không bom đạn nào của kẻ thù có thể tàn phá được . + NT miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế => Người cha yêu thương con hết mực => Câu chuyện về chiếc lược ngà nói lên tình cảm cha con sâu nặng của ông Sáu nhưng cũng thấm thía những đau thương mất mát éo le mà chiến tranh gây ra. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế - Tình huống truyện bất ngờ nhưng hợp lí - Am hiểu tâm lí nhân vật 2. Nội dung (SGK)

3. Hoạt động luyện tập

- Tóm tắt lại truyện ?
- Chi tiết nào trong truyện làm cho em ấn tượng sâu sắc nhất ? vì sao ?
- Cảm nhận về tình cha con của bé Thu.
- Phân tích giá trị của chi tiết : vết sẹo và cây lược.

4. Hoạt động vận dụng

? Đóng vai nhân vật bé Thu kể lại diễn biến tâm trạng của nhân vật.

5. Hoạt động mở rộng, tìm tòi

- Tìm đọc các bài viết về tác giả và tác phẩm.
- Học bài, nắm chắc nội dung bài học
- Chuẩn bị phần “ôn tập thơ và truyện hiện đại” để kiểm tra.

Ngày soạn:
Tuần 17

Ngày dạy:

Tiết 81 : KIỂM TRA THƠ VÀ TRUYỆN HIỆN ĐẠI

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Kiến thức:** Học sinh kiểm tra, đánh giá quá trình học tập, nhận thức của mình về phần thơ và truyện hiện đại.
- Kĩ năng:** Rèn kĩ năng trình bày, cảm nhận
- Thái độ:** Giáo dục ý thức tự học, nghiêm túc khi làm bài.
- Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, ngôn ngữ.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, sống có trách nhiệm.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Tự luận: 100%

III , MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Tên Chủ đề (nội dung, chương...)	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng
	TN	TL	TN	TL	TL	TL	
					Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Thơ hiện đại (Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận và Đông chi – Chính Hữu)		Chỉ ra từ chép sai trong đoạn thơ và sửa lại. Nêu được tên tác giả và tên tác phẩm				Cảm nhận về một đoạn thơ trong tác phẩm thơ hiện đại	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %		Số câu 1 Số điểm 1 10%				Số câu :1 Số điểm :5 50%	Số câu 2 Số điểm 6 60%
Truyện hiện đại				Hiểu được tình huống truyện, tác dụng	Giới thiệu về nhân vật		

Số câu Số điểm Tỉ lệ %				Số câu :1 Số điểm : 2 30%	Số câu :1 Số điểm :2 50%		Số câu : 2 Số điểm : 4 40%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %		Số câu : 1 Số điểm :1 10%		Số câu :1 Số điểm :2 20%	Số câu :1 Số điểm :2 20%	Số câu :1 Số điểm :5 50%	Số câu : 4 Số điểm :10 100%

IV. THIẾT LẬP ĐỀ KIỂM TRA

Câu 1: Cho đoạn thơ sau

Thuyền ta lái gió cùng buồm trắng
Lướt giữa mây cao và biển bằng
Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây quanh .

- Hãy chỉ ra những từ chép sai trong đoạn thơ trên và sửa lại cho đúng ?
- Đoạn thơ mà em đã sửa được trích trong tác phẩm nào , của ai ?

Câu 2: Em hiểu gì về tình huống truyện và ý nghĩa của tình huống truyện “ Chiếc lược ngà”?

Câu 3: Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về anh thanh niên trong tác phẩm “ Lặng lẽ Sa pa” của Nguyễn Thành Long?

Câu 4 : Cảm nhận của em về đoạn thơ sau :

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay
(Đồng chí – Chính Hữu)

V. YÊU CẦU - BIỂU ĐIỂM

1. Yêu cầu :

Câu 1: a. Xác định được những từ chép sai và sửa lại đúng

b. Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận

Câu 2: Trình bày được tình huống truyện

- Tình huống truyện bất ngờ nhưng tự nhiên , hợp lí
- Tác dụng : + Thể hiện tình yêu cha mãnh liệt của bé Thu
+ Thể hiện tình yêu con sâu sắc của ông Sáu

Câu 3 : HS viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về anh thanh niên : chu đáo, hiếu khách, khiêm tốn, đời sống tinh thần phong phú, cuộc sống ngăn nắp...

Câu 4:

* Kỹ năng:

- Bố cục đủ 3 phần (MB, TB, KB)
- Diễn đạt lưu loát , Luận điểm rõ ràng
- Dùng từ thích hợp , không sai chính tả ...

* Kiến thức:

LD : Sức mạnh của tình đồng chí được tạo lên bởi họ cùng nhau chia sẻ những gian lao nơi chiến trường

- Người lính cùng nhau trải qua những cơn sốt rét rừng
 - Trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp , bộ đội ta phải chiến đấu trong hoàn cảnh khó khăn , thiếu thốn ...
 - Miệng cười buốt giá : tinh thần lạc quan , coi thường mọi gian khổ của người lính cụ Hồ
 - Thương nhau : Tình cảm yêu thương , gắn bó...
 - Tay nắm lấy bàn tay : Cái nắm tay để động viên nhau , truyền cho nhau hơi ấm sức mạnh...
- > Tình đồng chí chân thành mà thiêng liêng cao đẹp . Tình đồng đội gắn bó keo sơn
- Nghệ Thuật : Giọng thơ trầm lắng, hình ảnh thơ chân thực mà giàu sức biểu cảm , NT liệt kê, ngôn ngữ giản dị và cô đọng ...

2. Biểu điểm

Câu 1: (1 điểm)

- + Câu a: đúng được 1 điểm
- + Câu b: đúng được 1 điểm.

Câu 2: (2 điểm)

- Học sinh nêu được 2 tình huống -1đ
- Nhận xét về tình huống : 1đ
- ý nghĩa của tình huống : 1đ

Câu 3 :2đ

Câu 4: (5 điểm)

- Điểm 5: Đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên, không sai chính tả, có sáng tạo.
- Điểm 4: Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên, còn sai chính tả, đã có sáng tạo.
- Điểm 3: Cơ bản đáp ứng yêu cầu của bài nhưng chưa thật lưu loát.
- Điểm 2: Chưa đủ ý trên. Còn có lỗi sai nhiều.
- Điểm 1: Sơ sài, thiếu nhiều ý. Hành văn yếu.
- Điểm 0: Không xác định được yêu cầu đề bài.

=====

Ngày soạn:
Tuần 16 – Bài 16

Ngày dạy:

Tiết 76 -VB : CỐ HƯƠNG
(Lỗ Tấn)

I. MỤC TIÊU

- 1. Kiến thức:** Học sinh thấy được tinh thần phê phán xã hội cũ và niềm tin trong sáng vào sự xuất hiện tất yếu của cuộc sống mới, xã hội mới.
- 2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng đọc, tóm tắt, khái quát nội dung của văn bản.
- 3. Thái độ:** Giáo dục tình cảm với quê hương mình.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.
 - HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương mình, sống có trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn bài, tham khảo tài liệu liên quan.
- Dự kiến phương án tích hợp:
 - + Văn - Văn : Một số tác phẩm về cố hương
 - + Văn - TLV : Yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong văn bản tự sự
 - + Văn - Môi trường : Môi trường thay đổi -> con người thay đổi

2. Trò:

- Học và soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.PP : Gọi mở-vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật.

2.KT : Đặt câu hỏi, động não

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

***Ôn định lớp:**

***Kiểm tra :**

- Nêu và chứng minh những đặc sắc nghệ thuật của văn bản "Chiếc lược ngà".
- Tình cảm cha con ông Sáu thể hiện như thế nào qua văn bản " Chiếc lược ngà".

***Vào bài mới**

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc, Tìm hiểu chung -PP : Gọi mở-vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật. -KT : Đặt câu hỏi ? Nêu những nét chính về tác giả Lỗ Tấn ? *Nhấn mạnh: Tác phẩm của ông giàu giá trị hiện thực và chất chiến đấu,	I. Đọc, Tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) - Thời Thanh niên đã học nhiều nghề (hàng hải, khai mỏ, nghề y) với mong muốn đem khoa học giúp nước giúp

giọng văn của ông bề ngoài lạnh lùng, nhưng bên trong thì sục sôi tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh.

- Mao Trạch Đông đã nhận xét: “Trên mặt trận văn hoá Lỗ Tấn là một vị anh hùng giải phóng dân tộc đứng đầu nhất, dũng cảm nhất, kiên quyết nhất, trung thực nhất, nhiệt tình nhất từ trước đến nay chưa từng có.”

? Xuất xứ của văn bản này?

? VB cần được đọc với giọng điệu ntn?

GV hướng dẫn đọc. Đọc mẫu

Yêu cầu HS đọc. HS khác nhận xét

GV nhận xét chung

- Yêu cầu HS giải thích chú thích 1, 9 SGK

? Thể loại của văn bản ?

? Xác định phương thức biểu đạt của văn bản. Phương thức nào là chính?

? Văn bản được kể theo ngôi thứ mấy? Tác dụng?

? Truyện có mấy nhân vật chính? Nhân vật nào là trung tâm?

-GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Theo em văn bản này được chia ra làm mấy phần?

? Nêu giới hạn và nội dung từng phần?

? Nhận xét bố cục trên?

Hoạt động 2: Phân tích

dân.

- Sau đó ông quyết định chuyển sang làm văn nghệ, ông viết văn với mục đích: Phơi bày căn bệnh tinh thần của quốc dân, lưu ý mọi người tìm cách chữa trị.

- Tác phẩm tiêu biểu: 17 tập tạp văn, 2 tập truyện ngắn, tiểu thuyết “AQ chính truyện”

2. Tác phẩm

* Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ

- Cố Hương là một trong những truyện ngắn tiêu biểu nhất của tập Gào thét (1923)

* Đọc và tìm hiểu chủ thích

- Đọc : giọng đọc chậm, buồn, hơi buồn ngủi

- Chú thích (SGK)

* Thể loại :Truyện ngắn

* Phương thức biểu đạt : Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm, nghị luận

* Ngôi thứ nhất (xưng tôi) -> để dẫn dắt câu chuyện và thể hiện tình cảm, quan điểm nguyện vọng.

* Nhân vật : Tôi và Nhuận Thổ

* Bố cục : 3 phần

+ Từ đầu ... "làm ăn sinh sống"

-> Nhân vật "tôi" trên đường về quê.

+ Tiếp ... "sạch trơn như quét"

-> Nhân vật "tôi" trong những ngày ở quê.

+ Còn lại

-> Nhân vật "tôi" trên đường xa quê.

=> Bố cục theo trình tự thời gian.

Bố cục: đầu cuối tương ứng

II. Phân tích

-PP : Gọi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm,phân tích, dùng lời có nghệ thuật. -KT : Đặt câu hỏi -GV : giới thiệu về nhõn vật tụi tròn đường về quờ - Cảm nhận của nhõn vật “Tôi” trong nhữn ngày ở quờ đợc nói đến ở hai thời điểm. Đó là nhữn thời điểm nào ? -GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Trong kí ức của nhõn vật tôi cảnh tượng gì đợc hiện lên ? ? Trong đoạn văn tròn tác giả sử dụng phương thức biểu đạt nào ? ? Qua sự cảm nhận của nhõn vật “tụi” em thấy đõy là một bức tranh như thế nào ? - HSthảo luận và trình bày - GV: Giảng bõnh Bức tranh khụng chỉ đẹp, thần tiên,kõ dĩ mà bức tranh ấy cũn làm sống lại nhữn kớ ức đẹp đẽ về tuổi thơ, quờ hương và hõnh ảnh Nhuận Thổ	1. Nhõn vật “Tôi” trong nhữn ngày ở quờ. -Trong hồi ức và trong hiện tại a. Hồi ức của nhõn vật “tụi” - Một vầng trăng tròn vầng thắm,treo lơ lửng tròn nền trời xanh đậm, dưới là một bõi cỏ tròn bờ biển, trông toàn đũa hẩu, bõn ngổ một màu xanh rờn. + Phương thức biểu đạt: : Kể, tả → Một bức tranh đẹp, thần tiên, kớ dĩ

3.Hoạt động luyện tập

- Tóm tắt lại văn bản "Có hương"?
- Phân tích kết cấu của văn bản?
- Trên đường về quê, nhõn vật "tôi" có tâm trạng gì?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về cảnh thiên nhiên của quê hương em?

5.Hoạt động vận dụng và tìm tòi

- Tìm đọc nhữn bài viết về tác phẩm
- Học bài, đọc lại toàn bộ văn bản
- Tóm tắt ngắn gọn văn bản
- Soạn tiếp nội dung bài

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 16 – bài 16

Tiết 77 - VB : CÓ HƯƠNG (Tiếp)

(Lỗ Tấn)

I Mục tiêu bài học :

1. Kiến thức : Thấy đợc tâm trạng của nhõn vật tôi trong nhữn ngày ở nhà qua một số nhõn vật để thấy đợc xã hội phong kiến Trung Quốc làm tàn tạ con người.

Hiểu được môi trường xã hội làm thay đổi tính cách con người.

2. Kỹ năng : Rèn luyện khả năng tìm chi tiết, phân tích nhân vật trong truyện ngắn.

3. Thái độ: Giáo dục tình cảm với quê hương mình.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ, yêu quê hương mình, sống có trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn bài, tham khảo tài liệu liên quan.

- Dự kiến phương án tích hợp:

+ Văn - Văn : Một số tác phẩm về cổ hương

+ Văn - TLV : Yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận trong văn bản tự sự

+ Văn - Môi trường : Môi trường thay đổi -> con người thay đổi

2. Trò:

- Học và soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.PP : Gọi mở-vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật.

2.KT : Đặt câu hỏi, động não

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

***Ổn định lớp:**

***Kiểm tra :** Phân tích vẻ đẹp của thiên nhiên trong cảm nhận của nhân vật tôi?

***Vào bài mới**

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 2 : Phân tích -PP : Gọi mở-vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật. -KT : Đặt câu hỏi ? Trong kí ức của nhân vật tôi hình ảnh Nhuận Thổ hiện lên qua những chi tiết nào ? ? Từ những chi tiết trên, em cảm nhận về Nhuận Thổ như thế nào ? GV: Giảng bình ?Hỏi ức về Nhuận Thổ những kỉ niệm tuổi thơ nào cùng Nhuận Thổ được	II. Phân tích 1. Nhân vật “tôi” trong những ngày ở quê. a. Hồi ức của nhân vật “tôi” * Hồi ức về Nhuận Thổ. - Mười một, mười hai tuổi. - Tay cầm đỉnh ba đảm con tra. - Bầy chim sẻ tài lắm. - Khuôn mặt tròn trĩnh nước da bánh mật, đầu đội mũ lông chiên bé tí tẹo, cổ đeo vòng bạc sáng loáng. - Biết nhiều chuyện... → Đó là một đứa bé đẹp đẽ, khỏe khoắn, nhanh nhẹn, hiểu biết. - Thấy ai cũng bẽn lễn, không bẽn lễn với tôi.

gọi lên ? ? Khi chia tay, Nhuận Thổ và “tôi” có thái độ gì ? ? Từ những chi tiết đó, em thấy tình bạn khi xưa của hai người như thế nào ? GV: Giảng bình. ? Khi nhớ tới Nhuận Thổ, nhân vật “tôi” có tâm trạng gì ? ? Tại sao khi nhớ về Nhuận Thổ nhân vật “tôi” thấy quê hương mình đẹp. Đó là vẻ đẹp như thế nào ? ? Trong dòng hồi tưởng của nhân vật “tôi” ngoài hình ảnh của nhân vật Nhuận Thổ còn xuất hiện hình ảnh của ai ? - GV : Thím Hai Dương trong kí ức của nhân vật “tôi” - <i>Bán đậu phụ → nàng Tây Thi đậu phụ.</i> - <i>Dáng điệu Compa.</i> - <i>Xoa phần, đấm đuôi nhiều người.</i> + <i>Giọng điệu hài hước.</i> → <i>Đẹp, dễ gần, thân thiện,</i> ? Thông qua cảnh vật và con người trên, em có nhận xét gì về những hồi ức của nhân vật “tôi” ? GV giảng ? Khi về đến nhà cảnh tượng đầu tiên nhân vật tôi cảm nhận là gì ? ? Đó là cảnh tượng như thế nào ? GV: Bình giảng ? Đó là sự cảm nhận đầu tiên về cảnh vật còn con người thì sao. Trước tiên là hình ảnh người mẹ, Nhân vật tôi đã kể và tả về người mẹ qua những chi tiết nào ? ? Tại sao trên nét mặt mẹ lại ẩn chứa một nỗi buồn thầm kín ?	- Kể cho tôi nghe về quê biển của mình. Chia tay : Tôi khóc Hắn cũng khóc không chịu về. → Tình bạn hồn nhiên, trong sáng, thân thiết, bình đẳng giữa Nhuận Thổ và “tôi” => Bừng sáng, vui vẻ, nhận ra vẻ đẹp của quê hương . => Đó là những hồi ức đẹp về cảnh vật và con người quê hương đặc biệt là Nhuận Thổ. b. Cảm nhận của Tôi trong hiện tại - Trên mái ngói mấy cọng tranh khô phất phơ trước gió. - Những gia đình khác đã dọn đi rồi → Cảnh tượng hiu quạnh. * Người mẹ - Mẹ chạy ra đón. - Mẹ mừng rỡ nhưng nét mặt vẫn ẩn một nỗi buồn thầm kín. - Bảo tôi ngồi xuống, nghỉ ngơi, uống trà... → Vui mừng khi gặp con nhưng buồn vì sắp rời bỏ quê hương.

GV giảng

? Về quê lần này nhân vật “tôi” gặp lại những ai ?

*** Hình ảnh thím Hai Dương trong hiện tại**

- Lưỡn quỳn nhô ra, môi mỏng dính, chổng nạnh, không buộc thấ lưng, chân đứg chặg ra.

- Khinh bỉ, cười kháy tôi.

- Tức giận, lằ bằ, quay gót...

- Giậ luôn đôi bít tất tay của mẹ tôi giấ vào lưng quầ, cút thắg

→ Hình dặg tàn tạ, tình cách tham lam, tình quái, lưư manh.

(Thay đỏi hoàn toàn so với hai mươi năm trước) .

-GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Nhưng chưa xóh hơn là hình ảnh của Nhuận Thổ ? Vậ Nhuận Thổ đượ khắc hoạ bằng nhữn chi tiế nào ?

? Xác đình phương thức biể đặ của đoạn vắ ?

? Với phương thức biể đặ và biệ pháp nghệ thuật trên có tác dứng gì trong việc thể hiệ hình dặg và trang phục của Nhuận Thổ ?

- HS thảo luận và trìn bày

- GV: Giảng

? Hình dặg thì như vậ, còn cử chỉ, điệu bộ của Nhuận Thổ ra sao ?

? Tình nhữn từ ngữ xưn hô của Nhuận Thổ trong cuộc đỏi thoại với nhân vật “tôi” ?

? Em hằ nhận xét cách xưn hô của Nhuận Thổ ?

? Trướ cách xưn hô của Nhuận Thổ, nhân vật “tôi” có tâm trặg gì ?

? Tại sao tôi lại điểg người đi ?

? Theo em bức tường khá dày ặg

*** Nhuận Thổ**

- Cao gắ hai, da vàng sặ, nếp nhắ sầ hoắ, mí mắt việ đỏ húp mặg lên.

- Đầu đỏi mũ lông chiền rách tươ, áo bồn mỏng dính.

- Bàn tay thô kệch, nặng nề, nứ nề.

+ Phương thức biể đặ: Kể, tả

→ Hình dặg tiệu tụy, đặg thương .

- Nét mặt vừa hớ hỏ, vừa thê lương, môi mắp máy nhưng nói cũg không ra tiếg.

- Xưn hô: Thừa, bằ ông,...lặ ông đi!

→ Rựt rề, cung kình, giữ khoảng cách với nhân vật “tôi”

=> Tôi đau xóh, điểg người đi vì có bức tường khá dày ặg cách.

cách ở đây là gì ? GV: Giảng ? Từ tâm trạng đó, nhân vật “ tôi có suy nghĩ gì về Nhuận Thổ” ? GV: Giảng - GV sử dụng kĩ thuật động não ?Vậy nguyên nhân nào đã đẩy Nhuận Thổ vào tình trạng như vậy ? - GV: Giảng ? Qua đây em cảm nhận như thế nào về bức chân dung Nhuận Thổ trong hiện tại ? ? Đến đây em có nhận xét gì về cách xây dựng nhân vật của tác giả ? ? Để làm nổi bật hình ảnh con người (Nhuận Thổ) trong hiện tại ngoài biện pháp so sánh, đối chiếu hiện tại với quá khứ, tác giả còn dùng hình thức so sánh nào, chú ý đoạn văn sau: “Trông nó giống...mà thôi” ? GV: Giảng ? Qua sự cảm nhận của nhân vật “tôi”em thấy cảnh vật và con người trong hiện tại thay đổi như thế nào so với quá khứ ? GV: Giảng ?Thông qua việc khắc họa cảnh vật, con người ở 2 thời điểm quá khứ và hiện tại của nhân vật tôi, tác giả muốn phản ánh điều gì ? *Tích môi trường : Môi trường xã hội có ảnh hưởng ntn tới con người ?	- Trông anh phảng phất như một pho tượng đá . *Nguyên nhân: con đông, mùa mất, thuế nặng, lính tráng, trộm cướp, quan lại, thân hào đầy đọa thân anh. =>Cuộc sống khó khăn, chịu nhiều áp bức biến Nhuận Thổ thành khô cằn, đàn độn, mụ mẫn. + Nhân vật xuất hiện trong sự so sánh đối chiếu giữa quá khứ và hiện tại. + So sánh Thủy Sinh hiện tại với NhuậnThổ trong quá khứ. => Làng quê ở hiện tại tàn tạ, con người khô sở, méo mó cả về hình dáng đến tính cách. <=>Tác giả muốn phản ánh sự sa sút mọi mặt của xã hội Trung Quốc đầu thế kỷ XX; lên án các thế lực tạo nên thực trạng đó; chỉ ra tiêu cực trong tâm hồn, tính cách người lao động. -Làm con người thay đổi về tính cách....

3. Hoạt động luyện tập

- Bức tranh thiên nhiên trong hồi ức của nhân vật tôi ?
- Tình bạn của tôi và Nhuận Thổ thời quá khứ và hiện tại ?

4.Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về sự ảnh hưởng của môi trường sống đến nhân cách của con người.

5.Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về tác phẩm.
- Học bài nắm chắc các nội dung chính của tiết học:
- + Hồi ức của nhân vật “Tôi”

? Con thuyền rời quê trong khung cảnh nào? ? Khung cảnh đó gợi tâm trạng gì? ? Sự đan cài các đối tượng, thời gian trong suy nghĩ của nhân vật mang dụng ý gì? ? Em hãy tìm các chi tiết thể hiện tâm trạng suy nghĩ của nhân vật "tôi"? ? Vì sao nhân vật "tôi" lại có tâm trạng ấy?	- Trong cảnh hoàng hôn, tất cả đã mờ dần -> Khung cảnh gợi cảm giác buồn - Đó là những suy nghĩ, những nung nấu trăn trở về một quê hương trong tương lai "Chung quanh tôi ... lẻ loi và ngột ngạt"
? Cảnh ra đi của nhân vật "tôi" có gì giống với cảnh trên đường về quê? ? Từ đó nhận xét kết cấu của văn bản? ? Kết cấu này có tác dụng gì ?	-> Đó là biểu hiện của tình yêu quê hương sâu đậm của nhân vật "tôi". Dù trong cảnh nghèo song vẫn hi vọng vào tương lai. - Một con người đang suy tư trong một chiếc thuyền dưới bầu trời u ám về cố hương và cũng con người ấy đang suy tư trong một chiếc thuyền rời cố hương -> Kết cấu đầu cuối tương ứng -> Khép kín theo hành trình của một chuyến thăm quê và những suy tư trĩu nặng của nhân vật "tôi" về quê hương, cuộc sống.
-GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Em hãy tìm trong truyện có những hình ảnh con đường nào?	* Hình ảnh con đường : - Con đường thủy đưa nhân vật "tôi" về quê và ra đi. - Con đường trong suy nghĩ
? ý nghĩa của hình ảnh con đường ? -HS thảo luận và trình bày	-> Đó là con đường giải phóng kiếp người nô lệ, con đường của tự do, hạnh phúc, con đường gắn kết con người với con người.
? Tìm câu văn thể hiện quan niệm đó của nhân vật "tôi". ? Xác định phương thức biểu đạt của câu văn, đoạn văn? ? Em hiểu câu này như thế nào?	"Kì thực trên mặt đất ... thành đường thôi" + PTBD : Tự sự, nghị luận
? Qua đây, nhân vật "tôi" muốn nhắn nhủ điều gì?	-> Đường không tự nhiên mà có, không do thần linh mà do chính con người tạo ra. Con người hãy tạo ra con đường đi cho riêng mình để đến được ảm no, hạnh phúc. => Ông muốn thức tỉnh người dân quê hương mình không thể cam chịu cuộc sống ngu muội, nghèo hèn. Đồng thời thể hiện niềm tin hi vọng ở thế hệ trẻ (Hoàng, Thủy Sinh) sẽ tìm một con

Hoạt động 3: Tổng kết PP: Gọi mở-vấn đáp ? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của văn bản? ? Những nét chính về nội dung của văn bản? GV yêu cầu HS đọc ghi nhớ	đường đi làm đôi mới quê hương -> Tình yêu với quê hương mình. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Phương thức kể + miêu tả, biểu cảm và nghị luận - So sánh - đối chiếu 2. Nội dung * Ghi nhớ

3. Hoạt động luyện tập

- Tâm trạng nhân vật "tôi" được miêu tả như thế nào?
- Hình ảnh con đường có ý nghĩa biểu tượng gì?
- Văn bản này có giá trị hiện thực và nhân đạo như thế nào?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về tâm trạng của nhân vật Tôi khi rời quê

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về tác phẩm
- Học bài, thuộc ghi nhớ
- Nắm chắc 3 nội dung chính của văn bản
- Làm bài tập 2 (Theo bảng)
- Ôn tập và chuẩn bị phần Tập làm văn (trả bài)

=====

Ngày soạn:
Tuần 17

Ngày dạy:

Tiết 79: TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3

I. MỤC TIÊU

- Kiến thức:** Học sinh so sánh bài làm của mình với yêu cầu của đề bài, dàn ý để nhận ra hạn chế trong bài viết của mình. Từ đó sửa chữa và khắc phục.
- Kĩ năng:** Rèn kĩ năng sửa lỗi sai.
- Thái độ:** Giáo dục ý thức tự giác sửa lỗi sai.
- Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.
 - HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ

II. CHUẨN BỊ

- Thầy:** Chấm bài, tìm lỗi sai, nhận xét ưu và nhược điểm trong bài viết của học sinh.
- Trò:** Lập dàn ý chi tiết cho đề bài văn số 3

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- PP : Gọi mở-vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành.

2.KT : Đặt câu hỏi,động não

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1.Hoạt động khởi động

***Ổn định lớp:**

***Kiểm tra :** (Trong giờ học)

***Vào bài mới**

2.Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Tìm hiểu đề và đáp án -GV yêu cầu học sinh nhắc lại đề bài ? Thế nào là nghị luận trong văn tự sự ? ? Chỉ ra yếu tố miêu tả nội tâm trong đoạn văn sau và nêu tác dụng ? Những yêu cầu về kĩ năng và hình thức của bài ? -GV yêu cầu HS thảo luận theo 4	I.Tìm hiểu đề và đáp án 1, Đề bài Câu 1 : Thế nào là nghị luận trong văn tự sự ? Câu 2: Chỉ ra yếu tố miêu tả nội tâm trong đoạn văn sau và nêu tác dụng Câu 3 : Nhân ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, em hãy kể lại một kỉ niệm đáng nhớ giữa em và thầy, cô giáo cũ. 2. Đáp án và biểu điểm Câu1(1đ)Trong văn tự sự , để người đọc phải suy nghĩ về một vấn đề nào đó, người viết và nhân vật có khi nghị luận bằng cách nêu lên các ý kiến, nhận xét, cùng những lí lẽ, dẫn chứng. Nghị luận giúp cho câu chuyện thêm phần triết lí. Câu 2 (2đ) - Miêu tả gián tiếp nội tâm nhân vật qua nét mặt, cử chỉ, hành động. - Thể hiện diễn biến tâm trạng nhân vật : đau đớn , tuyệt vọng của Thủy Câu 3(7đ) 1. Yêu cầu * Kĩ năng, hình thức - Kiểu bài tự sự - Bố cục 3 phần (MB, TB, KB) rõ ràng. - Kể theo ngôi thứ nhất. - Cần kết hợp tự sự với nghị luận, miêu tả nội tâm (thông qua hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm) - Sắp xếp các sự việc hợp lí. - Viết lưu loát, có liên kết chặt chẽ, không sai chính tả. * Kiến thức :

nhóm và lập dàn ý cho bài viết? - Cần kết hợp và đưa yếu tố mta và nghị luận vào phần nào? -HS thảo luận và trình bày -GV trả bài cho học sinh -GV yêu cầu học sinh tự đọc bài của mình sau đó tự nhận xét , GV tổng hợp nhận xét chung	A, MB: giới thiệu về không khí của ngày 20-11 -> nhớ về thầy cô giáo. B, TB: - Kể về kỉ niệm của bản thân với thầy cô giáo đã, đang dạy mình : + Về việc gì - (kỉ niệm gì), thời gian, diễn biến. + Nó để lại ấn tượng gì - Tại sao đáng nhớ (miêu tả nội tâm) + Rút ra được điều gì từ kỉ niệm đó (nghị luận) + Từ đó, em có suy nghĩ gì về đạo lí thầy trò (Nghị luận) C. KB: Khẳng định tình cảm , hứa hẹn, mong ước... II. Trả bài: III. Nhận xét: a, Ưu điểm: + Đa số hiểu bài + Làm đúng theo yêu cầu + Biết kể lại kỉ niệm tương đối điển hình + Nhiều bài có kết hợp với NL, mta, biểu cảm . + Nhiều bài văn viết tốt VD: Quỳnh, Huyền, Hạnh, Kim Anh b. Nhược điểm: + Một số bài chưa biết kết hợp các PTBD + Chỉ kể về thầy cô giáo cũ nhưng chưa có kỉ niệm + Một số bài sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm chưa hiệu quả + Một số bài chữ viết xấu, trình bày chưa khoa học, diễn đạt lủng củng, sai chính tả nhiều và nội dung sơ sài VD: Bắc, Minh , Tuấn Anh, Hậu

3.Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt		
PP: Luyện tập thực hành -GV yêu cầu học sinh lên bảng chữa những lỗi sai điển hình (Lỗi nhiều	IV. Chữa lỗi điển hình: 1. Chính tả: <table border="1"> <tr> <td>Lỗi sai</td><td>Sửa lại</td></tr> </table>	Lỗi sai	Sửa lại
Lỗi sai	Sửa lại		

người sai)	đau nắm giận giữ nghe (làm) song có lẽ trúng tôi chên, tray ...	đau lăm giận dữ làm xong có lẽ chúng tôi trên, chạy ...
- GV đưa ra một số lỗi sai điển đạt và gọi học sinh lên bảng chữa -> GV nhận xét chỉnh sửa -GV cho HS đọc 2 bài văn tiêu biểu (Vân, Ngọc)		

2. Diễn đạt:

- Vào một buổi sáng yên bình và âm áp bởi những tia nắng mặt trời chiếu xuống và cũng đúng vào ngày 20/11 -> Vào ngày 20/11 là một buổi sáng yên bình ... chiếu xuống
- Rồi cứ đến ngày 20/11 trôi qua là em lại nhớ đến kí ức mà tôi không thể quên được ngày 20/11 -> Ngày 20/11 năm nay khiến tôi nhớ về kí ức và có lẽ không bao giờ tôi quên.

V. Đọc một số bài văn hay

4. Hoạt động vận dụng

- Dựa vào dàn ý, viết lại bài văn (câu 3)

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Xem và sửa kĩ lại bài viết
- Xem lại đề kiểm tra văn và đề kiểm tra Tiếng Việt tiết sau trả bài

Ngày soạn:
Tuần 17

Ngày dạy:

Tiết 80 : TRẢ BÀI KIỂM TRA TIẾNG VIỆT, TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN

I. MỤC TIÊU

- Kiến thức:** Học sinh đối chiếu bài làm của mình với yêu cầu, đáp án của giáo viên. Từ đó sửa chữa và tự rút kinh nghiệm cho mình.
- Kĩ năng:** Rèn kĩ năng sửa lỗi sai, bổ sung kiến thức.
- Thái độ:** Giáo dục ý thức tự giác học tập, sửa lỗi sai và bổ sung kiến thức còn thiếu cho bài của mình.
- Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.
 - HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy: Chấm bài, tìm lỗi sai, nhận xét ưu và nhược điểm trong bài viết của học sinh.

2. Trò: Tìm hiểu lại các đề đã làm

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.PP : Gọi mở-vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành.

2.KT : Đặt câu hỏi

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

***Ổn định lớp:**

***Kiểm tra :** (Trong giờ học)

***Vào bài mới**

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Tìm hiểu đề, Đáp án *PP : Gọi mở-vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành. *KT : Đặt câu hỏi -GV yêu cầu học sinh đọc lại đề kiểm tra Tiếng Việt	I. Tìm hiểu đề, Đáp án A, Kiểm tra Tiếng Việt 1. Đề bài <u>Câu 1 :</u> Kể tên các PC hội thoại đã học <u>Câu 2:</u> Bài thơ " Bếp lửa" của Bằng Việt có những câu thơ sau : Vẫn vững lòng ... bình yên" a. Đây là lời của ai nói với ai ? b. Những câu thơ trên được dẫn theo cách dẫn nào mà em đã học? c. ở đây người nói đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Tại sao ? d. Tìm các từ ngữ xưng hô ? Từ ngữ xưng hô đó biểu thị sắc thái gì? <u>Câu 3:</u> Chỉ ra biện pháp tu từ và nêu tác dụng : “ Biền cho ta ... buổi nào” (Đoàn thuyền đánh cá- Huy Cận) <u>Câu 4 :</u> Viết một đoạn văn có nội dung liên quan đến ý kiến sau. Trích dẫn ý kiến đó theo cách dẫn trực : Dù phải khó khăn đến đâu cũng phải thi đua dạy tốt và học tốt (HCM -Thư gửi các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân viên, học sinh, sinh viên nhân dịp bắt đầu năm học mới, 15/10/1968) 2.Đáp án và biểu điểm <u>Câu 1 (1đ) :</u> PC về Lượng, chất, quan hệ, cách thức, lịch sự. <u>Câu 2 :</u> (2đ)
-GV đưa ra đáp án thông qua các câu hỏi phát vấn cho học sinh trả lời	

- Yêu cầu HS nhắc lại đề bài ? GV đưa ra đáp án thông qua các câu hỏi phát vấn cho học sinh trả lời	a , Đây là lời của bà nói với cháu (0,5đ) b, Những câu thơ trên được dẫn theo cách dẫn trực tiếp (0,5đ) c, Vi phạm phương châm hội thoại về chất. Do bà ưu tiên một yêu cầu khác quan trọng hơn là muốn các con yên tâm kháng chiến (1đ) d, Bà, cháu, mày -> sắc thái thân mật, suồng sã (1đ) Câu 3 : (2đ) - Biện pháp so sánh - Biển ân tình, thủy chung, gắn bó với con người... -> Tình yêu biển, tự hào về biển. Câu 4(5đ) - Tạo lập được đoạn văn, trích theo cách trích trực tiếp - Nội dung đoạn văn liên quan đến lời dẫn B, Kiểm tra Văn C1 : Hãy chỉ ra những từ chép sai và sửa lại cho đúng ? - Đoạn thơ mà em đã sửa được trích trong tác phẩm nào , của ai ? Câu 2: Tình huống truyện trong tác phẩm “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng Câu 3 : Cảm nhận của em về đoạn thơ sau : Anh với tôi ... lấy bàn tay (Đồng chí – Chính Hữu) 2. Đáp án và biểu điểm <u>Câu 1:</u> a. Xác định được những từ chép sai và sửa lại đúng b .Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận <u>Câu 2:</u> Trình bày được tình huống truyện -Tình huống truyện bất ngờ nhưng tự nhiên , hợp lí -Tác dụng : + Thể hiện tình cha con sâu sắc, mãnh liệt <u>Câu 3:</u> * Kỹ năng và hình thức - Bố cục đủ 3 phần (MB, TB, KB)

GV trả bài cho học sinh GV cho HS đọc bài của mình. Sau đó cho các em tự nhận xét Cuối cùng GV tổng hợp nhận xét chung	- Diễn đạt lưu loát , Luận điểm rõ ràng - Dùng từ thích hợp , không sai chính tả ... * Kiến thức: LD : Sức mạnh của tình đồng chí được tạo lên bởi họ cùng nhau chia sẻ những gian lao nơi chiến trường - Người lính cùng nhau trải qua những cơn sốt rét rừng - Bộ đội ta phải chiến đấu trong hoàn cảnh khó khăn , thiếu thốn ... - Tinh thần lạc quan - Cái nắm tay để động viên nhau ... -> Tình đc chân thành mà thiêng liêng cao đẹp - Nghệ Thuật : Giọng thơ trầm lắng, hình ảnh thơ chân thực, NT liệt kê, ngôn ngữ giản dị và cô đọng ... II. Trả bài III. Nhận xét * Ưu điểm: + HS hiểu và làm đúng yêu cầu của đề bài + Trong quá trình làm đã tích hợp vận dụng phân môn này phục vụ phân môn khác + Trả lời rõ ràng ngắn gọn + Nhiều bài văn viết tốt VD: Huyền, Hạnh, Quỳnh, Kim Anh * Nhược điểm: + Một số bài trả lời không đúng câu hỏi, thiếu khoa học, làm thừa hoặc thiếu ý cần trả lời + Sai nhiều lỗi chính tả + Một số bài diễn đạt còn chưa lưu loát VD: Bắc, Minh, Hoàng, Quỳnh.

-GV yêu cầu HS lên bảng chữa những lỗi sai điển hình	IV. Chữa lỗi sai điển hình:			
	1. Chính tả:			
	Tiếng Việt		Văn	
	Lỗi sai	Sửa lại	Lỗi sai	Sửa lại
	p/trâm	p/châm	nàng	làng

-GV đưa ra một số những lỗi sai điển đạt và gọi HS lên bảng chữa -> GV nhận xét chỉnh sửa GV cho HS đọc mỗi đề một bài làm tốt VD; Huyền , Vân, Yến	no/năng nửa sung hô chức/tiế p. . .	lo/lắng lửa xur- ng/hô trực/tiế p. . .	v/chán lắm(btay sung đột c/truyện ...	v/ trán nắm xung/... chuyện ...
	2. Diễn đạt: - ... sử dụng dấu 2 chấm để ngăn cách vật được dẫn -> dấu hai chấm được dùng trước lời dẫn ... - ... mặc dù là làng là một vùng đất của chúng ta -> làng là nơi ta sinh sống, ... V. Đọc bài làm tốt			

3.Hoạt động vận dụng

- Sửa lại các lỗi trong bài kiểm tra

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Học bài, ôn lại kiến thức
- Xem lại các đề bài, câu hỏi
- Chuẩn bị kĩ nội dung "Ôn tập TLV"

=====

Ngày soạn:
Tuần 17

Ngày dạy:

Tiết 81: ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Học sinh nắm được các nội dung chính của phần Tập làm văn đã học trong chương trình lớp 9. Thấy được tính chất tích hợp của chúng với văn bản và các kiểu loại đã học ở lớp 6,7,8.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức.

3. Thái độ: Học sinh có ý thức tự giác, hứng thú học tập.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn bài, hệ thống hóa kiến thức TLV của HKI
- Tích hợp với các văn bản đã học.

2. Trò:

- Chuẩn bị trước các câu hỏi từ 1 - 4 (SGK/206)

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.PP : Gọi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm, luyện tập thực hành.

2.KT : Đặt câu hỏi

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1.Hoạt động khởi động

***Ôn định lớp:**

***Kiểm tra :** (Trong giờ học)

***Vào bài mới**

2.Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
PP : Gọi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm, luyện tập thực hành. KT : Đặt câu hỏi - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Trong chương trình Ngữ văn 9 (Tập 1) phần TLV có những nội dung lớn nào ? Nội dung nào là trọng tâm ? -HS thảo luận và trình bày ? Vai trò, vị trí, tác dụng của các biện pháp nghệ thuật và miêu tả trong văn bản thuyết minh ? ? Lấy ví dụ minh họa. GV chú ý phân biệt sự khác nhau giữa miêu tả, thuyết minh -> để tránh lạm dụng yếu tố miêu tả trong thuyết minh. - GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm ? Văn thuyết minh có yếu tố miêu tả, tự sự có gì giống và khác văn bản miêu tả ? - HS thảo luận và trình bày	Câu 1: - Văn bản thuyết minh (kết hợp giữa thuyết minh với các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả) - Văn bản tự sự : + Tự sự kết hợp biểu cảm, miêu tả, nghị luận. + Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm ... + Người kể chuyện trong văn bản tự sự. Câu 2 : - Các biện pháp nghệ thuật và yếu tố miêu tả có tác dụng làm cho bài văn thuyết minh sinh động, hấp dẫn, dễ hiểu về đối tượng. VD : Khi thuyết minh về ngôi chùa, người thuyết minh sử dụng NT : tưởng tượng, so sánh, nhân hóa, miêu tả để người nghe hình dung ra ngôi chùa có dáng vẻ như thế nào, màu sắc, không gian... Câu 3 : a. Văn bản thuyết minh : - Trung thành với đặc điểm của đối tượng một cách khách quan, khoa học. - Cung cấp đầy đủ tri thức về đối tượng b. Văn bản miêu tả : - Xây dựng hình tượng thông qua quan sát, liên tưởng, so sánh, nhận xét theo ý chủ quan, làm cho người đọc cảm nhận rõ đặc điểm của đối tượng. c. Văn bản tự sự : - Cung cấp về nội dung, cốt truyện, sự

? Vai trò, vị trí và tác dụng yếu tố miêu tả, nghị luận trong văn bản tự sự ? ? Tìm một đoạn văn tự sự trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả nội tâm ? ? Tìm một đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận ? ? Tìm một đoạn văn tự sự kết hợp cả hai yếu tố miêu tả và nghị luận ?	vật, sự việc, nhân vật thông qua lời kể, đối thoại, độc thoại... Câu 4 : - Làm cho bài văn sinh động, hấp dẫn, có hình ảnh - Đan lồng ý kiến, nhận xét bài văn sẽ chặt chẽ + Đoạn văn có miêu tả nội tâm "Thực sự ... dài và hẹp" (Cổng trường mở ra - Lý Lan) + Đoạn văn có yếu tố nghị luận : "Vua Quang Trung ... không nói trước" (Hoàng Lê nhất thống chí - Ngô gia văn phái) + Đoạn văn có miêu tả nội tâm và nghị luận : " Lão không hiểu ... thêm đáng buồn" (Lão Hạc - Nam Cao)

3. Hoạt động vận dụng

- Giáo viên yêu cầu HS hệ thống hóa lại kiến thức trong tiết ôn tập
- + Lí thuyết : Văn thuyết minh, văn miêu tả, văn tự sự
- + Thực hành : Các biện pháp nghệ thuật và miêu tả trong văn thuyết minh.
Miêu tả nội tâm, nghị luận..

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng kiến thức

- Ôn tập theo nội dung tiết học
- Hoàn thành các bài tập
- Chuẩn bị các câu hỏi còn lại

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 17 - **Tiết 82 : ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN (Tiếp)**

I. MỤC TIÊU

- 1. Kiến thức:** Học sinh tiếp tục củng cố hệ thống hóa kiến thức tập làm văn đã học ở học kì I của lớp 9.
- 2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức.
- 3. Thái độ:** Học sinh có ý thức tự giác, hứng thú học tập.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.
 - HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn bài, hệ thống hóa kiến thức TLV của HKI
- Tích hợp với các văn bản đã học.

2. Trò: - Chuẩn bị bài

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.PP : Gợi mở-vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành.

2.KT : Đặt câu hỏi

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

***Ôn định lớp:**

***Kiểm tra :** (Trong giờ học)

***Vào bài mới**

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
1.PP : Gợi mở-vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành. 2.KT : Đặt câu hỏi ? Thế nào là đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm? ? Tác dụng của các hình thức này? -GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Em hãy tìm các đoạn văn có yếu tố đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm? -GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Tìm 2 đoạn văn : Một đoạn văn người kể chuyện ở ngôi thứ nhất, một đoạn văn người kể chuyện ở ngôi thứ 3? ? Nhận xét vai trò của mỗi loại ngôi kể?	Câu 5 : - Đối thoại: + Là hình thức đối đáp , trò chuyện giữa hai hoặc nhiều người + Gạch đầu dòng ở đầu lời trao và lời đáp - Độc thoại : + Lời nói với chính mình hoặc ai đó trong tưởng tượng + Độc thoại nói thành lời thì phía trước câu nói có dấu gạch đầu dòng - Độc thoại nội tâm : + Lời nói không thành lời (Suy nghĩ) + Không có gạch đầu dòng -> Tác dụng : Góp phần thể hiện tính cách, tình cảm, trân trọng của nhân vật. + Trích "Dế Mèn phiêu lưu ký" (Tô Hoài) + "Làng" (Kim Lân) + "Lão Hạc" (Nam Cao) + "Lặng lẽ Sa Pa" (Nguyễn Thành Long) Câu 6 : - Học sinh tự tìm trong các văn bản đã học 2 đoạn văn : + Ngôi thứ nhất + Ngôi thứ ba - Ngôi thứ nhất : Người kể chuyện tham gia vào câu chuyện, sự việc mang tính chủ quan chân thực có độ tin cậy cao.

-GV yêu cầu HS thảo luận nhóm ? Các nội dung văn bản tự sự đã học ở lớp 9 có gì giống với nội dung về kiểu văn bản này học ở lớp dưới? ? Còn điểm khác nhau là gì? ? Tại sao trong một văn bản có nhiều yếu tố (miêu tả, biểu cảm, nghị luận) mà vẫn gọi là văn bản tự sự? ? Theo em có văn bản nào chỉ vận dụng một phương thức biểu đạt duy nhất không?	- Ngôi thứ ba : Người kể chuyện giấu tên nhưng biết hết sự việc, mang tính khách quan, linh hoạt. Câu 7 : * Giống : - Là tự sự phải có cốt truyện, nhân vật và các sự việc... nhân vật chính, nhân vật phụ, sự việc chính và sự việc phụ... * Khác : - ở lớp dưới xét văn bản tự sự ở điểm thuần túy là tự sự -> giúp học sinh nhận biết được thể nào là tự sự. - Lớp 9 xét tự sự trong sự tổng hợp với các phương thức khác nhau như : nghị luận, miêu tả, biểu cảm, các biện pháp nghệ thuật, đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm, người kể chuyện. Câu 8 : - Trong các văn bản tuy có nhiều phương thức biểu đạt khác nhau nhưng vẫn xác định được kiểu văn bản vì căn cứ vào phương thức biểu đạt chính. Tuy có miêu tả, biểu cảm, nghị luận nhưng phương thức biểu đạt chính vẫn là tự sự -> Văn bản tự sự. - Không có văn bản nào vận dụng duy nhất một phương thức biểu đạt. Đa phần đều kết hợp các phương thức biểu đạt vì thế mục đích biểu đạt mới cao.

3. Hoạt động vận dụng

- Giáo viên yêu cầu HS khái quát nội dung tiết học :
- + Văn tự sự lớp 9 nâng cao hơn kết hợp nhiều yếu tố.
- + Tuy nhiên yếu tố chính là tự sự vẫn chủ yếu

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Học bài theo nội dung ôn tập
- Hoàn chỉnh câu hỏi SGK
- Chuẩn bị 4 câu hỏi còn lại (Từ 9 -> 12)

=====

Ngày soạn:
Tuần 18- Bài 16

Ngày dạy:

Tiết 83 : ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN (Tiếp)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: Học sinh tiếp tục củng cố hệ thống hóa kiến thức tập làm văn còn lại đã học ở học kì I của lớp 9.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức.

3. Thái độ: Học sinh có ý thức tự giác, hứng thú học tập.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin , tự chủ.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn bài, hệ thống hóa kiến thức TLV của HKI

- Tích hợp với các văn bản đã học.

2. Trò: - Chuẩn bị bài

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.PP : Gọi mở-vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành.

2.KT : Đặt câu hỏi

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

***Ổn định lớp:**

***Kiểm tra :** (Trong giờ học)

***Vào bài mới**

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò		Nội dung cần đạt					
PP : Gọi mở-vấn đáp,hoạt động nhóm, luyện tập thực hành. KT : Đặt câu hỏi -GV yêu cầu HS kẻ bảng theo mẫu SGK. Sau đó yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi điền vào bảng phụ		Câu 9 :					
STT	Kiểu văn bản	Các yếu tố kết hợp với văn bản chính					
		Tự sự	Miêu tả	Ngh.luận	B.cảm	Th.minh	Đ.hành
1	Tự sự		x	x	x	x	
2	Miêu tả	x		x	x	x	
3	Nghị luận		x		x	x	
4	Biểu cảm	x	X	x			
5	Thuyết minh	x	X	x			
6	Điều hành	x		x			
? Tại sao các tác phẩm tự sự được học không phải khi nào cũng phân biệt 3		Câu 10 : - Bố cục 3 phần của văn bản tự sự là					

phần nhưng bài làm của học sinh vẫn có đủ 3 phần.

? Những kiến thức, kĩ năng về văn bản tự sự của phần Tập làm văn có giúp gì cho em khi học các văn bản tự sự trong SGK.

? Lấy ví dụ để phân tích.

? Những kiến thức về văn học và Tiếng Việt giúp gì cho em khi học tập làm văn khi viết bài văn tự sự.

bắt buộc mang tính quy phạm khuôn mẫu. Do đó với học sinh cần phải làm quen để có ý thức vận dụng, xây dựng kết cấu bài viết. Còn với các nhà văn thì không cần theo quy phạm nữa mà mỗi nhà văn có một sự sáng tạo riêng.

Câu 11 :

- Những kiến thức TLV đã giúp ích nhiều khi học phần Đọc - hiểu văn bản tự sự (SGK)

VD: Dùng yếu tố đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm để thấy rõ tâm trạng của ông Hai Thu trong văn bản "Làng" của Kim Lân.

Câu 12 :

- Giúp cho học sinh thấy được những tri thức cần thiết để làm một bài văn tự sự

VD : Cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, cách kết hợp các yếu tố trong văn bản tự sự.

3. Hoạt động vận dụng

- Giáo viên yêu cầu HS hệ thống kiến thức của tiết học :
- + Sự kết hợp của tự sự với các yếu tố khác
- + Tích hợp, mối quan hệ giữa Tập làm văn, Văn, Tiếng Việt

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Học bài theo các nội dung
- Hoàn chỉnh các câu hỏi
- Ôn tập tiết sau kiểm tra học kì I

Ngày soạn:

Ngày dạy:

(Theo lịch của PGD)

Tiết 84, 85 : KIỂM TRA TỔNG HỢP HỌC KÌ I

I.MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

HS cần :

1. Kiến thức: Biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết vấn đề của đề bài Tiếng Việt - Tập làm văn - Văn học.

2. Kĩ năng: Rèn luyện cách trình bày một bài kiểm tra hoàn chỉnh.

3. Thái độ: Thái độ nghiêm túc, cố gắng khi làm bài.

4. Năng lực và phẩm chất :

- Năng lực : Tổng hợp, giải quyết vấn đề, tự học

- Phẩm chất : Tự tin, tự chủ

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Tự luận : 100%

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Chủ đề \ Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Bậc thấp	Bậc cao	
I. Phần đọc - hiểu văn bản Cho một đoạn thơ hoặc đoạn truyện trong tác phẩm văn học Việt Nam đã học.	Nhớ tên tác giả, phương thức biểu đạt của đoạn trích (0,5 điểm); nhận biết được nghĩa của từ ngữ hoặc các phép tu từ trong đoạn trích (0,5 điểm).	Hiểu nội dung ý nghĩa của đoạn thơ, văn đã cho (1,0 điểm); hiểu ý nghĩa nhan đề của tác phẩm có đoạn trích trên (1,0 điểm).			
<i>Số câu</i> <i>Số điểm, tỉ lệ</i>	$\frac{1}{2}$ câu (a,b) 1,0 đ=10%	$\frac{1}{2}$ câu (c,d) 2,0 đ=20%			01(a,b,c,d) 3,0 đ=30%
II. Phần tạo lập văn bản - Lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp; - Yếu tố miêu tả, biểu cảm và nghị luận trong văn tự sự; - Các hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn tự sự.			Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về bài học cuộc sống rút ra từ một câu chuyện ngắn (ngữ liệu có thể ngoài SGK). Trong đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp.	Viết bài văn kể chuyện tưởng tượng: mình gặp gỡ và trò chuyện với nhân vật trong tác phẩm truyện hiện đại.	
<i>Số câu</i> <i>Số điểm, tỉ lệ</i>			01 2,0 đ=20%	01 5,0 đ=50%	02 7,0 đ=70%

Tổng số câu	1/2 câu	1/2 câu	01	01	03
Tổng số điểm	1,0 điểm	2,0 điểm	2,0 điểm	5,0 điểm	10 điểm
Tỉ lệ	10%	20%	20%	50%	100%

IV. THIẾT LẬP ĐỀ KIỂM TRA

Câu 1: Cho đoạn thơ sau :

“ Hoi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hoi chiến tranh ở rừng
vàng trắng thành tri kỉ ”

- Đoạn thơ trên được trích trong tác phẩm nào, của ai ? Phương thức biểu đạt của đoạn thơ trên?
- Chỉ ra biện pháp tu từ trong đoạn thơ ?
- Nêu cảm nhận của em về nội dung, ý nghĩa của đoạn thơ ?
- Em hãy giải thích ý nghĩa nhan đề của tác phẩm ?

Câu 2 : Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa câu chuyện, trong đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp.

NGỌN GIÓ VÀ CÂY SÒI

Một ngọn gió dữ dội băng qua khu rừng già. Nó ngao nghễ thổi tung tất cả các sinh vật trong rừng, cuốn phăng những đám lá, quật gãy các cành cây. Nó muốn mọi cây cối đều phải ngã rạp trước sức mạnh của mình. Riêng một cây sồi già vẫn đứng hiên ngang, không bị khuất phục trước ngọn gió hung hăng. Như bị thách thức ngọn gió lồng lộn, điên cuồng lật tung khu rừng một lần nữa. Cây sồi vẫn bám chặt đất, im lặng chịu đựng cơn giận dữ của ngọn gió và không hề gục ngã. Ngọn gió mỗi một đánh đầu hàng và hỏi:

- Cây sồi kia! Làm sao ngươi có thể đứng vững như thế?

Cây sồi từ tốn trả lời:

- Tôi biết sức mạnh của ông có thể bẻ gãy hết các nhánh cây của tôi, cuốn sạch đám lá của tôi và làm thân tôi lay động. Nhưng ông sẽ không bao giờ quật ngã được tôi. Bởi tôi có những nhánh rễ vươn dài, bám sâu vào lòng đất. Đó chính là sức mạnh sâu thẳm nhất của tôi. Nhưng tôi cũng phải cảm ơn ông ngọn gió ạ! Chính cơn điên cuồng của ông đã giúp tôi chứng tỏ được khả năng chịu đựng và sức mạnh của mình."

(Theo : Hạt giống tâm hồn, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2011)

Câu 3 : Em hãy tưởng tượng mình được gặp gỡ và trò chuyện với nhân vật Bé Thu trong tác phẩm **Chiếc lược ngà** của nhà văn Nguyễn Quang Sáng . Em hãy kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.

V. Đáp án và biểu điểm

1. Đáp án

Câu 1:

a. Đoạn thơ trên được trích trong bài thơ **Ánh trăng** của Nguyễn Duy. PTBD của đoạn thơ trên là biểu cảm kết hợp với miêu tả và tự sự.

b. Biện pháp tu từ trong đoạn thơ trên là điệp ngữ, liệt kê

c. Nội dung đoạn thơ trên là :

- Tuổi thơ của nhân vật trữ tình được hòa mình với thiên nhiên; được ngắm trăng trên cánh đồng, bên bờ sông và bên bãi bể. Người và trăng là đôi bạn thân thiết.

- Trong những năm chiến tranh ở rừng, người lính và vầng trăng trở thành đôi tri kỉ. Người lính và vầng trăng trở thành đồng chí, đồng đội.

-> Trăng gắn liền với tuổi thơ tươi mát, với những năm tháng gian lao trong cuộc đời người lính. Vầng trăng gắn liền với quá khứ nghĩa tình.

Câu 2 : * Hình thức : Đoạn văn

*Ý nghĩa rút ra từ câu chuyện :

- Gió tượng trưng cho những gian khổ, thử thách.

- Cây sồi tượng trưng cho ý chí, nghị lực, lòng dũng cảm trước những gian khổ.

- Ý nghĩa :+ Trong cuộc sống, con người cần có lòng dũng cảm, ý chí, nghị lực và bản lĩnh vững vàng trước khó khăn gian khổ.

+Con người chỉ có thể thành công khi có niềm tin vào bản thân, ý chí và khát vọng vươn lên để chiến thắng mọi gian khổ.

+Trước những thử thách và gian nan, con người sẽ thất bại nếu không có nghị lực.

+Chúng ta không nên tuyệt vọng, bị quặn trước những khó khăn mà hãy bình tĩnh để tìm ra giải pháp vượt qua những khó khăn đó.

+Mỗi người hãy biết rèn luyện, tu dưỡng bản thân để vững vàng trước những thử thách của cuộc sống và phải biết lên án, phê phán những người sống thiếu nghị lực

(HS có thể lấy vd thực tế để minh họa)

- Trong đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp.

Câu 3

- Yêu cầu

A . Mở bài : - HS tưởng tượng được tình huống gặp gỡ nhân vật

B. Thân bài : + Cuộc gặp gỡ và trò chuyện với nhân vật bé Thu cần đảm bảo những nội dung sau :

- Hoàn cảnh gia đình bé Thu

- Cảm xúc của hai cha con bé Thu khi lần đầu gặp nhau

- Cảm xúc của hai cha con bé Thu trong ba ngày ông Sáu được nghỉ phép

- Cảm xúc của hai cha con bé Thu trong buổi sáng ông Sáu lên đường trở về đơn vị

- Cảm xúc của bé Thu khi nghe bác Ba kể về những ngày ông Sáu ở chiến trường

+ Người viết cần bộc lộ cảm xúc , suy nghĩ khi được trò chuyện với nhân vật

- + Bài viết có sử dụng:
- Yếu tố miêu tả, biểu cảm và nghị luận;
- Các hình thức đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm.

C, kết bài : Tình cảm của người viết với nhân vật , người viết có liên hệ phù hợp

2. Biểu điểm

Câu 1: 3đ

a, 0,5đ

b, 0,5đ

c, 1đ

d, 1đ

Câu 2: 2đ

Câu 3 : 5đ

* **Biểu điểm** : 5 điểm. Thang điểm cụ thể như sau :

- Điểm 5 : Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên, không sai chính tả, diễn đạt tốt.
- Điểm 4 : Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên, còn sai ít chính tả, diễn đạt khá.
- Điểm 3 : Cơ bản đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của bài nhưng chưa thật lưu loát.
- Điểm 2 : Chưa đủ ý trên. Còn có lỗi sai nhiều.
- Điểm 1 : Sơ sài, thiếu quá nhiều ý. Hành văn yếu.
- Điểm 0 : Không xác định được đề bài.

Ngày soạn:

TUẦN 18 - TIẾT 86

Ngày dạy:

TẬP LÀM THƠ TÁM CHỮ (Tiếp theo tiết 54)

I. MỤC TIÊU :

Qua bài học này, HS cần :

1. Kiến thức :

- Tiếp tục tìm hiểu những bài thơ tám chữ hay của các nhà thơ, từ đó nắm rõ hơn đặc điểm của thể thơ tám chữ.

2. Kỹ năng :

- Tập làm thơ tám chữ theo đề tài tự chọn hoặc viết tiếp những câu thơ vào một bài thơ cho trước.

3. Thái độ: Tích cực tham gia bài học.

4. Năng lực và phẩm chất:

? Chỉ ra đặc điểm của thể thơ tám chữ trong những VD sau ?
 ? Nêu chủ đề về nội dung đoạn thơ trên
 - HS thảo luận và trình bày

*GV sử dụng kĩ thuật động não và trình bày một phút
 - GV: đưa khổ thơ còn thiếu câu
 - Hoàn thiện các khổ thơ sau (Viết thêm câu cuối)?
 * Yêu cầu :
 - Câu mới viết phải đủ tám chữ
 - Phải đảm bảo logic về ý nghĩa với những câu đã cho.
 - Phải có vần chân liền hoặc cách

* Xuân Diệu
 Cây bên đường, trụi lá đứng tàn ngán
 Khắp xương nhánh chuyển một buồn
 tê tái.

Và giữa vườn im, hoa run sợ hãi
 Bao nỗi phôi pha, khô héo rụng rời.
 (Tiếng gió)

* Hàn Mặc Tử
 Cứ để ta ngất ngủ trên vũng huyết
 Trái niêm đau trên mảnh đất mong
 manh
 Đừng nắm lại, nguồn thơ ta đang siết
 Cả lòng ta trong mơ chữ rung rinh

...
 Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút
 Bao lời thơ đều dính não cân ta
 Bao dòng chữ quay cuồng như máu vọt
 Cho mê man tê điếng cả làn da
 (Trăng...)

III. Tập hoàn thiện khổ thơ tám chữ.

a. Biết làm thơ cha hẳn là thi sĩ
 Như người yêu khác hẳn với tình nhân
 Biển dù nhỏ không phải là ao

rộng
 (Một cảnh đào chưa thể gọi mùa xuân)

b. Cành mùa thu đã mùa xuân nảy
 lộc
 Hoa gạo nở rồi, nở đỏ bên sông
 Tôi cũng khác tôi sau lần gặp tr-
 ước
 (Mà sông bình yên nước chảy theo
 dòng)

c. Nhưng sớm nay tôi chợt đứng sững sờ
 Phố hàng ngang dẫu đã xoan nở trắng
 Và hoa rơi thật dịu dàng, êm lặng
 (giao vào lòng người một vườn hoa
 nắng)

4. Hoạt động vận dụng

- Tập làm bài thơ tám chữ theo chủ đề lựa chọn

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Sưu tầm những bài thơ tám chữ
- Chuẩn bị bài giờ sau thi làm thơ tám chữ theo đề tài tự chọn và đề tài bắt buộc.

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 18 - TIẾT 87

TẬP LÀM THƠ TÁM CHỮ (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

Qua bài học này, HS cần :

- 1. Kiến thức :** Vận dụng các kiến thức về thể thơ tám chữ để làm một bài thơ hoàn chỉnh.
- 2. Kỹ năng :** Tập làm thơ tám chữ theo đề tài tự chọn.
- 3. Thái độ :** Tích cực tham gia bài học.

4. Năng lực và phẩm chất:

- Năng lực : Tự học, giao tiếp, cảm thụ, hợp tác, giải quyết vấn đề.
- Phẩm chất : Tự tin, tự chủ, yêu quê hương - gia đình- trường lớp.

II. CHUẨN BỊ

- 1. GV:** Chuẩn bị 1 số bài thơ tám chữ hay
- 2. HS :** sưu tầm 1 số bài thơ tám chữ, tập làm thơ theo chủ đề.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- 1. PP :** Gọi mở - vấn đáp, luyện tập thực hành, hoạt động nhóm,
- 2. Kỹ thuật :** Động não, trình bày một phút, đặt câu hỏi

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

- * Ổn định tổ chức
- * kiểm tra bài cũ : - Luật làm thơ tám chữ ?
- * Vào bài mới : GV giới thiệu bài mới

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*PP : Hoạt động nhóm, gọi mở - vấn đáp, pp luyện tập thực hành *Kỹ thuật : Động não, trình bày một phút - GV : Yêu cầu các nhóm thảo luận : tự chọn đề tài, làm đúng thể loại, nội dung trong sáng, có ý nghĩa tích cực. - GV: - Gọi đại diện trình bày - Gọi nhóm khác nhận xét	IV. Tập làm thơ tám chữ theo đề tài tự chọn.

- GV: nhận xét, biểu dương

GV: Chia nhóm cho học thảo luận

- Cả lớp chia 4 nhóm, mỗi tổ là một nhóm.
- Cử trưởng nhóm & thư kí
- Thời gian: 10 phút
- Gv cho học sinh bốc thăm đề tài.

1- Đề tài : nhớ trường

2- Đề tài: Tình bạn.

3- Đề tài : con sông quê hương.

4- Đề tài : Thiên nhiên

* Yêu cầu : làm đúng thể loại, nội dung trong sáng, có ý nghĩa tích cực.

- Gọi đại diện trình bày
- Gọi nhóm khác nhận xét, bình

GV: nhận xét, biểu dương nhóm làm tốt về thể loại, ý nghĩa

GV: Đưa một số đoạn thơ theo chủ đề đã cho.

Gv: Bình một số bài thơ hay và khuyến khích tinh thần sáng tác thơ văn của HS

V. Thi làm thơ tám chữ theo đề tài cho trước:

1. Nhớ trường.

Nơi ta đến hàng ngày quen thuộc
thế

Sân trường mênh mông, nắng cũng
mênh mông

Khăn quàng tung bay rực rỡ sắc
hồng

Xa bạn bè, sao bỗng thấy băng
khuâng

2. Nhớ bạn

Ta chia tay nhau phượng đỏ đầy trời

Nhớ những ngày vui rộn rã tiếng
cười

Và nhớ những đêm lửa trại tuyệt vời
Quây quần bên nhau long lanh rơi
lệ.

3. Con sông quê hương

Con sông quê ru tuổi thơ trong
mơ

Giữa những hoàng hôn ngời lên ánh
mắt

Gặp nhau hồn nhiên nụ cười rất
thật

Đề mai ngày thao thức viết
thành thơ.

3. Hoạt động vận dụng

- Tiếp tục làm thơ tám chữ ?

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Về tập làm thơ tám chữ theo đề tài
- Chuẩn bị bài giờ sau học bài “Những đứa trẻ”
- + Đọc Vb
- + Trả lời các câu hỏi / SGK

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN 18 - TIẾT 88 + 89

NHỮNG ĐỨA TRẺ (ĐỌC THÊM)
(Trích Thời thơ ấu)

Mác- xim Go-rơ-ki

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học này, HS cần :

1.Kiến thức: Rung cảm trước những tâm hồn tuổi thơ trong trắng, sống thiếu tình thương và hiểu rõ nghệ thuật kể chuyện Go-rơ-ki trong đoạn trích tiểu thuyết tự thuật này .

2.Kĩ năng: Rèn khả năng phát hiện, phân tích các chi tiết, các yếu tố nghệ thuật .

3. Thái độ: Bồi dưỡng tinh thần nhân ái, yêu thương con người .

4. Năng lực và phẩm chất

- Năng lực : Giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học

- Phẩm chất : Tự tin, tự chủ, yêu thương con người, nhân ái

II .CHUẨN BỊ :

1. Giáo viên: Tham khảo tài liệu có liên quan, máy chiếu

2. Trò: Ôn lại kiến thức đã học, chuẩn bị kiểm tra .

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1.PP : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, bình giảng

2. Kĩ thuật : Động não, trình bày một phút, đặt câu hỏi

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

*Ổn định tổ chức :

* Kiểm tra bài cũ :

- Tóm tắt văn bản Cô hương ? Nêu nghệ thuật và nội dung của văn bản ?

* Tổ chức khởi động :

- GV cho Hs thi tìm các câu thơ, lời hát về tình bạn.

- Cảm nhận về tình bạn qua các lời thơ trên?

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Yêu cầu theo dõi sgk/ 232 - Nêu những hiểu biết của em về tác giả M.Gorki? GV giới thiệu chân dung nhà văn. - Xuất xứ của đoạn trích ?	I .Đọc, Tìm hiểu chung 1. Tác giả, Mácxim Gorki(1868-1936) là bút danh của A.Pêscốp-Nhà văn lớn của Nga và thế giới trong thế kỉ XX. - Gorki (cay đắng) - Tác giả viết ba tiểu thuyết tự thuật . + Thời thơ ấu, Kiếm sống, Những trường đại học của tôi. 2. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ - Trích từ chương IX tác phẩm “Thời thơ ấu” (13 chương)

GV: Hướng dẫn, đọc mẫu, gọi hs đọc, nhận xét GV : yêu cầu HS tóm tắt GV tóm tắt lại . - Giải thích chú thích 5,7,9,10 ? - Xác định thể loại của văn bản ? - Những PTBĐ trong tác phẩm ? - Bài có thể chia mấy phần? nêu nội dung từng phần ? - GV : yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi : - Hoàn cảnh của A-li-ô-sa và bọn trẻ ? - Cảm nhận của em về hoàn cảnh của chúng ? - HS trả lời, NX - Vì sao những đứa trẻ lại chơi với nhau? ? Vì sao ông đại tá không cho con chơi với Aliôsa? - Tuy bị cấm đoán nhưng chúng vẫn chơi với nhau bằng cách nào ? - Nhận xét gì về nghệ thuật trong đoạn	*. Đọc , tóm tắt, chú thích : - Đọc - Tóm tắt - Hiểu chú thích sgk /233 *Thể loại : Tiểu thuyết * PTBĐ : Tự sự + miêu tả và biểu cảm * Bố cục : 3 phần : - Phần 1: Từ đầu đến “ ần em nó cúi xuống” (Tình bạn tuổi thơ trong trắng) - Phần hai : tiếp đến “ không được đến nhà tao” (Tình bạn bị cấm đoán) - Phần ba : còn lại . (Tình bạn vẫn cứ tiếp diễn) II. Phân tích : 1. Tình bạn của những đứa trẻ - Aliôsa mất bố, mẹ lại đi lấy chồng khác ,ông ngoại hay đánh đòn , chỉ có bà là người hiền hậu ... - Những đứa trẻ: sống trong cảnh giàu sang nhưng cũng chẳng sung sướng gì ,mẹ chết sống với dì ghẻ ,bị cấm đoán , đánh đòn -> Là những đứa trẻ thiếu tình thương ... -> Do tình cờ, Aliôsa góp sức cứu đứa nhỏ bị rơi xuống giếng nên 3 đứa trẻ hiểu và chơi với Aliôsa. - Ông bà ngoại của Aliôsa là hàng xóm với đại tá ôpxiannicốp nhưng hai gia đình thuộc những thành phần xã hội khác nhau (dân thường – quan chức giàu sang) nên đại tá không cho con chơi với Aliôsa. - Cả bọn chui vào xe trượt tuyết , trò chuyện + Ngôn ngữ đối thoại

văn này ? - Tình cảm gì của bọn trẻ với nhau ntn? GV : Bình - Ali có tâm trạng gì khi nói chuyện với bọn trẻ? - Em thử giải thích vì sao A-li có tâm trạng đó? - Chi tiết A-li bắt chim song chú bé từ bỏ ý định đó vì sao? - Qua đó, em hiểu thêm gì về bọn trẻ? - Khi nhắc đến dì ghẻ, bọn trẻ có hành động gì? - Tg sử dụng nghệ thuật gì và tác dụng của nó ra sao? - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm : - Em hãy nêu nhận xét về cách kể chuyện của tác giả? - Qua đó, em thấy hình ảnh bọn trẻ hiện lên như thế nào? - A-li là chú bé ntn? - HS thảo luận -> trình bày, NX (Tiết 2) - Hình ảnh người cha của bọn trẻ xuất hiện như thế nào? - Hình ảnh đó gợi cho em liên tưởng đến nhân vật nào? - Hành động của ông ta ra sao? Qua đó, em thấy ông ta là người như thế nào. - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi: - Tg sử dụng nghệ thuật gì để bộc lộ tình	=> Yêu thương, quý mến nhau, thân thiết như anh em ruột . - Khó mà tin được rằng... cảm thấy tức thay cho chúng -> A-li thấy chúng hiền lành và yếu ớt, chúng mất mẹ nhưng còn có bố, cậu bé muốn bênh vực bạn nhưng bất lực. - A-li từ bỏ ý định bắt chim khi đứa bé phản đối - A-li bắt một con bạch yến theo ý muốn của bạn -> Chúng biết sống cho bạn và hết lòng yêu quý bạn. -“..ngồi sát vào nhau giống như những chú gà con” -> Phép so sánh: sự cô đơn, yếu ớt, đáng thương, cần được người chở che, bảo vệ. + Ngôn ngữ đối thoại, kết hợp chuyện đời thường với chuyện cổ tích => Hình ảnh những đứa trẻ hồn nhiên, ngây thơ, đáng yêu và tình bạn gắn bó. -> A-li là người bạn tốt, biết sẻ chia. 2. Những đứa trẻ bị cảm đoán: “- Một ông già với bộ ria trắng... ... khung cảnh: những đám mây đỏ..”. -> Hình ảnh đẹp, gợi lên nhân vật thần tiên “.... Đứa nào...” -> Một con người hách dịch. “.. Đẩy ra khỏi cổng...” -> lạnh lùng và tàn nhẫn. + NT: Sự tương phản giữa ngoại hình với hành động. => Tính cách thô lỗ, lạnh lùng, tàn nhẫn

cách nhân vật?

- Đó là con người có tính cách như thế nào?

GV; giảng

- Kể lại cái cách bọn trẻ chơi với nhau?

- Em có nhận xét gì về cách chơi đó?

- Bọn trẻ đã kể những gì cho A-li nghe?

- Qua đó, em có nhận xét gì về cuộc sống của bọn trẻ?

- A-li đã làm gì?

- Qua đó, em thấy A-li là người bạn như thế nào?

- Qua tìm hiểu, em hiểu thế nào về cuộc sống của bọn trẻ?

- **GV sử dụng kĩ thuật động não :**

- Em cảm nhận gì về tình bạn và người bạn A-li.?

- **GV sử dụng kĩ thuật trình bày một phút:**

- Em hãy tổng kết giá trị nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?

- Qua tìm hiểu văn bản, em hiểu gì về tác giả Mác-xim Gor-ki ?

- Câu chuyện cho em bài học gì?

3. Những đứa trẻ gặp nhau:

“...Bọn trẻ tiếp tục chơi.....”

-> Đó là một cuộc chơi không bình thường: Đoàn kết, có tổ chức nhưng phải bí mật và trốn tránh (lẽ ra chúng không phải làm như vậy)

- “... Cuộc sống buồn tẻ..... Chưa bao giờ chúng nói một lời nào về bố và về dì ghẻ”

=> Cuộc sống âm thầm và cô độc; thiếu vắng niềm vui; thiếu vắng tình thương ruột thịt.

- A-li kể chuyện cổ tích. muốn làm cho chúng vui thích

-> Người bạn có sự đồng cảm, sẻ chia và nâng đỡ.

⇔ *Cuộc sống đơn độc, sợ hãi, thiếu tình yêu thương của bố mẹ. Đó là cuộc sống bất hạnh*

- Tình bạn gắn bó. Đó là một tình bạn trong trắng, ấm áp.

- A-li-ô-sa là người hiểu biết, chân thành, giàu lòng nhân ái. Đó là một người bạn cao cả

III. Tổng kết

- Nghệ thuật : Sgk

- Nội dung: Sgk

- Tác giả: Một con người có tấm lòng cao cả, nhân ái, đồng cảm và nâng đỡ, sẻ chia bất hạnh của mọi người.

- Bài học về cách sống: Sống gắn bó và yêu thương mọi người, sẵn sàng sẻ chia những khó khăn, bất hạnh của họ

3. Hoạt động luyện tập

- Tóm tắt ngắn gọn văn bản ?

- Cảm nhận của em về tình cảm của bọn trẻ ?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn kể về tình bạn của em ?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về tác phẩm.
- Học bài .
- Chuẩn bị : ôn lại những kiến thức đã học -> giờ sau trả bài kiểm tra học kì (Theo lịch của PGD)

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TIẾT 90 - TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I

I.Mục tiêu :

1. Kiến thức :

- Học sinh hệ thống hóa những kiến thức đã học ở học kì I

2.Kĩ năng :

- So sánh đối chiếu với đáp án để rút ra nhận xét về bài làm của mình ,tìm cách khắc phục những hạn chế .

3. Thái độ :

- Nghiêm túc học tập

4. Năng lực và phẩm chất

- Năng lực : Hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học.
- Phẩm chất : Tự tin.

II.Chuẩn bị :

1. Thầy : Chấm bài , nhận xét .

- 2.Trò : Ôn tập

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- 1.PP : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, nêu và giải quyết vấn đề

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi.

IV, Tổ chức các hoạt động học tập

1. Hoạt động khởi động

- * Ổn định tổ chức
- * Kiểm tra bài cũ : - Kết hợp trong giờ .
- * Tổ chức khởi động
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi **Hoa điểm mười.**

2. Hoạt động luyện tập

3. Hoạt động vận dụng

- Đọc và sửa các lỗi sai trong bài.
- Viết lại bài văn ?

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Xem lại và sửa lại bài viết.
- Ôn tập tổng hợp kiến thức.
- Chuẩn bị ; Bàn về đọc sách.

+ Đọc và trả lời các câu hỏi trong sgk.

tailieugiangday.com

Ngày soạn:
Tuần 20 - Bài 18

Ngày dạy:

Tiết 91: VB - BÀN VỀ ĐỌC SÁCH

(Chu Quang Tiềm)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Qua bài học, HS cần :

1. Kiến thức:- Hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc đọc sách và phương pháp đọc sách.

- Hiểu được PP đọc sách sao cho có hiệu quả

2. Kỹ năng:- Biết cách đọc - hiểu một văn bản dịch. Nhận ra bố cục chặt chẽ, hệ thống luận điểm rõ ràng trong một văn bản nghị luận

- Rèn luyện thêm cách viết văn nghị luận.

3. Thái độ: Học sinh có tinh thần ham đọc sách, ý thức đọc sách có hiệu quả.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mỹ, ngôn ngữ, cảm thụ...

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ:

1. Thầy : - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu

- Dự kiến tích hợp: + Văn - T.L.V: Văn nghị luận

+ Văn - cuộc sống: Vấn đề đọc sách của học sinh

2. Trò: Đọc và soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, Dùng lời có nghệ thuật

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, Trình bày một phút, Động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định lớp:**

*** Kiểm tra bài cũ : (không)**

*** Tổ chức khởi động :** Gv cho HS xem clip về ngày hội đọc sách

? Em suy nghĩ gì sau khi xem clip trên.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc, Tìm hiểu chung - PP : gọi mở vấn đáp, hoạt động nhóm, hợp đồng - Kỹ thuật: đặt câu hỏi - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mỹ, ngôn ngữ, cảm thụ,... - Yêu cầu HS nêu giọng đọc của VB	I. Đọc, Tìm hiểu chung 1. Đọc, tìm hiểu chú thích (SGK)

GV hướng dẫn đọc, đọc mẫu Gọi học sinh đọc Gv nhận xét - Gv yêu cầu HS giải thích chú thích SGK (1,2) - GV sử dụng PP dạy học hợp đồng, yêu cầu Hs thảo luận về nội dung đã chuẩn bị và gọi đại diện nhóm lên trình bày về tác giả, tác phẩm? ? Xuất xứ của văn bản? ? Văn bản viết theo PTBD nào? ? Vấn đề nghị luận của văn bản này là gì? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Em chia văn bản làm mấy phần? Nội dung, giới hạn của từng phần? Hoạt động 2: Phân tích - PP, Gọi mở vấn đáp, Phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, hoạt động nhóm - Kí thuật: Động não, đặt câu hỏi. - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, thẩm mĩ, ngôn ngữ, cảm thụ,... ? Khi bàn về sự cần thiết của việc đọc sách tác giả đã đưa ra luận điểm nào? ? Theo em hiểu học vấn có nghĩa là như thế nào. Học vấn thu được qua sách là gì? ? Từ đó tác giả muốn ta nhận thức điều gì về quan hệ giữa đọc sách và học vấn? Gv: giảng ? Theo tác giả sách là gì? ? Tác giả còn nói như thế nào về mục đích của việc đọc sách?	2 . Tác giả, tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ * Phương thức nghị luận * Vấn đề nghị luận: Bàn về vai trò và cách thức của việc đọc sách *Bố cục: 3 phần. + Phần 1. Từ đầu... " phát hiện thế giới mới" -> Khẳng định tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đọc sách. + Phần 2. Tiếp ... "tự tiêu hao lực lượng " -> Những khó khăn, khi đọc sách. + Phần 3. Còn lại -> Bàn về phương pháp đọc sách. II. Phân tích 1.Tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đọc sách. - Đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn - Học vấn là những kiến thức được tích lũy từ mọi mặt .Học vấn thu được qua sách đó là những hiểu biết của con người qua đọc sách mà có. -> Đọc sách là một điều cần thiết, quan trọng để có học vấn. Muốn có học vấn phải đọc sách. - Sách là kho tàng quý báu... nhân loại

- Gv sử dụng kĩ thuật động não ? Đọc sách được coi là sự hưởng thụ có nghĩa là như thế nào? - Hs nêu ý kiến ? Đề tăng tính thuyết phục tác giả đã nói rõ tác hại của việc không đọc sách như thế nào? - Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Em có nhận xét gì về nghệ thuật lập luận có tác giả? — Hs thảo luận và trình bày -> bổ sung ? Những lí lẽ trên của tác giả cho em hiểu gì về đọc sách và lợi ích đọc sách? - Gv giảng ? Riêng em, em cảm nhận như thế nào về lợi ích của những cuốn sách mà em đã đọc? (HS liên hệ) GV: liên hệ	- Đọc sách là " điểm xuất phát " để vươn lên từ văn hoá, học thuật - Đọc sách là để kế thừa tri thức nhân loại - Đọc sách là để trả món nợ với thành quả nhân loại trong quá khứ - Đọc sách là để hưởng thụ những kiến thức, lời dạy của người xưa, để tự vũ trang cho mình tầm cao trí tuệ để có thể " làm cuộc trường chinh ... thế giới mới" - Không đọc sách là xoá bỏ hết những thành quả (...) của quá khứ. Chẳng khác nào đi giật lùi, làm kẻ lạc hậu. + Lí lẽ xác đáng, phân tích cụ thể, chặt chẽ, sâu sắc, dẫn chứng sinh động. => Sách là vốn quý của nhân loại. Đọc sách là để có học vấn. Muốn tiến lên con đường học vấn thì phải đọc sách

3. Hoạt động luyện tập

- Nêu những luận điểm cơ bản của bài ?
- Để nói tầm quan trọng của việc đọc sách, tác giả đưa ra luận điểm nào.?
- Theo em vì sao cần phải đọc sách ?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của một cuốn sách mà em đã đọc

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc cuốn sách “ Hạt giống tâm hồn”
- Đọc lại văn bản
- Nắm chắc hệ thống các lí lẽ làm rõ luận điểm 1
- Hiểu tầm quan trọng của đọc sách

- Xem và soạn tiếp phần còn lại

Ngày soạn:

Tuần 20 - Bài 18

Ngày dạy:

Tiết 92: VB - BÀN VỀ ĐỌC SÁCH (tiếp)

(Chu Quang Tiềm)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Qua bài học, HS cần

1. Kiến thức: - Hiểu được những khó khăn khi đọc sách, phương pháp đọc sách cho có hiệu quả.

2. Kỹ năng: - Biết cách đọc - hiểu một văn bản dịch. Nhận ra bố cục chặt chẽ, hệ thống luận điểm rõ ràng trong một văn bản nghị luận
- Rèn luyện thêm cách viết văn nghị luận.

3. Thái độ: Giáo dục ý thức học tập, trau dồi tri thức bằng cách đọc sách.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, thẩm mỹ, phân tích...

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, sống có trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ:

1. Thầy : - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu

- Dự kiến tích hợp: + Văn - T.L.V: Văn nghị luận

+ Văn - cuộc sống: Vấn đề đọc sách của học sinh

2. Trò: Đọc và soạn bài theo hệ thống câu hỏi SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, Dùng lời có nghệ thuật

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, Trình bày một phút, Động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** ổn định lớp:**

***Kiểm tra bài cũ : Vai trò của việc đọc sách?**

***Tổ chức khởi động :** Tìm những câu danh ngôn nói về vai trò của sách.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 2: Phân tích - PP; Gọi mở vấn đáp, Phân tích, Dùng lời có nghệ thuật, hoạt động nhóm -Kỹ thuật : Trình bày một phút, đặt câu hỏi. - HS có năng lực giải quyết vấn đề,	II. Phân tích

năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, thẩm mỹ, phân tích... ? Theo tác giả, tình hình đọc sách hiện nay như thế nào ? ? Tác giả đã chỉ ra những thiên hướng nào trong việc đọc sách ? ? Em hiểu thế nào là đọc không chuyên sâu.? - Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ?Tác giả đã phân tích thiên hướng đọc sách đó ra sao? - HS thảo luận, trình bày->Bổ sung ? Theo em, thiên hướng đọc sách ntn sẽ dẫn đến hậu quả gì? - GV: giảng ? Tác giả tiếp tục chỉ ra thiên hướng sai lệch nào trong việc đọc sách ? ? Tác giả phân tích cái hại đó ra sao.? ? Để tăng sức thuyết phục tác giả lập luận ntn về việc đọc sách ? ? Nhận xét cách lập luận của tác giả.? ? Thiên hướng đọc sách sai lệch này sẽ dẫn đến hậu quả gì? ? Từ việc phân tích trên, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì.? ?Em đã từng mắc phải những sai lầm	2. Tác hại của việc đọc sách không đúng phương pháp - Hiện nay sách vở càng nhiều thì việc đọc sách càng ngày càng không dễ. * Một là: Sách nhiều khiến người đọc không chuyên sâu (ham đọc nhiều mà không đọc kĩ, chỉ đọc hời hợt) -Học giả trẻ khoe đọc hàng vạn cuốn sách CÁCH ĐỌC LIỀM QUÁ TUY NHIỀU MÀ LƯU TÂM THÌ RẤT ÍT...ĐỌC KHÔNG BIẾT NGHIÊN NGÂM. - Tác giả so sánh với cách đọc của người xưa, đọc quyển nào ra quyển ấy, đọc kĩ càng, nghiền ngẫm từng câu từng chữ (cách đọc chuyên sâu) -> Không tích lũy được kiến thức * Hai là: Sách nhiều khiến người ta chọn lọc hướng, chọn lầm, chọn sai những cuốn sách nhạt nhẽo, tầm phào, vô bổ, thậm chí là độc hại - Không phân biệt được những tác phẩm đích thực với những cuốn vô thưởng vô phạt. - Học vấn không được nâng cao, tâm hồn không được bồi đắp mà lãng phí tiền bạc, thời gian, công sức... - " Chiếm lĩnh học vấn giống như đánh trận... " + Cách so sánh mới mẻ, độc đáo, nhưng thực tế và rất lí thú -> Lãng phí thời gian, ảnh hưởng xấu đến nhận thức. => Cần phải biết lựa chọn sách mà đọc, đọc ít mà chắc còn hơn nhiều mà rỗng, đọc những cuốn sách có giá trị đích thực để nâng cao trình độ của mình.

này khi đọc sách ? - Hs liên hệ GV: giảng - GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm ? Tác giả đã đưa ra phương pháp nào khi đọc sách? ? Những PP đó đã được làm sáng tỏ bằng những lí lẽ nào? ? NX về nghệ thuật lập luận của tác giả ? NX về những PP đọc sách mà tác giả đưa ra? -HS thảo luận -> trình bày-> bổ sung -GV:giảng - Gv sử dụng kĩ thuật trình bày một những phút : yêu cầu HS trình bày những nội dung được học và những điều cần biết thêm Hoạt động 3: Tổng kết - Kĩ thuật hỏi và trả lời: Yêu cầu HS đặt câu hỏi và trả lời về nghệ thuật và nội dung - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, thẩm mĩ, phân tích...	3. Phương pháp đọc sách * Chọn cho tỉnh, đọc cho kĩ - Đọc 10 quyển không quan trọng không bằng đọc 1 quyển có giá trị - Đọc 10 quyển chỉ lướt qua không bằng đọc lấy 1 quyển đọc 10 lần - Sách hay đọc nhiều lần không chán - Đọc ít mà đọc không kĩ sẽ tập thành nếp nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy... khí chất *Đọc sách có hệ thống:Sách phổ thông, Sách chuyên môn - Đọc để có kiến thức phổ thông là đọc rộng ra theo yêu cầu của môn học song cũng phải cần chọn sách tiêu biểu cho từng môn, từng lĩnh vực. Kiến thức này cần thiết cho tất cả mọi người. -Trên đời không có học vấn nào là cô lập ,tách rời các học vấn khác. - Không biết rộng thì không thể chuyên - Không thông thái thì không thể nắm gọn. -Biết rộng sau đó mới nắm chắc. +NT: Lập luận chặt chẽ, giàu hình ảnh với lối so sánh ví von, cụ thể và thú vị (có sức thuyết phục) => Phương pháp đọc sách đúng đắn III. Tổng kết 1,Nghệ thuật - Lập luận chặt chẽ, giàu hình ảnh với lối so sánh ví von, cụ thể và thú vị 2,Nội dung - Đọc sách là để có học vấn.

	- Cần phải biết lựa chọn sách mà đọc, đọc ít mà chắc còn hơn nhiều mà rỗng - Kết hợp giữa đọc rộng với đọc sâu * Ghi nhớ

3. Hoạt động luyện tập

- Vấn đề nghị luận của văn bản này là gì. Luận đề đó được triển khai bằng luận điểm nào?

- Tác giả phân tích phương pháp đọc sách ra sao?

- Em học tập được gì về phương pháp đọc sách mà tác giả đưa ra?

4. Hoạt động vận dụng

- Giới thiệu với các bạn về 5 cuốn sách mà em yêu thích

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc thêm những cuốn sách liên quan đến nội dung học tập

- Học bài theo 3 nội dung trên

- Học tập theo cách phân tích toàn diện, tỉ mỉ, có đối chiếu, so sánh...

- Chuẩn bị bài " Khởi ngữ "

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 20 - Bài 18

Tiết 9: TV - KHỞI NGỮ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học này, HS cần:

1. **Kiến thức:** - Biết được đặc điểm của khởi ngữ

- Hiểu được công dụng của khởi ngữ.

2. **Kỹ năng:** Nhận diện khởi ngữ và vận dụng khởi ngữ trong câu

- Đặt câu có khởi ngữ

3. **Thái độ:** Có ý thức học tập tích cực.

4. **Định hướng năng lực - phẩm chất :**

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:**

- Soạn bài. tham khảo tài liệu

- Dự kiến tích hợp: + TV - TV: Thành phần chủ ngữ, vị ngữ, quan hệ từ

+ TV - Văn: Một số văn bản có thành phần khởi ngữ

2. **Trò:** Học bài cũ, chuẩn bị kĩ bài mới

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, Động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ(không)**

* **Tổ chức khởi động** : GV tổ chức cho HS chơi trò chơi **Ai nhanh hơn**

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đặc điểm và công dụng của khởi ngữ - Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành - Kỹ thuật : Đặt câu hỏi - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. - GV yêu cầu HS đọc các ví dụ a,b,c - GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm ? Hãy chỉ ra những câu có chứa từ in đậm ở ví dụ trên. ? ? Hãy xác định các thành phần của câu. ? ? Quan sát ví dụ em thấy các từ in đậm đứng ở vị trí nào trong câu.? ? Khi đứng trước chủ ngữ , các từ đó có vai trò gì.? - HS thảo luận -> trình bày -> bổ sung -GV: Các từ in đậm đó được gọi là khởi ngữ (đề ngữ, thành phần khởi ý) ? Vậy em hiểu thế nào là khởi ngữ.? ? Căn cứ vào dấu hiệu nào giúp ta phân biệt được thành phần khởi ngữ với chủ ngữ.? ? Hãy lấy ví dụ cho mỗi trường hợp đó?	I. Đặc điểm và công dụng của khởi ngữ 1. Tìm hiểu ví dụ (SGK/ 7) a. ... Còn anh, anh / không gìm nổi xúc động b. Giàu, tôi / cũng giàu rồi. c. Về các thể... văn nghệ, chúng ta /... đẹp (...) - Các từ in đậm đứng trước chủ ngữ ở trong câu. - Để thông báo hoặc nhấn mạnh vào đề tài được nói đến trong câu => <i>Y 1 ghi nhớ</i> - Khởi ngữ phân biệt với chủ ngữ bằng dấu phẩy hoặc trợ từ " thì " VD: - Về môn Văn thì tôi học rất tốt - Đối với môn Văn , tôi học rất tốt - Thêm quan hệ từ: còn, về, đối với

? Trước thành phần khởi ngữ có thể có thêm các quan hệ từ nào? ? Khởi ngữ có đặc điểm như thế nào. Công dụng ra sao?	=> Y 2 ghi nhớ 2. Ghi nhớ (SGK/ 8)

3.Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
- Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành - Kỹ thuật : Đặt câu hỏi - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp ? Xác định khởi ngữ trong các VD? - GV : Yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi -> HS trình bày -> HS nhận xét ? Chuyển từ in đậm thành các khởi ngữ ? ?Đặt câu có chứa thành phần khởi ngữ -HS đặt câu	II. Luyện tập Bài tập 1 (SGK / 7) a. Điều này b. Đối với chúng mình c. Một mình d. Làm khí tượng e. Đối với cháu Bài tập 2 (SGK / 7) a. - Làm bài, anh ấy cẩn thận lắm. - (Về) làm bài, anh ấy cẩn thận lắm. - Làm bài (thì)anh ấy cẩn thận lắm. b. - Hiểu, tôi hiểu rồi nhưng giải tôi chưa giải được - Hiểu thì tôi hiểu nhưng giải tôi chưa giải được Bài 3

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn có sử dụng khởi ngữ

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Sưu tầm các bài tập về khởi ngữ
- Học và nắm chắc nội dung bài học
- Hoàn thành các bài tập

- Xem trước bài: Phép phân tích, tổng hợp.

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 20 - Bài 18

Tiết 94 : TLV - PHÉP PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học này, HS cần:

- 1. Kiến thức:** - Biết được đặc điểm của phép lập luận phân tích và tổng hợp.
Hiểu được sự khác nhau của hai phép lập luận trên.
- HS hiểu được tác dụng của hai phép lập luận trên trong văn nghị luận.
- 2. Kỹ năng:** - HS nhận diện được hai phép lập luận trên
- Biết vận dụng các phép lập luận phân tích, tổng hợp khi tạo lập và đọc hiểu văn bản nghị luận
- 3. Thái độ:** Học sinh có ý thức tự giác trong học tập
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy :** - Soạn bài, tham khảo tài liệu
- Dự kiến tích hợp: + TLV - Văn: Văn bản " Bàn về đọc sách "
+ TLV - TLV: Văn nghị luận

2.Trò: Học bài cũ, chuẩn bị kĩ bài mới

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành
- Kỹ thuật : Đặt câu hỏi

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định lớp:**

*** Kiểm tra bài cũ(không)**

*** Tổ chức khởi động :** GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi **Hái hoa điểm mười**

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Tìm hiểu phép lập luận phân tích và tổng hợp -Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành - Kỹ thuật : Đặt câu hỏi - HS có năng lực giải quyết vấn đề,	I. Tìm hiểu phép lập luận phân tích và tổng hợp

năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. GV yêu cầu 2 HS đọc văn bản SGK ? Phương thức biểu đạt của văn bản? ? Văn bản nêu ra vấn đề gì? ? ở đoạn 1 tác giả nêu ra một loạt dẫn chứng về cách ăn mặc để rút ra nhận xét gì? -GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm ? Hai luận điểm chính trong văn bản là gì. Câu văn nào chỉ ra các luận điểm đó. ? ?Tác giả đưa ra những lí lẽ nào để làm sáng luận điểm trên ? ? Nhận xét về nghệ thuật lập luận của tác giả? - HS thảo luận và trình bày, NX ? Để làm rõ hai luận điểm trên, tác giả dùng phép lập luận nào ? ? Việc sử dụng phép lập luận phân tích có tác dụng gì ? ? Từ việc tìm hiểu trên em hiểu như thế nào là cách lập luận phân tích. ? ? Em hãy tìm câu văn chốt lại vấn đề của 2 luận điểm trên? ? Câu có tác dụng tổng hợp, chốt lại	1. Tìm hiểu văn bản "Trang phục" (SGK / 9) a. Đọc b. Nhận xét * Văn bản nghị luận * Vấn đề văn hoá trong trang phục * Đoạn 1: Ăn mặc phải chỉnh tề, đồng bộ * Hai luận điểm chính: - Trang phục phù hợp hoàn cảnh mang tính văn hoá XH -> " Người ta nói: ăn cho mình, mặc cho người..." - Trang phục phù hợp đạo đức -> " Người xưa đã dạy " y phục xứng kỳ đức" <1> Luận điểm 1: " Ăn cho mình mặc cho người " - Cô gái... móng chân, móng tay - Anh thanh niên... phẳng tấp - Đi đám cưới... lấm bùn - Đi dự đám tang... oang oang + Nêu giả thiết, so sánh, đối chiếu <2> Luận điểm 2: " Y phục xứng kỳ đức" - Ăn mặc phải phù hợp với hoàn cảnh - Mặc đẹp mà không phù hợp chỉ làm trò cười cho thiên hạ - Cái đẹp đi liền với cái giản dị, phù hợp + Tác giả dùng phép lập luận phân tích, -> Qua trình bày từng phương diện, khía cạnh của vấn đề -> thể hiện nội dung của svht =>ý 2 ghi nhớ - Câu văn " Thế mới... trang phục đẹp "

vấn đề đứng ở đâu trong văn bản? ? Như vậy để chốt lại vấn đề tác giả dùng phép lập luận gì? ? Theo em nếu không có phân tích ở trên thì có tổng hợp được không? ? Em hiểu như thế nào là phép lập luận tổng hợp? ? Phép phân tích, tổng hợp có vai trò gì trong bài văn nghị luận? GV yêu cầu HS đọc ghi nhớ	- Vị trí : Thường đứng ở cuối đoạn, cuối bài, kết luận. - Để chốt lại vấn đề tác giả đưa ra phép lập luận tổng hợp - Nếu không có phân tích thì không có tổng hợp => ý 3 ghi nhớ * Vai trò của phép phân tích và tổng hợp: + Phép phân tích giúp ta hiểu sâu, hiểu cụ thể vấn đề... + Tổng hợp giúp khái quát vấn đề => ý 1 ghi nhớ 2. Ghi nhớ (SGK / 10)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
-Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành - Kỹ thuật : Đặt câu hỏi - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. -GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS thảo luận -> gọi HS trình bày -> gọi HS nhận xét ? Phân tích để làm sáng tỏ luận điểm " Học vấn... của học vấn " ? ?Phân tích lí do phải chọn sách để đọc? - GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp đôi	II. Luyện tập Văn bản: Bàn về đọc sách - Chu Quang Tiềm 1. " Học vấn không chỉ là... của học vấn" - Học vấn là của nhân loại -> do sách lưu truyền + Sách là kho tàng quý báu + Nếu không đọc sách... -> xoá bỏ thành quả nhân loại - > đi giạt lùi, lạc hậu 2. Lí do chọn sách + Sách nhiều khiến đọc không chuyên sâu + Sách nhiều dễ bị lạc hướng 3. PP đọc sách + Đọc sách không cần nhiều mà phải

-> HS trình bày -> HS nhận xét ? Tầm quan trọng của PP đọc sách được tác giả phân tích như thế nào?	chọn tình, đọc kĩ. + Kết hợp đọc kiến thức phổ thông và kiến thức chuyên sâu

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn về ô nhiễm môi trường. Trong đoạn văn em có sử dụng phép phân tích và tổng hợp

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Sưu tầm các văn bản nghị luận có sử dụng phép phân tích và tổng hợp
- Học bài, thuộc ghi nhớ
- Hoàn chỉnh bài tập
- Chuẩn bị kĩ tiết: Luyện tập phân tích và tổng hợp

Ngày soạn:

Tuần 20 - Bài 18

Ngày dạy:

Tiết 95: TLV - LUYỆN TẬP PHÉP PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học này, HS cần

- 1. Kiến thức:** - Hiểu rõ mục đích, đặc điểm, tác dụng của việc sử dụng phép phân tích và tổng hợp
- 2. Kỹ năng:** - Nhận dạng được rõ hơn văn bản có sử dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp
- Sử dụng phép phân tích và tổng hợp thuần thục hơn khi đọc - hiểu và tạo lập văn bản nghị luận
- 3. Thái độ:** Học sinh có ý thức học tập đúng đắn
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất:**
- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
- HS có phẩm chất: Tự tin, tự chủ

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn bài, tham khảo tài liệu
- Dự kiến tích hợp:
+ TLV - Văn: Một số văn bản nghị luận
+ TLV - TLV: Văn nghị luận lớp 7, Phép phân tích và phép tổng hợp

2. Trò: Học bài cũ, chuẩn bị kĩ bài mới

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp: Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành
2. Kỹ thuật: Đặt câu hỏi

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định lớp:

* Kiểm tra bài cũ: Thế nào là phép phân tích và tổng hợp, tác dụng?

* Tổ chức khởi động :

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành *Kĩ thuật : Đặt câu hỏi - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. -GV yêu cầu nhóm 1+2 thảo luận câu a, nhóm 3+4 thảo luận câu b -> HS trình bày -> NX (1) Tác giả đã dùng phép lập luận nào? (2) Phép lập luận đó được thể hiện ntn ? GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi -> Trình bày -> NX (1) Vấn đề cần phân tích là gì.? (2)Vấn đề đó được phân tích bằng các lí lẽ nào.? (3) Theo em tác hại của học đối phó là gì.?	Bài tập 1 (SGK / 11) a. Phép lập luận phân tích - Từ cái hay cả hồn lẫn xác hay cả bài tác giả đã chỉ ra từng cái hay hợp thành cái hay cả bài theo trình tự: + Cái hay ở các điệu xanh + ở những cử động + ở các vần thơ + ở cái chữ không non ép , b. Phép lập luận phân tích (theo trình tự): + Đoạn văn đầu nêu các quan hệ mâu chốt của sự thành đạt + Đoạn văn tiếp phân tích từng quan niệm đúng, sai - Lập luận tổng hợp: Do bản thân sự chủ quan của mỗi người Bài tập 2 (SGK / 12) - Lối học đối phó: + Học đối phó là học không lấy việc học làm mục đích, xem việc học là phụ + Học đối phó với thầy cô, thi cử, cha mẹ... + Là cách học hình thức, không đi sâu vào thực chất * Tác hại: + Học đối phó-> không hứng thú-> chán học-> hiệu quả thấp-> ảnh hưởng

?Nếu phải tổng hợp những điều em đã phân tích thì em sẽ tổng hợp như thế nào.? ? Dựa vào văn bản " Bàn về đọc sách" em hãy phân tích các lí do khiến mọi người cần đọc sách.? ? Hãy viết một đoạn văn để tổng hợp những điều đã phân tích ở bài tập 3?	tương lai + Đầu óc rộng tuếch => Học đôi phỏ là học bị động, hình thức không lấy việc học làm mục đích chính. Lối học đó không những làm cho người học mệt mỏi mà chẳng tạo ra được những nhân tài cho đất nước. Bài tập 3 (SGK/12) + Sách vở đúc kết tri thức của nhân loại đã tích lũy từ xưa đến nay + Muốn tiến bộ phát triển thì phải đọc sách để tiếp thu tri thức... + Đọc sách để có kiến thức phổ thông + Đọc sách để có kiến thức chuyên sâu + Đọc sách thường thức để làm đẹp tâm hồn Bài tập 4 (SGK/12) -> Tóm lại muốn đọc sách có hiệu quả phải chọn những sách quan trọng nhất mà đọc cho kĩ đoòng thời cũng chú trọng đọc rộng thích đáng, để hỗ trợ cho việc nghiên cứu chuyên sâu.

3. Hoạt động vận dụng

-Viết đoạn văn sử dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp về vai trò của người mẹ trong cuộc đời mỗi người ?

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

-Sưu tầm các bài tập có sử dụng phép lập luận phân tích và tổng hợp

- Học bài

- Nắm chắc kĩ năng phân tích, tổng hợp

- Soạn văn bản " Tiếng nói của văn nghệ "

+Đọc vb

+Tìm hiểu TG và TP

+ Trả lời các câu hỏi trong bài

=====

Ngày soạn:
Tuần 21- Bài 19

Ngày dạy:

Tiết 96: VB - TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ
(Nguyễn Đình Thi)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học này, HS cần:

- 1. Kiến thức:** Học sinh hiểu được nội dung của văn nghệ và sức mạnh kì diệu của nó đối với cuộc sống con người. Hiểu thêm nghệ thuật lập luận của Nguyễn Đình Thi trong văn bản.
- 2. Kỹ năng:** - Đọc – hiểu một văn bản nghị luận
- Rèn luyện thêm cách viết một văn bản nghị luận
- Thể hiện những suy nghĩ, tình cảm về một tác phẩm văn nghệ
- 3. Thái độ:** Giáo dục thái độ yêu mến văn nghệ.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, yêu quê hương, yêu văn nghệ

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy:-** Soạn giáo án, tham khảo tài liệu
- 2. Trò:** Học bài cũ, soạn bài theo hệ thống câu hỏi

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật, hợp đồng
2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

- * ổn định lớp:
- * Kiểm tra bài cũ : Phân tích PP đọc sách của Chu Quang Tiềm qua văn bản

Bàn về đọc sách ?

- * Vào bài mới : Gv giới thiệu bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc, Tìm hiểu chung * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, hợp đồng * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi - VB cần đọc với giọng điệu ntn ? GV hướng dẫn đọc-> đọc mẫu Gọi HS đọc-> HS khác nhận xét GV nhận xét GV cho HS giải thích chú thích 2,9 SGK	I. Đọc, Tìm hiểu chung 1. Đọc và tìm hiểu chú thích * Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc - Chú thích : SGK

- GV yêu cầu HS thanh lí hợp đồng về tác giả và tác phẩm - Hs thảo luận và thanh lí hợp đồng ? Từ hệ thống luận điểm trong văn bản trên em có nhận xét gì về bố cục của văn bản.? Hoạt động 2: Phân tích *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi ? Tìm câu văn chứa luận điểm giúp ta hiểu được nội dung phản ánh của văn nghệ ? ? Nội dung của văn nghệ phản ánh điều gì.? ?Vậy qua thực tại đó văn nghệ muốn phản ánh điều gì.? ? Theo em điều mới mẻ ở đây là gì. ? GV ;giảng - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi	2. Tác giả, tác phẩm a.Tác giả b. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ : viết năm 1948, in trong cuốn mấy vấn đề văn học * PTBD : Nghị luận * Bố cục: 3 phần - Phần 1: Từ đầu... " cách sống của tâm hồn " => Nội dung phản ánh, thể hiện của văn nghệ. - Phần 2: Tiếp..." Mắt không rời trang giấy " => Sức mạnh kì diệu của văn nghệ đối với cuộc sống con người. - Phần 3: Còn lại => Con đường của văn nghệ đến với người đọc - Bố cục chặt chẽ, hợp lí, cách dẫn dắt tự nhiên - Các phần được trình bày mạch lạc, có sự liên kết chặt chẽ. Các luận điểm có sự giải thích cho nhau, tiếp nối theo hướng phát triển ngày càng sâu. II. Phân tích 1. Nội dung phản ánh, thể hiện của văn nghệ. - Câu văn chứa luận điểm :Tác phẩm...mới mẻ . -> Văn nghệ phản ánh thực tại khách quan nhưng không sao chép nguyên si khách quan cuộc sống đó. - Văn nghệ muốn nói điều mới mẻ - Đó là một lời nhắn nhủ, là tư tưởng, tình cảm, tâm hồn, tấm lòng... của người nghệ sĩ.

? Để chứng minh, làm rõ luận điểm này tác giả đã đưa ra những dẫn chứng nào. ? ? Qua những dẫn chứng đó, tg muốn gửi gắm điều gì? ? Qua việc phân tích 2 dẫn chứng của Nguyễn Đình Thi, em thấy lời gửi của văn nghệ có gì đặc biệt. ? - Hs thảo luận và trình bày, NX ? Nội dung phản ánh của văn nghệ trong từng tác phẩm có giống nhau không. Nó tùy thuộc vào điều kiện nào ? ? Theo tác giả Nguyễn Đình Thi thông qua những tác phẩm NT, người nghệ sĩ mang đến cho người đọc điều gì. ? ? Em có nhận xét gì về cách lập luận của tác giả. ? ? Qua những lí lẽ, lập luận trên tác giả đã khẳng định điều gì. ? - GV: (nó khác hẳn với nội dung phản ánh của các bộ môn KH khác , không môn khoa học nào làm được) GV :giảng và khái quát nội dung bài	+ Dẫn chứng về tác phẩm " Truyện Kiều" của Nguyễn Du, tác phẩm " Anna Ca-rê nhi-a " của Lép Tôn-xtôi -> Nguyễn Du đã gửi gắm lại những rung động trước vẻ đẹp của thiên nhiên, trước sự sống tươi trẻ luôn luôn tái sinh. -> Lép Tôn-xtôi gửi vào người đọc những suy nghĩ, những vương vấn vui buồn. - Tác phẩm nghệ thuật không những là những bài học luân lí hay một triết lí về đời người mà là sự say sưa, vui - buồn, yêu - ghét mơ mộng, phần khích ... -> Tác động tới tâm hồn. - Mỗi tác phẩm rơi vào ta những ánh sáng riêng, không giống nhau phụ thuộc vào rung cảm và nhận thức của từng người -> thay đổi quan điểm cách nghĩ. - Những người nghệ sĩ mang đến cho cả thời đại họ một cách sống của tâm hồn. + Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu, câu văn giàu hình ảnh, có sức thuyết phục =>Nội dung mà văn nghệ phản ánh là hiện thực mang tính cụ thể, sinh động, là đời sống tình cảm của con người qua cái nhìn và tình cảm chủ quan của tác giả

3. Hoạt động luyện tập

? Hãy chỉ ra những nét đặc thù trong nội dung phản ánh của văn nghệ. ?

? Nhận xét cách lập luận của tác giả trong phần đầu ?

4. Hoạt động vận dụng

-Lựa chọn một tác phẩm văn học mà em đã học và cho biết thực tại, điều mới mẻ được tác giả phản ánh trong văn bản là gì ?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các tác phẩm văn học để hiểu thêm về nội dung phản ánh của văn nghệ

- Học nắm chắc nội dung phần 1

- Soạn tiếp phần còn lại của văn bản:
- + Sức mạnh kì diệu của văn nghệ
- + Con đường đến với người đọc

Ngày soạn:
Tuần 21- Bài 19

Ngày dạy:

Tiết 97 : VB - TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ (TIẾP) (Nguyễn Đình Thi)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học này, HS cần:

- Kiến thức:** Học sinh hiểu được nội dung của văn nghệ và sức mạnh kì diệu của nó đối với cuộc sống con người. Hiểu thêm nghệ thuật lập luận của Nguyễn Đình Thi trong văn bản.
- Kỹ năng:**
 - Đọc – hiểu một văn bản nghị luận
 - Rèn luyện thêm cách viết một văn bản nghị luận
 - Thể hiện những suy nghĩ, tình cảm về một tác phẩm văn nghệ
- Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, yêu quê hương, yêu văn nghệ

II. CHUẨN BỊ

- Thầy:**
 - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu
- Trò:** Học bài cũ, soạn bài theo hệ thống câu hỏi

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật
- Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, trình bày một phút

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

- * Ổn định lớp:
- * Kiểm tra bài cũ : Phân tích nội dung phản ánh của văn nghệ?
- * Vào bài mới : Gv giới thiệu bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 2: Phân tích (tiếp) *Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật	II. Phân tích (tiếp) 2. Sức mạnh kì diệu và ý nghĩa của văn nghệ đối với cuộc sống con người

* Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, trình bày một phút ? Sức mạnh kì diệu của văn nghệ được tác giả thể hiện qua những hình ảnh nào. ? ? Văn nghệ tác động đến họ như thế nào.? -GV giảng - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Từ đó em thấy văn nghệ có sức mạnh ra sao? ? Vì sao văn nghệ lại có sức mạnh kì diệu như vậy? - HS thảo luận và trình bày, NX ?Tác giả đã lí giải chỗ đứng của văn nghệ là gì.? ? Theo em hiểu như thế nào là "Chiến khu " của văn nghệ.? - HS giải thích ? Tại sao tác giả lại nói như vậy? ? Em hiểu như thế nào câu nói của Lep-Tôn-xtôi ? ? Tiếng nói của nghệ thuật còn có gì đặc biệt? ? Theo em tư tưởng đó được hình thành ở đâu? ? Cách thể hiện của tư tưởng có gì đặc biệt? ? Em thấy nó có tác động như thế nào đến người đọc?	- Văn nghệ tác động những người trong cuộc đời u tối, những người nhà quê lam lũ...-> họ " biến đổi khác hẳn ", gieo vào bóng tối một luồng ánh sáng -> Văn nghệ đem lại niềm tin, làm cho tâm hồn họ thực sự được sống. Lời gửi của văn nghệ là sự sống. -Văn nghệ có khả năng cảm hoá kì diệu. - Văn nghệ nói chuyện với tất cả tâm hồn chúng ta. - Văn nghệ nói nhiều nhất với cảm xúc: - Vì văn nghệ không xa rời cuộc sống, tác động đến c/s bằng con đường tình cảm. - Chỗ đứng của văn nghệ là chỗ giao nhau của tâm hồn con người với cuộc sống, là tình yêu- ghét, niềm vui- buồn, -> " Chiến khu " của văn nghệ -> Trong hoàn cảnh nền văn hoá, văn nghệ CM mới hình thành cần phải chỉ rõ để mọi người dễ hiểu. - Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm: vì nghệ thuật được thể hiện bằng tình cảm, gửi gắm những tư tưởng, tình cảm, và nó tác động đến tư tưởng, cảm xúc... của người đọc - Nghệ thuật nói nhiều với tư tưởng, không thể thiếu tư tưởng, được " nảy ra, thấm trong c/s hàng ngày. - Tư tưởng trong nghệ thuật không lộ liễu, khô khan mà " nấu mình yên lặng ", lắng sâu. -> Rung động cảm xúc, tâm hồn của người đọc. + Lí lẽ liền mạch, có sự kết nối, chuyển

? Em có nhận xét gì về hệ thống lí lẽ mà tác giả đã trình bày? ? Qua đây em thấy sức mạnh kì diệu của văn nghệ đặc biệt như thế nào? -GV;giảng ? Nếu không có văn nghệ đời sống con người sẽ như thế nào ? ?Theo tác giả văn nghệ đã đến với người đọc theo những cách nào ? ? Con đường mà văn nghệ đến với chúng ta có gì đặc biệt ? ? Em hiểu điều này như thế nào ? ? Nhận xét ý kiến trên của tác giả ? ? Vậy em có suy nghĩ gì về con đường của nghệ thuật đến người tiếp nhận ? - GV sử dụng kĩ thuật trình bày một phút nêu cảm nhận về nội dung văn bản và những điều còn thắc mắc Hoạt động 3: Tổng kết *PP: gợi mở- vấn đáp *Kĩ thuật : Đặt câu hỏi ? Hãy chỉ ra những nét đặc sắc trong cách viết văn nghị luận của tác giả ? ? Bài tiểu luận này đã làm nổi bật nội dung gì ?	tiếp nhưng mạch lạc, rõ ràng. => Văn nghệ có sức mạnh kì diệu tác động đến tâm hồn, cảm xúc tư tưởng của chúng ta.Góp phần làm tươi mát cuộc sống , giúp con người tự hoàn thiện tâm hồn mình . - Tâm hồn con người sẽ không hạn hẹp hơn ...vv 3. Con đường của văn nghệ đến với người đọc - Người nghệ sĩ qua tác phẩm có thể truyền tư tưởng đến người đọc. - Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, NT vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy. - Nghệ thuật mở rộng khả năng của tâm hồn, làm cho con người vui- buồn, yêu-ghét nhiều hơn. - Nghệ thuật giải phóng cho con người..., xây dựng con người..., làm cho con người tự xây dựng. + Xác đáng, giàu nhiệt tình và lí lẽ => Con đường nghệ thuật đến với người đọc rất độc đáo, chính người nghệ sĩ đã khơi dậy nhiệt tình, quyết tâm, niềm tin, đánh thức tình yêu tạo ra sự sống cho tâm hồn người đọc. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu, câu văn giàu hình ảnh, có sức thuyết phục 2. Nội dung - Góp phần làm tươi mát cuộc sống , giúp con người tự hoàn thiện tâm hồn mình . => Ghi nhớ (SGK / 17)

3. Hoạt động luyện tập

?Cách viết văn nghị luận của Nguyễn Đình Thi có gì giống và khác với văn bản " Bàn về đọc sách " của Chu Quang Tiềm ?

- Giống: Lập luận từ các luận cứ, giàu lí lẽ, dẫn chứng
- Khác: " Tiếng nói của văn nghệ " là nghị luận văn chương (giống "ý nghĩa văn chương " của Hoài Thanh) nên tinh tế trong phân tích, sắc sảo trong tổng hợp, lời văn giàu hình ảnh, gợi cảm, hấp dẫn.

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về sức mạnh kì diệu của văn nghệ?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các tác phẩm văn nghệ để hiểu thêm về sức mạnh của văn nghệ
- Nắm chắc 3 nội dung của văn bản
- Thấy và học tập cách viết văn nghị luận của Nguyễn Đình Thi.
- Chuẩn bị bài " Các thành phần biệt lập "-> Đọc và trả lời các câu hỏi trong SGK

=====

Ngày soạn:

Tuần 21- Bài 19

Ngày dạy:

Tiết 98: TV - CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học này, HS cần:

- 1. Kiến thức:** Học sinh nhận biết hai thành phần biệt lập: Tình thái, cảm thán.
- Hiểu được công dụng của mỗi thành phần trong câu.
- 2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng nhận biết, đặt câu có thành phần tình thái và thành phần cảm thán.
- 3. Thái độ:** Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc cho học sinh.
- 4. Năng lực - phẩm chất**
- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy:** - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu
- Dự kiến tích hợp: + TV - Văn: Chiếc lược ngà, Lặng lẽ Sa Pa...
+ TV - Thực tế: Các từ ngữ xưng hô trong thực tế
- 2.Trò:** Học bài cũ, chuẩn bị kĩ bài mới

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- 1.Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành
2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* Ôn định lớp:

* Kiểm tra bài cũ : Nêu đặc điểm hình thức và công dụng của khởi ngữ, cho VD?

* Vào bài mới : Gv giới thiệu bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Thành phần tình thái * Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi - GV yêu cầu HS đọc ví dụ (SGK) và chú ý các từ in đậm - GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm ? Theo em sự việc được nói đến trong 2 VD trên là gì ? ? Các từ in đậm trong những câu trên thể hiện nhận định của người nói đối với sự việc nêu ở câu trên như thế nào? ? Nếu bỏ các từ in đậm trong các câu trên thì nghĩa sự việc của những câu đó có khác không. Vì sao? - HS thảo luận và trình bày, NX - Các từ " chắc ", " có lẽ " là thành phần tình thái. Vậy em hiểu thế nào là thành phần tình thái.? ? Từ ví dụ a, b em có nhận xét gì về yếu tố tình thái? GV lấy ví dụ để mở rộng - Theo tôi cuốn sách này rất hay. ? Từ "theo tôi" thể hiện điều gì? Ngoài từ này ra còn có từ nào?	I. Thành phần tình thái 1. Tìm hiểu ví dụ (SGK / 18) a. Chắc: - Sự việc " Anh nghĩ rằng ... cô anh " b. Có lẽ: - Sự việc " và khổ tâm ... vậy thôi " Chắc: Nhận định với thái độ tin cậy cao. Có lẽ: Nhận định với thái độ tin cậy thấp. - Không có từ in đậm thì ý nghĩa của sự việc trong câu không thay đổi Vì: + Nó không tham gia diễn đạt nghĩa sự việc của câu + Những từ đó chỉ thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu -> Chắc , có lẽ : Thành phần tình thái => ý 1 ghi nhớ 2. Chú ý - Những yếu tố tình thái gắn với độ tin cậy của sự việc được nói đến: + Chỉ độ tin cậy cao: chắc chắn, chắc hẳn... + Chỉ độ tin cậy thấp: hình như, dường như, có vẻ, có lẽ... - Yếu tố tình thái gắn với ý kiến của người nói (theo tôi, ý ông ấy, theo

? Từ "a" trong câu sau có tác dụng như thế nào? VD:- Chúng em chào cô a! Hoạt động 2: Thành phần cảm thán *.Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi - GV yêu cầu HS đọc ví dụ SGK và chú ý các từ in đậm. ? Các từ in đậm trong những câu trên có chỉ sự vật, sự việc gì không? ? Nhờ vào những từ ngữ nào trong câu mà chúng ta hiểu được tại sao người nói kêu "ồ" hoặc kêu "trời ơi"? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ?Sự việc được nói đến trong câu này là gì? ? Căn cứ vào sự việc trên em hãy cho biết các từ in đậm trong các câu trên được dùng để làm gì.? -HS thảo luận và trình bày,NX -GV: Các từ này được gọi là thành phần cảm thán. ?Vậy thành phần cảm thán là gì? ? Qua việc tìm hiểu thành phần tình thái, thành phần cảm thán , em thấy 2 thành phần đó có điểm gì giống nhau.? ?Vậy thế nào là thành phần biệt lập ? GV yêu cầu HS đọc lại ghi nhớ SGK	anh...) - Yếu tố tình thái chỉ thái độ của người nói: à, à, a, hử, hả, nhé, nhỉ, đây, đây... (thường đứng ở cuối câu) II. Thành phần cảm thán 1. Tìm hiểu ví dụ (SGK / 18) a. ồ b. Trời ơi - Các từ in đậm không chỉ sự vật, sự việc. - Nhờ vào phần câu đứng sau các từ đó mà ta hiểu tại sao người nói kêu "ồ", "trời ơi" + "ồ": Sự việc "... vui thế" + "trời ơi": Sự việc "... còn 5 phút" + "ồ" -> thái độ vui vẻ + "trời ơi" -> thái độ lo lắng, nuối tiếc của người nói về việc thời gian chỉ còn 5 phút -> ồ , trời ơi : thành phần cảm thán => ý 2 ghi nhớ - Thành phần tình thái và thành phần cảm thán không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa SV của câu (chỉ thể hiện cách nhìn, nhận định, trạng thái tâm lí) -> Thành phần biệt lập => ý3 ghi nhớ 2. Ghi nhớ (SGK / 18)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp,	III. Luyện tập

Hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành

* Kỹ thuật : Đặt câu hỏi

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi-> HS trình bày-> HS nhận xét

-Tìm thành phần cảm thán, tình thái trong các câu sau ?

- GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm -> HS trình bày-> HS nhận xét ? Sắp xếp theo trình tự tăng dần độ tin cậy?

? Từ nào người nói chịu trách nhiệm cao nhất về độ tin cậy của SV mình nói ra, với từ nào trách nhiệm đó thấp nhất ?

? Tại sao Nguyễn Quang Sáng lại chọn từ " chắc "?

GV hướng dẫn về nhà.

HS về nhà làm

Bài tập 1 (SGK / 19)

TP tình thái: có lẽ, hình như, chẳng, TP cảm thán: chao ôi!

Bài tập 2 (SGK / 19)

đường như -> hình như -> có vẻ như -> có lẽ - chắc là - chắc hẳn - chắc chắn

Bài tập 3 (SGK / 19)

- Chắc: độ tin cậy cao nhất

- Hình như: độ tin cậy thấp nhất

+ Với tình cảm cha con SV phải diễn ra một cách chắc chắn

+ Do thời gian và ngoại hình SV có thể diễn ra khác đi một chút.

Bài tập 4 (SGK / 19)

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn cảm nhận về đức tính khiêm tốn của anh thanh niên. Trong đoạn văn có sử dụng TP tình thái và cảm thán (gạch chân và chú thích)

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Sưu tầm thêm các bài tập về hai thành phần biệt lập đã học

- Học bài. Nắm chắc nội dung.

- Thuộc ghi nhớ.

- Hoàn thành bài tập

- Chuẩn bị " Nghị luận ... đời sống "-> Đọc và trả lời các câu hỏi /SGK

Ngày soạn:

Tuần 21 – Bài 19

Ngày dạy:

Tiết 99- TLV : NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. **Kiến thức:** Học sinh hiểu được đặc điểm – yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

2. **Kỹ năng:** Rèn kỹ năng viết văn bản nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

3. Thái độ: Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc, tự giác.

4. Năng lực - phẩm chất

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy: - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu

- Dự kiến tích hợp: + TLV - TLV: Văn nghị luận lớp 7
- + TLV - Văn: Một số văn bản nghị luận
- + TLV - Môi trường: Rác thải...

2.Trò: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định lớp:

* Kiểm tra bài cũ : Thế nào là phép phân tích và tổng hợp?

* Vào bài mới : Gv giới thiệu bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Tìm hiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm Kỹ thuật : Đặt câu hỏi - GV cho HS đọc văn bản SGK ? Văn bản này, tác giả bàn về hiện tượng gì trong đời sống ? ? Theo em hiện tượng này đáng khen hay đáng chê ? ? NX về vấn đề bàn luận ? ? Ngoài hiện tượng trên còn có hiện tượng nào trong đời sống thường ngày ? Trong các hiện tượng đó ,hiện tượng- sv nào đáng khen hoặc đáng chê ? ? Từ đây em hiểu nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống XH là gì. ? - GV yêu cầu HS thảo luận theo 6	I. Tìm hiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống. 1. Tìm hiểu ví dụ: Văn bản " Bệnh lề mề " (SGK / 20) * Hiện tượng lề mề, coi thường giờ giấc -> Cần phải phê phán -> Vấn đề xã hội - VD : Vứt rác bừa bãi, nói tục chửi bậy, bạo lực học đường ...-> Hiện tượng đáng chê - ủng hộ đồng bào lũ lụt ...-> Sự việc đáng khen => ý1- ghi nhớ

nhóm ? Hiện tượng ấy có những biểu hiện như thế nào? ? Vậy theo tác giả nguyên nào tạo lên hiện tượng đó? ? Bệnh lề mề đã dẫn tới tác hại gì? ? Tác giả thể hiện thái độ, đánh giá hiện tượng đó ra sao? - HS thảo luận, trình bày, NX ? Qua phân tích ở trên, em thấy bài văn NL về một sự việc, hiện tượng đời sống có yêu cầu gì về nội dung? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Văn bản được chia ra làm mấy đoạn? ? Nhận xét về bố cục này? - HS trình bày, NX ? Cách dùng từ ngữ như thế nào? ? Từ đây em hãy rút ra yêu cầu về hình thức của bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống? GV cho HS đọc lại ghi nhớ.	a. Biểu hiện: Sai hẹn, đi chậm, đi muộn, thiếu tôn trọng người khác. b. Nguyên nhân: + Coi thường việc chung + Thiếu tư tưởng + Thiếu tôn trọng người khác c. Tác hại: + Làm người khác khó chịu + Mất thì giờ + Nảy sinh cách đối phó + Làm việc qua loa + Tạo ra tập quán không tốt d. Tác giả bày tỏ ý kiến, thái độ của mình: + Mọi người phải hợp tác với nhau, tôn trọng nhau + Tự giác tham dự đúng giờ + Làm việc đúng giờ là tác phong của người có văn hoá => ý 2 ghi nhớ d. Bố cục: 5 đoạn - Đoạn 1+2: Nêu hiện tượng, những biểu hiện của hiện tượng đó. - Đoạn 3: Chỉ ra nguyên nhân... - Đoạn 4: Tác hại bệnh lề mề - Đoạn 5: Nêu giải pháp -> Bố cục mạch lạc, lập luận chặt chẽ, rõ ràng (từ hiện tượng-> biểu hiện -> nguyên nhân-> tác hại -> giải pháp) - Lời văn chính xác, sống động lật đi lật lại vấn đề. => ý 3 ghi nhớ 2. Ghi nhớ (SGK / 21)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp,	II. Luyện tập

hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành Kĩ thuật : Đặt câu hỏi -GV chia lớp làm 2 nhóm để thảo luận: những hiện tượng đáng biểu dương Sau đó gọi các nhóm trình bày - Trong những hiện tượng đó, hiện tượng nào đáng để viết bài NL, hiện tượng nào không cần viết ? GV nêu thêm các hiện tượng đáng chê : + Không giữ lời hứa + Nói tục- chửi bậy, vứt rác bừa bãi + Đua đòi, lười biếng, đi học muộn, quay cóp, thói ỷ lại, hút thuốc lá, vi phạm luật giao thông... ? Đoạn văn bàn về hiện tượng gì trong cuộc sống? ? Hiện tượng này đáng viết một bài nghị luận không. Tại sao?	Bài tập 1 (SGK / 21) VD: + Giúp bạn học tốt + Góp ý khi bạn sai + Giúp đỡ gia đình thương binh liệt sĩ. + Bảo vệ cây xanh (môi trường) + Trả lại của rơi cho người mất Bài tập 2 (SGK / 21) - Hiện tượng hút thuốc lá và những hậu quả - Rất đáng viết một bài NL vì: + Nó liên quan sức khoẻ (cá nhân, cộng đồng) + Liên quan đến môi trường +Tốn kém tiền bạc

4. Hoạt động vận dụng

- Tìm thêm các hiện tượng đời sống xã hội đáng biểu dương hoặc đáng phê phán ở địa phương em

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài văn nghị luận về hiện tượng đời sống xã hội
- Học và nắm chắc nội dung bài học.
- Hoàn chỉnh các bài tập
- Chuẩn bị bài " Cách làm bài ... đời sống "->Đọc và trả lời các câu hỏi / SGK

Ngày soạn:

Tuần 21- Bài 19

Ngày dạy:

TIẾT 100 : CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Học sinh biết được đối tượng của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống.

- Hiểu được các yêu cầu cụ thể khi làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống.

2. Kỹ năng: HS nắm được bố cục của kiểu bài trên. Quan sát các hiện tượng đời sống. Làm bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống.

3. Thái độ: Giáo dục ý thức học tập và tránh xa tệ nạn xã hội

4. Năng lực - phẩm chất

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.

- HS có phẩm chất: Tự tin, tự chủ

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy: - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu

- Dự kiến tích hợp: + TLV - TLV: Tiết 99

+ TLV - Thực tế: Môi trường, tệ nạn xã hội

2. Trò: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp: Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành

2. Kỹ thuật: Đặt câu hỏi

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định lớp:

* Kiểm tra bài cũ: - Thế nào là nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống?

- Nêu yêu cầu nội dung và hình thức của bài văn nghị luận xã hội?

* Vào bài mới: Gv giới thiệu bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Đề bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống. Phương pháp: Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm Kỹ thuật: Đặt câu hỏi - GV yêu cầu HS đọc các đề bài - GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm ? Các đề bài trên có điểm gì giống nhau? ? Vậy em hãy chỉ ra những yêu cầu trong các đề bài trên?	I. 1 Tìm hiểu các đề bài (SGK / 22) a. * Giống: - Cả 4 đề đều nêu một sự việc, hiện tượng trong đời sống.(nêu vấn đề nghị luận) - Sau đó đưa ra yêu cầu nghị luận (mệnh lệnh trong đề) + Đ1: Hãy trình bày và nêu suy nghĩ

? Tuy nhiên 4 đề bài trên có những điểm riêng. Em hãy chỉ ra những điểm khác nhau của 4 đề bài trên? - HS thảo luận và trình bày ? Mỗi em hãy tự nghĩ ra một đề bài tương tự các đề bài trên? - GV cho HS tự tìm SV, hiện tượng trong đời sống. Sau đó tạo thành đề bài hoàn chỉnh (Theo các dạng cấu trúc trên) - GV yêu cầu HS đọc đề bài mình đã thiết lập. ? Em có nhận xét gì về cấu trúc đề bài? Hoạt động2 : Cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, luyện tập thực hành Kỹ thuật : Đặt câu hỏi - GV yêu cầu HS đọc đề bài (SGK) và tìm hiểu ? Đề bài trên thuộc loại đề nghị luận nào? ? Vậy đề nêu sự việc, hiện tượng gì? ? Yêu cầu của đề?	+ Đ2: Nêu suy nghĩ của mình + Đ3: Nêu ý kiến + Đ4: Những nhận xét, suy nghĩ của em * Khác: - Có sự việc tốt cần ca ngợi, biểu dương (Đề 1,4) - - Có sự việc không tốt cần phê phán, nhắc nhở (Đề 2,3) - Có đề cung cấp sẵn SV, hiện tượng dưới dạng 1 truyện kể, hoặc một mẫu tin để người làm bài sử dụng (Đề 4) - Có đề không cung cấp sẵn SV, hiện tượng mà chỉ gọi tên, người làm bài phải trình bày miêu tả sự việc, hiện tượng đó (Đề 1,2,3) b. VD: - Vấn đề ô nhiễm môi trường - Vấn đề vi phạm ATGT - Tệ nạn xã hội... - VD : Nêu suy nghĩ của em về vấn đề ô nhiễm môi trường 2. Kết luận - Đề bài nghị luận về một SV, hiện tượng đ/s có vấn đề nghị luận; yêu cầu nghị luận. II. Cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống. 1. Tìm hiểu đề bài (SGK a. Tìm hiểu đề và tìm ý: * Tìm hiểu đề: - Nghị luận về một sự việc hiện tượng - Hiện tượng: Một HS chăm ngoan - Yêu cầu: Nêu suy nghĩ của mình về hiện tượng đó.

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Những việc làm của Nghĩa chứng tỏ em là người như thế nào? ? Vì sao thành Đoàn phát động phong trào học tập bạn Nghĩa? ? Những việc làm của Nghĩa có khó không? ? Nếu mọi HS làm được như bạn Nghĩa thì sẽ như thế nào? - HS trình bày -GV yêu cầu HS thảo luận theo 6 nhóm : Lập dàn ý cho đề trên? ? Phần mở bài nêu rõ vấn đề gì? ? Phần thân bài cần phải làm như thế nào ? ? Phần kết bài cần khái quát ra sao? - HS trình bày ? Từ đây em thấy dàn bài chung của bài văn nghị luận về một SV, hiện tượng đ/s gồm có mấy phần. Yêu cầu chung của từng phần ? GV chia lớp thành 4 nhóm + Nhóm 1: Viết phần mở bài + Nhóm 2: Viết ý 1,2 phần thân bài + Nhóm 3: Viết ý 3 phần thân bài + Nhóm 4: Viết kết bài	* Tìm ý: + Nghĩa là người biết thương mẹ, giúp đỡ mẹ trong công việc đồng áng và gia đình. + Biết kết hợp học với hành. + Là người có sáng tạo làm ra cái tời cho mẹ kéo nước. -> Vì đây là tấm gương có hiệu với cha mẹ, sáng tạo trong công việc - Những việc làm không khó - Sẽ có nhiều tấm gương sáng, trở thành những con người tốt b. Lập dàn bài • Mở bài - Giới thiệu hiện tượng Phạm Văn Nghĩa - Nêu sơ lược ý nghĩa của tấm gương đó • Thân bài - Phân tích ý nghĩa việc làm của bạn PVN - Đánh giá việc làm của PVN - Đánh giá ý nghĩa của việc phát động phong trào học tập PVN • Kết bài - Khái quát ý nghĩa của tấm gương PVN - Rút ra bài học cho bản thân => ý 2 ghi nhớ c. Viết bài d. Đọc lại bài viết và sửa chữa

GV yêu cầu trình bày kết quả Gọi HS khác nhận xét GV nhận xét chung ? Qua phần các bạn trình bày, em có nhận xét gì ? ? Qua tìm hiểu đề bài trên, em thấy muốn làm tốt bài văn nghị luận về một SV, hiện tượng đ/s cần phải làm theo những bước nào? - GV yêu cầu HS đọc lại toàn bộ ghi nhớ	-> Mỗi bài mang tính chủ quan cá nhân riêng. => ý 3 ghi nhớ => ý 1 ghi nhớ 2. Ghi nhớ (SGK / 24)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành Kĩ thuật : Đặt câu hỏi - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Hoàn cảnh của Nguyễn Hiền có gì đặc biệt ? ? Con người Nguyễn Hiền có đặc điểm gì nổi bật? ? Nguyên nhân dẫn tới thành công? - Hs trình bày ? Em học tập được điều gì từ Nguyễn Hiền ? - GV:Yêu cầu HS lập dàn ý theo bố cục MB, TB, KB - HS lập dàn ý	III. Luyện tập - Sinh ra trong hoàn cảnh nhà rất nghèo, xin làm chú tiểu quét lá đa và dọn vệ sinh - Đặc điểm nổi bật là ham học - Tư chất đặc biệt là “ thông minh mau hiểu ” - Nguyên nhân: Kiên trì, ham học, thông minh.

4. Hoạt động vận dụng

- Viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đáng phê phán ở địa phương em?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài văn nghị luận về hiện tượng đời sống xã hội
- Học nắm chắc cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đ/s
- Hoàn chỉnh các bài tập
- Chuẩn bị " Chương trình địa phương" -> Đọc SGK và xem những yêu cầu của bài .

=====

Ngày soạn:
Tuần 22- Bài 19

Ngày dạy:

Tiết 101: **HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ CHO CHƯƠNG TRÌNH
ĐỊA PHƯƠNG PHẦN TẬP LÀM VĂN**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học này, HS cần :

- 1. Kiến thức:** Học sinh tập suy nghĩ về một hiện tượng thực tế ở địa phương. Viết một bài văn trình bày vấn đề đó với suy nghĩ kiến nghị của mình dưới các hình thức thích hợp: tự sự, miêu tả, nghị luận, thuyết minh.
- 2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng viết bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống xã hội ở địa phương.
- 3. Thái độ:** Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc, tự giác.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, sống có trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy:-** Soạn giáo án, tham khảo tài liệu
- 2. Trò:** Học bài cũ, soạn bài theo hệ thống câu hỏi

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, hợp đồng
2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, trình bày một phút

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

- * Ôn định lớp:
- * Kiểm tra bài cũ : - Thế nào là văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống xã hội. ?
 - Muốn làm tốt bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống xã hội. cần phải đảm bảo gì về nội dung và hình thức ?
- * Vào bài mới : Gv giới thiệu bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Tìm hiểu vấn đề cần nghị luận ở địa phương *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi - GV chia lớp thành 2 nhóm thảo luận: N1 - Theo em ở địa phương chúng ta có vấn đề gì cần bàn luận. (Cả đáng khen và đáng chê) ?	I. Tìm hiểu vấn đề cần nghị luận ở địa phương * Địa phương: VD: + Vứt rác bừa bãi + Tệ nạn xã hội... + Vi phạm luật giao thông (đi xe máy không có bằng, không đội mũ bảo hiểm) + Giúp đỡ gia đình thương binh,

N2 - Trong nhà trường cũng có nhiều vấn đề đáng bàn luận. Vậy em hãy nêu ra 1 số vấn đề đó?

Hoạt động 2: Cách làm

* Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp

* Kỹ thuật : Đặt câu hỏi

-GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung của bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống

GV đưa ra một số gợi ý về cách làm bài cho học sinh.

? Bố cục của bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống gồm có mấy phần ?

? Bài viết cần phải lập luận như thế nào

GV yêu cầu về độ dài.

- **Chú ý:** Không ghi tên thật của người liên quan đến sự việc, hiện tượng nói đến.

GV giới hạn thời gian

Yêu cầu HS nộp bài cho lớp trưởng sau khi học xong bài 25.

liệt sĩ.

* Nhà trường:

- + Hiện tượng đánh nhau
- + Hiện tượng không thuộc bài
- + Trò chơi điện tử -> bỏ học
- + Ăn quà vặt trong trường
- + Tắm gương 1 bạn HS nghèo, học giỏi

II. Cách làm

1. Về nội dung

- Bài viết phải nêu được những ý cơ bản sau : Biểu hiện , nguyên nhân , lợi – hại , ý kiến(giải pháp)

- Sự việc, hiện tượng được đề cập phải mang tính phổ biến trong xã hội.
- Nhận định được chỗ đúng, chỗ sai không cường điệu, không giảm nhẹ.
- Bày tỏ thái độ tán thành hay không tán thành một cách khách quan.
- Dẫn chứng tiêu biểu, xác thực.

2. Về hình thức

- Bố cục: Gồm 3 phần

- + Mở bài
- + Thân bài
- + Kết bài

- Bài viết phải có luận điểm, luận cứ, lập luận rõ ràng có sức thuyết phục
- Khoảng 1500 từ trở lại

III. Thời gian nộp bài

- Bài viết này để chuẩn bị cho hoạt động Ngữ văn bài 28 (HS viết ở nhà và thu bài sau khi học xong bài 25)

3. Hoạt động luyện tập

? Nêu lại dàn bài của bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống?

? Các bước tiến hành 1 bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống?

4. Hoạt động vận dụng

-Viết bài văn về hiện tượng đời sống xã hội ở địa phương em?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tự ôn tập về văn nghị luận để chuẩn bị viết bài TLV số 5 (Tiết 104, 105)
- Hoàn thành bài viết để chuẩn bị cho bài 28
- Soạn văn bản " Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới " ->Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi /SGK

Ngày soạn:
Tuần 22 - Bài 20

Ngày dạy:

Tiết 102: VB - **CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỈ MỚI**
(Vũ Khoan)

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học này, HS cần :

1. Kiến thức:

- Học sinh nhận thức được những điểm mạnh, yếu trong tính cách và thói quen của người Việt Nam yêu cầu gấp rút phải khác phục điểm yếu, hình thành những đức tính và thói quen tốt khi đất nước đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá .
- Hiểu được trình tự lập luận và cách nghị luận của tác giả.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng đọc, hiểu, phân tích một văn bản nghị luận.
- Trình bày những suy nghĩ, nhận xét, đánh giá về một vấn đề xã hội
- Rèn luyện thêm cách viết đoạn văn , bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội

3. Thái độ:

- Học sinh có ý thức tự học, rèn luyện thói quen tốt để bước vào tương lai.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, sông có trách nhiệm, yêu quê hương đất nước

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn giáo án, tham khảo tài liệu
- Dự kiến tích hợp:
 - + Văn - TLV: Văn nghị luận
 - + Văn - Thực tế: Bối cảnh đất nước

2.Trò: Học bài cũ, soạn bài mới

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định lớp:

* Kiểm tra bài cũ : - Sức mạnh của văn nghệ ?

* Vào bài mới : Gv giới thiệu bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc và tìm hiểu chung * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, dùng lời có nghệ thuật * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi ? Cho biết đôi nét về tác giả? ? Hoàn cảnh ra đời của văn bản ? - GV yêu cầu HS nêu giọng đọc của vb, hướng dẫn đọc, HS đọc -> HS nhận xét Yêu cầu HS giải thích chú thích 1,3,5 SGK ? VB trên thuộc kiểu Vb nào? ? Văn bản viết theo phương thức biểu đạt gì ? ? Vấn đề nghị luận của vb trên là gì? ? Bố cục của văn bản ? giới hạn và nội dung từng phần ? ? Luận điểm được nêu được đưa ra trong phần mở bài? - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi -> HS trình bày -> HS nhận xét (1) Phần thân bài được lập luận bằng các luận cứ nào? ? Nội dung của phần kết bài ?	I. Đọc, tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) 2. Tác phẩm - Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ (SGK) - Đọc, tìm hiểu chú thích . Đọc . Chú thích- Sgk - VB nghị luận xã hội - PTBD: Nghị luận - giải thích - Vấn đề nghị luận: chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới. * Bố cục : 3 phần - Phần 1: Nêu vấn đề (Đoạn 1,2) -> Nêu luận điểm cơ bản " Lứa trẻ... mới" - Phần 2: Giải quyết vấn đề (Tiếp -> hội nhập) - Luận cứ 1: Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới thì quan trọng nhất là sự chuẩn bị của bản thân con người - Luận cứ 2: Bối cảnh thế giới hiện nay và những mục tiêu nặng nề của đất nước - Luận cứ 3: Những điểm mạnh yếu của con người Việt Nam cần được nhận rõ - Phần 3 : Kết thúc vấn đề (Còn lại) Yêu cầu của thế kỉ mới đó là trách nhiệm của thế hệ trẻ. -> Hệ thống luận điểm, luận cứ có tính

? Nhận xét hệ thống luận điểm, luận cứ trong bố cục của văn bản ?

Hoạt động 2: Phân tích

*Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật

* Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não

? Bài viết đề cập tới vấn đề gì ?

? Luận điểm chính mà tác giả nêu ra là gì ?

-GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi
? Luận điểm đó hướng tới đối tượng nào?

? Nội dung, mục đích của luận điểm này?

- Em có nhận xét gì về cách nêu vấn đề của tác giả?

-Em có nx gì về vấn đề mà tác giả đưa ra trong vb ?

-HS thảo luận và trình bày

-GV:Vấn đề nghị luận vừa có ý nghĩa thời sự cấp thiết, vừa có ý nghĩa lâu dài quyết định tới vận mệnh của cả dt.Bước vào thế kỉ mới chúng ta đang bước vào một hành trình với nhiều triển vọng nhưng cũng đầy thử thách .Bài viết của tg đã nêu lên những vấn đề cần thiết đối với mọi người và đặc biệt là nhằm hướng tới thế hệ trẻ - chủ nhân đất nước trong tk 21, thế hệ nối tiếp cha ông , gánh trên vai mình sứ mệnh lịch sử trọng đại là xây dựng VN trở nên giàu mạnh cường thịnh.

-GV sử dụng kỹ thuật động não

? Vấn đề này được nêu trong thời điểm nào. Thời điểm này có ý nghĩa như thế nào?

GV : Bài viết của phó thủ tướng Vũ

chặt chẽ logic và tính định hướng rõ rệt

II. Phân tích

1. Nêu vấn đề

- Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới
- Luận điểm: Lớp trẻ Việt Nam ... kinh tế mới.

- Đối tượng: Lớp trẻ Việt Nam

- Nội dung: Nhận ra điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam.

- Mục đích: rèn những thói quen tốt để khi bước vào nền kinh tế mới
+ Cách nêu vấn đề trực tiếp, rõ ràng, ngắn gọn.

->Vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với cả quá trình đi lên của đất nước.

- Thời điểm: Chuyển tiếp giữa hai thế kỉ, hai thiên niên kỉ.

-> Thời điểm thiêng liêng, đầy ý nghĩa (càng tăng sự cần thiết cho vấn đề)

Khoan vào năm 2001- năm đầu của thế kỉ mới , thiên niên kỉ mới. Riêng đối với dt ta thời điểm này lại càng có ý nghĩa quan trọng : công cuộc đổi mới bắt đầu từ cuối tk trước đã đạt được những thành quả bước đầu và chúng ta tiến sang tk mới với mục tiêu phấn đấu rất cao là trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020.

? Luận cứ đầu tiên được TG triển khai là gì ?

? Để làm rõ luận cứ này tác giả đã dùng những lí lẽ nào ?

? Đây là những lí lẽ như thế nào?

? Qua luận cứ này tác giả đã giúp người đọc hiểu được điều gì.?

-GV:giảng -> Đây là luận cứ quan trọng, nêu vấn đề, mở đầu cho cả hệ thống luận điểm của văn bản mở ra hướng lập luận của tác giả.

? Luận cứ thứ 2 được tác giả triển khai là gì.?

? Luận cứ này được triển khai như thế nào ?

? Em có nhận xét gì về cách trình bày luận cứ của tác giả?

? Cách trình bày này có tác dụng ra sao ?

GV :Vấn đề thời cơ và thách thức được tg nêu lên và giải thích một cách khúc triết sáng tỏ. Tiếp theo tác giả nêu lên ba nhiệm vụ ...và ông chỉ rõ làm nên sự nghiệp ấy là những con

2. Thân bài

* Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới thì sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất

- Con người là động lực phát triển của lịch sử

- Trong thế kỉ mới ... vai trò con người càng nổi bật.

+ Lí lẽ chặt chẽ, sâu sắc.

=> Khẳng định vai trò, tầm quan trọng của con người trong công cuộc xây dựng đất nước.

* Bối cảnh của thế giới hiện nay và mục tiêu, nhiệm vụ của đất nước.

- Bối cảnh TG' đang có sự phát triển mạnh về khoa học, công nghệ, sự giao thoa hội nhập giữa các nền kinh tế

- Nước ta cùng lúc giải quyết 3 nhiệm vụ...

+ Luận điểm xuất phát từ thực tế (hoàn cảnh TG', trong nước. Đây cũng là sự chuyển ý khéo léo)

=> Làm nổi bật tầm quan trọng của con người trong hoàn cảnh đó; làm nổi rõ luận cứ trung tâm(của việc chuẩn bị bản thân con người)

người VN với những điểm mạnh và điểm yếu của nó.

? Luận cứ trung tâm mà tác giả đã nêu ra là gì ?

GV chia lớp thành 4 nhóm yêu cầu HS thảo luận -> gọi HS trình bày -> HS nhận xét

(1) Tác giả đã chỉ rõ điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam như thế nào ?

(2) Những điểm mạnh này có ý nghĩa gì trong hoàn cảnh thế giới hiện nay ? Điểm yếu này gây tác hại gì. ?

(3) Nhận xét cách lập luận của tác giả ?

(4) Với cách lập luận đó, tác giả đã làm nổi bật vấn đề gì ?

-HS thảo luận và trình bày

-GV:Tác giả không chia điểm mạnh, điểm yếu thành hai ý mà nêu từng điểm mạnh và đi liền với nó lại là điểm yếu . Cách nhìn như vậy thấu đáo và hợp lí. Điều đáng chú ý nữa là trong cách lập luận của tg , điểm mạnh ,điểm yếu luôn được đối chiếu với yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.... nhiều thành ngữ và tục ngữ, cách nói so sánh khiến lời văn trở nên sinh động . giàu hình ảnh , dễ hiểu. Qua đó , TG nhấn mạnh điểm mạnh ,

* Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam cần được nhận rõ khi bước vào nền kinh tế mới

- Điểm mạnh:
Thông minh, nhạy bén

Cần cù, sáng tạo

Có tinh thần đoàn kết
Bản tính thích ứng nhanh

Điểm yếu
Hồng kiến thức,
thiếu kĩ năng
thực hành
Thiếu đức tính tỉ
mỉ và kỉ luật

Đối kị nhau.
Thái độ kì thị,
không coi trọng
chữ tín

-> Điểm mạnh : Đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của xã hội, có điều kiện để thực hiện cuộc đổi mới

Điểm yếu : Không thích ứng với nền kinh tế, khó hội nhập, không có điều kiện phát triển.

+ Tác giả không tách bạch điểm mạnh, điểm yếu mà đi liền đối chiếu lẫn nhau
+ Ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, nhiều thành ngữ và tục ngữ, cách nói so sánh..

-> Nhấn mạnh điểm mạnh, nghiêm khắc nhìn rõ và khắc phục điểm yếu trong tính cách , thói quen.

nghiêm khắc nhìn rõ và khắc phục điểm yếu trong tính cách , thói quen của con người VN.

? Tổng kết lại tác giả chỉ rõ người Việt Nam khi bước vào thế kỉ mới cần phải làm gì. ?

?Tại sao phải vứt bỏ điểm yếu ?

? Con người (đặc biệt là lớp trẻ) là nhân tố quan trọng nhất. Vậy họ cần phải hành động gì. ?

? Theo em những thói quen đẹp từ những việc nhỏ nhất là gì ?

? Nhận xét ngôn ngữ của tác giả. ?

? Theo em đây là nhiệm vụ ntn ?

-GV sử dụng kĩ thuật trình bày một phút và yêu cầu HS nêu những nội dung lĩnh hội được và những vấn đề cần tìm hiểu thêm

GV:Nhìn lại bài viết ta có thể thấy tính chặt chẽ của hệ thống luận cứ , tính định hướng rất rõ của vấn đề .

- Nhận rõ điểm mạnh , điểm yếu , khắc phục điểm yếu và phát huy điểm mạnh là điều kiện hết sức cần thiết với dân tộc ta trên con đường xây dựng đất nước , phát triển trong xu thế hội nhập .đưa đất nước ta sánh vai cùng cường quốc năm châu.

Hoạt động 3: Tổng kết

-PP: Gọi mở vấn đáp

-KT: Đặt câu hỏi

? Nghệ thuật nghị luận của bài viết ?

? Nội dung chính của văn bản?

3. Kết bài

- Phải lấp đầy hành trang bằng điểm mạnh vứt bỏ những điểm yếu

(Hành trang vào thế kỉ mới phải là những hành trang có giá trị, cần loại bỏ yếu kém lỗi thời, nó không phát triển mà còn lạc hậu)

- Lớp trẻ nhận ra điểm mạnh, điểm yếu quen dần những thói quen tốt đẹp ngay từ những việc nhỏ nhất)

(Nếp sống, suy nghĩ, học tập ...)

+Ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, gắn liền đời sống

->Nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, ai cũng có thể làm tốt không chỉ trong suy nghĩ mà trong việc làm, hành động(trong từng việc nhỏ nhất của sinh hoạt, học tập,lao động.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Ngôn ngữ báo chí gắn với đời sống , dùng cách nói giản dị , trực tiếp , dễ hiểu .việc sử dụng khá những thành ngữ , tục ngữ tạo cho bài viết sinh động sâu sắc mà ngắn gọn

2. Nội dung

- Thái độ thẳng thắn, khách quan, toàn diện nhìn nhận điểm mạnh, điểm yếu.

* Ghi nhớ

- Cho HS liên hệ bản thân	

3. Hoạt động luyện tập

- GV yêu cầu HS làm bài tập 2 / 31
- *Uống nước nhớ nguồn, chưa khỏi vòng đã cong đuôi.*
- *lễ mẹ , ...*

? Nêu luận điểm cơ bản của văn bản. Luận điểm đó được triển khai bằng những luận cứ nào ?

? Nhận xét hệ thống luận điểm, luận cứ đó ?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân và hướng khắc phục?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc thêm các bài viết về con người Việt Nam
- Học bài. Nắm chắc nội dung
- Hoàn chỉnh phần luyện tập
- Xem bài " Các thành phần biệt lập " -> Đọc và trả lời các câu hỏi /SGK

Ngày soạn:

Tuần 23 – bài 20

Ngày dạy:

Tiết 103: TV- CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP (Tiếp)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Học sinh nhận biết đặc điểm của hai thành phần biệt lập: gọi - đáp và phụ chú.

- HS hiểu được công dụng riêng của mỗi thành phần trong câu.

2. Kỹ năng:

- Hs nhận biết hai thành phần trên.
- HS biết đặt câu có thành phần gọi - đáp, thành phần phụ chú.

3. Thái độ: Giáo dục ý thức học tập tự giác.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy: - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu

- Dự kiến tích hợp: + TV - Văn: Làng, Lão Hạc, Chiếc lược ngà...

+ TV - TV: Các thành phần biệt lập (Tiết 98)

- Phương pháp : Đặt vấn đề , Gọi mở- vấn đáp , thảo luận ...

2. **Trò:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích mẫu

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định lớp:

* Kiểm tra bài cũ : - Thế nào là thành phần tình thái. Lấy ví dụ minh họa?

- Thế nào là thành phần cảm thán. Cho vd ?

Tại sao chúng được gọi là thành phần biệt lập.

* Vào bài mới : Gv giới thiệu bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Thành phần gọi đáp * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích mẫu * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não - Yêu cầu HS đọc VD và quan sát các từ in đậm - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Trong những từ in đậm, từ nào dùng để gọi, từ nào dùng để đáp lại lời gọi ? ? Theo em trong 2 từ, từ nào dùng để tạo lập cuộc thoại, từ nào dùng để duy trì cuộc thoại đang diễn ra ? - HS thảo luận và trình bày ? Ta có thể lược bỏ các từ in đậm được không. Em có nhận xét gì về nội dung của các câu trên sau khi lược bỏ các từ in đậm ? ? Tại sao khi lược bỏ các từ in đậm trên mà nội dung các câu không thay đổi ? ? Từ " này " , " thưa ông " được gọi là thành phần gọi - đáp. Vậy em hiểu thế nào là thành phần gọi - đáp ? GV cho HS lấy ví dụ GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi -> gọi HS trình bày -> HS nhận xét (1) Chỉ ra thành phần gọi - đáp ? (2) Từ nào dùng để gọi. Từ nào dùng	I. Thành phần gọi đáp 1 Tìm hiểu ví dụ (SGK / 31) a. Này-> để gọi -> tạo lập quan hệ giao tiếp. b. Thưa ông -> để đáp -> duy trì quan hệ giao tiếp. - Có thể lược bỏ các từ in đậm -> nội dung các câu trên không thay đổi - Các từ in đậm không tham gia diễn đạt nghĩa sự việc trong câu 2. ý 2 ghi nhớ (SGK / 32) * Làm bài tập 1 (SGK / 32) a. Này -> để gọi b. Vâng -> để đáp

để đáp ?

(3) Quan hệ giữa người gọi và người đáp là quan hệ gì ?

Hoạt động 2 : Thành phần phụ chú

*Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích mẫu

* Kỹ thuật : Đặt câu hỏi

-Yêu cầu HS đọc ví dụ (SGK) và chú ý từ in đậm

? Xác định cấu tạo ngữ pháp của các thành phần in đậm trong 2 câu trên?

? Hãy lược bỏ những từ ngữ in đậm trong các câu trên ?

- Nếu lược bỏ những từ ngữ in đậm thì nghĩa sự việc của mỗi câu trên có thay đổi không. Vì sao ?

? Vậy ở câu (a) từ ngữ in đậm được thêm vào để chú thích cho cụm từ nào?

? ở câu (b) cụm C- V in đậm chú thích điều gì ?

GV giải thích: Điều suy nghĩ riêng này có thể đúng hoặc chưa hẳn đúng. Nhưng nhân vật " tôi " cho đó là lí do khiến cho " tôi càng buồn lắm ".

?Qua đây em thấy các từ ngữ in đậm ở 2 câu trên được dùng để làm gì trong câu ?

? Đó là về nội dung, còn về hình thức các cụm từ trên được phân cách với các từ khác trong câu bằng dấu hiệu nào ?

GV đưa ra 2 Ví dụ (bảng bảng phụ) và hỏi dẫn dắt HS:

? Các từ in đậm trong các câu trên được phân cách với các từ khác trong câu bằng dấu hiệu nào?

<1> Một ngày ... - **năm đó ta chưa vỡ trang** - ... anh sáu bị hi sinh.

<2> Lấy câu d (Bài tập 3 - SGK / 33)

- Quan hệ: + Trên (nhiều tuổi) - dưới (ít tuổi)

+ Thân mật (hàng xóm láng giềng, cùng cảnh ngộ)

II. Thành phần phụ chú

1. Tìm hiểu ví dụ (SGK / 32)

a. " **và cũng ... anh** " -> cụm từ

b. " **tôi/ nghĩ vậy** " -> cụm C - V

- Nếu lược bỏ các từ in đậm trên, nghĩa sự việc các câu đó không thay đổi (vì nó không nằm trong cấu trúc cú pháp của câu, đứng biệt lập)

- Từ ngữ in đậm ở câu (a) để chú thích cho cụm từ " đứa con gái đầu lòng "

- Câu (b) từ in đậm chú thích cho điều suy nghĩ riêng của nhân vật " tôi "

-> Dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung của câu

+ Câu (a) đặt giữa một dấu gạch ngang và một dấu phẩy.

+ Câu (b) đặt giữa hai dấu phẩy

<1> Cụm từ in đậm ngăn cách với cấu trúc câu bằng hai dấu gạch ngang.

<2> Hai cụm từ in đậm ngăn cách với cấu trúc câu bằng hai dấu ngoặc đơn.

- Ngoài ra:

GV: cung cấp thêm VD ? Ngoài 2 trường hợp ở VD (a,b) còn có dấu hiệu nhận biết nào? ? Các cụm từ in đậm trên được gọi là thành phần phụ chú. Vậy em hiểu thành phần phụ chú là gì? ? Thành phần gọi - đáp và thành phần phụ chú có điểm gì giống nhau? - GV: KL ? Vậy Thế nào là thành phần biệt lập? - GV: gọi HS đọc ghi nhớ - Qua kiến thức bài trước, em hãy cho biết những thành phần nào được coi là thành phần biệt lập?	+ Đặt giữa hai dấu gạch ngang + Đặt sau dấu hai chấm (ít dùng) => ý 3 ghi nhớ -Không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc trong câu , khi lược bỏ thì nghĩa sự việc trong câu không thay đổi. - Thành phần gọi - đáp, thành phần phụ chú được gọi là thành phần biệt lập. => ý 1 ghi nhớ 2. Ghi nhớ (SGK / 32) - Các thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán, gọi-đáp, phụ chú

3.Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 3 : Luyện tập *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi -GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn ? Tìm thành phần gọi - đáp ? ? Lời gọi đó hướng tới ai ? ? Qua VD(I) và bài tập 1,2 em có nhận xét gì về vị trí của thành phần gọi - đáp trong câu ? - Gv chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS thảo luận : nhóm 1+3 -> a,b và nhóm 2+4 -> c,d - Gv gọi Hs trình bày và Hs nhận xét (1) Tìm thành phần phụ chú ? (2) Chúng bổ sung điều gì ?	III. Luyện tập (15') Bài tập 2 (SGK / 33) - Cụm từ dùng để gọi " bầu ơi " - Lời gọi hướng tới tất cả các thành viên trong cộng đồng người Việt. => TP gọi - đáp thường đứng trước nòng cốt câu. Bài tập 3 (SGK / 33) a. Kể cả anh -> giải thích cho mọi người b. Các thầy cô giáo ... người mẹ -> giải thích cho " những người ... cánh cửa này " c. những người ... tới -> giải thích cho " ' lớp trẻ " d. có ai ngờ-> bổ sung cho sự ngạc nhiên thương ... thôi -> thể hiện tình cảm

? Các thành phần phụ chú ở mỗi câu trong bài tập 3 liên quan đến những từ ngữ nào đứng trước đó ? ? Qua VD(II) và bài tập 3,4 em thấy TP phụ chú đứng ở vị trí nào trong câu?	trình mền Bài tập 4 (SGK / 33) - Các thành phần phụ chú có liên quan đến những từ ngữ mà nó có nhiệm vụ giải thích (Câu a, b, c) - Các thành phần phụ chú có liên quan đến những từ ngữ cung cấp thông tin phụ về thái độ, tình cảm suy nghĩ của các nhân vật (Câu d) => Thường đứng ở giữa câu, cuối câu.

4. Hoạt động vận dụng

-Viết đoạn văn có sử dụng thành phần biệt lập(gạch chân thành phần và cho biết đó là thành phần biệt lập nào)

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Suy tầm các bài tập có thành phần biệt lập và làm các bài tập đó
- Học bài, nắm chắc nội dung bài học.
- Hoàn thành các bài tập.
- Ôn tập văn nghị luận chuẩn bị viết bài tập làm văn số 5

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 104,105: VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

1. Kiến thức: Học sinh vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học về văn nghị luận xã hội để viết hoàn chỉnh một bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng tìm hiểu đề, tìm ý, viết bài hoàn chỉnh.

3. Thái độ: Có thái độ tự giác, nghiêm túc làm bài.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực tạo lập văn bản.
- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Tự luận ; 100 %

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Cộng

			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Văn nghị luận về một hiện tượng đời sống , xã hội	Nêu được yêu cầu về nội dung bài văn nghị luận ĐSXH	Hiểu được những đặc điểm về hình thức của một đoạn văn nghị luận ĐSXH		Viết bài văn nghị luận về hiện tượng ĐSXH .	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ 10%	Số câu:1 Số điểm: 2 Tỉ Lệ ; 20%		Số câu:1 Số điểm: 7 Tỉ lệ 70%	Số câu:3 Số điểm:10 Tỉ lệ 100%
Cộng	Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ 10%	Số câu:1 Số điểm: 2 Tỉ Lệ ; 20%		Số câu:1 Số điểm: 7 Tỉ lệ 70%	Số câu:3 Số điểm:10 Tỉ lệ 100%

IV. Thiết lập đề kiểm tra

Câu 1. Nêu yêu cầu về nội dung bài văn nghị luận ĐSXH

Câu 2. Chỉ những đặc điểm về hình thức của đoạn văn nghị luận ĐSXH

Ôn dịch thuốc lá đe dọa sức khỏe và tính mạng loài người hơn cả AIDS.

Trong khói thuốc chứa đến 4000 chất hóa học. Trong đó có 40 loại chất độc gây tổn thương phủ tạng mà nặng nhất là phổi làm cho tăng nguy cơ bị ung thư. Và điều đặc biệt nguy hại đó là khói thuốc không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến người chủ động hút thuốc mà còn tác động lên những người hút khói thuốc thụ động xung quanh. Theo thống kê bộ Y tế, ở nước ta mỗi năm có hơn 10.000 người chết vì hút thuốc lá và gần 400.000 người bị chết vì hít phải khói thuốc lá. Như vậy con số người chết vì thuốc lá còn nhiều hơn vì tai nạn giao thông.

Câu 3. Hiện nay vấn đề ô nhiễm môi trường là một vấn đề nan giải. Hãy viết bài nghị luận thể hiện suy nghĩ của em về vấn đề đó?

V. Yêu cầu và biểu điểm

1. Yêu cầu:

Câu 1 : Bài viết phải nêu được biểu hiện, nguyên nhân, lợi- hại , bày tỏ thái độ - ý kiến của người viết trước sự việc hiện tượng.

Câu 2.- Luận điểm rõ ràng(c1). Đoạn văn được triển khai theo lối diễn dịch

- Phép lập luận phù hợp : dùng số liệu để chứng minh
- Dẫn chứng xác thực, lập luận chặt chẽ
- Lời văn chính xác, sống động
- Các câu văn được sắp xếp theo trình tự hợp lí

Câu 3.

a. Về kiến thức:

- Nêu được vấn đề ô nhiễm môi trường hiện nay (rác thải, khí thải, nước thải, ô nhiễm nguồn đất...)

- Những biểu hiện (dẫn chứng, số liệu cụ thể)
- Chỉ ra những nguyên nhân: thiếu ý thức, thiếu hiểu biết, do thói quen xấu, không tuân thủ qui trình ...

- Tác hại đối với cuộc sống con người, môi trường sống...
- Những thái độ, ý kiến của bản thân về vấn đề bảo vệ môi trường

b. Về kĩ năng:

- Bài viết đúng thể loại nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.
- Có luận điểm, luận cứ rõ ràng và lập luận chặt chẽ.
- Các phần MB, TB, KB mạch lạc, liên kết, có tính thống nhất.
- Dùng từ, câu đúng chính tả, ngữ pháp
- Diễn đạt lưu loát, trình bày sạch sẽ.

2. Biểu điểm:

Câu 1. 1đ

Câu 2.2đ

Câu 3.7đ

- Điểm 7 : Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên. Bài viết có sáng tạo .
- Điểm 5-> 6: Đáp ứng tương tốt các yêu cầu đó. Tuy nhiên còn lỗi sai nhỏ (chính tả, diễn đạt)
- Điểm 3-> 4: Bố cục rõ ràng, nội dung còn chưa sâu sắc, các luận điểm, luận cứ chưa có liên kết. Sai chính tả...
- Điểm 1-> 2: Hành văn yếu, nội dung sơ sài, bố cục chưa đầy đủ.
- Điểm 0: Không làm bài

=====

Ngày soạn:
Tuần 23 - Bài 21

Ngày dạy:

Tiết 106 – VB

**CHÓ SÓI VÀ CƯỜI TRONG THƠ NGỤ NGÔN
CỦA LA PHÔNG - TEN**

(Trích)

(*Hi-pô-lit Ten*)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học, HS cần :

1. Kiến thức: - Nắm được đặc trưng của sáng tác nghệ thuật là yếu tố tưởng tượng và dấu ấn cá nhân của tác giả.

- Hiểu được cách lập luận của tác giả trong văn bản.

2. Kĩ năng:

- Đọc hiểu một văn bản dịch về nghị luận văn chương

- Nhận ra và phân tích được các yếu tố của lập luận

3. Thái độ: Học sinh có ý thức học tập nghiêm túc, tự giác.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.
- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy: - Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập

2. Trò: Soạn bài, đọc thêm tác phẩm " Chó Sói và Chiên con "

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định lớp:

* Kiểm tra bài cũ : - Tác giả đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam là gì ?

* Vào bài mới : Gv giới thiệu bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc, Tìm hiểu chung * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, dùng lời có nghệ thuật * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi ? Nêu vài nét chính về tác giả? ? Em hãy cho biết vị trí của đoạn trích? GV: cung cấp tư liệu GV yêu cầu HS nêu giọng đọc của vb, hướng dẫn đọc, HS đọc - Yêu cầu HS giải thích chú thích 1,3,4 SGK ? Văn bản trên thuộc kiểu văn bản gì ? ? Đối tượng nghị luận của văn bản đó ? ? Văn bản gồm có mấy phần ? ? Nêu giới hạn và nội dung của mỗi phần ? - GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS thảo luận -> gọi HS trình bày -	I. Đọc, Tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) 2. Tác phẩm (SGK) - Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ (SGK) - Đọc và tìm hiểu chú thích . Đọc - Chú thích (SGK) - Nghị luận văn chương (đối tượng nghị luận là một tác phẩm văn học) - Bố cục: Hai phần + Phần 1: Từ đầu ... " tốt bụng như thế " -> Hình tượng con Cừu + Phần 2: Còn lại -> Hình tượng con chó Sói * Giống: - Lập luận bằng cách dẫn ra những dòng viết về hai con vật (Chó Sói và Cừu) của nhà khoa học Buy-

> HS nhận xét, bổ sung (1) Đối chiếu 2 phần của văn bản và chỉ ra cách lập luận giống nhau ? (2) Chỉ ra điểm khác nhau trong cách triển khai 2 phần ? Hoạt động 2 : Phân tích *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, dùng lời có nghệ thuật, phân tích *Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não -GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi -> Đại diện trình bày -> HS nhận xét và bổ sung (1) Dưới con mắt của nhà khoa học Buy- Phong, loài cừu có những biểu hiện gì? (2) Buy-Phong đã nhận định ra sao về loài Cừu ? (3) Cách nhìn nhận của nhà khoa học về loài cừu có chính xác không ,vì sao - HS thảo luận và trình bày ? Với Cách nhìn nhận chính xác và khoa học , em hiểu gì về mục đích của Buy Phong khi viết về loài Cừu ? -GV:giảng ?Tại sao Buy phong không nhắc về tình mẫu tử của loài Cừu ? GV:yêu cầu HS chú ý vào đoạn thơ của La Phong –ten ? Trong thơ của La Phong-Ten, Cừu	Phong để so sánh. - Điều triển khai mạch nghị luận theo trật tự 3 bước: + Dưới ngòi bút của nhà thơ La Phong-Ten + Dưới ngòi bút của Buy- Phong + Dưới ngòi bút của nhà thơ La Phong-Ten * Khác: Khi bàn luận về con Cừu tác giả thay bước 1 bằng trích đoạn thơ ngụ ngôn của La Phong-Ten, La Phong-Ten tham gia trực tiếp vào mạch nghị luận của văn bản (Bài nghị luận tăng sự hấp dẫn II. Phân tích 1. Hình tượng con Cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phong -ten * Dưới con mắt của nhà khoa học Buy- Phong - Thường tụ tập thành bầy - Co cụm lại với nhau - Không biết chôn tránh nỗi nguy hiểm - Chỉ biết làm theo con đầu đàn -> Con Cừu là ngu ngốc và sợ sệt + Nhìn nhận chính xác ,khách quan (vì ông dựa trên sự quan sát những biểu hiện của chúng) ->Cung cấp những thông tin khoa học về đối tượng . - Vì không phải chỉ loài Cừu mới có (Đặc điểm chung của muôn loài) * Trong thơ của La Phong-Ten - Cừu ở đây là con cừu cụ thể (một chú cừu non bé bỏng) đặt trong một

non được miêu tả có phải là loài cừu nói chung không? ? Con Cừu đó được đặt trong hoàn cảnh nào? ? Tại sao La phong ten lại đặt chú cừu non vào hoàn cảnh trên ? ? La Phong-Ten đã nhìn nhận về Cừu với những đặc tính gì ? -GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Em hãy phân tích giọng buồn rầu và dịu dàng của Cừu khi đối mặt với chó sói(ở phần đầu văn bản) ? ? Khi viết về Cừu ,em hiểu gì về NT mà La Phong ten đã sử dụng? ? Qua đó ,em hiểu gì về loài Cừu ? -GV giảng ? Đặc biệt La Phong-Ten đã nhìn nhận về Cừu có đặc điểm gì mà nhà khoa học không đề cập đến.? GV: giảng ?Em hiểu gì về ngụ ý của nhà thơ qua những chi tiết trên ? -GV: giảng ?Qua các chi tiết trên ,em hiểu gì về cách cảm nhận của La Phong Ten ? ?Bằng ngòi bút đậm tính nhân văn ấy ,La Phong ten đã khắc họa lên điều gì ? Cảm xúc của nhà thơ được thể hiện ra sao khi viết về loài Cừu ? -GV:giảng ? Qua cách viết của nhà thơ La Phong-Ten gợi cho người đọc cảm xúc gì? ?Việc đưa ra hình ảnh con cừu dưới con mắt của nhà thơ và của nhà khoa học, qua đó giúp em hiểu gì về NT mà H.TEN đã sử dụng ? -GV sử dụng kĩ thuật động não ? Như vậy em thấy cái nhìn của nhà	hoàn cảnh đặc biệt đó là đối mặt với chó sói bên bờ suối - Cần nhìn thấy một hoàn cảnh điển hình để từ đó nhận vật bộc lộ tính cách của mình - Cừu trong thơ của La Phong-Ten có những đặc tính giống với Buy- Phong nhận định nhưng con Cừu còn là con vật tội nghiệp, buồn rầu, dịu dàng - không dám cãi lại Sói - gọi Sói là bệ hạ-ngài, nhận mình là kẻ hèn. +NT: Nhân cách hóa, trí tưởng tượng phong phú ->Hiền lành ,nhân nhục, thông minh . - Chúng còn thân thương và tốt bụng, thương con -> Ngụ ý về tình mẫu tử ,đức hi sinh của người mẹ. +Ngòi bút phóng khoáng ,cảm tính ,đậm tính nhân văn. => Đời sống tâm hồn của loài Cừu -> La Phong-Ten đã động lòng thương cảm với bao nỗi buồn rầu và tốt bụng như thế... - Loài vật cũng có tình cảm -> thương yêu loài vật + NT : so sánh ,đối chiếu => Đó là 2 cách nhìn khác nhau: Cách nhìn của Buy-Phong là của nhà khoa học rất đúng với những gì quan sát được. Cách nhìn của La Phong-Ten là

khoa học và nhà thơ có gì khác nhau. Tại sao lại có sự khác nhau đó ?	của nhà thơ, một nghệ sĩ mang tính chủ quan, nhân văn, đầy cảm xúc <=> La Phong-Ten muốn rút ra bài học ngụ ngôn đối với con người (đây là sáng tạo của người nghệ sĩ)

3. Hoạt động luyện tập

? Buy- Phong và La Phong-Ten đã nhìn nhận hình tượng con Cừu với những đặc tính gì. ?

? Cách nhìn ấy có gì khác nhau ?

? Sự khác nhau ấy nói lên điều gì ?

4. Hoạt động vận dụng

-Viết đoạn văn nêu cảm nhận về hình ảnh con cừu trong thơ ngụ ngôn của La-phông-ten

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

-Tìm đọc các bài phân tích về văn bản

- Học bài

- Tiếp tục chuẩn bị phần 2 (Hình tượng con Sói).

+ Dưới ngòi bút Buy- Phong và La Phong –ten .

-> Đọc và trả lời các câu hỏi trong SGK

Ngày soạn:

Tuần 23 - bài 21

Ngày dạy:

Tiết 107: **CHÓ SÓI VÀ CỪU TRONG THƠ NGỤ NGÔN CỦA LA PHÔNG - TEN**

(Trích)

(*Hi-pô-lit Ten*)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học, HS cần :

1. Kiến thức: - Nắm được đặc trưng của sáng tác nghệ thuật là yếu tố tưởng tượng và dấu ấn cá nhân của tác giả.

- Hiểu được cách lập luận của tác giả trong văn bản.

2. Kỹ năng:

- Đọc hiểu một văn bản dịch về nghị luận văn chương

- Nhận ra và phân tích được các yếu tố của lập luận

3. Thái độ: Học sinh có ý thức học tập nghiêm túc, tự giác.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ.

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:** - Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập

2. **Trò:** Soạn bài, đọc thêm các bài phân tích về văn bản

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, hỏi và trả lời, trình bày một phút.

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định lớp:

* Kiểm tra bài cũ : - So sánh hình ảnh con cừu dưới con mắt của nhà thơ và nhà khoa học ?

* Vào bài mới : Gv giới thiệu bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 2: Phân tích . Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật . Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, trình bày một phút. -GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi -> Đại diện trình bày -> HS nhận xét và bổ sung (1) Dưới ngòi bút của nhà khoa học Buy- Phong, hình tượng chó Sói được hiện lên qua những chi tiết nào ? (2) Từ những chi tiết trên Buy Phong đã làm nổi bật đặc điểm nào của loài sói ? ? Theo em nhà khoa học Buy Phong nhìn nhận có đúng không. Vì sao ? Tại sao Buy Phong không nhắc tới " nỗi bất hạnh " của chó Sói ? ? Vậy mục đích của Buy-phông khi miêu tả về 2 con vật này là gì ? -GV : giảng ? La Phong - Ten nhìn Sói trong hoàn cảnh nào ?	II. Phân tích (tiếp) 2. Hình tượng con chó Sói a. Cách nhìn của Buy Phong - Ghét mọi sự kết bè kết bạn - Bộ mặt lấm lét - hoang dã - Tiếng hú rùng rợn, mùi hôi gớm ghiếc, bản tính hư hỏng. - Sống có hại, chết vô dụng. -> Những đặc tính xấu: hung dữ, hoang dã và hành động đầy bản năng man rợ. - Đặc điểm trên hoàn toàn đúng vì ông đã dựa trên sự quan sát về những biểu hiện và bản năng của chúng. (Vì đây không phải là nét riêng của con vật này và không phải là nét cơ bản của nó ở mọi nơi, mọi lúc) - Cung cấp cho người đọc những thông tin khoa học về đối tượng một cách chính xác chứ không khai thác đời sống tâm hồn của đối tượng. b. Cách nhìn của La Phong - Ten - Con Sói đói meo, gầy gò xương đi kiếm mồi , gặp một chú Cừu non.

? Bản tính của chó Sói được La Phong - Ten khắc hoạ như thế nào ? ? ở đây tác giả dùng biện pháp nghệ thuật gì ? ? Vì sao La Phong - Ten tạo ra tình huống này ? ? Qua hình ảnh con chó Sói, nhà văn đã gửi đến chúng ta những suy ngẫm gì về cuộc sống ? ? Ngoài ra La Phong - Ten còn nhìn thấy điều gì ở Sói ? -GV sử dụng kĩ thuật động não ? Em có nhận xét gì về cách xây dựng hình tượng chó Sói của La Phong - Ten ? -HS nêu ý kiến ? Qua đây em thấy tình cảm của La Phong - Ten đối với loài vật này như thế nào ? ? Việc đưa ra hình ảnh con sói dưới con mắt của nhà thơ và của nhà khoa học, qua đó giúp em hiểu gì về NT mà H.TEN đã sử dụng ? ? Đến đây em thấy cách nhìn của La Phong - Ten khác với cách nhìn của Buy Phong như thế nào ? -GV sử dụng kĩ thuật trình bày một phút và yêu cầu HS trình bày những nội dung đã học được Hoạt động 3 : Tổng kết -GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời và yêu cầu HS hỏi về ND, NT của văn bản	- Hần muốn ăn thịt Cừu (bản năng của loài sói) nhưng để che đậy cho tâm địa của mình nó kiếm cớ trừng phạt Cừu bằng những chứng cớ nực cười. + Nghệ thuật: Nhân hoá và sử dụng trí tưởng tượng phong phú -> Ông không chỉ nói về bản tính chó Sói mà qua hình tượng ấy gọi cho người đọc nhiều chiêm nghiệm, suy nghĩ. - Tác giả muốn gửi gắm thông điệp: đó là cái lí của kẻ mạnh, kẻ ác, chúng luôn tìm cớ để che đậy cho hành động tội ác của mình. - Sói là một tên trộm cướp nhưng khôn khéo và bất hạnh, luôn đói dài và bị đánh đòn. - La Phong - Ten thấy được nhiều mặt của nó: từ bản năng đến cuộc sống đó là những con thú tàn bạo song đói khát. -> Thái độ vừa ghét vừa thương của tác giả La Phong - Ten + NT : so sánh - đối chiếu - Cách nhìn của nhà thơ đa diện, nhiều chiều hơn thấy được cả những điểm tốt, điểm xấu của Sói => Cái nhìn của La Phong - Ten là cái nhìn đầy thương cảm, nhân đạo của một con người giàu lòng thương yêu. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - So sánh hình tượng con cừu và con chó sói trong thơ ngụ ngôn của La

- GV ; Gọi HS đọc ghi nhớ	Phông – Ten với những dòng viết về hai con vật ấy của nhà khoa học Buy-phông 2, Nội dung - Đặc trưng của sáng tác nghệ thuật là in đậm dấu ấn cách nhìn, cách nghĩ riêng của nhà văn. * Ghi nhớ (SGK / 41)

3. Hoạt động luyện tập

- Chỉ ra điểm lập luận giống nhau trong 2 phần của văn bản ?
- Cách nhìn của nhà KH khác gì cách nhìn của nhà văn, nhà thơ. Qua đó em thấy văn bản KH có gì khác văn bản nghệ thuật?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn phân tích hình ảnh con chó sói trong thơ của La-phông-ten

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các truyện ngụ ngôn của La-phông -ten
- Học và nắm chắc nội dung
- Thuộc ghi nhớ
- Chuẩn bị bài: Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.
- + Đọc VD
- + Trả lời các câu hỏi /SGK- Chú ý phần luyện tập

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 24 - bài 20

Tiết 108: TLV

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- 1. Kiến thức:** Học sinh hiểu được một kiểu bài nghị luận xã hội. Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí
- 2. Kỹ năng:** Có kỹ năng nhận diện, viết bài văn nghị luận.
- 3. Thái độ:** Giáo dục tư tưởng, tình cảm đạo lí theo chuẩn mực đạo đức
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy: Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập
2. Trò: Chuẩn bị bài

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* Ôn định lớp:

* Kiểm tra bài cũ : - Thế nào là nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống ?

- Nêu yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn này ?

* Vào bài mới : Gv giới thiệu bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Tìm hiểu bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí. * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não - GV yêu cầu HS đọc văn bản SGK ? Bài viết thuộc kiểu văn bản gì ? ? Vấn đề nghị luận được đề cập tới là gì ? ? Vấn đề nghị luận mà tác giả đưa ra thuộc lĩnh vực gì ? ? Vậy em hiểu thế nào là nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí ? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Theo em văn bản chia ra làm mấy phần ? ? Nêu giới hạn và nội dung của từng phần ? - HS thảo luận và trình bày ? Em có nhận xét gì về mối quan hệ của 3 phần trên ? GV: + MB: Nêu vấn đề + TB: Lập luận, chứng minh vấn đề + KB: Mở rộng để khẳng định vấn đề - Chỉ ra những luận điểm của bài văn ?	I. Tìm hiểu bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí. 1. Tìm hiểu văn bản " Tri thức là sức mạnh " - Văn bản nghị luận a. Vấn đề nghị luận: giá trị của tri thức KH; vai trò của người tri thức trong sự phát triển của XH -> Vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo lí của con người. => ý1 ghi nhớ b. Bố cục: 3 phần + Phần 1: (MB) Đoạn 1 -> Nêu vấn đề : Tri thức là sức mạnh + Phần 2: (TB) Đoạn 2,3 -> Phân tích sức mạnh của tri thức + Phần 3 (KB): Đoạn 4 -> Phê phán người không coi trọng tri thức - Mối quan hệ chặt chẽ c. Các luận điểm: - Sức mạnh của tri thức

(GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi
-> Gọi HS trình bày -> HS nhận xét
và bổ sung)

? Các luận điểm ấy đã diễn đạt được rõ ràng dứt khoát ý kiến của người viết chưa ?

? Văn bản đã sử dụng phép lập luận nào là chính ?

? Theo em cách lập luận này có thuyết phục không ?

? Cách lập luận này kết hợp với những lời văn như thế nào ?

? Từ việc tìm hiểu trên em hãy cho biết yêu cầu về nội dung của bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí ?

? Về hình thức bài văn cần phải có những yêu cầu gì ?

- Gv sử dụng kĩ thuật động não

? Theo em bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí có gì khác với nghị luận về một hiện tượng, đời sống XH ?

GV yêu cầu HS đọc lại toàn bộ ghi nhớ

- Sức mạnh của người có tri thức
- Tri thức đúng là sức mạnh
- Rõ ràng người có tri thức ... nổi
- Tri thức là sức mạnh của CM
- Tri thức có ... quý trọng tri thức
- Họ không biết rằng ... trên mọi lĩnh vực

-> Các luận điểm trên mang tư tưởng, ý kiến của người viết rất rõ ràng, dứt khoát.

d. Sử dụng phép lập luận chứng minh là chủ yếu

-> Cách lập luận này thuyết phục

- Lời văn sinh động, chính xác.

=> ý 2 ghi nhớ

=> ý 3 ghi nhớ

* Giống: Sau khi phân tích SV có thể rút ra bài học tư tưởng, đạo lí hoặc đời sống.

* Khác:

- Nghị luận về một sự việc: xuất phát từ thực tế đ/s để khái quát thành một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

- Nghị luận về vấn đề tư tưởng, đạo lí: Bắt đầu từ một tư tưởng, đạo lí sau đó dùng lập luận để giải thích, chứng minh, phân tích ... để thuyết phục người đọc nhận thức đúng vấn đề tư tưởng.

2. Ghi nhớ (SGK / 36)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*PP: Hoạt động nhóm, luyện tập thực hành *KT: Thảo luận nhóm	II. Luyện tập * Văn bản " Thời gian là vàng "

Cho HS đọc văn bản SGK-36,37 - GV Yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm -> gọi đại diện Hs trình bày -> nhóm khác nhận xét và bổ sung (1) Văn bản thuộc loại văn nghị luận nào? (2) Văn bản bàn về vấn đề gì.? (3) Chỉ ra các luận điểm chính ? (4) Phép lập luận chính. Tác dụng ?	- Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí - Vấn đề bàn bạc: Giá trị của thời gian - Luận điểm chính: + Thời gian là vàng + Thời gian là sự sống + Thời gian là thắng lợi + Thời gian là tiền + Thời gian là tri thức - Phân tích, chứng minh -> Bài văn có sức thuyết phục cao

4. Hoạt động vận dụng

-Tìm những vấn đề về tư tưởng đạo lí có thể viết thành bài văn nghị luận

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

-Tìm đọc các bài viết thuộc vấn đề tư tưởng đạo lí

- Học, nắm chắc nội dung bài học.

- Hoàn thành bài tập

- Chuẩn bị " Liên kết câu và liên kết đoạn văn "

+ Đọc vd

+Trả lời các câu hỏi liên quan

+Xác định được các phương tiện liên kết câu và đoạn văn

=====

Ngày soạn:

Tuần 24 - bài 21

Ngày dạy:

Tiết 109: TV - LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. **Kiến thức:** Học sinh biết được các phương tiện liên kết câu và liên kết đoạn. Thấy được các biện pháp liên kết thường dùng.

2. **Kỹ năng:** Rèn kỹ năng sử dụng liên kết câu và liên kết đoạn

3. **Thái độ:** Giáo dục học sinh yêu thích môn học

4. **Định hướng năng lực - phẩm chất :**

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy: Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan, phiếu học tập

2. Trò: Chuẩn bị bài

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, động não

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định lớp:

* Kiểm tra bài cũ : -Thế nào là thành phần gọi - đáp ? Lấy ví dụ ?

- Thành phần phụ chú là gì ? Làm bài tập 4 (SGK/33) ?

*Vào bài mới : GV giới thiệu bài

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Khái niệm liên kết *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi GV cho HS đọc VD (SGK) ? Đoạn văn trên bàn về vấn đề gì ? ? Theo em đây có phải là chủ đề của đoạn văn không ? ? Chủ đề của đoạn văn này có mối quan hệ như thế nào với chủ đề chung của văn bản ? ? Vậy chủ đề chung của văn bản là gì ? ? Đoạn văn trên gồm có mấy câu. Nội dung chính của mỗi câu ? (GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi -> HS trình bày -> HS nhận xét và bổ sung) ? Theo em nội dung của các câu này có hướng vào phục vụ chủ đề của đoạn văn không ? ? Vậy thế nào là liên kết chủ đề ? ? Các câu văn được sắp xếp theo trình tự nào?	I. Khái niệm liên kết 1. Tìm hiểu ví dụ 1 (SGK / 42,43) - Bàn về vấn đề: cách phản ánh thực tại của người nghệ sĩ-> Chủ đề của đoạn văn -> Hướng vào, tạo thành chủ đề chung của văn bản - Chủ đề : Tiếng nói của văn nghệ (nội dung phản ánh của văn nghệ) - Đoạn văn gồm 3 câu + Câu 1: Tác phẩm nghệ thuật phản ánh thực tại. + Câu 2: Khi phản ánh thực tại người nghệ sĩ muốn nói lên một điều gì đó mới mẻ. + Câu 3: Cái mới ấy là thái độ, tình cảm và lời gửi của người nghệ sĩ -> Nội dung của các câu đều hướng vào phục vụ chủ đề của đoạn văn => Liên kết chủ đề. -> Nội dung các câu trong đoạn văn hướng vào chủ đề của đoạn văn (nội dung các đoạn văn hướng vào chủ đề của Vb) - Trình tự: + Tác phẩm nghệ thuật làm gì? (P/a thực tại) + Phản ánh thực tại như thế nào? (Tái hiện và sáng tạo)

? Nhận xét cách sắp xếp này? ? Theo em liên kết lôgic là gì. ? ? Qua tìm hiểu trên em thấy về nội dung các câu văn, đoạn văn trong một văn bản phải có yêu cầu gì.? -GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS thảo luận -> Đại diện nhóm trình bày -> HS nhận xét - Chú ý từ in đậm trong VD1 ? (1) Các câu được liên kết với nhau bằng những từ ngữ nào? Tác dụng của những từ ngữ đó ? (2) Qua những từ ngữ liên kết đó, em hãy xác định phép liên kết được sử dụng ? ? Vậy em hiểu thế nào là liên kết bằng phép thế, phép lặp, phép nối, liên tưởng, đồng nghĩa (Trái nghĩa) ? ? Qua đây em thấy các câu trong đoạn văn, các đoạn văn trong một văn bản có mối quan hệ với nhau như thế nào? ? Từ việc phân tích 2 VD trên em hiểu thế nào là liên kết ? -GV yêu cầu HS đọc ghi nhớ GV chốt lại kiến thức	+ Tái hiện và sáng tạo hiện thực để làm gì? -> Cách sắp xếp hợp lí, lôgic => Liên kết lôgic -> ý 1 ghi nhớ (nội dung) - Phép liên kết + Câu 1 và 2: Quan hệ từ " nhưng " -> <i>Phép nối</i> Từ đồng nghĩa " Cái đã có rồi "-> <i>Phép đồng nghĩa</i> Tác phẩm NT - Nghệ sĩ -> Cùng trường liên tưởng-> <i>Phép liên tưởng</i> + Câu 2: Nghệ sĩ Câu 3: Anh -> <i>Phép thế</i> + Câu 1: Tác phẩm Câu 3: Tác phẩm -> <i>Phép lặp</i> -> ý 2 ghi nhớ -> Các câu văn trong một đoạn văn, các đoạn văn trong một văn bản phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức. => Liên kết là sự kết nối ý nghĩa giữa câu với câu, giữa đoạn với đoạn bằng những từ ngữ có tác dụng liên kết. 3. Ghi nhớ (SGK / 42)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*PP: Hoạt động nhóm, luyện tập thực hành *KT: Thảo luận nhóm - GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS thảo luận -> Đại diện nhóm trình bày -> HS nhận xét (1) Chủ đề của đoạn văn ? (2) Chỉ ra sự liên kết về nội dung và hình thức của đoạn văn trên?	II. Luyện tập - Chủ đề: Kĩ điểm mạnh, điểm yếu về trí tuệ của con người VN * Liên kết nội dung: - Nội dung các câu: + Câu 1: Kĩ điểm mạnh về trí tuệ + Câu 2: Lợi thế của điểm mạnh + Câu 3: Kĩ điểm yếu + Câu 4: Những bất cập của điểm yếu + câu 5: Khắc phục điểm yếu

	-> Nội dung các câu hướng vào phục vụ chủ đề đoạn văn - Trình tự hợp lí, lô gic Điểm mạnh -> Điểm yếu -> Khắc phục điểm yếu * Liên kết về hình thức: - Câu 2 với Câu 1 bằng từ " Bản chất ..." -> Phép đồng nghĩa - Câu 3 với Câu 2 bằng từ " Nhưng " -> Phép nối - Câu 4 với Câu 3 bằng từ " ấy là " -> Phép nối - Câu 5 với Câu 4 bằng từ " Lỗ hổng " -> Phép lặp - Câu 5 với Câu 1 bằng từ " thông minh -> Phép lặp

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn về chủ đề gia đình. Trong đoạn văn có sử dụng phép liên kết câu và đoạn văn. Chỉ rõ phép liên kết về nội dung và hình thức.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm các bài tập tham khảo về phép liên kết câu và đoạn văn

- Học bài, thuộc ghi nhớ

- Hoàn thành bài tập

- Làm bài tập chuẩn bị tiết " Luyện tập "

+ Xem các bài tập / SGK

+ Trả lời các câu hỏi của bài tập -> làm bt trong vở Ngữ Văn .

Ngày soạn:

Tuần 24- bài 22

Ngày dạy:

Tiết 110: TV - LIÊN KẾT CÂU VÀ LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN (Luyện tập)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Học sinh củng cố hiểu biết về liên kết câu và liên kết đoạn văn.

- HS biết được một số lỗi có thể gặp trong văn bản.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng nhận diện được phép liên kết câu và liên kết đoạn văn trong văn bản. HS nhận ra và sửa chữa được một số lỗi về liên kết.

3. Thái độ: Giáo dục ý thức học tập tự giác của học sinh.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy: Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan.

2. Trò: Chuẩn bị bài

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định lớp:

* Kiểm tra 15'

1. Đề bài

Câu hỏi : Viết một đoạn văn ngắn về chủ đề những điểm mạnh - điểm yếu của con người Việt Nam . Chỉ rõ liên kết nội dung và liên kết hình thức trong đoạn văn trên ?

2. Yêu cầu

- HS tạo lập được đoạn văn với nội dung trên và đảm bảo tính liên kết về nội dung và hình thức

- HS xác định được tính liên kết nội dung : các câu văn cùng hướng vào chủ đề của đoạn văn , các câu văn được sắp xếp theo trình tự hợp lí

- HS xác định được phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt										
*Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, luyện tập thực hành * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm -GV chia lớp thành 4 nhóm : nhóm 1-a, nhóm 2- b, nhóm 3- c, nhóm 4 - d ? Xác định từ ngữ liên kết và phép liên kết - Yêu cầu HS lên bảng chữa - Gọi HS nhận xét ? Tìm cặp từ trái nghĩa? Gọi HS lên bảng làm theo mẫu	Bài tập 1 (SGK / 49) a.- Phép lặp từ : trường học -Phép thế : Như thế b. Phép lặp từ : văn nghệ , sự sống c. Phép lặp từ : Thời gian , con người d. Phép dùng từ trái nghĩa : yếu đuối – mạnh , hiền lành - ác Bài tập 2 (SGK / 50) <table><tr><th>Thời gian(Vật lí)</th><th>Thời gian(Tâm lí)</th></tr><tr><td>Vô hình</td><td>Hữu hình</td></tr><tr><td>Giá lạnh</td><td>Nóng bỏng</td></tr><tr><td>Thẳng tắp</td><td>Hình tròn</td></tr><tr><td>Đều đặn</td><td>Lúc nhanh lúc chậm</td></tr></table> Bài tập 3 (SGK / 50) a. Các câu không phục vụ chủ đề chung	Thời gian(Vật lí)	Thời gian(Tâm lí)	Vô hình	Hữu hình	Giá lạnh	Nóng bỏng	Thẳng tắp	Hình tròn	Đều đặn	Lúc nhanh lúc chậm
Thời gian(Vật lí)	Thời gian(Tâm lí)										
Vô hình	Hữu hình										
Giá lạnh	Nóng bỏng										
Thẳng tắp	Hình tròn										
Đều đặn	Lúc nhanh lúc chậm										
GV yêu cầu HS làm việc theo cặp đôi											

-> HS trình bày -> HS nhận xét (1) Chỉ ra lỗi liên kết về nội dung? (2) Hãy sửa lại đúng? - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm : nhóm 1+3->a, nhóm 2+4->b - Đại diện HS trình bày -> Nhóm khác NX (1) Chỉ ra lỗi liên kết hình thức? (2) Hãy sửa lại cho đúng?	của đoạn văn (mỗi câu viết về một sự việc) - Sửa: " Cắm đi một mình trong đêm. Trận địa đại đội 2 của anh ở phía bãi bồi bên một dòng sông. Anh chợt nhớ hồi đầu mùa lạc hai bố con anh cùng viết đơn xin ra mặt trận. Bây giờ, mùa thu lạc đã vào chặng cuối." b. - Trật tự sự việc nêu trong các câu không hợp lí. - Sửa: Thêm trạng ngữ chỉ thời gian vào câu 2 để làm rõ mối quan hệ giữa các sự kiện. VD: Suốt hai năm anh ấy ốm nặng, chỉ làm Bài tập 4 (SGK / 51) a. - Lỗi: Dùng từ câu 2 và câu 3 không thống nhất -> Sửa: Thay đại từ " nó " bằng đại từ " chúng " b. - Lỗi: Từ " văn phòng " và từ " hội trường " không cùng nghĩa với nhau trong trường hợp này -> Sửa: Thay từ " hội trường " ở câu 2 bằng từ " văn phòng "

3. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn về chủ đề tình yêu thương con người. Trong đoạn văn có sử dụng phép liên kết câu và đoạn văn.

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Sưu tầm các bài tập về liên kết câu và đoạn văn
- Học bài, ôn lại lí thuyết
- Hoàn thành bài tập
- Soạn bài " Con Cò " (HDTH)
- + Đọc bài thơ
- + tìm hiểu về TG và TP
- + Trả lời các câu hỏi / SGK

Ngày soạn:
Tuần 24 – bài 22

Ngày dạy:

Tiết 113 : VB - CON CÒ (HDĐT)

(Chế Lan Viên)

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học này, HS cần:

1. Kiến thức:

- Thấy và hiểu hình tượng con cò trong những câu hát ru xưa qua cách khai thác của Chế Lan Viên nhằm ca ngợi tình mẹ và lời ru.
- Hiểu được tác dụng của việc vận dụng ca dao một cách sáng tạo trong bài thơ

2. Kỹ năng:

- Đọc – hiểu một văn bản thơ trữ tình
- Cảm thụ những hình tượng thơ được sáng tạo bằng liên tưởng tưởng tượng

3. Thái độ:

Giáo dục tình cảm gia đình.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, thẩm mỹ.
- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập, yêu gia đình.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn giáo án, tham khảo tài liệu, phiếu học tập
- Dự kiến tích hợp: + Văn - Văn: Ca dao
- + Văn - TV: Điệp từ, liên tưởng tưởng tượng độc đáo
- + Văn - TLV: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm

2. Trò:

Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

III. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật.
2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, động não, hỏi và trả lời.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

1. Hoạt động khởi động

** ổn định tổ chức*

** Kiểm tra bài cũ*

- Dưới con mắt của Buy Phong và La Phong - Ten hình tượng Chó Sói hiện lên như thế nào?

** Tổ chức khởi động :* GV cung cấp video bài hát ru và yêu cầu HS cảm nhận về tình mẫu tử .

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc, Tìm hiểu chung <i>* Phương pháp :</i> Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, dùng lời có nghệ thuật.	I . Đọc, Tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) - Tên khai sinh là Phan Ngọc Hoan - Sinh 1920-1989, quê ở Quảng Trị

* Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học , năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, thẩm mỹ. -GV yêu cầu HS trình bày những nét chính về tác giả ? ? Nêu hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của bài thơ ? ? Bài thơ cần được đọc với giọng điệu ntn? GV hướng dẫn đọc -> đọc mẫu -> gọi HS đọc -> HS nhận xét GV cho HS giải thích chú thích 1 ? Xác định phương thức biểu đạt của văn bản ? ? Bài thơ thuộc thể thơ gì.? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Bài thơ có bố cục gồm mấy phần.? ? Nêu giới hạn và nội dung của từng phần? - HS thảo luận và trình bày. Hoạt động 2 : Phân tích *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, dùng lời có nghệ thuật, phân tích * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu	- Ông nổi tiếng trước CMT8 trong phong trào thơ mới qua tập <i>Điều Tàn</i> - Là một trong những tên tuổi hàng đầu của nền thơ hiện đại VN TK XX - Thơ Chế Lan Viên đa diện, đa chiều, nhiều tầng ngữ nghĩa, chủ yếu thể hiện ở chiều sâu, ở tầm triết lí - Tác phẩm đã xuất bản: <i>Điều tàn</i> (1937); <i>Gửi các anh</i> (1954); <i>Ánh sáng và phù sa</i> (1960); <i>Hoa ngày thường, Chim báo bão</i> (1967)... - Năm 1996, ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật 2. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ - Bài thơ được viết năm 1962, in trong tập <i>Hoa ngày thường – Chim báo bão</i> (1967) * Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc - Chú thích (SGK) * PTBD: Biểu cảm kết hợp tự sự , miêu tả *Thể thơ : tự do (các câu dài ngắn không đều) * Bố cục: + Phần 1: Đoạn 1 -> Hình ảnh con cò trong lời ru của mẹ thuở ấu thơ. + Phần 2: Đoạn 2 -> Hình ảnh con cò trong lời ru của mẹ trên những chặng đường. + Phần 3: Đoạn 3 -> Suy ngẫm và triết lí về ý nghĩa của lời ru và lòng mẹ đối với cuộc đời mỗi người. II. Phân tích 1. Hình ảnh con cò trong lời ru của mẹ thời thơ ấu.

hỏi, động não. - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, thẩm mỹ. ? Tuổi ấu thơ của con được gợi tả qua lời thơ nào ? ? Lời thơ mở ra trước mắt người đọc hình ảnh nào? - GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn ? Em bắt gặp cánh cò trong những câu thơ nào? ? Nhận xét gì về hình ảnh thơ đó? ? Hình ảnh cánh cò trong lời ru ấy của mẹ có ý nghĩa ntn? - HS thảo luận và trình bày ? Từ hình ảnh con cò ấy gợi lên cho tác giả suy ngẫm điều gì.? ? Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì. ? ? Tác dụng của việc sử dụng nghệ thuật đó.? - Tình yêu của mẹ dành cho con được gợi tả qua lời thơ nào ? ? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng? ?Lời ru cò con hòa trong lời ru con ,từ đó em hiểu gì về tình mẫu tử ? ? Cảm nhận của em về lời ru của mẹ qua khổ thơ trên ? -Gv giảng –bình GV: chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS thảo luận -> đại diện HS trình bày -> HS nhận xét (1)Tác giả nói đến những chặng đường đời nào của con người ?	Con ...bay - Hình ảnh người mẹ hiền bồng con thơ trên tay và cất lời hát ru con-> hình ảnh con cò hiện lên từ lời hát ru của mẹ Con cò công phủ Con cò Đồng Đăng Con cò ăn đêm xa tổ + Vận dụng ca dao một cách sáng tạo -> Theo cánh cò tuổi thơ của con như được đi đến khắp mọi miền đất nước - Con cò mà đi ăn đêm -> Biểu trưng về người mẹ, người phụ nữ nhọc nhằn, vất vả, tần tảo kiếm sống. Cò một mình cò phải kiếm lấy ăn Con còn mẹ, con chơi rồi lại ngủ + Nghệ thuật: Đối chiếu so sánh qua 2 hình ảnh tượng trưng: con và cò . Điệp từ -> Con được chăm sóc, bảo vệ, nâng niu vì con có mẹ Ngủ yên ! ... Cành có ... tay nâng + NT: sử dụng điệp từ, hoán dụ,giọng thơ ngọt ngào -> Tình yêu thương bao la của người mẹ, mẹ luôn nâng đỡ, chở che con => Lời ru đưa con vào giấc ngủ. Bằng trực giác vô thức con đón nhận tình yêu và sự chở che của mẹ 2. Hình ảnh con cò trong lời ru của mẹ trên những chặng đường. - Ba chặng: - Thuở ấu thơ - Tuổi đến trường đi học - Trưởng thành làm thi sĩ + NT: Điệp ngữ, sự liên tưởng, tưởng

(2) Tác giả đã sử dụng NT gì trong các câu thơ đó?

(3) Sự liên tưởng này mang đến cho người đọc cảm nhận gì về hình ảnh con cò?

(4) Như vậy hình ảnh con cò biểu tượng cho điều gì?

GV:giảng

?Tâm lòng người mẹ được gợi tả qua những lời thơ nào ?

- **GV sử dụng kĩ thuật động não?**

? Biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng, Tác dụng ?

-HS nêu ý kiến

?Tình yêu ấy còn được thể hiện rõ hơn qua lời thơ nào?

-**GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp đôi** -> đại diện HS trình bày -> HS nhận xét

(1) Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

(2) Hai câu thơ giúp em cảm nhận được điều gì về tình mẫu tử ?

GV; giảng – bình

? Lời ru của mẹ còn được cất lên qua những lời thơ nào ?

? ý nghĩa lời ru của mẹ trong đoạn thơ này.?

GV:giảng

tượng phong phú.

-> Con cò như được bay ra từ những câu ca dao để sống trong tâm hồn con người, bạn đồng hành của con trên suốt đường đời.

=> Hình ảnh con cò biểu tượng về lòng mẹ, về sự dịu dặt , nâng đỡ dịu dàng và bền bỉ của người mẹ đối với con

3. Những suy ngẫm về tình mẹ và ý nghĩa lời ru của mẹ

Dù ở gần con

... Còn mãi yêu con

+NT: + Dùng từ khẳng định (dù, sẽ mãi)

+ Điệp từ ngữ, tính từ chỉ không gian , động từ

-> Hình ảnh con cò biểu tượng cho tâm lòng người mẹ lúc nào cũng ở bên con đến suốt cuộc đời.

-> Đức hi sinh quên mình vì tình yêu con

Con dù lớn ... của mẹ

Đi hết ... theo con

NT: + Điệp từ, từ ngữ mang tính khẳng định

+ Lời thơ đậm chất suy tư sâu lắng

-> Mẹ lúc nào cũng muốn bao dung , chở che, yêu thương con. Tình mẫu tử bền chặt sắt son

à ơi ...Quanh nơi

- Lời ru của mẹ theo con trong những nỗi buồn vui

- Qua lời ru của mẹ con biết yêu thương, cảm thông...

-> Đây chính là ý nghĩa cao đẹp của lời ru.

=> Lời ru là biểu hiện cao cả đẹp đẽ của tình mẹ và tình đời rộng lớn dành

? Em cảm nhận được điều gì từ nhà thơ ?

Hoạt động 3: Tổng kết

- GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời

Yêu cầu HS hỏi và trả lời những câu hỏi về nghệ thuật và nội dung của bài thơ

-GV cho HS đọc ghi nhớ

cho cuộc đời mỗi con người.

<=> Tác giả là người trân trọng và biết ơn tình mẹ, trân trọng những điều hát ru , tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc đời.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Vận dụng ca dao một cách sáng tạo
- Xây dựng hình ảnh thơ dựa trên sự liên tưởng và tưởng tượng độc đáo

2. Nội dung

- Bài thơ ngợi ca tình mẹ và ý nghĩa lời ru của mẹ đối với cuộc đời con người

* Ghi nhớ (SGK)

3. Hoạt động luyện tập

? Hình ảnh con cò gắn với biểu tượng gì ở đoạn 1.?

? CMR hình ảnh con cò gắn với mỗi chặng đời của mỗi người.?

? Cảm nhận về một đoạn hoặc hai câu thơ mà em yêu thích nhất trong bài ?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về mẹ ?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

-Tìm đọc các bài viết về tác phẩm.

- Học bài, thuộc ghi nhớ

- Nắm chắc 3 nội dung chính

- Soạn bài " Mùa xuân nho nhỏ " của Thanh Hải

+ Đọc vb

+Tìm hiểu Tg và Tp

+Xác định bố cục bài thơ

+Phân tích cảm xúc của Tg trước mùa xuân của thiên nhiên.

Ngày soạn:

Tuần 24 - Bài 23

Ngày dạy:

Tiết 114 – 115 : VB - MÙA XUÂN NHO NHỎ

(Thanh Hải)

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài thơ này, HS cần:

1. Kiến thức

- Cảm nhận được vẻ đẹp mùa xuân của thiên nhiên, đất nước .

- Cảm nhận được lẽ sống cao đẹp của một con người chân chính

2. **Kĩ năng:** - Đọc – hiểu một văn bản thơ trữ tình hiện đại

- Trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một văn bản thơ.

3. Thái độ: Giáo dục tình yêu quê hương đất nước.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, thẩm mỹ, phân tích.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập, yêu quê hương đất nước, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy: - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu, phiếu học tập

- Dự kiến tích hợp(liên hệ): + Văn - Văn: Một số bài thơ về mùa xuân
+ Văn - TV: ẩn dụ, Điệp từ, So sánh ...

2. Trò: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

III. Phương pháp và kĩ thuật dạy học

1. Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật, thuyết trình tích cực.

2. Kĩ thuật : Thảo luận nhóm, động não, hỏi và trả lời.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** - Cảm nhận về tình mẹ và ý nghĩa lời ru của mẹ trong cuộc đời mỗi con người?

*** Tổ chức khởi động :** GV cung cấp video bài hát **Mùa xuân nho nhỏ**
? Cảm nhận của em khi nghe bài hát trên?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc và Tìm hiểu chung * Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, dùng lời có nghệ thuật, Thuyết trình tích cực. * Kĩ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ. - GV sử dụng PP thuyết trình tích cực ? Gv yêu cầu HS trình bày những nét chính về tác giả và hoàn cảnh ra đời bài thơ - GV gọi HS nhận xét và bổ sung cho	I. Đọc và Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Thanh Hải tên khai sinh là Phạm Bá Ngỗn - Sinh năm 1930 – mất 1980, quê Thừa Thiên – Huế - Các tập thơ: <i>Những đồng chí trung kiên</i> (1962); <i>Huế mùa xuân</i> (tập 1 - 1970, tập 2 - 1975); <i>Dấu võng Trường Sơn</i> (1977); <i>Mùa xuân đất này</i> (1982); <i>Thanh Hải thơ tuyển</i> (1982) - Ngôn ngữ thơ giản dị, trong sáng, giàu cảm xúc. Hình ảnh thơ giàu ý nghĩa - Là một trong những cây bút có công xây dựng nền VHCMMN từ những ngày đầu

phần trình bày của bạn ? Bài thơ cần được đọc với giọng điệu ntn? GV hướng dẫn đọc: Say sưa, trù mẩn ở đoạn đầu -> nhịp nhanh, hồi hã, phấn chấn khi nói về mùa xuân đất nước -> tha thiết, trầm lắng khi bày tỏ suy nghĩ và ước nguyện -> sôi nổi, tha thiết ở đoạn cuối. GV gọi HS đọc HS nhận xét -> GV nhận xét -GV yêu cầu giải thích chú thích 3,4 GV giải thích thêm: hoà ca, nốt trầm ? Bài thơ thuộc thể thơ gì? ? Nhận xét cách ngắt nhịp, gieo vần của bài thơ? ? Xác định phương thức biểu đạt của bài thơ? GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp đôi -> HS trình bày -> HS nhận xét, bổ sung (1) Bài thơ có mạch cảm xúc như thế nào ? ? Từ mạch cảm xúc đó em hãy chỉ ra bố cục của bài thơ. ? Nội dung của từng phần ?	2. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ - Bài thơ được viết vào tháng 11 năm 1980, khi tác giả đang nằm trên giường bệnh và không lâu sau đó ông qua đời. * Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc - Chú thích (SGK) - Hoà ca: Bài ca nhiều âm sắc, giọng điệu - Nốt trầm: nốt nhạc ghi âm thấp, trầm * Thể thơ: 5 chữ (gần dân ca miền Trung) -> Các khổ thơ không đều nhau - Nhịp thơ: 3/2 hoặc 2/3 và gieo vần liền * PTBD: Biểu cảm + Miêu tả * Mạch cảm xúc: + Cảm xúc trực tiếp, hồn nhiên trước vẻ đẹp và sức sống của mùa xuân thiên nhiên + Mở rộng thành hình ảnh mùa xuân của đất nước (vừa cụ thể, vừa khái quát) + Từ cảm xúc, mạch thơ chuyển sang biểu hiện suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ + Bài thơ kết thúc bằng sự trở về với những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế. * Bố cục: + Phần 1: (Khổ 1) -> Cảm xúc trước mùa xuân thiên

Hoạt động 2 : Phân tích

*Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp,
Hoạt động nhóm, dùng lời có nghệ
thuật.

* Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu
hỏi, động não.

* HS có năng lực giải quyết vấn đề,
năng lực tự học và sáng tạo, năng lực
hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, thẩm mỹ,
phân tích.

?Mùa xuân của thiên nhiên được tác
giả phác họa qua những hình ảnh nào?

? Cấu tạo ngữ pháp của 2 câu thơ đầu
có gì đặc biệt? Tác dụng?

?Theo em từ " Mọc " thuộc từ loại
gì? Gọi tả điều gì ?

? Từ " xanh ", "tím biếc " thuộc từ
loại nào?

? Hai câu thơ gợi lên khung cảnh mùa
xuân đất trời ntn?

?Tại sao tác giả không gọi cụ thể
dòng sông đó là dòng sông nào, bông
hoa gì.?

-GV:giảng-bình

? Khung cảnh mùa xuân còn được
TG cảm nhận qua âm thanh nào ?

**-GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp
đôi**

? Cách sử dụng từ ngữ của Tg có gì
độc đáo?

? Những từ ngữ đó đã thể hiện điều gì
-HS thảo luận và trình bày

? ở lời thơ này , mùa xuân thiên nhiên
được mở ra qua hình ảnh nào ?

nhiên, đất trời.

+ Phần 2: (Khổ 2+3)

-> Cảm xúc về mùa xuân đất nước.

+ Phần 3 (Khổ 4+5)

-> Suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ
trước mùa xuân đất nước.

+ Phần 4: (Khổ cuối)

-> Lời ngợi ca quê hương, đất nước qua
điệu dân ca xứ Huế.

II. Phân tích

1. Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất trời

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

+ NT: Đảo ngữ -> Tạo ấn tượng bất
ngờ, mới mẻ

+ ĐT " Mọc ": sự vươn lên khoẻ khoắn
và sức sống mãnh liệt của bông hoa
mùa xuân

+ Tính từ chỉ màu sắc : xanh, tím biếc
(màu tím đặc trưng của xứ Huế)

-> Cảnh mùa xuân trong sáng, màu sắc
tươi thắm , đầy sức sống mãnh liệt .

- Hình ảnh mùa xuân ngập tràn khắp
đất trời

Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

+ Thán từ “ơi” dịu ngọt , thân thương

+ Từ “ chi ” -> cách nói đặc trưng của
người dân Huế

-> Tình cảm yêu mến mùa xuân

- Tiếng chim chiền chiện ngân nga ,

? Tiếng chim chiền chiện gọi cho ta cảm nhận điều gì về mùa xuân.? ? Cảm nhận của em về không gian mùa xuân ? -GV:giảng bình, GV liên hệ một số câu thơ có h/a con chim chiền chiện -> Gọi niềm vui ? Bốn câu thơ đầu gọi tả bức tranh mùa xuân ntn? GV: giảng ? Vây trước mùa xuân của thiên nhiên ấy, cảm xúc của tác giả được bộc lộ qua lời thơ nào ? -GV sử dụng kĩ thuật động não ? " Giọt long lanh " theo em hiểu là gì? -HS trình bày ? Nếu hiểu theo cách thứ 2 thì ở đây sử dụng nghệ thuật gì.? ? Ngoài ra còn có nghệ thuật nào được sử dụng. ? ? Theo em hành động " đưa tay ", " húng " gọi tả điều gì ? ?Qua đây em thấy tác giả có cảm xúc ntn trước mùa xuân. ? ? Sáu câu thơ đầu gọi tả điều gì? ? Bài thơ được tác giả sáng tác trong hoàn cảnh nào ? ? Điều đó giúp ta hiểu thêm gì về tác giả ? GV:giảng –bình Tiết 2 ? Từ mùa xuân của thiên nhiên đất trời nhà thơ đã chuyển sang cảm nhận về mùa xuân của đất nước qua những hình ảnh nào. ? - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm	lảnh lót gọi mùa xuân về -> Gọi không khí vui tươi, rộn ràng, náo nức -> Không gian mùa xuân thanh bình , trong trẻo, náo nức âm thanh => Bức tranh mùa xuân đầy màu sắc , sức sống và âm thanh Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng - Giọt long lanh: giọt sương - mưa xuân trong suốt - Giọt âm thanh tiếng chim chiền chiện NT:+ ẩn dụ chuyển đổi cảm giác (từ thính giác -> thị giác, xúc giác) + Điệp từ " tôi " + Động từ (đưa tay, hứng) -> Chủ động đón nhận vẻ đẹp của thiên nhiên => Niềm say sưa, ngây ngất của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời lúc vào xuân. ⇔ Cảm xúc say sưa của tác giả trước bức tranh mùa xuân tươi đẹp - Hoàn cảnh : Khi tác giả đang nằm trên giường bệnh và không lâu sau đó ông qua đời => Yêu thiên nhiên , yêu mùa xuân tha thiết 2. Cảm xúc về mùa xuân đất nước Mùa xuân <u>người cầm súng</u> Mùa xuân <u>người ra đồng</u>

? Em có suy nghĩ gì gì về hình ảnh thơ: "người cầm súng", "người ra đồng" ? ? Hình ảnh " người cầm súng ", "người ra đồng " gắn với hình ảnh nào ? ? BPNT nào được tác giả sử dụng ở những lời thơ nào ? ? Em hiểu gì về mùa xuân của đất nước ? - HS thảo luận -> trình bày -> NX -Gv ;giảng ? Vậy mùa xuân của đất nước được cảm nhận qua hình ảnh nào ? ? Biện pháp nghệ thuật gì được sử dụng ? ? Những BPNT ấy đã gợi tả điều gì.? ? Hai câu thơ giúp em hình dung ntn đất nước khi vào xuân ? -Gv:giảng ? Từ mùa xuân đất nước, tác giả đã suy ngẫm về đất nước qua hình ảnh nào? ? Nx về cách sử dụng từ ngữ của TG ? ? Lời thơ giúp em hiểu về gì lịch sử dân tộc và điều đó gợi lên trong em cảm xúc gì ? ? Trong niềm tự hào ấy, cảm nhận của tác giả về đất nước còn được gợi tả qua lời thơ nào ? GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi -> gọi đại diện HS trình bày-> HS nhận xét (1)Câu thơ có gì độc đáo về nghệ thuật. (2) Nghệ thuật đó có dụng ý gì.? ? Như vậy trước mùa xuân đẹp đẽ	- Biểu trưng cho 2 nhiệm vụ: chiến đấu và lao động xây dựng đất nước Lộc giắt đầy trên lưng Lộc trải dài nương mạ + Điệp từ Lộc (chồi non, cành non, cây non...) Cấu trúc thơ song hành -> sức sống mùa xuân đã theo con người trải dài đất nước -> Máu và mồ hôi của nhân dân đã góp phần tô điểm mùa xuân và để gửi lấy mùa xuân mãi mãi Tất cả như hối hả Tất cả như xôn xao... + NT: Điệp ngữ, điệp cấu trúc Từ láy , nhịp thơ nhanh , khỏe khoắn -> Sức xuân ngập tràn ở mỗi con người. Nhịp điệu cuộc sống hối hả, khẩn trương, náo nức . -> Sức sống, khí thế đi lên mạnh mẽ của dân tộc trong niềm vui bất tận - Đất nước bốn nghìn năm Vất vả và gian lao + Từ ngữ gợi tả -> Trong suốt bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước cha ông ta phải đổ bao mồ hôi , xương máu -> Tự hào về lịch sử dân tộc , về con người Việt Nam Đất nước như vì sao Cứ đi lên phía trước + NT: So sánh , nhân hóa -> Sức sống mãnh liệt của dân tộc và sự phát triển vững mạnh của dân tộc , tương lai tươi sáng của dân tộc => Niềm say mê - tin yêu, tự hào về

tươi trẻ của đất nước, tác giả có cảm xúc gì ? -GV:giảng ? Tâm nguyện của nhà thơ được thể hiện qua câu thơ nào? -GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm ? Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong những câu thơ trên? ? Cách xưng hô của tác giả thay đổi như thế nào. Dụng ý của cách xưng hô đó ? ? Phân tích hình ảnh thơ " một nốt trầm xao xuyến "? ? Từ đó em có cảm nhận gì về ước nguyện của nhà thơ? - HS thảo luận và trình bày ? Khát vọng, tâm nguyện của nhà thơ còn được gọi tả qua lời thơ nào? ? Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng ? ? Tại sao tác giả muốn làm " mùa xuân nho nhỏ " ? -GV ;giảng – bình ? Khát vọng hòa nhập và dâng hiến của tác giả được thể hiện ở những thời điểm nào ? ? Đặc sắc NT của câu thơ trên. ? ? Em hiểu gì về khát vọng hòa nhập và dâng hiến của tác giả? ? Đặt bài thơ vào hoàn cảnh sáng tác, em cảm nhận ntn về ước nguyện của nhà thơ ? -GV sử dụng kĩ thuật động não	con người và quê hương đất nước khi vào xuân, trên con đường xây dựng XH mới - XHCN. (Biểu hiện của tình yêu quê hương đất nước) 3. Suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ Ta làm con chim hót Ta làm một cành hoa Ta nhập vào hoà ca Một nốt trầm xao xuyến + NT: Điệp từ, ngữ -> Lời thơ ngân nga thành lời ca. Một loạt những hình ảnh ẩn dụ thể hiện khát vọng của Tg + Cái " tôi " (cá nhân) thành " ta " (chung) - Tâm nguyện không phải của một cá nhân mà của mọi người. (nốt trầm trong bản hoà ca không ồn ào, to tát , cao giọng nhưng xao xuyến, rung động tâm hồn) -> Ước nguyện giản dị, chân thành muốn hoà nhập cùng cuộc sống của đất nước, muốn cống hiến cho đời . Một mùa xuân nho nhỏ Lặng lẽ dâng cho đời NT: ẩn dụ, từ láy và tình từ -> Nguyện sống đẹp như mùa xuân, muốn làm một mùa xuân nho nhỏ để dâng hiến cho đời góp phần làm lên mùa xuân của đất nước. Dù là tuổi hai mươi Dù là khi tóc bạc +NT: Điệp ngữ, ẩn dụ -> Khát vọng cống hiến cho cuộc đời bất kể thời gian và tuổi tác. - Ước nguyện giản dị mà cao đẹp

(1) Em hiểu gì về nhan đề bài thơ ? ? Cùng với ước nguyện cống hiến là lời ngợi ca về quê hương, dân tộc. Vậy lời ngợi ca đó được thể hiện qua những lời thơ nào? ? BPNT nào được tác giả sử dụng, cách kết thúc có gì đáng chú ý? ? Cách đưa hình ảnh , cùng NT điệp ngữ cho ta thấy tình cảm của tác giả với quê hương như thế nào? ? Qua đây em cảm nhận được điều gì về Thanh Hải? Hoạt động 3: Tổng kết - GV sử dụng kỹ thuật hỏi và trả lời về yêu cầu HS hỏi và trả lời các câu hỏi về nghệ thuật, nội dung - Gọi HS đọc ghi nhớ	-> Từ láy, tính từ nho nhỏ được đặt sau một khái niệm trừu tượng mùa xuân. Nhan đề bài thơ là một hình ảnh ẩn dụ đẹp. - Đề cập đến một vấn đề có ý nghĩa : ĐS của cá nhân trong mối quan hệ với cộng đồng một cách chân thành : Mỗi người cần biết cống hiến cho cuộc đời chung một nét riêng tốt đẹp dù là nhỏ bé . 3. Lời ngợi ca quê hương, đất nước Mùa xuân - ta hát Câu Nam ai, Nam bình Nước non ngàn dặm mình Nước non ngàn dặm tình Đất Huế nhịp phách tiền + Kết thúc bằng vần bằng, nhịp trầm + Điệp ngữ + Hình ảnh đặc trưng của xứ Huế -> Hình ảnh quê hương khắc sâu trong tâm hồn tác giả => Tâm hồn khao khát được sống cùng mùa xuân đất nước, được dâng hiến cho đời III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Nhạc điệu trong sáng, nhiều hình ảnh ẩn dụ và so sánh sáng tạo 2. Nội dung - Tình yêu với đất nước và khát vọng cống hiến cho đời... * Ghi nhớ (SGK/ 58)

3. Hoạt động luyện tập

- Đọc diễn cảm bài thơ " Mùa xuân nho nhỏ "?
- Mùa xuân của thiên nhiên được tác giả khắc hoạ như thế nào?
- Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên, đất nước?
- Tác giả có ước nguyện gì.? Đây là một ước nguyện ntn ?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu cảm nhận về hình ảnh mùa xuân của thiên nhiên trên quê hương em?

- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về tình yêu quê hương đất nước.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về tác phẩm

- Học thuộc lòng bài thơ

- Chuẩn bị " Cách làm bài ... tư tưởng, đạo lí "

+Đọc SGK

+Trả lời các câu hỏi / SGK

+Tìm hiểu về cách làm bài văn nghị luận ... đạo lí theo hướng dẫn / SGK

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 24 – Bài 22

Tiết 116 – 117 : CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học này, HS cần :

1. **Kiến thức.** Biết làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

2. **Kĩ năng:** Vận dụng làm bài và trình bày một bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

3. **Thái độ:** Giáo dục ý thức học tập tự giác, nghiêm túc.

4. **Định hướng năng lực - phẩm chất :**

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập.

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:** - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu

- Dự kiến tích hợp: + TLV- Văn: Những câu chuyện, tục ngữ ...

+ TLV - C/S : Những vấn đề đạo đức

2. **Trò:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, luyện tập và thực hành

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, động não, hỏi và trả lời.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** - Thế nào là nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí. ?

- Nêu những yêu cầu về nội dung và hình thức của bài nghị luận này. ?

*** Tổ chức khởi động :** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “ Truyền hộp quà”

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đề bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.	I. Đề bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

*Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, luyện tập và thực hành *Kĩ thuật : Thảo luận nhóm HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. *HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. -Đọc 10 đề văn trong SGK - Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi -> gọi HS trình bày-> HS nhận xét (1) Các đề bài trên có điểm gì giống và khác nhau ? ?Dựa vào các mẫu đề trên, hãy ra một vài đề văn tương tự? Hoạt động 2: Cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí *Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, luyện tập và thực hành *Kĩ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. *HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. - Đọc đề bài SGK / 52. ?Yêu cầu về thể loại và nội dung?	1. * Đọc các đề bài (SGK/ 51,52) * Nhận xét - Giống: Các đề đều yêu cầu nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí. - Khác: + Dạng đề có kèm theo mệnh lệnh (Đề 1, 3, 10) + Dạng đề không kèm theo mệnh lệnh (Đề mở: 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9) 2. Ra đề - Đề có kèm theo mệnh lệnh Đề 1: Suy nghĩ về câu tục ngữ " gần mực thì đen, gần đèn thì sáng " - Đề không kèm theo mệnh lệnh Đề 1: Ăn vóc học hay Đề 2: Ắ trông nôi, ngời trông hướng. II. Cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí * <u>Đề bài:</u> Suy nghĩ về đạo lí " Uống nước nhớ nguồn ". 1. Tìm hiểu đề và tìm ý a. <u>Tìm hiểu đề</u> - Thể loại: Nghị luận một vấn đề tư tưởng, đạo lí. - Nội dung: Nêu suy nghĩ về câu tục ngữ " Uống nước nhớ nguồn " - Tri thức cần có:

? Để làm được đề bài này cần phải có tri thức gì.? - GV chia lớp thành 4 nhóm yêu cầu HS thảo luận->gọi HS trình bày-> HS nhận xét (1) Hãy giải thích nghĩa đen của câu tục ngữ ? (2)Hãy giải thích nghĩa bóng của câu tục ngữ ? ? Khi giải thích nghĩa câu tục ngữ ta dùng phép lập luận gì. ? ? Nội dung câu tục ngữ thể hiện truyền thống đạo lí gì của người Việt.? -GV sử dụng kĩ thuật động não ? Ngày nay đạo lí ấy có ý nghĩa như thế nào ? ? Vậy muốn làm tốt bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí ta phải làm gì. ? ? Phần mở bài cần nêu những gì ? ? Phần thân bài giải quyết những vấn	+ Hiểu về câu tục ngữ VN, đạo lí " Uống nước nhớ nguồn " + Vận dụng các tri thức về đời sống b. Tìm ý * Tìm nghĩa của câu tục ngữ - Nghĩa đen + Nước: Là SV tự nhiên thể lỏng có vai trò đặc biệt trong đ/s + Nguồn: Là nơi bắt đầu của mọi dòng chảy - Nghĩa bóng: + Nước: Là mọi thành quả mà con người được hưởng thụ từ những giá trị của đ/s vật chất. + Nguồn: Là người làm ra thành quả, là lịch sử truyền thống... -> Lập luận giải thích => Đạo lí " Uống nước nhớ nguồn " là đạo lí của người được hưởng thụ thành quả phải biết ơn những người đã tạo ra thành quả cho mình được hưởng (-> Lập luận tổng hợp) * ý nghĩa: + Đạo lí này là sức mạnh tinh thần, gìn giữ các giá trị vật chất và tinh thần của dân tộc + Đạo lí này là nguyên tắc làm người của người Việt Nam. => ý 1 ghi nhớ 2. Lập dàn bài a. Mở bài Giới thiệu câu tục ngữ và tư tưởng chung đó là luôn nhớ đến những người đi trước đã tạo lên thành quả cho ta c/ s hiện tại. b. Thân bài - Giải thích câu tục ngữ

đề gì.? ? Nên giải thích câu tục ngữ như thế nào.? ? Để nhận xét câu tục ngữ cần có những luận cứ gì.? ? Phân kết bài cần viết như thế nào ? ? Vậy một bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí gồm mấy phần. nhiệm vụ của từng phần ? GV: khái quát nội dung phần ghi nhớ ý 1,2 Tiết 2 ? Cả lớp hãy viết phần mở bài. ? Cho HS trình bày -> HS nhận xét GV nhận xét -> Sửa lại -GV : Chia nhóm để viết - Nhóm 1: Giải thích câu tục ngữ - Nhóm 2: + Nêu đạo lí làm người + Truyền thống tốt đẹp của dân tộc - Nhóm 3: Là nền tảng phát triển XH - Nhóm 4: + Lời khuyên, nhắc nhở ai vô ơn. + Khích lệ mọi người cống hiến. Gọi các nhóm trình bày, nhận xét	+ Nước là gì? Uống nước là gì? + Nguồn là gì? Nhớ nguồn là gì? -> Lập luận giải thích, chứng minh nội dung vấn đề. - Nhận định, đánh giá (bình luận) câu tục ngữ: + Câu tục ngữ là lời dạy, lời khuyên, nhắc nhở những người vô ơn. + Nêu lên đạo lí làm người: không quên tổ tiên, không quên những người đã chiến đấu, không quên người dạy dỗ, không quên ông bà, người thân. + Là truyền thống tốt đẹp của dân tộc. + Nền tảng duy trì, phát triển XH. + Khích lệ mọi người cống hiến cho XH <i>c. Kết bài</i> - Kể truyền thống tốt đẹp của dân tộc. - Nêu ý nghĩa của câu tục ngữ đối với ngày hôm nay. => ý 2 ghi nhớ <i>* Ghi nhớ</i> 3. Viết bài <i>a. Mở bài</i> - Theo 2 cách: + Từ chung -> riêng + Từ thực tế -> đạo lí <i>b. Thân bài</i>

GV lưu ý học sinh (Liên kết câu, đoạn, cách lập luận)	c. Kết bài
? Phần kết bài viết như thế nào. ?	- Theo 2 cách: + Từ nhận thức -> hành động + Kết bài có tính chất tổng hợp -> Cần lựa chọn góc độ riêng để giải thích, đánh giá. => ý3 ghi nhớ
? Khi viết bài cần chú ý gì. ?	4. Đọc bài - Sửa lỗi - Đọc và sửa lỗi sai
? Sau khi viết bài xong cần phải làm gì? Yêu cầu HS đọc ghi nhớ	Ghi nhớ (SGK / 54)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, luyện tập và thực hành *Kỹ thuật : Thảo luận nhóm *HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học. ? Thể loại văn bản ? ? Nội dung mà đề yêu cầu.? Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi -> HS trình bày -> Nhận xét (1) Với đề bài này, bài viết cần có ý chính gì.? -GV yêu cầu HS làm việc theo 4 nhóm	III. Luyện tập Đề bài: Tinh thần tự học 1. Tìm hiểu đề và tìm ý * Tìm hiểu đề: - Thể loại: Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí - Suy nghĩ, đánh giá tinh thần tự học - Tri thức cần có: Hiểu về tinh thần này; Biết vận dụng trong đời sống * Tìm ý: - Giải thích thế nào là tự học? - Biểu hiện của tinh thần tự học -Tự học có tác dụng ntn? Nếu không có tinh thần tự học thì sao? - Những tấm gương trong thực tế - Liên hệ bản thân 2. Dàn bài a. Mở bài Giới thiệu tinh thần tự học: là một tinh

? Phần mở bài nêu vấn đề gì.? ? Phần thân bài sắp xếp các ý như thế nào.? ? Phần kết bài cần nêu điều gì.?	thần rất quý báu của dân tộc ta và của mọi người dân Việt Nam. b. Thân bài - Tinh thần tự học là gì? - Tinh thần tự học có biểu hiện như thế nào? - Nó có tác dụng gì đối với mỗi người? - Nếu không có tinh thần này con người sẽ ra sao? - Những tấm gương trong cuộc sống về tinh thần này. c. Kết bài Khẳng định đây là phương pháp học tập đúng đắn cần được phát huy.

4. Hoạt động vận dụng

- Tìm ý cho đề bài sau: Suy nghĩ về câu tục ngữ “ Có công mài sắt có ngày nên kim”
- Dựa vào dàn ý đề văn trên, viết thành bài văn hoàn chỉnh.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Học bài
- Học bài
- Nắm chắc thao tác tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý...
- Chuẩn bị phần tiếp theo : Xem lại đề bài viết TLV số 5 và lập lại dàn ý của bài

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Bài 22 - Tuần 25

Tiết 118 : TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 5

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học này, HS cần :

- 1. Kiến thức:** Thông qua giới hạn, đáp án của đề bài, học sinh đối chiếu với bài làm của mình để nhận ra ưu điểm, khuyết điểm của mình.
- 2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng sử dụng đúng từ, câu, chính tả ...
- 3. Thái độ:** Giáo dục ý thức tự sửa chữa lỗi, khuyết điểm.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập.

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:** Chấm bài, bài kiểm tra, nhận xét ưu và nhược điểm

2. **Trò:** Xem lại đề bài, lập dàn bài chi tiết

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập và thực hành

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định tổ chức**

* **Kiểm tra bài cũ :** (Không)

* **Tổ chức khởi động :** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai nhanh hơn.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Tìm hiểu đề và đáp án * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, luyện tập và thực hành * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. - GV yêu cầu HS nhắc lại đề bài. Câu 1. Nêu yêu cầu về nội dung bài văn nghị luận ĐSXH Câu 2. Chỉ những đặc điểm về hình thức của đoạn văn nghị luận ĐSXH ? Yêu cầu về hình thức và kỹ năng của bài viết trên ?	I. Tìm hiểu đề và đáp án 1. Đề bài 2. Đáp án Câu 1 : Bài viết phải nêu được biểu hiện, nguyên nhân, lợi- hại , bày tỏ thái độ –ý kiến của người viết trước sự việc hiện tượng. Câu 2.- Luận điểm rõ ràng(c1). Đoạn văn được triển khai theo lối diễn dịch - Phép lập luận phù hợp : dùng số liệu để chứng minh - Dẫn chứng xác thực, lập luận chặt chẽ - Lời văn chính xác, sống động - Các câu văn được sắp xếp theo trình tự hợp lý C3: * Yêu cầu về hình thức và kỹ năng - Bài viết đúng thể loại nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống. - Có luận điểm, luận cứ rõ ràng và lập

? Thể loại bài văn.? ? Đề bài yêu cầu nghị luận về vấn đề gì.? ? Yêu cầu nghị luận? - GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm : Lập dàn ý chi tiết cho đề bài trên - HS thảo luận và trình bày GV trả bài cho HS HS đọc lại bài của mình	luận chặt chẽ. - Các phần MB, TB, KB mạch lạc, liên kết, có tính thống nhất. - Dùng từ, câu đúng chính tả, ngữ pháp - Diễn đạt lưu loát, trình bày sạch sẽ. * Yêu cầu về kiến thức - Thể loại: Nghị luận về một sự việc, hiện tượng. - Vấn đề nghị luận: Ô nhiễm môi trường -Yêu cầu nghị luận : Trình bày suy nghĩ về vấn đề trên Dàn ý a. Mở bài Nêu hiện tượng ô nhiễm môi trường hiện nay khó giải quyết. b. Thân bài - Nêu biểu hiện: + Vứt rác bừa bãi + Thải chất thải CN, khí thải + Nước thải trong sinh hoạt và sản xuất - Nguyên nhân: + Không có hiểu biết + Thiếu ý thức + Không tuân thủ qui trình + Cố tình không tuân theo qui định... - Tác hại: + ảnh hưởng đến sức khỏe con người + ảnh hưởng đến môi trường + ảnh hưởng đến văn hoá -. kinh tế. - Biện pháp khắc phục: + Tuyên truyền tác hại đến mọi người -> nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường + Có biện pháp xử lí rác thải , chất thải , khí thải + Có biện pháp xử phạt hành chính đối với các nhà máy , xí nghiệp...có ý gây ô nhiễm môi trường c. Kết bài: Nêu tư tưởng, đánh giá chung của em về hiện tượng đó và liên hệ bản thân II. Trả bài

GV cho HS đọc bài của mình. Sau đó cho các em tự nhận xét. GV tổng hợp nhận xét chung	III. Nhận xét a. Ưu điểm - Nhìn chung có hiểu đề - Làm đề đúng thể loại - Trình bày đủ bố cục, sạch sẽ. - Một số bài có sự tâm, chuẩn bị - Nhiều bài viết sâu sắc, thể hiện tốt ý kiến và quan điểm của người viết - Nhiều bài viết diễn đạt lưu loát VD: Hương, Phương, Oanh, Đình, Mùi, Thảo. b. Nhược điểm - Một số bài không có dẫn chứng - Bài làm còn sơ sài - Một số bài diễn đạt lủng củng, sai chính tả. - Một số bài luận điểm chưa thuyết phục - VD: Chuẩn, Phúc, Anh, Tuấn.																
- GV cung cấp các lỗi sai và yêu cầu HS lên bảng chữa lỗi sai điển hình GV cho 2 HS đọc bài làm của mình (Bài làm tốt)	IV. Chữa lỗi sai điển hình 1. Chính tả: <table border="1" data-bbox="807 1137 1401 1480"> <thead> <tr> <th>Lỗi sai</th><th>Sửa lại</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>giác</td><td>rác</td></tr> <tr> <td>Sung quanh</td><td>xung quanh</td></tr> <tr> <td>để lâu</td><td>đề lâu</td></tr> <tr> <td>lan rải</td><td>nan giải</td></tr> <tr> <td>bức súc</td><td>bức xúc</td></tr> <tr> <td>suống</td><td>xuống</td></tr> <tr> <td>...</td><td>...</td></tr> </tbody> </table> 2. Diễn đạt - Hiện tượng này được mọi người tán thành ủng hộ lên việc vứt rác gây ô nhiễm môi trường... -> Hiện tượng vứt rác ra đường rất phổ biến gây ô nhiễm môi trường. - từ đó cuộc sống của chúng ta sẽ đẹp, sẽ trở thành người có văn hoá... -> mỗi người chúng ta có ý thức thì cuộc sống của chúng ta sẽ văn minh, đẹp hơn. V. Đọc bài làm hay	Lỗi sai	Sửa lại	giác	rác	Sung quanh	xung quanh	để lâu	đề lâu	lan rải	nan giải	bức súc	bức xúc	suống	xuống	...	...
Lỗi sai	Sửa lại																
giác	rác																
Sung quanh	xung quanh																
để lâu	đề lâu																
lan rải	nan giải																
bức súc	bức xúc																
suống	xuống																
...	...																

3. Hoạt động vận dụng

- GV yêu cầu HS sửa các lỗi sai trong bài viết của mình.

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về ô nhiễm môi trường.
- Xem lại đề bài, làm lại đề bài.
- Ôn lại kiến thức về văn NL về một sự việc hiện tượng.
- Chuẩn bị bài " Viếng lăng Bác " của Viễn Phương
- + Đọc văn bản
- + Tìm hiểu về TG và TP
- +Tìm hiểu những nét chung về vb
- + Phân tích bài thơ

=====

Ngày soạn:

Bài 23

Ngày dạy:

Tiết 119 - VB - VIẾNG LĂNG BÁC

(Viễn Phương)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- HS cảm nhận được niềm xúc động thiêng liêng, tấm lòng tha thiết thành kính, vừa tự hào vừa đau xót của tác giả từ miền Nam mới được giải phóng ra thăm lăng Bác.

- Hiểu được những đặc điểm NT của bài thơ: giọng điệu trang trọng và tha thiết phù hợp tâm trạng và cảm xúc, nhiều hình ảnh ẩn dụ có giá trị súc tích và gợi cảm. Lời thơ dung dị mà cô đúc, giàu cảm xúc mà lắng đọng.

- 2. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng đọc, hiểu thơ trữ tình. Hs có khả năng trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ, một tác phẩm thơ.

- 3. **Thái độ:** Giáo dục ý thức kính trọng , biết ơn đối với vị lãnh tụ vĩ đại.

4. **Định hướng năng lực - phẩm chất :**

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, thẩm mĩ, phân tích.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập, biết ơn, yêu đất nước, sống có trách nhiệm...

II. CHUẨN BỊ

- 1. **Thầy:** - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu

- Dự kiến tích hợp(Liên hệ)+ Văn - Văn: Một số bài thơ viết về Bác Hồ...

- 2. **Trò:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- 1. Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật, pp giải quyết vấn đề, thuyết trình tích cực.

- 2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, động não, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định tổ chức

* **Kiểm tra bài cũ** : Phân tích ước nguyện sống cống hiến cho đời của Thanh Hải trong bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” ?

* **Tổ chức khởi động** : GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “ Truyền hộp quà “

- GV phổ biến luật chơi ?

- Trong hộp quà có các câu hỏi :

? Nêu những hiểu biết của em về chủ tịch Hồ Chí Minh.

? Kể tên các bài thơ của chủ tịch Hồ Chí Minh.

? Kể tên các bài thơ, bài hát viết về chủ tịch Hồ Chí Minh.

? Cảm nhận của em về Bác

- GV giới thiệu vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Đọc, Tìm hiểu chung * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, dùng lời có nghệ thuật, thuyết trình tích cực. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, Đặt câu hỏi. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác. - GV sử dụng PP thuyết trình tích cực - Giáo viên yêu cầu HS giới thiệu nét chính về tác giả và hoàn cảnh ra đời bài thơ theo yêu cầu đã được chuẩn bị - GV gọi HS nhận xét phần trình bày của bạn ? ? Bài thơ cần được đọc với giọng điệu ntn ? - GV hướng dẫn đọc: thành kính, xúc động, chậm rãi, sâu lắng. Gv đọc mẫu -> Gọi HS đọc, NX ? GV Yêu cầu HS giải thích chú	I. Đọc, Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Nhà thơ Viễn Phương sinh năm 1928, quê ở tỉnh An Giang. Ông là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời kì chống Mỹ cứu nước. - Thơ Viễn Phương thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm - Tác phẩm đã xuất bản: <i>Chiến thắng Hòa Bình</i> (trường ca, 1953); <i>Mắt sáng học trò</i> (tập thơ, 1970); <i>Nhớ lời di chúc</i> (trường ca, 1972); <i>Như mây mùa xuân...</i> 2. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ - Bài thơ <i>Viếng lăng Bác</i> được viết năm 1976 khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được xây dựng xong, đất nước thống nhất, đồng bào miền Nam đã có thể thực hiện được mong ước ra viếng Bác. * Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc

thích 1,2 SGK. ? Thể loại của Vb? ? Bài thơ được viết theo thể thơ nào? ? Phương thức biểu đạt của bài thơ? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Em có thể chia văn bản ra làm mấy phần? ? Nêu giới hạn và nội dung của từng phần? ? Mạch cảm xúc của bài thơ? - HS thảo luận và trình bày Hoạt động 2: Phân tích * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, dùng lời có nghệ thuật, phân tích, pp giải quyết vấn đề. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, động não, đặt câu hỏi. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, thẩm mỹ, phân tích. ? Tác giả đã giới thiệu hoàn cảnh ra thăm lăng Bác qua lời thơ nào? ? Giải thích nghĩa của từ “viếng” trong nhan đề bài thơ và nghĩa của từ “thăm” trong câu thơ đầu? -GV sử dụng kỹ thuật động não ? Tại sao nhan đề đặt là "Viếng lăng Bác" mà câu thơ đầu lại là "thăm"? - GV giảng ? Giọng điệu lời thơ ra sao? ? Cách xưng hô trong lời thơ có gì đặc biệt? ? Việc sử dụng từ ngữ, cách xưng hô	- Chú thích – SGK * Thể loại trữ tình * Thể thơ tám chữ * Phương thức biểu đạt : Biểu cảm + miêu tả * Bố cục: + Phần 1 (Khổ 1,2): Cảm xúc trước lăng Bác. + Phần 2 (Khổ 3): Cảm xúc trong lăng Bác. + Phần 3 (Khổ 4): Cảm xúc khi rời lăng Bác. -> Trình tự cảm xúc: Theo trình tự thời gian của chuyến vào lăng viếng Bác. II. Phân tích 1. Cảm xúc trước lăng Bác * <i>Khổ 1:</i> Con ở Miền Nam ra thăm lăng Bác - Viếng: Chia buồn với thân nhân người đã mất - Thăm: gặp gỡ, trò chuyện với người đang sống -> Tên nhan đề “viếng”: trang trọng, khẳng định 1 sự thật là Bác đã qua đời. Câu đầu dùng “thăm”: ngụ ý nói giảm, Bác như vẫn sống mãi trong lòng nhân dân MN, thân mật, gần gũi. + Giọng thơ tâm tình, thành kính + Xưng "con" - gọi "Bác"

nếu vậy có tác dụng gì.? ? Câu thơ này thể hiện tâm trạng gì của nhà thơ khi ra thăm lăng Bác ? - GV giảng ? Vậy tới lăng Bác hình ảnh đầu tiên mà tác giả cảm nhận được là gì ? ? Hình ảnh hàng tre là một hình ảnh ntn? ? Từ bát ngát thuộc loại từ gì? ? Từ láy bát ngát gợi tả điều gì ? ? Hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác gợi cảm giác gì ? ? Cảm xúc của tác giả được bộc lộ qua từ ngữ nào? ? Mới đặt chân lên nơi Bác nằm nghỉ mà nhà thơ đã thấy hàng tre bát ngát đứng đó từ bao giờ. Điều này thể hiện cảm nhận gì của nhà thơ ? Do vậy đây là chuyến viếng thăm ntn GV: giảng – bình ? Từ hình ảnh " hàng tre bát ngát " tác giả đã liên tưởng đến điều gì ? Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi -> HS trình bày -> Nhận xét (1) Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng trong 2 câu này. Tác dụng ? -GV sử dụng PP giải quyết vấn đề	-> Gọi sự thân mật, gần gũi. Bác như người cha vừa gần gũi ấm áp vừa yêu thương thành kính. => Tâm trạng xúc động, tình cảm yêu thương, thành kính của người con Miền Nam được ra thăm lăng Bác. Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát + Đây là hình ảnh quen thuộc, gần gũi +Từ láy : bát ngát -> Vẻ đẹp của hàng tre trong làn sương sớm -> Lăng Bác vốn là nơi trang nghiêm nhưng trở lên gần gũi , thân thuộc +Từ “đã thấy” -> Thời gian đã qua lâu lắm rồi Cả dân tộc đã ở bên Bác từ bao giờ -> Chuyến viếng thăm này là chuyến viếng thăm muộn màng => <u>Tâm trạng xót xa</u> Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng NT : + Từ cảm thán (Ôi) -> Cảm xúc ngạc nhiên, cảm động. Từ láy “ xanh xanh” -> Sức sống mãnh liệt của hàng tre + ẩn dụ -> Tre tượng trưng cho sự bất khuất, kiên cường của con người, dân tộc Việt Nam... + Nhân hóa, Thành ngữ “ bão táp mưa sa” -> Những vất vả gian khổ mà nhân dân ta vượt qua nhờ sự đoàn kết

? Tại sao trong rất nhiều loài cây quanh lăng Bác, tác giả lại nhắc đến hình ảnh cây tre ?

Xung quanh lăng Bác trồng nhiều tre và trúc. Tre cũng là hõnh ảnh quen thuộc là biểu tượng của nhõn dõn Việt Nam. Hõnh ảnh hàng tre thể hiện lũng tụn kónh, trang nghiõm. Dường như dõn tộc Việt Nam quàn tụ quanh Bõc. “Hàng tre” như gõy tả ðội quõn danh dự bõn người.

⇒ Từ h/ả "cây tre" mà tác giả nghĩ tới ðất nước và con người VN, tới Bác Hồ, suy nghĩ rất tự nhiên, logic. Vậy cây tre - VN - HCM ðã trở thành những biểu tượng quen thuộc ðối với NDTG

? Toàn bộ khổ thơ diễn tả cảm xúc gì của nhà thơ ?

- GV: *Ðến với Bác, chúng ta ðược gặp dân tộc và nơi Bác nghỉ ðời xanh mát bóng tre của làng quê Việt Nam. Dân tộc Việt Nam, ðất nước Việt Nam luôn ở bên Bác.*

? Em ðã vào lăng viếng Bác chưa. Cảm xúc như thế nào khi ðứng trước lăng Bác ?

. HS liên hệ - bày tỏ

Tiết 2

? Khi cùng ðòng người vào lăng, Trước lăng Bác, tác giả có cảm nhận gì.?

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp ðôi

? Phân tích về hình ảnh " mặt trời " trong 2 câu thơ trên.?

- HS thảo luận và trình bày

? Hai câu thơ diễn tả cảm xúc gì của tác giả ?

-GV giảng

=> Cảm xúc tự hào về tổ quốc, con người Việt Nam trong trường kì lịch sử mà Bác là người Việt Nam ðẹp nhất, tiêu biểu nhất

* Khó 2:

Ngày ngày mặt trời ði qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất ðỏ

+ Mặt trời (Câu 1): Hình ảnh thực

+ Mặt trời (Câu 2): Hình ảnh ẩn dụ chỉ Bác

+Chon hình ảnh kì vĩ ,lớn lao

+ Màu ðỏ là màu của trung thành ,nhiệt huyết cách mạng.

-> Bác vĩ ðại, lớn lao như một mặt trời.

Con ðường cách mạng của Bác ðã ðem lại ðộc lập , tự do cho mọi người dân VN

-> Lòng ngưỡng mộ về sự trường tồn vĩ ðại của Bác và sự biết ơn của nhà thơ ðối với Bác.

? Cảm xúc tôn kính đó được thể hiện trong câu thơ nào khác ? ? Em hiểu gì về hình ảnh lời thơ đầu? ? Tác giả dùng biện pháp nghệ thuật gì ở lời thơ thứ hai? ? Hai câu thơ thể hiện điều gì? ? Trong khổ thơ này, tác giả còn sử dụng nghệ thuật gì. ? ? Khổ thơ thể hiện tình cảm ntn của tác giả đối với Bác? GV giảng ? Khi vào lăng, cảm nhận của nhà thơ về Bác được thể hiện qua hình ảnh nào? ? Lời thơ đầu giúp em hiểu được BPTT nào đã được tác giả sử dụng? ?Tác dụng? ? Hình ảnh “ vầng trăng dịu hiền “ gợi tả không gian ở trong lăng Bác ntn?? ? Hình ảnh này còn gợi ta nhớ tới điều gì? ? Tác giả sử dụng BPNT gì ở lời thơ thứ hai, tác dụng? ? Hình ảnh mặt trời và mặt trăng giúp em cảm nhận ntn về Bác ? ? Hai câu thơ gợi tả hình ảnh Bác trong lăng ntn? - GV giảng ? Trong sự thanh bình ấy tác giả đã trở về thực tại bằng câu thơ nào ? - GV sử dụng kĩ thuật động não ? Em hãy chỉ ra những biện pháp nghệ thuật trong hai câu thơ trên?	Ngày ngày ... thương nhớ Kết tràng ... mùa xuân - Những dòng người vào lăng viếng Bác không bao giờ ngớt NT: + ẩn dụ: “79 mùa xuân” -> 79 tuổi đời của Bác. “ Tràng hoa thơm” -> Tấm lòng thành kính , biết ơn của nhân dân cả nước. Ngày ngày ... trên lăng Ngày ngày ... thương nhớ + Điệp từ, sóng đôi => Tình cảm thương nhớ, tấm lòng kính yêu của tác giả, của nhân dân đối với Bác 2. Cảm xúc trong lăng Bác Bác nằm trong giấc ngủ bình yên Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền + Nói giảm nói tránh (ngủ) -> Nhà thơ như cố giấu đi nỗi đau. Bác như vừa chợp mắt sau những giờ làm việc vất vả - Không gian yên tĩnh, thanh bình, trang nghiêm, trong trẻo. - Những bài thơ ngập tràn ánh trăng của người + ẩn dụ : vầng trăng dịu hiền – là tình yêu của Bác dành cho mọi người dân VN -> Bác vĩ đại như một mặt trời nhưng cũng hiền hậu, dịu dàng như mặt trăng. => Hình ảnh Bác trong lăng đẹp, thanh thản trong tình thương mến, kính yêu của nhân dân cả nước Vẫn biết trời xanh là mãi mãi Mà sao nghe nhói ở trong tim NT: + ẩn dụ: Trời xanh -> Tượng trưng cho sự vĩnh hằng của Bác (đạo đức , tư

- HS trình bày ? Vậy cảm xúc gì dâng tràn trong lòng tác giả khi đứng trước Bác ? - GV : Dù người đã hoá thân vào thiên nhiên đất nước, dân tộc như " trời xanh là mãi mãi " nhưng tác giả vẫn đau xót về sự ra đi của Người ? Hãy tìm những câu thơ diễn tả tâm trạng của tác giả khi phải dời lẵng Bác? ? Em hiểu gì về cụm từ “ thương trào nước mắt” ? ? Lời thơ giúp em hiểu gì về tâm trạng của Tg ? GV giảng ? Từ tâm trạng đó tác giả có ước nguyện gì.? - GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm ? Tác giả sử dụng BPNT gì ở những lời thơ trên ? ? Tác dụng của các BPNT đó? ? Từ đó tác giả thể hiện tâm lòng như thế nào với Bác ? - HS thảo luận và trình bày ? Bài thơ đã thể hiện điều gì ? Hoạt động 3: Tổng kết -PP: Gọi mở – vấn đáp -KT : đặt câu hỏi ? Nhắc lại những đặc sắc nghệ thuật ?	tưởng cm của Bác bất tử như trời xanh) + Động từ, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: Nghe nhói + ý thơ tương phản "Vẫn biết - Mà sao" => Niềm xúc động thiêng liêng, thành kính pha lẫn xót đau dâng tràn trong lòng tác giả. 3. Cảm xúc khi rời lẵng Bác Mai về Miền Nam thương trào nước mắt -Tiếng khóc thốn thức cố kìm nén -> Tâm trạng lưu luyến, nhớ nhưng không muốn rời xa Bác. Muốn làm con chim... Muốn làm bông hoa... Muốn làm cây tre... NT: + ẩn dụ (cây tre nhập vào hàng tre) + Điệp ngữ + Kết cấu đầu cuối tương ứng (hình ảnh cây tre được lặp lại) -> Ước nguyện giản dị, chân thành muốn hoá thân vào thiên nhiên để gửi lòng mình bên Bác. => Tấm lòng kính yêu, lời hứa thủy chung của nhân dân, nhà thơ đối với Bác, nguyện trung thành với con đường cách mạng mà Bác đã chọn. <=> Tấm lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người đối với Bác khi vào viếng lẵng Bác . III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Giọng thơ trang trọng và thành kính - Nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp

? Nội dung bài thơ là gì ?	2. Nội dung - Bài thơ thể hiện tấm lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người đối với Bác khi vào viếng lăng Bác . * Ghi nhớ (SGK / 60)s

3. Hoạt động luyện tập

- Đọc lại bài thơ (đọc thuộc lòng).
- Cảm xúc của tác giả như thế nào khi đứng trước lăng Bác ?
- Cảm xúc của tác giả như thế nào khi vào trong lăng ?
- Khi rời lăng tác giả có cảm xúc gì.?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về Bác.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết, bài hát viết về Bác.
- Học thuộc lòng
- Hoàn chỉnh bài tập
- Nắm chắc 3 nội dung chính
- Chuẩn bị " Nghị luận ... tác phẩm truyện "
- + Đọc vd
- + Trả lời các câu hỏi / sgk

=====

Ngày soạn:

Tuần 25 – bài 23

Ngày dạy:

Tiết 121 : TLV - NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN (hoặc đoạn trích)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học này, HS cần :

- Kiến thức:** Nắm vững các yêu cầu với một bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)
- Cách tạo lập văn bản nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.
- Kỹ năng:** Có kỹ năng nhận diện, làm bài, đưa ra những nhận xét đánh giá về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).
- Thái độ:** Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc.
- Định hướng năng lực - phẩm chất :**
- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp .
- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập

II. CHUẨN BỊ

- Thầy:** - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu.

- Dự kiến tích hợp: + TLV - Văn: Văn bản "Lão hạc", "Lặng lẽ Sa Pa"
+ TLV - TLV: Nghị luận văn chương

2. Trò: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, động não .

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** - Trình bày cách làm bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí ?

*** Tổ chức khởi động:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi **Hoa điểm mười**.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
HD 1: Tìm hiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp . - GV: gọi HS đọc VD ? Vấn đề nghị luận của văn bản này? - GV sử dụng kỹ thuật động não ? Em hãy đặt một nhan đề thích hợp cho văn bản trên ? - GV hướng dẫn HS tìm hiểu vấn đề nghị luận được người viết triển khai ? Các câu ở đoạn văn 1 có nhiệm vụ gì.? GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp đôi -> gọi HS trình bày -> HS bổ sung (1) Tìm câu chủ đề của Đ2, Đ3, Đ4, 5 ?	I. Tìm hiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) 1. Tìm hiểu văn bản (SGK / 61+62) a. Vấn đề nghị luận: Những phẩm chất, đức tính đẹp đẽ, đáng yêu của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn " Lặng lẽ Sa Pa " của Nguyễn Thành Long. VD: + Một vẻ đẹp nơi Sa Pa + Hoa đời thường + Sức mạnh của niềm đam mê + Lửa ấm nơi giá rét b. * Hệ thống luận điểm: - Đoạn 1: " Dù được ... khâm phục " " Trong đó ... khó phai " -> Nêu vấn đề nghị luận (Mở bài) - Đoạn 2: " Trước tiên ... của mình " -> Câu chủ đề nêu luận điểm - Đoạn 3: "Nhưng ... một cách chu đáo"

(2) Nhiệm vụ của các câu chủ đề ? ? Nhận xét bố cục văn bản ? ? Đề khẳng định các luận điểm, người viết đã lập luận như thế nào ? ? NX về cách lập luận của tác giả ? ? Nhận xét các luận cứ đưa ra của người viết ? ? Nhận xét, đánh giá của tác giả được thể hiện ở các luận điểm. Vậy em thấy các nhận xét đó như thế nào. ? ? Những nhận xét, đánh giá về tác phẩm truyện phải xuất phát từ đâu ? ? Qua đây, em hiểu gì về kiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện ? GV yêu cầu HS đọc ghi nhớ.	-> Câu chủ đề nêu luận điểm - Đoạn 4: " Công việc ... khiêm tốn " -> Câu chủ đề nêu luận điểm (Thân bài) - Đoạn 5: " Cuộc sống ... đáng tin yêu " -> Khẳng định ,nâng cao vấn đề. (Kết bài) -> Bố cục chặt chẽ. c. phương pháp lập luận + Luận điểm 1: Chủ yếu chứng minh bằng những dẫn chứng lấy trong tác phẩm. + Luận điểm 2: Chứng minh, phân tích + Luận điểm 3: Chủ yếu phân tích + Đoạn cuối: Tổng hợp -> Lập luận vận dụng nhiều thao tác: chứng minh, phân tích, tổng hợp. - Luận cứ xác đáng, sinh động, là những chi tiết tiêu biểu, đặc sắc trong tác phẩm. - Nhận xét, đánh giá của tác giả (qua luận điểm) rõ ràng, đúng đắn. - Từ tác phẩm 2. Ghi nhớ (SGK / 63)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
- GV yêu cầu HS đọc đoạn văn T63+64. - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm lớn ? Vấn đề nghị luận của đoạn văn ? ? Đoạn văn nêu lên những ý kiến chính nào ?	II. Luyện tập - Vấn đề nghị luận: Tình thế lựa chọn giữa sống chết và vẻ đẹp tâm hồn cuat nhân vật lão hạc - Việc giải quyết cái sống và cái chết của lão hạc - Lão âm thầm chuẩn bị cho cái chết - Nhân cách cao cả, đáng kính trọng

? Các ý kiến đó giúp ta hiểu thêm gì về nhân vật Lão Hạc ?

=> Lão Hạc là một người nông dân nghèo, giàu lòng thương con, một tâm hồn đẹp, đáng kính trọng.

4. Hoạt động vận dụng

- Tìm một văn bản nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích và chỉ rõ vấn đề nghị luận, ý kiến được đưa ra trong văn bản, bố cục của văn bản?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.
- Học bài, thuộc ghi nhớ.
- Hoàn chỉnh phần luyện tập
- Xem trước bài “ Cách làm bài nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)->Đọc và trả lời các câu hỏi / sgk

=====

Ngày soạn:

Tuần 25 – Bài 23

Ngày dạy:

Tiết 122 : TLV- CÁCH LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ TÁC PHẨM TRUYỆN (Hoặc đoạn trích)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. **Kiến thức:** Học sinh hiểu được đề bài nghị luận và các bước làm bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

2. **Kĩ năng:** - HS biết xác định yêu cầu về nội dung và hình thức của một bài văn nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

- HS có kĩ năng tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn bài, viết bài, đọc lại bài viết và sửa chữa cho bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

3. **Thái độ:** Giáo dục ý thức học tập tích cực, tự giác.

4. **Định hướng năng lực - phẩm chất :**

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp .

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:** - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu liên quan

2. **Trò:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, động não .

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ôn định tổ chức**

* **Kiểm tra bài cũ :** - Thế nào là nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)?

-Những nhận xét, đánh giá của người viết như thế nào. Xuất phát từ đâu ?

* **Tổ chức khởi động** : GV tổ chức cho HS chơi trò chơi giải ô chữ.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Đề bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) *Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm. *Kĩ thuật : Thảo luận nhóm . * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp . -Yêu cầu HS đọc đề bài SGK ? Các đề bài trên yêu cầu nghị luận về vấn đề gì. ? ? Các đề bài trên thuộc kiểu bài nghị luận nào? GV: Kết luận ? Bài văn về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) có thể bàn về những vấn đề gì ? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Các đề văn đó có điểm gì giống và khác nhau ? ? Các từ suy nghĩ, phân tích trong đề bài đòi hỏi bài làm phải khác nhau như thế nào ? - HS thảo luận và trình bày Hoạt động 2: Các bước làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) *Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp,	I. Đề bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) 1. Đọc đề văn (SGK) 2. Nhận xét - Đoạn 1: Nghị luận về " thân phận người phụ nữ trong XH cũ " - Đoạn 2: Nghị luận về diễn biến cốt truyện - Đoạn 3: Nghị luận về thân phận Truyền Kiều. - Đoạn 4: Nghị luận về đời sống tình cảm gia đình trong chiến tranh. -> Bài nghị luận về tác phẩm truyện (chủ đề, cốt truyện, nhân vật) => ý 1 ghi nhớ * Giống: Bài nghị luận về tác phẩm truyện. * Khác: Đề có mệnh lệnh khác nhau + Suy nghĩ (Đề 1,3,4) nhận xét dựa trên một tư tưởng, góc nhìn nào đó. + Phân tích (Đề 2) phân tích tác phẩm để nêu ra nhận xét, đánh giá. II. Các bước làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

hoạt động nhóm *Kĩ thuật : Thảo luận nhóm, động não . * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp . - Hãy đọc đề bài SGK / 65 ? Yêu cầu của đề bài ? ? Phương pháp giải quyết vấn đề đó là gì (mệnh lệnh) ? ? Đặc điểm nổi bật của nhân vật ông Hai ? ? Tình yêu đó được bộc lộ trong tình huống nào ? ? Tình cảm ấy có đặc điểm gì trong hoàn cảnh cụ thể lúc bấy giờ ? ? Tình cảm đó được thể hiện qua những chi tiết nghệ thuật nào ? ? Đọc phần mở bài và cho biết phần mở bài cần nêu vấn đề gì. ? GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp đôi ->gọi HS trình bày -> HS bổ sung (1) Phần thân bài cần có những ý nào ? (2) Để làm rõ nội dung đó tác giả dùng nghệ thuật như thế nào ? ? Phần kết bài cần nêu gì.?	* Đề bài: Suy nghĩ về nhân vật ông Hai trong truyện ngắn " Làng " của Kim Lân. 1. Tìm hiểu đề và tìm ý * <i>Tìm hiểu đề:</i> - Yêu cầu: Nghị luận về một nhân vật trong tác phẩm - Phương pháp: Xuất phát từ sự cảm, hiểu của bản thân. * <i>Tìm ý:</i> - Tình yêu làng hoà cùng tình yêu nước - Tình huống: đi tản cư -> Đây là nét mới trong đời sống tinh thần của người nông dân trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. - Dựa vào: tâm trạng, cử chỉ, hành động, lời nói ... 2. Lập dàn bài a. <i>Mở bài</i> - Giới thiệu truyện " Làng " và nhân vật ông Hai. b. <i>Thân bài</i> * Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai. - Chi tiết đi tản cư nhớ làng. - Theo dõi tin tức kháng chiến. - Tâm trạng khi nghe tin làng theo Tây. - Niềm vui khi tin đồn được cải chính. * <i>Nghệ thuật:</i> - Chọn tình huống: tin đồn - Các chi tiết miêu tả nhân vật - Hình thức đối thoại c. <i>Kết bài</i> - Nhân vật có sức hấp riêng và sự thành công khi xây dựng nhân vật của

? Em hãy nêu bố cục chung của bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích). Nhiệm vụ của từng phần. ? - GV chia nhóm (4 nhóm) để viết đoạn văn + Nhóm 1: Viết phần MB + Nhóm 2: Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai + Nhóm 3: Nghệ thuật xây dựng nhân vật + Nhóm 4: Viết phần KB - Khi triển khai luận điểm, luận cứ người viết cần chú ý gì ? - Để đảm bảo tính thống nhất của chủ đề văn bản các đoạn văn phải như thế nào ? GV gọi HS đại diện nhóm trình bày GV nhận xét, bổ sung Yêu cầu HS đọc lại ghi nhớ	nhà văn. => ý2 ghi nhớ 3. Viết bài => ý3 ghi nhớ => ý4 ghi nhớ 4. Đọc - sửa lại * Ghi nhớ (SGK / 68)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
- PP luyện tập thực hành - KT: Đặt câu hỏi Cho HS đọc yêu cầu đề - Viết phần mở bài ? - Viết một đoạn phần thân bài. ?	III. Luyện tập * Đề bài: Suy nghĩ của em về truyện ngắn " Lão Hạc " của Nam Cao. Gợi ý: Giới thiệu về tác phẩm Lão Hạc và cách xây dựng tình huống điển hình của tác phẩm để nhân vật bộc lộ tình cảm.

4. Hoạt động vận dụng

- Lập dàn ý cho đề sau : Phân tích nhân vật bé Thu trong tác phẩm “ Chiếc lược ngà”

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài phân tích về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.
- Học và nắm chắc nội dung bài học
- Làm tiếp và hoàn chỉnh bài tập (SGK)
- Chuẩn bị kĩ phần " Luyện tập làm bài ... "-> Đọc và làm các bt /sgk
- Chuẩn bị viết bài TLV số 6

Ngày soạn:
Tuần 27 – bài 23

Ngày dạy:

**TIẾT 123 : LUYỆN TẬP LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VỀ TÁC
PHẨM TRUYỆN (HOẶC ĐOẠN TRÍCH)
VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6 Ở NHÀ**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- 1. Kiến thức:** Học sinh củng cố và vận dụng những kiến thức đã học ở tiết 119 để tập làm một bài nghị luận theo các thao tác: tìm hiểu đề và tìm ý, lập dàn bài...
- 2. Kỹ năng:** HS rèn luyện cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện.
- 3. Thái độ:** Giáo dục ý thức tự giác học tập.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp .
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy:** - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu
- Dự kiến tích hợp: + TLV - Văn: Văn bản " Chiếc lược ngà "
+ TLV - TLV: Tiết 118, 119

- 2. Trò:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành
2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm .

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

- * **Kiểm tra bài cũ :** (Kiểm tra sự chuẩn bị của HS ở nhà)
- * Tổ chức khởi động : GV tổ chức cho HS chơi trò Ai nhanh hơn.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Đề bài * Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm . * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp . - Yêu cầu HS đọc đề bài	I. Đề bài Cảm nhận của em về đoạn trích truyện " Chiếc lược ngà "

? Đề bài yêu cầu gì.? ? Vậy vấn đề cần nghị luận là gì.? -GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Tìm ý chính cho đề bài trên? ? Nhiệm vụ của phần mở bài.? - GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS thảo luận -> gọi HS trình bày-> HS nhận xét (1) Em sắp xếp các ý ở phần thân bài như thế nào.? (2) Nhận xét về nghệ thuật của truyện cần chú ý đến những đặc điểm gì? ? Phần kết bài cần phải làm gì.?	1. Tìm hiểu đề và tìm ý <i>* Tìm hiểu đề:</i> - Yêu cầu: Cảm nhận về đoạn trích - Vấn đề nghị luận: Nghị luận về đoạn trích, tác phẩm truyện <i>* Tìm ý:</i> + Phân tích 2 nhân vật: mát mát, hi sinh... + Cảm nhận về tình cảm cha con sâu nặng cảm động ở nhân vật ông Sáu và bé Thu + Nghệ thuật của truyện 2. Lập dàn ý <i>a. Mở bài</i> - Giới thiệu xuất xứ đoạn trích - Nội dung khái quát của đoạn trích <i>b. Thân bài</i> <i>* Tình cảm của bé Thu đối với cha:</i> - Trong ngày đầu (...) - Trong ba ngày ông Sáu được nghỉ phép - Trong buổi chia tay -> Tình cảm sâu sắc, mạnh mẽ nhưng dứt khoát. <i>* Tình cảm ông Sáu đối với con:</i> - Trong đợt nghỉ phép: hụt hẫng, kiên nhẫn - Khi chia tay con gái : Hạnh phúc ... - Sau đợt nghỉ phép: Say sưa làm cây lược; Trước khi hi sinh gửi cho con cây lược... => Tình cảm cha con sâu nặng <i>* Nhận xét về nghệ thuật</i> - Tình huống truyện, xây dựng tính cách nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ giản dị... <i>c. Kết bài</i> - Khẳng định lại nội dung, nghệ thuật của đoạn trích - Khẳng định tình phụ tử thiêng liêng 3. Viết bài

Gv chia lớp thành 4 nhóm để viết + Nhóm 1: Viết MB + Nhóm 2: Viết ý 1 phần TB + Nhóm 3: Viết ý 2 phần TB + Nhóm 4: Viết ý 3 phần TB Yêu cầu các nhóm trình bày GV nhận xét, bổ sung	4. Đọc - sửa lại

3. Hoạt động vận dụng

- Viết bài văn hoàn chỉnh cho đề bài trên

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài phân tích *về tác phẩm hoặc nhân vật*
- Học bài và nắm vững nội dung
- Luyện viết hoàn chỉnh cho đề bài trên
- Soạn bài " Sang thu "(đọc ,tìm hiểu chung về tp, trả lời các câu hỏi)

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6 Ở NHÀ

I. Mục tiêu đề kiểm tra

1. Kiến thức : Nắm được kiến thức về kiểu bài nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

- Vận dụng được kiến thức đã học để làm bài kiểm tra

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng tìm hiểu đề, tìm ý, viết bài

3. Thái độ : Giáo dục thái độ tự giác , tích cực

4. Phẩm chất và năng lực

- Năng lực tạo lập văn bản, năng lực giải quyết vấn đề, ngôn ngữ, phân tích..
- Phẩm chất: Trung thực

II. Hình thức đề kiểm tra

- Tự luận : 100%

III, Ma trận đề

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Văn nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc	Thế nào là nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích	Nhận xét , đánh giá về nhân vật		Cảm nhận về nhân vật trong tác phẩm truyện hiện đại	

đoạn trích					
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ 10 %	Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ 20 %		Số câu:1 Số điểm: 7 Tỉ lệ 70 %	Số câu:3 Số điểm:10 Tỉ lệ 100%
Cộng	Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ 10 %	Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ 20 %		Số câu:1 Số điểm: 7 Tỉ lệ 70 %	Số câu:3 Số điểm:10 Tỉ lệ 100%

IV. Thiết lập đề kiểm tra

Câu 1 : Thế nào là nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích?

Câu 2: Viết đoạn văn nêu nhận xét, đánh giá về nhân vật anh thanh niên trong “lặng lẽ Sa Pa” – Nguyễn Thành Long ?

Câu 3: Cảm nhận về nhân vật bé Thu trong đoạn trích “Chiếc lược ngà” – Nguyễn Quang Sáng

VI. Yêu cầu - Biểu điểm

1. Yêu cầu

Câu 1(1đ) : Là trình bày những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện, chủ đề hay nghệ thuật của một tác phẩm cụ thể.

Câu 2(2đ) – Yêu nghề và có những suy nghĩ đẹp về nghề nghiệp, cuộc sống
- Có nhiều nét tính cách và phẩm chất đáng quý

Câu 3(7đ)

* **Kiến thức:**

- Mở bài: giới thiệu tác giả, tác phẩm và nhân vật bé Thu

- Thân bài:

+Nêu và đánh giá được những biểu hiện về cá tính mạnh mẽ và tình cảm yêu cha của bé Thu (không nhận cha – nhận – ngày chia tay)

+Nghệ thuật xây dựng nhân vật

- Kết bài: Nhận xét đánh giá về nhân vật

* **Kỹ năng:**

- Bố cục rõ ràng, gồm 3 phần.

- Có liên kết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát.

- Đúng thể loại văn về một tác phẩm truyện.

- Luận điểm, luận cứ, lập luận rõ ràng, chính xác.

* **Biểu điểm**

+ Điểm 7 : Bài viết rõ ràng, đúng thể loại, liên kết chặt chẽ, có sáng tạo, không sai chính tả, lỗi diễn đạt.

+ Điểm 6 : Bài làm đáp ứng đúng yêu cầu, có sáng tạo. Còn sai lỗi chính tả, diễn đạt.

+ Điểm 5 : Bài đủ bố cục, làm đúng nội dung song chưa sáng tạo. Còn sai chính tả, lỗi diễn đạt.

- + Điểm 3 - 4: Hiểu đề song nội dung quá sơ sài, chưa có sự liên kết, còn sai nhiều lỗi chính tả, diễn đạt lủng củng, bố cục chưa rõ ràng
- + Điểm 1 - 2: Bài viết chưa đúng loại văn nghị luận, chưa đáp ứng yêu cầu.
- + Điểm 0: Không làm bài.

*** Thu bài**

(Thu bài vào / / 2019)

=====

Ngày soạn:

Tuần 27 – bài 24

Ngày dạy:

Tiết 124 : VB - SANG THU

(**Hữu Thỉnh**)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. **Kiến thức:** Học sinh cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và những suy nghĩ mang tính triết lí của tác giả.
2. **Kĩ năng:** HS có kĩ năng đọc – hiểu một vb thơ trữ tình hiện đại
- HS thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận về hình ảnh thơ, khổ thơ.
3. **Thái độ:** Giáo dục cho học sinh tình yêu thiên nhiên, yêu đất nước.
4. **Định hướng năng lực - phẩm chất :**
- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, thẩm mĩ, phân tích.
- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:** - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu.
- Dự kiến tích + Văn - Văn: Những văn bản về mùa thu
2. **Trò:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật,
2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, động não, hỏi và trả lời.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** - Đọc thuộc lòng bài thơ " Viếng lăng Bác " của Viễn Phương. ?

- Cảm xúc của nhà thơ ở khổ cuối được thể hiện như thế nào.?

*** Tổ chức khởi động:** GV cho học sinh xem video về mùa thu , bài hát về mùa thu. -> Nêu cảm nhận.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc - Tìm hiểu chung * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác. ?Nêu những nét chính về tác giả Hữu Thỉnh. ? ? Hoàn cảnh, xuất xứ tác phẩm. ? ? Nêu giọng đọc của VB ? GV hướng dẫn đọc . Đọc mẫu Gọi HS đọc Yêu cầu HS giải thích chú thích 1,2 ?Bài thơ được viết thể thơ như thế nào. ? ? Phương thức biểu đạt.? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi : ? Văn bản chia ra làm mấy phần. Nêu giới hạn và nội dung từng phần.? Hoạt động 2: Phân tích * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật, * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, động não. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, thẩm mỹ, phân tích. ? Nhà thơ đã cảm nhận sự biến đổi của đất trời sang thu qua những lời thơ nào ? ? Những tín hiệu nào của mùa thu đã được tác giả cảm nhận ?	I. Đọc - Tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) 2. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ (SGK) * Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc - Chú thích (SGK) * Thể thơ: 5 chữ * PTBD : Miêu tả để biểu cảm * Bố cục: + Phần 1 (Khổ 1): Cảm nhận ngỡ ngàng , xao xuyến của thi nhân trước những tín hiệu đẹp báo thu về + Phần 2 (Khổ 2 + 3): Cảm nhận tinh tế về sự biến chuyển trong không gian , thiên nhiên từ cuối hạ sang đầu thu II. Phân tích 1. Cảm nhận về những tín hiệu đẹp báo thu về Bỗng ... <u>huong ổi</u> Phả ... <u>gió se</u> <u>Sương</u> chùng chình ... - Hương ổi thơm chín vàng thắm - Ngọn gió se lạnh - Sáng sớm và chiều tà đã có làm sương mỏng giăng nhẹ nhàng. -> Hình ảnh giản dị, quen thuộc của

? Nhận xét về hình ảnh thơ? ? Tìm động từ, nêu tác dụng? ? "Chùng chình" thuộc loại từ gì. Theo em hiểu "chùng chình" là như thế nào. ? Ngoài ra tg còn sử dụng nghệ thuật gì. ? ? Việc sử dụng từ láy, nhân hoá nhằm tác dụng gì. ? ? Cảm nhận của em về những tín hiệu báo thu về ? GV; giảng – bình - Trước những tín hiệu ấy cảm xúc của tác giả thể hiện qua lời thơ nào. ? ? " Hình như " là thành phần gì, thể hiện thái độ như thế nào của tác giả? ? Thiên nhiên lúc giao mùa được tác giả cảm nhận ntn? GV; giảng ? Sự chuyển mùa từ hạ sang thu được tác giả miêu tả qua những hình ảnh nào.? GV: yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi -> HS trình bày -> HS nhận xét (1) Nghệ thuật nào được sử dụng trong 2 câu thơ ? Tác dụng ?	mùa thu miền Bắc + Động từ phủ -> Sự lan toả bất ngờ từng đợt, sự xuất hiện hữu hình của hương ổi, sự vận động nhẹ nhàng của gió thu + Từ láy (chùng chình) -> sự nhón nhơ dùng dằng (không nhanh nhưng không hẳn chậm) cố ý chậm lại. + NT: Nhân hoá: Sương chùng chình ->Sương như nàng thiếu nữ yếu điệu ,ngập ngừng. => Những tín hiệu đẹp báo hiệu thu về mang vẻ đẹp êm ả , thanh bình của đất trời lúc sang thu <i>Hình như... về</i> - Hình như (TP biệt lập tình thái): Thái độ mơ hồ không chắc chắn, rõ ràng, nó chỉ là những dự cảm băng khuâng. => Tâm trạng ngỡ ngàng, băng khuâng của nhà thơ trước những tín hiệu đẹp báo thu về 2. Cảm nhận về sự biến chuyển trong không gian từ cuối hạ sang đầu thu Sông ... dềnh dàng Chim ... vội vã NT: + Từ láy -> Dòng sông mùa thu lững lờ trôi khác với dòng sông mùa hạ ào ào cuộn chảy. - Chim vội vã chuẩn bị cho mùa đông sắp tới. +Nhân hóa dòng sông -> dòng sông , cánh chim trở nên gần gũi, duyên dáng. + Đối lập -> Sự chuyển biến trái chiều nhau mang tính đặc trưng.

(2) Qua đó, Em có cảm nhận gì về 2 hình ảnh trên? Gv ; giảng ? Gianh giới mong manh của 2 mùa được thể hiện qua hình ảnh nào? ? ở hai câu thơ này ,tg sử dụng nt gì ? ? Sự chuyển biến của thiên nhiên từ cuối hạ sang đầu thu được gọi tả ntn qua hai câu thơ trên? ? Qua đó, em thấy bức tranh đầu thu ntn qua cảm nhận của tác giả? ? Nhà thơ còn cảm nhận những biểu hiện khác biệt nào của thời tiết khi chuyển từ hạ sang thu. ? ?NX về những hình ảnh mà tg lựa chọn ? ? Những hình ảnh này gọi tả điều gì ? ? Nêu biện pháp nghệ thuật trong câu thơ.? ? Từ đây em hiểu gì về sự biến đổi của cảnh vật? ?Sự biến đổi của cảnh vật còn được tg gọi tả qua lời thơ nào ? ? Em hiểu gì về cảnh vật thiên nhiên khi vào thu qua lời thơ trên ? -GV sử dụng kĩ thuật động não ?Từ ý nghĩa tả thực này tác giả muốn nói điều gì. và như thế nghệ thuật nào đã được tác giả sử dụng ? ? Hai câu thơ cuối gọi cho em suy nghĩ gì.? - HS nêu ý kiến	-> Hai nét vẽ thanh tú gọi tả cái hồn của bức tranh thiên nhiên lúc đầu thu Có đám mây mùa hạ Vắt nửa mình sang thu + Liên tưởng độc đáo (lấy không gian miêu tả thời gian) +Nhân hóa ,động từ -> Hai mùa được nối với nhau bằng đám mây lững lờ, Mây như cây cầu nối hai bờ thời gian...Mây tình nghịch (qua hình ảnh nhân hóa) -> Bức tranh không gian đầu thu đẹp,có sự chuyển động nhẹ nhàng mà rõ rệt, mang nét đặc trưng. * K3 Vẫn còn bao nhiêu nắng Đã vơi dần cơn mưa +Hình ảnh thân thuộc, miêu tả đặc sắc về sự giao mùa từ hạ sang thu ->Những ngày giao mùa đã ít đi những cơn mưa rào ào ạt ,bất ngờ . -Nắng cuối hạ vẫn trải dài nhưng nhạt dần. + Dùng các phụ từ (vẫn còn, đã vơi) + Đối lập (những hiện tượng thiên nhiên trái ngược nhau) -> Những hiện tượng đặc trưng của mùa hạ nay đã giảm nhẹ, dịu dần trở nên êm dịu khi bước vào thu . Sấm cũng bớt bất ngờ Trên hàng cây đứng tuổi - Sự chuyển biến của TN : Sấm không rền vang bất ngờ trên những hàng cây + ẩn dụ: Sấm -> Những tác động bất thường của cuộc đời Hàng cây đứng tuổi -> Những người từng trải -> Khi con người ta đã từng trải thì càng trở nên vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh (rộng hơn là đất nước ...)

?Bài thơ gọi tả điều gì ? ?Em hiểu gì về tác giả qua bài thơ ? Hoạt động 3: Tổng kết - GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời -HS hỏi và trả lời về nghệ thuật, nội dung Yêu cầu HS đọc ghi nhớ	=>Thiên nhiên, đất trời khi vào thu mang vẻ đẹp trong trẻo ,thanh bình. - Nhà thơ có sự cảm nhận tinh tế -> trái tim yêu thiên nhiên và cuộc sống. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Cảm nhận tinh tế, hình ảnh giàu sức biểu cảm 2. Nội dung - Sự chuyển biến nhẹ nhàng của thiên nhiên từ cuối hạ sang đầu thu * Ghi nhớ (SGK / 71)

3.Hoạt động luyện tập

- Gv cho HS nghe video về bài thơ
- Những cảm nhận của tác giả khi đất trời sang thu.?
- Cảm nhận của em về mùa thu

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về hai câu thơ mà em yêu thích nhất trong bài

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết phân tích về tác phẩm và viết về mùa thu
- Học thuộc lòng bài thơ
- Hoàn chỉnh phần bài tập
- Soạn bài " Nói với con "-> Đọc ,tìm hiểu chung về bài thơ, trả lời các câu hỏi

=====

Ngày soạn:
Tuần 27 - bài 24

Ngày dạy:

Tiết 125 - 126 : VB - NÓI VỚI CON

(Y Phương)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Qua bài học, HS cần:

1. Kiến thức:

- Cảm nhận được tình cảm thấm thiết của cha mẹ đối với con cái, tình yêu quê hương sâu nặng cùng niềm tự hào với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của dân tộc mình qua lời thơ của Y Phương.

- Bước đầu hiểu được cách diễn tả độc đáo, giàu hình ảnh cụ thể, gợi cảm của thơ ca miền núi.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng đọc – hiểu một văn bản thơ trữ tình

-Phân tích cách diễn tả độc đáo, giàu hình ảnh, gợi cảm của thơ ca miền núi.

3. Thái độ: Bồi dưỡng tình cảm gia đình, quê hương.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, phân tích...

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập, yêu gia đình, yêu quê hương đất nước, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy:

- Soạn giáo án , tài liệu tham khảo

- Dự kiến tích hợp: + Văn- Văn: Chiếc lược ngà...

2. Trò: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hệ thống câu hỏi đọc hiểu văn bản.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật,

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, động não, trình bày một phút.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** Phân tích khổ cuối bài ‘ Sang thu’

*** Tổ chức khởi động :** GV cho học sinh xem video về tình cảm gia đình.

- Nêu cảm nhận ?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc - Tìm hiểu chung * Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật, * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác. ? GV yêu cầu HS trình bày những nét chính về tác giả và hoàn cảnh ra đời bài thơ - GV gọi HS nhận xét và bổ sung phần trình bày của bạn - GV mở rộng: GV nhấn mạnh hoàn cảnh ra đời bài thơ. ? Bài thơ cần được đọc với giọng điệu	I- Đọc - Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Y Phương(1948), tên thật Hứa Vĩnh Sước, quê Cao Bằng. - Là nhà thơ dân tộc Tày - Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người miền núi. 2. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời: Sáng tác năm 1980 * Đọc và tìm hiểu chú thích

ntn ? - Giáo viên hướng dẫn đọc, đọc mẫu Gọi học sinh đọc -> học sinh nhận xét ? GV yêu cầu học sinh giải thích chú thích : Lờ, thung ? Bài thơ thuộc thể thơ gì.? ? Em hãy xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản. Ngoài ra còn sử dụng phương thức biểu đạt nào.? ? Bài thơ là lời của ai nói với ai. ? -GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Căn cứ vào lời nói đó em chia văn bản làm mấy phần.? ? Em hãy khái quát lại những điều cha nói với con ở mỗi phần đó.? ? Em có nhận xét gì về bố cục của bài thơ ? Hoạt động 2: Phân tích *Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật, * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, trình bày một phút, động não. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, phân tích... ? Em hãy tìm những câu thơ nói về tình cảm gia đình.? - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm	- Đọc - Chú thích (sgk) * <i>Thể thơ</i>: tự do (câu, vắn, nhịp theo dòng cảm xúc, ít vắn, gần với lời nói hàng ngày. * <i>Phương thức biểu đạt</i>: Tự sự kết hợp miêu tả để biểu cảm * Lời của người cha với con * <i>Bố cục</i>: 2 phần + Phần 1: Từ đầu → đẹp nhất trên đời. -> Nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người + Phần 2: Còn lại -> Nói với con về sức sống, truyền thống quê hương và mong ước của cha là con hãy kế tục xứng đáng truyền thống ấy => <i>Bố cục chặt chẽ, tự nhiên, có tầm khái quát mà thấm thía.</i> - <i>Từ tc gia đình mở rộng ra thành tc quê hương</i> - <i>Từ kỉ niệm gần gũi thiết tha nâng lên thành lễ sống</i> II- Phân tích 1. Cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người. * Tình cảm gia đình <u>Chân phải bước tới cha</u> <u>Chân trái bước tới mẹ</u> <u>Một bước chạm tiếng nói</u>

? Đoạn thơ đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? ? Em tưởng tượng ra một khung cảnh gia đình như thế nào? ? Từ những lời thơ đó, người cha muốn nói với con điều gì? - HS thảo luận và trình bày - GV bình ? Tình cảm với quê hương được người cha gợi mở qua câu thơ nào? ? Theo em <i>người đồng mình</i>” nghĩa là thế nào? ? Em có nhận xét gì về cách nói của tác giả? ? Em hiểu gì về tình cảm của cha với người đồng mình? ? Tiếp theo người cha gọi cho con về cuộc sống của quê hương. Em hãy tìm những câu thơ đó? ? Theo em câu hát có ken được vách nhà không. Câu thơ đã dùng thủ pháp nghệ thuật gì? ? Ngoài ra "đan, cài, ken" thuộc từ loại nào? ? Em cảm nhận như thế nào về cuộc sống lao động "<i>người đồng mình</i>".? GV bình ? Thiên nhiên quê mình được cha nói đến bằng những câu thơ nào? GV: yêu cầu HS trao đổi theo cặp đôi -> HS trình bày -> HS nhận xét (1) Theo em <i>hoa</i>” biểu trưng điều gì? (2) "<i>Tám lòng</i>" ở đây được hiểu như thế nào? (3) Phát hiện nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ?	<u>Hai bước tới tiếng cười.</u> - Hình ảnh thơ giản dị, cụ thể - Nghệ thuật: ẩn dụ, điệp từ, điệp cấu trúc. -> Đưa trẻ đang tập đi, lúc chạy tới ôm cổ cha lúc sà vào lòng mẹ. Khung cảnh gia đình đầm ấm: con được cha mẹ nâng niu, chăm chút. -> Gia đình là cội nguồn sinh dưỡng đầu tiên của mỗi người; là nơi êm, tổ ấm để con sống, lớn khôn và trưởng thành. * Tình cảm quê hương <i>Người đồng mình yêu lắm con ơi</i> - <i>Người đồng mình</i>: Quê mình, miền mình, vùng mình... + Cách nói mộc mạc, mang tính địa phương. → Thể hiện tình yêu với người đồng mình, với mảnh đất quê mình. <i>Đan lò cài nan hoa</i> <i>Vách nhà ken câu hát</i> + ẩn dụ chuyển đổi cảm giác + ĐT gọi tả: đan, cài, ken => Cuộc sống lao động cần cù, tài hoa và tươi vui của "người đồng mình" <i>Rừng cho hoa</i> <i>Con đường cho những tấm lòng</i> - <i>Hoa</i>: là vẻ đẹp của thiên nhiên - <i>Tấm lòng</i>: Tình người

(4) Các biện pháp nghệ thuật này có tác dụng nhấn mạnh điều gì.?

GV bình giảng

? Lời nhắn nhủ của cha với con còn được thể hiện qua lời thơ nào khác ?

? Vậy khi nhắc về “ngày cưới” với con cha muốn con hiểu điều gì. ?

? Qua đây em thấy con được lớn lên trong tình cảm của quê hương như thế nào ?

? Như vậy từ đoạn thơ 1 em hiểu cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người là gì.

- GV : **sử dụng kĩ thuật trình bày một phút** và yêu cầu HS nêu cảm nhận về khổ 1

(Tiết 2)

? Hình ảnh quê hương được gọi ra bằng câu thơ nào?

? Câu mở đầu đoạn này có gì giống và khác với câu thơ ở đoạn 1 ?

? Câu thơ thể hiện điều gì ?

? Vậy tác giả đã lí giải tình cảm “*thương*” đó qua lời thơ nào ?

- Nhận xét cách diễn đạt của 2 câu thơ.
(Người miền xuôi có dùng cách nói đó không) ?

? Câu thơ đã bộc lộ phẩm chất, đức tính gì của người đồng mình ?

-Từ lời thơ này, cha mong muốn ở con điều gì?

? Phẩm chất của NDM được gọi tả qua lời thơ nào ?

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp

+ Nghệ thuật: Điệp từ, nhân hoá, ẩn dụ

→ Sự tự nguyện, ban tặng của thiên nhiên cho vùng đất này.

-> Thiên nhiên đã chở che nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn và lối sống.

Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới

Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.

-> Con người yêu thương nhau, nghĩa tình, trân trọng không quên kỷ niệm đẹp.

=> Con lớn lên trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình sâu nặng của quê hương.

* Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người là gia đình yêu thương, là quê hương gắn bó.

2. Nói với con về sức sống, truyền thống quê hương và mong ước của người cha.

Người đồng mình thương lắm con ơi.

-> Lặp lại những sắc thái tình cảm đã khác.

-> Tình thương của cha với **người đồng mình**

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn

+ Cách nói đặc trưng của người miền núi cụ thể, mộc mạc

+ Dùng những động từ , tính từ gọi tả
-> Người đồng mình tuy vất vả nhưng không ngừng hun đúc chí khí, chưa bao giờ lùi bước trước gian nan , thử thách

-> Mong con rèn luyện nghị lực sống

đôi ? ở những lời thơ này, tác giả đã sử dụng bpnt gì? ? Qua đó , em hiểu gì về cuộc sống của người đồng mình? ? Từ cuộc sống của người đồng mình , cha mong con điều gì ? - HS trình bày ? Phẩm chất của người đồng mình còn được tiếp tục gọi tả qua những câu thơ nào ? ? Em hãy chỉ ra những BPNT được tác giả sử dụng ở những câu thơ trên ? ? Phẩm chất của người đồng mình được thể hiện ntn qua các câu thơ trên? ? Nghệ thuật nổi bật trong sáu câu thơ trên? ? Từ “ sống” được đặt ở đầu ba câu thơ liên tiếp có tác dụng gì? GV bình + giảng ? Hình ảnh NDM còn được gọi tả qua những câu thơ nào.? - GV sử dụng kĩ thuật động não ? Em hiểu như thế nào về nghĩa cụm từ “<i>thô sơ da thịt</i>” ? ? “<i>Chẳng mấy ai nhỏ bé</i>” tác giả muốn nói điều gì. ? - HS nêu ý kiến ? Theo em đoạn thơ đã sử dụng những nghệ thuật nào ? ? Em hình dung như thế nào về con người nơi đây ? - GV:giảng ? Tìm lời thơ tiếp tục gọi tả vẻ đẹp của	<i>Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn Sống trên đá không chê đá gập ghềnh. Sống trong thung không chê thung nghèo đói.</i> + Điệp từ “ không chê”, ‘ sống”, từ phủ định để khẳng định + Đá , thung : hình ảnh ẩn dụ chỉ cuộc sống nơi đây -> Người đồng mình tuy cuộc sống vất vả nhưng gắn bó, thủy chung với quê hương -> Cha mong con sống tình nghĩa , không được coi kinh dân tộc mình nghèo nàn , lạc hậu <i>Sống như sông như suối Lên thác xuống ghềnh Không lo cực nhọc.</i> + So sánh + Thành ngữ. Từ phủ định "không chê" -> Người đồng mình sống lam lũ mà khoáng đạt, mạnh mẽ, bền bỉ gắn bó với quê hương. + Điệp từ “ sống” được điệp tới ba lần =>Khẳng định về lối sống của người đồng mình : ý chí , mạnh mẽ , thủy chung <i>Người đồng mình thô sơ da thịt Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con</i> - <i>Thô sơ da thịt</i>: mộc mạc, chân chất.. - <i>Chẳng mấy ai nhỏ bé</i>: tâm hồn cao đẹp, bản lĩnh... + Nghệ thuật: Đối lập

NĐM ? ? Nghệ thuật được tác giả sử dụng? ? Những lời thơ trên gợi tả ntn về NĐM? ? Mong ước của cha đối với con được gợi tả cụ thể qua lời thơ nào? ? Theo em “<i>lên đường</i>” được hiểu như thế nào ? và như thế BPNT nào đã được tác giả sử dụng ? ? Giọng điệu của những câu thơ ra sao ? Cha mong ở con điều gì ? GV sử dụng kĩ thuật động não ? Qua bài thơ em thấy tình cảm của người cha đối với con như thế nào ? Hoạt động 3: Tổng kết -GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời - HS hỏi và trả lời các câu hỏi về ND và NT	-> Mộc mạc, chân chất những tâm hồn cao thượng <i>Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương</i> <i>Còn quê hương thì làm phong tục</i> + NT : cách nói giàu hình ảnh mang đậm tư duy của người miền Núi . Động từ -> Người đồng mình cần cù lao động để xây dựng quê hương và quê hương là nơi nuôi dưỡng người đồng mình về tâm hồn và lối sống <i>Con ơi tuy thô sơ da thịt</i> <i>Lên đường</i> <i>Không bao giờ nhỏ bé được</i> <i>Nghe con</i> - <i>Lên đường</i>: vào đời, vào cuộc sống (trưởng thành)-> Hình ảnh ẩn dụ + Giọng điệu: vừa thiết tha, trù mến, vừa nghiêm nghị, rắn rỏi. => Cha mong con luôn tự hào và biết giữ gìn , phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương. <=> Tình cảm cha con thâm thiết, sâu nặng. Cha đã bồi dưỡng, rèn luyện cho con tình cảm, nghị lực trước cuộc sống. III- Tổng kết 1. Nghệ thuật - Hình ảnh thơ cụ thể, mộc mạc. - Giọng điệu thơ lúc thiết tha, lúc nghiêm nghị... - Các điệp từ, so sánh, câu cảm, ẩn dụ 2. Nội dung => <i>Ghi nhớ SGK/7</i>

3. Hoạt động luyện tập

- Đọc diễn cảm bài thơ ?

- Em hiểu gì về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người ?
- Cha đã nói với con những phẩm chất nào của “ người đồng mình” ?
- Em hiểu gì về mong ước của Cha với con ?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về vai trò của gia đình

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về tác phẩm.
- Học thuộc lòng bài thơ
- Học bài theo các nội dung chính
- Hoàn thành phần luyện tập
- Chuẩn bị bài: Nghĩa tường minh và hàm ý -> Đọc vd và trả lời các câu hỏi

=====

Ngày soạn:

Tuần 27 – bài 24

Ngày dạy:

Tiết 127 - TV : NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- 1. Kiến thức:** - HS hiểu được thế nào là nghĩa tường minh và hàm ý
- HS hiểu được tác dụng của việc tạo hàm ý trong giao tiếp hằng ngày
- 2. Kỹ năng:** - HS nhận biết được nghĩa tường minh và hàm ý trong câu
- HS giải đoán được hàm ý trong văn cảnh cụ thể và sử dụng hàm ý sao cho phù hợp với tình huống giao tiếp.
- 3. Thái độ:** Bồi dưỡng lòng yêu mến Tiếng Việt.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
- HS có phẩm chất : Tự tin,tự lập.

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy:** - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu
- Dự kiến tích hợp:
+ TV - Văn: Lặng lẽ Sa Pa, Làng
+ TV- C/S: Cách nói hàng ngày

- 2. Trò** Học bài cũ,đọc trước bài

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- 1.Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm,phân tích, pp luyện thực hành.
2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm.

IV.TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

1 .Hoạt động khởi động

***Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** Thế nào là liên kết câu và đoạn văn ?

***Tổ chức khởi động :**GV tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý *Phương pháp: Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích. *Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, động não. * Hs có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. * Đoạn văn trích (SGK trang 74,75) ? Qua câu nói đầu của anh thanh niên em hiểu anh muốn nói điều gì? ? Dựa vào đâu để biết điều đó? ? Vì sao anh không nói thẳng điều đó với họa sĩ và cô gái? ? Vặt câu nói trên hiểu được là do đâu? ? Cách nói của anh thanh niên ở trên được gọi là câu nói chứa hàm ý. Vậy em hiểu thế nào là hàm ý? - Gv yêu cầu Hs thảo luận theo cặp đôi ? Câu nói thứ hai của anh thanh niên “Ô! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này!” có ẩn ý gì không? ? Dựa vào đâu mà em biết được nội dung thông báo này?	I. Phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý 1. Ví dụ a) Trời ơi, chỉ còn có năm phút. => Anh thanh niên muốn nói thêm rằng anh rất tiếc vì thời gian còn lại quá ít - Dựa vào giọng điệu, cách nói và hoàn cảnh giao tiếp => Anh không muốn nói thẳng điều đó vì: - Có thể do anh ngại ngùng - Muốn che giấu tình cảm của mình * Câu nói trên hiểu được là nhờ suy ra từ những con chữ và giọng điệu của người nói => Không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy. b) Ôi! Cô còn quên chiếc khăn mùi soa này - Câu nói không có ẩn ý, câu nói này thông báo với cô gái việc cô để quên chiếc khăn mùi soa ở trên bàn. - nội dung thông báo này được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu. 2. Ghi nhí (SGK/75)

? Đó là câu nói có nghĩa tường minh. Vậy thế nào là nghĩa tường minh? - GV yêu cầu 1 HS đọc ghi nhớ - GV sử dụng kĩ thuật động não - Điểm giống nhau và khác nhau giữa nghĩa tường minh và hàm ý là gì?	So sánh + Giống nhau: - Cung cấp thông tin cho người tiếp nhận. + Khác nhau: - Nghĩa tường minh được biểu hiện trực tiếp bằng từ ngữ - Nghĩa hàm ý không được diễn đạt trực tiếp mà suy ra từ từ ngữ, giọng điệu, hoàn cảnh giao tiếp.

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, pp luyện tập thực hành. *Kĩ thuật : Thảo luận nhóm *HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. HS đọc yêu cầu bài tập Gv : chia lớp thành 4 nhóm yêu cầu HS thảo luận -> gọi HS trình bày-> HS nhận xét (1) Tìm các câu có chứa hàm ý. Chỉ ra các hàm ý ấy? ? Tìm hàm ý trong đoạn văn ? ?Tìm câu chứa hàm ý. Cho biết nội dung hàm ý ?	II. Luyện tập Bài tập 1 (SGK/75) a) Câu “Nhà họa sĩ tặc lưỡi đứng dậy”, với cụm từ “tặc lưỡi”: cho thấy họa sĩ cũng chưa muốn chia tay anh thanh niên. b) Trong câu cuối đoạn văn, những từ ngữ miêu tả thái độ của cô gái liên quan tới chiếc mùi soa mà cô cố tình bỏ quên Bài tập 2 (SGK/75) - Hàm ý của câu : “Tuổi già cần nước chè: ở Lào Cai đi sớm quá. Bác lái xe muốn nói : “Ông họa sĩ già chưa kịp uống nước chè nên bây giờ rất muốn uống” Bài tập 3 (SGK/ 75+76) - Câu chứa hàm ý: Cơm chín rồi -> Nội dung hàm ý: Về ăn cơm đi Bài tập 4 (SGK/76)

? Các câu sau có phải là hàm ý không.?	Câu 1: Là câu nói lảng tránh Câu 2: Câu nói bỏ lửng. => Đây là những câu không phải là hàm ý

4, Hoạt động vận dụng

- Tạo lập đoạn hội thoại có sử dụng hàm ý.

5, Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Sưu tầm thêm các bài tập
- Học thuộc bài để nắm chắc bài.
- Thuộc ghi nhớ
- Làm các bài tập còn lại trong sách giáo khoa.
- Chuẩn bị : Nghị luận ...thơ (đọc vd ,trả lời các câu hỏi / sgk)

=====

Ngày soạn:

Tuần 28 - Bài 24

Ngày dạy:

Tiết 128 - TLV : NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- 1.Kiến thức:** HS nắm vững các đặc điểm, yêu cầu đối với bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ
- 2. Kỹ năng:** - Hs nhận diện được một bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ
- HS tạo lập văn bản nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.
- 3. Thái độ:** Bồi dưỡng ý thức học tập.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
 - HS có phẩm chất : Tự tin,tự lập.

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy :** - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu .
- Dự kiến tích hợp:
+ TLV - Văn: Một số văn bản đã học

- 2. Trò:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

III. PHƯƠNG pháp PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện thực hành.

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** Thế nào là nghĩa tường minh và hàm ý, cho VD?

*** Tổ chức khởi động :** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai nhanh hơn.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Tìm hiểu bài luận về một bài thơ, một đoạn thơ. * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. - GV Yêu cầu HS đọc ? Vấn đề nghị luận là gì. ? - GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp đôi -> HS trình bày -> HS bổ sung (1) Văn bản đã nêu lên những luận điểm gì về hình ảnh mùa xuân trong bài thơ.? ? Để làm sáng tỏ luận điểm đó người	I. Tìm hiểu bài nghị luận về một bài thơ, một đoạn thơ. 1. Đọc văn bản (SGK/77) “Khát vọng hòa nhập, dâng hiến cho đời” 2. Nhận xét - Vấn đề nghị luận: Hình ảnh mùa xuân và tình cảm thiết tha của Thanh Hải trong bài thơ " Mùa xuân nho nhỏ " + Luận điểm - Hình ảnh mùa xuân trong bài thơ của Thanh Hải mang nhiều tầng ý nghĩa. Trong đó, hình ảnh nào cũng thật gợi cảm, thật đáng yêu - Hình ảnh mùa xuân rạo rực của thiên nhiên, đất nước trong cảm xúc thiết tha, trìu mến của nhà thơ . - Hình ảnh mùa xuân nho nhỏ thể hiện khát vọng hoà nhập, dâng hiến được nối kết tự nhiên với hình ảnh mùa xuân thiên nhiên, đất nước - Người viết chọn -> giảng -> bình ->

viết đã làm gì.? ? Người viết đã sử dụng những phép lập luận nào để làm sáng tỏ các luận điểm đó . Lập luận này xuất phát từ đâu. ? ? Em có nhận xét gì về đánh giá của tác giả ? ? Hãy chỉ ra các phần mở bài, thân bài, kết bài của văn bản trên. ? ? Chỉ ra sự liên kết giữa các phần? ? Từ đó có nhận xét gì về bố cục văn bản.? ? Em thấy lời văn trong văn bản như thế nào ? ? Qua phân tích VD em hiểu thế nào là nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ? ?Từ đây em thấy ND, NT của bài thơ được thể hiện ở những yếu tố nào. Yêu cầu người phải làm gì. ? ? Vậy bố cục và lời văn nghị luận về 1 bài thơ có yêu cầu gì. ? GV yêu cầu HS đọc ghi nhớ	phân tích các câu thơ đặc sắc, giọng điệu trữ tình và kết cấu bài thơ. + Lập luận: Phân tích + Chứng minh Xuất phát từ bài Mùa xuân nho nhỏ và những nhận xét đánh giá của người viết. -> Đánh giá xác đáng, cụ thể. + Bố cục: - Mở bài : Từ đầu -> “đáng trân trọng” - Thân bài: Tiếp ... “của mùa xuân” - Kết bài : Đoạn văn cuối -> Giữa các phần liên kết tự nhiên đi từ giới thiệu chung để rồi đi vào từng khía cạnh của vấn đề sau đó đưa ra nhận xét đánh giá về nội dung nghệ thuật của bài thơ (Liên kết chủ đề, liên kết logic) -> Bố cục chặt chẽ, mạch lạc. - Lời văn giàu cảm xúc, bộc lộ rung động chân thành của người viết. => ý 1 ghi nhớ => ý 2 ghi nhớ => ý 3 ghi nhớ 3. Ghi nhớ (SGK/ 78)

3.Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, pp	

luyện tập thực hành, hoạt động nhóm. *Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm. - HS đọc yêu cầu SGK ? Hãy tìm thêm luận điểm có thể thêm vào trong bài viết ? -GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn ? Tìm luận điểm cho khổ đầu của bài thơ? - HS trình bày-> NX	II. Luyện tập - LD: Bài thơ là một bản nhạc xao xuyến về mùa xuân; Bức tranh mùa xuân -LD: Bức tranh mùa xuân đầy sức sống, màu sắc và rộn rã âm thanh trong cảm xúc say sưa, ngây ngất của tác giả.

4. Hoạt động vận dụng

- Xây dựng hệ thống luận điểm cho bài thơ **Sang thu**

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài phân tích về bài thơ hoặc đoạn thơ.
- Học thuộc lòng phần ghi nhớ
- Hoàn thành bài tập
- Đọc và soạn bài: Cách làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.
 - + Đọc đề bài
 - + Trả lời các câu hỏi

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 28 - bài 24

Tiết 129: TLV - CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- 1. Kiến thức:** - HS biết được đặc điểm, yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.
 - HS hiểu được các bước khi làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.
- 2. Kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng thực hiện các bước khi làm bài NL về một đoạn thơ, bài thơ, cách tổ chức triển khai các luận điểm.
- 3. Thái độ:** Bồi dưỡng ý thức học tập, tình yêu quê hương đất nước.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập.

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:** - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu

2. **Trò :** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện thực hành.

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, động não.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** - Thế nào là nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. Bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ phải đảm bảo những yêu cầu gì.?

*** Tổ chức khởi động :** GV tổ chức trò chơi Hoa điểm mười.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đề bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích. *Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, động não. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. - Gọi HS đọc các đề SGK ? Các đề bài trên được cấu tạo như thế nào.? -GV sử dụng kỹ thuật động não. ? Các từ như trong đề bài phân tích, cảm nhận và suy nghĩ biểu thị những yêu cầu gì đối với bài làm.? -HS nêu ý kiến	1. Đề bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. 1. Đọc các đề trong SGK 2. Nhận xét - Cấu tạo đề: + Đề có kèm theo lệnh(Đề 4,7) + Đề không kèm theo lệnh. - Phân tích: đi vào từng khía cạnh cụ thể của vấn đề để làm rõ bản chất một cách khách quan - Cảm nhận: đi vào vấn đề dưới cái nhìn riêng, tình cảm, cảm xúc riêng của người viết - Suy nghĩ : đi vào vấn đề với cách đánh giá, nhận định, ý kiến bàn luận

? Với các đề không có lệnh, ta phải làm công việc gì? ? Qua việc phân tích các đề bài ở trên, em rút ra nhận xét gì về đề bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ Hoạt động 2 : Cách làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. *Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm,phân tích. *Kĩ thuật : Thảo luận nhóm. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. -Yêu cầu HS đọc đề bài SGK ? Xác định yêu cầu của đề (vấn đề nghị luận , phương pháp nghị luận, các tư liệu cần sử dụng để làm bài) - GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp đôi -> HS trình bày -> HS bổ sung (1) Dựa vào các câu hỏi gợi ý trong SGK, hãy tìm ý cho đề văn.? ? Hãy nêu khái quát nội dung chính của các phần.?	đa chiều của người viết ->Với đề bài không có lệnh, người viết bày tỏ ý kiến của mình về vấn đề được nêu ra trong bài. => Có 2 dạng đề khác nhau: Đề có mệnh lệnh và đề không có mệnh lệnh II. Cách làm bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. 1. Các bước làm bài nghị luận về một bài thơ đoạn thơ Đề bài : phân tích tình yêu quê hương trong bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh. a. Tìm hiểu đề và tìm ý. * Tìm hiểu đề: - Thể loại: nghị luận về một bài thơ. - Vấn đề nghị luận: Những biểu hiện của tình yêu quê hương. - Tư liệu cần sử dụng : bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh, các bài thơ, tài liệu tham khảo về quê hương, đất nước. - Yêu cầu: phân tích. * Tìm ý: - Nội dung: + Khi xa quê, tác giả luôn nhớ về quê hương. + Nỗi nhớ quê hương thể hiện qua các từ ngữ gợi tả tâm trạng, hình ảnh, màu sắc, mùi vị... - Nghệ thuật: cách miêu tả chọn lọc hình ảnh, ngôn ngữ, cấu trúc, nhịp điệu thơ . b. Lập dàn bài. + Mở bài: Giới thiệu đoạn thơ, bài thơ và bước đầu nêu nhận xét, đánh giá của mình.

? Bố cục chung của bài nghị luận. Nhiệm vụ của từng phần.? ? Sau khi đã lập dàn bài, để có 1 bài văn hoàn chỉnh ta cần tiến hành những bước nào, nội dung cụ thể của từng bước.? - Gọi HS đọc văn bản -GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm ? Tìm bố cục của văn bản trên, nhận xét về bố cục đó ? ? Phần thân bài tác giả đã đưa ra luận điểm nào.? ? Các luận điểm ấy được khẳng định bằng phép lập luận nào.? -HS thảo luận -> Trình bày -> NX ? Sự liên kết giữa 3 phần Mở -Thân - Kết.? ? Em có nhận xét gì về tính thuyết phục trong văn bản? ? Qua bài văn trên, em hãy rút ra kết	+ Thân bài: Lần lượt trình bày những suy nghĩ, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ , bài thơ. + Kết bài: Khái quát giá trị ý nghĩa của đoạn thơ, bài thơ. => ý1 ghi nhớ c.Viết bài. d. Đọc lại bài viết và sửa lỗi. 2. Cách tổ chức và triển khai luận điểm: a. Văn bản: “Quê hương trong tình thương, nỗi nhớ”. b. Nhận xét Bố cục: 3 phần. + Mở bài: Từ đầu đến “ khởi đầu rực rỡ”. + Thân bài: Từ “Nhà thơ” đến “thành thực của Tế Hanh”. Luận điểm: - Yêu quê hương bằng cả tình yêu tha thiết và trong sáng... - Cảm nhận cuộc sống lao động bằng cả tâm hồn tha thiết... - Tình yêu quê hương ngấm vào tâm hồn... - Nỗi nhớ quê hương luôn canh cánh ám ảnh trong lòng... -> Lập luận phân tích. + Kết bài: Còn lại. - Phép phân tích- tổng hợp, chứng minh ... - Tất cả cùng hướng vào chủ đề chủ của văn bản: Tình yêu quê hương - Bài có tính thuyết phục cao bởi có bố cục chặt chẽ, lập luận hợp lí, dẫn chứng rõ ràng tiêu biểu => ý 2 ghi nhớ

luận về các yêu cầu cơ bản để làm tốt bài văn nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ? GV yêu cầu HS đọc ghi nhớ	3. Ghi nhớ (SGK)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*PP: Hoạt động nhóm, pp luyện tập thực hành. *KT: Thảo luận nhóm. - Yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm : lập dàn ý chi tiết cho đề bài trên?	III. Luyện tập Đề bài: Cảm nhận khổ đầu bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh ? - Mở bài : Giới thiệu bài thơ nói chung, khổ thơ nói riêng. - Thân bài : + Phân tích cảm nhận về mùa thu sang thông qua các biện pháp nghệ thuật : Nhân hoá: “ phả vào”, “chùng chình”. miêu tả: “gió se”, việc sử dụng các từ : bỗng, hình như . + Nhận xét, đánh giá thành công của tác giả. - Kết bài : Nêu giá trị của khổ thơ.

4. Hoạt động vận dụng

-Dựa vào dàn ý phần bài tập luyện tập, em hãy viết bài văn phân tích khổ đầu bài **Sang thu**.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài phân tích về các bài thơ đã học .
- Học bài, thuộc ghi nhớ
- Hoàn thành dàn ý chi tiết của đề văn trong phần luyện tập.
- Chuẩn bị: Mây và Sóng bằng cách đọc kỹ văn bản và trả lời câu hỏi đọc hiểu sách giáo khoa

=====

Ngày soạn:
Tuần 28 – bài 25

Ngày dạy:

Tiết 130 : VB - MÂY VÀ SÓNG

(R.Ta - go)

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức: - Học sinh cảm nhận được tình mẫu tử thiêng liêng qua lời thủ thỉ chân tình của em bé với mẹ về những cuộc đối thoại tưởng tượng giữa em với những người sống trên “ mây và sóng”.

- Hiểu được những sáng tạo độc đáo về hình ảnh thơ qua trí tưởng tượng bay bổng của tác giả.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng đọc – hiểu và phân tích để thấy được ý nghĩa sâu sắc của bài thơ.

3. Thái độ: Bồi dưỡng tình cảm gia đình, tình yêu thương cha mẹ.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, phân tích.

- HS có phẩm chất : Tự tin,tự lập,yêu gia đình và quê hương, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1.Thầy:

- Soạn giáo án, tham khảo tài liệu. Chân dung nhà thơ Ta- go.

- Dự kiến tích hợp(Liên hệ)

+Văn - Văn: Một số văn bản về tình mẫu tử (Con cò, Khúc hát ru...)

2. Trò: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm,phân tích, dùng lời có nghệ thuật,gải quyết vấn đề.

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, động não, hỏi và trả lời.

IV.TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1 .Hoạt động khởi động

***Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** - Thế nào là nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ. Bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ phải đảm bảo những yêu cầu gì.?

***Tổ chức khởi động:** GV cung cấp video bài hát “ Nhật kí của mẹ”

? Nêu cảm nhận của em về tình mẹ ?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động 1: Đọc - Tìm hiểu chung

***PP:** Gợi mở- vấn đáp, hoạt động

I. Đọc - Tìm hiểu chung

nhóm

*KT: Thảo luận nhóm

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, phân tích.

? Cho biết đôi nét về tác giả.?

? Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ bài thơ.?

? Bài thơ cần được đọc với giọng điệu ntn?

- GV hướng dẫn đọc, đọc mẫu

Gọi HS đọc, nhận xét

? Bài thơ được viết theo thể thơ gì.?

? Xác định phương thức biểu đạt của văn bản.?

? Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai.?

? Đối tượng biểu cảm của em bé là ai.?

? Bài thơ chia làm mấy đoạn. Nêu ý mỗi đoạn.?

GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp đôi->

Gọi HS trình bày-> HS bổ sung

(1) điểm của 2 phần trong văn bản này (Những điểm giống và khác nhau).

1. Tác giả

(SGK)

2. Tác phẩm

* Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ (SGK)

* Đọc

* Thể thơ: thể thơ văn xuôi

* Phương thức: Biểu cảm + tự sự

* Nhân vật trữ tình : em bé

* Đối tượng biểu cảm (đối thoại) : Mẹ

* Bố cục: Lời của em bé nói với mẹ gồm hai phần

-> Trong cuộc trò chuyện của em với mẹ và sóng lòng vào đó là tiếng nói thủ thỉ của em với mẹ yêu thương.

+ Đ1 : đến “bầu trời xang thẳm” -> Cuộc trò chuyện của em bé với mẹ và mẹ.

+ Đ2 (còn lại): Cuộc trò chuyện của em bé với sóng và mẹ.

Giống :

- Câu thơ được cấu tạo như lời văn xuôi

- Bao gồm một cuộc đối thoại và một lời độc thoại.

- Trình tự tường thuật : Lời rủ rê -> Lời từ chối và lí do từ chối -> Trò chơi của em bé.

Khác:

- Không gian và đối tượng của các cuộc thoại.

- Sức hấp dẫn của các trò chơi khác

? Bức như vậy có tác dụng gì cho văn bản.? Hoạt động 2: Phân tích *PP: Gọi mở- vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật *KT: Thảo luận nhóm, động não. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, cảm thụ, phân tích. ? Trong cuộc trò chuyện với em bé, những người trên mây và dưới sông đã nói với em những gì.? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? NX về những hình ảnh thơ trên? ? Đó là những trò chơi như thế nào những trò chơi ấy gọi trong bé điều gì? - HS trình bày-> NX ? Em bé đã trả lời như thế nào. Câu hỏi của em ẩn chứa điều gì.? GV: Điều này phù hợp với tâm lí của tuổi thơ. ? Những người trên mây và dưới sông nói với em bé như thế nào ? ? Qua đó, em hiểu gì về cách để đến với thế giới kì diệu ?	nhau - Hình ảnh mẹ, tấm lòng mẹ ở đoạn 2 rõ nét hơn, da diết hơn. -> Tạo ra sự cân đối mới lạ, phù hợp với tư duy của trẻ thơ. II. Phân tích 1. Cuộc trò chuyện của em bé với những người trên mây và dưới sông * Lời mời gọi của những người trên mây và dưới sông <i>Bọn tớ chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà. Bọn tớ chơi với bình minh vàng...với vàng trắng bạc</i> <i>Bọn tớ ca hát từ sáng sớm...Bọn tớ ngao du...</i> + NT: Hình ảnh được xây dựng bằng trí tưởng tượng phong phú -> Trò chơi rất vui vẻ, hấp dẫn qua nhiều nơi với những cảnh đẹp nên thơ -> Lời mời gọi niềm khao khát, đam mê, tò mò cuốn hút trẻ nhỏ. *Phản ứng của bé <i>“Nhưng làm thế nào mình lên đó được?</i> <i>-Nhưng làm thế nào...</i> -> Em bé tỏ ra rất muốn đi chơi cùng mây * Cách để đến với thế giới kì diệu <i>“Hãy đến nơi tận cùng trái đất ...lên tận tầng mây</i> <i>Hãy đến ...nâng đi</i> -> Cách đi thật dễ dàng * Sự lựa chọn của bé <i>Mẹ mình đang đợi ở nhà, Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?</i>

? Em bé đã có sự lựa chọn ra sao? ? Em hiểu câu trả lời trên ntn ? ? Mở rộng ra, t/c gia đình có ý nghĩa ntn với mỗi con người? <i>* Tích hợp bảo vệ môi trường</i> - GV giảng ? ở nhà với mẹ, em bé đã tưởng tượng ra trò chơi gì ? ? Đó là trò chơi như thế nào? -GV bình giảng - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Em bé còn nghĩ ra trò chơi nào khác? ? Em hiểu <i>bến bờ kì lạ</i> là gì? ? Em hiểu ntn về nội dung hai câu cuối trong trò chơi trên? ? Trò chơi này thể hiện điều gì? - HS thảo luận, trả lời. - GV giảng - GV sử dụng kĩ thuật động não ? So sánh những trò chơi mà bé nghĩ ra với trò chơi của những người trên mây và sóng? - HS nêu ý kiến ? Em hiểu gì về em bé trong bài thơ này? ? Những trò chơi đó đã ngợi ca điều gì? - HS thảo luận theo cặp đôi bằng hệ	<i>Buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được?</i> -> Câu trả lời nêu lên một tình thế, lí do. -> Em bé không đi chơi mà ở nhà với mẹ, em yêu thiên nhiên nhưng yêu mẹ nhiều hơn. => <i>Tình cảm gia đình sâu đậm trong mỗi con người sẽ giúp cho chúng ta có lựa chọn đúng đắn</i> 2. Trò chơi của em bé cùng mẹ <i>“Con là mây . mẹ là trăng...mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm.</i> -> Cuộc vui chơi say đắm. ấm tình mẹ con. <i>Con là sóng...</i> <i>Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào.</i> - Bến bờ kì lạ chính là tấm lòng bao dung của mẹ; Mẹ chính là thế giới rộng lớn để con có thể vẫy vùng lớn khôn. - Mẹ và con có mặt ở khắp mọi nơi, không thể tách rời, chia cắt. -> Thể hiện niềm hạnh phúc ngập tràn khi có mẹ ở bên. - Hay hơn, thú vị hơn vì : trong trò chơi có cả thiên nhiên nhưng quan trọng là có mẹ. -> Em bé rất yêu mẹ , sáng tạo và khao khát khám phá <=> Tình mẹ con là thiêng liêng và bất tử. + Tình yêu thương của cha mẹ là cội nguồn của mọi sáng tạo, ước mơ.

thống câu hỏi -> trình bày, bổ sung

(1) Xuất phát từ đâu em nghĩ ra trò chơi thú vị như vậy?

(2) Mây và Sóng tượng trưng cho điều gì. Vì sao em bé lại từ chối đi chơi trong khi em rất muốn đi.?

(3) ở nhà với mẹ, em cảm thấy ntn?

- Bài thơ nhắc nhở chúng ta điều gì?

Hoạt động 3: Tổng kết

- GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời yêu cầu HS hỏi và trả lời về nghệ thuật và nội dung.

GV yêu cầu HS đọc

+ Cuộc đời có nhiều cảm dỗ nhưng tình yêu thương, tình mẫu tử là bền bờ leo giữ con người không bị sa ngã.

+ Hạnh phúc không phải kiếm tìm ở đâu mà ở ngay trong mái nhà, trong vòng tay mẹ.

=> **Trân trọng tình cảm gia đình**

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật: Đối thoại lồng trong lời kể, hình ảnh tượng trưng, sự tưởng tượng bay bổng, sự hoá thân của tác giả vào nhân vật em bé.

2. Nội dung: Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng và bất diệt

* Ghi nhớ (SGK/89)

3. Hoạt động luyện tập

- Tình mẹ con được thể hiện ntn trong bài thơ. ?

- Bài thơ nói với ta những điều tốt đẹp nào trong cuộc sống tình cảm của con người.?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về vai trò của người mẹ trong cuộc sống của mỗi con người?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài phân tích về tác phẩm

- Học thuộc lòng bài thơ, nắm chắc nội dung bài học

- Chuẩn bị: Bài Ôn tập về thơ.

+ Đọc lại các bài thơ hiện đại VN đã học trong HK I & II

+ Trả lời các câu hỏi trong SG

Ngày soạn:

Tuần 28- bài 25

Ngày dạy:

Tiết 131,132 : VB - ÔN TẬP VỀ THƠ

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức : Học sinh hệ thống hoá kiến thức đã học về các tác phẩm thơ Việt Nam hiện đại trong chương trình Ngữ văn lớp 9. Bước đầu hình thành hiểu biết sơ lược về thành tựu và đặc điểm của thơ hiện đại Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945.

2. Kỹ năng : Rèn kỹ năng so sánh, tổng hợp, hệ thống hoá, cảm thụ và phân tích thơ trữ tình.

3. Thái độ: Bồi dưỡng tình yêu với văn chương.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, tổng hợp, so sánh.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập, yêu quê hương đất nước, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy : - Soạn giáo án, phiếu học tập

- Dự kiến tích hợp(liên hệ): + Văn - Văn: Những tác phẩm thơ đã học

+ Văn - TV: Các biện pháp nghệ thuật

2. Trò : Trả lời những câu hỏi trong SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, pp luyện tập thực hành, hợp đồng.

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, trình bày một phút, hỏi chuyên gia.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** (trong giờ)

*** Tổ chức khởi động :** GV tổ chức trò chơi Hoa điểm mười.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
Hoạt động 1 : <i>Thống kê các tác phẩm thơ Việt Nam hiện đại.</i> *PP: Hoạt động nhóm, hợp đồng. *KT: Thảo luận nhóm * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp, tổng hợp, so sánh.	1. <i>Thống kê các tác phẩm thơ Việt Nam hiện đại.</i>
- Giáo viên yêu cầu HS thanh lí hợp đồng - Tổ chức cho học sinh thảo luận, trình bày, nhận xét, bổ sung.	

S T T	Tên bài thơ	Tên tác giả	Năm sáng tác	Thể thơ	Tóm tắt nội dung	Đặc sắc nghệ thuật
1	Đồng chí	Chính Hữu	1948	Tự do	Ca ngợi tình đồng chí của những người lính, tạo nên sức mạnh, vẻ đẹp tinh thần của những người lính trong kháng chiến chống Pháp.	- Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm
2	Bài thơ về tiểu đội xe không kính	Phạm Tiến Duật	1969	Tự do	- Khắc họa hình ảnh người lính lái xe trong kháng chiến chống Mỹ với tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm và ý chí chiến đấu giải phóng Miền Nam.	- Chất liệu hiện thực, sinh động, hình ảnh độc đáo, giọng điệu tự nhiên, khỏe khoắn, giàu tính khẩu ngữ.
3	Đoàn thuyền đánh cá	Huy Cận	1958	Bảy chữ	- Cảm xúc tươi vui, khỏe khoắn về thiên nhiên và lao động tập thể qua cảnh chuyển ra khơi đánh cá.	- Cảm hứng vũ trụ, lãng mạn, hình ảnh đẹp nên thơ, giàu tưởng tượng, âm hưởng rộn ràng.
4	Bếp lửa	Bằng Việt	1963	Kết hợp giữ bảy chữ và tám chữ	- Những kỉ niệm về bà và tình bà cháu, thể hiện lòng kính yêu chân trọng và biết ơn của cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình quê hương, đất nước.	- Kết hợp giữa biểu cảm, miêu tả và bình luận. Sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà.

5	Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ	Nguyễn Khoa Điềm	1971	(Chủ yếu là) Tám chữ	- Thể hiện tình yêu thương con của người mẹ Tà Ôi gắn liền với lòng yêu nước, tình thần chiến đấu và khát vọng về tương lai.	- Khai thác điệu ru ngọt ngào và trầu mến
6	ánh trăng	Nguyễn Duy	1978	Năm chữ	- Từ ánh trăng gợi nhớ những năm tháng đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước, nhắc nhở thái độ sống thủy chung, tình nghĩa.	- Hình ảnh bình dị mà giàu ý nghĩa biểu tượng, giọng điệu chân thành nhỏ nhẹ mà sâu sắc
7	Con cò	Chế Lan Viên	1962	Tự do	- Từ hình ảnh con cò trong ca dao, trong lời hát ru, ngợi ca tình mẹ và ý nghĩa của lời ru đối với đời sống con người.	- Vận dụng sáng tạo giọng điệu lời ru và hình ảnh ca dao.
8	Mùa xuân nho nhỏ	Thanh Hải	1980	Năm chữ	- Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước, thể hiện ước nguyện chân thành tha thiết góp mùa xuân nhỏ của đời mình vào cuộc đời chung.	- Nhạc điệu trong sáng thiết tha, gần với dân ca, hình ảnh đẹp giản dị, so sánh, ẩn dụ sáng tạo
9	Viếng lăng Bác	Viễn Phương	1976	Tám chữ	- Lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ đối	- Giọng điệu trang trọng và tha thiết, nhiều hình ảnh ẩn

					với Bác Hồ trong một lần từ miền nam ra thăm lăng Bác.	dẹp và gợi cảm, ngôn ngữ bình dị cô đúc.
10	Sang thu	Hữu Thỉnh	1977	Năm chữ	- Biến chuyển của thiên nhiên lúc giao mùa từ hạ sang thu qua sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ.	- Hình ảnh thiên nhiên được gọi tả bằng nhiều cảm giác tinh nhạy. gợi cảm
11	Nói với con	Y Phương	1980	Tự do	- Bằng lời trò chuyện với con bài thơ thể hiện sự gắn bó, niềm tự hào về quê hương và đạo lí sống của dân tộc.	- Cách nói giàu hình ảnh, vừa cụ thể, gợi cảm, vừa gợi ý nghĩa sâu xa.

Hoạt động 2: Giai đoạn văn học

*KT: Hỏi chuyên gia

2. Giai đoạn văn học

-GV cho HS đăng kí nhóm chuyên gia và yêu cầu HS đặt các câu hỏi cho nhóm chuyên gia về giai đoạn văn học và nội dung tư tưởng của các tác phẩm

+ Kháng chiến chống Pháp: (1945 -1954):
Đồng chí
+1954 - 1964: Đoàn thuyền đánh cá, Bếp lửa, Con cò.
+ 1964 -1975: Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Khúc hát ru những em bé
+ Sau 1975: ánh trăng, Mùa xuân nho nhỏ, Viếng lăng Bác, Nói với con, Sang thu.

. Nội dung
+ Trong hai cuộc kháng chiến: Đất nước, con người chịu nhiều gian khổ hi sinh nhưng rất anh dũng.
+ Trong cuộc lao động và xây dựng đất nước: Con người lao động hăng say và có nhiều tình cảm tốt đẹp
+ Tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của con

	người qua các giai đoạn lịch sử: Chấn hưng tình yêu quê hương, đất nước, tình đồng chí, sự gắn bó với cách mạng, lòng kính yêu Bác Hồ, tình mẫu tử.	
	3. So sánh những tác phẩm cùng đề tài	
GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS thảo luận -> HS trình bày -> HS bổ sung - Nhóm 1,3: Nhận xét về điểm chung và điểm riêng của các tác phẩm cùng đề tài về tình mẫu tử ?	* Tình mẫu tử <u>Điểm chung</u> : Đề cập đến tình mẹ con thấm thiết, thiêng liêng. Dùng điệu ru, lời ru của mẹ. <u>Nét riêng biệt</u> : <i>Con cò</i> : Khai thác và phát triển tứ thơ từ hình tượng con cò trong ca dao, trong lời hát ru để ngợi ca tình mẹ và ý nghĩa lời ru. <i>Khúc hát ru...mẹ</i> : Sự thống nhất của tình yêu con với lòng yêu nước, gắn bó với cách mạng và ý chí chiến đấu của người mẹ Tà ôi trong hoàn cảnh hết sức gian khổ ở chiến khu miền Tây thời kháng chiến chống Mỹ	
GV: Mở rộng sự so sánh giữa hai bài thơ trên với bài thơ “Mây và sóng” của Ta-go - Nhóm 2,4: - Nhận xét về điểm chung và điểm riêng của các tác phẩm cùng đề tài người lính ?	* Hình ảnh người lính <u>Giống nhau</u> : Cùng viết về người lính cách mạng với vẻ đẹp trong tính cách và tâm hồn. <u>Khác nhau</u> :	
- <i>Đồng chí</i> : Người lính ở thời kì đầu kháng chiến chống Pháp. Họ xuất thân từ những làng quê nghèo khó, tình nguyện và hăng hái đi chiến đấu. Tình đồng chí của những người lính dựa trên cơ sở cùng chung	- <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> : Người lính lái xe trong kháng chiến chống Mỹ. Bài thơ làm nổi bật tinh thần dũng cảm, bất chấp khó khăn hiểm nguy, tư thế hiên ngang, niềm lạc quan và ý chí chiến đấu giải	- <i>Ánh trăng</i> : Suy ngẫm của người lính đã đi qua cuộc chiến tranh, nay sống giữa thành phố, trong hòa bình. Bài thơ gợi lại những kỉ niệm thời chiến tranh, từ đó nhắc nhở về đạo lí nghĩa tình,

cảnh ngộ, cùng chia sẻ những gian lao thiếu thốn, và cùng lí tưởng chiến đấu. Bài thơ tập chung thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí.	phóng Miền Nam của người lính lái xe – Hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.	thủy chung.
4. Bút pháp xây dựng hình ảnh thơ		
GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi -> HS trình bày -> HS bổ sung - Nhận xét về bút pháp xây dựng hình ảnh thơ trong thơ Huy Cận, Nguyễn Duy, Chế Lan Viên...?	- Đoàn thuyền đánh cá: Bút pháp lãng mạn, nhiều so sánh, liên tưởng, tưởng tượng. Hình ảnh đặc sắc. - Đồng chí: Bút pháp hiện thực, hình ảnh chân thực, cụ thể chọn lọc, cô đúc, hình ảnh đặc sắc: Đầu súng trăng treo. - Con cò: Bút pháp dân tộc-hiện đại: Phát triển hình ảnh con cò trong ca dao và lời hát ru. Hình ảnh đặc sắc: con cò- cánh cò. - Mùa xuân nho nhỏ: Bút pháp hiện thực, lãng mạn, chất Huế đậm đà. Hình ảnh đặc sắc: mùa xuân nho nhỏ.	

3. Hoạt động vận dụng

- Hình ảnh thơ nào để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong em. Vì sao?
- Đọc thuộc đoạn thơ mà em thích và nêu cảm nhận về đoạn thơ đó ?

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về các tác phẩm.
- Hoàn thành các câu hỏi trong bài ôn tập
- Ôn lại những kiến thức đã học về thơ hiện đại chuẩn bị kiểm tra viết 1 tiết.
- Chuẩn bị :Nghĩa tường minh và hàm ý (đọc vd và trả lời các câu hỏi / sgk)

=====

Ngày soạn:

Tuần 29 - Bài 25

Ngày dạy:

Tiết 133 : TV - NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý (tiếp)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- 1. Kiến thức:** - HS biết được hai điều kiện sử dụng hàm ý liên quan đến người nói và người nghe.
- 2. Kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng sử dụng và giải đoán hàm ý trong giao tiếp.
- 3. Thái độ:** Bồi dưỡng ý thức sử dụng từ ngữ tiếng Việt phù hợp trong giao tiếp.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập.

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy :** - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu

- Dự kiến tích hợp (Liên hệ) + TV - TV: Tiết 123

+ TV - Văn: Lặng lẽ Sa Pa, Cỏ hương, TV - C/S:

Vận dụng hàm ý trong giao tiếp

- 2. Trò :** Đọc VD và trả lời những câu hỏi trong SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, pp luyện tập thực hành .
2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

*** Ôn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** Thế nào là nghĩa tường minh và hàm ý

*** Tổ chức khởi động :** Giáo viên cung cấp các đoạn hội thoại
? Tìm hàm ý trong các đoạn hội thoại ?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Điều kiện sử dụng hàm ý * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm . * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. - Yêu cầu HS đọc đoạn trích trong sgk - GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn ? Nêu hàm ý của những câu in đậm? ? Vì sao chị Dậu không dám nói thẳng với con mà phải dùng hàm ý? - HS trình bày -> NX	I. Điều kiện sử dụng hàm ý 1. Ví dụ - Hàm ý của những câu in đậm: + “ Con chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi ”: Sau bữa ăn này , con không được ở nhà với thầy mẹ và các em nữa, thầy mẹ đã bán con rồi. → Điều này thật đau lòng nên chị Dậu không dám nói thẳng với con. + Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài

? Hàm ý trong câu nói nào của chị Dậu rõ hơn. Vì sao chị Dậu phải nói rõ hơn như vậy ? ? Chi tiết nào cho thấy cái Tí đã hiểu hàm ý trong câu nói của mẹ? ? Nhận xét về thái độ của cái Tí trước hai câu mang hàm ý của mẹ ? ? Như vậy, hàm ý trong lời nói của chị Dậu chỉ có hiệu quả khi nào ? ? Qua đó cho biết khi sử dụng hàm ý cần đảm bảo những điều kiện nào? GV yêu cầu HS đọc	: Mẹ đã bán con cho cụ Nghị thôn Đoài - Hàm ý ở câu 2 rõ hơn. Vì câu đầu cái Tí còn chưa hiểu rõ; chính chị cũng không chịu đựng nổi sự đau đớn khi phải kéo dài những phút giây lừa dối con. - Các chi tiết: nó giãy nảy, liệng củ khoai, oà lên khóc và hỏi “U bán con thật đấy ư ?” - Câu 1: Tí chưa thật hiểu nên mới chỉ luống cuống và hỏi lại mẹ - Câu 2: Hiểu rõ hơn nên phản ứng khá mạnh mẽ. -> Khi cái Tí có khả năng hiểu, giải đoán được hàm ý đó. 2. Ghi nhớ (SGK / 91)

3. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm ,pp luyện tập thực hành. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. -GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm (1) Người nói, người nghe những câu in đậm là ai. Xác định hàm ý của mỗi câu ấy. Theo em người nghe có hiểu hàm ý của người nói không. Những chi tiết nào chứng tỏ điều ấy ?	II. Luyện tập Bài tập 1 (SGK/ 91) a. Người nói: anh thanh niên Người nghe: ông họa sĩ và cô gái. - Hàm ý: Mời bác và cô vào nhà uống nước. - Hai người nghe đều hiểu hàm ý đó. - Chi tiết: “Ông theo liền anh thanh niên vào nhà ...Ngồi xuống ghế”. c. Người nói là Thuý Kiều, Người nghe là Hoạn Thư. - Hàm ý câu thứ nhất là: Quyền quý cao sang như tiểu thư mà cũng có lúc phải cúi đầu làm tội nhân như thế này ? - Hàm ý câu thứ hai là: Tiểu thư không

? Nêu hàm ý của câu in đậm ? ? Việc sử dụng hàm ý có thành công không. Vì sao ? Dùng bảng phụ ghi bài tập Gọi HS lên bảng điền câu mang hàm ý phù hợp, HS khác nhận xét. GV nhận xét chung Cho HS đọc yêu cầu bài tập 4 và trả lời	nên ngạc nhiên về sự trừng phạt này. - Hoạn Thư hiểu nên đã “hôn lặc phách xiêu, khấu đầu dưới trướng liệu điều kêu ca. Bài tập 2 (SGK/ 92) - Hàm ý: Chắt nước giùm để cơm khỏi nhão - Không vì " anh Sáu vẫn ngồi im " vờ không hiểu hàm ý trong câu nói của bé Thu Bài tập 3 (SGK / 92) a. B: Rất tiếc, mình đã nhận lời Hoa rồi! b.B: Mình phải đến bệnh viện thăm bà nội. c. B: Mình còn phải làm các bài tập mà thầy vừa giao. Bài tập 4: (SGK/92) - Qua sự so sánh giữa “hi vọng” với “con đường” của Lỗ Tấn, ta có thể hiểu được hàm ý: Tuy hi vọng chưa thể nói là thực hay hư, nhưng cố gắng và kiên trì thực hiện thì vẫn có thể thành công”.

4. Hoạt động vận dụng

- Tạo lập đoạn hội thoại có sử dụng hàm ý

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Sưu tầm các bài tập về nghĩa tường minh và hàm ý.
- Học thuộc ghi nhớ
- Hoàn thành các bài tập
- Ôn tập kĩ thơ Việt Nam tiết sau kiểm tra

Ngày soạn:
Tuần 29 - bài 25

Ngày dạy:

Tiết 134 - KIỂM TRA VĂN (PHẦN THƠ)

I.MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Kiến thức:** - HS tổng hợp kiến thức,nắm vững kiến thức các văn bản thơ trong chương trình Ngữ Văn lớp 9 kì II.
- Kĩ năng:** - HS rèn luyện kĩ năng viết văn: cảm nhận, phân tích một đoạn thơ, một hình ảnh, hoặc một vấn đề trong thơ trữ tình.

3. Thái độ: - HS có tinh thần tự giác, nghiêm túc trong kiểm tra.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, tổng hợp, phân tích.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Tự luận : 100%

III. MA TRẬN ĐỀ

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
1, Sang thu			Viết đoạn văn cảm nhận về hai câu thơ		
Số câu Số điểm Tỉ lệ			Số câu 1 Số điểm 2 Tỉ lệ 20%		Số câu 1 Số điểm 2 Tỉ lệ 20%
2 , Mùa xuân nho nhỏ		Hiểu được ý nghĩa nhan đề bài thơ			
Số câu Số điểm Tỉ lệ %		Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ 20%			Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ 20%
3. Viếng lăng Bác				Viết bài văn ngắn cảm nhận về một đoạn thơ	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %				Số câu:1 Số điểm: 5 Tỉ lệ 50%	Số câu:1 Số điểm:5 Tỉ lệ 50%

4.Nói với con	-Thuộc thơ - Nêu được tên tác giả và tác phẩm				
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ 10%				Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ 10%
Cộng	Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ 10%	Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ 20%	Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ 20%	Số câu:1 Số điểm: 5 Tỉ lệ 50%	Số câu:4 Số điểm:10 Tỉ lệ 100%

IV. Biên soạn đề kiểm tra

Câu 1(1 đ): Cho câu thơ sau: “Chân phải bước tới cha ”

a. Hãy chép thuộc ba câu thơ tiếp theo ?

b. Đoạn thơ vừa chép nằm trong tác phẩm nào của ai ?

Câu 2(2) Giải thích ý nghĩa nhan đề bài thơ **Mùa xuân nho nhỏ** của Thanh Hải

Câu 3(2đ): Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về hai câu thơ:

“ Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu”
(Sang thu - Hữu Thỉnh)

Câu 4(5đ) Viết một bài văn ngắn nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi ! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng

(Viếng lăng Bác- Viễn Phương)

V.Yêu cầu- biểu điểm

Câu 1: 1 điểm

- Chép đúng được 3 câu thơ tiếp theo câu thơ đã cho (0,5 đ)

- Nêu đúng tên bài thơ “ Nói với con” của Y Phương (0,5đ)

Câu 2: 2đ

- Tính từ (từ láy) nho nhỏ được đặt ngay sau một khái niệm trừu tượng mùa xuân tạo cho bài thơ có một nhan đề đặc biệt.

- Nhan đề bài thơ là hình ảnh ẩn dụ sáng tạo thể hiện khát vọng cống hiến của Thanh Hải : Mỗi người hãy là một mùa xuân nhỏ để góp phần làm nên mùa xuân chung cho đất nước .Hay nói cách khác mỗi người hãy biết cống hiến cho cuộc đời chung một nét riêng tốt đẹp dù là nhỏ bé .

Câu 3: 2đ: - Về hình thức, HS viết được đoạn văn cảm nhận.

-Về nội dung : nghệ thuật nhân hóa, động từ “vất” ->dùng hình ảnh đám mây để diễn tả khoảnh khắc giao mùa từ cuối hạ sang đầu thu.Đám mây hồn nhiên, tinh nghịch.

Câu 4: 5 điểm

1. Kỹ năng:

- Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng
- Lập luận chặt chẽ; luận điểm, luận cứ thuyết phục
- Liên kết chặt chẽ về nội dung và hình thức.
- Các kỹ năng làm văn khác: Dùng từ, đặt câu, dựng đoạn....

2. Kiến thức:

Con ở Miền Nam ra thăm lăng Bác

-NT nói giảm nói tránh “Thăm”: ->Bác như còn sống

- Xưng " con " - gọi " Bác ", giọng thơ tâm tình ,tha thiết mà thành kính

-> Bác như người cha vừa gần gũi ấm áp vừa yêu thương thành kính

-> Tâm trạng xúc động nghẹn ngào, lòng thành kính thiêng liêng của những người con miền Nam , của tác giả khi được ra thăm lăng Bác.

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng

- Đây là hình ảnh thực, quen thuộc khiến cho lăng Bác vốn là nơi trang nghiêm nhưng trở nên thân thuộc, gần gũi

-Từ láy “ xanh xanh” , “ bát ngát” vừa gợi tả vẻ đẹp , sức sống dẻo dai của hàng tre xanh

- Ẩn dụ: -> Tre tượng trưng cho tâm hồn , khí phách của con người VN...

- Thành ngữ “ bão táp mưa sa” , nhân hóa -> Những vất vả gian khổ mà nhân dân ta vượt qua nhờ sự đoàn kết...

- Từ cảm thán ”Ôi ”

=> Cảm xúc tự hào về tổ quốc, con người Việt Nam trong trường kì lịch sử mà Bác là người Việt Nam đẹp nhất nhất.

3. Biểu điểm

- Bài đạt 4 - 5 điểm:Đảm bảo đủ yêu cầu về kiến thức và kỹ năng, có cảm xúc, sáng tạo.
- Bài đạt 2 - 3 điểm : Đảm bảo được phần lớn các ý cơ bản, song đôi chỗ còn mắc các lỗi chính tả, diễn đạt.
- Bài đạt 0 - 1 điểm: Bài sơ sài, diễn đạt lủng củng, mắc nhiều lỗi

=====

Ngày soạn:

Tuần 29 - bài 25

Ngày dạy:

Tiết 135 - TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 6 (viết ở nhà)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. **Kiến thức:** Học sinh biết được kết quả bài viết số 6, những ưu điểm, hạn chế về nội dung và hình thức bài viết
2. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng phát hiện và sửa lỗi đã mắc trong bài viết, viết lại những đoạn văn.
3. **Thái độ:** Bồi dưỡng ý thức tự giác trong học tập.
4. **Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, tổng hợp, tư duy...
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập.

II. CHUẨN BỊ:

1. **Thầy:** Chấm bài, nhận xét những ưu điểm, hạn chế trong bài làm của học sinh.
2. **Trò :** Ôn lại kiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, pp luyện tập thực hành .
2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** (Trong giờ học)

*** Tổ chức khởi động :** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai nhanh hơn.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động : Tìm hiểu đề, đáp án * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, pp luyện tập thực hành . * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. - GV yêu cầu HS nhắc lại đề ? Câu 1 : Thế nào là nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích? ? Câu 2: Nhận xét , đánh giá về nhân vật anh thanh niên trong “ Lặng lẽ Sa Pa” – Nguyễn Thành Long ?	I. Tìm hiểu đề, đáp án 1. Đề bài 2. Đáp án Câu 1 : Là trình bày những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện, chủ đề hay nghệ thuật của một tác phẩm cụ thể. Câu 2 : – Yêu nghề và có những suy nghĩ đẹp về nghề nghiệp , cuộc sống - Có nhiều nét tính cách và phẩm chất đáng quý

? Bài viết phải đảm những yêu cầu gì về hình thức, kĩ năng ? ? Đề trên thuộc kiểu bài nào? ? Vấn đề cần nghị luận? -GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm : lập dàn ý cho đề bài trên? -HS lập dàn ý -> đại diện nhóm trình bày-> NX	Câu 3: a, Yêu cầu về hình thức và kĩ năng - Bố cục rõ ràng, gồm 3 phần. - Có liên kết chặt chẽ, diễn đạt lưu loát. - Đúng thể loại văn về một tác phẩm truyện. - Luận điểm, luận cứ, lập luận rõ ràng, chính xác. b, Yêu cầu về kiến thức - Đề bài nghị luận về một đoạn trích (tác phẩm truyện) - Vấn đề nghị luận : Tình cảm gia đình trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh qua đoạn trích Chiếc lược ngà qua nhân vật bé Thu + Mở bài Giới thiệu tác giả, tác phẩm, tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh qua nhân vật bé Thu. + Thân bài * Tình huống của câu chuyện: Ông Sáu đi kháng chiến, tám năm sau mới có dịp về thăm nhà, bé Thu nhất quyết không nhận ông là cha... * Tình cảm bé Thu dành cho ông Sáu... - Lần đầu tiên gặp cha sau tám năm , bé Thu hoảng sợ và không nhận ra ba - Trong những ngày ông Sáu được nghỉ phép, Thu xa cách, lảng tránh , kiên quyết không gọi tiếng “ ba” - Ngày chia tay Thu nhận cha trong niềm xúc động nghẹn ngào -> Cô bé hồn nhiên, đáng yêu, có cá tính mạnh mẽ và có tình yêu ba sâu sắc * Nghệ thuật: Tình huống truyện độc đáo, cốt truyện chặt chẽ, nhân vật được miêu tả với diễn biến tâm lí tinh tế; ngôn ngữ giản dị mang đậm màu sắc Nam Bộ.Nhà văn am hiểu tâm lí trẻ thơ + Kết bài - Khẳng định lại vấn đề-> Chiến tranh không thể huỷ diệt tình cảm gia đình

- GV: Yêu cầu HS tự nhận xét bài làm của mình . Sau đó giáo viên nhận xét chung về bài làm của HS

GV sử dụng bảng phụ thống kê một số lỗi chính tả điển hình, yêu cầu HS lên bảng sửa lại
GV chuẩn xác

GV đọc (viết bảng phụ) một số lỗi điển đạt , sau đó yêu cầu HS chữa.

thiên liêng của con người.

II. Trả bài

III. Nhận xét chung

*ưu điểm:

- Đa số bài viết đúng yêu cầu, đúng thể loại.

- Nhiều bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, diễn đạt lưu loát.

- Nhiều bài viết có nội dung sâu sắc.

- Một số bài đó có những cảm nhận, suy nghĩ xóc động về vấn đề nghị luận; lờn hệ đối chiếu được với một số tác phẩm khác có cùng chủ đề

VD: Huyền, Hạnh, Anh

* Nhược điểm

- Một số bài viết có nội dung sơ sài.

- Một số bài viết còn mắc lỗi chính tả.

- Một số abif còn gạch xóa.

- Cũn một số bài thườn về tóm tắt truyện, chưa đưa ra được những nhận xét, suy nghĩ của riêng cỏ nhõn mõnh.

VD: Minh, Bắc, Tuấn Anh.

IV. Sửa lỗi

1. Lỗi chính tả

Lỗi sai	Sửa lại
câu truyện	câu chuyện
Lôn nao	nôn nao
sâu xắc	sâu sắc
Cây soài	cây xoài
Dần dật	giản giặt
Cái chứng	cái trứng
Nồi tới	Lòì tới
Xuống suồng	Xuống xuống

2. Lỗi diễn đạt

- Bé Thu hoảng sợ cao độ chứng tỏ ông sáu là người lạ

-> bé Thu vô cùng hoảng sợ vì với em ông Sáu là người đàn ông lạ có vết sẹo trên mặt trông rất dễ sợ

- Thu kiên quyết không gọi ba bằng

GV đọc, bình một số bài văn hay GV: Đọc và bình một số đoạn văn hay	những lời nói trống -> Thu nói trống với ông Sáu vì em không muốn gọi tiếng'ba'. - Con bé hôn ba ngay cả vết sẹo -> Con bé hôn cả vết sẹo trên má của ba VI. Đọc và bình một số bài văn hay

3. Hoạt động vận dụng

- Đọc bài và sửa các lỗi sai.

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Ôn lại kiến thức văn nghị luận về tác phẩm truyện hoặc đoạn trích
- Chuẩn bị bài: Tổng kết văn bản nhật dụng
- + Đọc và trả lời các câu hỏi / SGK
- + Ôn lại các văn bản nhật dụng đã học (GV yêu cầu HS chuẩn bị theo nội dung hợp đồng)

=====

Ngày soạn: / / 2019

Ngày dạy: / / 2019

Tuần 29 - Bài 25

Tiết 136 : TỔNG KẾT VĂN BẢN NHẬT DỤNG

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức: HS hiểu được những nội dung cơ bản của các văn bản nhật dụng đã học.

- HS hiểu được đặc trưng của văn bản nhật dụng là tính cập nhật của nội dung.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng tổng hợp , hệ thống hoá kiến thức và tiếp cận một vb nhật dụng.

3. Thái độ: Bồi dưỡng ý thức tự học, giáo dục bảo vệ môi trường.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, tổng hợp, tư duy...
- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập.

II. CHUẨN BỊ:

1. Thầy: - Soạn giáo án,

- Dự kiến tích hợp(Liên hệ)
 - + Văn - Văn: Các văn bản nhật dụng lớp 6,7,8,9
 - + Văn - c/s: Những vấn đề diễn ra hàng ngày

2. **Trò:** Soạn kỹ bài theo hướng dẫn của giáo viên.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, hợp đồng.
2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** (Trong giờ học)

*** Tổ chức khởi động :** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Hoa điểm mười.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Khái niệm văn bản nhật dụng * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, tổng hợp, tư duy - Cho HS đọc k/n văn bản nhật dụng ? ? Nêu những đặc điểm của k/n văn bản nhật dụng ? ? Cho biết các văn bản nhật dụng đã được học thuộc những đề tài nào.? ? Nhận xét về các đề tài này ? ? Văn bản nhật dụng trong chương trình có chức năng gì. ? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Trong khái niệm văn bản nhật dụng có đề cập tới tính cập nhật, em	I. Khái niệm văn bản nhật dụng 1. Khái niệm - Không phải là khái niệm thể loại. - Không chỉ kiểu văn bản - Chỉ đề cập tới chức năng, đề tài và tính cập nhật của ND văn bản. 2. Đề tài: - Đề tài: thiên nhiên, môi trường, văn hoá, giáo dục, chính trị, xã hội → Phong phú, đa dạng. 3. Chức năng: - Đề cập, bàn luận, thuyết minh , tường thuật, miêu tả, đánh giá... những vấn đề, những hiện tượng.... gần gũi, bức thiết đối với cuộc sống trước mắt của con người và cộng đồng. 4. Tính cập nhật: - Là kịp thời đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của cuộc sống bức thiết, hàng ngày. (cái thường nhật phải gắn với những vấn đề lâu dài của sự phát triển lịch sử,

hiểu tính cập nhật ở đây như thế nào ? ? Vậy việc học VB nhật dụng có ý nghĩa gì. ? -HS thảo luận-> trình bày, NX ? Hãy cho biết việc học các văn bản nhật dụng có nên tách khỏi các tác phẩm văn học khác trong môn Ngữ văn hay không. Vì sao? Cho HS thảo luận, phát biểu, giáo viên chốt lại Hoạt động 2: Nội dung các văn bản nhật dụng đã học *Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, Hoạt động nhóm, hợp đồng. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, tổng hợp, tư duy -GV yêu cầu HS thanh lí hợp đồng. -GV chia nhóm, hướng dẫn thảo luận hoàn thành bảng thống kê các VB nhật dụng đã học trong từng khối lớp. Nhắc lại các văn bản liên quan đến môi trường. -GV gọi đại diện trình bày, nhận xét GV chuẩn xác trên bảng phụ.		xã hội.) => Học VB nhật dụng sẽ tạo điều kiện tích cực để hoà nhập với xã hội, thâm nhập thực tế cuộc sống. + Mở rộng hiểu biết, có ý thức quan tâm đến đời sống xã hội. * Lưu ý: Những văn bản nhật dụng trong chương trình là một bộ phận của môn Ngữ văn, VB được chọn lọc phải có giá trị văn chương; đáp ứng được yêu cầu bồi dưỡng kiến thức và rèn luyện kỹ năng của môn Ngữ văn. II. Nội dung các văn bản nhật dụng đã học.																
<table><tr><th>Lớp</th><th>Tên văn bản</th></tr><tr><td rowspan="3">6</td><td>1. Cầu Long Biên-chứng nhân lịch sử.</td></tr><tr><td>2. Động Phong Nha</td></tr><tr><td>3. Bức thư của thủ lĩnh da đỏ</td></tr><tr><td rowspan="3">7</td><td>4. Công trường mở ra</td></tr><tr><td>5. Mẹ tôi</td></tr><tr><td>6. Cuộc chia tay con búp</td></tr></table>	Lớp	Tên văn bản	6	1. Cầu Long Biên-chứng nhân lịch sử.	2. Động Phong Nha	3. Bức thư của thủ lĩnh da đỏ	7	4. Công trường mở ra	5. Mẹ tôi	6. Cuộc chia tay con búp	<table><tr><th>Nội dung chính</th></tr><tr><td>- Giới thiệu và bảo vệ di tích lịch sử</td></tr><tr><td>- Giới thiệu danh lam thắng cảnh</td></tr><tr><td>- Quan hệ giữa thiên nhiên và con người</td></tr><tr><td>- Giáo dục, gia đình, nhà trường và trẻ em.</td></tr><tr><td>- Người mẹ và nhà trường</td></tr><tr><td>- Quyền trẻ em.</td></tr></table>	Nội dung chính	- Giới thiệu và bảo vệ di tích lịch sử	- Giới thiệu danh lam thắng cảnh	- Quan hệ giữa thiên nhiên và con người	- Giáo dục, gia đình, nhà trường và trẻ em.	- Người mẹ và nhà trường	- Quyền trẻ em.
Lớp	Tên văn bản																	
6	1. Cầu Long Biên-chứng nhân lịch sử.																	
	2. Động Phong Nha																	
	3. Bức thư của thủ lĩnh da đỏ																	
7	4. Công trường mở ra																	
	5. Mẹ tôi																	
	6. Cuộc chia tay con búp																	
Nội dung chính																		
- Giới thiệu và bảo vệ di tích lịch sử																		
- Giới thiệu danh lam thắng cảnh																		
- Quan hệ giữa thiên nhiên và con người																		
- Giáo dục, gia đình, nhà trường và trẻ em.																		
- Người mẹ và nhà trường																		
- Quyền trẻ em.																		

	bê 7. Ca Huế trên Sông Hương	- Văn hoá dân gian
8	8. Thông tin về Ngày Trái Đất.... 9. Ôn dịch, thuốc lá 10. Bài toán dân số	- Bảo vệ môi trường - Chống việc hút thuốc lá - Dân số và tương lai loài người
9	11. Tuyên bố thế giới ... 12. Đấu tranh cho một thế giới hoà bình 13. Phong cách Hồ Chí Minh	- Quyền sống con người (Quyền trẻ em). - Chống chiến tranh , bảo vệ hoà bình thế giới. - Hội nhập với thế giới và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc

3. Hoạt động vận dụng

-Viết đoạn văn cảm nhận về vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh?

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Suu tầm một VB nhật dụng từ các phương tiện thông tin đại chúng mà em cập nhật được.

- Nắm chắc: Khái niệm nhật dụng; ND các văn bản nhật dụng đã học.

- Soạn tiếp tiết 2 của bài tổng kết VB nhật dụng(Theo yêu cầu của hợp đồng – Tiết132)

+ Hình thức VB nhật dụng

+ Phương pháp học VB nhật dụng.

Ngày soạn:

Tuần 29- bài 26

Ngày dạy:

Tiết 137-TLV : TỔNG KẾT VĂN BẢN NHẬT DỤNG (Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức: HS hiểu được những nội dung cơ bản của các văn bản nhật dụng đã học.

- HS hiểu được đặc trưng của văn bản nhật dụng là tính cập nhật của nội dung.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng tổng hợp , hệ thống hoá kiến thức và tiếp cận một vb nhật dụng.

3. Thái độ: Bồi dưỡng ý thức tự học, giáo dục bảo vệ môi trường.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, tổng hợp, tư duy...

- HS có phẩm chất : Tự tin,tự lập.

II. CHUẨN BỊ:

1. **Thầy:** - Soạn giáo án,

- Dự kiến tích hợp(Liên hệ)

+ Văn - Văn: Các văn bản nhật dụng lớp 6,7,8,9

+ Văn - c/s: Những vấn đề diễn ra hàng ngày

2. **Trò:** Soạn kỹ bài theo hướng dẫn của giáo viên.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, hợp đồng.

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định tổ chức**

* **Kiểm tra bài cũ :** (Trong giờ học)

* **Tổ chức khởi động :** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Giải ô chữ.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt	
Hoạt động 1: Hình thức văn bản nhật dụng *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm , hợp đồng. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, tổng hợp, tư duy... - GV yêu cầu HS thành lí hợp đồng - Gv chia 4 nhóm, thảo luận: Xác định thể loại và ptbđ của các văn bản. - Gv gọi đại diện trình bày, nhận xét Gv chuẩn xác trên bảng phụ	III. Hình thức văn bản nhật dụng	
Tên văn bản	Th/loại VB	P/thức b/đạt
1.Câu Long Biên chứng nhân lịch sử.	Bút ký	Tự sự + miêu tả+ biểu cảm Thuyết minh+ miêu tả

2. Động Phong Nha.	T.Minh	
3. Bức thư của thủ lĩnh da đỏ	Thư	Nghị luận + biểu cảm
4. Cổng trường mở ra	Hồi kí	Tự sự + biểu cảm
5. Mẹ tôi	Hồi kí	Tự sự + biểu cảm + miêu tả
6. Cuộc chia tay của những con búp bê	Tr.ngắn	Tự sự + miêu tả
7. Ca Huế trên Sông Hương	T.Minh	Thuyết minh + miêu tả
8. Thông tin về Ngày Trái Đất	N. Luận	Nghị luận + th.minh
9. Ôn dịch, thuốc lá	N. Luận	NL+ thuyết minh+BC
10. Bài toán dân số	N. Luận	Nghị luận + tự sự
11. Tuyên bố Thế giới của	Công bố	Nghị luận

trẻ em		Nghị luận + B cảm
12. Đấu tranh cho 1 thế giới hoà bình	Xã luận	Nghị luận + tự sự
13. Phong cách Hồ Chí Minh	Xã luận	

tailieugiangday.com

? Qua bảng hệ thống trên đây, em rút ra kết luận gì về hình thức của văn bản nhật dụng?

Hoạt động 2 : Phương pháp học văn bản nhật dụng

*Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm .

*Kĩ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

*HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, tổng hợp, tư duy...

- Cho hs đọc Sgk

- GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm

? Từ các kiến thức về văn bản nhật dụng trên đây, em hãy trình bày phương pháp học văn bản nhật dụng sao cho có kết quả tốt nhất?

- HS thảo luận -> trình bày, NX

- Gv tổng hợp, khái quát

- GV cho hs đọc ghi nhớ.

* Nhận xét:

- Văn bản nhật dụng thường không chỉ dùng 1 phương thức biểu đạt mà kết hợp nhiều phương thức để tăng tính thuyết phục.

- Văn bản nhật dụng có thể sử dụng mọi thể loại, mọi kiểu văn bản.

IV. Phương pháp học văn bản nhật dụng

1. Đọc thật kỹ các chú thích về sự kiện, hiện tượng hay vấn đề.

2. Phải tạo thói quen liên hệ với thực tế đời sống, bản thân.

3. Có ý kiến, quan điểm riêng với những vấn đề được nêu ra và có đủ bản lĩnh, kiến thức, cách thức bảo vệ những quan điểm ý kiến ấy. Có thể đề xuất giải pháp.

4. Vận dụng các kiến thức của các môn học khác để đọc- hiểu văn bản nhật dụng và ngược lại.

5. Căn cứ vào những đặc điểm hình thức của văn bản và phương thức biểu đạt trong lúc phân tích nội dung

6. Kết hợp xem tranh, ảnh, theo dõi các phương tiện thông tin đại chúng một cách thường xuyên....

* **Ghi nhớ** (SGK 96)

3. Hoạt động vận dụng

- Tìm một văn bản nhật dụng và phân tích sự kết hợp của các phương thức biểu đạt trong văn bản đó ?

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng kiến thức

- Ôn kỹ kiến thức về các văn bản nhật dụng đã học và tìm hiểu thêm về các văn bản nhật dụng ngoài chương trình.

- Chuẩn bị bài: Chương trình địa phương (Đọc và trả lời các câu hỏi / SGK)

=====

Ngày soạn:
Tuần 30 – Bài 26

Ngày dạy:

Tiết 138 - TV: CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG TIẾNG VIỆT

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- 1. Kiến thức:** HS mở rộng vốn từ ngữ địa phương . Hiểu tác dụng của từ ngữ địa phương
- 2. Kỹ năng:** HS nhận biết được một số từ ngữ địa phương, biết chuyển chúng sang từ ngữ toàn dân tương ứng và ngược lại.
- 3. Thái độ:** Có thái độ đúng với việc sử dụng từ ngữ địa phương trong đời sống .
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, tổng hợp, tư duy...
 - HS có phẩm chất : Tự tin,tự lập.

II.CHUẨN BỊ:

- 1. Thầy:** - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu , phiếu học tập
 - Dự kiến tích hợp (Liên hệ)
 - + TV - Thực tế: Cách sử dụng từ ngữ ở địa phương
- 2. Trò:** HS chuẩn bị bài theo hướng dẫn

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- 1.Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, pp luyện tập thực hành.
2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV.TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1 .Hoạt động khởi động

***Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** - Nêu điều kiện sử dụng hàm ý ?

***Tổ chức khởi động :**GV tổ chức cho HS chơi trò chơi **Hoa điểm mười**

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
? Nhắc lại khái niệm từ địa phương ? . - GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm -> gọi HS trình bày, NX ? Tìm từ ngữ địa phương, chuyển những từ ngữ địa phương đó sang từ	I. Lý thuyết - Từ ngữ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định. II.Bài tập Bài tập 1 (SKG 97 -98)

ngữ toàn dân tương ứng ?																				
Đoạn trích	Từ địa phương	Từ toàn dân																		
a	thẹo lắp bắp ba	sẹo lắp bắp bố, cha																		
b	ba má kêu đâm đũa bếp (nói) trống vô	bố, cha mẹ gọi trở thành đũa cả (nói) trống không vào																		
c	ba lui cui nấp nhắm giùm (nói) trống	bố, cha lúi húi vung cho là giúp (nói) trống																		
? Từ “ Kêu” nào là từ toàn dân? Từ nào là từ địa phương? Giải thích? ? Cho hs trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi : Tìm từ địa phương và toàn dân tương ứng ? - GV gọi HS trình bày, nhận xét																				
Bài tập 2 (SGK 98) a-Kêu: - Là từ toàn dân - Có thể thay bằng từ “nói to”. b-Kêu: - Là từ địa phương - Tương đương với từ toàn dân: gọi. 3.Bài tập 3(SGK 98) <table><tr><td>Từ địa phương</td><td>Từ toàn dân</td></tr><tr><td>trái</td><td>quả</td></tr><tr><td>chi</td><td>gì</td></tr><tr><td>kêu</td><td>gọi</td></tr><tr><td>trống hồng trống</td><td>trống hếch trống</td></tr><tr><td>hảng</td><td>hoách</td></tr></table> Bài tập 4 (SGK 99) <table><tr><td>Từ toàn dân</td><td>Từ địa phương</td></tr><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table>			Từ địa phương	Từ toàn dân	trái	quả	chi	gì	kêu	gọi	trống hồng trống	trống hếch trống	hảng	hoách	Từ toàn dân	Từ địa phương				
Từ địa phương	Từ toàn dân																			
trái	quả																			
chi	gì																			
kêu	gọi																			
trống hồng trống	trống hếch trống																			
hảng	hoách																			
Từ toàn dân	Từ địa phương																			
- Cho HS đọc yêu cầu bài tập -Hướng dẫn HS: Dựa vào các bài tập 1,2,3 để hoàn thành bài tập.																				

- Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập, trao đổi trong bàn. - GV gọi đại diện trả lời, nhận xét (1) Qua văn bản “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng, em có nhận xét gì về việc sử dụng từ ngữ địa phương của tác giả ?	<table border="1" data-bbox="826 192 1406 365"> <tr><td></td><td></td></tr> <tr><td></td><td></td></tr> <tr><td></td><td></td></tr> </table> Bài tập 5 (SGK 99) a. Không nên để cho bé Thu trong truyện “chiếc lược ngà” dùng từ ngữ toàn dân. Vì bé Thu chưa có dịp giao tiếp rộng rãi ở bên ngoài địa phương mình. b. Trong lời kể, tác giả cũng dùng một số từ ngữ địa phương để hiểu để nêu sắc thái của vùng đất nơi sự việc được diễn ra. Tuy nhiên, tác giả chủ định không dùng quá nhiều từ ngữ địa phương để khỏi gây khó hiểu cho người đọc không phải ở địa phương đó.						

3. Hoạt động vận dụng

- Kể tên một số từ ngữ của địa phương em thường dùng ?

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Sưu tầm các từ ngữ ở những địa phương khác và từ toàn dân tương ứng.
- Xem lại bài, hoàn thành các bài tập.
- Ôn lại các kiến thức “Bài nghị luận về một bài thơ đoạn thơ”
- Chuẩn bị giờ sau viết bài tập làm văn số 7

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 139 - 140 :

VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

1. Kiến thức: Học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học về văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng viết văn nghị luận

3. Thái độ: Giáo dục học sinh ý thức tự giác - nghiêm túc khi làm bài.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, tổng hợp, tư duy, năng lực tu duy.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- Tự luận : 100%

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
TLV Văn nghị luận về một tác phẩm thơ	Nêu được thế nào là nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ	Hiểu được vấn đề nghị luận, luận điểm và phép lập luận trong đoạn văn		Cảm nhận về một bài thơ, đoạn thơ	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ 10%	Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ 20%		Số câu:1 Số điểm:7 Tỉ lệ 70 %	Số câu:3 Số điểm:10 Tỉ lệ 100 %
Cộng	Số câu:1 Số điểm:1 Tỉ lệ 10%	Số câu:1 Số điểm:2 Tỉ lệ 20%		Số câu:1 Số điểm:7 Tỉ lệ 70 %	Số câu:3 Số điểm:10 Tỉ lệ 10 %

IV. THIẾT LẬP ĐỀ KIỂM TRA

Câu 1: Thế nào là nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ?

Câu 2: Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi

Bức tranh mùa xuân của thiên nhiên, đất nước được tạo nên từ các chi tiết rất tiêu biểu trong cảm xúc tha thiết của Thanh Hải. Đó là dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, là lộc giắt đầy trên lưng người ra trận và trái dài trên những cánh đồng. Đó là tiếng chim chiền chiện lành lốt vang trời. Hình ảnh mùa xuân được hiện lên trong cảm xúc thiết tha, trìu mến của nhà thơ. Đặc biệt tình cảm nâng niu vẻ đẹp của mùa xuân được thể hiện qua tư thế độc đáo “tôi đưa tay tôi hứng”.

a, Xác định vấn đề nghị luận trong đoạn văn trên?

b, Xác định được luận điểm trong đoạn văn?

c, phép lập luận trong đoạn văn ?

Câu 3: Cảm nhận của em về bài thơ " Sang thu" của Hữu Thỉnh

V. Yêu cầu và biểu điểm

Câu 1(1đ) Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ là trình bày nhận xét, đánh giá của mình về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ ấy.

Câu 2(2đ)

a , Đoạn văn trên bàn luận về bức tranh mùa xuân thiên nhiên, đất nước trong cảm xúc của Thanh Hải

b, Luận điểm : câu 1

c, Phép lập luận phân tích

Câu 3:

1. Yêu cầu:

a, Kỹ năng và hình thức

- Bài viết đúng thể loại
- Đảm bảo bố cục 3 phần (MB, TB, KB) rõ ràng, mạch lạc.
- Có luận điểm, luận cứ và lập luận chặt chẽ
- Dùng từ, câu đúng chính tả, ngữ pháp, diễn đạt lưu loát

b. Kiến thức:

* Phần mở bài : Giới thiệu bài thơ và đưa ra những nhận định ban đầu về bài thơ

* Phần thân bài :

+ Những tín hiệu đẹp báo thu về trong cảm xúc băng khuâng xao xuyến của nhà thơ (khổ 1)

- Những tín hiệu : hương ổi, gió se, làn sương là những tín hiệu đẹp báo thu về mang vẻ đẹp yên ả, thanh bình

- Cảm xúc ngỡ ngàng, băng khuâng của nhà thơ

-Nghệ thuật : động từ, từ láy, nhân hóa, thành phần tình thái...

+ Sự chuyển biến của thiên nhiên, đất trời từ cuối hạ sang đầu thu trong cảm nhận tinh tế của tác giả (k2,3)

-Sự chuyển biến của những hình ảnh thiên nhiên mang tính đặc trưng : cánh chim, dòng sông, đám mây . Nghệ thuật : từ láy, nhân hóa, động từ...

- Sự thay đổi của những yếu tố thời tiết : nắng, mưa, sấm

- Hai câu thơ cuối với lớp nghĩa ẩn dụ là những chiêm nghiệm sâu sắc : Khi con người đã từng trải cũng sẽ vững vàng trước những tác động bất thường của ngoại cảnh.

*Phần kết bài ; Khái quát lại những nét chính về nghệ thuật và nội dung . Liên hệ...

2. Biểu điểm

- Điểm 7: Đáp ứng tất cả yêu cầu trên. Bài viết có sáng tạo

- Điểm 6 : Đáp ứng tương đối tốt các yêu cầu trên. Tuy nhiên còn sai từ 1- 3 lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Điểm 5 : Đúng thể loại, bố cục rõ ràng, tương đối đủ ý. Tuy nhiên diễn đạt chưa rõ ràng, lập luận chưa chặt chẽ. Còn sai chính tả, ngữ pháp.

- Điểm 3-> 4: Đúng thể loại .Bố cục chưa rõ ràng, nội dung còn thiếu, các luận điểm, luận cứ chưa có liên kết. Sai nhiều chính tả, diễn đạt.

- Điểm 1-> 2: Không đúng thể loại. Hành văn kém.

- Điểm 0: Không làm bài

=====

Ngày soạn:

Tuần 30 - bài 27

Ngày dạy:

Tiết 141,142 : VB - BẾN QUÊ (HDTH)

- Nguyễn Minh Châu -

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: - HS biết được những tình huống nghịch lí, những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng trong truyện.

- HS hiểu được những bài học mang tính triết lí về con người và cuộc đời, những vẻ đẹp bình dị và quý giá từ những điều gần gũi xung quanh ta.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng đọc- hiểu một văn bản tự sự có nội dung mang tính triết lí sâu sắc

- HS nhận biết và phân tích những đặc sắc của nghệ thuật tạo tình huống, miêu tả tâm lí nhân vật, hình ảnh biểu tượng trong truyện.

3. Thái độ: Bồi dưỡng học sinh tình yêu làng quê, yêu quê hương đất nước.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập, yêu quê hương và gia đình, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy: - Soạn bài, tham khảo tài liệu có liên quan

- Phương pháp : Vấn đáp- Gợi mở , đặt vấn đề , dùng lời có nghệ thuật, thảo luận...

2. Trò: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, pp giải quyết tình huống có vấn đề, phân tích, dùng lời có nghệ thuật.

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ : Kiểm tra 15'**

1. Đề bài:

Câu 1: Lời nói của em bé trong văn bản " Mây và Sóng " gồm mấy phần?

Câu 2: Sự giống và khác nhau giữa các phần đó ?

2. Đáp án và biểu điểm:

* Lời nói của em bé trong " Mây và Sóng " gồm 2 phần: (2đ)

+ Đ1 : Từ đầu -> đến “bầu trời xanh thẳm” : Cuộc trò chuyện của em bé với những người trên mây và mẹ.

+ Đ2 (còn lại): Cuộc trò chuyện của em bé với những người dưới sóng và mẹ.

* Giống (4đ)- Câu thơ được cấu tạo như lời văn xuôi

- Bao gồm một cuộc đối thoại và một lời độc thoại.

- Trình tự tường thuật : Lời rủ rê -> Lời từ chối và lí do từ chối -> Trò chơi của em bé.

* Khác: (4đ) - Không gian và đối tượng của các cuộc thoại.

- Sức hấp dẫn của các trò chơi khác nhau

- Đ1 hình ảnh mẹ xuất hiện trực tiếp, Đ2 hình ảnh mẹ xuất hiện gián tiếp.

***Vào bài mới :**GV cung cấp video bài hát về mẹ và giới thiệu về bài thơ

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc, Tìm hiểu chung *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, dùng lời có nghệ thuật. *Kĩ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực cảm thụ. ? Nêu những hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Minh Châu ? - GV giảng ? Nêu hoàn cảnh ra đời và xuất xứ bài thơ ? ? Bài thơ nên đọc với giọng điệu ntn ? - GV hướng dẫn đọc -> Yêu cầu HS đọc - Gv : Yêu cầu 1 HS tóm tắt văn bản - GV yêu cầu HS giải thích chú thích 3,5,7 - SGK. ? Xác định phương thức biểu đạt của văn bản ? ? Truyện được kể theo ngôi thứ mấy ? Điểm nhìn trần thuật của truyện ? ? Nhân vật chính là ai? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Văn bản được chia làm mấy phần , giới hạn và nội dung từng phần ? - HS thảo luận và trình bày Hoạt động 2: Phân tích	I.Đọc, Tìm hiểu chung 1. Tác giả : SGK 2. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ (SGK) *Đọc và tìm hiểu chú thích - Đọc, tóm tắt - Chú thích : SGK * Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm * Kể theo ngôi thứ 3, Theo điểm nhìn và tâm trạng của nhân vật Nhĩ * Nhân vật chính: Nhĩ * Cấu trúc : 2 phần + Phần 1 : Từ đầu -> Trước cửa sổ nhà mình -> Cảm nhận của Nhĩ về cảnh thiên nhiên + Phần 2 : Còn lại -> Cảm nhận của nhân vật Nhĩ về mọi người xung quanh và khát vọng của Nhĩ II. Phân tích 1. Tình huống truyện - hoàn cảnh của Nhĩ

*Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, dùng lời có nghệ thuật, phân tích, pp giải quyết tình huống có vấn đề.

*Kĩ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

* Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực cảm thụ.

? Nhân vật Nhĩ được đặt trong hoàn cảnh nào. ?

? Trước đó, Nhĩ được nhắc đến là một người như thế nào ?

? Khi nhận ra vẻ đẹp của bãi bồi bên kia sông , Nhĩ có khao khát gì ?

? Nhĩ đã làm gì để thực hiện niềm mơ ước đó ?

? Nhận xét về tình huống truyện?

GV : yêu cầu HS thảo luận nhóm

-> gọi HS trình bày, nx

(1) Những tình huống truyện trên có ý nghĩa như thế nào?

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân

? Qua cái nhìn và cảm nhận của Nhĩ,

- Nhân vật Nhĩ ở vào một hoàn cảnh đặc biệt : Căn bệnh hiểm nghèo khiến anh hầu như bị liệt toàn thân. Mọi sinh hoạt đều phải nhờ vào người khác, chủ yếu là vợ .

- Trước khi bị bệnh Nhĩ là một người có điều kiện đi nhiều nơi thăm chí là cả thế giới.

- Nhĩ nhận ra vẻ đẹp lạ lùng của cái bãi bồi bên kia sông nhưng anh không bao giờ đến đó được.

- Anh muốn nhờ con trai thể hiện khao khát của mình. Nhưng cậu con trai sa vào đám cờ và có thể lỡ chuyến đò ngang duy nhất trong ngày
-> Một chuỗi những tình huống truyện đầy nghịch lí

* ý nghĩa :

- Cuộc đời có nhiều điều bất thường vượt ngoài những dự định, ước muốn của con người

- Con người ta trên đường đời thật khó tránh khỏi những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình

- Những điều bình thường giản dị gần gũi quanh mình không phải lúc nào cũng sớm nhận ra. Chỉ có sự trải nghiệm mới thấy hết giá trị của nó.

2. Những cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật Nhĩ:

* *Cảnh vật, thiên nhiên trong một buổi sáng đầu thu*

-Ngoài cửa sổ những bông hoa bằng

cảnh vật, thiên nhiên hiện lên ở những chi tiết nào ?

? Cách dùng từ của tác giả có gì đặc biệt ?

? Cảnh vật được miêu tả theo trình tự nào?

? Cảnh vật được hiện lên ntn qua cái nhìn của Nhĩ ?

- HS trình bày, NX

GV: Cảnh vật được cảm nhận một cách tinh tế, vừa quen, vừa lạ, tưởng chừng như lần đầu tiên Nhĩ cảm thấy tất cả vẻ đẹp và sự giàu có của nó. Cảnh vật đầy sức cuốn hút đối với Nhĩ

? Em hình dung như thế nào về cảm xúc của Nhĩ trước vẻ đẹp ấy?

GV: giảng – bình

? Từ cảm xúc ngỡ ngàng ấy, tâm trạng của Nhĩ được thể hiện qua chi tiết nào?

? Chi tiết này giúp em hiểu gì về tâm trạng của Nhĩ ?

GV: Nhĩ thấy có lúc mình đã không phải với mảnh đất đã sinh thành ra anh và sẽ nhận anh về khi anh nhắm mắt xuôi tay

-GV sử dụng pp giải quyết tình huống có vấn đề :

? Qua cảm nhận của Nhĩ ,tác giả muốn nhắc nhở chúng ta điều gì ?

- GV:giảng và khái quát

(Tiết 2)

lăng ... **đậm sắc** hơn

-Bên kia hàng cây bằng lăng: Dòng sông màu **đỏ nhạt** như **rộng** thêm ra

- Vòm trời như **cao** hơn

- Bãi bồi đang **phô...** màu **vàng thau** xen màu **xanh non...**màu mỡ

+ Động từ , tính từ miêu tả

+ Cảnh vật được tả theo tầm nhìn của Nhĩ từ gần đến xa. Tạo thành không gian có chiều sâu, rộng

-> Cảnh vật đẹp đẽ, thân thuộc, bình dị

->Nhĩ ngỡ ngàng, xúc động trước vẻ đẹp của quê nhà.

- Nhĩ đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất...chân trời gần gũi mà xa lắc ...

-> Nhĩ cảm thấy ân hận, có lỗi vì đã vô tình với quê hương

->Đừng vô tình mà phải biết trân trọng những điều bình dị quanh mình (bên sông, cảnh vật...) vì đó là quê hương xứ sở

***Cảm nhận của Nhĩ về sự sống của mình**

- Những bông hoa bằng lăng thắm màu hơn- như bóng tối

- Hỏi : “Đêm qua em có nghe thấy gì

? Nhĩ cảm thấy màu sắc của những bông hoa bằng lăng có gì đặc biệt ? ? Nhĩ đã hỏi Liên những gì. ? ? Nhĩ đã nhận ra được điều gì sắp đến với bản thân mình.? GV: giảng - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ?Tìm chi tiết miêu tả cử chỉ , lời nói và việc làm của Liên với chồng.? ? Những chi tiết ấy cho thấy Liên là người vợ ntn? ? -HS thảo luận và trình bày->NX ? Tình yêu của Liên đã giúp Nhĩ nhận ra điều gì ? ? Em hiểu gì về tâm trạng của Nhĩ qua các chi tiết trên ? ? Nhĩ đã có phát hiện gì về người vợ tàn tật của mình.? ? Cách Nhĩ cảm nhận về vợ có gì đặc biệt ? ? Với cách cảm nhận đó , em hiểu gì về tâm trạng của Nhĩ lúc này? ? Từ tình yêu của vợ , Nhĩ đã tìm thấy được điều gì ? - GV sử dụng kĩ thuật động não ? Cảm nhận của Nhĩ đã nhắc nhở chúng ta điều gì? GV: Nhĩ đã tìm thấy chỗ dựa và sức mạnh tinh thần chính là từ tổ ấm gia đình. Gia đình chính là hạnh phúc ,là bến đậu.	không?”, “Hôm nay là ngày mấy?” -> Bằng trực giác, Nhĩ đã nhận ra mình chẳng còn sống được bao lâu nữa. *Cảm nhận của Nhĩ về Liên và gia đình - Những ngón tay gầy guộc âu yếm vuốt ve bên vai chồng - Anh cứ yên tâm... Có hề sao đâu...anh sẽ đi lại được - Bón từng thìa thức ăn, sắc thuốc, bước chân rón rén... -> Yêu chồng, tạo cho anh niềm vui niềm tin vào cuộc sống - Lần đầu tiên Nhĩ để ý thấy Liên mặc áo vá - “Suốt đời anh chỉ làm em khổ tâm...mà em vẫn nín thinh” -> Thương vợ, có lỗi với vợ, tự trách mình vì đã quá vô tâm -Từ một cô gái chân quê...thành thị...tàn tảo, hi sinh -> Cảm nhận về vợ trong hiện tại và cả từ quá khứ xa xôi. ->Nhĩ mới thực sự thấu hiểu với lòng biết ơn sâu sắc người vợ hiền. - Nhĩ tìm thấy nơi nương tựa là gia đình trong những ngày này =>Nhắc nhở : Đừng vô tình với người thân, gia đình vì đó là hạnh phúc, là bến đỗ bình yên của mỗi người. * Cảm nhận của Nhĩ về những người xung quanh - Bọn trẻ giúp anh đi nửa vòng trái đất - Ông cụ giáo Khuyến ngày ngày hỏi thăm sức khỏe của Nhĩ

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân ? Hình ảnh bọn trẻ và cụ giáo Khuyến được tác giả miêu tả qua những chi tiết nào? ? Trước tình cảm của bọn trẻ và cụ giáo Khuyến, Nhĩ cảm thấy ra sao? ? Từ niềm vui ấy của Nhĩ truyện đã nhắc nhở chúng ta điều gì? - HS trả lời -> NX GV: giảng ? Khi nhìn lại bãi bồi bên kia sông, Nhĩ đã hỏi con những gì? ? NX về ngôn ngữ mà tác giả sử dụng? ? Những câu hỏi ấy giúp em hiểu gì về khát vọng của Nhĩ? ? Với Nhĩ đây là một ước nguyện ntn? ? Ước nguyện này của Nhĩ thể hiện điều gì? ? Nhĩ đã nhờ con làm gì và anh nói với thái độ ra sao? ?Mục đích của việc làm này? ? Tuấn đi với một thái độ ra sao? ? Từ đây nhà văn cũng giúp ta nhận ra được một qui luật nào của cuộc sống? ? Tuấn có đi ngay được sang bên kia sông hay không? ? Khi thấy Tuấn như vậy, Nhĩ đã nhận ra điều gì? GV: -> Muốn con thay mặt mình sang sông ngắm những cảnh vật thân quen, bình dị mà hầu như suốt cuộc đời bố đã lãng quên. Đây chính là sự thức tỉnh về những giá trị bền vững, sâu xa trong cuộc sống. Những gì gần gũi ta thường bỏ qua, hướng tới những gì xa vời, chỉ	-> Anh thấy vui như một đứa trẻ => Hạnh phúc khi được sống trong tình yêu của đồng loại -> Trân trọng * Ước nguyện của Nhĩ; - Đã bao giờ Tuấn sang bên kia chưa? - Bên kia sông ấy! + Ngôn ngữ đối thoại -> Muốn sang bãi bồi bên kia sông (ước nguyện giản dị nhưng vô vọng) -> Sự thức tỉnh về những giá trị bình thường mà bền vững của cuộc sống - Nhĩ: ngượng ngịu, điều anh sắp nói quá kì quặc. Con sang bên kia hộ bố... đi chơi loanh quanh... -> Muốn con thay mặt mình sang sông ngắm những cảnh vật thân quen, bình dị mà hầu như suốt cuộc đời bố đã lãng quên. - Tuấn: đi một cách miễn cưỡng => Hai cha con dù rất yêu thương nhau nhưng thuộc hai thế hệ nên khó hiểu hết về nhau - Tuấn sà vào đám người chơi phá có thể, có thể lỡ chuyển đồ ngang => Con người ta trên đường đời thật khó tránh khỏi những điều vòng vèo hoặc chùng chình => Một triết lý nhân sinh sâu sắc về đường đời và mục tiêu cuộc sống. * Hành động cuối truyện: - Nhĩ cố hết sức mình để lết ra cạnh

khi già mới nhận ra điều đó. -Cảm thấy ân hận xót xa lục bát tòng tâm. Nghĩ lại đã muộn. - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Cuối truyện Nhĩ đã có hành động gì? ? Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ của tác giả? ? ? Hành động này của Nhĩ có ý nghĩa gì? - HS thảo luận ->trình bày->NX ? Khi miêu tả cảm nhận của Nhĩ, nghệ thuật nổi bật được tác giả sử dụng là gì? ? Qua nhân vật Nhĩ, truyện thể hiện điều gì? GV: giảng - GV: yêu cầu HS thảo luận 4 nhóm -> gọi đại diện HS trình bày, nx và bổ sung ? Tìm những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng và phân tích ý nghĩa của những hình ảnh đó ?	cửa sổ, tay bầu chặt vào cửa nhô mình ra ngoài giờ cánh tay gầy khoát khoát như đang khảm thiết ra hiệu cho một ai đó + Từ láy , động từ , tính từ miêu tả -> Hành động kì quặc nhưng đó là sự thúc giục đưa con trai nhanh lên để kịp chuyến đò. => Thức tỉnh mọi người hãy sống khẩn trương, sống có ích đừng chùng chình . Hãy hướng tới những giá trị đích thực, giản dị và bền vững. + Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, ngôn ngữ đối thoại - độc thoại nội tâm ⇔ Những cảm nhận sâu sắc về tình đời, tình người. 3. Những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng - Sáng tạo những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng.... - Trong truyện, hầu như mọi hình ảnh đều mang 2 lớp nghĩa : nghĩa thực và nghĩa biểu tượng : + Bãi bồi, bến sông, thiên nhiên : Vẻ đẹp bình dị của đời sống, là quê hương... - Hoa bằng lăng cuối mùa, tảng đất -> sự sống của nhân vật vào những ngày cuối cùng . + Đứa con trai sa vào đám chơi phá cờ thế trên lễ đường : sự chùng chình , vòng vèo . + Hành động của Nhĩ ở cuối truyện : thức tỉnh... III.Tổng kết: 1. Nghệ thuật - Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế - Truyện được trần thuật theo dòng tâm trạng của nhân vật

Hoạt động 3: Tổng kết *PP: gọi mở- vấn đáp *Kĩ thuật : Đặt câu hỏi * Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày. ? Nêu những nét đặc sắc NT của VB ? ? Nội dung chính của truyện ?	2. Nội dung - Truyện thể hiện những cảm nhận sâu sắc của nhà văn về tình đời tình người . Qua đó truyện thức tỉnh chúng ta hãy trân trọng những giá trị bình thường mà bền vững. * Ghi nhớ SGK/108

3. Hoạt động luyện tập

- Tóm tắt lại văn bản. ?
- Nêu tình huống truyện, ý nghĩa của tình huống đó ?
- Em hiểu gì về nhan đề truyện .?
- Qua nhân vật Nhĩ, tác giả muốn nhắn nhủ ta điều gì.?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về quê hương ?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về tác phẩm .
- Học bài và nắm chắc nội dung
- Hoàn thành bài tập
- Chuẩn bị phần " Ôn tập tiếng Việt "

(Ôn lại phần lí thuyết đã học và làm bài tập/sgk- GV yêu cầu HS chuẩn bị theo nội dung hợp đồng)

=====

Ngày soạn:
Tuần 30 - bài 27

Ngày dạy:

Tiết 143 : ÔN TẬP TIẾNG VIỆT LỚP 9 (t1)

I.MỤC TIÊU : Qua bài học, HS cần

1. Kiến thức: Hệ thống hoá kiến thức về: Khởi ngữ và các thành phần biệt lập
2. Kỹ năng : Tổng hợp ,hệ thống hóa một số kiến thức về phần Tiếng Việt
- Vận dụng những kiến thức đã học trong giao tiếp, đọc – hiểu và tạo lập văn bản.

3. Thái độ: Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy.

- HS có phẩm chất : Tự tin,tự lập.

II.CHUẨN BỊ

1. Thầy: - Soạn giáo án

- Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức TV

- Phương pháp : Vấn đáp- Gợi mở , đặt vấn đề , thảo luận ...

2. Trò: Chuẩn bị những câu hỏi SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, pp giải quyết tình huống có vấn đề, pp luyện tập thực hành, pp hợp đồng.

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.

IV.TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1 .Hoạt động khởi động

***Ôn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ : (trong giờ)**

***Vào bài mới :**GV tổ chức cho HS chơi trò chơi

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Khởi ngữ và các thành phần biệt lập *Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, pp giải quyết tình huống có vấn đề, pp luyện tập thực hành. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy.	I. Khởi ngữ và các thành phần biệt lập

<

? Hãy viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về truyện ngắn Bến quê của NMC, trong đó chứa thành phần khởi ngữ và TPBL? - Học sinh chia nhóm viết đoạn văn và trình bày.	Bài tập 2: (SGK/109) Gợi ý: -Xác định chủ đề của đoạn -Trong đoạn có câu chứa khởi ngữ, một câu chứa thành phần tình thái b. Đoạn văn

3. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nói về ước mơ của em. Trong đoạn văn có sử dụng thành phần tình thái và phép nối (gạch chân và chú thích)

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Sưu tầm thêm các bài tập và ôn tập theo 3 nội dung: Khởi ngữ, các thành phần biệt lập, liên kết câu và liên kết đoạn.
- Chuẩn bị tiếp phần còn lại. (Ôn lí thuyết và làm bài tập)

=====

Ngày soạn:

Tuần 30 – Bài 27

Ngày dạy:

Tiết 144 : ÔN TẬP TIẾNG VIỆT LỚP 9 (t2)

I. Mục tiêu : Qua bài học, HS cần

1. Kiến thức: Hệ thống hoá kiến thức về: Liên kết câu và liên kết đoạn văn; nghĩa tường minh và hàm ý.

2. Kỹ năng : Tổng hợp ,hệ thống hóa một số kiến thức về phần Tiếng Việt.

- Vận dụng những kiến thức đã học trong giao tiếp, đọc – hiểu và tạo lập văn bản.

3.Thái độ : HS có ý thức tự giác trong học tập.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tự duy.

- HS có phẩm chất : Tự tin,tự lập.

II.CHUẨN BỊ

1. Thầy: - Soạn giáo án

- Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức TV

2. Trò: Chuẩn bị những câu hỏi SGK

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, pp luyện tập thực hành, pp hợp đồng.

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

* **Ôn định tổ chức**

* **Kiểm tra bài cũ** : Nêu các thành phần biệt lập, cho VD?

* **Tổ chức khởi động** : GV tổ chức cho HS chơi trò chơi

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Liên kết câu và liên kết đoạn văn. *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm pp luyện tập thực hành, pp hợp đồng. *Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy. - GV yêu cầu HS thảo luận và thanh lí hợp đồng về liên kết câu và đoạn văn	II. Liên kết câu và liên kết đoạn văn. 1. Lí thuyết <pre> graph TD A[Liên kết] --> B[LK nội dung] A --> C[LK hình] B --> D[LK chủ đề] B --> E[Liên kết lô-gíc] C --> F[Phép lặp từ ngữ] C --> G[Phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng] C --> H[Phép thế] C --> I[Phép nối] </pre>
	2. Bài tập

- Học sinh thảo luận theo cặp đôi - Học sinh trình bày và nhận xét	

	Phép liên kết			
	Lập từ ngữ	Phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng	Phép thế	Phép nối
Từ ngữ tương ứng	Cô bé Mưa, tôi		Cô bé – nó Thế – Bây giờ cao sang rồi	Nhưng, nhưng, rồi, và

Hoạt động 2: *PP Hoạt động nhóm, luyện tập thực hành *KT : Thảo luận nhóm, ? Phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý	III. Nghĩa tường minh và hàm ý 1. Lý thuyết

Nghĩa tường minh	Hàm ý	
	Khái niệm	Điều kiện sử dụng
Là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.	Là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.	- Người nói (viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu nói. - Người nghe(đọc) có năng lực giải đoán hàm ý.

- Học sinh đọc truyện và trả lời ? Yêu cầu học sinh x,định câu chứa hàm ý X.định hàm ý? - GV: Tổ chức thảo luận theo bàn - Học sinh thảo luận trong nhóm - Đại diện nhóm trình bày. (1) Tìm hàm ý và hàm ý đó được tạo ra bằng cố ý vi phạm phương châm hội thoại nào?	2. Bài tập <u>Bài tập 1</u> - ở dưới đây nhà giàu chiếm hết chỗ rồi. -> Địa ngục chính là nơi dành cho bọn nhà giàu các ông. <u>Bài tập 2</u> a. Đội bóng đó chơi không hay. => Vi phạm phương châm quan hệ. b. Tớ chưa báo cho Tuấn và Nam. => Vi phạm phương châm về lượng

- HS thực hiện y/c của bài tập bằng hình thức trò chơi tiếp sức.
- GV cho HS chơi trò chơi tiếp sức: đặt các câu nói có hàm ý để diễn đạt nội dung sau:
 - a. Muốn mẹ mua cho chiếc áo mới
 - b. Muốn mời bạn đến sinh nhật mình
- Gv: sử dụng bản đồ tư duy khái quát nội dung hai tiếp ôn tập

3. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn về hậu quả của việc lãng phí điện, có sử dụng phép nổi và phép thế (gạch chân và chú thích)

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Ôn tập kĩ nội dung Tiếng Việt
- Hoàn thành các bài tập trong SGK, giáo viên ra
- Chuẩn bị kĩ: Luyện nói nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ (bài thơ “Bếp Lửa” – Bằng Việt -> lập dàn ý
- + Nhóm 1: Viết phần MB
- + Nhóm 2: Viết TB (ý 1, ý 2)
- + Nhóm 3: Viết TB (ý 3, ý 4)
- + Nhóm 4: Viết phần KB

=====

Ngày soạn:
Tuần 30 – bài 27

Ngày dạy:

Tiết 145: Luyện nói – NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- 1. Kiến thức:** Học sinh nắm được những yêu cầu đối với luyện nói khi bàn luận về một đoạn thơ, bài thơ trước tập thể.
- 2. Kiến thức:** Học sinh có kĩ năng tìm ý, lập dàn bài, dẫn dắt vấn đề khi nghị luận về đoạn thơ, bài thơ. HS trình bày miệng một cách mạch lạc, rõ ràng, cảm nhận, đánh giá của mình về một đoạn thơ, bài thơ.
- 3. Thái độ:** Rèn thái độ tự tin, mạnh dạn trước tập thể.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất:**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy.
 - HS có phẩm chất: Tự tin, tự lập.

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:** - Soạn bài, chọn đề cho HS chuẩn bị ở nhà
2. **Trò:** Chuẩn bị ở nhà, lập dàn ý, tập diễn đạt trước.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, pp luyện tập thực hành.
2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định tổ chức**

* **Kiểm tra bài cũ :** (Trong giờ học)

* **Tổ chức khởi động :** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
* Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, pp luyện tập thực hành. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy. - GV kiểm tra việc tìm hiểu đề và lập dàn ý của học sinh. ? Hãy phân tích đề bài trên về thể loại, vấn đề nghị luận ? - GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm nêu yêu cầu cần đạt của các phần trong dàn ý - HS thảo luận, trình bày, NX	I. Chuẩn bị <u>Đề bài:</u> Suy nghĩ về bài thơ " Bếp lửa " của Bằng Việt. 1. Tìm hiểu đề: - Thể loại: Nghị luận về bài thơ - Vấn đề nghị luận: Tình cảm bà cháu - Cách nghị luận: Xuất phát từ sự cảm thụ cá nhân đối với bài thơ... 2. Lập dàn ý a. Mở bài: - Giới thiệu tác giả Bằng Việt - Khái quát bài thơ " Bếp lửa " b. Thân bài: Phân tích, nêu nhận xét, đánh giá về hình ảnh bếp lửa trong bài thơ: - Hình ảnh bếp lửa xuyên suốt toàn bộ bài thơ. - Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng cảm xúc về bà. - Hình ảnh bếp lửa gợi nhắc cuộc sống - kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà và hình ảnh người bà. - Hình ảnh bếp lửa gợi những suy nghĩ về cuộc đời bà. - Hình ảnh bếp lửa luôn gắn với hình ảnh người bà. Bếp lửa bình dị, thân thuộc mà kỳ diệu , thiêng liêng. - Sự sáng tạo hình ảnh bếp lửa vừa thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng.

-GV: nêu yêu cầu luyện nói GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm + Nhóm 1: Viết phần MB + Nhóm 2: Viết TB (ý1, ý2) + Nhóm 3: Viết TB (ý3, ý 4) + Nhóm 4: Viết KB GV yêu cầu HS trình bày trên lớp GV nhận xét, bổ sung -> Rút ra những điều cần thiết khi nói trước lớp	c. Kết bài - Khẳng định giá trị của bài thơ - Tình cảm gia đình là ngọn nguồn tình yêu đất nước II. Luyện nói trên lớp 1. Chuẩn bị trước khi nói 2. Thực hành

3. Hoạt động vận dụng

- Hoàn thiện bài luyện nói cho đề bài trên?

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng kiến thức.

- Tự rèn khả năng giao tiếp

- Soạn bài " Những ngôi sao xa xôi "->Đọc vb,tìm hiểu nét chung về vb,phân tích hoàn cảnh sống và chiến đấu –phẩm chất của ba cô gái thanh niên xung phong)

=====

Ngày soạn:
Tuần – bài 28

Ngày dạy:

Tiết 146,147 : VB - NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI
(Trích)

(**LÊ MINH KHUÊ**)

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1 Kiến thức: Học sinh cảm nhận được tâm hồn trong sáng, tính cách dũng cảm hồn nhiên trong cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh nhưng vẫn lạc quan của ba cô thanh niên xung phong trên cao điểm trên tuyến đường Trường Sơn thời kì chống Mỹ.

- HS thấy được nét đặc sắc trong cách kể chuyện, tả nhân vật (tâm lí, ngôn ngữ) lựa chọn ngôi kể của tác giả.

2. Kỹ năng: - HS đọc - hiểu một tác phẩm tự sự sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mĩ

- HS phân tích tác dụng của việc sử dụng ngôi kể thứ nhất xưng "tôi".

- Cảm nhận về đẹp hình tượng nhân vật trong tác phẩm.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh lòng dũng cảm, yêu nước

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực thẩm mĩ, năng lực cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập, yêu quê hương đất nước, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy: - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu

- Dự kiến tích hợp (Liên hệ)

+ Văn - Văn: Một số văn bản của P.T. Duật, Lâm thị Mĩ Dạ

+ Văn - L/S: Cuộc kháng chiến chống Mĩ

+ Văn - Môi trường: Môi trường bị huỷ hoại nghiêm trọng

2. Trò: Học bài cũ, tìm đọc " Những ngôi sao xa xôi "

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, hỏi và trả lời.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** - Phân tích những suy nghĩ và cảm xúc của nhân vật Nhĩ về gia đình trong đoạn trích "Bến quê" ?

*** Tổ chức khởi động :** GV giới thiệu video về tuyến đường Trường Sơn trong những năm chống Mĩ ?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc, Tìm hiểu chung *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp , dùng lời có nghệ thuật. * Kỹ thuật : đặt câu hỏi, hỏi và trả lời . * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày,	I. Đọc, Tìm hiểu chung

năng lực tư duy, năng lực thẩm mĩ, năng lực cảm thụ. ? Cho biết những nét chính về tác giả Lê Minh Khuê ? ? Nêu hoàn cảnh ra đời tác phẩm ? ? VB cần được đọc với giọng điệu ntn ? GV hướng dẫn HS đọc -> đọc mẫu -> gọi HS đọc, nhận xét - Hãy tóm tắt ngắn gọn văn bản ? - GV gọi HS bổ sung GV : Yêu cầu HS giải thích chú thích 2,3 – SGK - GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời -HS hỏi và trả lời các câu hỏi liên quan đến phần tìm hiểu chung về văn bản (PTBĐ,thể loại, ngôi kể, chủ đề của truyện) Hoạt động 2: Phân tích *Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật * Kĩ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực thẩm mĩ, năng lực cảm thụ. ? Ba cô gái đã sống và làm việc trong hoàn cảnh nào ?	1. Tác giả (SGK) 2. Tác phẩm (SGK) * Hoàn cảnh ra đời tác phẩm : SGK * Đọc, tóm tắt và tìm hiểu chú thích - Đọc và tóm tắt - Chú thích : SGK * Thể loại: Truyện ngắn * PTBĐ: Tự sự * Truyện kể theo ngôi thứ nhất -> Phù hợp với nội dung tác phẩm và tạo thuận lợi để tác giả miêu tả, biểu hiện thế giới tâm hồn, những cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật(Truyện được trần thuật từ nv Phương Định) *Truyện hướng vào phản ánh thế giới nội tâm, làm hiện lên vẻ đẹp con người trong chiến tranh –Ba ngôi sao xa xôi trên cao điểm TS. II. Phân tích 1. Hình ảnh ba nữ thanh niên xung phong * Hoàn cảnh sống, chiến đấu - Họ ở trên một cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn.

? Em có nhận xét gì về hoàn cảnh này ? ? Từ đó em hiểu gì về hiện thực chiến tranh trên tuyến lửa Trường Sơn trong những năm chống Mĩ ? GV: giảng, tích hợp với giáo dục bảo vệ môi trường - GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm ? Công việc của ba nữ thanh niên xung phong được giới thiệu qua các chi tiết nào.? ? Theo em đây là công việc như thế nào? ? Công việc này đòi hỏi điều gì? - HS thảo luận và trình bày, NX GV:giảng và liên hệ với người lính lái xe, hình ảnh nữ thanh niên xung phong ? Qua hoàn cảnh sống, chiến đấu và công việc của ba nữ thanh niên xung phong, em thấy được phẩm chất cao quý nào của các chị ? ? ở cao điểm họ đối xử với nhau như thế nào. Tìm chi tiết cụ thể ? ?Những cử chỉ đó thể hiện điều gì? - GV: giảng ? Sở thích của họ ra sao?	- Con đường bị đánh lở loét... - Hai bên đường không có lá xanh -> Sống chiến đấu ở nơi nguy hiểm ác liệt, nơi tập trung nhiều nhất bom đạn kẻ thù, nơi c/s gần như bị huỷ diệt. ->Trong những năm đánh Mĩ, tuyến đường Trường Sơn là nơi diễn ra cuộc chiến tranh tàn phá ác liệt của giặc Mĩ. Nơi quân và dân ta dũng cảm đương đầu với giặc để thực hiện nhiệm vụ :giải phóng Miền Nam ,thống nhất đất nước . * Công việc - Chạy trên cao điểm giữa ban ngày- nóng 30 độ - khi có bom nổ thì chạy lên đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ. - Nếu cần thì phá bom - Ngày phá bom 5 lần, ngày ít 3 lần - Công việc bị bom vùi thường xuyên ->Đây là công việc hết sức nguy hiểm phải đối mặt với cái chết. -> Đòi hỏi sự dũng cảm, bình tĩnh, tinh thần trách nhiệm cao. * Về đẹp tâm hồn, Phẩm chất của ba cô gái -> Tinh thần dũng cảm, sẵn sàng hi sinh vì đất nước. - Họ yêu thương nhau - Nho bị thương : Phương Định pha sữa, tiêm thuốc, băng bó cho Nho. Chị Thao thấy đau hơn người bị đau ->Tinh đồng chí ,đồng đội gắn bó, keo sơn. - Nho thích mút kẹo, chị Thao chăm chép bài hát, Định thích ngắm mình trong gương – ngồi bó gối và hát

? Em hiểu gì về các chị qua các chi tiết trên ?

- Gv giảng

-GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Tuy nhiên mỗi người có vẻ riêng ra sao ?

-HS thảo luận, trình bày, NX

? Em có nhận xét gì về hình ảnh ba nữ thanh niên xung phong?

? Nghệ thuật kể chuyện của tác giả có gì đặc biệt ?

? Qua đó, em có cảm nhận ntn về ba cô gái thanh niên xung phong ?

GV : Chính phẩm chất và cá tính của họ tạo nên vẻ đẹp lấp lánh của những ngôi sao xa xôi -> liên hệ và giáo dục đạo đức.

(Tiết 2)

? Em hãy giới thiệu vài nét về nhân vật Phương Định ?

GV : những kỉ niệm ấy luôn sống lại trong cô ngay giữa chiến trường dữ dội .Nó vừa là niềm khao khát , vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh khắc nghiệt của chiến trường . Cô đã vào chiến trường ba năm, đã quên với những thử thách và nguy hiểm, giáp mặt hàng ngày với cái chết.

-GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? Phương Định tự kể về dáng vẻ mình ra sao ?

-> **Tâm hồn trong sáng, lạc quan , yêu đời.**

*** Vẻ đẹp riêng**

- Nho : Trắng trẻo, mát mẻ như một que kem, Thích ăn kẹo, xử lí tốt hai quả bom dưới lòng đường

- Chị Thao: Trong công việc bình tĩnh và quyết liệt nhưng lại rất sợ khi nhìn thấy máu. Chị chăm chép bài hát.

- Phương Định: là cô gái Hà Nội nhạy cảm, mơ mộng, xinh đẹp

-> Mỗi người một vẻ đẹp riêng nhưng đều đáng yêu, đáng mến.

+ NT : Cách kể chuyện tự nhiên, trẻ trung. Ngôn ngữ sinh động

=> **Họ là h/ảnh tiêu biểu của thế hệ trẻ VN đầy nhiệt tình và trách nhiệm với Tổ quốc, nhân dân**

2.Nhân vật Phương Định

*** Giới thiệu về Phương Định**

- Là con gái Hà Nội , cô có một thời học sinh vô tư , hồn nhiên bên người mẹ thân yêu.

*** Vẻ đẹp ngoại hình**

- Tôi là cô gái khá - nói một cách khiêm tốn.

- Hai bím tóc dày, tương đối mềm.

- Cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn, tự tin

- Đôi mắt dài, màu nâu, có cái nhìn

? ở những chi tiết này, tác giả sử dụng nghệ thuật gì ? ? Từ đó em thấy Phương Định là có hình thức ntn ? - HS thảo luận, trình bày, NX GV giảng : Hay làm điều trước mặt anh bộ nói giỏi : đứng ra xa, khoanh tay, nhìn đi nơi khác...người đẹp nhất...ngôi sao trên mũ.. ? Sở thích của Phương Định. ? ? Khi đứng trước cơn mưa đá, Phương Định có suy nghĩ, cảm xúc gì. ? ? Chi tiết đó cho thấy Phương Định có tâm hồn ntn? - GV giảng -GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm ? Tìm những chi tiết gợi tả khung cảnh khi Phương Định phá bom ? ? Hình ảnh Phương Định khi phá bom được gợi tả qua những chi tiết nào ? ?NX về nghệ thuật được tác giả sử dụng ? ?Qua đó, em hiểu gì về Phương Định ?	sao, xa xăm - Được nhiều pháo thủ, lái xe hỏi thăm +NT: so sánh, miêu tả, tình từ -> Là cô gái ẩn tượng, xinh đẹp. * Vẻ đẹp tâm hồn , phẩm chất của người chiến sĩ Trường Sơn - Tôi mê hát - Tôi thích nhiều bài hát - Thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mơ màng - Đứng trước cơn mưa đá: Thấy nhớ một cái gì trong quá khứ của tuổi thơ đầy êm đềm. -> Cá tính, trong sáng, lạc quan, yêu đời - Không gian vắng lặng đến phát sợ... - Tôi đến gần quả bom, cảm thấy có ánh mắt đang nhìn... sẽ không đi khom... đàn hoàng mà bước - Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom... một hiệu chằng lảnh... rùng mình -Tim tôi đập cũng không rõ - Có nghĩ tới cái chết... cái chính là bom có nổ không - Khi bom nổ : văng óc, cát lạo xạo trong miệng, mắt cay mãi mới mở được. +Tâm lí nhân vật được miêu tả cụ thể ,tinh tế, chân thật ->Phương Định dũng cảm, giàu bản

- HS thảo luận, trình bày, NX ? Tình cảm của Phương Định với đồng đội được gợi tả qua các chi tiết nào? ? Em hiểu gì về PĐ qua các chi tiết trên? - GV giảng ? NX về nghệ thuật được tác giả sử dụng? ? Cảm nhận chung về nhân vật Phương Định ? GV: Phương Định là một ngôi sao xa xôi lấp lánh, là bông hoa ngát hương giữa rừng núi Trường Sơn. - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi ? Qua nội dung bài học, em hiểu gì về ý nghĩa nhan đề tác phẩm? Hoạt động 3: Tổng kết - GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời và yêu cầu HS hỏi về ND, NT của tác phẩm.	lĩnh, sẵn sàng hi sinh vì dân tộc - yêu thương đồng đội - Khi Nho bị thương : Phương Định pha sữa, tiêm thuốc, băng bó cho Nho ->Tình đồng chí, đồng đội gắn bó, keo sơn. + NT: Ngôi kể thứ nhất, miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế => Nhân vật Phương Định hiện lên hết sức sinh động, chân thực. Cô là cô gái dũng cảm giàu bản lĩnh với một thế giới tâm hồn phong phú, trong sáng. * Nhan đề: Nhan đề tác phẩm là hình ảnh ẩn dụ tượng đẹp. Đó là vẻ đẹp tâm hồn của ba nữ thanh niên xung phong dũng cảm, lạc quan, yêu đời, có tình đồng đội gắn bó. Vẻ đẹp của các chị tiêu biểu cho vẻ đẹp của tuổi trẻ VN trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Ngôi kể thứ nhất, miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế - Cách kể chuyện tự nhiên, trẻ trung. Ngôn ngữ sinh động 2. Nội dung - Họ là h/ảnh tiêu biểu của thế hệ trẻ VN, có tâm hồn trong sáng, lạc quan, dũng cảm. * Ghi nhớ (SGK/122)

3. Hoạt động luyện tập

- Tóm tắt ngắn gọn câu chuyện ?
- Truyện được kể ở ngôi thứ mấy, tác dụng ?
- Hoàn cảnh sống, chiến đấu của 3 cô gái thanh niên xung phong ?

4. Hoạt động vận dụng

-Tìm gặp những cựu chiến binh là thanh niên xung phong trong những năm chống Mĩ ở địa phương em để tìm hiểu thêm về cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

-Tìm đọc các bài viết về tác giả và tác phẩm

- Học bài

- Nắm chắc nội dung

- Chuẩn bị bài " Chương trình địa phương " -> Xem lại kiểu bài nghị luận về một hiện tượng đời sống , xã hội ; các vấn đề cần quan tâm ở địa phương

=====

Ngày soạn:
Tuần

Ngày dạy:

Tiết 148: CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (Phần tập làm văn)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :

1. **Kiến thức:** Học sinh củng cố, vận dụng những kiến thức đã học về kiểu bài nghị luận về một sự việc hiện tượng. HS hiểu được những sự việc hiện tượng trong thực tế đáng chú ý ở địa phương.

2. **Kĩ năng:** HS biết suy nghĩ, đánh giá về một sự việc hiện tượng trong thực tế đáng chú ý ở địa phương.

- HS làm một bài văn trình bày một vấn đề mang tính xã hội nào đó với suy nghĩ, kiến nghị của riêng mình.

3. **Thái độ:** Giáo dục học sinh quan tâm đến vấn đề của địa phương mình.

4. **Định hướng năng lực - phẩm chất :**

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tự duy.

- HS có phẩm chất : Tự tin,tự lập, yêu quê hương đất nước, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:** - Soạn bài, tham khảo tài liệu liên quan

- Dự kiến tích hợp: Các vấn đề của đời sống xã hội ở địa phương.

2. **Trò:** Xem lại bài viết đã chuẩn bị ở tiết 101 - Tuần 22

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện tập thực hành.

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi

IV.TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1 .Hoạt động khởi động

***Ổn định tổ chức**

* **Kiểm tra bài cũ : Kiểm tra 15**

- Câu 1: Thế nào là nghị luận về một sự việc, hiện tượng XH. ?
- Câu 2: Viết đoạn văn (6 – 8 câu) theo lối diễn dịch cho câu chủ đề sau: Ô nhiễm không khí gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng.

* Đáp án :

- Câu 1 (3đ) : Nghị luận về một sự việc hiện tượng trong đời sống xã hội là bàn về những sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê hay có vấn đề đáng suy nghĩ.

- Câu 2: (7đ) + HS tạo lập được đoạn văn nghị luận làm sáng tỏ câu chủ đề.

+ Hình thức : Đoạn văn được trình bày theo lối diễn dịch

***Tổ chức khởi động :** GV cung cấp đoạn video về một số hiện tượng cần quan tâm -> yêu cầu HS nêu suy nghĩ về các hiện tượng trên.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện tập thực hành. *Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy. ? Theo em những vấn đề gì ở địa phương cần được quan tâm ? Yêu cầu HS đọc lại đề ? Hãy phân tích những yêu cầu của đề ? ? Cần tìm những ý chính nào cho đề bài trên ? GV: chia lớp thành 4 nhóm lập dàn	I. Tìm hiểu vấn đề cần nghị luận ở địa phương. - Vấn đề ô nhiễm nguồn nước - Vấn đề xử lí nước thải sinh hoạt - Rác thải sinh hoạt - Tệ nạn xã hội ở nông thôn - Học sinh nghèo vượt khó II. Viết bài nghị luận <u>Đề bài:</u> Rác thải sinh hoạt ở địa phương 1. Tìm hiểu đề và tìm ý * Tìm hiểu đề: - Nghị luận về một sự việc, hiện tượng - Nội dung: Rác thải sinh hoạt - Giới hạn: địa phương * Tìm ý: - Nêu hiện tượng - Nêu biểu hiện - Nguyên nhân - Tác hại - Cách khắc phục 2. Lập dàn ý. Mở bài Nêu, giới thiệu hiện tượng: Rác thải

ý cho đề bài trên ? Mở bài cần nêu được vấn đề gì ? ? Phần thân bài cần được triển khai bằng những ý nào.? ?Biểu hiện của rác thải...? ? Nguyên nhân của hiện tượng trên là do đâu ? ? Tác hại của rác thải ? ? Cách khắc phục tình trạng này ? ? Cần viết phần kết bài ra sao ? - GV gọi HS trình bày-> bổ sung GV chia lớp thành 4 nhóm + Nhóm 1: Viết MB, biểu hiện + Nhóm 2: Nguyên nhân + Nhóm 3: Tác hại + Nhóm 4: biện pháp ,viết KB GV yêu cầu HS trình bày GV yêu cầu các nhóm nhận xét GV nhận xét, bổ sung	nông thôn là vấn đề nan giải - cấp bách. b. Thân bài * Những biểu hiện: - Vứt rác bừa bãi không đúng qui định - Dùng những thứ rác khó phân huỷ - Không có biện pháp xử lí rác thải * Nguyên nhân - Công nghiệp phát triển kéo theo dịch vụ và sản phẩm từ công nghiệp (như: bao bì ni lông, vỏ chai, thuốc trừ sâu, thủy tinh...) -> một số nhà máy vì lợi nhuận đã xả rác ra môi trường - Người dân thiếu ý thức, hiểu biết... - Địa phương chưa có biện pháp xử lí hiệu quả, xử phạt chưa nghiêm... * Tác hại - ảnh hưởng đến môi trường sống(ô nhiễm nguồn nước, không khí, đất) - Mất vẻ đẹp mỹ quan - Gây nhiều dịch bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe con người - Gây tai nạn...VV * Biện pháp khắc phục - Mỗi người dân cần có ý thức, hiểu biết - Có kế hoạch thu gom rác thải - Có biện pháp xử lí hiệu quả c. Kết bài Kêu gọi mọi người dân cần nêu cao ý thức của mình đối với vấn đề rác thải. 3. Viết bài 4. Đọc - sửa lại

3. Hoạt động luyện tập.

- Lập dàn ý cho một hiện tượng đời sống cần quan tâm ở địa phương em?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống khác đáng quan tâm ở địa phương em?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Chuẩn bị viết bài nghị luận về một vấn đề của địa phương khác
- Chuẩn bị tiết học: Trả bài tập làm văn số 7

Ngày soạn:
Tuần

Ngày dạy:

Tiết 149 : TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 7

I. Mục tiêu cần đạt

1. **Kiến thức:** Học sinh nhận ra những ưu điểm, nhược điểm về nội dung và hình thức trình bày trong bài viết của mình.

2. **Kỹ năng:** Sửa lỗi chính tả, diễn đạt trong bài viết của mình.

3. **Thái độ:** Giáo dục ý thức tự giác sửa lỗi, rút kinh nghiệm.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập, yêu quê hương đất nước, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:** Giáo viên chấm bài, nhận xét ưu khuyết điểm.

- Phương pháp : Vấn đáp- Gọi mở , đặt vấn đề, thảo luận...

2. **Trò:** Xem lại đề bài kiểm tra số 7

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện tập thực hành.

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định tổ chức**

* **Kiểm tra bài cũ : (trong giờ)**

* Tổ chức khởi động : GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Hoa điểm mười.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện tập thực hành. *Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi	

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy.

- GV yêu cầu HS nhắc lại đề bài

Câu 1: Thế nào là nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ?

Câu 2: Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi
a, Xác định vấn đề nghị luận trong đoạn văn trên?

b, Xác định được luận điểm trong đoạn văn?

c, phép lập luận trong đoạn văn ?

Câu 3: Cảm nhận của em về bài thơ "Sang thu" của Hữu Thỉnh

- Yêu cầu về kỹ năng và hình thức?

- **Gv chia lớp thành 4 nhóm** và yêu cầu HS thảo luận : lập dàn ý chi tiết cho đề bài trên?

I. Tìm hiểu đề và đáp án

1. Đề bài

2. Đáp án

Câu 1(1đ) Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ là trình bày nhận xét, đánh giá của mình về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ ấy.

Câu 2(2đ)

a , Đoạn văn trên bàn luận về bức tranh mùa xuân thiên nhiên, đất nước trong cảm xúc của Thanh Hải

b, Luận điểm : câu 1

c, Phép lập luận phân tích

Câu 3(7đ)

a, yêu cầu về kỹ năng và hình thức

- Bài viết đúng thể loại

- Đảm bảo bố cục 3 phần (MB, TB, KB) rõ ràng, mạch lạc.

- Có luận điểm, luận cứ và lập luận chặt chẽ

- Dùng từ, câu đúng chính tả, ngữ pháp, diễn đạt lưu loát

b. Kiến thức:

* Phần mở bài : Giới thiệu bài thơ và đưa ra những nhận định ban đầu về bài thơ

* Phần thân bài :

+ Những tín hiệu đẹp báo thu về trong cảm xúc băng khuâng xao xuyến của nhà thơ (khổ 1)

- Những tín hiệu : hương ổi, gió se, làn sương là những tín hiệu đẹp báo thu về mang vẻ đẹp yên ả, thanh bình

- Cảm xúc ngỡ ngàng, băng khuâng của nhà thơ

-Nghệ thuật : động từ, từ láy, nhân hóa, thành phần tình thái...

+ Sự chuyển biến của thiên nhiên, đất trời từ cuối hạ sang đầu thu trong cảm

- GV gọi đại diện trình bày, bổ sung
- GV trả bài cho HS
- GV yêu cầu HS tự đọc bài của mình và nhận xét
- GV nhận xét

GV yêu cầu HS lên bảng chữa những lỗi sai điển hình

GV đưa ra một số lỗi sai điển đạt và gọi HS lên bảng chữa

nhận tình tế của tác giả (k2,3)
 - Sự chuyển biến của những hình ảnh thiên nhiên mang tình đặc trưng : cánh chim, dòng sông, đám mây . Nghệ thuật : từ láy, nhân hóa, động từ...
 - Sự thay đổi của những yếu tố thời tiết : nắng, mưa, sấm
 - Hai câu thơ cuối với lớp nghĩa ẩn dụ là những chiêm nghiệm sâu sắc : Khi con người đã từng trải cũng sẽ vững vàng trước những tác động bất thường của ngoại cảnh.
 *Phản kết bài ; Khái quát lại những nét chính về nghệ thuật và nội dung . Liên hệ...

II. Trả bài

III. Nhận xét

- * ưu điểm
 - + Đa số hiểu đề bài, viết chi tiết
 - + Làm đúng đặc trưng thể loại
 - + Trình bày rõ ràng
 - + Phân tích được nội dung chính và NT
- VD: Huyền, Anh, Ninh...
- * Nhược điểm;
 - Một số làm bài sơ sài
 - Một số bài chưa có bố cục rõ ràng
 - Sai chính tả quá nhiều, chữ xấu , trình bày cầu thả.
- VD: Minh, Tuấn Anh, Đức.

IV. Chữa lỗi điển hình

1. Chính tả

Lỗi sai	Sửa lại
Xang	sang
Làng sương	nàng sương
trân thành	chân thành
chân trọng	trân trọng
mưa dào	mưa rào
giữ dội	dữ dội

2. Diễn đạt

- Sông mùa thu lững lờ không ào ào cuộn chảy

GV nhận xét, chỉnh sửa	-> Sông mùa thu lững lờ trôi không giống như sông mùa hạ ào ào cuộn chảy - Sấm là những tác động bất thường của cuộc đời -> Sấm tượng trưng cho những tác động bất thường của cuộc đời. ...
GV gọi đọc bài văn tiêu biểu VD : Huyền, Ninh	V. Đọc một số bài văn hay

3. Hoạt động vận dụng

- HS tìm các lỗi sai trong bài của mình và sửa lại.

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Xem lại và sửa lại bài viết
- Ôn lại văn nghị luận về bài thơ, đoạn thơ
- Chuẩn bị tiết " Biên bản " và tổng kết ngữ pháp
- + Đọc và trả lời các câu hỏi.

=====

Ngày soạn:

Tuần

Ngày dạy:

Tiết 150 : BIÊN BẢN

I. Mục tiêu cần đạt:

- 1. Kiến thức:** Học sinh phân tích được các yêu cầu , mục đích, nội dung của biên bản và liệt kê được các loại văn bản thường gặp trong thực tế cuộc sống.
- 2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng viết biên bản . vận dụng các kiến thức đã học vào nói viết
- 3. Thái độ:** Giáo dục ý thức học tập nghiêm túc, tự giác.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy.
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập.

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy:** Sưu tầm một số biên bản (ĐH Đoàn TNCSHCM, ĐH Liên đội)
- Phương pháp : Vấn đáp- Gợi mở , đặt vấn đề , thảo luận
- 2. Trò:** Nghiên cứu nội dung và sưu tầm các mẫu văn bản.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện tập thực hành.
2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

***Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ : (trong giờ)**

*** Tổ chức khởi động :** GV tổ chức cho HS thi Ai nhanh hơn.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đặc điểm của biên bản * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi *HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy. -GV yêu cầu 2 HS đọc 2 văn bản SGK -GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Văn bản 1 ghi lại sự việc gì? ? Biên bản mà ghi lại nội dung như trên thuộc loại văn bản nào.? - HS thảo luận và trình bày, NX ? Lấy ví dụ về loại văn bản này? -GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn ? Văn bản 2 ghi lại sự việc gì ?Đó là kiểu biên bản gì? -HS thảo luận và trình bày ? Lấy ví dụ một số biên bản tương tự? ? Như vậy em thấy có mấy loại biên bản.? GV: yêu cầu HS thảo luận theo 4	I. Đặc điểm của biên bản 1. Đọc văn bản (SGK/123,124) 2 Nhận xét a. * Văn bản 1 Ghi lại: + Các thành phần tham dự + Nội dung + Diễn biến cuộc họp của chi đội -> Biên bản hội nghị Ví dụ: Đại hội chi đội Đại hội Đoàn TNCSHCM Biên bản lễ kết nạp Đội TNTPHCM * Văn bản 2: Ghi lại: + Thành phần tham dự + Diễn biến cuộc trao giấy tờ -> Biên bản sự vụ Ví dụ: Biên bản về vi phạm luật giao thông Biên bản kiểm kê tài sản thư viện => ý 2 ghi nhớ b. * Yêu cầu nội dung: - Số liệu, sự kiện phải chính xác, cụ thể (Nếu có tang vật, chứng cứ giấy tờ

nhóm ? Từ 2 văn bản trên, em thấy một biên bản cần có yêu cầu gì về nội dung? ? Hình thức của một biên bản phải được trình bày như thế nào? - GV gọi HS trình bày, nx ? Qua tìm hiểu trên, em hiểu thế nào là biên bản? Hoạt động 2: Cách viết biên bản * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi *HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy. -GV yêu cầu HS đọc lại văn bản ở mục I - GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm ? Phần mở đầu biên bản gồm những mục gì? ? Phần nội dung biên bản gồm những mục gì. ?Nhận xét cách ghi những nội dung này trong biên bản? -Tính chính xác, cụ thể của biên bản có giá trị như thế nào.?	liên quan phải kèm theo) - Ghi chép phải trung thực, đầy đủ, khách quan - Thủ tục chặt chẽ, ghi rõ thời gian, địa điểm - Lời văn chỉ hiểu theo nghĩa tường minh * Yêu cầu hình thức: - Đúng mẫu quy định - Không trang trí hoa tiết, tranh ảnh minh họa... => ý 1 ghi nhớ II.Cách viết biên bản 1. Phần mở đầu Gồm: - Quốc hiệu, tiêu ngữ - Tên biên bản - Thời gian, địa điểm - Thành phần tham dự 2. Phần nội dung - Ghi lại diễn biến (biên bản hội nghị) - Kết quả sự việc (biên bản sự vụ) -> Cách ghi nội dung trung thực, khách quan, ngắn gọn, chính xác. -> Tính chính xác, cụ thể giúp cho người có trách nhiệm làm cơ sở xem xét để đưa ra những kết luận đúng đắn. 3. Phần kết thúc - Thời gian kết thúc - Chữ kí và hiện vật kèm theo -> Chữ kí thể hiện tư cách pháp nhân của những người có trách nhiệm lập biên bản => ý 3 ghi nhớ

? Phần kết thúc văn bản gồm những mục gì.? ? Mục kí tên dưới biên bản nói lên điều gì.? - HS thảo luận và trình bày ?Như vậy một biên bản gồm mấy phần. Nội dung của từng phần.? ? Em hãy nhận xét lời văn của biên bản.? -GV yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ	- Lời văn ngắn gọn, chính xác => ý 4 ghi nhớ 4. Ghi nhớ (SGK/126) HS đọc ghi nhớ

3. Hoạt động luyện tập

? Thế nào là biên bản.?

? Yêu cầu nội dung và hình thức của biên bản

-GV yêu cầu HS làm Bài tập 1 (SGK/126)

Trường hợp a, c, d là cần viết biên bản

4. Hoạt động vận dụng

-Tìm một số tình huống trong thực tế cần viết biên bản.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm hiểu thêm về cách viết biên bản.

- Học bài và nắm chắc nội dung bài học

- Làm bài tập còn lại sgk

- Soạn văn bản " Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang "

+ Đọc và trả lời câu hỏi/ SGK.

=====

Ngày soạn:

Tuần

Ngày dạy:

Tiết 151 : RÔ-BIN-XÔN NGOÀI ĐẢO HOANG

(Trích Rô-bin-xơn Cru-xô)

Đ. Đi-Phô

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức: Học sinh hình dung được cuộc sống gian khổ và tinh thần lạc quan của Rô-bin-xơn một mình ngoài đảo hoang bộc lộ gián tiếp bức chân dung tự họa của nhân vật.

2. Kỹ năng: Rèn kĩ năng đọc, tìm hiểu văn bản dịch thuộc thể loại tự sự được viết bằng hình thức tự truyện.

- HS vận dụng để viết văn tự có sử dụng yếu tố miêu tả.

3. Thái độ: Giáo dục tinh thần tự học, tự cường vượt qua khó khăn gian khổ.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ.
- HS có phẩm chất : Tự tin,tự lập.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy : - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu

- Dự kiến tích hợp: + Văn - Văn: Đọc tiểu thuyết Rô-bin-xon Cru-xô
- + Văn - TLV: Văn tự sự
- + Văn - thực tế cuộc sống

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật, pp giải quyết có vấn đề.

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** Cảm nhận về nhân vật Phương Định trong tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi”

*** Tổ chức khởi động :** GV tổ chức cho Hs chơi trò chơi Hoa điểm mười.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc, Tìm hiểu chung * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi . * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ. ? Nêu nét chính về tác giả Đi-phô.? - GV giảng ? Những hiểu biết của em về tiểu thuyết và đoạn trích này.? ? VB cần được đọc với giọng điệu ntn? - GV hướng dẫn đọc - Gọi HS đọc -> GV nhận xét - GV giải thích 1 số từ khó 7,8 ? Văn bản viết theo thể loại nào? ? Phương thức biểu đạt là gì? ? Ngôi kể ở ngôi thứ mấy? -GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi	I. Đọc, Tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) 2. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ (SGK) * Đọc, tìm hiểu chú thích * Thể loại: Tiểu thuyết phiêu lưu * Phương thức biểu đạt: Tự sự + miêu tả * Ngôi kể: Ngôi thứ nhất * Cấu trúc : 2 phần

- Theo em văn bản chia làm mấy phần.?
- HS thảo luận và trình bày.

Hoạt động 2 : Phân tích

*Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, dùng lời có nghệ thuật, pp giải quyết có vấn đề.

* Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ.

? Tìm những chi tiết Rô-bin-xơn tự cảm nhận về mình.?

? Việc tự cảm nhận của anh đã khiến anh tưởng tượng ra thái độ như thế nào của mọi người khi nhìn thấy anh.?

? Nhận xét về giọng điệu của đoạn văn?

? Tác dụng của giọng kể này?

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm - >HS trình bày, nx
- (1)Tìm những chi tiết kể về trang phục của Rô-bin-xơn. ?

(2) NX về lời kể ?

(3) Em thấy trang phục của Rô-bin-xơn ntn.?

- + Phần 1: Từ đầu ... dưới đây
- > Tự giới thiệu chung về bản thân
- + Phần 2: Còn lại
- > Bức chân dung tự hoạ của Rô-bin-xơn

-Trang phục ,trang bị ,diện mạo

II. Phân tích

1. Rô-bin-xơn Tự giới thiệu chung về bản thân

- Nếu có ai gặp... tôi... họ hoảng sợ hoặc phá lên cười sằng sặc
- ... tôi đứng ngẩn ... tôi mỉm cười... tôi tưởng tượng...

-> Khi nhìn thấy anh mọi người sẽ ngạc nhiên đến mức sợ hãi do hình dáng, trang phục của anh phải khác thường, kì quặc lắm.

+ Giọng dí dỏm, hài hước, tự giễu mình

-> Gây hứng thú cho người đọc, đồng thời làm nổi bật cuộc sống thiếu thốn và khắc nghiệt TN mà Rô-bin-xơn đã trải qua hơn 15 năm trên đảo hoang.

2. Bức chân dung tự hoạ của Rô-bin-xơn

* *Trang phục:*

- Tôi đội một chiếc mũ... làm bằng da dê...
- mặc một chiếc áo bằng bằng tấm da dê...
- một cái quần loe... làm bằng da dê
- không biết tất cũng chẳng giày
- +Lời kể cụ thể ,dí dỏm ,hài hước

-> Trang phục khác thường, tát cả được làm bằng da dê

=> Hình dáng như một người rừng với

(4) Từ trang phục đó em hình dung dáng vẻ của Rô-bin-xơn như thế nào? - GV giảng ? Ngoài trang phục trên Rô-bin-xơn còn tạo ra cho mình những trang bị nào? ? Em có suy nghĩ gì về trang bị, vật dụng của Rô-bin-xơn? ? Trang phục và trang bị của Rô-bin-xơn đã nói lên điều gì ? - GV giảng ? Về diện mạo Rô-bin-xơn , tác giả đã tập trung nói về những chi tiết nào ? ? Nhận xét lời tự tả của Rô-bin-xơn. Qua đó thể hiện thái độ gì? ? Vì sao Rô-bin-xơn lại chú ý tả 2 nét trên về diện mạo của mình? GV: Đây là nét thay đổi nổi bật, dễ nhận ra nhận trong thời gian hơn 15 năm trên đảo. - GV sử dụng kĩ thuật động não ? Từ bức chân dung tự hoạ, em hiểu gì về cuộc sống của Rô-bin-xơn? tinh thần của Rô-bin-xơn ra sao? - GV sử dụng PP giải quyết vấn đề.	trang phục kì cục của một loài thú. <i>* Trang bị:</i> - Một chiếc thắt lưng bằng da dê... đeo bên này một chiếc cưa, bên kia là một chiếc rìu con. - túi da dê đựng thuốc súng- đạn ghém - đeo gùi sau lưng - khoác súng trên vai -> Trang bị linh khỉnh, cồng kềnh nhưng là những vật dụng thiết yếu cho cuộc sống trên đảo. => Đây là những thành quả lao động sáng tạo của Rô-bin-xơn, chủ động trong cuộc sống, không khuất phục trước hoàn cảnh. Là người có nghị lực phi thường. <i>* Diện mạo:</i> - Da: không đến nỗi đen cháy - Bộ ria mép: to, dài, có hình dáng kì quái (...) được cắt tỉa. + Lời kể, tả dí dỏm, hài hước -> Lạc quan => Làm nổi bật nét đặc biệt nhất của bức chân dung tự hoạ Rô-bin-xơn. - Cuộc sống hết sức thiếu thốn, khó khăn gian khổ và khắc nghiệt của thiên nhiên - Rô-bin-xơn đã chấp nhận và cải biến hoàn cảnh: Lạc quan: khi khắc hoạ chân dung Không tuyệt vọng (sống một mình trên đảo không khuất phục trước hoàn cảnh, tự tạo ra quần áo, của cải vật chất, sáng tạo...) Hi vọng hướng về cuộc sống nơi đất liền

? Trong cuộc sống, em đã từng gặp những khó khăn nào, em đã làm gì trước những khó khăn đó?

- HS trình bày

? Qua đoạn trích, em hiểu gì về Rô-bin-xon khi ở ngoài đảo hoang?

- GV giảng

Hoạt động 3: Tổng kết

*PP : Gọi mở-vấn đáp

*KT: Đặt câu hỏi

?NT kể chuyện có gì đặc biệt?

? Em cảm nhận được điều gì ở Rô-bin-xon?

<=> Cuộc sống vô cùng khó khăn gian khổ và tinh thần lạc quan của Rô-bin-xon khi chỉ có một mình trên đảo hoang.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật : Lời kể, tả dí dỏm, hài hước

2. Nội dung

- Tinh thần lạc quan

* Ghi nhớ (SGK/130)

3. Hoạt động luyện tập

- Nhận xét giọng điệu của đoạn trích?

- Trang phục, diện mạo của Rô-bin-xon được ảnh khắc hoạ như thế nào?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn đoạn suy nghĩ của em về tầm quan trọng của tinh thần lạc quan trong cuộc sống?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

-Tìm đọc các bài viết về tác phẩm.

- Học và nắm chắc nội dung của bài

- Chuẩn bị bài : Tổng kết ngữ pháp

Ngày soạn:

Tuần

Ngày dạy:

Tiết 152 - TỔNG KẾT VỀ NGỮ PHÁP (T1)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. **Kiến thức:** Học sinh hệ thống hoá kiến thức đã học về từ loại

2. **Kĩ năng:** - HS tổng hợp kiến thức về từ loại và cụm từ. HS nhận biết và sử dụng thành thạo các từ loại đã học

3. **Thái độ:** Giáo dục ý thức tự học, tự ôn tập.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập.

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:** - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu

2. **Trò:** Hệ thống hoá kiến thức

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, pp giải quyết có vấn đề.

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định tổ chức**

* **Kiểm tra bài cũ (Trong giờ học)**

* **Tổ chức khởi động** : GV tổ chức cho HS chơi trò Hoa điểm mười.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Danh từ, Động từ, Tính từ * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, pp giải quyết có vấn đề. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tự duy, năng lực cảm thụ. - GV yêu cầu HS thảo luận 4 nhóm GV cho HS kẻ bảng sau đó điền từ ? Tìm danh từ, động từ, tính từ ? - HS thảo luận và trình bày, NX - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi	A. Từ loại I. Danh từ, Động từ, Tính từ Bài tập 1 (SGK/130) + Danh từ: làn , lãng, làn + Động từ: đọc, nghĩ ngợi, phục dịch, đập + Tính từ: hay, đột ngột, sung sướng, phải Bài tập 2 (SGK/130) a. Những - cái lãng Các làn => Danh từ Một làng ông (giáo) b. Hãy - đọc đã nghĩ ngợi => ĐT vừa đập phục dịch c. rất - hay

-Cho HS đọc yêu cầu SGK ? Thêm từ thích hợp ? ? Những nhóm từ trên thuộc từ loại nào ? ? Danh từ thường đứng sau từ nào? ? Động từ đứng sau từ nào? ? Tính từ đứng sau từ nào? GV yêu cầu HS lấy ví dụ minh họa - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi và điền vào bảng theo yêu cầu	hơi đột ngột => TT quá phải Bài tập 3 (SGK/131) a. Danh từ có thể đứng sau từ: - Những, các, một -> Số từ b. Động từ đứng sau từ: - Hãy, đừng, chớ -> Phụ ngữ c. Tính từ có thể đứng sau từ: - Rất, hơi, quá -> Phụ ngữ Bài tập 4 (SGK/131)		
ý nghĩa khái quát của từ loại	Khả năng kết hợp		
	Kết hợp về phía trước	Từ loại	Kết hợp về phía sau
Chỉ sự vật (Người, vật, hiện tượng, k/n)	Số từ, lượng từ	Danh từ	Chỉ từ
Chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật	Phụ ngữ	Động từ	Phụ ngữ
Chỉ đặc điểm, tính chất của SV, hđ,	Phụ ngữ	Tính từ	Phụ ngữ

tr.thái			
- GV gọi HS đọc yêu cầu và làm việc cá nhân. - GV gọi HS lên bảng trình bày ? Từ việc làm bài tập trên hãy nhắc lại khái niệm của từ loại? -HS trả lời Hoạt động 2 : Các từ loại khác *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, pp giải quyết có vấn đề. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não. -Gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1(phần II) ? GV sử dụng kỹ thuật động não yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm - HS lập bảng : Yêu cầu HS điền vào bảng - GV gọi Hs trình bày, nx ? Tìm từ chuyên dùng ở cuối câu để tạo câu nghi vấn? ? Những từ đó thuộc	Bài tập 5 (SGK/131) a. Tròn (TT) -> Được dùng như ĐT b. Lí tưởng (DT) -> Được dùng như TT c. Bản khoản (TT)-> Được dùng như DT II. Các từ loại khác Bài tập 1 (SGK/132) 1. Số từ: ba, năm 2. Đại từ: tôi, bao nhiêu, bao giờ, bấy... 3. Lượng từ: những 4. Chỉ từ: ấy, đâu 5. Phó từ: đã, mới, đã, đang 6. Quan hệ từ: ở, của, nhưng, như 7. Trợ từ: chỉ, cả, ngay, chỉ 8. Tính từ: hả 9. Thán từ: Trời ơi! Bài tập 2 (SGK/133) - à, ư, hử, hả, hử -> Tình thái từ		

từ loại nào?			

3. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn về chủ đề bảo vệ môi trường có sử dụng tính từ và động từ và một số từ loại khác (gạch chân)

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Ôn lại nội dung bài học
- Hoàn chỉnh các bài tập
- Xem tiếp phần phần B (GV yêu cầu HS chuẩn bị bài theo nội dung hợp đồng)

Ngày soạn:
Tuần

Ngày dạy:

Tiết 153 : TỔNG KẾT VỀ NGŨ PHÁP (T2)

I . MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:** Học sinh hệ thống hoá kiến thức đã học về cụm từ
2. **Kĩ năng:** - HS tổng hợp kiến thức về cụm từ.
3. **Thái độ:** Giáo dục ý thức tự học, tự ôn tập.
4. **Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ.
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập.

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:** - Soạn giáo án, tham khảo tài liệu
2. **Trò:** Hệ thống hoá kiến thức

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, pp giải quyết có vấn đề, hợp đồng.
2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

***Ôn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ : Vẽ sơ đồ tư duy về từ loại**

*** Tổ chức khởi động :** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Hoa điểm mười.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Khái niệm *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hợp đồng, hoạt động nhóm * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, thảo luận	B. Cụm từ

nhóm.

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ.

- GV yêu cầu HS thảo luận và thanh lí hợp đồng.

? Thế nào là cụm Danh từ ?

? Thế nào là cụm Động từ ?

? Thế nào là cụm Tính từ ?

? Nêu vai trò của cụm DT, ĐT, TT ?

? Nêu mô hình chung của cụm DT, ĐT, TT ?

Hoạt động 2: Bài tập

*Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành.

* Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

*HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ.

-Gọi HS đọc yêu cầu SGK

- GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS thảo luận-> trình bày và nx

? Chỉ ra phần trung tâm của cụm DT ?

? Dựa vào dấu hiệu nào để nhận biết đó là cụm DT ?

-GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi -> trình bày và nx

-GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

I. Khái niệm

* Cụm DT: là tổ hợp từ do DT với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

* Cụm ĐT: là tổ hợp từ do ĐT với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

* Cụm TT: là tổ hợp từ do TT với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành

=> Cụm DT, ĐT, TT có ý nghĩa đầy đủ hơn một mình DT, ĐT, TT nhưng hoạt động trong câu giống DT, ĐT, TT

* Mô hình: 3 phần

- Phần trước

- Phần trung tâm (DT, ĐT, TT)

- Phần sau

(Lưu ý: Mô hình này có thể thiếu phần trước hoặc phần sau)

II. Bài tập

Bài tập 1 (SGK/133)

a. ảnh hưởng

nhân cách => Là phần trung tâm
lối sống

- Dấu hiệu: Lượng từ đứng trước (những, một, một)

b. Ngày (khởi nghĩa)

- Dấu hiệu: Từ " những " đứng trước

c. Tiếng (cười nói)

- Dấu hiệu: Thêm từ " những " vào trước được

Bài tập 2 (SGK/133)

a. Đến

chạy => Phần trung tâm
ôm

? Tìm phần trung tâm của cụm DT ? ? Dấu hiệu để nhận biết cụm DT đó ? - HS thảo luận, trình bày và NX - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân ? Tìm phần trung tâm và nêu dấu hiệu nhận biết ?	- Dấu hiệu: đứng sau các từ "Đã, sẽ " b. lên (cải chính) -> Đứng sau từ "vừa " Bài tập 3 (SGK/133) a. Trung tâm của cụm TT: - VN, bình dị, VN. phương đông, mới, hiện đại, -> Dấu hiệu: kết hợp từ " rất " b. âm ả -> Dấu hiệu: Có thể thêm " rất " vào trước c. Phức tạp, phong phú, sâu sắc -> Có thể thêm " rất " vào trước

3. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn về lợi ích của tiết kiệm điện. Trong đoạn văn cơ sử dụng cụm DT, ĐT, TT (gạch chân)

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Ôn lại khái niệm của các cụm từ
 - Hoàn thành bài tập
 - Xem trước bài: Luyện viết biên bản (GV yêu cầu HS hoàn thành theo yêu cầu nội dung hợp đồng)

Ngày soạn:
 Tuần

Ngày dạy:

Tiết 154 - LUYỆN TẬP VIẾT BIÊN BẢN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. **Kiến thức:** Học sinh nắm vững về mục đích, yêu cầu, nội dung của biên bản và các loại biên bản thường gặp trong cuộc sống.

2. **Kỹ năng:** HS viết biên bản hoàn chỉnh.

3. **Thái độ:** Giáo dục ý thức tự học, tự rèn luyện.

4. **Định hướng năng lực - phẩm chất :**

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập.

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:** - Chuẩn bị một biên bản hội nghị

- Dự kiến tích hợp với tiết 145: Biên bản

2. **Trò:** Xem lại phần lí thuyết, hoàn chỉnh bài tập 2 (SGK/126)

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành, pp hợp đồng.

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

* **Ôn định tổ chức**

* **Kiểm tra bài cũ** : - Biên bản là gì? Có mấy loại biên bản thường gặp.?

- Biên bản gồm mấy phần? Nêu yêu cầu của từng phần?

* **Tổ chức khởi động** : GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, pp hợp đồng. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ. - Gv yêu cầu HS thảo luận và thanh lý hợp đồng ? Viết biên bản nhằm mục đích gì? ? Người viết biên bản cần có trách nhiệm và thái độ như thế nào? ? Nêu bố cục chung của một biên bản? ? Lời văn và cách trình bày một biên bản có gì đặc biệt ? Hoạt động 2: Luyện tập - Viết biên bản hội nghị trao đổi kinh nghiệm học tập bộ môn ngữ văn của lớp 9A? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Cần thêm những mục gì cho văn bản trên? - HS thảo luận, trả lời, NX ? Cách sắp xếp các nội dung đó có phù hợp với một biên bản không? - HS thảo luận theo 4 nhóm ? Vậy cần phải sắp xếp lại như thế	I. Ôn tập lý thuyết 1. Mục đích 2. Người viết biên bản 3. Bố cục biên bản 4. Lời văn II. Luyện tập Bài tập 1 (SGK/134+135) - Thêm: + Tiêu ngữ, quốc hiệu + Tên biên bản + Địa điểm - ngày diễn ra hội nghị + Thư kí + Thủ tục kí xác nhận - Cách sắp xếp đó không phù hợp Gợi ý: + Quốc hiệu, tiêu ngữ

nào? -GV cho HS thảo luận để sắp xếp viết lại biên bản. - Sau đó yêu cầu HS đọc lại các mục mà mình đã sắp xếp - GV nhận xét, sửa chữa các mục sao cho phù hợp. ? Ghi lại biên bản bàn giao nhiệm vụ trực tuần của chi đội em? - GV yêu cầu thảo luận theo 4 nhóm theo 2 câu hỏi gợi ý: - Thành phần tham dự? - Nội dung bàn giao như thế nào? GV yêu cầu HS trình bày kết quả thảo luận - GV Yêu cầu HS viết biên bản dựa vào gợi ý trên - GV Yêu cầu 2 HS đọc biên bản hoàn chỉnh	+ Địa điểm, thời gian + Tên biên bản + Thành phần tham dự: 42 HS lớp 9a + Đại biểu: đại diện 9b, 9c + Chủ tọa: Cô Lan + Thư kí: (Tên HS viết biên bản) * Nội dung hội nghị (Diễn biến và kết quả) <1> Khai mạc hội nghị, nêu yêu cầu và nội dung (Cô Lan) <2> Bạn Huệ - lớp trưởng báo cáo sơ lược tình hình học môn ngữ văn <3> Các học sinh báo cáo kinh nghiệm: - Thu Nga - Thuý Hà <4> Cô Lan tổng kết <5> Tập thể lớp trao đổi bổ sung và đề ra chỉ tiêu phấn đấu - Thời gian kết thúc: 11h30' cùng ngày - Thủ tục kí xác nhận Bài tập 2 (SGK/136) - Thành phần tham dự: - Nội dung: + Nội dung và kết quả công việc đã làm trong tuần. + Nội dung và công việc tuần tới + Phương tiện vật chất và hiện tượng tại thời điểm bàn giao.

3. Hoạt động vận dụng

- Viết biên bản cho bài tập 1

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm hiểu thêm về các biên bản thường gặp.
- Hoàn chỉnh các biên bản trên
- Chuẩn bị bài hợp đồng (đọc và trả lời các câu hỏi / SGK

Ngày dạy: / / 2019

I. MỤC TIÊU

- ## II. CHUẨN BỊ

- ### III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- #### IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

***Ổn định tổ chức**

- ## 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Trang 201

? Hợp đồng gồm những ai? ? Hợp đồng ghi lại những nội dung gì? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Hợp đồng cần phải đạt yêu cầu gì về nội dung? ? Về hình thức cần phải đạt yêu cầu gì? - HS thảo luận và trình bày ? Vậy em hiểu thế nào là hợp đồng? - GV sử dụng kĩ thuật động não ? Hãy kể tên một số hợp đồng mà em biết? Hoạt động 2: Cách làm hợp đồng *Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP luyện tập thực hành. * Kĩ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ. - GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm ? Phần mở đầu của hợp đồng gồm	b. Đại diện kí hợp đồng: + Bên A + Bên B - Hai bên kí hợp đồng mua bán sách với nội dung và điều khoản: + Nội dung giao dịch + Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên A + Trách nhiệm và nghĩa vụ của bên B + Phương thức thanh toán + Hiệu lực của hợp đồng c. * Yêu cầu về nội dung: Phải cụ thể, chính xác. Nội dung, chất lượng, số lượng, công việc, thời gian tiến hành, trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi các bên tham gia kí hợp đồng cần được ghi chính xác, có sự ràng buộc hai bên. * Yêu cầu về hình thức: - Từ ngữ cần giản đơn, tránh dùng từ ngữ chung chung, không dứt khoát (có thể, nói chung, hoặc) - Câu văn cần ngắn gọn, dễ hiểu, đơn giản => ý 1 ghi nhớ (SGK/138) Ví dụ: + Hợp đồng kinh tế + Hợp đồng lao động + HĐ cho thuê nhà, HĐ xây dựng + HĐ đào tạo, HĐ chuyển nhượng II. Cách làm hợp đồng 1. Phần mở đầu: + Quốc hiệu, tiêu ngữ + Tên hợp đồng + Thời gian, địa điểm kí hợp đồng + Họ tên, chức vụ, địa chỉ các bên kí

những mục nào?	hợp đồng
? Phần này gồm những mục gì?	2. Phần nội dung
- HS thảo luận và trình bày	- Các điều khoản, nội dung thoả thuận giữa các bên: yêu cầu, nội dung công việc, cách thức thực hiện hợp đồng, quyền lợi và nghĩa vụ mỗi bên.
	- Hiệu lực của hợp đồng (thời gian, phạm vi, bồi thường thiệt hại, cam kết)
? Nhận xét về cách thức ghi những nội dung này trong hợp đồng?	-> Được ghi chính xác, có sự ràng buộc của 2 bên với nhau trong khuôn khổ của pháp luật
? Phần kết thúc có những mục nào?	3. Phần kết thúc
	- Đại diện hai bên kí hợp đồng, kí và đóng dấu:
	+ Chức vụ
	+ Kí, họ tên
	=> ý 2 ghi nhớ
?Nêu bố cục của hợp đồng? Nhiệm vụ của từng phần?	- Lời văn chính xác, chặt chẽ, tránh chung chung, mơ hồ
? Lời văn của hợp đồng phải như thế nào?	=> ý 3 ghi nhớ
	* Ghi nhớ (SGK/138)
-Yêu cầu HS đọc toàn bộ ghi nhớ	

3. Hoạt động luyện tập

- GV yêu cầu HS làm bài tập 1/ SGK
- Bài 1: Tình huống: b, c, e -> cần viết hợp đồng

4. Hoạt động vận dụng

- Viết một hợp đồng về cho thuê của hàng.

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Sưu tầm thêm về các bản hợp đồng.
- Học và nắm chắc phần lí thuyết
- Luyện viết tiếp các loại hợp đồng
- Hoàn thành bài tập 1+2
- Soạn văn bản: Bố của Xi-mông (đọc và trả lời các câu hỏi / SGK)

Ngày soạn:
Tuần

Ngày dạy:

Tiết 156,157 : VB - BỐ CỦA XI - MÔNG

(G. Đơ Mô- Pa- xăng)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- Kiến thức:** Học sinh hiểu được nỗi khổ của một đứa trẻ không có bố và những ước mơ, khao khát của em.
- Kĩ năng:** HS biết đọc - hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại tự sự.
 - HS phân tích được diễn biến tâm lí nhân vật.
 - HS nhận diện được những chi tiết miêu tả tâm trạng nhân vật trong một văn bản tự sự.
- Thái độ:** Giáo dục học sinh lòng yêu thương con người.
- Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ.
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập, yêu thương con người, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

- Thầy:**
 - Bài soạn; chân dung nhà văn
- Trò :** Soạn bài. Đọc văn bản SGK Trang 140.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP phân tích, dùng lời có nghệ thuật.
- Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** - Cuộc sống hết sức khó khăn của Rô - Bin - Xon được thể hiện như thế nào ?

- Nhận xét về nghệ thuật viết truyện của tác giả qua đoạn trích ?

*** Tổ chức khởi động :** GV cung cấp vi deo bài hát về tình yêu thương con người -> Nêu suy nghĩ của em khi nghe bài hát trên?

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
Hoạt động 1 : Tìm hiểu chung *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu	I. Đọc- Tìm hiểu chung

hỏi.

* HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ.

? Nêu nét chính về tác giả Mô-pa-xăng ?

- Nêu xuất xứ của văn bản ?

? VB cần được đọc với giọng điệu ntn?

-GV hướng dẫn đọc -> HS đọc

GV nhận xét

- Hãy tóm tắt đoạn trích.?

-GV hướng dẫn HS tìm hiểu chú thích

?Phương thức biểu đạt của văn bản?

? Ngôi kể trong văn bản là gì?

? Truyện kể theo trình tự nào ?

?Nhân vật chính của truyện ?

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi

? VB được chia làm mấy phần, giới hạn và nội dung từng phần ?

Hoạt động 2: Phân tích

*Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP phân tích, dùng lời có nghệ thuật.

* Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.

*HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày,

1. Tác giả (SGK)

2. Tác phẩm

* Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ (SGK)

* Đọc, tóm tắt, tìm hiểu chú thích

- Đọc

-Tóm tắt

- Chú thích (SGK)

- PTBD: Tự sự

- Ngôi kể: Ngôi thứ 3

- Truyện kể theo trình tự thời gian, diễn biến của truyện

-NV chính :Xi –Mông

- Bố cục :

+ Từ đầu ... " khóc hoài "

-> Nỗi tuyệt vọng của Xi-mông

+ Tiếp ... " một ông bố "

-> Xi - mông gặp bác Phi-lip và Phi-lip nhận sẽ cho em một ông bố

+ Tiếp ... " bỏ đi rất nhanh "

-> Phi-lip đưa Xi-mông về nhà em

+ Còn lại

-> Ngày hôm sau ở trường Xi-mông khoe các bạn là mình đã có bố.

II. Phân tích

năng lực tư duy, năng lực cảm thụ.

- GV nói qua về đoạn đầu văn bản
? Đọc truyện - hãy cho biết vì sao Xi-mông lại đau đớn ?

? Đây là bất hạnh như thế nào của em.?

? Trước nỗi đau này, Xi-mông đã có ý nghĩ và hành động như thế nào ?

? Nhận xét tâm trạng của Xi-mông lúc này ?

- GV yêu cầu HS thảo luận theo 4 nhóm

? Tìm những chi tiết miêu tả cảnh ở bờ sông ?

? Trước vẻ đẹp TN đó, Xi-mông có cảm giác gì?

? Qua đó em có suy nghĩ gì về cách xây dựng nhân vật của tác giả?

? Xi -Mông tìm được nguồn vui nơi bờ sông nhưng chính em lại bị bạn bè chế giễu, em nghĩ gì về việc này?

- HS thảo luận và trả lời

GV: Mới chỉ là đứa trẻ 7,8 tuổi nên tình cảm dễ bị phân tán. Trước thiên nhiên tươi đẹp quên buồn ngay. Bãi cỏ xanh non như chiếc nôi xoa dịu nỗi đau của em.

? Nhưng đột nhiên Xi-mông lại có suy nghĩ gì?

? Hãy tìm những chi tiết thể hiện nỗi đau đớn của Xi-mông lúc này?

? Việc Xi-mông khóc, không đọc được hết kinh cầu nguyện cho ta thấy

1. Nhân vật Xi-mông

- Lần đầu tiên đến trường bị bạn học chế giễu và đánh đập vì không có bố

-> Em cay đắng tủi cực ,nỗi đau cả thể xác lẫn tâm hồn.

- Bỏ nhà ra bờ sông định nhảy xuống sông vì không có bố(suy nghĩ ngây thơ)

-> Đau đớn tuyệt vọng (bị kích về thân phận con người lên đến cực điểm)

* Khi ở bờ sông:

- Trời âm áp, dễ chịu vô cùng-+ ánh mặt trời êm đềm sưởi ấm bãi cỏ

- Nước lấp lánh như gương

- Xi-mông đuổi nhái vào huyệt 3 lần-> tóm được hai chân sau

- Có những giây phút khoan khoái. Thèm được nằm ngủ ở đây, bật cười.

+ Xây dựng nhân vật Xi-mông phù hợp tâm lí của một đứa trẻ.

->Thiên nhiên chứ không phải con người đã nâng đỡ Xi -Mông ->phê phán thực trạng xh lạnh lùng với nỗi khổ con người.

- Trò chơi kéo em trở về thực tại: có nhà , có mẹ, nhưng không có bố -> em thấy buồn vô cùng lại khóc.

- Người em rung lên - quỳ xuống đọc kinh cầu nguyện

- Những cơn nức nở lại kéo đến - không đọc hết được

- chẳng nghĩ ngợi...chỉ khóc hoài

=> Nỗi khổ đau tinh thần không thể giải thoát đến độ tuyệt vọng. Nỗi đau này được thể hiện ở những giọt nước mắt đầy thương cảm.

cậu bé đang chịu đựng nỗi khổ như thế nào? - GV sử dụng kỹ thuật động não ? Qua đây tác giả muốn nói điều gì ? - HS nêu ý kiến ? Chú ý đoạn văn " Bỗng... rất nhanh " và cho biết Xi-mông tỏ thái độ như thế nào khi bất ngờ gặp bác Phi-lip? ? Vẫn là một đứa trẻ nên ngay sau đó em theo bác Phi-lip về nhà. Tại sao khi gặp mẹ Xi-mông lại oà khóc? ? Em đã hỏi bác Phi-lip những gì ? ? Thái độ của em khi hỏi những câu hỏi đó? ? Thái độ đó nói lên điều gì? - GV giảng - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Ngày hôm sau đến trường khi bị bạn bè trêu chọc Xi-mông đã nói gì ? ? Lời nói của Xi-mông cho thấy thái độ như thế nào? - HS thảo luận, trình bày ? Qua phân tích trên, em có nhận xét gì về nhân vật này? - GV giảng. (Tiết 2) ? Ngôi nhà của chị được miêu tả ra sao? ? Thái độ của chị với Phi-lip.? ? Những chi tiết trên chứng tỏ điều gì.?	- Dù thiên nhiên có tươi đẹp đến đâu con người vẫn bất hạnh, cô đơn trong cảnh ngộ thiếu tình thương (nhất là những đứa trẻ không có bố.) * Khi gặp bác Phi-lip và khi về đến nhà: - Mắt đầm lệ nghẹn ngào " Chúng nó ... không có bố " -> Tuyệt vọng, bất lực - Về gặp mẹ thêm tủi buồn, nỗi đau như bùng lên, vỡ oà. - Hỏi: Bác có muốn làm bố cháu khôn; Nếu bác không làm cháu sẽ ... chết đuối -> Thái độ rất quyết liệt => Niềm khao khát có một người bố chính đáng * Ngày hôm sau đến trường: - Bố tao... Phi-lip - Em không khóc, không bỏ chạy mà chủ động trả lời -> Niềm hãnh diện, tự hào sung sướng khi mình có một người cha. => Xi-mông là một cậu bé thật đáng thương, đáng yêu, khao khát có người bố và cuộc sống đã ban niềm vui cho em đó là Phi-lip 2. Nhân vật chị Blăng-sốt - Một ngôi nhà nhỏ, quét vôi trắng, hết sức sạch sẽ - Cô gái cao lớn, xanh xao ... - Nghiêm nghị, cấm -> Tuy nghèo nhưng sống sạch sẽ, nghiêm túc mặc dù bị bội bạc chị vẫn can đảm và nề nếp - Đôi mắt thiếu phụ đỏ bừng và tê tái tận xương tủy.

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Khi Phi-lip đưa con về nhà, Xi-mông đã oà khóc. Em hãy tìm những chi tiết miêu tả hình ảnh chị khi nghe con nói bị đánh vì không có bố? ? khi con hỏi bác Phi-lip " Bác có muốn làm bố cháu không ", chị phản ứng gì. ? ? Diễn biến tâm trạng chị biến đổi như thế nào. ? ? Từ đây em thấy chị Blăng-sốt là người như thế nào. ? - HS thảo luận -> Trình bày, NX - GV giảng ? Nhân vật Phi-lip được giới thiệu ra sao ? ? Phi-lip gặp Xi-mông trong hoàn cảnh nào? ? Trong lúc Xi-mông tuyệt vọng nhất bác Phi-lip đã có những lời nói, hành động gì với Xi-mông? ? Hiểu rõ sự việc, Phi-lip đã nói gì với em? - Em hiểu gì về bác Phi-lip qua lời nói và hành động trên? ? Tại sao khi đưa Xi-mông về nhà, Phi-lip lại đột nhiên rụt rè, ấp úng khi nói với chị Băng-sốt? -GV yêu cầu HS thảo luận 4 nhóm ? Đứng trước nỗi khao khát cần có bố của Xi-mông, bác Phi-lip đã làm gì? ? Em có nhận xét gì về hành động này? ? Việc làm đó có ý nghĩa như thế nào đối với xi-mông? - HS thảo luận và trình bày - GV giảng	- Nước mắt lăn chã rơi - Khi nghe con hỏi " Bác ... không " chị lặng ngắt, quần quai dựa vào tường, hai tay ôm ngực. -> Từ ngượng ngùng, đau khổ rồi quần quai hổ thẹn => Là người phụ nữ đau khổ nhưng có lòng tự trọng cao. 3. Nhân vật Phi-lip -Người thợ rèn, cao lớn - Hoàn cảnh: bên bờ sông, khi em có ý định nhảy xuống sông. - Bàn tay... đặt lên vai ... giọng ồm ồm hỏi em " có điều gì ... cháu ơi " - Thôi nào ... về nhà ... một ông bố -> Là người sẵn lòng giúp đỡ, chia sẻ với nỗi đau khổ của người khác. - Phi-lip đã hiểu chị là người tốt - không thể đùa bỡn với chị được -> Bác đã hiểu và thông cảm với nỗi bất hạnh của 2 mẹ con - Nhận làm bố của Xi-mông -> Hành động xuất phát từ tình yêu thương rộng lớn, cao cả của Phi-lip => Mang lại hạnh phúc, niềm vui cho Xi-mông cứu em thoát khỏi cơn tuyệt vọng, giành em khỏi tay thần chết (+ Tình cảm yêu thương đến độ có thể che chở, nâng đỡ những người yếu đuối bất hạnh + Còn nói lên niềm xúc động đột ngột của bác vì quyết định đột ngột của

- GV sử dụng kĩ thuật động não ? Hình ảnh bác " Nhắc bông em lên đột ngột hôn vào 2 má em rồi sải bước bỏ đi rất nhanh " đã diễn tả điều gì? - HS trình bày. ? Qua đây em thấy bác Phi-lip là người như thế nào? ? Từ nhân vật Phi-lip tác giả muốn nói điều gì.? - GV giảng - GV sử dụng pp giải quyết vấn đề ? Trong cuộc sống, nếu em gặp những người khó khăn, bất hạnh, em sẽ làm gì? - HS trình bày - GV liên hệ và giáo dục đạo đức. Hoạt động 3 : Tổng kết -GV sử dụng kĩ thuật hỏi và trả lời yêu cầu HS hỏi và trả lời về nghệ thuật, nội dung.	mình) <=> Có tấm lòng nhân hậu, yêu thương con người. * Tác giả muốn ca ngợi, đề cao lòng nhân hậu, tình thương người. Qua đó muốn con người cần rộng lòng với nỗi khổ của người khác, cảm thông với lỗi lầm của người khác. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật 2. Nội dung * <i>Ghi nhớ</i> (SGK/144)

3. Hoạt động luyện tập

- Tâm trạng của Xi-mông lúc ở bên bờ sông?
- Tâm trạng của Xi-mông khi gặp bác Phi-lip và khi về nhà ?
- Tâm trạng của Xi-mông ngày hôm sau đến trường ?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về nhân vật Xi - Mông?

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc những bài viết về tác phẩm và tác giả.
- Học bài
- Nắm chắc bài đã học
- Chuẩn bị trước câu hỏi phần " Ôn tập truyện" – Yêu cầu HS chuẩn bị theo nội dung hợp đồng.

Ngày soạn:
Tuần

Ngày dạy:

Tiết 158 - 159 : ÔN TẬP VỀ TRUYỆN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- 1. Kiến thức:** - HS nắm vững đặc trưng thể loại qua các yếu tố nhân vật, sự việc, cốt truyện.
- HS nắm chắc những nội dung cơ bản của các tác phẩm .
- HS hiểu được những đặc điểm nổi bật của các tác phẩm truyện đã học.
- 2. Kỹ năng:** HS có kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức.
- 3. Thái độ:** HS có ý thức học tập tự giác, nghiêm túc
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ.
- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy:** - Soạn giáo án, tổng hợp kiến thức các văn bản đã học
- 2. Trò:** Học bài cũ và tìm hiểu phần hướng dẫn chuẩn bị bài ôn tập về truyện.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP phân tích, pp giải quyết vấn đề, hợp đồng.
2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, hỏi và trả lời.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** (trong giờ)

*** Tổ chức khởi động :** GV cho HS chơi trò chơi **Hoa điểm mười** -> GV giới thiệu vào bài.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò				Nội dung cần đạt
- GV yêu cầu HS thảo luận và thanh lý hợp đồng. ? Lập bảng thống kê các tác phẩm truyện hiện đại VN đã học trong SGK Ngữ văn 9 ?				Câu 1 (SGK/144)
STT	Tên tác phẩm	Tác giả	Năm sáng tác	Tóm tắt nội dung
1	Làng	Kim Lân	1948	Qua tâm trạng đau xót, tủi hổ của ông

				Hai ở nơi tản cư khi nghe tin đồn làng chợ Dầu theo giặc. Truyện thể hiện tình yêu làng sâu sắc thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến của nông dân.
2	Chiếc lược ngà	Nguyễn Quang Sáng	1966	Câu chuyện éo le và cảm động về 2 cha con ông Sáu và bé Thu trong lần ông về thăm nhà và ở khu căn cứ. Qua đó truyện ca ngợi tình cha con thấm thiết trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.
3	Lặng lẽ Sa Pa	Nguyễn Thành Long	1970	Cuộc gặp gỡ tình cờ của ông họa sĩ, cô kĩ sư với anh thanh niên làm việc một mình tại trạm khí tượng trên núi cao Sa Pa. Qua đó truyện ca ngợi những người lao động thầm lặng, có cách sống đẹp...
4	Những ngôi sao xa xôi	Lê Minh Khuê	1971	Cuộc sống, chiến đấu của 3 cô gái TNXP trên một cao điểm ở tuyến đường Trường Sơn trong những năm chiến tranh chống Mỹ. Truyện làm nổi bật tâm hồn trong sáng, giàu mơ mộng, tinh thần dũng cảm, lạc quan của ...
5	Bên quê	Nguyễn Minh châu	1985	Qua những cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật Nhĩ vào lúc cuối đời. Truyện thức tỉnh mọi người sự trân trọng những giá trị và vẻ đẹp bình dị gần gũi của c/s của quê hương.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm ? Các truyện ngắn trên được sắp xếp theo các thời kì lịch sử như thế nào? ? Các tác phẩm đã phản ánh được điều gì về đời sống đất nước VN? ? Các tác phẩm đã phản ánh điều gì về				Câu 2 (SGK /144) * K/c chống Pháp: Làng * K/c chống Mỹ: + Chiếc lược ngà + Lặng lẽ Sa Pa (MB xây dựng XHCN) + Những ngôi sao xa xôi *Sau năm 1975: Bên quê - Các tác phẩm phản ánh được những nét tiêu biểu của đ/s xã hội trong thời kì l/s có nhiều biến cố lớn lao. Từ sau CMT8/1945 chủ yếu là 2 cuộc kháng chiến. - Hình ảnh con người Việt Nam ở

	nhận cha + Khi con nhận cha thì ông Sáu phải ra chiến trường. - Bến quê: Đi nhiều nhưng cuối đời lại bị buộc chặt vào giường bệnh

3. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn cảm nhận về một nhân vật mà em yêu thích ?

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về tác phẩm.
- Học bài, ôn kĩ lại kiến thức đã ôn tập
- Hoàn thành các câu hỏi

Xem và chuẩn bị phần " Tổng kết về ngữ pháp" – Yêu cầu HS chuẩn bị theo nội dung hợp đồng.

=====

Ngày soạn:

Tuần

Ngày dạy:

Tiết 160 : TỔNG KẾT VỀ NGỮ PHÁP (tiếp)

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: HS hệ thống hoá kiến thức đã học từ lớp 6 -> 9 về thành phần câu, các kiểu câu, biến đổi câu.

2. Kỹ năng: HS có kĩ năng tổng hợp kiến thức về câu.

- HS nhận biết và sử dụng thành thạo những kiểu câu đã học.

3. Thái độ: Học sinh có ý thức học tập tích cực

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy: - Bài soạn, các ngữ liệu minh hoạ; bảng phụ để so sánh đối chiếu

- Hệ thống hoá kiến thức

2. Trò: Xem lại Tiết 147, 148 , chuẩn bị phần còn lại

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP phân tích, pp giải quyết vấn đề, hợp đồng.

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, hỏi và trả lời.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

***Ôn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** (trong giờ)

* **Tổ chức khởi động** : GV cho HS chơi trò chơi Hái hoa dân chủ ->GV giới thiệu vào bài.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Thành phần câu *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP phân tích, pp giải quyết vấn đề, hợp đồng. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi . * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ. - GV yêu cầu HS thảo luận và thanh lí hợp đồng. ?Kể tên các thành phần của câu và nêu dấu hiệu nhận biết? ? Đặt câu có thành phần chính? (Nêu rõ nội dung gì) ? Các thành phần phụ đã học (trạng ngữ, khởi ngữ ?) ? Cho ví dụ về trạng ngữ? ? Cho ví dụ về khởi ngữ? - HS trình bày, bổ sung. - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi - H/S đọc 3 VD a, b, c SGK. Phân tích các thành phần của câu? ?Xác định thành phần CN, VN, Trạng ngữ, khởi ngữ?	C. Thành phần câu: I. Thành phần chính và thành phần phụ: Bài tập 1 (SGK/145) * Thành phần chính: CN; VN - CN: Thường trả lời cho các câu hỏi Ai? Con gì? Cái gì? - VN: Trả lời cho các câu hỏi: Làm gì? Làm sao? Như thế nào? * Thành phần phụ: - Trạng ngữ: Nêu lên hoàn cảnh về không gian, thời gian, cách thức, phương tiện, nguyên nhân, mục đích... - Khởi ngữ: Thường đứng trước CN nêu lên đề tài của câu nói. Bài tập 2 (SGK/145) a. <u>Đôi càng tôi mẫm bóng.</u> CN VN (Tô Hoài) b. <u>Sau một hồi trống thúc vang dội cả lòng</u> TR.N <u>tôi, mấy người học trò cũ đến sắp hàng</u> CN VN <u>dưới hiên rồi đi vào lớp.</u> (Thanh Tịnh) c. <u>Còn tám gương bằng thủy tinh trắng bạc,</u>

- Đặt câu văn và xác định các thành của câu ? -HS đặt câu và phân tích. - GV thanh lí hợp đồng ? Kể tên và nêu dấu hiệu nhận biết các thành phần biệt lập của câu? ? Các thành phần biệt lập đó dùng để làm gì? - HS trình bày, bổ sung - Yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Chỉ rõ các thành phần biệt lập trong phần a b c d e? ? Tác dụng của nó như thế nào? - HS thảo luận và trình bày Hoạt động 2: Các kiểu câu *Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP phân tích, pp giải quyết vấn đề, hợp đồng. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi . * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ. ? Thế nào là câu đơn? - HS làm việc cá nhân - Yêu cầu HS đọc bài tập 1? ? Tìm CN, VN trong các câu ?	K.N <u>nó vẫn là người bạn trung thực, chân CN VN</u> <u>thành, thẳng thắn, không hề nói dối, cũng</u> <u>không bao giờ biết nịnh hót hay hay độc ác.</u> II. Thành phần biệt lập Bài tập 1 (SGK/145) - Thành phần tình thái - Thành phần cảm thán - Thành phần gọi - đáp - Thành phần phụ chú đ Dấu hiệu nhận biết: chúng không trực tiếp tham gia vào sự việc nói trong câu. Bài tập 2 (SGK/145) a. Có lẽ: Tình thái b. Ngấm ra: Tình thái c. Dừa xiêm thấp lè tè quả tròn...dừa nếp....dừa lá đỏ.....->Thành phần phụ chú d. Bấm ->gọi - đáp Có khi -> Tình thái e. Ơi: Gọi - đáp. D. Các kiểu câu I. Câu đơn - Khái niệm. Bài tập 1 (SGK/146) a. Nghệ sĩ - CN ghi lại... có rồi - VN

- H/S đọc BT2 phần a b c trang 147. Xác định câu đặc biệt? -Nêu khái niệm về câu ghép? - HS thảo luận theo cặp đôi ? Tìm câu ghép? -HS thảo luận -> trình bày -> bổ sung ? HS đọc BT2.Chỉ rõ các kiểu q/h về nghĩa giữa các vế trong những câu ghép? ? Xác định quan hệ về nghĩa giữa các vế trong câu ghép? - Tạo câu ghép trên cơ sở các câu cho sẵn? -HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi BT4 trang 149 -Học sinh đọc BT1(trang 149) ?Tìm câu rút gọn?	mà còn ... mới mẻ - Vn c. Nghệ thuật - CN là ... tình cảm - VN (HS tự làm câu b, d, e) Bài tập 2 (SGK/147) a. Có tiếng nói léo xéo ở gian trên. Tiếng mụ chủ... b. Một anh thanh niên hai mươi tuổi! c. Câu 5, 6, 7, 8, 9 II. Câu ghép - Khái niệm Bài tập 1 (SGK/147) a. Anh ... chung quanh b. Nhưng ... choáng c. Ông lão ... cả làng d. Còn nhà ... kì lạ e. Để người ... cô gái Bài tập 2 (SGK/148) a, c: QH bổ sung b, d: QH nguyên nhân e: QH mục đích Bài tập 3 (SGK/148) a. QH tương phản b. QH bổ sung c. QH điều kiện, giả thiết. Bài tập 4 (SGK/149) - Quả bom tung lên và nổ trên không. Hầm của Nho bị sập. -> Tạo câu ghép chỉ nguyên nhân: Vì quả bom tung lên và nổ trên không nên hầm của Nho bị sập. -> Tạo câu ghép chỉ quan hệ điều kiện: Nếu quả bom tung lên và nổ thì hầm của Nho bị sập. III. Biến đổi câu: Bài tập 1 (SGK/149) Câu rút gọn + Quen rồi + Ngày nào ít: ba lần Bài tập 2 (SGK/149) a. Và làm việc có khi suốt đêm

?Yêu cầu HS đọc BT2. Tìm bộ phận của câu đứng trước được tách ra? ?Tác dụng của bộ phận câu được tách ra? ? Tạo câu bị động từ câu cho sẵn? ? Tìm các câu nghi vấn? ? Tác dụng của câu nghi vấn ? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Tìm câu cầu khiến, tác dụng? (Chú ý: Mục đích của các câu cầu khiến có khác nhau) - Yêu cầu HS đọc BT3 G/V hướng dẫn HS làm	b. Thường xuyên c. Một dấu hiệu chẳng lành đTách ra như vậy để nhấn mạnh nội dung. Bài tập 3 (SGK/149) a. Đồ gốm được người thợ thủ công làm ra khá sớm. IV. Các kiểu câu ứng với những mục đích giao tiếp khác nhau: Bài tập1 (SGK/150) Các câu nghi vấn: + Ba con, sao con không nhận? + Sao con biết là không phải? (Dùng để hỏi) Bài tập 2 (SGK/150) a. - ở nhà trông em nhé! - Đừng có đi đâu đấy. đDùng để ra lệnh. b. - Thì má cứ kêu đi - Vô ăn cơm! đDùng để yêu cầu (Câu: " Cơm chín rồi " là câu trần thuật được dùng làm câu cầu khiến) Bài tập 3 (SGK/150) - " Sao .. hả " đ Đó là câu có hình thức là câu nghi vấn dùng để bộc lộ cảm xúc.

3.Hoạt động vận dụng

-Viết đoạn văn về tầm quan trọng của tự học. Đoạn văn có sử dụng một câu ghép và một câu cầu khiến , thành phần tình thái (gạch chân thành phần tình thái và chú thích câu ghép, câu cầu khiến)

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Học bài
- Hoàn thiện các bài tập
- Ôn tập kĩ truyện
- Chuẩn bị: kiểm tra viết 1 tiết văn

Ngày soạn:
Tuần

Ngày dạy:

TIẾT 161 - KIỂM TRA VĂN (PHẦN TRUYỆN)

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Học sinh hệ thống hoá kiến thức và vận dụng kiến thức đã học về truyện hiện đại để làm bài kiểm tra. Qua đó giáo viên đánh giá kết quả học tập của học sinh về phần truyện hiện đại.

2. Kỹ năng: HS có kỹ năng cảm thụ, phân tích, làm bài kiểm tra.

3. Thái độ: HS có ý thức học tập nghiêm túc.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập, sống có trách nhiệm.

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- 100% tự luận

III. MA TRẬN ĐỀ

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
1, Bến Quê		ý nghĩa nhan đề truyện	Viết đoạn văn về những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng		
Số câu Số điểm Tỉ lệ		Số câu : 1 Số điểm : 2 Tỉ lệ : 20%	Số câu : 1 Số điểm : 2 Tỉ lệ : 20%		Số câu 2 Số điểm 4 Tỉ lệ 40%
2, Những ngôi sao xa xôi	Ngôi kể và tác dụng của ngôi kể			Cảm nhận về đẹp phẩm chất của nhân vật	Số câu 2 Số điểm 6 Tỉ lệ 60%
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu: 1 Số điểm: 1 Tỉ lệ: 10%			Số câu: 1 Số điểm: 5 Tỉ lệ 50 %	Số câu: 1 Số điểm: 6 Tỉ lệ 60%
Cộng	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 4

	Số điểm:1 Tỉ lệ: 10%	Số điểm:20 Tỉ lệ 20%	Số điểm:20 Tỉ lệ 20%	Số điểm: 5 Tỉ lệ 50%	Số điểm:10 Tỉ lệ100%

IV. BIÊN SOẠN ĐỀ KIỂM TRA

Câu 1: Nêu ngôi kể và tác dụng của ngôi kể trong truyện “ Những ngôi sao xa xôi”?

Câu 2: Giải thích ý nghĩa nhan đề truyện “Bến quê”?

Câu 3: Viết đoạn văn ngắn về những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng trong truyện “ Bến quê”?

Câu 4: Phân tích phẩm chất dũng cảm của 3 cô gái thanh niên xung phong trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê?

V. YÊU CẦU VÀ BIỂU ĐIỂM:

1. Yêu cầu:

Câu 1: Ngôi kể thứ nhất qua lời kể của Phương Định .

- Tác dụng: Miêu tả tâm lí nhân vật chân thật

Câu 2: “ Bến quê” là những gì gần gũi và thân thương nhất. Đó là cảnh thiên nhiên và bãi bồi bên kia sông vì đó chính là quê hương xứ sở. “ Bến quê” là gia đình, là những người hàng xóm sẵn lòng giúp Nhĩ mỗi khi anh cần. “ Bến quê” là những phát hiện ám áp về tình đời, tình người . Những nhận thức đau đớn mà sáng ngời của Nhĩ nhắc nhở chúng ta phải biết trân trọng “ Bến quê” của mỗi người.

Câu 3: HS nêu được các hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng : Hình ảnh thiên nhiên và bãi bồi bên kia sông, bông hoa bằng lăng tím thắm và tiếng đất lở, hình ảnh Tuấn sa vào đám người chơi phá cờ thế, hình ảnh của Nhĩ ở cuối truyện.

Câu 4:

- Kiến thức : + HS phân tích được hoàn cảnh sống và chiến đấu của ba nữ thanh niên xung phong.

+ HS phân tích về công việc của ba nữ thanh niên xung phong.

- Kỹ năng: + Bố cục 3 phần rõ ràng

+ Trình bày có liên kết, tránh sai chính tả, diễn đạt

+ Đúng thể loại, yêu cầu

2. Biểu điểm:

Câu 1: 1đ

Câu 2: 2đ

Câu 3: 2đ

Câu 2: (5 đ)

- + Điểm 5: Đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên, bài làm có sáng tạo
- + Điểm 4: Đáp ứng yêu cầu trên, còn sai chính tả, lỗi diễn đạt
- + Điểm 3: Đáp ứng được ý cơ bản, diễn đạt chưa lưu loát
- + Điểm 2: Chưa đủ ý cơ bản, còn sai chính tả, diễn đạt
- + Điểm 1: Sơ sài, thiếu ý nhiều. Hành văn kém

*GV thu bài

- GV nhận xét giờ kiểm tra và rút kinh nghiệm

*Hướng dẫn HS học ở nhà

- Yêu cầu HS xem kĩ lại đề bài

=====

Ngày soạn:

Tuần

Ngày dạy:

Tiết 162 : LUYỆN TẬP VIẾT HỢP ĐỒNG

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Học sinh được ôn lại lý thuyết về đặc điểm , chức năng, bố cục của hợp đồng.
- 2. Kỹ năng:** HS viết được một bản hợp đồng thông dụng, đơn giản và đúng qui cách.
- 3. Thái độ:** HC có thái độ cẩn trọng khi soạn thảo hợp đồng và ý thức tuân thủ hợp đồng.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, sống có trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ:

- 1. Thầy:** - Soạn giáo án, chuẩn bị một bản hợp đồng được viết đúng quy định với nội dung đơn giản, quen thuộc.
- 2. Trò:** Học bài lý thuyết về viết hợp đồng.

III. Phương pháp và kỹ thuật dạy học

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện tập thực hành.
2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não

VI . Tổ chức các hoạt động dạy học

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định lớp:**

***Kiểm tra bài cũ : (không)**

***Tổ chức khởi động :** Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai nhanh hơn..

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện tập thực hành. * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. ? Thế nào là hợp đồng? ? Mục đích và tác dụng của hợp đồng là gì? ? Trong các loại văn bản sau đây văn bản nào có tính pháp lí? ? Một bản hợp đồng gồm những mục nào? ? Phần nội dung chính của hợp đồng được trình bày dưới hình thức nào? ? Những yêu cầu về lời văn và số liệu hợp đồng? - GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn - Em chọn cách diễn đạt nào? Tại sao? Yêu cầu HS đọc thông tin SGK, thảo luận theo cặp đôi -> trả lời câu hỏi (1) Những thông tin đó đã đủ chưa? (2) Cần phải bổ sung thông tin gì?	I. Ôn tập lý thuyết 1. Mục đích và tác dụng của hợp đồng 2. Văn bản hợp đồng -> có tính pháp lí 3. Những mục chính 4. - Lời văn ngắn gọn, chặt chẽ - Số liệu chính xác II. Luyện tập Bài tập 1 (SGK/157+158) a. Chọn cách 1 -> Vì diễn đạt chặt chẽ, chính xác, cụ thể hơn. b. Cách 2: Cụ thể, chính xác hơn c. Cách 2: Ngắn gọn, dễ hiểu d. Cách 2: Vì nó ràng buộc trách nhiệm bên B Bài tập 2 (SGK/158) * Chưa đầy đủ * Thêm: + Thời gian, địa điểm và các chủ thể kí kết hợp đồng, số CMND + Các quy định hiệu lực của hợp đồng: hợp đồng viết làm mấy phần + Thời gian hợp đồng: Họ tên, chữ kí của các chủ thể kí kết hợp đồng Gợi ý:

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
- Khởi ngữ			- Chuyển thành những câu cú chứa khởi ngữ		
Số câu Số điểm Tỉ lệ			Số câu : 1 Số điểm : 2 Tỉ lệ: 20%		Số câu: 1 Số điểm: 2 Tỉ lệ: 20%
- Phép liờn kết - Cốc biện phỏp tu từ		- Xỏc định được phỏp liờn kết		Viết đoạn văn xác định biện pháp tu từ và nêu tác dụng	
Số câu Số điểm Tỉ lệ %		Số câu : 0,25 Số điểm:0,5 Tỉ lệ 5%		Số câu : 1 Số điểm:5 Tỉ lệ 50%	Số câu:1,25 Số điểm: 5,5 Tỉ lệ 55%
- Cựm từ - Cỗu		- Tìm cựm DT trong đoạn văn - Tìm câu đặcbiệt. - Xác định được kiểu câu theo câu tạo Ngữ pháp.			
Số câu Số điểm Tỉ lệ %		Số câu:0,75 Số điểm :1,5 Tỉ lệ : 15 %			Số câu:0,75 Sốđiểm:1,5 Tỉ lệ 15%
Các thành phần biệt lập	Định nghĩa và kể tên được các thành phần				
Số câu Số điểm Tỉ lệ %	Số câu : 1 Số điểm:1 Tỉ lệ : 10%				Số câu : 1 Số điểm:1 Tỉ lệ : 10%
Cộng	Số câu:1 Sốđiểm: 1 Tỉ lệ 10%	Số câu:1 Sốđiểm:2 Tỉ lệ 20%	Số câu:1 Số điểm: 2 Tỉ lệ 20%	Số câu:1 Số điểm: 5 Tỉ lệ 50%	Số câu:4 Sốđiểm:10 Tỉ lệ100%

IV, THIẾT LẬP ĐỀ KIỂM TRA

Câu 1: Thế nào là thành phần biệt lập, kể tên các thành phần biệt lập ?

Câu 2: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi :

" Chúng tôi có ba người. Ba cô gái. Chúng tôi ở dưới chân một cao điểm trong một cái hang. Con đường trước hang chạy lên đồi đi đâu không rõ. "

- Tìm từ liên kết và cho biết đó là phép liên kết nào.
- Tìm các cụm DT trong đoạn trên.
- Tìm câu đặc biệt trong đoạn văn trên.
- Xác định cấu trúc ngữ pháp của câu 3 và cho biết đó là kiểu câu gì?

Câu 3: Chuyển đổi các câu sau đây thành câu có khởi ngữ

- Tôi có ý thức rất cao trong khi làm bài.
- Bạn ấy làm việc này một mình

Câu 4 : Viết đoạn văn xác định biện pháp tu từ và nêu tác dụng:

“ Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước”
(Mùa xuân nho nhỏ – Thanh Hải)

V. YÊU CẦU VÀ BIỂU ĐIỂM

Câu 1(1) : HS nêu được khái niệm về thành phần biệt lập, kể tên các thành phần biệt lập.

Câu 2:(2đ)

- Từ liên kết (chúng tôi -> lập) (Chúng tôi, ba người, ba cô gái -> thế)
- Ba cụm DT (Câu 2, Câu 3 – một cái hang)
- Câu 2 -> Câu đặc biệt.
- Câu 3 là câu đơn.

Câu 3(2đ)

- Về làm bài thì tôi có ý thức rất cao.
- Đối với việc này, bạn ấy làm một mình

Câu 4: (5đ) –HS viết dưới hình thức đoạn văn

- Nội dung : + Biện pháp tu từ so sánh và nhân hóa
+ Hai câu thơ ngợi ca vẻ đẹp, sức sống, sự trường tồn và phát triển vững bền của đất nước.

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 35

Tiết 164 : VB - CON CHÓ BẮC

(Trích " Tiếng gọi nơi hoang dã ")

Giắc Lân - Đơn

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Qua bài học này, HS cần :

1. Kiến thức: Hiểu được Lân - đơn đã có những nhận xét tinh tế kết hợp với trí tưởng tượng tuyệt vời khi viết về con chó trong đoạn trích.

- Hiểu được tình yêu thương, sự gần gũi của nhà văn khi viết về con chó Bắc.

2. Kỹ năng: HS có năng lực đọc – hiểu một văn bản dịch thuộc thể loại tự sự.

3. Thái độ: HS có lòng thương yêu loài vật.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự lập, nhân ái.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy: - Soạn giáo án, đọc tiểu thuyết " Tiếng gọi nơi hoang dã"

- Dự kiến tích hợp với những văn bản viết về con vật

2. Trò: Học bài cũ, Soạn bài theo yêu cầu

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP phân tích, pp giải quyết vấn đề, dùng lời có nghệ thuật.

2. Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động

*** Ổn định tổ chức**

*** Kiểm tra bài cũ :** (không)

*** Tổ chức khởi động :** GV cung cấp video về loài vật -> yêu cầu HS cảm nhận và GV giới thiệu vào bài.

2. Hoạt động hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
Hoạt động 1 : Đọc, tìm hiểu chung * Phương pháp : Gọi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP phân tích, dùng lời có nghệ thuật. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy. ? Nêu những nét chính về tác giả ? ? Văn bản được trích trong tác phẩm nào? -GV hướng dẫn đọc -> Gọi HS đọc GV nhận xét ? Tóm tắt nội dung đoạn trích? - GV yêu cầu HS chú ý chú thích	I. Đọc, tìm hiểu chung 1. Tác giả (SGK) 2. Tác phẩm * Hoàn cảnh ra đời và xuất xứ * Đọc, tóm tắt, tìm hiểu chú thích -Đọc - Tóm tắt - Chú thích (SGK)

SGK ? Phương thức biểu đạt? ? Đoạn trích gồm mấy nhân vật? Nhân vật nào là nhân vật trung tâm? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Xác định bố cục của văn bản? giới hạn và nội dung từng phần? ? Căn cứ vào bố cục 3 phần (độ dài) em thấy tác giả chủ yếu muốn nói về vấn đề gì? Nói đến ai? - HS thảo luận và trình bày, NX Hoạt động 2 : Phân tích *Phương pháp : Gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, PP phân tích, pp giải quyết vấn đề, dùng lời có nghệ thuật. * Kỹ thuật : Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực trình bày, năng lực tư duy, năng lực cảm thụ. * GV: Bắc trải qua nhiều ông chủ nhưng bị họ mua đi, bán lại rồi lợi dụng Bắc đi tìm vàng và Thooc Tôn đã cứu nó. ? Thooc Tôn đối xử với những con chó của mình như thế nào? ? Nhận xét về cách đối xử đó? - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? Đặc biệt đối với Bắc, Thooc Tôn đối xử ra sao? Tìm những chi tiết cụ thể? ? Cách biểu hiện tình cảm của Thooc Tôn với Bắc có gì đặc biệt?	- PTBD: Tự sự kết hợp miêu tả - Nhân vật: + Thooc Tôn + Con chó Bắc (Nhân vật trung tâm) - Bố cục: 3 phần + P1 (Đoạn 1): Giới thiệu tình cảm mới của Bắc + P2 (Đoạn 2): Tình cảm của Thooc Tôn với Bắc + P3 (Đoạn 3, 4, 5): Tình cảm của Bắc với chủ => Lân- Đơn chủ yếu muốn nói đến con chó Bắc và mọi biểu hiện tình cảm của nó đối với chủ II. Phân tích 1. Tình cảm của Thooc Tôn với con chó Bắc - anh chăm sóc ... con cái ... - không quên chào hỏi thân mật ... nói lời vui vẻ ... trò chuyện -> Anh quý trọng, thương yêu những con vật của mình, coi chúng là những người bạn - dùng 2 bàn tay túm lấy đầu Bắc ... dựa đầu anh vào đầu nó - khe khẽ thốt lên những tiếng rủa ... nói nựng âu yếm -> Cách biểu hiện tình cảm giản dị, chân thật, hồn nhiên, coi nó như một con người

? Em thấy cách miêu tả của tác giả như thế nào? ? So với những ông chủ khác Thooc Ton là người như thế nào? - HS thảo luận, trình bày, NX ? Tại sao tác giả muốn nói đến những biểu hiện tình cảm của con chó Bắc mà lại xen vào đoạn nói về tình cảm của Thooc Ton với Bắc? - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân để trả lời các câu hỏi: ? Đối với Thooc Ton, tình cảm của Bắc như thế nào? ? Nhận xét cách miêu tả con chó Bắc với những con chó khác? ? Từ cách biểu hiện đó em thấy tình cảm của Bắc như thế nào? -GV yêu cầu HS thảo luận nhóm ? Tìm ra chi tiết miêu tả tâm hồn của Bắc ? ? Ngoài việc biết suy nghĩ Bắc còn được miêu tả ở khía cạnh nào ? ? Nhận xét cách xây dựng nhân vật con chó Bắc ? Tác dụng ? - HS thảo luận, trình bày, NX	- Anh muốn kêu lên trân trọng " Trời đất!... nói đây " -> Yêu quý nhau, hiểu nhau như người với người. Với Thooc Ton, Bắc không phải là con chó mà là con anh, bạn anh. +Quan sát tỉ mỉ, miêu tả rất tinh tế => Là người biết yêu quý loài vật, là người có lòng nhân từ, là một ông chủ lí tưởng. Vì tình cảm Thooc Ton với Bắc chính là mục đích, cái nền để làm sáng tỏ những tình cảm của Bắc đối với anh ... 2. Những biểu hiện tình cảm của con chó Bắc đối với Thooc Ton * Biểu hiện bên ngoài: - há miệng ... cắn lấy bàn tay ... ép răng xuống mạnh ... hằn vào da thịt + Bắc chỉ tôn thờ ở xa xa một quãng ... nằm phục ở chân Thooc Ton ... ngược nhìn + nằm xa xa ... quan sát hình dáng anh + Ních chồm lên ... tì cái đầu to tướng lên đầu gối Thooc Ton + Xơ-kít ... thọc mũi ... bàn tay Thooc Ton -> Cách biểu hiện của Bắc khác hẳn mang nét riêng với những con chó khác. => Bắc trung thành, tôn thờ với chủ bằng cách biểu lộ hết sức đặc biệt. * Tâm hồn của Bắc: + Không có gì vui sướng ... cái ôm ghì + nó tưởng quả tim mình nhảy tung -> Biết suy nghĩ + Việc thay thầy đổi chủ ... lo sợ + Sợ Thooc Ton biến khỏi cuộc đời nó + ám ảnh ... trong cả giấc mơ + vùng dậy ... trườn qua gió lạnh ...

? Qua đó em thấy tác giả là người như thế nào ? Hoạt động 3 : Tổng kết *PP : gọi mở- vấn đáp *KT : Hỏi và trả lời ? Nhắc lại đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích? ? Nội dung chính của đoạn trích?	-> Bắc được nhân cách hoá như một con người có tâm hồn phong phú, có tình cảm sâu nặng, biết ơn, trung thành với chủ, sẵn sàng hi sinh vì chủ => Trí tưởng tượng phong phú và lòng yêu thương loài vật của Giác Lâm-Đôn III. Tổng kết 1. Nghệ thuật 2. Nội dung * Ghi nhớ (SGK/154)

3. Hoạt động luyện tập

- ? Tình cảm của Thooc Tôn với Bắc được thể hiện như thế nào?
- ? Biểu hiện tình cảm của Bắc với Thooc Tôn có gì đặc biệt?
- ? Chứng minh sự tưởng tượng và lòng yêu loài vật của tác giả?

4. Hoạt động vận dụng

- Viết đoạn văn nêu suy nghĩ của em về tình yêu thương loài vật

5. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về tác phẩm.
- Học bài, tóm tắt văn bản
- Nắm chắc nội dung đoạn trích
- Chuẩn bị phần tổng kết văn học nước ngoài. (GV kí kết hợp đồng)

=====

Ngày soạn:
Tuần 35

Ngày dạy:

Tiết 165 : TỔNG KẾT VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI (Tiết 1)

I. MỤC TIÊU :

- 1. Kiến thức:** Học sinh hệ thống kiến thức về những văn bản văn học nước ngoài đã học trong bốn năm ở cấp THCS.
- 2. Kỹ năng:** Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức của tác phẩm văn học nước ngoài. Liên hệ với những tác phẩm văn học VN cùng đề tài.
- 3. Thái độ:** Bồi dưỡng lòng yêu quý văn học.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, sống có trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ

1. **Thầy:** Soạn giáo án, hệ thống hoá kiến thức của tất cả văn bản đã học.

2. **Trò:** Đọc lại các văn bản văn học nước ngoài đã học ở lớp 6,7,8,9.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện tập thực hành.

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm.

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ổn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ :** (Trong giờ học)

* **Tổ chức khởi động :** Gv cho HS chơi trò chơi hoa điểm mười.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò			Nội dung cần đạt			
*Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện tập thực hành. * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm *HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. GV yêu cầu HS thảo luận và thành lí hợp đồng HS trình bày -> NX, bổ sung			I. Học sinh hệ thống			
STT	Tên tác phẩm	Tác giả	Nước	T.kỉ	Thể loại	Lớp
1.	Cây bút thần		á, T.Q		Truyện dân gian (Cổ tích thần kì	6
2.	Ông lão đánh cá và con cá vàng	Puskin	Âu, Nga	XIX	Truyện dân gian (Cổ tích truyện thơ)	6
3.	Buổi học cuối cùng	Anphôngxơ Đô-đê	Pháp	XIX	Truyện	6
4.	Lòng yêu nước	Ê-ren-bua	Nga	XX	Chính luận	6

1.	Xa ngắm thác núi Lư	Lí Bạch	T.Q	VIII	Thơ	7
2.	Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh	Lí Bạch	T.Q	VIII	Thơ	7
3.	Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê	Hạ Tri Chương	T.Q	VIII	Thơ	7
4.	Bài ca nhà tranh bị gió thu phá	Đỗ Phủ		VIII	Thơ	7
1.	Cô bé bán diêm	Anđecxen	Đan mạch	XIX	Truyện ngắn	8
2.	Đánh nhau với cối xay gió	Xecvantet	T.B. N	XVI-XVII	Truyện ngắn	8
3.	Chiếc lá cuối cùng	ÔHenri	Mĩ	XIX	Truyện ngắn	8
4.	Hai cây phong	Aimatốp	Âu,	XX	Truyện ngắn	8
5.	Đi bộ ngao du	G.Ru-xô	Pháp	XVIII	Nghị luận	8
6.	Ông Giuốc Đanh mặc lễ phục	Môlie	Âu, Pháp	XVIII	Hài kịch, kịch	8
1.	Chó Sói và Cừu trong thơ ngụ ngôn của La-Phông-Ten	H. Ten	Pháp	XIX	Nghị luận	9
2.	Cổ hương	Lỗ Tấn	T.Q	XX	Truyện ngắn	9
3.	Những đứa trẻ	M.Gorki	Nga	XX	Tuyển thuyết tự luận	9
4.	Bàn về đọc sách	Chu Quang Tiềm	T.Q	XX	Nghị luận	9
5.	Mây và Sóng	Tago	ấn độ	XX	Thơ chữ tình	9
6.	Rôbinxơn ngoài đảo hoang	Đ.Điphô	Anh	XVII-XVIII	Tiểu thuyết phưu lưu	9
7.	Bố của Ximông	Môpacxăng	Pháp	XIX	Truyện ngắn	9
8.	Con chó Béc	LânĐon	Mĩ	XX	Truyện ngắn	9

					ngắn	

3. Hoạt động vận dụng

- Trong các tác phẩm đó em thích nhất tác phẩm nào? Tại sao ?

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc về một số tác phẩm văn học nước ngoài.
- Học bài
- Hệ thống tên tác giả, tác phẩm, thời gian, thể loại ... của các văn bản
- Chuẩn bị phần nội dung, nghệ thuật của các tác phẩm theo nội dung hợp đồng.

Ngày soạn:
Tuần 35

Ngày dạy:

Tiết 166: TỔNG KẾT VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

- Kiến thức:** Học sinh hệ thống kiến thức về những văn bản văn học nước ngoài đã học trong bốn năm ở cấp THCS.
- Kĩ năng:** Tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức của tác phẩm văn học nước ngoài. Liên hệ với những tác phẩm văn học VN cùng đề tài.
- Thái độ:** Bồi dưỡng lòng yêu quý văn học.
- Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, sống có trách nhiệm

II. CHUẨN BỊ

- Thầy:** Soạn giáo án, hệ thống hoá kiến thức của tất cả văn bản đã học.
- Trò:** Đọc lại các văn bản văn học nước ngoài đã học ở lớp 6,7,8,9.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

- Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện tập thực hành.
- Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm.

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* **Ôn định lớp:**

* **Kiểm tra bài cũ : (Trong giờ học)**

* **Tổ chức khởi động :** Gv tổ chức cho HS thi giữa hai đội về những kiến thức phần văn học nước ngoài đã học tiết trước.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt

*Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện tập thực hành. * Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm. * HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. GV yêu cầu HS thảo luận và thanh lí hợp đồng Nhắc lại nội dung, nghệ thuật (dựa vào ghi nhớ) GV gợi ý bằng mẫu sau.		II. Hệ thống giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của những tác phẩm văn học nước ngoài 1. Lập bảng hệ thống nội dung, nghệ thuật	
STT	Tên tác phẩm -Tác giả	Nội dung chính	Nghệ thuật chính
1.	Cây bút thần	- Tài năng, thông minh của Mã Lương dùng cây bút vẽ cho người nghèo, trừng trị kẻ giàu, ác.	- Yếu tố kì ảo thần kì - Tình tiết mở nút, cao trào và kết thúc.
...			
8.	Con chó Bắc	- Ca ngợi lòng yêu thương loài vật Thooc Tơn và sự trung thành với chủ của Bắc	- Nhân hoá - Tưởng tượng phong phú
- HS thảo luận theo cặp đôi ? Những nội dung mà các tác phẩm đó đề cập đến ? - HS thảo luận theo 4 nhóm ? Nhận xét gì về thể loại trong các tác phẩm ?		2. Nhận xét giá trị nội dung và nghệ thuật của những tác phẩm đó. a. Giá trị nội dung - Đề cập đến nhiều vấn đề xã hội nhân sinh ở các nước thuộc các thời đại khác nhau., giúp ta bồi dưỡng tình cảm đẹp, yêu cái thiện, ghét cái ác. b. Giá trị nghệ thuật - Thể loại: phong phú * Thơ đường: Với các tác giả: Hạ Chi Trương, Lí Bạch, Đỗ Phủ. * Thơ văn xuôi: Ta- Go. * Bút kí Chính luận: Ê - Ren -Bua * Hài Kịch: Mô - Li – E. * Truyện ngắn: Ai -Ma - Tốp; Đô - Đê,	

	Go - Rơ - Ki, Lỗ Tấn.... * Các kiểu văn nghị luận: Ru - Xô ;HTen; Ê - Ren - Bua.

3. Hoạt động vận dụng

- Đọc thuộc lòng một bài thơ (đoạn văn) mà em yêu thích?
- Kể tóm tắt một truyện đã học?

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài phân tích về tác phẩm.
- Ôn lại kiến thức đã học từ lớp 6-9 văn học nước ngoài.
- Soạn văn bản kịch " Bắc Sơn "

=====

Ngày soạn:
Tuần 35

Ngày dạy:

Tiết 167 : TỔNG KẾT PHẦN TẬP LÀM VĂN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức: Học sinh nắm được đặc trưng của từng kiểu văn bản và phương thức biểu đạt đã học.

- Hiểu được sự khác nhau giữa kiểu văn bản và thể loại văn học.

2. Kỹ năng: -HS biết tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức.

- HS biết đọc - hiểu các kiểu văn bản theo đặc trưng của kiểu văn bản ấy.

- HS nâng cao năng lực đọc và viết các kiểu văn bản thông dụng.

- HS kết hợp hài hòa, hợp lí các kiểu văn bản trong thực tế bài làm.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh ý thức tự giác ôn tập.

4. Định hướng năng lực - phẩm chất :

- HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.

- HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1. Thầy: - Soạn giáo án, tổng hợp kiến thức Tập làm văn

2. Trò: - Các yêu cầu chuẩn bị cho tiết tổng kết TLV đã nêu

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện tập thực hành.

2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não.

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

* Ổn định lớp:

* Kiểm tra bài cũ : (Trong giờ học)

* Tổ chức khởi động : GV tổ chức trò chơi ai nhanh hơn.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt

*Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp,
Hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện
tập thực hành.

*Kĩ thuật : Đặt câu hỏi, thảo luận
nhóm, động não.

*HS có năng lực giải quyết vấn đề,
năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao
tiếp.

GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi
? Sự khác nhau của các kiểu VB trên?
Hãy nêu rõ phương thức biểu đạt của
mỗi kiểu văn bản? Cho ví dụ?

? Tự sự khác miêu tả ở chỗ nào?

? Thuyết minh khác tự sự và miêu tả
ntn?

? Nghị luận và văn bản điều hành khác
nhau ở những điểm nào?

GV: Nhấn mạnh...

? Các kiểu văn bản trên có thể thay thế
cho nhau được không? Vì sao?

? Mục đích của văn bản tự sự là gì?

? Mục đích của VB nghị luận là gì?

? Mục đích của văn bản miêu tả là gì?

- Gv yêu cầu HS thảo luận theo
bàn.

? Các phương thức biểu đạt trên có thể
phối hợp với nhau trong một văn bản
cụ thể hay không?

- Hãy lấy ví dụ minh họa?

GV lấy ví dụ về "Bến quê"

I. Các kiểu văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn THCS:

Câu 1:

- Khác nhau về phương thức biểu đạt:
Gồm mục đích, các yếu tố, các phương
pháp, cách thức, ngôn từ

- Khác nhau về hình thức thể hiện

+ Tự sự: Trình bày các sự việc

+ Miêu tả: Tái hiện các tính chất thuộc
tính sự vật, hiện tượng.

+ Thuyết minh: Trình bày thuộc tính,
cấu tạo, nguyên nhân, kết quả có ích
hay có hại.

+ Nghị luận: Trình bày tư tưởng, quan
điểm bằng các luận điểm, luận cứ.

+ VB điều hành trình bày theo mẫu
chung và có tính chất pháp lí.

Câu 2:

- Không thể thay thế cho nhau được vì:

+ Phương thức biểu đạt khác nhau.

+ Hình thức thể hiện khác nhau.

+ Mục đích khác nhau.

Câu 3:

- Có thể phối hợp với nhau trong 1 văn
bản cụ thể, vì:

+ Trong văn bản tự sự có thể sử dụng
phương thức miêu tả, thuyết minh,
nghị luận và ngược lại.

+ Ngoài chức năng thông tin, các văn
bản còn có chức năng tạo lập, duy trì
quan hệ xã hội.

- Do đó, không thể có một văn bản nào
lại “thuần chủng” một cách cực đoan.

Câu 4:

- Kiểu văn bản : Có 6 kiểu văn bản

? Chúng ta đã học mấy kiểu văn bản? ? Kể tên các thể loại văn học đã học? -GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi ? So sánh kiểu văn bản và hình thức thể hiện, thể loại tác phẩm văn học có gì giống và khác nhau? ? Các tác phẩm văn học như thơ, truyện kịch có khi nào sử dụng yếu tố nghị luận không? ? Kiểu văn bản tự sự và thể loại văn học tự sự khác nhau như thế nào? ? Tính nghệ thuật trong tác phẩm văn học tự sự được thể hiện ở những điểm nào? ? Kiểu văn bản biểu cảm và thể loại văn học biểu cảm khác nhau như thế nào?	ứng với 6 phương thức biểu đạt khác nhau. - Thể loại VH: Truyện (tự sự), Thơ (trữ tình) - Giống nhau: + Có thể dùng chung một phương thức biểu đạt nào đó. Ví dụ: Kiểu tự sự có mặt trong thể loại tự sự. Biểu cảm có mặt trong thể loại trữ tình. - Khác nhau: + Kiểu văn bản là cơ sở của các thể loại văn học. + Thể loại văn học là “môi trường” xuất hiện các kiểu văn bản. - Có sử dụng yếu tố nghị luận. Câu 5: - Thể loại văn học tự sự (truyện, tiểu thuyết) là một dạng của văn bản tự sự trình bày các sự kiện chủ yếu dùng phương thức tự sự (bản tin, báo chí...) - Tác phẩm văn học tự sự kết hợp với phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm - Tính nghệ thuật cao. - Sử dụng ngôn từ, tạo tình huống, xây dựng đối thoại, miêu tả tính cách nhân vật. Câu 6: - Thể loại văn học trữ tình dùng phương thức biểu cảm là chủ yếu. + Giống nhau: Bày tỏ tình cảm, cảm xúc. + Khác nhau: Ngoài việc sử dụng phương thức biểu cảm còn dùng yếu tố miêu tả, nghị luận.

3. Hoạt động vận dụng

- Tại sao phải có sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong một văn bản? chỉ ra các PTBD trong truyện “Chiếc lược ngà”?

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc một số tác phẩm truyện và xác định PTBD.
- Ôn lại kiến thức đã học.
- Hoàn chỉnh các câu hỏi.
- Chuẩn bị phần còn lại.

=====

Ngày soạn:
Tuần 37

Ngày dạy:

Tiết 168 : TỔNG KẾT PHÂN TẬP LÀM VĂN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

- 1. Kiến thức:** Học sinh nắm được đặc trưng của từng kiểu văn bản và phương thức biểu đạt đã học.
 - Hiểu được sự khác nhau giữa kiểu văn bản và thể loại văn học.
- 2. Kỹ năng:** -HS biết tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức.
 - HS biết đọc - hiểu các kiểu văn bản theo đặc trưng của kiểu văn bản ấy.
 - HS nâng cao năng lực đọc và viết các kiểu văn bản thông dụng.
 - HS kết hợp hài hòa, hợp lý các kiểu văn bản trong thực tế bài làm.
- 3. Thái độ:** Giáo dục học sinh ý thức tự giác ôn tập.
- 4. Định hướng năng lực - phẩm chất :**
 - HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp.
 - HS có phẩm chất : Tự tin, tự chủ, sống có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

- 1. Thầy:** - Soạn giáo án, tổng hợp kiến thức Tập làm văn
- 2. Trò:** - Các yêu cầu chuẩn bị cho tiết tổng kết TLV đã nêu

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp : Gợi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện tập thực hành.
2. Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não.

VI. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Hoạt động khởi động

*** ổn định lớp:**

***Kiểm tra bài cũ :** (Trong giờ học)

***Tổ chức khởi động :** GV tổ chức trò chơi ai nhanh hơn.

2. Hoạt động luyện tập

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung cần đạt
*Phương pháp : Gọi mở – vấn đáp, Hoạt động nhóm, phân tích, pp luyện tập thực hành. *Kỹ thuật : Đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não. *HS có năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học, năng lực hợp tác, giao tiếp. - GV sử dụng kỹ thuật động não ? Phần văn và Tập làm văn có mối quan hệ với nhau như thế nào? ? Cho ví dụ cụ thể? GV sử dụng kỹ thuật động não ? Phần Tiếng Việt có mối quan hệ như thế nào với phần Văn và Tập làm văn? ? Các phương thức biểu đạt: Miêu tả, nghị luận, biểu cảm, thuyết minh có ý nghĩa như thế nào với việc rèn kỹ năng làm văn? GV chia lớp thành 3 nhóm thảo luận, trình bày, nhận xét Nhóm 1: Văn bản thuyết minh: Nhóm 2: Văn bản tự sự. Nhóm 3: Văn bản nghị luận. GV nhận xét, chuẩn kiến thức GV yêu cầu <u>nhóm 1</u> thực hiện - Văn bản thuyết minh có biểu đạt là gì? - Muốn làm được văn bản thuyết minh trước hết phải chuẩn bị những gì?	II. Phần TLV trong chương trình Ngữ văn THCS: Câu 1: Phần văn có mối quan hệ chặt chẽ với TLV: + Mô phỏng. + Học phương pháp kết cấu. + Học diễn đạt. + Gợi ý sáng tạo. -> Đọc nhiều để học cách viết tốt; không đọc, ít đọc thì viết không tốt, không hay. Câu 2: Phần TV có mối quan hệ với phần Văn và TLV - Dùng từ, đặt câu, sử dụng dấu câu, nghệ thuật trong TLV. Câu 3: Các phương thức đó có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp ta tạo lập văn bản theo đúng kiểu văn bản. III. Các kiểu văn bản trọng tâm: 1. Văn bản thuyết minh : - Mục đích : Cung cấp tri thức khách quan. - Chuẩn bị kiến thức khách quan chính xác về sự vật, hiện tượng. - Các phương pháp thuyết minh: 6 phương pháp: + Trình bày khái niệm + Giới thiệu + Giải thích, liên hệ, nêu ví dụ... - Ngôn ngữ trong văn bản thuyết minh: Chính xác, khách quan

- Có những phương pháp thuyết minh nào? - Ngôn ngữ của văn bản thuyết minh có đặc điểm gì? GV yêu cầu <u>nhóm 2</u> thực hiện - Mục đích biểu đạt của văn bản tự sự? - Nêu các yếu tố tạo thành văn bản tự sự? - Tại sao văn bản tự sự thường kết hợp với các yếu tố miêu tả, nghị luận, biểu cảm? - Cho biết tác dụng của các yếu tố khác? - Ngôn ngữ trong văn bản tự sự có đặc điểm gì? GV yêu cầu <u>nhóm 3</u> thực hiện - Mục đích của văn bản nghị luận? - Văn bản nghị luận có yếu tố nào cấu thành? - Nêu yêu cầu của yếu tố luận điểm, luận cứ, lập luận?	2. Văn bản tự sự: - Mục đích biểu đạt: + Phản ánh, tái hiện hiện thực + Biểu hiện con người, quy luật cuộc sống + Bày tỏ thái độ tình cảm. - Các yếu tố tạo thành văn bản tự sự : Nguyên nhân, diễn biến, kết quả, cốt truyện, nhân vật, sự việc. + Yếu tố miêu tả : Làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, gợi cảm, sinh động. + Yếu tố biểu cảm : Là biện pháp quan trọng để xây dựng nhân vật làm cho nhân vật sinh động + Yếu tố nghị luận : Làm cho câu chuyện thêm phần triết lí. - Ngôn ngữ trong văn bản tự sự : Hấp dẫn, sinh động thể hiện sự sáng tạo của người kể chuyện, của nhà văn. 3. Văn bản nghị luận : - Mục đích : Thuyết phục mọi người tin theo cái đúng, cái tốt, từ bỏ cái xấu, cái sai. - Các yếu tố tạo thành văn bản nghị luận: + Luận điểm, + Luận cứ + Lập luận. - Yêu cầu: + Luận điểm phải đúng đắn, sáng tạo đáp ứng nhu cầu thực tế - mới có sức thuyết phục. + Luận cứ : Xác thực + Lập luận phải chặt chẽ, hợp lý.

- Nêu dàn bài chung của bài nghị luận về một hiện tượng trong đời sống? - Dàn bài của bài nghị luận về tác phẩm truyện? - Dàn bài của bài nghị luận về tác phẩm thơ?	- Dàn bài chung của bài NL về một sự việc, hiện tượng. + Gọi tên hiện tượng + Biểu hiện của hiện tượng + Nguyên nhân + Tác hại + Bài tỏ ý kiến (Biện pháp giải quyết)

3. Hoạt động vận dụng

- Tại sao phải có sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong một văn bản? chỉ ra các PTBD trong truyện “ Chiếc lược ngà”?

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc một số tác phẩm truyện và xác định PTBD.
- Ôn lại kiến thức đã học.
- Hoàn chỉnh các câu hỏi.
- Chuẩn bị phần tổng kết văn học.

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 37

Tiết 169:

TỔNG KẾT VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU

1. *Kiến thức*: Hệ thống hóa các văn bản tác phẩm văn học đã học và đọc thêm trong chương trình Ngữ văn THCS; hình thành những hiểu biết ban đầu về nền văn học Việt Nam: các bộ phận văn học, các thời kì lớn, đặc sắc nổi bật về tư tưởng và nghệ thuật.

2. *Kỹ năng*: Phân tích, cảm thụ văn chương.

3. *Thái độ*: Tích cực học tập, yêu thích văn chương.

4. *Năng lực - phẩm chất*:

- Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác....

- Yêu gia đình, quê hương, đất nước, có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1.GV: Soạn giáo án, SGK, SGV

2.HS: Soạn bài, vở ghi, vở BT

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp: Vấn đáp, Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, Thuyết trình tích cực.

2. Kỹ thuật: Hỏi và trả lời.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HĐ khởi động

- **Ổn định tổ chức:**

- **Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra vở bài tập.

- **Tổ chức khởi động :** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Truyền hộp quà.

2. HĐ luyện tập

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
*Phương pháp: Vấn đáp, Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, Thuyết trình tích cực. * Kỹ thuật: hỏi và trả lời. * Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác.... Yêu cầu HS đọc - Gạch dưới những câu quan trọng nhất, khái quát những nội dung những câu đó ? - Nhìn vào bảng thống kê đã chuẩn bị VHVN có mấy bộ phận hợp thành. Gọi tên các bộ phận ấy ? - Kể tên các tác phẩm dân gian (theo thể loại) mà em đã được học ? <i>HS tự thống kê</i> - GV sử dụng PP thuyết trình tích cực và yêu cầu HS giới thiệu về văn học dân gian:	A. Nhìn chung về nền văn học VN - Đoạn văn khái quát vị trí, giá trị của nền VHVN trong lịch sử VN. - Nền VHVN ra đời, tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của lịch sử DT: + Phản ánh tâm hồn tư tưởng, tình cảm, cuộc sống của DTVN. Góp phần làm nên đời sống văn hóa, tinh thần của đất nước VN. +VNVN phong phú về số lượng tác phẩm, đa dạng về thể loại. II. Các bộ phận hợp thành nền VHVN - VHVN gồm 2 bộ phận: +VH dân gian + VH viết 1. Văn học dân gian: - Được hình thành từ thời xa xưa và tiếp tục được bổ sung phát triển trong các thời kì lịch sử tiếp theo; nằm trong

- VH dân gian được hình thành và phát triển như thế nào ?

- Vì sao VH dân gian được gọi là truyền miệng ?

- Vai trò của VH dân gian?

- Thể loại của VH dân gian?

- Gv sử dụng kỹ thuật hỏi và trả lời :

- HS đặt câu hỏi và gọi bạn trả lời theo các yêu cầu :

- Văn học viết (VH trung đại) được xuất hiện từ thế kỉ nào?

- Văn học viết được viết bằng những kiểu chữ nào?

- Nêu đặc điểm cơ bản của VH chữ Hán ở Việt Nam?

- Văn học chữ quốc ngữ ra đời vào thời gian nào?

- Cho ví dụ các tác phẩm cụ thể?

Gv yêu cầu HS đọc mục II/189

- Văn học VN được chia làm mấy thời kì lớn?

tổng thể văn hóa dân gian.

- Là sản phẩm của nhân dân được lưu truyền bằng miệng, có tính hình tượng (Tính tập thể, tính dị bản)

- Có vai trò nuôi dưỡng tâm hồn trí tuệ của nhân dân, là kho tàng cho VH viết khai thác, phát triển.

- Tiếp tục phát triển trong suốt thời kì trung đại khi VH viết đã ra đời.

- Về thể loại: Phong phú

2. Văn học viết (VH trung đại)

- Xuất hiện từ thế kỉ X – hết thế kỉ XIX

- Bao gồm: VH chữ Hán, VH chữ Nôm, VH chữ quốc ngữ.

+ Ví dụ: Nam Quốc Sơn Hà (chữ Hán)

+ Ví dụ: Truyện Kiều, thơ Hồ Xuân Hương (chữ Nôm)

* Các tác phẩm chữ Hán: chứa chan tinh thần dân tộc, cốt cách của con người Việt Nam.

+ Xuất hiện thế kỉ XIII song song cùng VH chữ Hán. Đặc biệt phát triển ở thế kỉ XVIII – XIX mà đỉnh cao là “Truyện Kiều”

* Các tác phẩm chữ Nôm: Phát triển phong phú kết tinh thành tự nghệ thuật và giá trị tư tưởng.

+ Các tác phẩm chữ quốc ngữ xuất hiện từ cuối thế kỉ XVIII – cuối thế kỉ XIX

+ Từ đầu thế kỉ XX chữ quốc ngữ được sử dụng rộng rãi và trở thành văn tự gần như duy nhất dùng để sáng tác VH ở nước ta.

=> ý 1 ghi nhớ.

II. Tiến trình lịch sử VHVN

HS đọc

- VHVN phát triển trong sự gắn bó

Gv hướng dẫn + Thời kì 1: các tác phẩm trung đại + Thời kì 2: văn thơ yêu nước và CM, Vh 30 – 45 + Thời kì 3: văn học hiện đại chống Pháp, chống Mỹ, xây dựng đất nước và sau 1975. Yêu cầu HS đọc mục III/191 - Về nội dung qua các tác phẩm VHVN đã phản ánh nội dung gì? - Nêu ví dụ cụ thể qua các tác phẩm? GV hướng dẫn: Lấy ví dụ qua những thời kì, giai đoạn VH những tác phẩm tiêu biểu - Về nghệ thuật có gì đặc sắc? + Chú ý: về vẻ đẹp giản dị, tinh tế qua cách thể hiện + Tên cụ thể của các tác phẩm.	mật thiết với lịch sử Việt Nam - Văn học VN (chủ yếu nói về VH viết), trải qua 3 giai đoạn: 1. Từ đầu thế kỉ X – cuối thế kỉ XIX 2. Từ thế kỉ XX - 1945 3. Từ sau CM tháng 8/1954 – nay: + Giai đoạn 1945 – 1975 + Từ sau 1975 – nay => ý 2 ghi nhớ III. Mấy nét đặc sắc nổi bật của văn học Việt Nam HS đọc SGK 1. Về nội dung: - Tinh thần yêu nước, ý thức cộng đồng là một nội dung tư tưởng đậm nét, xuyên suốt. - Tinh thần nhân đạo - Sức sống bền bỉ và tinh thần lạc quan. 2. Về nghệ thuật - Các tác phẩm VH không phải là hướng tới sự bề thế đồ sộ phi thường mà là vẻ đẹp tinh tế, hài hòa, giản dị, vẻ đẹp ở ngôn từ trong thơ và văn xuôi. - Thơ Nôm kết tinh cao nhất là Truyện Kiều - Văn xuôi truyện ngắn phong phú và đặc sắc hơn => ý 3,4 ghi nhớ * Ghi nhớ (SGK/194)

3. HĐ vận dụng

Hệ thống kiến thức.

4. HĐ tìm tòi, mở rộng:

- Đọc lại những tác phẩm đã học.
- Học bài cũ và chuẩn bị bài mới.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tuần 37

Tiết 170: TỔNG KẾT VĂN HỌC (TIẾP)

I. MỤC TIÊU

1. *Kiến thức*: Hệ thống hóa các văn bản tác phẩm văn học đã học và đọc thêm trong chương trình Ngữ văn THCS; hình thành những hiểu biết ban đầu về nền văn học Việt Nam: các bộ phận văn học, các thời kì lớn, đặc sắc nổi bật về tư tưởng và nghệ thuật.

2. *Kỹ năng*: Phân tích, cảm thụ văn chương.

3. *Thái độ*: Tích cực học tập, yêu thích văn chương.

4. Năng lực - phẩm chất:

- Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác....

- Yêu gia đình, quê hương, đất nước, có trách nhiệm.

II. CHUẨN BỊ

1.GV: Soạn giáo án, SGK, SGV

2.HS: Soạn bài, vở ghi, vở BT

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.Phương pháp: Vấn đáp, Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, Thuyết trình tích cực.

2. Kỹ thuật: Hỏi và trả lời.

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1.HĐ khởi động

- Ổn định tổ chức:

- Kiểm tra bài cũ:

- Tổ chức khởi động : GV tổ chức cho HS chơi trò Giải ô chữ.

2. HĐ luyện tập

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
*Phương pháp: Vấn đáp, Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, Thuyết trình tích cực. *. Kỹ thuật: Hỏi và trả lời. * Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác.... ?Thế nào là thể loại văn học? ? Sáng tác văn học có những loại nào?	B. Sơ lược về một số thể loại văn học * Thể loại VH: Là khái niệm thuộc về hình thức NT của tác phẩm VH, chỉ sự thống nhất giữa 1 loại ND với 1 dạng hình thức văn bản và phương thức chiếm lĩnh đời sống. * Sáng tác VH thuộc ba loại: Tự sự, trữ tình và kịch. Ngoài ra còn có loại nghị luận, chủ yếu sử dụng phương thức lập luận.

? Ngoài ra còn có loại nào khác? - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân : ? Văn học dân gian bao gồm những thể loại nào? Nêu định nghĩa? ? Ngoài những thể loại trên, những bài đã học trong chương trình Ngữ văn THCS, em hãy đọc một truyện, một bài ca dao... - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm : ? Nêu các thể loại văn học trung đại mà em đã được học trong chương trình Ngữ văn THCS? ? Mỗi thể loại bao gồm các nội dung nào? - Nhắc lại niêm, luật, vần, nhịp trong một bài thơ Đường luật? - Yêu cầu xác định luật bằng trắc của bài "Bạn đến chơi nhà" của Nguyễn Khuyến?	* Loại rộng hơn thể loại bao gồm nhiều thể: I. Một số thể loại VH dân gian: - Tự sự dân gian: gồm các truyện thần thoại, cổ tích, sử thi, ngụ ngôn, truyện cười, truyền thuyết, về - Trữ tình dân gian: Ca dao, dân ca - Sân khấu dân gian: Chèo và tuồng - Nghị luận dân gian: Tục ngữ, câu đố II. Một số thể loại VH trung đại 1. Trữ tình trung đại - Thơ đường luật: Thất ngôn, ngũ ngôn - Tứ tuyệt, bát cú, trường thiên, cổ phương - Ngâm - Lục bát, song thất lục bát - Hát nói, ca trù 2. Tự sự trung đại - Truyện ngắn chữ Hán - Truyện truyền kì - Tiểu thuyết chương hồi chữ Hán - Truyện Thơ Nôm - Kí sự (Thượng kinh kí sự) - Tùy bút 3. Nghị luận trung đại - Chiếu (Biểu) - Hịch - Cáo - Luận (Luận về phép học) VD: Bạn đến chơi nhà – Nguyễn Khuyến Câu 1: T-B-B-B-T-T-B (v) Câu 2: T-B-B-T-T-B-B (v) Câu 3: B-B-T-T-B-B-T Câu 4: B-T-B-B-T-T-B (v) Câu 5: T-T-B-B-B-T-T Câu 6: B-B-T-T-T-B-B (v) Câu 7: B-B-T-T-B-B-T Câu 8: T-T-B-B-B-T-B (v)

? Đặc điểm chung của văn học hiện đại? ? Chỉ ra các thể loại kế thừa và biến đổi? - HS làm việc theo nhóm : - Lập bảng tổng hợp thể loại VH hiện đại? GV cho HS trình bày -> Nhận xét, bổ sung ? Chỉ ra các kiểu văn học nghị luận? - Thống kê các văn nghị luận hiện đại đã học? GV hướng dẫn học sinh làm bài tập	III. Một số thể loại văn học hiện đại - VH hiện đại hết sức đa dạng, lại biến đổi nhanh chóng vì tính chất dân chủ, không bị giàng buộc quá chặt vào các quy tắc đề cao sự tìm tòi sáng tạo của các nhà văn trong nền VH hiện đại + Kế thừa và biến đổi + Các thể loại không còn được sử dụng (chiếu, biểu..._ + Các thể loại mới được du nhập từ phương Tây. - Thơ mới, thơ 8 tiếng, thơ tự do. - Truyện ngắn, truyện cực ngắn, truyện vừa, truyện kí... <table><tr><th>T.sự</th><th>Tr. tình</th><th>Kịch</th><th>Thể loại tổng hợp</th></tr><tr><td>...</td><td>...</td><td>...</td><td>...</td></tr></table> - Nghị luận: + Nghị luận xã hội: Tư tưởng, đạo lí, đời sống – XH + Nghị luận văn học: Thơ, đoạn trích (tác phẩm) VD: (1) Tinh thần yêu nước của nhân dân ta (2) Đức tính giản dị của Bác Hồ	T.sự	Tr. tình	Kịch	Thể loại tổng hợp	...	...	...	...
T.sự	Tr. tình	Kịch	Thể loại tổng hợp						
...	...	...	...						

3. Hoạt động vận dụng

- VH trung đại có những thể loại nào. Nêu một số tác phẩm của các thể loại?
- Đọc một bài ca dao (thuộc VHDG) em đã học? Cho biết chủ đề?
- Đọc lại toàn bộ phần ghi nhớ?

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc một số tác phẩm thuộc các thể loại.
- Học, hiểu và vận dụng các yêu cầu đã tổng kết ở tiết 2
- Lấy được các ví dụ minh họa
- Học thuộc phần ghi nhớ/201
- Hoàn thành tiếp câu hỏi

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 171,172: KIỂM TRA TỔNG HỢP CUỐI NĂM

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. **Kiến thức** : Học sinh củng cố kiến thức bằng bài kiểm tra tổng hợp. Qua bài kiểm tra học sinh thấy được kết quả học tập của mình và bổ sung kiến thức.

2. **Kỹ năng**: Rèn kỹ năng tổng hợp kiến thức, làm bài kiểm tra

3 **Thái độ** : Thái độ tự giác, nghiêm túc làm bài

4. Phẩm chất, năng lực

- Nhân ái, yêu gia đình, quê hương, đất nước, có trách nhiệm...

- Năng lực tiếp nhận văn bản, tư duy, giải quyết vấn đề, ...

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

- 100% tự luận

III. MA TRẬN ĐỀ

Chủ đề	Cấp độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
				Bậc thấp	Bậc cao	
I. Phần đọc hiểu Cho một đoạn thơ hiện đại Việt Nam đã học. - Nghị luận xã hội;		Nhớ tên tác giả, tác phẩm (0,5đ) Xác định được các nhân vật trong đoạn văn và ngôi kể (0,5đ)	Hiểu nội dung ý nghĩa của đoạn văn, (1,0 điểm). Hiểu được các phép liên kết và biện pháp tu từ trong đoạn văn (1đ)	Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về một vấn đề tư tưởng, đạo lí. Trong đoạn văn có sử dụng phép liên kết câu.		
Số câu		câu (a,b)	câu (c,d,e)	câu (f)		01(a,b,c,d,e, f)
Số điểm, tỉ lệ		1,0 đ=10%	2,0 đ=20%	2,0 đ=20%		5,0 đ=50%
II. Phần làm văn - Nghị luận văn chương.					Viết bài văn nghị luận về đoạn thơ,	

				bài thơ.	
Số câu				01	01
Số điểm, tỉ lệ				5,0 đ=50%	5,0 đ= 50%
Tổng số câu	câu	câu	câu	01	02
Tổng số điểm	1,0 điểm	2,0 điểm	2,0 điểm	5,0 điểm	10 điểm
Tỉ lệ	10%	20%	20%	50%	100%

IV. ĐỀ KIỂM TRA

Câu 1: Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi :

Còn chúng tôi chạy trên cao điểm cả ban ngày (1). Mà ban ngày chạy trên cao điểm không phải chuyện chơi(2). Thần chết là một tay không thích đùa(3). Hắn ta lẩn trong ruột những quả bom (4)... Có ở đâu như thế này không: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang âm ỉ xa dần (5). Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ(6). Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa (7). Nhưng nhất định sẽ nổ (8).

- Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào, của ai ?
- “Chúng tôi” ở đây gồm những nhân vật nào? Đoạn văn trên được kể qua lời kể của nhân vật nào ?
- Xác định những phép liên kết trong đoạn văn ?
- Xác định biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong câu 6 ?
- Nêu nội dung của đoạn văn ?
- Từ hình ảnh của “ chúng tôi”, em hãy viết đoạn văn diễn dịch cho câu chủ đề sau : **Thế hệ trẻ ngày nay cần phải sống có lí tưởng.** Đoạn văn có sử dụng phép nối (làm phương tiện liên kết) với câu chủ đề . Gạch chân từ có tác dụng nối.

Câu 2: Phân tích đoạn thơ sau:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.

(Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)

V. ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

Câu 1:

a, Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm “ Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê (0,5đ)

b, “ Chúng tôi” gồm ba nhân vật là Nho, Phương Định và chị Thao. Đoạn văn trên được kể qua lời kể của nhân vật Phương Định (0,5đ)

c. Phép liên kết trong đoạn văn trên : Phép thế “ Thần chết” – “Hắn”, phép nối “ nhưng” (0,5đ)

d. Câu sử dụng biện pháp so sánh : câu 6 (0,5đ)

e, Nội dung của đoạn văn trên là (1đ)

- Công việc của ba nữ thanh niên xung phong rất nguy hiểm vì :

+ Họ phải làm việc trên cao điểm ngay giữa ban ngày khi mà máy bay địch có thểập đến bất kì lúc nào.

+ Xung quanh có rất nhiều quả bom chưa nổ mà thần chết lại không thích đùa.

- Tinh thần trách nhiệm rất cao của ba nữ thanh niên khi làm nhiệm vụ.

- Họ hiện lên với lòng dũng cảm, xứng đáng là tấm gương cho thế hệ trẻ noi theo.

f. Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau(2đ)

* Hình thức : đoạn văn diễn dịch, có sử dụng phép nối với câu chủ đề, gạch chân từ có tác dụng nối.

* Nội dung:

- Lí tưởng là mục tiêu, là cái đích tốt đẹp mà con người muốn đạt tới trong cuộc sống của mình.

- Giá trị của lí tưởng sống :

+ Định hướng cho chúng ta con đường phát triển và tiến lên hoàn thiện bản thân, góp ích cho cuộc đời.

+ Là sức mạnh thúc đẩy mỗi người vượt qua những khó khăn gian khổ, những trở ngại để đạt được mục tiêu.

+ Có lí tưởng cuộc sống của con người sẽ có ý nghĩa hơn. Chúng ta sẽ không lãng phí thời gian, trí tuệ, sức mạnh của mình.

- Làm thế nào để đạt được lí tưởng đã đề ra :

+ Có lí tưởng phù hợp với năng lực của bản thân.

+ Trên con đường tìm đến lí tưởng, khi gặp khó khăn trắc trở ta không nên nản lòng mà cần cố gắng hết sức để vượt qua khó khăn đó.

Câu 2(5đ)

* Hình thức : Bố cục đầy đủ, đúng đặc trưng của kiểu bài nghị luận về một tác phẩm thơ hoặc đoạn trích, trình bày khoa học, diễn đạt lưu loát, sử dụng ngôn từ chính xác...

* Nội dung : Bài viết cần đạt được các ý cơ bản sau :

A, Mở bài: giới thiệu về tác phẩm, nhận định ban đầu về đoạn thơ.

B, Thân bài :

* **Khát vọng sống cống hiến cho cuộc đời của tác giả:**

“ Ta làm...xao xuyến”

- NT: Điệp ngữ “ta làm” và hình ảnh liệt kê và một loạt những hình ảnh ẩn dụ thể hiện khát vọng của Tg. Đại từ “ ta”.

- Nội dung : + Khao khát sống cống hiến cho cuộc đời, sống có ích.
- + Ước nguyện giản dị, chân thành, khiêm nhường mà cao đẹp.
- + Tâm nguyện không phải của riêng tác giả mà còn là của mọi người.

*** Ước nguyện ấy không ồn ào, phô trương mà lặng lẽ dâng hiến cho đời:**

“ Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời”

- NT: ẩn dụ, từ láy, tính từ.
- Nội dung : + Nguyện sống đẹp như mùa xuân, muốn làm một mùa xuân nho nhỏ để dâng hiến cho đời góp phần làm lên mùa xuân của đất nước.
- + Hay nói cách khác lời thơ đã đề cập đến mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng : Mỗi người hãy biết cống hiến cho cuộc đời chung một nét riêng tốt đẹp dù là nhỏ bé.
- + Ước nguyện ấy không ồn ào mà lặng lẽ, âm thầm dâng hiến cho cuộc đời.

*** Nhà thơ khao khát sống cống hiến cho cuộc đời bất kể thời gian, tuổi tác :**

”Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc”

- NT: Điệp ngữ **dù là**, hoán dụ.
 - Nội dung : + Khát vọng cống hiến cho cuộc đời lúc còn trẻ cũng như lúc về già.
 - + Khao khát sống có ích cho cuộc đời.
- => Đặt bài thơ vào hoàn cảnh sáng tác, chúng ta thấy được Thanh Hải yêu cuộc sống như thế nào. Người đọc càng trân trọng ước nguyện giản dị mà cao đẹp của Thanh Hải.
- C, Kết bài : Khái quát lại vấn đề, liên hệ.

*** Biểu điểm (5 điểm) Thang điểm cụ thể như sau :**

- Điểm 5: Đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên, bài làm có sáng tạo.
- Điểm 4: Đáp ứng cơ bản yêu cầu trên, còn sai chính tả, diễn đạt.
- Điểm 3: Đáp ứng được ý cơ bản, diễn đạt chưa lưu loát.
- Điểm 2: Chưa đủ ý cơ bản, còn sai chính tả, diễn đạt nhiều.
- Điểm 1: Sơ sài, thiếu nhiều ý chính, hành văn kém.

Ngày soạn:

TUẦN 37

Tiết 178

Ngày dạy:

TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** H/S nhận được kết quả hai bài KT Văn của mình.
- 2. Kỹ năng:** Nhận ra những điểm yếu, còn hạn chế ở bài KT và sửa lỗi.
- 3. Thái độ:** Giáo dục ý thức, thái độ học tập nghiêm túc
- 4. Phẩm chất, năng lực**
 - Nhân ái, yêu gia đình, quê hương, đất nước, có trách nhiệm...
 - Năng lực tiếp nhận văn bản, tư duy, giải quyết vấn đề, ...

II. CHUẨN BỊ

1. GV: Soạn giáo án, SGK, SGV

2. HS: Soạn bài, vở ghi, vở BT

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp: Vấn đáp, Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề

2. Kỹ thuật: đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm đôi, ...

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HĐ khởi động

- Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số lớp:
- Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra vở bài tập.
- Tổ chức khởi động : GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Ai nhanh hơn.

2. HĐ luyện tập

Gv giới thiệu (...)

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
GV yêu cầu HS đọc lại đề bài kiểm tra - Xác định yêu cầu của câu 1, câu 2,3	I. Tìm hiểu đề 1. Đề bài kiểm tra truyện * Đáp án <u>Câu 1:</u> Ngôi kể thứ nhất qua lời kể của Phương Định . - Tác dụng: Miêu tả tâm lí nhân vật chân thật <u>Câu 2:</u> “ Bến quê” là những gì gần gũi và thân thương nhất. Đó là cảnh thiên nhiên và bãi bồi bên kia sông vì đó chính là quê hương xứ sở. “ Bến quê” là gia đình, là những người hàng xóm sẵn lòng giúp Nhĩ mỗi khi anh cần. “

- Bài viết phải đảm bảo những yêu cầu gỡ về kìon thức và kĩ năng? - GV yêu cầu HS nhắc lại đề kiểm tra và cõu trả lời	Bến quê” là những phát hiện ảm áp về tình đời, tình người . Những nhận thức đau đớn mà sáng ngời của Nhĩ nhắc nhở chúng ta phải biết trân trọng “ Bến quê” của mỗi người. <u>Câu 3:</u> HS nêu được các hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng : Hình ảnh thiên nhiên và bãi bồi bên kia sông,bông hoa bằng lăng tím thắm và tiếng đất lở, hình ảnh Tuấn sa vào đám người chơi phá cờ thế, hình ảnh của Nhĩ ở cuối truyện. <u>Câu 4:</u> - Kiến thức : + HS phân tích được hoàn cảnh sống và chiến đấu của ba nữ thanh niên xung phong. + HS phân tích về công việc của ba nữ thanh niên xung phong. - Kỹ năng: + Bố cục 3 phần rõ ràng + Trình bày có liên kết, tránh sai chính tả, diễn đạt + Đúng thể loại, yêu cầu 2. Bài kiểm tra thơ Câu 1: 1 điểm - Chép đúng được 3 câu thơ tiếp theo câu thơ đã cho (0,5 đ) - Nêu đúng tên bài thơ “ Nói với con” của Y Phương (0,5đ) Câu 2: 2đ - Tính từ (từ láy) nho nhỏ được đặt ngay sau một khái niệm trừu tượng mùa xuân tạo cho bài thơ có một nhan đề đặc biệt. - Nhan đề bài thơ là hình ảnh ẩn dụ sáng tạo thể hiện khát vọng cống hiến

	của Thanh Hải : Mỗi người hãy là một mùa xuân nhỏ để góp phần làm nên mùa xuân chung cho đất nước .Hay nói cách khác mỗi người hãy biết cống hiến cho cuộc đời chung một nét riêng tốt đẹp dù là nhỏ bé . Câu 3: 2đ: - Về hình thức, HS viết được đoạn văn cảm nhận. -Về nội dung : nghệ thuật nhân hóa, động từ “vắt” ->dùng hình ảnh đám mây để diễn tả khoảnh khắc giao mùa từ cuối hạ sang đầu thu.Đám mây hồn nhiên, tình nghịch. Câu 4: 5 điểm 1. Kỹ năng: - Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng - Lập luận chặt chẽ; luận điểm, luận cứ thuyết phục - Liên kết chặt chẽ về nội dung và hình - Các kỹ năng làm văn khác: Dùng từ, đặt câu, dựng đoạn.... 2. Kiến thức: -NT nói giảm nói tránh “Thăm”: ->Bác như còn sống - Xưng " con " - gọi " Bác ", giọng thơ tâm tình ,tha thiết mà thành kính -> Bác như người cha vừa gần gũi ấm áp vừa yêu thương thành kính -> Tâm trạng xúc động nghẹn ngào, lòng thành kính thiêng liêng của những người con miền Nam , của tác giả khi được ra thăm lăng Bác. - Đây là hình ảnh thực, quen thuộc khiến cho lăng Bác vốn là nơi trang nghiêm nhưng trở nên thân thuộc, gần gũi -Từ láy “ xanh xanh” , “ bát ngát” vừa gợi tả vẻ đẹp , sức sống dẻo dai của hàng tre xanh - ẩn dụ: -> Tre tượng trưng cho tâm hồn , khí phách của con người VN... - Thành ngữ “ bão táp mưa sa” , nhân hóa -> Những vất vả gian khổ mà nhân

Trang 253

Ngày soạn:

TUẦN 37

Tiết 174

Ngày dạy:

TRẢ BÀI KIỂM TRA TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức- H/S nhận được kết quả bài KT Tiếng việt của mình.
2. Kỹ năng; Nhận ra những điểm yếu, còn hạn chế ở bài KT và sửa lỗi.
3. Thái độ:- Giáo dục ý thức, thái độ học tập nghiêm túc
4. Phẩm chất, năng lực
 - Tự lập, tự tin, tự chủ
 - Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, ...

II. CHUẨN BỊ

1. GV: Soạn giáo án, SGK, SGV
2. HS: Soạn bài, vở ghi, vở BT

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp: Vấn đáp, Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề
2. Kỹ thuật: đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm đôi,...

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HĐ khởi động
 - Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số lớp:
 - Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra vở bài tập.
 - Tổ chức khởi động : Gv tổ chức cho HS chơi trò Hoa điểm mười
2. HĐ luyện tập

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
GV yêu cầu HS đọc lại đề bài kiểm tra	I. Tìm hiểu đề 1. Đề bài <u>Câu 1</u> : Thế nào là thành phần biệt lập, kể tên các thành phần biệt lập ? <u>Câu 2</u> : Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi : " Chúng tôi có ba người. Ba cô gái. Chúng tôi ở dưới chân một cao điểm trong một cái hang. Con đường trước hang chạy lên đồi đi đâu không rõ. " a. Tìm từ liên kết và cho biết đó là phép liên kết nào. b. Tìm các cụm DT trong đoạn trên. c. Tìm câu đặc biệt trong đoạn văn trên.

-Xác định yêu cầu của đề bài? GV trả bài cho HS GV yêu cầu HS tự đọc bài của mình và nhận xét * GV nhận xét ưu điểm: + Đa số hiểu đề bài. Trình bày khoa học + Làm đúng ở các câu bài tập vận	d. Xác định cấu trúc ngữ pháp của câu 3 và cho biết đó là kiểu câu gì? <u>Câu 3</u>: Chuyển đổi các câu sau đây thành câu có khởi ngữ a. Tôi có ý thức rất cao trong khi làm bài. b. Bạn ấy làm việc này một mình <u>Câu 4</u> : Viết đoạn văn xác định biện pháp tu từ và nêu tác dụng: “ Đắt nước như vì sao Cứ đi lên phía trước” (Mùa xuân nho nhỏ – Thanh Hải) 2. Đáp án Câu 1(1) : HS nêu được khái niệm về thành phần biệt lập, kể tên các thành phần biệt lập. Câu 2:(2đ) a.Từ liên kết (chúng tôi -> lập) (Chúng tôi, ba người, ba cô gái -> thế) b. Ba cụm DT (Câu 2, Câu 3 – một cái hàng) c. Câu 2 -> Câu đặc biệt. d. Câu 3 là câu đơn. Câu 3(2đ) -Về làm bài thì tôi có ý thức rất cao. -Đối với việc này, bạn ấy làm một mình Câu 4: (5đ) -HS viết dưới hình thức đoạn văn - Nội dung : + Biện pháp tu từ so sánh và nhân hóa + Hai câu thơ ngợi ca vẻ đẹp, sức sống, sự trường tồn và phát triển vững bền của đất nước. II. Trả bài III. Nhận xét 1. Học sinh đọc và tự nhận xét 2. Nhận xét chung a. Ưu điểm

dụng * GV nhận xét nhược điểm; - Một số làm bài sơ sài - Không tự giác làm bài, chép tài liệu - Sai chính tả quá nhiều GV yêu cầu HS lên bảng chữa những lỗi sai điển hình (nhiều người sai) GV đưa ra một số lỗi sai điển đạt và gọi HS lên bảng chữa GV nhận xét, chỉnh sửa GV gọi đọc bài tiêu biểu	b. Nhược điểm IV. Chữa lỗi điển hình 1. Chính tả 2. Diễn đạt - Còn về làm bài, tôi có ý thức rất cao trong khi làm bài V. Đọc một số bài đúng <i>HS đọc</i>

3. HĐ vận dụng

- Hệ thống kiến thức. KT phần chữa bài của H/S?
- Làm các bài tập trong bài ôn tập Tiếng Việt.

4. HĐ tìm tòi, mở rộng

- Tiếp tục viết các đoạn văn giới thiệu tác phẩm, tác giả, vận dụng các thành phần câu, sự liên kết câu đã học.
 - Học bài cũ.
 - Chuẩn bị bài mới “ Bắc sơn”
- + Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi

=====

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN

Tiết 173 +174

BẮC SƠN

(Trích hồi bốn) - Nguyễn Huy Tưởng -

I. MỤC TIÊU

1. **Kiến thức:** Hiểu được nội dung và ý nghĩa đoạn trích hồi bốn vở kịch “Bắc Sơn”: xung đột cơ bản của vở kịch được bộc lộ gay gắt và tác động đến tâm lí nv Thơm khiến cô đứng hẳn về phía CM, ngay trong hoàn cảnh cuộc khởi nghĩa bị kẻ thù đàn áp khốc liệt; thấy được nghệ thuật viết kịch của Nguyễn Huy Tưởng: tạo dựng tình huống, tính chất đối thoại và hành động thể hiện nội tâm và tính cách nv.

2. **Kĩ năng:** Hình thành hiểu biết sơ lược về kịch nói.

3. **Thái độ:** Tự hào về truyền thống CM của dân tộc, lên án những hành động phản động, chống phá CM.

4. **Năng lực - phẩm chất:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, sử dụng ngôn ngữ, tiếp nhận văn bản...

- Yêu gia đình, quê hương, đất nước.

II. CHUẨN BỊ

1.GV: Soạn giáo án, SGK, SGV

2.HS: Soạn bài, vở ghi, vở BT

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1.Phương pháp: Vấn đáp, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề, đọc diễn cảm, đọc phân vai

2. **Kỹ thuật:** Đọc tích cực, hợp tác, chia sẻ...

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

1.HĐ khởi động

- **Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số lớp:

- **Kiểm tra bài cũ:**

* Kiểm tra vở soạn bài:

- **Tổ chức khởi động**

? Kể tên các vở kịch mà em đã học trong chương trình THCS ?

- GV giới thiệu bài.

2. HĐ hình thành kiến thức mới:

<i>Hoạt động của gv và hs</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>

**PP đọc diễn cảm, đọc phân vai, vấn đáp.*

**KT hợp tác.*

** Năng lực: Tự nhận thức.*

? Nêu vài nét sơ lược về tác giả ?
(SGK)

- HS đọc phân vai, chú ý giọng điệu từng nv.

- HS đọc chú thích (sgk).

- HS đọc phần tóm tắt tác phẩm – sgk và đọc nội dung (**) – sgk.

? Cho biết thể loại của tác phẩm và nêu vị trí đoạn trích ?

? Xác định bố cục đoạn trích ?

** PP phân tích, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.*

** KT chia sẻ nhóm đôi.*

** Năng lực: Nhận thức, hợp tác, tư duy ngôn ngữ.*

GV: Xung đột kịch trong tác phẩm là xung đột giữa lực lượng CM và kẻ thù được thể hiện thành những xung đột giữa các nv, trong nội tâm nv Thơm và cụ Phương.

? Xung đột kịch trong hồi bốn được thể hiện qua sự đối đầu giữa các nv nào ?

? Xung đột này còn được thể hiện trong một tình huống căng thẳng. Đó là tình huống nào ?

? Tình huống ấy đã khiến Thơm có sự lựa chọn ntn ?

? Nhận xét của em về xung đột và hành động kịch trong đoạn trích?

Hết tiết 1

Tiết 2

I. Đọc và tìm hiểu chung

1, Tác giả:

- Nguyễn Huy Tưởng (1912-1960), người Hà Nội.

- Sáng tác của ông đề cao tinh thần dân tộc và tràn đầy cảm hứng lịch sử.

2, Tác phẩm:

a. Đọc – tìm hiểu chú thích:

b. Hoàn cảnh sáng tác: Sáng tác và đưa lên sân khấu năm 1946, lấy bối cảnh là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn(1940-1941).

c. Thể loại: Thể kịch, dùng ngôn ngữ trực tiếp(đối thoại và độc thoại), cử chỉ và hành động của nv thể hiện những mâu thuẫn, xung đột trong đời sống.

d. Bố cục: Theo lớp kịch.

II. Phân tích

1, Xung đột và hành động kịch trong đoạn trích:

* Hoàn cảnh: Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, kẻ thù truy lùng những chiến sĩ CM.

* Xung đột: Sự đối đầu giữa Ngọc cùng đồng bọn với lực lượng CM - Thái, Cửu.

* Tình huống căng thẳng, bất ngờ: Thái, Cửu trong lúc lẩn trốn sự truy lùng của Ngọc cùng đồng bọn, lại chực đúng vào nhà Ngọc, lúc đó chỉ có Thơm ở nhà. Thơm đã che giấu hai người vì cô đã phần nào thấy rõ bộ mặt phản động của chồng.

-> Hấp dẫn, thu hút sự chú ý.

Hoạt động của gv và hs	Yêu cầu cần đạt
* PP phân tích, nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. * KT chia sẻ nhóm đôi. * Năng lực: Nhận thức, hợp tác, tư duy ngôn ngữ. ? Theo dõi văn bản, nêu những nét chính về nv Thơm? GV: Bằng số tiền thưởng của bọn Pháp, Ngọc đã dễ dàng thỏa mãn được nhu cầu ăn diện của Thơm. ? Khi Thái và Cữu vào nhà, Thơm đã dần hiểu và có thái độ với chồng ntn? ? Hành động cứu Thái và Cữu của Thơm có ý nghĩa ntn ? ? NX của em về việc tác giả xây dựng tình huống kịch này ? ? Nhân vật Ngọc được tác giả giới thiệu là con người ntn? Hành động của y ra sao ? ? Qua việc làm và lời nói của hai chiến sĩ CM, em hiểu gì về họ ? * Phương pháp: Gợi mở - vấn đáp. * Kỹ thuật: Đặt câu hỏi, động não. * Năng lực: Khái quát, tự nhận thức. ? Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích ? ? Nội dung chính của lớp kịch ?	<u>II. Phân tích</u> 2, Tâm trạng và hành động của Thơm: - Là vợ Ngọc, một nho lại trong bộ máy thống trị. - Quen sống an nhàn, thích được chiều chuộng, thích mua sắm, ăn diện. - Khi cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, cha và em hi sinh, mẹ bỏ đi, Thơm chỉ còn Ngọc là người thân. - Băn khoăn, nghi ngờ Ngọc: tìm cách dò xét ý nghĩ và hành động của chồng để tìm hiểu sự thật. - Ko sợ nguy hiểm, che giấu Thái và Cữu ngay trong nhà mình. -> Đặt nv vào tình huống gay gắt, căng thẳng để nv bộc lộ đời sống nội tâm với nỗi day dứt, buộc nv phải có hành động dứt khoát: đứng hẳn về phía CM. 3, Các nhân vật khác: a. Ngọc: - Vốn là một nho lại, nuôi tham vọng ngoi lên để thỏa mãn ham muốn về quyền lực, địa vị và tiền bạc. - Khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ, y thù hận CM, truy lùng những chiến sĩ CM, đặc biệt là Thái và Cữu. b. Thái và Cữu: - Là nv phụ, xuất hiện trong chốc lát. - Thái: bình tĩnh, sáng suốt, củng cố được niềm tin của Thơm vào những người CM. - Cữu: hăng hái nhưng nóng nảy, thiếu sự chín chắn. Anh nghi ngờ, định bắn Thơm, nhưng sau hiểu và tin Thơm. <u>III. Tổng kết</u> 1, Nghệ thuật: - Xung đột, tình huống éo le, căng thẳng. - Ngôn ngữ đối thoại nv.

	2, <i>Nội dung:</i> Khẳng định sức thuyết phục của chính nghĩa CM.

3. HD luyện tập

- HS làm bài tập SGK
- GV hệ thống kiến thức.

4. HD vận dụng:

? Em có nhận xét gì về cách tổ chức ngôn ngữ kịch so với văn xuôi.

5. HD tìm tòi, mở rộng

- Tìm hiểu các bài viết về tác phẩm.
- Học bài cũ và chuẩn bị bài mới (Đọc và trả lời các câu hỏi trong SGK)

=====

Ngày soạn:

TUẦN

Tiết 177+178

Ngày dạy:

THƯ VÀ ĐIỆN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Học sinh trình bày được mục đích, tình huống và cách viết thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi.
2. Kỹ năng:- Nắm được cách viết 1 bức thư (điện)
- Viết được thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi.
3. Thái độ: GD học sinh ý thức học tập và cách viết thư (điện) cho phù hợp tình huống.
4. Phẩm chất, năng lực
- Nhân ái, yêu gia đình, quê hương, đất nước, có trách nhiệm...
- Năng lực tiếp nhận văn bản, tư duy, giải quyết vấn đề, ...

II. CHUẨN BỊ

1. GV: Soạn giáo án, SGK, SGV
2. HS: Soạn bài, vở ghi, vở BT

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp: Vấn đáp, Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề
2. Kỹ thuật: đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm đôi,...

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HD khởi động

- **Ôn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số lớp
- **Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra vở bài tập.
- **Tổ chức khởi động** : GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Hoa điểm mười.

2. HD hình thành kiến thức mới.

Hoạt động của GV- HS	Yêu cầu cần đạt
GV giới thiệu: Sự cần thiết dùng thư điện trong đời sống xã hội; cần hiểu phải dùng thế nào? Để đạt được yêu cầu và thực hành việc dùng thư điện đó là mục đích của tiết học này. -PP vấn đáp - KT đặt câu hỏi. - Năng lực tiếp nhận văn bản, tư duy, giải quyết vấn đề, ... +H/S đọc mục (1) trang 202 ? Những trường hợp nào cần gửi thư (điện) chúc mừng? Trường hợp nào cần gửi thăm hỏi? - HS thảo luận để trả lời ? Hãy kể thêm những trường hợp khác? - HS kể ? Có mấy loại thư điện chính? Là những loại nào? Mục đích của các loại ấy có khác nhau không? Tại sao ? ? Mục đích, tác dụng của thư điện chúc mừng và thăm hỏi khác nhau ntn? - HS thảo luận, trả lời ? Gửi thư (điện) chúc mừng, thăm hỏi trong hoàn cảnh nào? Để làm	- Là loại vb hết sức tiết kiệm lời nhưng vẫn đảm bảo truyền đạt được đầy đủ ND và bộc lộ được tình cảm với người nhận. Đọc thư, điện người nhận thường có 1 thái độ hợp tác tích cực - Thường khi không thể đến gặp trực tiếp người nhận để chúc mừng hoặc chia buồn được thì mới dùng thư, điện. - Khi gửi thư , điện cần điền cho đầy đủ thông tin chính xác (họ, tên, địa chỉ người gửi, người nhận) vào mẫu do nhân viên bưu điện phát, tránh nhầm lẫn, thất lạc <u>I/ Xác định tình huống cần gửi thư điện</u> - a,b: Chúc mừng. - c,d: Thăm hỏi. = > Khi có nhu cầu trao đổi thông tin và bày tỏ tình cảm với nhau. Hoặc khi có khó khăn, trở ngại nào đó khiến cho người viết không thể đến tận nơi để trực tiếp nói với người nhận - Có 2 loại chính: + Thăm hỏi và chia vui + Thăm hỏi và chia buồn - Các loại này có khác nhau về mục đích - Thăm hỏi chia vui: biểu dương, khích lệ những thành tích, sự thành đạt... của người nhận - Thăm hỏi chia buồn: động viên an ủi để người nhận cố gắng vượt qua những rủi ro hoặc những khó khăn trong cuộc sống <u>*Kết luận:</u> - Những trường hợp cần viết thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi

gì? ? Khi có điều kiện đến tận nơi có dùng việc gửi như vậy không? Tại sao? - GV gợi dẫn cho HS trả lời các câu hỏi trên -PP hoạt động nhóm - KT chia sẻ, trình bày - Năng lực tiếp nhận văn bản, tư duy, giải quyết vấn đề, ... +H/S đọc mục (2) trang 203 và thực hiện yêu cầu diễn đạt trong các nội dung đó? ? Nội dung chính của thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi? ? Cách thức diễn đạt ntn? (H/S thảo luận) - GV hướng dẫn HS nắm được quy trình viết thư, điện.	→Những trường hợp cần có sự chúc mừng hoặc thông cảm của người gửi đến người nhận. →Mục đích, tác dụng của gửi thư (điện) chúc mừng, thăm hỏi khác nhau. <u>II. Cách viết thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi.</u> - Nội dung thư (điện) cần nêu được lí do, lời chúc hoặc lời thăm hỏi. - Cần được viết ngắn gọn súc tích tình cảm chân thành. + Bước 1: ghi rõ họ, tên, địa chỉ người nhận vào chỗ trống trong mẫu VD: Nguyễn Bình Minh Tổ 10 - Phường Thanh Hương - Quận Long Biên – Hà Nội + Bước 2: Ghi rõ ND VD: Nhân dịp bạn được giải thi văn của thành phố. Mình xin gửi tới bạn lời chúc mừng nồng nhiệt nhất, đồng thời xin bày tỏ sự thân phục đức tính kiên trì, chăm chỉ trong học tập của bạn... Chúc bạn luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và ngày càng học tốt hơn. + Bước 3: ghi rõ họ, tên, địa chỉ người gửi VD: Trần Hoàng Sơn Số 3 - Phường Nhân Vị - Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh

- GV yêu cầu HS rút ra nội dung ghi nhớ

*Ghi nhớ (Trang 124)

Tiết 2

Hoạt động của GV- HS	Yêu cầu cần đạt
+G/V yêu cầu H/S kẻ mẫu bức điện vào vở và điền nội dung. +Chia lớp thành 3 nhóm để làm BT1. +Mỗi nhóm cử đại diện trình bày BT1. +G/V yêu cầu H/S nhắc lại các tình huống viết thư (điện) chúc mừng? Thăm hỏi? +H/s trả lời BT2 +G/V nêu y/c của BT3 + H/S tự xác định tình huống và viết theo mẫu của bưu điện . ? Y/c về nội dung, lời văn ở BT4 ntn? - HS trả lời ? Y/c về nội dung, lời văn ở BT5 ntn? - HS viết - GV gọi HS nhận xét - KT và sửa lỗi	II) <u>Luyện tập:</u> <u>Bài tập 1:</u> - H/S kẻ mẫu bức điện trang 204 vào vở và điền nội dung vào các phần của bức điện. - Chia 3 nhóm để hoàn thành BT (Với nội dung 3 bức điện ở mục II.1 trang 202) <u>Bài tập 2:</u> - a,b: (Điện chúc mừng) - d,e : (Thư, điện chúc mừng) - c : (Điện thăm hỏi) <u>Bài tập 3:</u> - Hoàn chỉnh một bức điện mừng theo mẫu của bưu điện (ở BT1); với tình huống tự đề xuất. <u>Bài tập 4:</u> - Em hãy viết một bức thư (điện) thăm hỏi khi biết tin gia đình bạn em có việc buồn. <u>Bài tập 5:</u> Em hãy viết một bức thư (điện) chúc mừng bạn em vừa đạt giải cao trong kì thi HS giỏi vòng tỉnh ở lớp 9.

3. HD luyện tập

- Cách viết một bức thư (điện) chúc mừng, thăm hỏi.
- Ý nghĩa của việc học 2 tiết học này với em ntn?
- Hệ thống kiến thức, Kiểm tra các nội dung đã luyện tập.

4. HD vận dụng

Viết một bức thư, điện cho người thân.

5. HD tìm tòi, mở rộng

Học lí thuyết, lấy ví dụ cụ thể và thực hành diễn đạt thành lời những tình huống dùng thư (điện).

-Học bài cũ và chuẩn bị bài mới.

Ngày soạn:
TUẦN Đệm
Tiết 179

Ngày dạy:

TRẢ BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: H/S nhận được kết quả bài KT của mình.
2. Kỹ năng: Nhận ra những điểm yếu, còn hạn chế ở mỗi bài KT và sửa lỗi.
3. Thái độ: Giáo dục ý thức, thái độ học tập nghiêm túc
4. Phẩm chất, năng lực
 - Tự tin, tự lập, tự chủ
 - Năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, ...

II. CHUẨN BỊ

1. GV: Soạn giáo án, SGK, SGV
2. HS: Soạn bài, vở ghi, vở BT

III. CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC

1. Phương pháp: Vấn đáp, Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề
2. Kỹ thuật: đặt câu hỏi, chia sẻ nhóm đôi, ...

IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HĐ khởi động
 - Ôn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số lớp:
 - Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra vở bài tập.
 - Tổ chức khởi động : Đặt vấn đề vào bài.
2. HĐ luyện tập

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
GV yêu cầu HS đọc lại đề bài kiểm tra - Xác định yêu cầu của đề bài? - GV trả bài cho HS GV yêu cầu HS tự đọc bài của mình và nhận xét * GV nhận xét ưu điểm: + Đa số hiểu đề bài. Trình bày khoa học + Nhiều bài viết có nội dung sâu sắc. + Câu 2 viết có bố cục rõ ràng. + Nhiều học sinh viết đoạn văn nghị luận tốt. * GV nhận xét nhược điểm: - Một số làm bài sơ sài	I. Tìm hiểu đề 1. Yêu cầu và đáp án - Theo yêu cầu của tiết 171, 172 II. Trả bài <i>HS đọc lại bài</i> III. Nhận xét 1. Học sinh đọc và tự nhận xét 2. Nhận xét chung a. Ưu điểm b. Nhược điểm

- Một số bài trình bày thiếu khoa học.
- Một số bài còn sai chính tả, viết chữ ẩu tả.

GV yêu cầu HS lên bảng chữa những lỗi sai điển hình (nhiều người sai)

- *HS chữa*

GV đưa ra một số lỗi sai điển đạt và gọi HS lên bảng chữa

GV nhận xét, chỉnh sửa

GV gọi đọc bài văn tiêu biểu

HS nghe - rút kinh nghiệm

IV. Chữa lỗi điển hình

1. Chính tả

2. Diễn đạt

V. Đọc một số bài đúng

3. Hoạt động vận dụng

- HS tự tìm lỗi sai và sửa lại.

4. Hoạt động tìm tòi và mở rộng

- Tìm đọc các bài viết về tác phẩm.
- Ôn tập tổng hợp kiến thức

.....